



板官閣內



Đại
Việt
Sử
Ký
Toàn
Thư

公萬世之鑑衡

大越史記全書

彙歷朝之事跡

Bản in Nội Các Quan Bản

Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)

Tựa sách:	Đại Việt Sử Ký Toàn Thư	Năm
Soạn giả:	Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, v.v...	1697
Dịch giả:	Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam	1985-1992
Nhà xuất bản:	Khoa Học Xã Hội - Hà Nội	1993
Chuyển sang ấn bản điện tử bởi:	Lê Bắc, Công Đệ, Ngọc Thủy, Tuyết Mai, Hồng Ty, Nguyễn Quang Trung	2001
Điều hợp:	Lê Bắc - bacle@hotmail.com	2001

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỳ Toàn Thư

Quyển I

[1a] Triều Liệt Đại Phu, Quốc Tử Giám Tư Nghiệp,
Kiếm Sử Quan Tu Soạn, Thần Ngô Sĩ Liên Biên

Xét: Thời Hoàng Đế dựng muôn nước, lấy địa giới Giao Chỉ về phía Tây Nam, xa ngoài đất Bách Việt. Vua Nghiêu sai Hy thị¹ đến ở Nam Giao² để định đất Giao Chỉ ở phương Nam. Vua Vũ chia chín châu³ thì Bách Việt⁴ thuộc phần đất châu Dương, Giao Chỉ thuộc về đây. Từ đời Thành Vương nhà Chu [1063-1026 TCN] mới gọi là Việt Thường thị⁵, tên Việt bắt đầu có từ đây.

Kỷ Hồng Bàng Thị

Kinh Dương Vương

[1b] Tên húy là Lộc Tục, con cháu họ Thần Nông⁶.

Nhâm Tuất, năm thứ 1⁷. Xưa cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sau Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh⁸ lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra vua [Kinh Dương Vương]. Vua là bậc thánh trí thông minh, Đế Minh rất yêu quý, muốn cho nối ngôi. Vua cố nhường cho anh, không dám vâng mệnh. Đế Minh mới lập Đế Nghi là con nối ngôi, cai quản phương Bắc, phong cho vua làm Kinh Dương Vương, cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ.

Vua lấy con gái Động Đình Quân tên là Thần Long⁹ sinh ra Lạc Long Quân (Xét: Đường kỷ chép: thời Kinh Dương có người đàn bà chăn dê, tự xưng là con gái út của Động Đình Quân, lấy con thứ của

¹ Hy thị: Tương truyền vua Nghiêu sai anh em họ Hy (Hy thị) và họ Hòa (Hòa thị) đi bốn phương để trông coi công việc thiên văn lịch pháp. Hy Thúc là em Hy Trọng đến ở miền đất phương Nam (Kinh Thư, Nghiêu điển)

² Kinh Thư chép vua Nghiêu sai Hy Thúc đến ở Nam Giao (Hy Thúc trách Nam Giao). Khổng An Quốc thời Tây Hán chú giải Kinh Thư, chỉ cho Nam Giao là phương Nam. Mãi đến thời Đường, Tư Mã Trinh mới giải thích Nam Giao là Giao Chỉ ở phương Nam.

³ Theo thiên Vũ Cống trong Kinh Thư, chín châu là Ký, Duyện, Thanh, Từ, Dương, Kinh, Dự, Lương Ung.

⁴ Bách Việt: là từ mà người Hán dùng để gọi chung các tộc người khác Hán sống ở miền nam Trung Quốc thời xưa. Từ này lần đầu tiên thấy chép trong Sử Ký (Ngô Khởi Truyện của Tư Mã Thiên).

⁵ Việt Thường Thị: tên nước thời cổ ở phía Nam Trung Quốc có quan hệ với nhà Chu (hiển chim trĩ cho Thành Vương), lần đầu tiên được ghi trong sách Thượng Thư Đại Truyện. Có nhiều giải thích khác nhau, có thuyết nói rằng Việt Thường Thị ở miền quận Cửu Đức, tức miền Hà Tĩnh (Thủy Kinh Chú, Cựu Đường Thư); có thuyết nói Việt Thường thị ở vị trí nước Lâm Ấp đời sau (Văn Hiến thông khảo, Minh Sử, Minh nhất thống chí).

⁶ Thần Nông: theo truyền thuyết Trung Quốc, là một trong 5 vị đế thời thượng cổ, dạy dân biết cày bừa trồng trọt, cũng gọi là Viêm Đế.

⁷ Theo Mục lục kỷ niên của Đại Việt Sử Ký và câu kết của Kỷ Hồng Bàng thị (NK1, 5b) thì từ năm Nhâm Tuất đến năm Quý Mão (258 TCN) cộng 2622 năm. Vậy năm Nhâm Tuất là năm 2879 TCN. Đó chỉ là một niên đại suy đoán trên cơ sở - như trong Phạm lệ đã nói rõ - muốn đặt Kinh Dương Vương ngang với Đế Nghi.

⁸ Ngũ Lĩnh: có nhiều thuyết khác nhau, đại khái chỉ 5 ngọn ở biên giới phía nam của Trung Quốc. Theo Quảng Châu ký, đó là các núi: Đại Dũ, Thủy An, Lâm Hạ, Quế Dương, Yết Dương.

⁹ Nguyên văn: "Thú Động Đình Quân nữ, viết Thần Long". Theo câu này thì phải hiểu Thần Long là tên người con gái của Động Đình Quân. Nhưng ở đoạn dưới (tờ 2b), soạn giả lại viết: "Kinh Dương Vương lấy con gái của Thần Long, sinh ra Lạc Long Quân". Như vậy tên của Động Đình Quân là Thần Long.

Kinh Xuyên, bị bỏ, viết thư nhờ Liễu Nghị tâu với Động Đình Quân. Thế thì Kinh Xuyên và Động Đình đời đời làm thông gia với nhau đã từ lâu rồi).

Lạc Long Quân

[2a] Tên húy là Sùng Lãm, con của Kinh Dương Vương.

Vua lấy con gái của Đế Lai là Âu Cơ, sinh ra trăm con trai (tục truyền sinh trăm trứng), là tổ của Bách Việt. Một hôm, vua bảo Âu Cơ rằng: "Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, thủy hỏa khắc nhau, chung hợp thật khó". Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về ở miền Nam (có bản chép là về Nam Hải), phong cho con trưởng làm Hùng Vương, nối ngôi vua.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Khi trời đất mới mở mang, có thứ do khí hóa ra, đó là Bàn Cổ thị. Có khí hóa ra rồi sau có hình hóa, không thứ gì ngoài hai khí âm dương cả. Kinh Dịch nói: "Trời đất nung ủ, vạn vật thuần hóa, đực cái hợp tinh, vạn vật hóa sinh"¹. Cho nên có vợ chồng rồi sau mới có cha con, có cha con rồi sau mới có vua tôi. **[2b]** Nhưng thánh hiền sinh ra, tất có khác thường, đó là do mệnh trời. Nuốt trứng chim huyền diệu mà sinh ra nhà Thương², giẫm vết chân người khổng lồ mà dựng nhà Chu³, đều là ghi sự thực như thế. Con cháu Thần Nông thị là Đế Minh lấy con gái Vụ Tiên mà sinh Kinh Dương Vương, tức là thủy tổ của Bách Việt. Vương lấy con gái Thần Long sinh ra Lạc Long Quân, Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai mà có phúc lành sinh trăm con trai. Đó chẳng phải là cái đã gây nên cơ nghiệp của nước Việt ta hay sao? Xét sách Thông Giám Ngoại kỳ (4)⁴ nói: Đế Lai là con Đế Nghi; cứ theo sự ghi chép ấy thì Kinh Dương Vương là em ruột Đế Nghi, thế mà kết hôn với nhau, có lẽ vì đời ấy còn hoang sơ, lễ nhạc chưa đặt mà như thế chẳng?

Hùng Vương

[3a] Con Lạc Long Quân (không rõ tên húy)⁵, đóng đô ở Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc)⁶.

Hùng Vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là Văn Lang (nước này đông giáp biển Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc đến hồ Động Đình, nam giáp nước Hồ Tôn, tức nước Chiêm Thành, nay là Quảng Nam), chia nước làm 15 bộ là: Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức; đều là đất thần thuộc của Hùng

¹ Kinh Dịch: Hệ từ.

² Truyền thuyết Trung Quốc nói là bà Giản Dịch (vợ thứ Đế Cốc) nuốt trứng chim huyền diệu, có mang, sinh ra ông Tiết, tổ của nhà Ân - Thương.

³ Bà Khương Nguyên giẫm vết chân người khổng lồ, sinh ra ông Khi, tức Hậu Tắc, tổ nhà Chu.

⁴ Thông giám ngoại kỳ: tức phần Ngoại Kỳ của sách Tư Trị Thông Giám (294 quyển) do Tư Mã Quang đời Tống soạn.

⁵ Nguyên bản in nhỏ hai chữ "khuyết húy", dễ nhận lầm là khuyết húy của Lạc Long Quân. Nhưng ở trên đã nói Lạc Long Quân húy Sùng Lãm. Ở đây nói khuyết húy của Hùng Vương.

⁶ Huyện Bạch Hạc thời Lê là một phần đất huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

Vương; còn bộ gọi là Văn Lang là nơi vua đóng đô¹. Đặt tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng (chữ Lạc Tướng, sau chép sai là Hùng Tướng²). Con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là Mị Nương. Quan coi việc gọi là Bồ Chính, đời đời cha truyền con nối, gọi là phụ đạo. Vua các đời đều gọi là Hùng Vương. Bấy giờ dân ở rừng núi thấy ở sông ngòi khe suối đều có tôm cá, nên rủ nhau đi bắt cá để ăn, thường bị thường luồng làm hại, **[3b]** đến thưa với vua. Vua nói: "Người man ở núi khác với các loài thủy tộc; các thủy tộc ấy ưa cùng loài mà ghét khác loài, cho nên mới bị chúng làm hại. Rồi vua bảo mọi người lấy mực vẽ hình thủy quái ở mình. Từ đấy thường luồng trông thấy không cắn hại nữa. Tục vẽ mình của người Bách Việt có lẽ bắt đầu từ đây.

Đời Hùng Vương thứ 6, ở hương Phù Đổng, bộ Vũ Ninh có người nhà giàu, sinh một con trai, đến năm hơn ba tuổi ăn uống béo lớn nhưng không biết nói cười. Gặp lúc trong nước có tin nguy cấp, vua sai người đi tìm người có thể đánh lui được giặc. Ngày hôm ấy, đứa trẻ bỗng nói được, bảo mẹ ra mời thiên sứ vào, nói: "Xin cho một thanh gươm, một con ngựa, vua không phải lo gì". Vua ban cho gươm và ngựa, đứa trẻ liền phi ngựa vung gươm tiến lên trước, quan quân theo sau, đánh tan quân giặc ở chân núi Vũ Ninh³. Quân giặc tự quay giáo đánh lẫn nhau, chết rất nhiều, bọn sống sót đều rạp lạy, tôn gọi đứa trẻ ấy là thiên tướng, liền đến xin hàng cả. Đứa trẻ phi ngựa **[4a]** lên trời mà đi. Vua sai sửa sang chỗ vườn nhà của đứa trẻ để lập đền thờ, tuế thời cúng tế. Về sau, Lý Thái Tổ phong là Xung Thiên Thần Vương. (Đền thờ ở cạnh chùa Kiến Sơ, hương Phù Đổng).

Thời Thành Vương nhà Chu [1063-1026 TCN], nước Việt ta lần đầu sang thăm nhà Chu (không rõ vào đời Hùng Vương thứ mấy), xưng là Việt Thường thị, hiến chim trĩ trắng. Chu Công nói: "Chính lệnh không ban đến thì người quân tử không coi người ta là bề tôi của mình", rồi sai làm xe chỉ nam đưa sứ giả về nước.

Cuối thời Hùng Vương, vua có con gái gọi là Mị Nương, nhan sắc xinh đẹp. Thục Vương nghe tiếng, đến cầu hôn. Vua muốn gả, nhưng Hùng hầu can rằng: "Họ muốn chiếm nước ta, chỉ lấy việc hôn nhân làm cớ mà thôi". Thục Vương vì chuyện ấy để bụng oán giận. Vua muốn tìm người xứng đáng để gả, bảo các bề tôi rằng: "Đứa con gái này là giống tiên, người nào có đủ tài đức mới cho làm rể". Bấy giờ có hai người từ ngoài đến, lạy dưới sân để cầu hôn. Vua lấy làm lạ, hỏi thì họ thưa rằng một người là **[4b]** Sơn Tinh, một người là Thủy Tinh, đều ở trong cõi cả, nghe nhà vua có thánh nữ, đánh bạo đến xin lĩnh mệnh. Vua nói: "Ta có một người con gái, lẽ nào lại được cả hai rể hiền?". Bèn hẹn đến ngày hôm sau, ai đem đủ sính lễ đến trước thì gả cho người ấy. Hai người vâng lời, lạy tạ ra về. Hôm sau, Sơn Tinh đem các đồ châu báu vàng bạc, chim núi thú rừng đến dâng. Vua y hẹn gả con cho. Sơn Tinh đón vợ về ở ngọn núi cao trên núi Tản Viên. Thủy Tinh cũng đem sính lễ đến sau, giận tức là không kịp, bèn kéo mây làm mưa, dâng nước tràn ngập, đem các loài thủy tộc đuổi theo. Vua cùng Sơn Tinh lấy lưới sắt chằng ngang thượng lưu sông Từ Liêm⁴ để chặn lại. Thủy Tinh theo sông khác, từ Ly Nhân vào chân núi Quảng Oai⁵ rồi theo dọc bờ lên cửa sông Hát, ra sông lớn⁶ mà rẽ vào sông Đà để đánh Tản Viên, nơi nơi đào sâu thành vực thành chằm, chứa nước để mưu đánh úp. Sơn Tinh có phép thần biến hóa, gọi **[5a]**⁷ người man đan tre làm rào chắn nước, lấy nỏ bắn xuống, các loài có vẩy và có vỏ trúng

¹ Việt Sử lược chép nước Văn Lang gồm 15 bộ lạc, trong đó có 10 bộ lạc giống tên như Toàn thư ghi trên đây (Giao Chỉ, Vũ Ninh, Việt Thường, Ninh Hải, Lục Hải, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Cửu Đức, Văn Lang), và 5 bộ lạc với tên khác (Quân Ninh, Gia Ninh, Thang Tuyên, Tân Xương, Nhật Nam). Lĩnh Nam Chích Quái cũng chép đủ tên 15 bộ, nhưng trong các bản hiện còn, tên các bộ ấy có nhiều sai khác chênh lệch. Dư Địa Chí của Nguyễn Trãi chép đúng tên các bộ như Toàn Thư đã ghi trên đây, nhưng không có tên bộ Văn Lang.

² Chữ "Hùng" và chữ "Lạc" chỉ khác nhau về phía bên trái, để đọc và chép lầm.

³ Lĩnh Nam Chích Quái chép Phù Đổng Thiên Vương đánh giặc Ân dưới núi Trâu Sơn, Sách Việt Sử Tổng Vịnh chú rằng núi Vũ Ninh thuộc huyện Quế Dương (nay thuộc đất Quế Võ, tỉnh Hà Bắc).

⁴ Sông Từ Liêm: chỉ khúc sông Hồng chảy qua Chèm, Hà Nội.

⁵ Tức là sông Đáy.

⁶ Tức là sông Hồng.

⁷ Nguyên bản n mất từ in 5a - b, được thay thế bằng từ chép tay.

tên đều chạy trốn cả. Rốt cuộc Thủy Tinh không thể xâm phạm được núi Tản Viên. (Tục truyền Sơn Tinh và Thủy Tinh từ đấy về sau đời đời thù oán, mỗi năm mùa nước to thường vẫn đánh nhau).

Núi Tản Viên là dãy núi cao của nước Việt ta, sự linh thiêng rất ứng nghiệm. Mị Nương đã lấy Sơn Tinh, Thục Vương tức giận, dặn lại con cháu phải diệt Văn Lang mà chiếm lấy nước. Đến đời cháu là Thục Phán có dũng lược, bèn đánh lấy nước.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thời Hùng Vương đặt chư hầu để làm phân giậu, chia nước làm 15 bộ. Ở 15 bộ ấy đều có trưởng và tá. Vua theo thứ bậc cắt đặt các con thứ để cai trị. Nói 50 con theo mẹ về núi, làm sao biết không phải là như thế? Vì mẹ làm quân trưởng, các con đều làm chúa một phương. Cứ xem như tù trưởng người man ngày nay xưng là nam phụ đạo, [5b] nữ phụ đạo (nay bản triều đổi chữ phụ đạo ____ thành chữ phụ đạo ____ thì có lẽ đúng như thế). Còn như việc Sơn Tinh, Thủy Tinh thì rất là quái đản, tin sách chẳng bằng không có sách, hãy tạm thuật lại chuyện cũ để truyền lại sự nghi ngờ thôi).

Trở lên là [kỷ] Hồng Bàng thị, từ Kinh Dương Vương được phong năm Nhâm Tuất, cùng thời với Đế Nghi, truyền đến cuối thời vua Hùng Vương, ngang với đời Noãn Vương nhà Chu năm thứ 57 [258 TCN] là năm Quý Mão thì hết, tất cả 2.622 năm [2879 - 258 TCN].

Kỷ Nhà Thục

An Dương Vương

Họ Thục, tên húy là Phán, người Ba Thục¹, ở ngôi 50 năm, đóng đô ở Phong Khê (nay là thành Cổ Loa).

[6a] Giáp Thìn, năm thứ 1 [257 TCN], (Chu Noãn Vương năm thứ 58). Vua đã thôn tính được nước Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc. Trước kia vua nhiều lần đem quân đánh Hùng Vương, nhưng Hùng Vương binh hùng tướng mạnh, vua bị thua mãi. Hùng Vương bảo vua rằng: "Ta có sức thần, nước Thục không sợ ư?" Rồi Hùng Vương bỏ không sửa sang vũ bị, chỉ ham ăn uống vui chơi. Quân Thục kéo sát đến nơi, hãy còn say mê chưa tỉnh, rồi thổ huyết nhảy xuống giếng chết, quân lính quay giáo đầu hàng Thục Vương.

Bấy giờ Thục Vương đắp thành ở Việt Thường, rộng nghìn trượng, cuốn tròn như hình con ốc, cho nên gọi là Loa Thành², lại có tên là thành Tư Long (người nhà Đường gọi là thành Côn Lôn, vì thành rất cao³). Thành này cứ đắp xong lại sụt, vua lấy làm lo, mới trai giới khẩn trời đất và thần kỳ núi sông, rồi khởi công đắp lại.

Bính Ngọ, năm thứ 3 [255 TCN], (Động Chu Quân năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, chợt có thần nhân đến cửa thành, trở **[6b]** vào thành, cười mà nói rằng: "Đắp đến bao giờ cho xong!". Vua mời vào điện hỏi, thần nhân trả lời: "Cứ đợi giang sứ đến". Rồi cáo từ đi ngay. Sáng hôm sau, vua ra cửa thành, quả thấy có con rùa vàng bơi trên sông từ phía đông đến, xưng là giang sứ, nói được tiếng người, bàn được việc tương lai. Vua mừng lắm, để vào mâm vàng, đặt mâm lên trên điện. Vua hỏi về nguyên

¹ Về điều ghi Thục Phán người Ba Thục (Tứ Xuyên, Trung Quốc), Cương mục có nhận xét: "Nước Thục từ năm thứ 5 đời Thận Tinh Vương nhà Chu (316 TCN) đã bị nước Tần diệt rồi, làm gì có vua nữa? Huống chi từ Thục đến Văn Lang còn có đất Kiện Vi (nay thuộc Vân Nam), đất Dạ Lang, Cùg, Túc, Nhiễm Mang v.v... cách nhau hàng hai ba ngàn dặm, có lẽ nào Thục vượt qua được các nước ấy mà sang đánh lấy Văn Lang? Hoặc giả ngoài cõi Tây Bắc giáp với nước Văn Lang còn có họ Thục khác, mà sử cũ (tức Toàn Thư) nhận là Thục Vương chăng?" (CMTB1,9). Hiện nay, có nhiều giả thuyết về nguồn gốc của Thục Phán, trong đó có thuyết coi họ Thục là thủ lĩnh của người Âu Việt (hay Tây Âu) ở phía bắc nước Văn Lang mà trung tâm là vùng Cao Bằng.

² Nay còn di tích ở huyện Đông Anh, Hà Nội.

³ Côn Lôn: tên dãy núi Trung Quốc (ở miền Tân Cương - Tây Tạng).

do thành sụp, rùa vàng đáp: "Đó là do tinh khí núi sông vùng này bị con vua trước phụ vào để báp thù nước, nấp ở núi Thất Diệu. Trong núi có con quỷ, đó là người con hát thời trước chôn ở đấy hóa làm quỷ. Cạnh núi có cái quán, chủ quán tên là Ngô Không, có một đứa con gái và một con gà trắng, đó là dư khí của tinh, phàm người qua lại ngủ đêm ở đấy đều phải chết vì bị quỷ làm hại. Chúng có thể gọi nhau họp đàn lũ, làm cho sụp thành. Nếu giết con gà trắng để trừ tinh khí ấy, thì thành tự nhiên được [7a] bền vững. Vua đem rùa vàng đến quán ấy, giả làm người ngủ trọ. Chủ quán nói: "Ngài là quý nhân, xin đi ngay, chớ lưu lại đây mà bị họa". Vua cười nói: "Sống chết có mệnh, ma quỷ làm gì nổi?". Rồi ngủ lại quán. Đến đêm nghe tiếng tinh quỷ từ ngoài đến gọi mở cửa, rùa vàng liền quát mắng, quỷ không vào được, đến khi gà gáy thì lũ quỷ tan chạy hết. Rùa vàng xin vua đuổi theo. Tới núi Thất Diệu thì tinh khí biến mất, vua trở về quán. Sáng sớm, chủ quán tưởng vua đã chết rồi, gọi người đến để khâm liệm đem chôn. Thấy vua vẫn vui vẻ cười nói, chủ quán liền sụp lạy nói: "Ngài làm sao được như thế, tất phải là thánh nhân!". Vua xin con gà trắng giết để tế. Gà chết, con gái chủ quán cũng chết theo. Vua liền sai người đào núi, thấy có nhạc khí cổ và xương người, đem đốt thành tro, rải xuống sông, yêu khí mới mất hẳn. Từ đấy, đắp thành không [7b] quá nửa tháng thì xong. Rùa vàng cáo từ ra về. Vua cảm tạ, hỏi rằng: "Đội ơn ngài thành đắp đã vững, nếu có giặc ngoài đến, thì lấy gì mà chống giữ?" Rùa vàng bèn trút chiếc móng trao cho vua và nói: "Nước nhà yên hay nguy đều do số trời, nhưng người cũng nên phòng bị; nếu có giặc đến thì dùng móng thiêng này làm lẫy nỏ, nhằm vào giặc mà bắn thì không phải lo gì". Vua sai bề tôi là Cao Lỗ (có sách chép là Cao Thông¹) làm nỏ thần, lấy móng rùa làm lẫy, đặt tên là Linh Quang Kim Trảo Thần Nỏ.

Cao Vương nhà Đường [tức Cao Biền] dẹp nước Nam Chiếu, khi đưa quân về qua châu Vũ Ninh, đêm nằm chiêm bao thấy có người lạ tự xưng là Cao Lỗ, nói: "Ngày xưa giúp An Dương Vương, có công đánh lui giặc, bị Lạc hầu gièm pha, phải bỏ đi, sau khi chết, trời thương không có tội gì, ban cho một dải núi sông này, cho làm chức quản lĩnh đô thống tướng quân, làm chủ mọi việc đánh dẹp giặc giã và mùa màng cày cấy. Nay theo minh công đi dẹp yên quân giặc, lại trở về bản bộ, không có lời từ biệt thì không phải lễ. Cao Vương thức dậy, nói chuyện lại với liêu thuộc, có làm bài thơ:

Mỹ hĩ Giao Châu địa,
Du Du vạn tải lai.
Cổ hiền năng đặc kiến,
Chung bất phụ linh đài.
(Đẹp thay đất Giao Châu,
Dặng đặc trái muôn châu.
Người xưa nay được thấy,
Hả tấm lòng bấy lâu).

Nhâm Tý, năm thứ 9 [249 TCN], (Đông Chu Quân năm thứ 7; [bấy giờ có] 7 nước là Tần, Sở, Yên, Triệu, Ngụy, Hàn, Tề). Năm ấy nhà Chu mất.

[8a] Canh Thìn, năm thứ 37 [221 TCN], (Tần Thủy Hoàng Lữ Chính năm thứ 26). Nước Tần thôn tính cả 6 nước, xưng hoàng đế. Bấy giờ người Từ Liêm, Giao Chỉ ta, là Lý Ông Trọng² người cao 2 trượng 3 thước, lúc ít tuổi đến hương ấp làm lực dịch, bị trưởng quan đánh, bèn bỏ sang nước Tần làm quan đến chức Tư lệ hiệu úy. Thủy Hoàng lấy được thiên hạ, sai ông đem quân đóng giữ đất Lâm Thao³, uy danh chấn động nước Hung Nô. Khi tuổi già, về làng rồi chết. Thủy Hoàng cho ông là người kỳ lạ, đúc đồng làm tượng, để ở cửa Tư Mã ở Hàm Dương, bụng tượng chứa được mấy chục người, ngâm lay thì chuyển động được, Hung Nô tưởng đó là hiệu úy còn sống, không dám đến xâm phạm (Triệu Xương nhà Đường làm đô hộ Giao Châu, đêm thường nằm chiêm bao thấy cùng Ông Trọng giằng bàn sách Xuân Thu, Tả Truyện, nhân hỏi chỗ ở cũ, rồi dựng đền thờ. Khi Cao Vương đi đánh Nam

¹ Cao Lỗ, chép là Cao Thông trong các tài liệu của Trung Quốc như Giao Châu Ngoại Vực Ký (do Thủy Kinh Chú, q.14 dẫn), Thái Bình hoàn vũ ký (phần Nam Việt Chí, q. 170), v.v....

² Một số tài liệu Trung Quốc (như Quảng Dư Ký, Đại Thanh Nhất Thống Chí, v.v....) chép là Nguyễn Ông Trọng, có lẽ vì dựa theo sử liệu Việt Nam đời Trần do kiêng húy đã đổi Lý thành Nguyễn.

³ Lâm Thao: tên huyện Trung Quốc thời Tần, nay thuộc tỉnh Cam Túc.

Chiếu, thần thường hiển linh giúp sức. Cao Vương cho sửa lại đền thờ, tạc gỗ làm tượng, gọi là [tượng] Lý hiệu úy. Đền ở xã Thụy Hương huyện Từ Liêm)¹.

Đinh Hợi, năm thứ 44 [214 TCN], (Tân Thủy Hoàng năm thứ 33). Nhà Tần phát những người trốn tránh, người ở rể [8b] người đi buôn, ở các đạo ra làm binh, sai hiệu úy Đồ Thư đem quân lâu thuyền, sai Sử Lộc đào ngòi vận lương, đi sâu vào đất Lĩnh Nam, đánh lấy miền đất Lục Dương, đặt các quận Quế Lâm (nay là huyện Quý của đất Minh, Quảng Tây)², Nam Hải (nay là tỉnh Quảng Đông) và Tượng Quận (tức là An Nam)³; cho Nhâm Ngao⁴ làm Nam Hải úy, Triệu Đà làm Long Xuyên lệnh (Long Xuyên là thuộc huyện của Nam Hải), đem những binh phải tội đồ 50 vạn người đến đóng đồn ở Ngũ Lĩnh, Ngao và Đà nhân đó mưu xâm chiếm nước ta. (Chuế tế: con trai không có tiền nộp sinh lễ, lấy thân ở gửi nhà vợ nên gọi là chuế tế [ở gửi rể] như cái bấu ở mình người ta, là vật thừa. Lục Lương là người Lĩnh Nam phần nhiều ở chỗ núi rừng, trên cạn (lục), tính người mạnh tợn (cường lương) nên gọi là Lục Lương).

Tân Mão, năm thứ 48 [210 TCN], (Tân Thủy Hoàng năm thứ 37). Mùa đông, tháng 10, Thần Thủy Hoàng mất ở Sa Khâu. Nhâm Ngao và Triệu Đà đem quân sang xâm lấn. Đà đóng quân ở núi Tiên Du, Bắc Giang⁵ đánh nhau với vua. Vua đem nỏ thần ra bắn, Đà thua chạy. Bấy giờ Ngao đem thủy quân đóng ở Tiểu Giang (tức là [con sông] ở phủ [9a] Đô hộ, sau lắm là Đông Hồ, tức là bến Đông Hồ ngày nay)⁶, vì phạm thổ thần nên bị bệnh, phải rút về. Nhâm Ngao bảo Đà rằng: "Nhà Tần sắp mất, dùng mưu kế đánh Phán thì có thể dựng nước được". Đà biết vua có nỏ thần, không thể địch nổi, bèn lui giữ núi Vũ Ninh, sai sứ đến giảng hòa. Vua mừng, bèn chia từ Bình Giang (nay là sông Thiên Đức ở huyện Đông Ngàn) trở lên phía Bắc thuộc quyền cai trị của Đà, trở về phía Nam thuộc quyền cai trị của vua. Đà sai con là Trọng Thủy vào hầu làm túc vệ, cầu hôn con gái vua là My Châu. Vua bằng lòng. Trọng Thủy dỗ My Châu để xem trộm nỏ thần, rồi ngấm bê gậy lấy nỏ, thay cái khác vào, giả vờ về Bắc thăm cha mẹ, bảo My Châu rằng: "Ân tình vợ chồng không thể quên nhau, nếu lỡ hai nước không hòa, Nam Bắc cách biệt, ta lại tới đây thì làm thế nào mà tìm thấy nhau?". My Châu nói: "Thiếp có cái nệm gấm lông ngỗng, thường mang theo mình, đi đến đâu thì rút lông ngỗng rắc ở chỗ đường rẽ để làm dấu". Trọng Thủy về báo cho Đà biết.

[9b] Quý Ty, năm thứ 50 [208 TCN] (Tân Nhị Thế Hồ Hợi, năm thứ 2). Nhâm Ngao ốm sắp chết, bảo Đà rằng: "Tôi nghe nói bọn Trần Thắng làm loạn, lòng dân chưa biết theo về đâu. Đất này ở nơi xa lánh, sợ bọn giặc xâm phạm đến đây, muốn cùng ông chặt đường (đường vào đất Việt do nhà Tần mở), tự phòng bị, đờ xem chư hầu biến động thế nào". Đến khi ốm nặng, lại nói: "Đất Phiên Ngung (nhà Hán gọi là Nam Thành) dựa núi cách sông, đông tây dài mấy nghìn dặm, và có người Tần cùng giúp, cũng đủ dựng nước, dấy vương, làm chủ một phương. Các tướng lại trong quận này không người nào đáng cùng mưu bàn, cho nên tôi gọi riêng ông để bảo". Rồi Ngao lấy Đà thay mình. Ngao chết, Đà liền gửi hịch đến các cửa ải Hoành Phố, Dương Sơn, Hoàng Khê, nói: "Quân giặc sắp đến, phải gấp chặt đường, họp binh tự giữ". Hịch đến nơi, các châu quận đều hưởng ứng. Bấy giờ Đà giết hết các tướng lại do nhà Tần đặt, đem thân thích phe cánh thay làm thú lệnh. Đà đem quân đến đánh vua, vua không biết lấy nỏ đã mất [10a], ngòi đánh cờ cười mà bảo: "Đà không sợ nỏ thần của ta sao?". Quân của Đà tiến sát đến nơi, vua giương nỏ thì lấy đã gãy rồi. Vua thua chạy, để My Châu ngồi trên ngựa, cùng chạy

¹ Tức đền Chèm ở huyện Từ Liêm, Hà Nội.

² Quế Lâm: tên quận thời Tần, nay là vùng đất bắc và đông tỉnh Quảng Tây, chứ không chỉ riêng huyện Minh Quý, nơi đóng trị sở của tỉnh ấy.

³ Tượng Quận: tên quận đời Tần mà trước đây nhiều sách sử của ta và của Trung Quốc đều chú giải là quận Nhật Nam, hay bao gồm cả ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam thời Hán, tức đất An Nam. Thuyết đó là dựa vào một câu cước chú của Hán Thư (q.28 hạ, tr. 11a) về quận Nhật Nam thời Hán: "Quận Nhật Nam - quận Tượng thời Tần ngày trước". Nhưng từ cuối thế kỷ XIX, thuyết đó đã bị phê phán. Chính Hán thư phần Bản Kỳ (q.7 tr.9a) chép rõ rằng: "Năm thứ 5 hiệu Nguyên Phương (76 TCN), bãi bỏ quận Tượng, chia đất vào hai quận Uất Lâm và Tượng Kha". Quận Uất Lâm là vùng Quảng Tây, quận Tượng Kha ở phía tây quận Uất Lâm và gồm một phần Quý Châu. Vậy Tượng Quận là miền tây Quảng Tây và nam Quý Châu.

⁴ Chữ có hai âm: "Hiêu" và "Ngao". Chúng tôi phiên theo âm đã quen gọi.

⁵ Bắc Giang: tên đạo đời Đinh, tên lộ thời Lý, Trần và đầu Lê (nay là tỉnh Hà Bắc).

⁶ Cương mục (TB1, 16b) chú: "Bây giờ không biết con sông này ở đâu".

về phía nam. Trọng Thủy nhận dấu lông ngỗng đuổi theo. Vua đến bờ biển, hết đường mà không có thuyền, liền gọi rùa vàng mấy tiếng: "Mau đến cứu ta!" Rùa vàng nổi lên mặt nước, mắng rằng: "Kẻ ngồi sau ngựa là giặc dấy, sao không giết đi?". Vua rút gươm muốn chém My Châu, My Châu khẩn rằng: "Trung tín trọn tiết, bị người đánh lừa, xin hóa thành ngọc châu để rửa thù nhục này". Cuối cùng vua vẫn chếp My Châu, máu chảy loang mặt nước, loài trai nuốt vào bụng, hóa làm hạt minh châu. Vua cầm sừng tê văn dài 7 tấc xuống biển mà đi (tức như ngày nay gọi là sừng tê rã nước. Tục truyền núi Dạ Sơn xã Cao Xá ở Diễn Châu là nơi ấy). Trọng Thủy đuổi theo đến nơi, thấy My Châu đã chết, thương khóc ôm xác đem về chôn ở Loa Thành, hóa làm đá ngọc. Trọng Thủy nhớ tiếc My Châu, trở lại chỗ My Châu [10b] tắm gội trang điểm khi trước, thương nhớ không nguôi, cuối cùng nhảy xuống giếng mà chết. Người sau được hạt minh châu ở biển Đông, lấy nước giếng ấy mà rửa, sắc ngọc càng sáng hơn.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Chuyện rùa vàng đáng tin chăng? Chuyện thần giáng đất Sần¹, chuyện đá biết nói² cũng có thể là có. Vì việc làm của thần là dựa theo người, thác vào vật mà nói năng. Nước sắp thịnh, thần minh giáng để xem đũa hóa; nước sắp mất, thần cũng giáng để xét tội ác. Cho nên có khi thần giáng mà hưng, cũng có khi thần giáng mà vong. An Dương Vương hưng công đắp thành có phần không dè dặt sức dân, cho nên thần thác vào rùa vàng để răn bảo, chẳng phải là vì lời oán trách động dân mà thành ra như thế ư? Nhưng thế cũng còn là khá. Đến như lo họa hoạn về sau mà nài xin với thần, thì lòng riêng đã nảy. Lòng riêng một khi nảy mầm thì lẽ trời theo đó mà mất, [11a] sao thần lại chẳng gieo cho tai họa! Rùa vàng trút móng thiêng trao cho, bảo là có thể đánh lui được quân địch, đó là mầm họa chăng? Như chuyện thần ban cho nước Quắc ruộng đất mà sao đó nước Quắc cũng mất theo. Sau [An Dương Vương] quả nhiên như vậy. Thế chẳng phải là thần theo người mà hành động sao? Nếu không có lời nài xin [với rùa vàng], cứ theo đạo lý mà làm, biết đâu quốc thống lại chẳng được lâu dài? Đến như chuyện My Châu rắc lông ngỗng chỉ đường, thì chưa chắc đã có. Nếu có thì chỉ một lần là phải, thế mà sau này con gái Triệu Việt Vương lại bắt chước mà cũng nói như thế, là làm sao? Có lẽ người chếp sử cho rằng nhà Thục và nhà Triệu mất nước đều do con rể, cho nên nhân một việc mà nói hai lần chăng? Thế thì việc ma quỷ làm đổ thành cũng đáng tin sao? Trả lời rằng: Đại loại cũng như chuyện Bá Hữu làm quỷ dữ, sau người nước Trịnh lập con cháu của Hữu, [hồn của Hữu] có chỗ nương tựa rồi thì hết³. Thế là trừ bỏ yêu khí, quỷ không [11b] có chỗ phụ vào nữa thì phải thôi. Đến như sử chếp An Dương Vương bại vong là do nỏ thần bị đổi lấy, Triệu Việt Vương bại vong vì mũ đầu mâu mất móng rồng, đều là mượn lời để cho vật trở thành thiêng mà thôi. Đại phạm việc giữ nước chống giặc tự có đạo lý của nó, đúng đạo lý thì được nhiều người giúp mà nước hưng, mất đạo lý thì ít người giúp mà nước mất, không phải vì những thứ ấy.

Trở lên là [kỷ] An Dương Vương, khởi từ năm Giáp Thìn đến năm Quý Tỵ là hết, tất cả 50 năm [257 - 208 TCN].

¹ Thần giáng đất Sần: Tả Truyện chép rằng thần hiện ở đất Sần thuộc nước Quắc, Quắc công sai quan đến làm lễ tế, được thần ban cho ruộng đất.

² Đá biết nói: Tả Truyện ghi việc năm thứ 8 đời Lỗ Ai Công ở đất Ngụy Du nước Tấn có hòn đá biết nói.

³ Bá Hữu: tức Lương Tiêu, đại phu nước Trịnh thời Xuân Thu bị chết oan, thường hiện hồn về quấy nhiễu. Sau, Tử Sản cho con Bá Hữu là Lương Chỉ làm quan, hồn Bá Hữu mới thôi không báo oán nữa. (Tả Truyện, q.13).

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỳ Toàn Thư

Quyển II

[1a]

Kỷ Nhà Triệu¹

Vũ Đế

Ở ngôi 71 năm [207 - 136 TCN], thọ 121 tuổi [256 - 136 TCN].

Họ Triệu, nhân lúc nhà Tần suy loạn, giết trưởng lại Tần, chiếm giữ đất Lĩnh Nam, xưng đế, đòi ngang với nhà Hán, hưởng nước truyền ngôi 100 năm mới mất, cũng là bậc vua anh hùng.

Họ Triệu, tên húy là Đà, người huyện Chân Định² nước Hán, đóng đô ở Phiên Ngung (nay ở tỉnh Quảng Đông)³.

Giáp Ngọ, năm thứ 1 [207 TCN], (Tân Nhị Thế năm thứ 3). Vua chiếm lấy đất Lâm Ấp⁴ và Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vương.

Ất Mùi, năm thứ 2 [206 TCN], (Tây Sở Bá Vương Hạng Tịch năm thứ 1; Hán Vương Lưu Bang năm thứ I). Năm ấy nhà Tần mất.

[1b] Đinh Dậu, năm thứ 4 [204 TCN], (Sở Hạng Tịch năm thứ 3; Hán Lưu Bang năm thứ 3). Mùa đông, tháng 10, ngày 30, nhật thực. Tháng 11, ngày 30, nhật thực.

Mậu Tuất, năm thứ 5 [203 TCN], (Sở Hạng Tịch năm thứ 4; Hán Lưu Bang năm thứ 4). Mùa thu, tháng 7, sao Chổi mọc ở khu vực sao Đại Giác.

Kỷ Hợi, năm thứ 6 [202 TCN], (Hán Cao Đế năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, Hán Vương lên ngôi hoàng đế. Năm ấy Tây Sở mất.

Quý Mão, năm thứ 10 [198 TCN], (Hán Cao Đế năm thứ 9). Vua sai hai sứ coi giữ hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân.

Ất Ty, năm thứ 12 [196 TCN], (Hán Cao Đế năm thứ 11) Nhà Hán đã định được thiên hạ, nghe tin vua cũng đã xưng vương ở nước Việt, mới sai Lục Giả sang phong vua làm Nam Việt Vương, trao cho ấn thao⁵ và con so bồ đôi⁶, thông sứ với nhau, bảo vua giữ yên đất Bách Việt, chớ cướp phá. Khi sứ

¹ Toàn thư, cũng như nhiều bộ sử thời phong kiến, quan niệm nhà Triệu là một triều đại chính thống của nước ta, và viết thành Kỷ Nhà Triệu. Quan niệm đó, từ thế kỷ XVIII đã bị phê phán, mà người bác bỏ đầu tiên là Ngô Thì Sĩ, tác giả Việt Sử Tiêu Ẩn.

² Nay là huyện Chinh Định, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

³ Tức Quảng Châu ngày nay. Ở Quảng Đông vẫn còn huyện Phiên Ngung.

⁴ Theo Sử Ký (q. 113: Nam Việt Liệt Truyện): "Khi nhà Tần đã bị diệt, Đà lập tức đánh lấy Quế Lâm, Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vương". Ở đây, văn bản của Toàn Thư, do sao chép hoặc khắc in, đã nhầm lẫn từ Quế Lâm thành Lâm Ấp.

⁵ Nguyên văn: "Tì thụ" = quả ấn và dây thao để buộc (và trang sức) quả ấn.

⁶ Nguyên văn: "Phẫu phù" = vật bằng vàng bạc, ngọc đá, v.v.... cấp cho người được phong quan tước, khi cần xác định thì khớp hai nửa với nhau; tác dụng cũng như phù tiết, nhưng phù tiết thường là hình ống làm bằng tre gỗ, để cấp cho các viên quan đi thi hành mệnh lệnh.

đến, vua ngồi xồm mà tiếp Lục Giả. Giả nói: "Vương vốn là **[2a]** người Hán, họ hàng mồ mả đều ở nước Hán, nay lại làm trái tục nước mình, muốn chiếm đất này làm kẻ địch chống chọi với nhà Hán, há chẳng lắm hay sao? Và lại, nhà Tần mất con hươu¹, thiên hạ đều tranh nhau đuổi, chỉ có Hán Đế khoan nhân yêu người, dân đều vui theo, khởi quân từ đất Phong Bái mà vào Quan Trung trước tiên để chiếm giữ Hàm Dương, dẹp trừ hung bạo. Trong khoảng 5 năm, dẹp yên loạn lạc, bình định bốn biển, đó không phải là sức người làm nổi, tức là trời cho. Hán Đế nghe vương làm vua ở đất này, từng muốn quyết một phen được thua, nhưng vì dân chúng lao khổ vừa xong cho nên phải bỏ ý định, sai sứ mang ấn thao cho vương, đáng lẽ vương phải ra ngoài giao² nghênh đón bái yết để tỏ lòng tôn kính. Nay đã không làm thế, thì nên sắm lễ mà tiếp sứ giả mới phải, sao lại cậy dân Bách Việt đông mà khinh nhờn sứ giả của thiên tử? Thiên Tử nghe biết, phát binh sang hỏi tội, thì vương làm thế nào?". Vua ra dáng sợ hãi, đứng dậy nói: "Tôi ở đất này lâu ngày **[2b]** quên mất cả lễ nghĩa". Nhân hỏi Giả rằng: "Tôi với Tiêu Hà, Tào Tham ai hơn?"³ Giả nói: "Vương hơn chứ". Lại hỏi: "Tôi với vua Hán ai hơn?". Giả nói: "Hán Đế nổi nghiệp của Ngũ Đế Tam Vương, thống trị người Hán kể hàng ức vạn người, đất rộng hàng muôn dặm, vật thịnh dân giàu, quyền chính chỉ do một nhà, từ khi trời đất mở mang đến nay chưa từng có. Nay dân của vương, chẳng qua mười vạn ở, ở xen khoảng núi biển, chỉ ví như một quận của nhà Hán, ví với Hán Đế sao được?". Vua cười và nói: "Tôi lấy làm giận không được nổi dậy ở bên ấy, biết đâu chẳng bằng nhà Hán?". Giả ngồi im lặng, sắc mặt tiu nghỉu. Bèn giữ Giả ở lại vài tháng. Vua nói: "Ở đất Việt này không ai đủ để nói chuyện được. Nay ông đến đây hàng ngày tôi được nghe những chuyện chưa từng nghe." Cho Giả đồ châu báu giá nghìn vàng để làm vật bỏ bao. Đến khi Giả về, lại cho thêm nghìn vàng nữa.

[3a] Bính Ngọ, năm thứ 13 [195 TCN], (Hán Cao Đế năm thứ 12). Mùa hạ, tháng 4, vua Hán băng.

Canh Tuất, năm thứ 17 [191 TCN], (Hán Huệ Đế Doanh năm thứ 4). Mùa hạ, nhà Hán dựng Nguyên Miếu ở phía bắc sông Vị.

Quý Sửu, năm thứ 20 [188 TCN], (Hán Huệ Đế năm thứ 7) Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, nhật thực. Mùa hạ, tháng 5, nhật thực, mặt trời bị che khuất hết. Mùa thu, tháng 8, vua Hán băng.

Ất Mão, năm thứ 22 [186 TCN], (Hán Cao Hậu Lữ Trĩ năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 6, ngày 30, nhật thực.

Đinh Ty, năm thứ 24 [184 TCN], (Hán Cao Hậu năm thứ 4). Nhà Hán cấm nước Nam Việt mua đồ sắt ở cửa quan. Vua nói: "Khi Cao Đế lên ngôi, ta cùng thông sứ chung đồ dùng. Nay Cao Hậu nghe lời gièm pha, phân biệt đồ dùng Hán, Việt. Việc này tất là mưu kế của Trường Sa Vương⁴ muốn dựa uy đức của nhà Hán mưu lấy nước ta mà làm vua cả, tự làm công của mình".

[3b] Mậu Ngọ, năm thứ 25 [183 TCN], (Hán Cao Hậu năm thứ 5). Mùa xuân, vua lên ngôi hoàng đế, đem quân đánh Trường Sa, đánh bại mấy quận rồi về.

Canh Thân, năm thứ 27 [181 TCN], (Hán Cao Hậu năm thứ 7). Nhà Hán sai Lâm Lư hầu Chu Táo sang đánh Nam Việt để báo thù việc đánh Trường Sa. Gặp khi nắng to ầm thấp, bệnh dịch phát, bèn bãi quân. Vua nhân thế dùng binh uy và của cải để chiêu vỗ Mân Việc và Âu Lạc ở phía tây (tức là Giao Chỉ và Cửu Chân), các nơi ấy đều theo về, từ đông sang tây rộng hơn vạn dặm. Vua ngồi xe mũi vàng, dùng cờ tả đạo⁵, cho là nghi vệ ngang với nhà Hán.

¹ Dừng ai từ đồng âm (lộc là con hươu, và lộc là phúc lộc) để nói bóng việc nhà Tần mất nước.

² Giao: vùng ngoại ô đô thành.

³ Tiêu Hà, Tào Tham: hai người có công đầu trong việc phò tá Hán Cao Tổ, nối tiếp giữ chức thừa tướng nhà Hán.

⁴ Tước của Ngô Nhuế đời Hán Cao Tổ được phong làm phiên vương ở Trường Sa (nay là phần đất phía đông tỉnh Hồ Nam).

⁵ Tả đạo: loại cờ lớn trang sức bằng lông đuôi cừu, dựng trên xe nhà vua.

Tân Dậu, năm thứ 28 [180 TCN], (Hán Cao Hậu năm thứ 8). Mùa thu, tháng 7, Cao Hậu băng, các đại thần đón Đại vương Hằng lên ngôi, tức là Văn Đế.

Nhâm Tuất, năm thứ 29 [179 TCN], (Hán Văn Đế Hằng năm thứ 1). Vua Hán vì thấy mờ mả tổ tiên của vua đều ở Chân Định **[4a]** mới đặt người thủ ấp để trông coi, tuế thời cúng tế, gọi các anh em của vua cho làm quan to, ban cho hậu. Vua Hán hỏi Tế tướng Trần Bình có thể cử ai sang sứ Nam Việt được, Bình nói: "Lục Giả thời Tiên đế đã từng sang sứ Nam Việt". Vua Hán gọi Giả cho làm Thái trung đại phu, lấy một người yết giả¹ làm phó sứ, đem thư sang cho vua. Thư nói: "Kính hỏi thăm Nam Việt Vương rất lao tâm khổ ý. Trẫm là con vợ lẽ của Cao Đế, phải đuổi ra ngoài làm phiên vương ở đất Đại, vì đường xá xa xôi, kiến thức hẹp hòi quê kệch, nên chưa từng gửi thư. Cao Hoàng Đế lia bỏ bầy tôi, Hiếu Huệ Hoàng Đế qua đời, Cao Hậu tự lên trông coi việc nước, không may có bệnh, người họ Lữ chuyên quyền làm bậy, một mình khống chế ngự được, mới lấy con người họ khác nối nghiệp Hiếu Huệ Hoàng Đế. Nhờ anh linh tông miếu và sức lực của các công thần, đã giết hết bọn ấy. Trẫm vì các vương hầu và quan lại không cho từ chối, không thể không nhận, nay đã lên ngôi. Mới rồi nghe nói vương có gửi thư cho tướng **[4b]** quân Lâm Lư hầu, muốn tìm anh em thân và xin bãi chức hai tướng quân ở Trường Sa. Trẫm theo thư của vương, đã bãi chức tướng quân Bác Dương hầu rồi, còn anh em thân của vương hiện ở Chân Định, trẫm đã sai người đến thăm hỏi và sửa đắp phần mộ tiên nhân của vương rồi. Ngày trước nghe tin vương đem quân đánh biên giới, cướp phá mãi không thôi, dân Trường Sa khổ sở mà Nam Quận khổ nhất, nước của vương há được lợi riêng hay sao? Tất phải chết nhiều quân lính, hại các tướng lại tài giỏi, làm cho vợ góa chồng, con mồ côi, cha mẹ mất con, được một hại mười, trẫm không nỡ làm thế. Trẫm muốn phân định đất phong xen kẽ để chế ngự lẫn nhau², đem việc ra hỏi, bọn quan lại đều nói: "Cao Hoàng Đế sở dĩ lấy Trường Sa làm địa giới, vì [quá chỗ đó] là đất của vương, không nên tự tiện thay đổi". Nay dù lấy được đất đai của vương cũng không đủ lớn thêm, lấy được của cải của vương cũng không đủ giàu thêm, cõi đất từ Ngũ Lĩnh về nam, vương cứ việc trị lấy. Tuy vậy, vương xưng là **[5a]** đế, hai đế cùng lập mà không có xe sứ thông hiếu, thế là tranh nhau. Tranh mà không biết nhường thì người có nhân không làm. Trẫm nguyện cùng vương đều bỏ hiềm trước, từ nay trở đi thông hiếu như xưa. Vì vậy mới sai Lục Giả sang đưa tờ dụ, để tỏ với vương bản ý của trẫm. Vương cũng nên nghe theo, chớ làm những việc cướp phá nữa. Nhân gửi biểu vương 50 chiếc áo bông thượng hạng, 30 chiếc áo bông trung hạng, 20 chiếc áo bông hạ hạng. Mong rằng Vương hãy nghe nhạc tiêu sậu và thăm hỏi nước láng giềng".

Khi Giả đến, vua tạ lỗi nói: "Kính vâng chiếu chỉ, xin làm phiên vương, giữ mãi lệ cống". Rồi đó vua hạ chiếu rằng: "Trẫm nghe: hai người hùng không đứng cùng nhau, hai người hiền không ở cùng đời. Hoàng Đế nhà Hán là bậc thiên tử hiền tài, từ nay ta triệt bỏ xe mui vàng và cờ tả đạo là nghi chế của hoàng đế". Nhân viết thư rằng: "Man Di đại trưởng lão phu, thần Đà, mạo muội đáng chết, hai lạy dâng thư lên hoàng đế bệ hạ. Lão phu vốn là lại cũ ở đất Việt, Cao Đế ban cho ấn **[5b]** thao làm Nam Việt Vương. Hiếu Huệ Hoàng Đế lên ngôi, vì nghĩa không nỡ tuyệt nên ban cho lão phu rất hậu. Cao Hậu lên coi việc nước lại phân biệt Hoa - Di, ra lệnh không cho Nam Việt những khí cụ làm ruộng bằng sắt và đồng; ngựa, trâu, dê nếu cho thì cũng chỉ cho con đực, không cho con cái. Lão phu ở đất hẻo lánh, ngựa, trâu, dê đã già. Tự nghĩ nếu không sắm lễ vật cúng tế, thì tội thực đáng chết, mới sai nội sử Phan, trung úy Cao, ngự sử Bình, ba bọn dâng thư tạ lỗi, nhưng đều không thấy trở về. Lại nghe đồn rằng, phần mộ của cha mẹ lão phu bị đập phá, anh em họ hàng đều bị giết. Vì vậy, bọn lại bàn nhau rằng: "Nay bên trong không được phần chẵn với nhà Hán, bên ngoài không lấy gì để tự cao khác với nước Ngô". Vì vậy mới đổi xưng hiệu là đế, để tự làm đế nước mình, không dám làm điều gì hại đến thiên hạ. Cao Hoàng Hậu nghe tin cả giận, tức bỏ sổ sách của Nam Việt, khiến cho việc sai người đi sứ không thông. Lão phu trộm ngờ là vì Trường Sa Vương gièm **[6a]** pha, cho nên mới đem quân đến đánh biên giới. Lão phu ở đất Việt 49 năm, đến nay đã ăm chấu rồi, những vẫn phải dậy sớm, ngủ muộn, nằm không yên chiếu, ăn không biết ngon, mắt không trông sắc đẹp, tai không nghe tiếng chuông trống, chỉ vì không được làm tôi nhà Hán mà thôi. Nay may được bệ hạ có lòng thương đến,

¹ Yết giả: chức quan đời Tần, Hán, giữ việc giao thiệp với nước ngoài.

² Nguyên văn: "định địa khuyến nha chi tương chế" (phân định đất đai theo kiểu xen kẽ như răng chó để chế ngự lẫn nhau). Nhà Hán cắt đất phong kiến cho xen lộn phần đất của phiên quốc nọ với phiên quốc kia để dễ bề chế ngự.

được khôi phục hiệu cũ, cho thông sứ như trước, lão phu dù chết xương cũng không nát. Vậy xin đổi tước hiệu, không dám xưng đế nữa. Kính cần sai sứ giả dâng một đôi ngọc bích trắng, 1.000 bộ lông chim trả, 10 sừng tê, 500 vỏ ốc màu tía, 1 giỏ cà cuống, 40 đôi chim trả sống, 2 đôi chim công. Mạo muội liều chết, hai lạy dâng lên hoàng đế bệ hạ".

Lục Giả đem thư ấy về báo, vua Hán rất mừng. Từ đấy Nam Bắc giao hảo, thôi việc binh đao, dân được yên nghỉ.

Quý Hợi, năm thứ 30 [178 TCN], (Hán Văn Đế năm thứ 2). Mùa đông, tháng 10, ngày 30, nhật thực.

[6b] Giáp Tý, năm thứ 31 [177 TCN], (Hán Văn Đế năm thứ 3). Mùa đông, tháng 10, ngày 30 nhật thực. Tháng 11, ngày 30, nhật thực.

Tân Ty, năm thứ 48 [160 TCN], (Hán Văn Đế Hậu Nguyên, năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, ngày 30, nhật thực.

Giáp Thân, năm thứ 51 [157 TCN], (Hán Văn Đế năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 6, vua Hán băng, có chiếu dẫn để tang ngắn. Mùa thu, tháng 9, sao Chổi mọc ở phương tây.

Ất Dậu, năm thứ 52 [156 TCN], (Hán Cảnh Đế Khải, năm thứ 1). Nhà Hán chiếu sai các quận quốc dựng miếu Thái Tông.

Bính Tuất, năm thứ 53 [155 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 2). Mùa đông, tháng 11, có sao Chổi mọc ở phương tây.

Đinh Hợi, năm thứ 54 [154 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, có sao Chổi đuôi dài mọc ở phương tây. Tháng ấy, ngày 30, có nhật thực.

[7a] Mậu Tý, năm thứ 55 [153 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 4). Mùa đông, tháng 10, ngày 30, nhật thực.

Quý Ty, năm thứ 60 [148 TCN], (Hán Cảnh Đế Trung Nguyên năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, có sao Chổi mọc ở phía tây bắc. Mùa thu, tháng 9, ngày 30, có nhật thực.

Giáp Ngọ, năm thứ 61 [147 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 3). Mùa thu, tháng 9, có sao Chổi mọc ở phía tây bắc. Tháng ấy, ngày 30, nhật thực.

Ất Mùi, năm thứ 62 [146 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 4). Mùa đông, tháng 10, ngày 30, nhật thực.

Đinh Dậu, năm thứ 64 [144 TCN], (Hán Cảnh Đế năm thứ 6). Mùa thu, tháng 7, ngày 30, nhật thực. Bấy giờ vua sai sứ sang nhà Hán thì xưng là vương, giữ lễ triều yết cũng như các nước chư hầu, ở trong nước thì theo hiệu cũ [đế].

[7b] Mậu Tuất, năm thứ 65 [143 TCN], (Hán Cảnh Đế Hậu Nguyên, năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, ngày 30, nhật thực.

Canh Tý, năm thứ 67 [141 TCN], (Hán Cảnh Đế [Hậu Nguyên] năm thứ 3). Mùa đông¹, tháng 10, mặt trời, mặt trăng đều sắc đỏ. Tháng 12, sắc mặt trời đỏ tía, năm sao đi ngược chiều ôm lấy chòm sao Thái Vi; mặt trăng đi xuyên vào Thiên Đỉnh (Thiên Đỉnh tức là 10 ngôi sao cung viên Thái Vi ở góc hữu sao Long Tinh, ở khoảng sao Dực sao Chẩn; ấy là cung của thiên tử; tòa của ngũ đế).

Mùa xuân, tháng giêng, vua Hán băng.

Nhâm Dần, năm thứ 69 [139 TCN], (Hán Vũ Đế Triệt, Kiến Nguyên năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 30, nhật thực. Mùa hạ, tháng 4, có sao to bằng mặt trời mọc ban đêm.

¹ Sự việc ghi trong năm Canh Tý này (141 TCN), trước đã nói mùa đông, sau lại ghi việc mùa xuân, hẳn là việc ở hai năm khác nhau. Hán Cảnh Đế ở ngôi 16 năm, chết năm Canh Tý (xem: Lịch đại đế cương miếu thụy niên húy phả) đúng như Toàn Thư ghi tại đây. Vì vậy, điều ghi "mùa đông, tháng 10 ..." ở trên là ghi lại sự việc trong mùa đông năm trước. Hoặc cũng có thể coi là văn bản Toàn thư bỏ sót tiêu mục về năm Kỷ Hợi (142 TCN) mà sự việc về mùa đông đã ghi nhầm vị trí như trên.

Quý Mão, năm thứ 70 [138 TCN], (Hán Kiến Nguyên năm thứ 3). Mùa thu, tháng 7, sao Chổi mọc ở phía tây bắc. Tháng 9, ngày 30, nhật thực.

Giáp Thìn, năm thứ 71 [137 TCN], (Hán Kiến Nguyên, năm thứ 4). Vua băng, thụy là Vũ Đế. Cháu là Hồ lên nối ngôi. (Về sau, nhà Trần [8a] phong là Khai Thiên Thế Đạo Thánh Vũ Thần Triết Hoàng Đế).

Lê Văn Hưu nói: Đất Liêu Đông không có Cơ Tử thì không thành phong tục mặc áo đội mũ [như Trung Hoa], đất Ngô Cối không có Thái Bá thì không thể lên cái mạnh của bá vương. Đại Thuấn là người Đông Di nhưng là bậc vua giỏi trong Ngũ Đế. Văn Vương là người Tây Di mà là bậc vua hiền trong Tam Đại. Thế mới biết người giỏi trị nước không cứ đất rộng hay hẹp, người Hoa hay Di, chỉ xem ở đức mà thôi. Triệu Vũ Đế khai thác đất Việt ta mà tự làm đế trong nước, đối ngang với nhà Hán, gửi thư xưng là "lão phu", mở đầu cơ nghiệp đế vương cho nước Việt ta, công ấy có thể nói là to lắm vậy. Người làm vua nước Việt sau này nếu biết bắt chước Vũ Đế mà giữ vững bờ cõi, thiết lập việc quân quốc, giao thiệp với láng giềng phải đạo, giữ ngôi bằng nhân, thì gìn giữ bờ cõi được lâu dài, người phương Bắc không thể **[8b]** lại ngấp nghé được.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Truyện [Trung Dung] có câu: "Người có đức lớn thì ắt có ngôi, ắt có danh, ắt được sống lâu". [Vũ] Đế làm gì mà được như thế? Cũng chỉ vì có đức mà thôi. Xem câu trả lời Lục Giả thì oai anh vũ kém gì Hán Cao. Đến khi nghe tin Văn Đế đặt thủ ấp trông coi phần mộ tổ tiên, tuế thời cúng tế, lại ban thưởng ưu hậu cho anh em, thì bấy giờ vua lại khuất phục nhà Hán, do đó tông miếu được cúng tế, con cháu được bảo tồn, thế chẳng phải là nhờ đức ư? Kinh Dịch nói: "Biết khiêm nhường thì ngôi tôn mà đức sáng, ngôi thấp mà không ai dám vượt qua". Vua chính hợp câu ấy.

Văn Vương

Ở ngôi 12 năm, thọ 52 tuổi.

Vua lấy nghĩa để cảm nước láng giềng, đánh lui địch, yên biên cảnh, cũng gọi là bậc vua có ý muốn thịnh trị vậy.

[9a] Tên húy là Hồ, con trai Trọng Thủy, cháu Vũ Đế.

Bính Ngọ, năm thứ 2 [135 TCN], (Hán Kiến Nguyên năm thứ 6). Mùa thu, tháng 8, có sao Chổi mọc ở phương đông, đuôi dài hết trời.

Mân Việt Vương Sính xâm lấn biên ấp nước ta. Vua giữ ước với nhà Hán, không tự tiện dấy quân, sai người đem thư nói việc đó với nhà Hán. Nhà Hán khen là nghĩa, vì vua mà phát đại binh, sai Vương Khôi xuất quân từ Dự Chương, Hàn An Quốc xuất quân từ Cối Kê, để đánh Mân Việt.

Hoài Nam Vương [Lưu] An dâng thư can rằng:

"Việt là đất ở ngoài cõi. Dân cắt tóc vẽ mình, không thể lấy pháp độ của nước đội mũ mang đai mà trị được. Từ thời Tam đại thịnh trị, người Hồ, người Việt đã không nhận chính sóc, không phải là vì mạnh mà không hàng phục được, uy không chế ngự được, mà vì đất ấy không thể ở được, dân ấy không thể chăn được, không bỏ làm phiền đến Trung Quốc vậy. Nay họ đánh lẫn nhau mà bệ hạ phát quân đến cứu, thế là trái lại đem Trung Quốc mà **[9b]** phục dịch di địch vậy.

Và người Việt khinh bạc, tráo trở, không theo pháp độ, không phải mới có một ngày. Nay mới không vâng chiếu mà cất quân đi đánh giết, thần sợ sau này việc binh cách không biết đến lúc nào thôi. Vừa rồi mấy năm liền không được mùa, sinh kế của dân chưa lại như cũ, nay phát binh lấy lương, đi mấy nghìn dặm lại thêm rừng sâu tre rậm, nhiều rắn độc thú dữ, tháng hè mùa nắng, các bệnh thổ tả hoặc loạn phát ra luôn, tuy chưa từng ra quân đọ kiếm mà chết chóc tất đã nhiều rồi. Thần nghe rằng sau việc quân lữ, tất là mất mùa, là bởi cái khí sêu khổ phá sự điều hòa của khí âm dương, cảm đến tinh khí

của trời đất, tai biến do đấy mà sinh ra. Bệ hạ đức sánh trời đất, ơn đến cỏ cây, một người đói rét không được hưởng trọn tuổi trời mà chết, bệ hạ cũng lấy làm thương xót trong lòng. Hiện nay trong nước không có tiếng chó sủa báo động mà khiến quân lính phải dãi dầu [10a] ở đồng nội, ngấm ướt ở núi hang, khiến dân ở biên cương phải đóng cửa sớm mở cửa muộn, bữa mai không kịp bữa hôm, thần An trộm xin bệ hạ thận trọng việc đó.

Vả người Việt nhân tài vật lực yếu mỏng không biết đánh bộ, lại không biết dùng xe ngựa cung nỏ, thế mà không thể đem quân vào được, là vì họ giữ được đất hiểm, mà người Trung Quốc thì không quen thủy thổ.

Thần nghe ở đường sá người ta nói rằng: Mân Việt Vương bị em là Giáp giết chết, Giáp cũng đã bị giết rồi, dân nước ấy chưa thuộc về ai. Nếu bệ hạ sai trọng thần đến nơi thăm hỏi, ban đức cấp thưởng để chiêu dụ họ, thế tất họ sẽ dắt trẻ diu già theo về thánh đức. Nếu [bệ hạ] không dùng đất ấy làm gì, thì nước đã mất làm cho còn, dòng đã tuyệt khiến nổi lại, phong làm vương hầu, như thế tất họ phải đem mình làm tôi, đời đời nộp cống. Bệ hạ chỉ dùng cái ấn vuông một tấc, dây thao một trượng hai, mà trấn vỗ được đất ngoài, không phải nhọc một tên lính nào, không phải cùn một chiếc giáo nào, mà uy đức đều được cả. Nay đem quân [10b] vào đất họ, họ tất sợ hãi, trốn vào rừng núi; nếu ta bỏ về, thì họ lại họp đàn tụ lũ, nếu ta ở để giữ, thì hết năm này sang năm khác, quân lính mệt mỏi, lương thực thiếu hết, một phương có việc gấp, thì bốn mặt đều sợ. Thần sợ rằng biến cố sẽ sinh, gian tà sẽ nổi, đều là bắt đầu từ đấy cả.

Thần nghĩ rằng: quân của thiên tử chỉ đi đánh kẻ dưới phạm lỗi, chứ không đi đánh nhau để tranh giành, vì là không ai dám đọ sức. Nếu người Việt làm liều chống lại quan chấp sự mà trong quân kiểm củi đẩy xe có kẻ nào không về đủ thì dù có chém được đầu của Việt Vương, thần cũng lấy làm xấu hổ¹. Bệ hạ lấy chín châu làm nhà, sinh dân đều là thần thiếp cả, đất của di địch nào có đủ làm nhàn hạ được một ngày mà phải phiền đến ngựa đỗ mồ hôi mệt nhọc? Kinh Thi có câu: "Đạo vương tin thực, đất Từ theo về". Ý nói vương đạo rất lớn mà phương xa mến phục. Thần An trộm lo rằng tướng lại đem 10 vạn quân đi chỉ làm cái trách nhiệm của một người [11a] sứ giả mà thôi."

Khi ấy quân nhà Hán chưa qua đèo, Mân Việt Vương đã phát binh giữ chỗ hiểm để chống cự. Em Mân Việt Vương là Dư Thiện cùng với người trong họ bàn nhau rằng: "Vì vương tự tiện đem quân đánh Nam Việt không xin phép nhà Hán, cho nên nhà Hán đem quân đến đánh. Quân Hán nhiều và mạnh, dù may mà mình có đánh được chẳng nữa sau họ lại kéo sang nhiều hơn, chung quy nước cũng bị diệt, chi bằng giết vương để tạ lỗi với nhà Hán mà xin bãi binh". Bèn giết Sính, sai sứ đem đầu nộp cho Vương Khôi. Khôi liền cho đóng quân lại, bảo cho Hàn An Quốc, rồi sai sứ mang đầu Sính chạy về báo. Vua Hán sai Trang Trợ sang tỏ ý cho vua biết. Vua rập đầu nói: "Thiên tử vì quả nhân đem quân giết vua Mân Việt, quả nhân dù chết cũng không báo đáp được ân đức ấy". Mới sai thái tử là Anh Tề sang nhà Hán làm con tin. Nhân bảo Trợ rằng: "Nước tôi mới bị cướp, sứ giả cứ về trước, quả nhân đang ngày đêm sửa hành trang để vào triều kiến thiên tử". Trợ về rồi, bầy tôi đều can [11b] vua rằng: "Quân nhà Hán giết [Mân Việt Vương] Sính là có ý muốn cảnh cáo nước Việt ta. Vả lại tiên đế đã nói thờ nhà Hán cốt không thất lễ thì thôi. Tóm lại chớ nên tin lời nói khéo, vào chầu vua Hán thì không về được nữa, đó là thế mất nước đấy." Vua bèn nói thác là có bệnh rồi không sang yết kiến nữa.

Đinh Mùi, năm thứ 3 [134 TCN], (Hán Nguyên Quang, năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, ngày 30, nhật thực.

Giáp Dần, năm thứ 10 [127 TCN], (Hán Nguyên Sóc năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, ngày 30, nhật thực.

Ất Mão, năm thứ 11 [126 TCN], (Hán Nguyên Sóc năm thứ 3). Vua ốm nặng, Thái tử Anh Tề ở Hán về.

Bính Thìn, năm thứ 12 [125 TCN], (Hán Nguyên Sóc năm thứ 4). Vua mất, thụy là Văn Vương. Con là Anh Tề nối ngôi.

¹ Câu này có khác vài chữ so với nguyên văn bức thư của Lưu An: ".... thần do thiết vị Đại Hán tu chi": thần cũng trộm xấu hổ cho nhà Đại Hán (Hán thư, Hoài Nam Vương truyện).

[12a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Văn Vương giao thiệp với nước láng giềng phải đạo, nhà Hán khen là có nghĩa, đến mức dấy binh đánh giúp kẻ thù; lại biết nghe lời can, thác bệnh không sang châu nhà Hán, giữ phép nhà để mưu cho con cháu, có thể gọi là không xấu hổ với ông nội.

Minh Vương

Ở ngôi 12 năm.

Vua không cẩn thận mỗi vợ chồng, gây thành loạn cho quốc gia, không có gì đáng khen.

Tên húy là Anh Tề, con trưởng của Văn Vương.

Đinh Ty, năm thứ 1 [124 TCN], (Hán Nguyên Sóc năm thứ 5). Lấy Lữ Gia làm Thái phó.

Kỷ Mùi, năm thứ 3 [122 TCN], (Hán Nguyên Thú năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 5, ngày 30, nhật thực.

Nhâm Tuất, năm thứ 6 [119 TCN], (Hán Nguyên Thú năm thứ 4). Mùa xuân, sao Chổi mọc ở phía đông bắc. Mùa hạ, sao Chổi dài mọc [12b] ở phương tây.

Ất Sửu, năm thứ 9 [116 TCN], (Hán Nguyên Đinh năm thứ 1).

Mậu Thìn, năm thứ 12 [113 TCN], (Hán Nguyên Đinh năm thứ 4). Trước kia vua làm thế tử, sang làm con tin cho nhà Hán ở Trường An, lấy con gái người họ Cù ở Hàm Đan, sinh con tên là Hưng. Đến khi lên ngôi, giấu ẩn của tiên đế đi, dâng thư sang nhà Hán xin lập Cù thị làm hoàng hậu, Hưng làm thế tử. Nhà Hán mấy lần sai sứ giả sang khuyên vua vào châu. Vua sợ vào yết kiến phải theo pháp độ nhà Hán ngang với các chư hầu ở trong, cố ý cáo ốm không đi, bèn sai con là Thứ công vào làm con tin. Năm ấy vua mất, thụy là Minh Vương. Con là Hưng nối ngôi.

Ai Vương

Ở ngôi 1 năm [112 TCN].

[13a] Mẫu hậu ngang nhiên dâm loạn, quyền thần chuyên chính, vua hèn tuổi trẻ, giữ nổi thế nào được.

Tên húy là Hưng, con thứ của Minh Vương.

Năm ấy, vua đã lên ngôi, tôn mẹ là Cù thị là thái hậu.

Trước kia, thái hậu chưa lấy Minh Vương, đã từng thông dâm với An Quốc Thiệu Quý người Bá Lăng. An Quốc là họ, Thiệu Quý là tên. Năm ấy nhà Hán sai An Quốc Thiệu Quý sang dụ vua và thái hậu vào châu, như đối với các chư hầu ở trong, lại sai biện sĩ là bọn Gián nghị đại phu Chung Quân tuyên dụ, dũng sĩ là bọn Ngụy Thần giúp việc, vệ úy Lộ Bác Đức đem quân đóng ở Quế Dương để đợi sứ giả. Khi ấy vua còn ít tuổi, Cù hậu là người Hán, Thiệu Quý đến, lại tư thông. Người nước biết, phần nhiều không theo thái hậu. Thái hậu sợ loạn nổi, muốn dựa uy nhà Hán, nhiều lần khuyên vua và các quan xin nội phụ nhà Hán. [13b] Bèn nhờ sứ nhà Hán dâng thư, xin theo như các chư hầu ở trong, cứ 3 năm một lần vào châu, triệt bỏ cửa quan ở biên giới. Vua Hán bằng lòng, ban cho vua và Thừa tướng Lữ Gia ấn

bằng bạc và các ấn nội sử, trung úy, thái phó, còn các chức khác được tự đặt lấy. Bỏ hình phạt cũ thích chữ, cắt mũi, dùng pháp luật nhà Hán như các chư hầu ở trong. Các sứ giả đều ở lại để trấn giữ vỗ về¹.

Kỷ Ty, năm thứ 1 [112 TCN], (Hán Nguyên Đĩnh năm thứ 5). Vua và thái hậu đã sửa soạn hành trang lễ vật quý giá để vào châu. Bấy giờ Tể Tướng Lữ Gia tuổi đã nhiều, làm tướng trải ba triều, người trong họ làm trưởng lại đến hơn 7 chục người, con trai đều lấy con gái vua, con gái đều gả cho con em vua và người tôn thất, cùng thông gia với Tần Vương ở quận Thương Ngô, trong nước rất được lòng dân hơn cả vua. Gia nhiều lần dâng thư can vua, vua không nghe, nhân thế có lòng muốn làm phản, thường cáo ốm không tiếp **[14a]** sứ giả nhà Hán. Các sứ giả nhà Hán đều chú ý đến Gia, nhưng thế chưa thể giết được. Vua và thái hậu cũng sợ bọn Gia khởi sự trước, muốn nhờ sứ giả nhà Hán trừ mưu giết bọn Gia. Bèn đặt tiệc rượu mời sứ giả đến dự, các đại thần đều ngồi hầu rượu. Em Gia làm tướng, đem quân đóng ở ngoài cung. Tiệc rượu mới bắt đầu, thái hậu bảo Gia rằng: "Nam Việt nội thuộc [Trung Quốc] là điều lợi cho nước, thế mà tướng quân lại cho là bất tiện là tại sao?", cốt để chọc tức sứ giả. Sứ giả còn đương hồ nghi, chần chừ chưa dám làm gì. Gia thấy tai mắt họ có vẻ khác thường, lập tức đứng dậy đi ra. Thái hậu giận, muốn lấy giáo đâm Gia, vua ngăn lại. Gia bèn ra chia lấy quân lính của em dẫn về nhà, cáo ốm không chịu gặp vua và sứ giả, ngầm cùng các đại thần mưu làm loạn. Vua vốn không có ý giết Gia, Gia cũng biết thế, vì vậy đến mấy tháng không hành động gì. Thái hậu muốn một mình giết Gia nhưng sức không làm nổi. **[14b]** Vua Hán nghe tin Gia không nghe mệnh, mà vua và thái hậu thì cô lập, yếu ớt không chế ngự nổi, sứ giả thì nhút nhát không quyết đoán, lại thấy vua và thái hậu đã nội phụ rồi, chỉ một mình Lữ Gia làm loạn, không đáng dấy quân, muốn sai Trang Sâm đem 2 nghìn người sang sứ. Trang Sâm nói: "Lấy sự hòa hiếu mà sang, thì vài người cũng đủ, lấy vũ lực mà sang, thì 2 nghìn người không làm gì được". Sâm từ chối không nhận. Vua Hán bèn bãi chức Sâm. Tướng Tể Bắc cũ là Hàn Thiên Thu hăng hái nói: "Một nước Việt còn con, lại có vương và thái hậu làm nội ứng, chỉ một mình thừa tướng Lữ Gia làm loạn, xin cấp cho 3 trăm dũng sĩ, thế nào cũng chém được Gia về báo". Bấy giờ nhà Hán sai Thiên Thu và em Cù thái hậu là Cù Lạc đem 2 nghìn người tiến vào đất Việt. Lữ Gia bèn hạ lệnh cho trong nước rằng: "Vua còn nhỏ tuổi, thái hậu vốn là người Hán, lại cùng với sứ giả nhà Hán âm mưu, chuyên ý muốn nội phụ với nhà Hán, đem hết **[15a]** đồ châu báu của Tiên Vương dâng cho nhà Hán để nịnh bợ, đem theo nhiều người đến Trường An rồi bắt bán cho người ta làm đầy tớ, chỉ nghĩ mỗi lợi một thời, không đoái gì đến xã tắc họ Triệu và lo kế muôn đời". Bèn cùng với em đem quân đánh, giết vua và thái hậu, cùng tất cả bọn sứ giả nhà Hán, rồi sai người đi báo cho Tần Vương ở Thương Ngô và các quận ấp, lập con trưởng của Minh Vương là Thuật Dương hầu Kiến Đức làm vua. Vua bị giết, tên thụy là Ai Vương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tai họa của Ai Vương, tuy bởi ở Lữ Gia mà sự thực thì gây mầm từ Cù Hậu. Kể ra sắc đẹp đàn bà có thể làm nghiêng đổ nước nhà người ta thì có nhiều manh mối, mà cái triệu của nó thì không thể biết trước được. Cho nên các tiên vương tất phải đặt ra lễ đại hôn², tất phải cẩn thận quan hệ vợ chồng, tất phải phân biệt hiềm nghi, hiểu những điều nhỏ nhặt, tất phải chính vị trong ngoài, tất phải ngăn ngừa việc ra vào, tất phải dạy đạo **[15b]** tam tông, thì sau đó mỗi họa mới không do đâu mà đến được. Ai Vương ít tuổi không thể ngăn giữ được mẹ, Lữ Gia coi việc nước, việc trong việc ngoài lại không dự biết hay sao? Khách của nước lớn đến, thì việc đón tiếp có lễ nghi, chỗ ở có thứ tự, cung ứng có số, thừa tiếp có người, sao đến nỗi để thông dâm với mẫu hậu? Mẫu hậu ở thẳm trong cung, không dự việc ngoài: khi nào có việc ra ngoài, thì có xe da cá, có màn đuôi trĩ, cung tần theo hầu, sao để đến nỗi thông dâm với sứ khách được? Bọn Gia toan dập tắt lửa cháy đồng khi đang cháy rực, sao bằng ngăn ngay cái cơ họa loạn từ khi chưa có triệu chứng gì có hơn không? Cho nên nói: Làm vua mà không biết nghĩa Xuân Thu tất phải chịu cái tiếng cầm đầu tội ác; làm tôi không biết nghĩa Xuân Thu tất mắc phải tội cướp ngôi giết vua, tức như là Minh Vương, Ai Vương và Lữ Gia vậy.

¹ Nguyên bản in là: "dụng Hán pháp, tỳ nội chư hầu giả giai trấn phủ chi", cú pháp và ý nghĩa đều không ổn. Ở Sử Ký (q.113 Nam Việt liệt truyện) câu này viết rõ là: ".... dụng Hán pháp, tỳ nội chư hầu. Sứ giả giai lưu trấn phủ chi". Như vậy, văn bản của Toàn Thư ở câu trên đây bỏ sót hai chữ: sứ và lưu. Chúng tôi dịch theo câu đã chỉnh lý.

² Đại hôn: là hôn lễ của hoàng đế.

Thuật Dương Vương

[16a] Ở ngôi 1 năm [111 TCN].

Xã tắc họ Triệu, Cù hậu làm cho nghiêng, gốc đã nhổ trước rồi, ngọn cũng theo mà đổ.

Tên húy là Kiến Đức, con trưởng của Minh Vương và người vợ Việt.

Bấy giờ, mùa đông, tháng 11, Tể tướng Lữ Gia đã lập vua lên ngôi, mà quân của Hàn Thiên Thu đã vào cõi, đánh phá một vài ấp nhỏ. Gia bèn mở một đường thẳng để cấp lương cho quân, [khi quân nhà Hán] đến còn cách Phiên Ngung 40 dặm, thì Gia xuất quân đánh, giết được bọn Thiên Thu. Sai người đem sứ tiết của nhà Hán cho vào trong hòm để trên núi Tái Thượng (tức là đèo Đại Dũ) dùng lời khéo để tạ tội, [một mặt] phát binh giữ chỗ hiểm yếu. Vua Hán nghe tin, sai Phục ba tướng quân Lộ Bác Đức xuất phát từ Quế Dương, Lâu thuyền tướng quân Dương Bộc xuất phát từ Dự Chương, Qua thuyền tướng quân¹ Nghiêm (sử chép thiếu họ) xuất phát từ Linh Lăng, Hạ lại tướng quân Giáp **[16b]** (sử chép thiếu họ) đem quân xuống Thương Ngô, Trì Nghĩa hầu Quý² (sử chép thiếu họ) đem quân Dạ Lang xuống sông Trường Kha, đều hội cả ở Phiên Ngung.

Canh Ngọ, năm thứ 1 [111 TCN], (Hán Nguyên Đĩnh năm thứ 6). Mùa đông, Dương Bộc nhà Hán đem 9 nghìn tinh binh hãm Tầm Hiệp, phá Thạch Môn (Lữ Gia chắt đá giữa sông gọi là Thạch Môn) lấy được thuyền thóc của ta kéo luôn cả các thuyền ấy đi, đem mấy vạn người đợi Phục ba tướng quân Lộ Bác Đức. Bác Đức nói vì đường xa nên chậm, rồi cùng với Lâu thuyền tướng quân hội quân tiến đến Phiên Ngung. Bấy giờ [Lộ Bác Đức] có hơn 1 nghìn người cùng tiến [với quân Dương Bộc]. Dương Bộc đi trước đến Phiên Ngung. Vua và Lữ Gia cùng giữ thành. Dương Bộc tự chọn chỗ thuận tiện đóng ở mặt đông nam; Lộ Bác Đức đóng ở mặt tây bắc. Vừa chập tối, Dương Bộc đánh bại [quân Triệu], phóng lửa đốt thành. Bác Đức không biết quân trong thành nhiều hay ít bèn đóng doanh, sai sứ chiêu dụ. Kế nào ra hàng đều cho ẩn thao và tha cho về để chiêu dụ nhau. Lâu thuyền³ **[17a]** tướng quân Dương Bộc cố sức đánh, đuổi [quân Triệu] chạy ngược vào dinh quân của Lộ Bác Đức. Đến tờ mờ sáng thì trong thành đầu hàng. Vua và Gia cùng với vài trăm người, đang đêm chạy ra biển. Bác Đức lại hỏi những người đầu hàng biết chỗ ở của Gia, bèn sai người đuổi theo. Hiệu úy tư mã là Tô Hoảng bắt được vua, quan lang Việt là Đô Kê (có bản chép là Tôn Đô) bắt được Gia. Bấy giờ quân của Hạ lại và Qua thuyền tướng quân, cùng quân Dạ Lang của Trì Nghĩa hầu chưa đến mà nước Việt ta đã bị Lộ Bác Đức và Dương Bộc dẹp yên rồi. (Bấy giờ nước Việt ta sai ba quan sứ⁴ đem 300 con trâu, 1.000 chung rượu và sổ hộ của 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam đến xin hàng; Lộ Bác Đức nhân đó cho ba người ấy làm thái thú ở 3 quận để trị dân như cũ). Từ đó [nhà Hán] lấy đất chia làm 9 quận là: Nam Hải (quận của nhà Tần, nay là đất Quảng Đông nhà Minh), Thương Ngô (nhà Đường gọi là Ích Châu⁵, xưa là Ấu Lạc, đất của nước Việt ta), Uất Lâm (nhà Tần là quận Quế Lâm, Hán Vũ Đế đổi làm tên này), Hợp Phố (nhà Tần là Tượng Quận, nay thuộc Liêm Châu), Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (đều là Tượng Quận thời Tần)⁶, Châu Nhai, Đạm Nhĩ (đều ở trong biển lớn). Từ đây nhà Hán bắt đầu [17b] đặt Thứ sử, Thái thú. Chế độ nhà Hán đặt Thứ sử cai trị một châu, Thái thú cai trị một quận (quận là cấp dưới của châu) ...

¹ Phục ba tướng quân, Lâu thuyền tướng quân, Qua thuyền tướng quân, Hạ lại tướng quân đều là danh hiệu cấp tướng quân đời Hán Vũ Đế (phục ba: dẹp sóng, lâu thuyền: thuyền lâu, hạ lại: xuống thác). Riêng về tên hiệu Qua thuyền tướng quân, Trương An chú giải Sử Ký viết: "Người Việt thường lặn dưới nước để lật úp thuyền, lại thường có thói quen làm hại cho nên phải cầm qua ở dưới thuyền, nhân đó mà đặt tên" (qua là một loại vũ khí).

² Từ Quảng chú giải Sử Ký ghi Trì Nghĩa hầu tên là Di.

³ Nguyên bản thiếu từ 17 a-b và đóng nhầm từ 17 a-b của BK2, chúng tôi theo bản in khác để bổ sung từ thiếu này.

⁴ Ở năm Quý Mão (198 TCN), Toàn thư đã ghi Triệu Vũ Đế sai hai sứ coi giữ hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân; ở đây lại nói sai ba quan sứ đem sổ hộ của 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Lời căn án của Cương mục (TB2,2b) dẫn sách Thủy Kinh chú của Lịch Đào Nguyên cũng chép việc tương tự để đính chính điều ghi trên đây: chỉ có hai sứ ở hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân, không nói đến quận Nhật Nam.

⁵ Thương Ngô là tên quận đặt thời Hán, nhà Đường đổi gọi là Ngô Châu (nay là huyện Thương Ngô, tỉnh Quảng Tây), chứ không phải là Ích Châu (nay là Tứ Xuyên) như người chú thích nguyên bản đã nhầm.

⁶ Xem chú thích 3 tr.138.

Lê Văn Hưu nói: Lữ Gia can ngăn Ai Vương và Cù thái hậu không nên xin làm chư hầu nhà Hán, đừng triệt bỏ cửa quan ở biên giới, có thể gọi là biết trọng nước Việt vậy. Song can mà không nghe, thì nghĩa đáng đem hết bầy tôi đến triều đình, trước mặt vua trình bày lợi hại về việc nước Hán, nước Việt đều xưng đế cả, có lẽ Ai Vương và thái hậu cũng nghe ra mà tỉnh ngộ. Nếu lại vẫn không nghe theo, thì nên tự trách mình mà lánh ngôi [tể tướng], nếu không thể thì dùng việc cũ họ Y¹, họ Hoắc, chọn một người khác trong hàng con của Minh Vương để thay ngôi, cho Ai Vương được như Thái Giáp² và Xương Ấp mà giữ toàn tính mệnh, như thế thì không lỗi đường tiến thoái. Nay lại giết vua để hạ lòng oán, lại không biết cố chết để giữ lấy nước, khiến cho nước Việt bị chia cắt, phải làm tôi nhà Hán, tội của Lữ Gia đáng chết không dung.

[18a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngũ Lĩnh đối với nước Việt ta là ải hiểm cửa ngõ của nước cũng như Hồ Lao của nước Trịnh, Hạ Dương của nước Quắc. Làm vua nước Việt tất phải đặt quân chỗ hiểm để giữ nước, không thể để cho mất được. Họ Triệu một khi đã không giữ được đất hiểm ấy thì nước mất dòng tuyệt, bờ cõi bị chia cắt. Nước Việt ta lại bị phân chia, thành ra cái thế Nam-Bắc vậy. Sau này các bậc Đế Vương nổi dậy, chỗ đất hiểm đã mất rồi, khôi phục lại tất nhiên là khó. Cho nên Trưng Nữ Vương tuy đánh lấy được đất Lĩnh Nam, nhưng không giữ được nơi hiểm yếu ở Ngũ Lĩnh, rốt cuộc đến bại vong. Sĩ Vương tuy khôi phục toàn thịnh, nhưng bấy giờ còn là chư hầu, chưa chính vị hiệu, sau khi chết lại mất hết; mà các nhà Đinh, Lê, Lý, Trần chỉ có đất từ Giao Châu trở về Nam thôi, không khôi phục được đất cũ của Triệu Vũ Đế, cái thế khiến nên như vậy.

Trở lên là. họ Triệu, từ Vũ Đế năm Giáp Ngọ đến Thuật Dương Vương năm Canh Ngọ là hết, gồm 5 đời, cộng 97 năm [207 - 111 TCN].

¹ Họ Y: tức Y Doãn, quan phụ chính của nhà Thương; sau khi vua Thang chết, cháu nội là Thái Giáp đáng được nối ngôi, nhưng Giáp kém đạo đức. Y Doãn bèn đày Giáp đến đất Đổng, sau 3 năm, Thái Giáp hối cải, Y Doãn lại đón về cho làm vua. Họ Hoắc: là Hoắc Quang, quan phụ chính của nhà Hán. Sau khi Hán Chiêu Đế chết, theo di chiếu, Quang rước lập Xương Ấp Vương lên nối ngôi, nhưng Xương Ấp Vương dâm loạn, Quang phế đi mà lập Tuyên Đế.

² Xem chú thích NK1, 8b.

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỳ Toàn Thư

Quyển III

[1a]

Kỷ Thuộc Tây Hán

Tân Mùi, [110 TCN], (Hán Nguyên Phong năm thứ 1). Nước Việt ta đã thuộc về nhà Hán. Nhà Hán cho Thạch Đái làm Thái Thú 9 quận. (Chế độ nhà Hán lấy châu lãnh quận, trừ hai quận Châu Nhai, Đạm Nhĩ đều ở giữa biển, còn 7 quận thuộc về Giao Châu, Đái làm châu Thái thú¹. Thời Tây Hán, trị sở của Thái Thú đặt tại Long Uyên, tức là Long Biên, thời Đông Hán đặt tại Mê Linh tức là Yên Lãng². Đến khi Đái chết, Hán Chiêu Đế lấy Chu Chương thay. Đến cuối đời Vương Mãng, châu mục Giao Châu là Đặng Nhượng cùng các quận đóng chặn bờ cõi để tự giữ. Tướng nhà Hán là Sầm Bành vốn quen thân với Nhượng, gửi thư cho Nhượng bày tỏ uy đức của nhà Hán. Thế rồi [Nhượng] bảo Thái thú Giao Chỉ là Tích Quang và Thái thú các quận là bọn Đỗ Mục sai sứ sang cống hiến nhà Hán. Nhà Hán đều phong cho những người ấy tước hầu. Bấy giờ là năm Kỷ Sửu thời Hán Quang Vũ năm Kiến Vũ thứ 5 [29]. Tích Quang người quận Hán Trung, khi ở [1b] Giao Chỉ, lấy lễ nghĩa dạy dân. Lại lấy Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân. Diên là người Uyên [huyện]. Tục người Cửu Chân chỉ làm nghề đánh cá, đi săn, không biết cày cấy. Diên mới dạy dân khai khẩn ruộng đất, hàng năm cày trồng, trăm họ no đủ. Dân nghèo không có sính lễ cưới vợ, Diên bảo các trưởng lại trở xuống bót bổng lộc ra để giúp đỡ, cùng một lúc lấy vợ có đến 2.000 người. Diên coi việc được 4 năm thì bị gọi về. Người Cửu Chân làm đền thờ. Những người đẻ con đều đặt tên là Nhâm. Phong tục văn minh của đất Lĩnh Nam bắt đầu từ hai thái thú ấy.

Kỷ Hợi, [39], (Hán Quang Vũ Lưu Tú, Kiến Vũ năm thứ 15). Thái thú Giao Chỉ là Tô Định chính sự tham lam tàn bạo, Trưng Nữ Vương dấy binh đánh.

Trở lên là [kỷ] thuộc nhà Hán, từ năm Tân Mùi đến năm Kỷ Hợi, cộng 149 năm [110 TCN - 39].

¹ Thạch Đái: làm thái thú 9 quận, Cương mục (TB2, 6b) sửa là thứ sử bộ Giao Chỉ. Nhưng thứ sử là chức quan được đặt vào năm Nguyên Phong thứ 5 (106 TCN) đời Hán Vũ Đế.

² Yên Lãng: nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[2a]

Kỷ Trưng Nữ Vương

Trưng Vương

Ở ngôi 3 năm.

Vua rất hùng dũng, đuổi Tô Định, dựng nước xưng vương, nhưng vì là vua đàn bà, không thể làm nên công tái tạo.

Tên húy là Trắc, họ Trưng. Nguyên là họ Lạc, con gái của Lạc tướng huyện Mê Linh¹, Phong Châu, vợ của Thi Sách ở huyện Chu Diên². (Thi Sách cũng là con Lạc tướng, con hai nhà tướng kết hôn với nhau. Sách Cương mục tập lãm lấy Lạc làm họ là lầm). Đóng đô ở Mê Linh.

Canh Tý, năm thứ 1 [40], (Hán Kiến Vũ năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 2, vua khố vì Thái thú Tô Định dùng pháp luật trói buộc, lại thù Định giết chồng mình, mới cùng với em gái là Nhị nổi binh đánh hãm trị sở ở châu. Định chạy về nước. Các quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, lấy được [2b] 65 thành ở Lĩnh Nam, tự lập làm vua, mới xưng là họ Trưng.

Tân Sửu, năm thứ 2 [41], (Hán Kiến Vũ năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, ngày 30, nhật thực. Nhà Hán thấy họ Trưng xưng vương, dấy quân đánh lấy các thành ấp, các quận biên thùy bị khổ, mới hạ lệnh cho Trường Sa, Hợp Phố và Giao Châu ta sắp sẵn xe thuyền, sửa sang cầu đường, thông các núi khe, chứa thóc lương, cho Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó sang xâm lược.

Nhâm Dần, năm thứ 3 [42], (Hán Kiến Vũ năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, Mã Viện theo ven biển mà tiến, san núi làm đường hơn nghìn dặm, đến Lăng Bạc (ở phía tây Tây Nhai của La Thành, gọi là Lăng Bạc)³ đánh nhau với vua. Vua thấy thế giặc mạnh lắm, tự nghĩ quân mình ô hợp, sợ không chống nổi, lui quân về giữ Cấm Khê (Cấm Khê, sử chép là Kim Khê). Quân cũng cho vua là đàn bà, sợ không đánh nổi địch, bèn tan chạy. Quốc thống lại mất.

[3a] Lê Văn Hưu nói: Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu cho đến trước họ Ngô, trong khoảng hơn nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà hay sao? Ôi ! Có thể gọi là tự vút bỏ mình vậy.

Trở lên là Trưng Nữ Vương, bắt đầu từ năm Canh Tý đến năm Nhâm Dần thì hết, tất cả 3 năm [40-42].

Kỷ Thuộc Đông Hán

¹ Huyện Mê Linh: thời thuộc Hán bao gồm phần đất tỉnh Vĩnh Phú và một số huyện thuộc ngoại thành Hà Nội ngày nay.

² Huyện Chu Diên: thời thuộc Hán ở miền lưu vực sông Đáy (thuộc một phần đất Hà Tây và Hà Nam Ninh).

³ Ở đây, Toàn thư cho Lăng Bạc là Hồ Tây (Hà Nội), nhưng như vậy là lầm. Nhiều nhà nghiên cứu đã đoán định Lăng Bạc ở vùng huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

Quý Mão, [Trưng Vương, năm thứ 4], [43], (Hán Kiến Vũ năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, Trưng Nữ Vương cùng em gái là Nhị chống cự lại với quân nhà Hán, [3b] thể cô, đều thua chết. Mã Viện đuổi theo đánh quân còn sót là bọn Đô Dương. Đến huyện Cư Phong thì [bọn Đô Dương] đầu hàng, [Viện] bèn dựng cột đồng làm giới hạn cuối cùng của nhà Hán. (Cột đồng tương truyền ở trên động Cổ Lâu¹ châu Khâm. Viện có câu thơ: "Cột đồng gãy thì Giao Châu diệt". Người Việt ta đi qua dưới cột ấy, thường lấy đá chắt vào, thành như gò đồng, vì sợ cột ấy gãy. Mã Tổng nhà Đường lại dựng hai cột đồng ở chỗ cũ của nhà Hán ghi công đức của Mã Viện để tỏ ra mình là dòng dõi của Phục Ba, nay chưa rõ ở chỗ nào. Hai sông Tả Giang, Hữu Giang mỗi nơi có một cột). Viện thấy huyện Tây Vu có 3 vạn 3 nghìn hộ, xin chia làm hai huyện Phong Khê và Vọng Hải, vua Hán nghe theo. Viện lại đắp thành Kiến Giang ở huyện Phong Khê. Thành đắp tròn như hình cái kén, cho nên lấy [chữ Kiến]² làm tên. Nước Việt ta lại thuộc vào nhà Hán. Ba năm sau, Viện trở về. Người địa phương thương mến Trưng Nữ Vương, làm đền thờ phụng (đền ở xã Hát Giang, huyện Phúc Lộc³, ở đất cũ thành Phiên Ngung cũng có).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Họ Trưng giận thái thú nhà Hán bạo ngược, vung tay hô một tiếng mà [4a] quốc thống nước ta cơ hồ được khôi phục, khí khái anh hùng há chỉ lúc sống dựng nước xưng vương, mà sau khi chết còn có thể chống ngăn tai họa. Phàm gặp những việc tai ương hạn lụt, đến cầu đảo không việc gì là không linh ứng. Cả bà Trưng em cũng thế. Vì là đàn bà mà có đức hạnh kẻ sĩ, cái khí hùng dũng trong khoảng trời đất không vì thân chết mà kém đi. Bọn đại trượng phu há chẳng nên nuôi lấy cái khí phách cương trực chính đại ấy ư?

Giáp Thìn, [44], (Hán Kiến Vũ năm thứ 20). Từ đây về sau, trải các đời Hán Minh Đế, Chương Đế, Hòa Đế, Thượng Đế, An Đế, gồm 5 đời, cộng 82 năm, duy thời Minh Đế có Lý Thiệu người huyện Nam Dương làm Thái thú Nhật Nam, làm việc chính sự có ân huệ yên dân, khiến cho người khác phong tục cũng mến chuộng tìm đến. Sau Thiệu đổi làm Thái thú Cửu Chân.

Bính Tý, [136], (Hán Thuận Đế Bảo, Vĩnh Hòa năm thứ 1). Thái thú Chu Xưởng cho là Giao Châu ở ngoài chín châu [4b], ở rìa Bách Việt, dâng biểu xin đặt phương bá⁴. Vua Hán để cho Xưởng làm Thứ sử⁵, cai quản các quận huyện.

Đinh Sửu, [137], (Hán Vĩnh Hòa năm thứ 2). Người man ở huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam (ở địa giới nước Việt Thường xưa), là bọn Khu Liên đánh phá quận huyện, giết trưởng lại. Thứ sử Giao Châu là Phàn Diễn đem quân châu và quân Cửu Chân hơn vạn người đi cứu ứng, nhưng quân lính ngại đi xa. Mùa thu, tháng 7, quân hai quận làm phản đánh phủ trị, thể chuyển thành mạnh.

Mậu Dần, [138], (Hán Vĩnh Hòa năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 5, Thị ngự sử Giả Xương cùng với các châu quận hợp sức đánh bọn Khu Liên không được, bị Khu Liên vây đánh hơn một năm, binh lương không thể tiếp tế được. Vua Hán gọi các công khanh và thuộc lại bốn phủ để hỏi phương lược, các quan đều bàn nên sai tướng phát 4 vạn quân của bốn châu Kinh, Dương, [5a] Duyện, Dự đi đánh. Lý Cổ bác đi, nói rằng: "Các châu Kinh, Dương giặc cướp tụ họp chưa tan; Trường Sa, Quế Dương đã nhiều lần bị thu thuế bắt lính, nay lại làm rối động, ắt lại sinh họa nữa. Người các châu Duyện, Dự phải đi xa muôn dặm, chiếu thư thúc bách, tất phải bỏ trốn. Nam Châu⁶ thì trời nắng nực, ẩm thấp lại thêm lam chướng dịch lệ, 10 phần phải chết đến 4, 5 phần. Đường xa muôn dặm, quân lính mỏi mệt, đến lúc tới Lĩnh Nam thì đã không kham nổi chiến đấu. Quân đi mỗi ngày 30 dặm mà Duyện, Dự cách quận Nhật Nam hơn 9

¹ Chuyện cột đồng Mã Viện được chép trong một số tài liệu của Trung Quốc, nhưng đều không ăn khớp với nhau. Cho cột đồng ở Cổ Lâu (Khâm Châu) chỉ là một thuyết, CMTB2, 13b chép là Cổ Sâm (theo Nhật Thống Chí của nhà Thanh).

² Kiến: ổ kén.

³ Nay ở Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.

⁴ Phương bá: gọi chung quan đứng đầu địa phương, nhưng thường chỉ quan đứng đầu một châu như Thứ sử, Quan sát sứ thời Hán, Bồ chính sứ thời Minh - Thanh, v.v...

⁵ Về việc Chu Xưởng dâng biểu, Cương mục ghi rõ: "Khoảng thời Hán Thuận Đế, Thái thú Giao Chỉ là Chu Xưởng xin lập đất Giao Chỉ làm một châu, triều đình bàn định không cho, nhưng phong cho Chu Xưởng làm Thứ sử Giao Chỉ" (CMTB2, 17b, dẫn Tân Chí). Như vậy nhà Hán chỉ cho Xưởng làm Thứ sử là chức quan chính thức của người cai quản một châu, còn việc lập riêng một châu (lĩnh các quận) thì mãi đến năm Kiến An thứ 8 (203) mới thực hiện.

⁶ Nam Châu: châu ở phương Nam, chỉ Giao Châu.

ngàn dặm, phải 3 trăm ngày mới đến. Tính lương một người ăn mỗi ngày 5 thăng, thì phải dùng đến 60 vạn斛 gạo, đó là không kể lương thực của tướng lại và lừa ngựa. Đặt quân ở đấy, chết chóc rất nhiều, đã không đủ quân chống giặc, lại phải bắt thêm. Thế là xẻo cắt lòng bụng để chấp vá cho chân tay. Cửu Chân và Nhật Nam chỉ cách nhau 1 ngàn dặm, lại dân ở đó đi đánh còn không kham nổi, huống chi lại làm khổ quân lính ở bốn châu **[5b]** để cứu nạn xa muôn dặm? Trước đây Trung lang tướng Doãn Tự đánh người Khương làm phản ở Ích Châu, người Ích Châu có nạn ngữ rằng: "Lỗi lai thượng khả, Doãn lai sát ngã" (Giặc đến còn khá, Doãn đến chết ta). Sau Tự bị đòi về, đem quân giao cho Phán châu là Trương Kiều, Kiều vẫn dùng tướng lại của Tự, chỉ trong khoảng mười hôm, diệt hết giặc cướp. Thế là bằng chứng tỏ rằng sai tướng đi là vô ích, mà châu quận có thể dùng được. Nay nên chọn người nào có dũng lược nhân huệ, có thể làm tướng sủng được, cho làm Thứ sử, Thái thú, dời lại dân ở Nhật Nam đến nương dựa vào quận Giao Chỉ ở Bắc, trở lại chiêu mộ người Man Di, khiến họ đánh lẫn nhau, chuyển vận hàng lụa đến để cấp cho, kẻ nào có thể phản gián dụ hàng thì cắt đất phong cho. Thứ sử Tính Châu trước là Chúc Lương dũng mãnh quyết đoán, Trương Kiều trước ở Ích Châu có công phá giặc, đều có thể dùng được. Bốn phủ đều theo lời bàn của Cố. Bèn cho Lương làm Thái thú Cửu Chân, Kiều làm Thứ sử Giao Châu. **[6a]** Kiều đến nơi, lấy lòng thành thật dỗ bảo, dân chúng đều hàng phục. Lương đi một xe đến Cửu Chân, tỏ rõ uy tín, người ra hàng đến vài vạn.

Giáp Thân, [144], (Hán Kiến Khang năm thứ 1). Mùa thu, tháng 8, vua Hán mất. Mùa đông, tháng 10, người Nhật Nam lại đánh đốt quận Ấp. Thứ sử Cửu Chân là Hạ Phương gọi những kẻ ra hàng dỗ bảo họ. Sau Phương đổi làm Thái thú Quế Dương, lấy Lưu Tảo thay.

Canh Tý, [160] (Hán Hoàn Đế Chí, Nguyên Gia năm thứ 2). Mùa đông, tháng 11, người quận Cửu Chân lại đóng giữ quận Nhật Nam, quân chúng trở nên mạnh hơn. Khi ấy Hạ Phương đã đổi làm Thái thú Quế Dương, lại giao cho làm Thứ sử. Phương vốn có tiếng về uy đức, khi đến Nhật Nam, dân chúng tụ họp hơn vạn người đem nhau đến đầu hàng Phương.

Mậu Ngọ, [178], (Hán Linh Đế Hoàn, Quang Hòa năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, người trong châu và bọn Man Ô Hử¹ làm loạn đã lâu, mục **[6b]** thú là Chu Ngung không ngăn được, người châu là bọn Lương Long nhân đây dấy binh đánh phá quận huyện, quân đến vài vạn người.

Tân Dậu, [181], (Hán Quang Hòa năm thứ 4). Vua Hán sai Huyện lệnh Lan Lăng là Chu Tuấn, người Thượng Ngụ quận Cối Kê, sang cứu Ngung. Đường đi qua quê nhà, Tuấn mộ thêm gia binh cùng với binh đem đi theo cộng 5 ngàn người, theo hai đường tiến vào. Trước hết sai xem xét hư thực, tuyên dương uy đức để lay động lòng người rồi quân bày quận² tiến bực, giết được Lương Long, kẻ đầu hàng đến vài vạn người.

Giáp Tý, [183], (Hán Trung Bình năm thứ 1). Đồn binh người châu bắt Thứ sử Chu Ngung giết đi, sai người đến cửa khuyết kể tội trạng của Ngung. Vua Hán nghe tin, xuống chiếu chọn kỹ quan lại có tài. Hữu ty tiến cử Giả Tông là người Liêu thành Đông Quận làm Thứ sử (Tông trước làm Ngự sử). Trước đây những người làm Thứ sử thấy **[7a]** đất châu có các thú ngọc trai, lông trả, tê, voi, đồi mồi, hương lạ, gỗ tốt, nhiều người không liêm khiết, vợ vét của cải cho đầy, rồi lại xin đổi đi, cho nên lại dân đều làm phản cả. Kịp khi Tông đến bộ³, xét hỏi tình trạng làm phản, người ta đều nói rằng chính lệnh trước thuế má nặng quá, trăm họ không ai không khổ túng thiếu, Kinh sư thì xa, không biết tố cáo vào đâu, dân không sống nổi, nên tụ họp nhau để chống, chứ không thực sự làm phản. Tông mới sai người chia đi các nơi để khuyên dỗ, khiến đều yên nghiệp làm ăn, dụ dỗ những kẻ lưu vong, tha bớt thuế khóa. Rồi giết kẻ bạo ngược đầu sỏ, chọn quan lại tốt cho giữ quận huyện. Trăm họ được yên, trên đường ngõ người ta có câu rằng: "Giả phụ lại vẫn, sử ngã tiên phản. Kim kiến thanh bình, bất cảm phục bạn". (Bố Giả đến muện, khiến ta phản trước; Nay thấy thanh bình, không dám phản nữa). Tông coi việc 3 năm, được gọi về làm chức Nghị Lan. Lý Tiến thay. (Lý Tiến là người Giao Châu ta).

¹ Ô Hử: tên tộc thiểu số ở vùng núi Ô Hử thuộc huyện Hoàn, tỉnh Quảng Tây (CMTB2, 24a dẫn Hậu Hán Thư và Nam Châu Di Vật Chí cũng ghi Ô Hử ở phía nam Quảng Châu, phía bắc Giao Châu). Nguyên bản in nhầm là Điều Hử, chữ Ô dễ nhầm với chữ Điều.

² Nguyên bản in nhầm là: "thổ quận binh", đúng ra là "thất quận binh" (theo Hậu Hán Thư q.71, Chu Tuấn truyện), chữ thất dễ nhầm với chữ thổ.

³ Tức là bộ Giao Chỉ.

[7b] Bính Dần, [186], (Hán Trung Bình năm thứ 3)¹

Lê Văn Hưu nói: Xem sử đến thời nước Việt ta không có vua, bị bọn thứ sử người Bắc tham tàn làm khổ. Bắc Kinh đường xa, không biết kêu vào đâu, bất giác xen lẫn cảm thương hổ thẹn, muốn tỏ lòng thành như Minh Tông nhà Hậu Đường, thường thắp hương khẩn trời: xin trời vì nước Việt ta sớm sinh thánh nhân, tự làm đế nước nhà, để khỏi bị người phương Bắc cướp vét.

Trở lên là thời thuộc Hán, từ năm Quý Mão đến năm Bính Dần, tất cả 144 năm [43-186].

¹ Năm này chỉ ghi tên năm Can Chi và niên hiệu nhà Hán, không thấy ghi việc.

Kỷ Sĩ Vương

Sĩ Vương¹

Ở ngôi 40 năm, thọ 90 tuổi.

Vương là người khoan hậu khiêm tốn, lòng người yêu quý, giữ vẹn đất Việt để đương đầu với sức mạnh của Tam quốc, đã sáng suốt lại mưu trí, đáng gọi là người hiền.

[8a] Họ Sĩ, tên húy là Nhiếp², tự là Ngạn Uy, người huyện Quảng Tín, quận Thương Ngô. Tổ tiên người Văn Dương nước Lỗ, hồi loạn Vương Mãng ở Bắc triều, tránh sang ở đất Việt ta, đến vương là sáu đời. Cha là Tứ, thời Hán Hoàn Đế làm Thái thú Nhật Nam. Khi còn ít tuổi, vương du học ở kinh đô nhà Hán, theo học Lưu Tử Kỳ người Dĩnh Xuyên, chuyên trị sách Tả thị Xuân Thu, có làm chủ giải: được cử hiều liêm, bổ làm Thượng thư lang, vì việc công bị miễn chức; hết tang cha, lại được cử mậu tài, bổ làm Huyện lệnh Vu Dương, đổi làm Thái thú Giao Châu, được tước Long Độ Đình hầu, đóng đô ở Liên Lô (tức là Long Biên)³. Sau nhà Trần truy phong làm Thiên Cảm Gia Ứng Vũ Đại Vương.

Đinh Mão, năm thứ 1 [187], (Hán Trung Bình năm thứ 4). Vương có ba em trai tên là Nhất, Vĩ⁴ và Vũ. Bấy giờ Thứ sử Chu **[8b]** Phù bị giặc Di giết chết, châu quận rối loạn, vương bèn dâng biểu cử Nhất làm Thái thú Hợp Phố, Vĩ làm Thái thú Cửu Chân, Vũ làm Thái thú Nam Hải. Vương độ lượng khoan hậu, khiêm tốn, kính trọng kẻ sĩ, người trong nước yêu mến, đều gọi là vương. Danh sĩ nhà Hán tránh nạn sang nương tựa có hàng trăm người.

Canh Thìn, năm thứ 14 [200], (Hán Hiến Đế Hiệp, Kiến An năm thứ 5). Thứ sử Lý Tiến dâng lời tâu lên vua Hán rằng: "Khắp cả thiên hạ đều là bề tôi của vua, thế mà nay làm quan ở triều đình đều là sĩ phu ở Trung Châu⁵ cả, chưa từng khuyến khích người xa". Lời lẽ thiết tha cảm động, lại viện dẫn nhiều bằng chứng. Vua Hán xuống chiếu cho người châu ta ai được cử hiều liêm mậu tài thì cho phép được bổ trưởng lại trong châu, không được bổ ở Trung châu. Tiến lại dâng sớ nói: "Người được cử làm hiều liêm xin cho được như bác sĩ ở mười hai châu, căn cứ theo nhân tài mà đối xử". **[9a]** Nhưng hữu ty sợ rằng người phương xa khoác lác mà chê bai bắt bẻ triều đình, nên không chuẩn cho. Bấy giờ người nước Việt ta là Lý Cầm làm túc vệ ở đài, bèn rủ người đồng hương là bọn Bốc Long 5, 6 người, giữa ngày đầu năm các nước triều hội, đến quỳ lạy ở sân điện tâu rằng: "On vua ban không đều". Hữu ty hỏi vì có gì? Cầm nói: "Nam Việt ở xa không được trời che, đất chở, cho nên mưa ngọt không xuống, gió mát không đến". Lời ý khẩn thiết đau đớn. Vua Hán xuống chiếu an ủi, lấy một người mậu tài nước ta làm Huyện lệnh Hạ Dương, một người hiều liêm làm Huyện lệnh Lục Hợp (Cầm là người Giao Châu). Sau Lý Cầm làm quan đến Tư lệ hiệu úy, Trương Trọng làm Thái thú Kim Thành. Như thế nhân tài nước Việt ta được cùng tuyển dụng như người Hán là mở đầu từ Lý Cầm, Lý Tiến vậy. (Trọng người quận Nhật Nam,

¹ Tác giả Toàn Thư theo quan điểm chính thống đương thời đề cao nho học, coi Sĩ Nhiếp là người có công đầu trong việc truyền dạy chữ Hán ở nước ta. Cương mục (phần lệ) có nhận xét: "Sĩ Nhiếp theo lệnh triều đình Trung Quốc phải sang làm Thái thú, không từng xưng vương bao giờ, thế mà sử cũ cũng chép riêng thành một kỷ, nay tước bỏ đi, chỉ chép thẳng công việc thời ấy để ghi lấy sự thực ...". Để tôn trọng tác giả, chúng tôi vẫn giữ đúng nguyên bản, nhưng chỉ phiên âm chữ "vương" chứ không dịch là vua như đối với các đế vương khác: hết kỷ Sĩ Vương thì dịch thẳng là Sĩ Nhiếp.

² Nguyên bản in chữ ____ theo Khang Hy tự điển, đó là lỗi viết không chính thức (tục tự) của chữ _____. Các tự điển cổ dẫn trong tự điển nói trên đều chưa âm đọc hai chữ ấy là Tiếp (hoặc phiên: tô hiệp thiết; hoặc phiên: tất hiệp thiết) CMTB2, 29a cũng chưa âm là Tiếp (tô thiếp thiết). Nhưng ở đây chúng tôi vẫn phiên là Nhiếp theo thói quen lâu nay.

³ Liên Lô: cũng thường đọc là Luy Lô, ở Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc, nay còn di tích thành, theo nhiều nhà khoa học, thành Liên Lô không phải là Long Biên.

⁴ Sĩ Vĩ, Toàn thư chép với chữ ____; theo Tam quốc chí [Sĩ Nhiếp truyện] tên đúng là chữ _____ (đều âm Vĩ).

⁵ Túc nội địa Trung Quốc.

khí trước đến Lạc Dương, gặp hội lớn tết Nguyên Đán, Tấn Minh Đế¹ hỏi: "Ở quận Nhật Nam hướng về phía bắc để trông mặt trời phải không?" Trọng đáp rằng: "Nay trong các quận, có quận gọi là Vân Trung (trong mây), là Kim Thành (thành vàng), không hẳn phải có thật. Còn như phong khí ẩm áp, mặt trời đứng bóng trên đầu sinh dân [9b] thì vẫn có thể". Xét: Khoảng niên hiệu Nguyên Gia [424-454] đời Tống Văn Đế, [quân Tống] đi đánh Lâm Ấp ở phương nam, tháng năm, dựng nêu để đo bóng, thấy mặt trời ở về phía bắc cây nêu 9 tấc 1 phân² Giao Châu thì bóng ở về phía nam cây nêu 3 tấc 3 phân. Giao Châu cách Lạc Thủy hơn 6,7 nghìn dặm. Chỗ dựng nêu tính đường dây thẳng thì nên bớt đi nghìn dặm. Năm Khai Nguyên thứ 12 [724] thời Đường, đo ở Giao Châu vào ngày hạ chí, bóng ở phía nam cây nêu 3 tấc 3 phân, cũng giống số đo năm Nguyên Gia. Sách Luận Hành của Vương Sung nói: "Quận Nhật Nam ở cách Lạc [Dương] gần vạn dặm về phía nam mặt trời." Lý Thuyên nói: "Từ phủ An Nam đến Trường An cách 7.250 dặm". Mạnh Quán nói: "Lấy bốn phương mà đo thì An Nam đứng vào đất cuối cùng của Trung Quốc").

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Người quân tử đối với lời nói không thể cho qua được. Ngày xưa Tông Miệt³ nếu không có lời nói thì cùng với cỏ cây mục nát mà thôi. Lý Cầm không có lời nói thì sao được dùng ở đời, mà người tài giỏi của nước Việt ta, người phương bắc làm sao biết được? Lời nói không thể cho qua là vì vậy. Tuy nhiên, đây chỉ nói riêng về nhân tài thôi, còn như Nhan [Hồi], Mẫn [Tử Khiên] thì không nói thể được.

[10a] Đinh Hợi, năm thứ 21 [207], (Hán Kiến An năm thứ 12). Viên Huy nhà Hán gửi thư cho Thượng thư lệnh là Tuân Úc rằng: "Giao Châu Sĩ phủ quân⁴ đã học vấn sâu rộng lại thông hiểu chính trị, trong thời buổi đại loạn, giữ vẹn được một quận hơn 20 năm, bờ cõi không xảy ra việc gì, dân không mất nghiệp, những bọn khách xa đến trú chân⁵ đều được nhờ ơn, dẫu Đậu Dung giữ đất Hà Tây cũng không hơn được. Khi việc quan có chút nhàn rỗi thì chăm xem các sách thư, truyện. Phàm những chỗ biên chép không rõ ràng trong sách Xuân Thu Tả thị truyện, [tôi] đem hỏi, đều được ông giảng giải cho những chỗ nghi ngờ, đều có kiến giải của bậc thầy, ý tứ rõ ràng, chặt chẽ. Lại như sách Thượng thư, cả cổ văn và kim văn, những ý nghĩa to lớn, ông đều hiểu biết tường tận, đầy đủ. Anh em ông làm quan coi quận, hừng trường một châu, ở lánh ngoài muôn dặm, uy tín không ai hơn. Khi ra vào thì đánh chuông khánh, uy nghi đủ hết; kèn sáo thổi vang, xe ngựa đầy đường, người Hồ⁶ đi sát bánh xe để đốt hương thường có đến mấy mươi người; vợ cả, vợ lẽ đi xe che kín, bọn con em cưỡi ngựa dẫn quân theo **[10b]** hầu, người đương thời ai cũng quý trọng, các man di đều sợ phục, dẫu Úy Đà cũng không hơn được". (Huy bấy giờ ngụ ở Giao Châu). Sau vua Hán sai Trương Tân làm Thứ sử. (Tân nhận chức năm Kiến An thứ 6 [221] thời Hán). Tân thích việc quý thần, thường đội khăn đỏ, gậy đàn, đốt hương, đọc sách Đạo giáo, nói rằng có thể giúp việc giáo hóa, [sau] bị tướng là Khu Cảnh giết, châu mục Kinh Châu là Lưu Biểu sai Huyện lệnh Linh Lăng là Lại Cung thay Tân. Vua Hán nghe tin Tân chết, gửi cho vương [Sĩ Nhiếp] bức thư có đóng dấu ấn nói rằng: "Giao Châu ở cõi xa, một dải sông biển ở phía nam, ơn trên không truyền đến, nghĩa dưới bị nghẽn tắc, thế mà nghịch tặc Lưu Biểu lại sai Lại Cung dòm ngó đất

¹ Về việc Trương Trọng giải thích tên gọi quận Nhật Nam, lời chú thích của Toàn Thư ở đây ghi là trả lời câu hỏi của Tấn Minh Đế (323-326). Cương mục căn cứ theo Lĩnh Nam di thư ghi là Trọng trả lời câu hỏi của Hán Minh Đế (58-76) chứ không phải Tấn Minh Đế. Do đó, nếu kể nhân tài nước ta được tuyển dụng như người Hán thì phải kể Trương Trọng là người mở đầu (CMTB2, 27).

² Nguyên văn trong Toàn thư: "Nhật tại biểu bắc cửu thốn nhất phân". Câu này vô nghĩa vì mặt trời không thể ở phía Bắc nêu 9 tấc 1 phân. Tân Đường thư, q.31, Thiên văn chỉ chép rõ là: "Mặt trời ở phía bắc, bóng ở Giao Châu ở về phía nam là 3 tấc, ở Lâm Ấp là 9 tấc 1 phân". Như vậy các số đo ở đây là của bóng cây nêu. Ở Lâm Ấp cũng như ở Giao Châu, trong tháng năm, mặt trời đều ở phía bắc và bóng cây nêu đều đổ về phía nam. Nếu cây nêu dùng để đo cùng một kích thước thì càng ở xa về phía nam, như Lâm Ấp, bóng càng dài hơn.

³ Tông Miệt: tự Nhiên Minh, người nước Trịnh, thời Xuân Thu, có tiếng là người hiền nhưng tướng mạo xấu xí. Khi Thúc Hưởng nước Tấn sang Trịnh, Miệt đứng hầu dưới sân, chỉ nghe một lời bàn việc. Thúc Hưởng liền biết đó là Tông Miệt, bèn xuống thềm dặt tay mời lên.

⁴ Phủ quân: tức Thái thú. Thời Hán, dinh Thái thú gọi là phủ, do đó gọi Thái thú là phủ quân.

⁵ Nguyên văn: "ky lữ", chỉ người Hán tránh loạn ở Trung Quốc chạy sang nước ta.

⁶ Hồ nhân: chỉ các nhà sư Ấn Độ, Trung Á đến truyền đạo ở Liên Lô, trị sở của bộ Giao Chỉ thời bấy giờ.

Nam¹, nay cho Khanh làm Tuy Nam trung lang tướng trông coi bảy quận, lĩnh Thái thú Giao Châu như cũ". Vương sai thuộc lại là Trương Mân mang đồ cống sang kinh đô nhà Hán. Bấy giờ thiên hạ loạn lạc, đường sá đứt gãy, nhưng vương vẫn không bỏ việc nộp cống. Vua Hán lại xuống chiếu cho làm An Viễn [11a] tướng quân, phong tước Long Độ Đình hầu. Sau Thái thú Thương Ngô là Ngô Cự bất hòa với Cung, đem binh đánh đuổi, Cung chạy về Linh Lăng.

Canh Dần, năm thứ 24 [210], (Hán Kiến An năm thứ 15). Ngô Vương là Tôn Quyền sai Bộ Chất làm Thứ sử Giao Châu. Khi Chất đến, vương đem anh em đến vâng theo mệnh lệnh. Ngô Vương cho vương làm Tả tướng quân. Sau vương sai con là Ngẫm² làm con tin ở nước Ngô, Ngô Vương cho làm Thái thú Vũ Xương. Các con của vương ở Nam đều cho làm Trung lang tướng. Vương lại đổ bảo thổ hào ở Ích Châu là bọn Ung Khải đem dân chúng trong quận phụ thuộc xa với nước Ngô ở miền đông. Ngô Vương càng khen, thăng làm Vệ tướng quân, tước Long Biên hầu. Vương thường sai sứ sang nước Ngô dâng các thứ hương liệu, vải mịn, kể số hàng nghìn. Các thứ quý lạ như ngọc trai, ốc lớn, lưu ly, lông trĩ, đồi mồi, sừng tê, ngà voi [11b] cùng các thứ quả lạ như chuối, dứa, long nhãn, không năm nào không tiến, lại cống ngựa hàng mấy trăm con. Ngô Vương viết thư ban cho rất hậu để yên ủi và đáp lại.

Lê Văn Hưu nói: Sĩ Vương biết lấy khoan hậu khiêm tốn để kính trọng kẻ sĩ, được người thân yêu mà đạt đến quý thịnh một thời. Lại hiểu nghĩa, thức thời, tuy tài và dũng không bằng Triệu Vũ Đế, nhưng chịu nhún mình thờ nước lớn, để giữ vẹn bờ cõi, có thể gọi là người trí. Tiếc rằng con nối không gánh vác nối cơ nghiệp của cha, để cho bờ cõi nước Việt đã toàn thịnh mà lại bị chia cắt, đáng buồn thay !

Bính Ngọ, năm thứ 40 [226], (Hán Hậu Chúa Thiên, Kiến Hưng năm thứ 4; Ngô Tôn Quyền, Hoàng Vũ năm thứ 5). Vương mất. Trước vương ốm, đã chết đi 3 ngày, người tiên là Đổng Phụng cho một viên thuốc hòa vào nước ngậm, rồi đỡ lấy đầu mà lay [12a] động, mạch chốc lát mở mắt động tay, sắc mặt bình phục dần dần, ngày hôm sau ngồi dậy được, 4 ngày lại nói được, rồi trở lại bình thường. (Phụng tên tự là Xương Di, người huyện Hậu Quan, sự tích có chép trong Liệt tiên truyện. Hậu Quan là tên huyện, thuộc Phúc Châu).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nước ta thông thi thư, học lễ nhạc, làm một nước văn hiến, là bắt đầu từ Sĩ Vương, công đức ấy không những chỉ ở đương thời mà còn truyền mãi đời sau, há chẳng lớn sao? Con không hiền là tội của con thôi. Tục truyền rằng sau khi vương chết đã chôn, đến cuối thời nhà Tấn đã hơn 160 năm, người Lâm Ấp vào cướp, đào mộ của vương, thấy mình mặt vẫn như sống, cả sợ lại đắp lại, người địa phương cho là thần, làm miếu để thờ gọi là "Tiên Sĩ Vương". Có lẽ là khí tinh anh không nát, cho nên thành thần vậy. (Đền thờ tại thành cũ Long Biên³)

[12b] Trở lên là [kỷ] Sĩ Vương, từ năm Đinh Mão đến năm Bính Ngọ, tất cả 40 năm [187-226].

¹ Cuối đời Hán Hiến Đế, Lưu Biểu làm Thứ sử Kinh Châu, không thần phục nhà Hán.

² Lời chú của Cương mục nói: Con Sĩ Nhiếp là Hàm, sử cũ (tức Toàn Thư) chép sai là Ngẫm.

³ Đền Sĩ Nhiếp ở thành Liên Lô và Tam Á gần đó. Toàn thư cho Liên Lô là Long Biên nên chú như vậy.

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỳ Toàn Thư

Quyển IV

[1a]

Kỷ Thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương

Đinh Mùi, [227], (Hán Kiến Hưng năm thứ 5; Ngô Hoàng Vũ năm thứ 6), Vua Ngô nghe tin Sĩ Nhiếp mất, thấy Giao Châu ở xa cách, mới chia từ quận Hợp Phố trở về bắc thuộc vào Quảng Châu, cho Lữ Đại làm Thứ sử; từ quận Hợp Phố trở về nam thuộc vào Giao Châu, cho Đái Lương làm Thứ sử. Lại sai Trần Thì làm Thái thú thay Sĩ Nhiếp. Đại ở lại Nam Hải. Lương và Thì cùng lên đường. Đến Hợp Phố nghe tin ở Giao Châu con Sĩ Nhiếp là Huy đã tự làm Thái thú, đem tông binh ra chống cự. (Cuối thời nhà Hán, tôn thất nổi loạn, người Nam cũng tụ họp hàng làm binh để tự vệ, cho nên gọi là tông binh). Lương ở lại Hợp Phố. Thuộc lại của Sĩ Nhiếp là Hoàn Lân cúi đầu can Huy, xin đón Lương, Huy giận đánh chết Lân.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ xưa hễ giết bề tôi can ngăn thì chưa từng không mất nước. Nước Trần giết [1b] Tiết Dã, nước Tề giết Cô Huyền, việc nước Trần, nước Tề đáng làm gương soi, lấy đó làm răn. Thế mà còn có người giết bề tôi can ngăn như Sĩ Huy, nổi nghiệp chưa kịp quay gót mà đã phải chết là đáng lắm.

Anh của Lân là Trị và con là Phát lại họp tông binh đánh Huy. Huy đóng cửa thành để giữ. Bọn Trị đánh mấy tháng không hạ được thành, bèn giảng hòa và đều bãi binh. Kế đó Lữ Đại vâng chiếu nước Ngô đánh Huy, đem quân từ Quảng Châu, ngày đêm đi gấp đến Hợp Phố, cùng với Lương đều tiến, dụ con của Sĩ Nhiếp là Trung Lang Tướng Khuông¹ bảo Huy ra chịu tội, tuy mất chức quận thú, nhưng bảo đảm không có lo ngại gì khác. Đại theo Khuông đến sau. Anh Huy là Chi, em Huy là bọn Cán, Tụng sáu người cỡi trần² đón Đại. Đại mặc áo thường³ đi thẳng đến quận trị. Sáng hôm sau, Đại bày màn trướng, mời anh em Huy theo thứ tự đi vào. Tân khách đầy nhà, Đại đứng dậy cầm phù tiết đọc tờ chiếu kể tội Huy, tả hữu trói quặt [2a] [anh em Huy] đưa ra ngoài, đem chém cả, lấy đầu đưa về Vũ Xương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sĩ Huy cha mất không xin mệnh mà đã tự lập, lại đem quân chống mệnh, theo nghĩa thì phải đánh. Nhưng Lữ Đại đã dụ [Huy] ra hàng mà lại giết đi là trái lẽ. Giữ điều tin là báu của nước. Huy đã hàng cứ trói giải về Vũ Xương, khiến cho việc sinh sát được quyết ở trên, mà uy tín lan xuống kẻ dưới, há chẳng hay hơn ư? Tôn Thịnh nói: "Hòa với người phương xa, được lòng người ở gần, không gì hay hơn chữ Tín". Lữ Đại giết kể đầu hàng để cầu công, người quân tử lấy làm chê cười, xem thế mới biết họ Lữ không được lâu là phải lắm.

Nhất, Vĩ và Khuông sau mới ra hàng, được Ngô Vương tha tội, cùng với con tin của Sĩ Nhiếp là Ngẫm, đều giáng làm thứ nhân. Được vài năm, Nhất và Vĩ có tội bị giết, duy có Khuông ốm chết trước. Đến khi Ngẫm chết, đại [2b] tướng của Huy là Cam Lễ và Hoàn Trị đem lại dân đánh Đại, Đại đánh tan

¹ Cương mục chép Sĩ Khuông là con Sĩ Nhất, tức là cháu chứ không phải con Sĩ Nhiếp (CMTB3,4a).

² Nguyên văn: "nhục đàn" nghĩa là để mình trần không mặc áo, tỏ ý xin chịu tội chết.

³ Nguyên văn: "Đại vi phục ...". Theo Tam Quốc Chí, q.5 "Đại từ chối, bảo mặc áo lại" (Ngô thư, Sĩ nhiếp truyện), ý nghĩa rõ ràng hơn: Lữ Đại vờ tỏ cho anh em Sĩ Huy hiểu ý không bị tội nặng. Cương mục (TB3, 4a) ngữ câu văn của Toàn Thư chép sai, đã sửa lại theo tài liệu đã dẫn.

được. Bấy giờ mới bỏ Quảng Châu, đặt lại Giao Châu như cũ. Đại tiến đánh quận Cửu Chân, chém và bắt được kể hàng vạn người.

Tân Hợi, [231], (Hán Kiến Hưng năm thứ 9; Ngô Hoàng Vũ năm thứ 3). Người man Ngũ Khê ở Vũ Lăng nước Ngô làm phản. Ngô Vương cho là đất miền Nam đã dẹp yên, gọi Thứ sử Lữ Đại về. Thái thú Hợp Phố là Tiết Tống¹ dâng sớ nói: "Ngày xưa vua Thuấn đi tuần phương nam, mất ở Thương Ngô, nhà Tần đặt các quận Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận, thế thì bốn quận² ấy nội thuộc đã lâu rồi. Triệu Đà nổi dậy ở Phiên Ngung, vỗ về thần phục được vua Bách Việt, đó là miền đất về phía nam quận Châu Nhai, Hiếu Vũ (nhà Hán) giết Lữ Gia, mở 9 quận, đặt chức Thứ sử ở Giao Chỉ, dời những người phạm tội ở Trung Quốc sang ở lẫn vào các nơi ấy, cho học sách ít nhiều, hơi thông hiểu lễ hóa. Đến khi Tích Quang làm Thái thú Giao Chỉ, Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân, dựng nhà học, dẫn dắt bằng lễ nghĩa. Từ đấy trở đi, hơn 400 [3a] năm, dân tựa hồ đã có quy củ. Nhưng đất rộng người đông, núi rừng hiểm trở, dễ làm loạn. Thần từng thấy Hoàng Cái ở Nam Hải làm Thái thú Nhật Nam, khi đến nơi thấy đồ cung đốn, trần thiết không đủ, đánh chết người chủ bạ, nhưng rồi cũng bị đánh đuổi. Thái thú Cửu Chân là Đàm Manh vì bố vợ là Chu Kinh mà bày tiệc mời các quan to. Khi rượu say cho cử nhạc, công tào Phan Hâm đứng dậy múa, rồi mời Kinh. Kinh không chịu đứng lên, Hâm cứ thúc ép mãi. Manh nổi giận giết Hâm. Em của Hâm đem quân đến đánh Manh. Thái thú Giao Chỉ trước là Sĩ Nhiếp sai quân đến đánh dẹp không được. Bấy giờ Thứ sử Chu Phù phần nhiều cho người làng như bọn Ngu Bao, Lưu Ngạn chia nhau làm trưởng lại, vợ vét của dân, một con cá vàng thu thóc mộc hộ. Trăm họ oán ghét làm phản, kéo đi đánh phá châu quận, Phù phải chạy ra biển. Bộ Chất đã lần lượt làm cỏ, kỷ cương mới được chấn chỉnh lại. Sau Lữ Đại bình được loạn Sĩ Huy, đổi đặt các trưởng lại, làm sáng tỏ kỷ cương của nhà vua, uy [3b] danh khắp muôn dặm, lớn nhỏ đều theo. Do đó mà xem thì giữ yên biên giới, vỗ về dân xa quả thật là ở tại người. Bổ nhiệm các chức bá mục nên chọn người thanh liêm. Ngoài cõi hoang phục thì họa phúc lại càng hệ trọng lắm. Nay Giao Châu tuy rằng tạm yên, nhưng còn bọn giặc lâu nay ở Cao Lương³ bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Châu Nhai cũng chưa yên, trộm cướp thường tụ họp. Nếu Đại không trở lại phương Nam nữa thì Thứ sử mới nên chọn người nào cẩn thận chu đáo, có phương lược mưu kế để vỗ về, mới có thể trị yên được. Còn như hạng người thường, chỉ biết giữ phép thường, không có mưu kỳ chức lạ thì lũ ác nghịch⁴ ngày thêm nảy nở⁵". Ngô Vương lại cho Đại làm Trấn Nam tướng quân, phong tước Phiên Ngung hầu (có sách chép là phong Ngụy quận Lăng Lệ Công).

Mậu Thìn, [284], (Hán Diên Hy năm thứ 11; Ngô Vĩnh An năm thứ 1)⁶. Người Cửu Chân lại đánh hãm thành ấp, châu quận rối động. Ngô Vương cho Hành Dương đốc quân đô úy Lục Dận (có sách chép là Lục Thương) làm Thứ sử kiêm hiệu úy. [4a] Dận đến nơi, lấy ân đức tín nghĩa hiệu dụ, dân ra hàng phục đến hơn 3 vạn nhà, trong châu lại yên. Sau, người con gái ở quận Cửu Chân là Triệu Ấu tập họp dân chúng đánh chiếm các quận huyện (Ấu vú dài 3 thước, vắt ra sau lưng, thường ngồi trên đầu voi đánh nhau với giặc). Dận dẹp yên được. (Sách Giao Chỉ chí chép: Trong núi ở quận Cửu Chân có người con gái họ Triệu, vú dài 3 thước, không lấy chồng, họp đảng cướp bóc các quận, huyện, thường mặc áo ngắn màu vàng, chân đi giày mũi cong⁷, ngồi đầu voi mà chiến đấu, sau chết làm thần)⁸.

¹ Tức là Tiết Kính Văn, như đã chép trong Cương Mục (TB3, 5b).

² Nguyên văn chép là "tứ quốc", hiểu là bốn quận (quận quốc)

³ Cao Lương: tên huyện, thuộc quận Hợp Phố

⁴ "Quần ác nhật tư" nguyên bản in nhầm chữ _____ quần thành chữ _____ quận.

⁵ Lời sớ của Tiết Tống chép trong Toàn Thư có khác một số chỗ với văn bản trong Tam Quốc Chí, Ngô Thư q.8 Tiết Tống Truyện.

⁶ Năm Mậu Thìn (248) đúng là niên hiệu Diên Hy thứ 11 đời Hán Hậu Thư chúa Lưu Thiện, nhưng các văn bản Toàn Thư đều in chữ Hy (trong tên niên hiệu) là _____ đúng ra là chữ _____. Lại về niên hiệu tương ứng của nhà Ngô, các bản đều ghi nhầm là Vĩnh An năm thứ 1, đúng ra là niên hiệu Xích Ô năm thứ 11 đời Ngô Tôn Quyền.

⁷ Nguyên văn chữ Hán: "xỉ lý".

⁸ Thái bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử (thời Tống) cũng có chép sự tích bà Triệu Ấu với nội dung tương tự.

Quý Mùi, [263], (Hán Viêm Hưng năm thứ 1, Ngô Vĩnh An năm thứ 16)¹. Mùa xuân, tháng 3, lúc trước nhà Ngô lấy Tôn Tư làm Thái thú Giao Châu, Tư là người tham bạo, làm hại dân chúng. Đến đây vua Ngô sai Đặng Tuân đến quận. Tuân lại tự tiện bắt dân nộp 30 con công đưa về Kiến Nghiệp. Dân sợ phải đi phục dịch đường xa, mới mưu làm loạn. Mùa hạ, tháng 4, quận lại là Lữ Hưng giết Tư và Tuân, xin nhà Tấn đặt Thái thú và cho binh. (Xét sách Cương mục chép là xin nhà Ngụy đặt quan, nhưng đến năm sau. Ngụy nhường ngôi cho Tấn, thì Ngụy cũng tức là Tấn). Các quận Cửu Chân, Nhật Nam đều hưởng ứng. Năm ấy [4b] nhà Hán mất.

Giáp Thân, [264], (Ngụy Tào Hoán Hàm Hy năm thứ 1, Ngô Tôn Hạo Nguyên Hưng năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, nhà Ngô tách Giao Châu, đặt Quảng Châu. Bấy giờ Ngô đã phụ vào Tấn. Nhà Tấn cho Lữ Hưng làm An Nam tướng quân đô đốc Giao Châu chư quân sự, cho Nam Trung giáp quân là Hoắc Đặc xa lĩnh² Thứ sử Giao Châu, cho được tùy nghi tuyển dụng trưởng lại. Đặc dâng biểu tiến cử Thoán Cốc (có sách chép là Phần Cốc) làm Thái thú, đem thuộc lại là bọn Đồng Nguyên, Vương Tổ đem quân sang giúp Hưng, nhưng chưa đến nơi thì Hưng đã bị công tào là Lý Thống giết. Cốc cũng chết (có sách chép Cốc ốm chết).

Ất Dậu, [265], (Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm, Thái Thủy năm thứ 1, Ngô Cam Lộ năm thứ 1), Vua Tấn sai Mã Dung người Ba Tây thay Hưng. Dung ốm chết. Đặc lại sai Dương Tắc người Kiện Vĩ thay Dung làm Thái thú.

[5a] Mậu Tý, [268], (Tấn Thái Thủy năm thứ 4, Ngô Bảo Định năm thứ 3). Nhà Ngô lấy Lưu Tuấn làm Thứ sử. Tuấn cùng với Đại đô đốc Tu Tắc³ và Tướng quân Cố Dung trước sau 3 lần đánh Giao Châu. [Dương] Tắc đều chống cự và đánh tan được cả. Các quận Uất Lâm, Cửu Chân đều theo về Tắc. Tắc sai tướng quân là Mao Linh⁴ và Đồng Nguyên đánh quận Hợp Phố, giao chiến ở Cổ Thành (tức là thành quận Hợp Phố), đánh tan quân Ngô, giết Lưu Tuấn và Tu Tắc, dư binh tan chạy về Hợp Phố, Dương Tắc nhân đó dâng biểu cử Mao Linh làm thái thú Uất Lâm, Đồng Nguyên làm Thái thú Cửu Chân.

Kỷ Sửu, [269], (Tấn Thái Thủy năm thứ 5, Ngô Kiến Hành năm thứ 1). Mùa đông, tháng 10, nhà Ngô sai Giám quân Nhu Phiếm, Uy Nam tướng quân Tiết Hủ và Thái thú quận Thương Ngô người Đan Dương là Đào Hoàng theo đường Kinh Châu sang; Giám quân Lý Đình, Đốc quân Từ Tôn theo đường biển Kiến An sang, đều hội ở Hợp Phố để đánh [Dương] Tắc (Lý Đình có sách chép là Lý Húc).

Tân Mão, [271], (Tấn Thái Thủy năm thứ 7, Ngô Kiến Hành năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 4, Ngu Phiếm, Tiết Hủ, Đào Hoàng chống nhau với Tắc, đánh nhau [5b] ở sông Phần⁵ Đào Hoàng thua, lui về giữ Hợp Phố, chết hai tướng. Hủ giận bảo Hoàng: "Người tự dâng biểu xin đi đánh giặc mà để chết mất hai tướng thì trách nhiệm ở đâu?" Hoàng nói: "Hạ quan không được làm theo ý mình, quân sĩ không hòa thuận, cho nên đến nỗi thua như thế". Hủ chưa nguôi giận, muốn đem quân trở về. Đêm ấy, Hoàng đem mấy trăm quân đánh úp Đồng Nguyên, lấy được của báu, chở thuyền đem về. Hủ bèn tạ lỗi, cho Hoàng lĩnh chức Tiền bộ đô đốc Giao Châu. Hoàng lại theo đường biển, nhân khi bất ngờ, tiến thẳng đến châu. Nguyên chống cự. Các tướng muốn đánh, Hoàng ngờ bên trong chỗ cầu gãy có phục binh, bèn dàn riêng một đội quân giáo dài ở đằng sau. Quân hai bên vừa mới giao chiến, Nguyên giả cách lui, Hoàng đuổi theo, phục binh quả nhiên kéo ra. Quân giáo dài quay lại đánh, phá tan bọn Nguyên, giết Nguyên [tại trận], lấy những thuyền chở hàng hóa báu vật và mấy nghìn tấm thổ cẩm cướp được trước đây đem cho tướng giặc Phù Nghiêm là Lương Tề⁶. Tề đem [6a] hơn vạn người đến giúp Hoàng. Bấy

¹ Năm Quý Mùi (263), là niên hiệu Vĩnh An năm thứ 6 đời Ngô Tôn Hưu (Cảnh Đế), chứ không phải Vĩnh An năm thứ 16 như nguyên bản đã lầm.

² Nguyên văn: "Dao lĩnh", nghĩa là lĩnh chức cai trị ở một nơi xa mà không cần phải đích thân đến đóng trị sở nơi ấy.

³ Nguyên bản in là Thái đô đốc, nên sửa là Đại đô đốc, theo Thông giám và Tấn thư, Đào Hoàng truyện, CMTB3, 11b chép chức quan của Tu Tắc là Bộ đốc.

⁴ Mao Linh: các tài liệu của Trung Quốc như Thông Giám cương mục, Tam quốc chí - Tôn Hạo truyện, Tấn Thư - Đào Hoàng truyện đều chép là Mao Cảnh ____; CMTB3, 11b cũng sửa là Mao Cảnh.

⁵ Sông Phần: ở huyện Tân Hội, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

⁶ CMTB3, 13a chép là Lương Kỳ.

giờ Dương Tắc lấy tướng của mình là Vương Tổ thay Nguyên. Dũng tướng của Nguyên là Giải Hệ cùng ở trong thành. Hoàng sai em [của Hệ] là Tượng viết thư gửi cho Hệ, lại sai Tượng ngồi xe ngựa, đánh trống thổi sáo, dẫn đường cho mình đi theo. Bọn Tổ bảo nhau rằng: "Tượng như thế, Hệ tất có ý bỏ bỏ ta để đi theo". Bèn giết Hệ. Bọn Hủ và Hoàng bèn đánh lấy châu. Nhà Ngô nhân đó dùng Đào Hoàng làm Thứ sử. Hoàng là người có mưu lược, chu cấp kẻ nghèo khổ, ưa bố thí, được lòng người, ai ai cũng vui lòng giúp việc, đến đâu cũng có công trạng. Trước đây vua Tấn cho Dương Tắc làm Thứ sử Giao Châu, Mao Miện¹ làm Thái thú, ẩn thao chưa gửi đến mà Tắc và Miện đã thua chết rồi. Nhân đó vua Tấn truy tặng Tắc, Miện, Tùng, Năng (Tùng, Năng không kê cứu được²) tước Quan nội hầu. Công tào quận Cửu Chân là Lý Tô giữ quận mà phụ theo nhà Tấn, Hoàng sai tướng đi đánh, không được. Cậu của Tô là Lê Hoàn (có sách chép là Lê Minh) theo quân [của Hoàng], khuyên Tô hàng, Tô gay gắt trả lời: "Cậu [6b] là tướng nước Ngô, Tô là bề tôi nước Tấn, chỉ có thể dùng sức mà đối xử với nhau thôi". Quân của Hoàng phải đánh, giờ lâu mới hạ được thành.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bề tôi giữ đất, nếu ai cũng có lòng như lòng Lý Tô thì có thể gọi là trung với chúa mình thờ.

Vua Ngô cho Đào Hoàng làm Thứ sử trị tiết đô đốc Giao Châu chư quân sự. Dưới thời các tướng quân châu mục trước kia, các quận Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương, địa thế hiểm trở, người Di Lão hung tợn, đã mấy đời không chịu thần phục, Hoàng đi đánh, dẹp yên được, mở thêm đất, đặt 3 quận, và hơn 30 huyện ở các nước phụ thuộc với quận Cửu Chân³. Sau vua Ngô lấy Hoàng làm Đô đốc Vũ Xương, cho Thái thú Hợp Phố là Tu Nguyên⁴ thay. Dân địa phương đến hàng nghìn người xin lưu Hoàng lại, bởi thế cho Hoàng trở về nhiệm sở cũ. Sau vua Ngô hàng nhà Tấn, tự tay viết thư sai Mã Túc Dung⁵ khuyên Hoàng quy thuận [nhà Tấn]. Hoàng khóc mấy ngày, rồi sai sứ mang ấn [7a] thao về Lạc Dương. Vua Tấn xuống chiếu cho phục chức, phong cho Hoàng tước Uyển Lăng hầu, lại đổi làm Quán quân tướng quân. Hoàng ở châu 30 năm, tỏ ra người có ân có uy, được người địa phương yêu mến. Đến khi chết, cả châu khóc thương như mất cha mẹ hiền. Vua Tấn lấy Viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Ngô Ngạn làm Đô đốc thứ sử. Khi Hoàng mới mất, các thú binh ở Cửu Chân làm loạn, đuổi Thái thú, người cầm đầu là Triệu Chỉ vây quận trị, Ngạn dẹp yên cả. Ngạn giữ chức 25 năm, ân uy rõ rệt, dân trong châu yên ổn, sau dâng biểu xin cho người thay. Vua Tấn cho Viên ngoại lang tán kỵ thường thị là Cố Bí thay. Bí là người ôn hòa, nhã nhặn, cả châu yêu mến, không được bao lâu thì mất. Người trong châu cố ép con của Bí là Tham trông coi việc châu. Sau Tham chết, em là Thọ trông coi việc châu, người châu không nghe. Thọ cố nài, bèn được coi việc châu. Rồi giết trưởng lại là bọn Hồ Triệu, lại toan giết đốc quân dưới trưởng [7b] là Lương Thạc. Thạc chạy thoát được, dấy binh đánh, bắt được Thọ. Mẹ Thọ sai lấy thuốc độc giết chết. Thạc bèn chuyên quyền (có sách chép là cả mẹ của Thọ cũng bị giết bằng thuốc độc), nhưng sợ dân tình không theo, bèn cho con trai của Hoàng là Uy [đang làm] Thái thú Thương Ngô về lĩnh chức Thứ sử [Giao Châu]. Uy ở chức rất được lòng dân, được 30 năm⁶ thì chết. Em trai Uy là Thục, con trai [của Uy] là Tuy⁷ nối nhau làm thứ sử. Từ Cơ đến Tuy bốn đời đều làm Thứ sử. Cơ là ông nội của Hoàng⁸.

¹ Mao Miện nói ở đây (và ở 2 dòng tiếp theo) đúng ra vẫn là Mao Cảnh mà ở tờ 5a Toàn thư đã chép nhầm là Mao Linh.

² CMTB3, 13b theo Tấn Thư q.57 chép đủ họ tên là Lý Tùng và Thoán Năng.

³ Nguyên văn: "... cập cửu quân thuộc quốc tam thập dư huyện" (và 30 huyện ở các nước phụ thuộc với 9 quận). CMTB3, 14b đã sửa lại cho đúng là "Cửu Chân thuộc quốc ..."

⁴ CMTB3, 14b Tấn Thư (Đào Hoàng truyện) đều chép là Tu Doãn (hai chữ: Doãn và Nguyên để nhầm với nhau)

⁵ Mã Túc Dung: đoạn này Toàn Thư dùng sử liệu của Tấn thư, Đào Hoàng truyện, mà ở truyện ấy chép là: "khiến Hoàng Túc Dung ..."; Thông giám q.81 đã sửa lại là: "khiến Đào Hoàng chi tử Dung" (sai con của Đào Hoàng là Dung). Như vậy Mã Túc Dung nói đây đúng ra là Đào Dung, con của Đào Hoàng).

⁶ Tấn thư, Đào Hoàng truyện chỉ ghi "tam niên" (?).

⁷ Việt sử lược, q.1, 6a lại chép Tuy là con Thục.

⁸ Tấn thư, Đào Hoàng truyện chép Cơ là cha của Hoàng.

Mậu Dần, [318], (Đông Tấn Nguyên Đế Tư Mã Duệ, Đại Hưng¹ năm thứ 1). Mùa đông, tháng 10, vua Tấn xuống chiếu cho Thứ sử Quảng Châu là Đào Khả làm Đô đốc Giao Châu chư quân sự.

Nhâm Ngọ, [322], (Tấn Vĩnh Xương năm thứ 1). Vương Đôn nhà Tấn lấy Vương Lượng làm Thứ sử, sai đánh Lương Thạc. Thạc đem quân vây Lượng ở Long Biên.

[8a] Quý Mùi, [323], (Tấn Minh Đế Thiệu, Thái Ninh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, Đào Khả sai quân đi cứu Vương Lượng, chưa đến nơi thì Lương Thạc đã lấy được Long Biên rồi. Thạc đoạt lấy cờ tiết của Lượng, Lượng không cho, Thạc bèn chặt tay trái của Lượng, Lượng nói: "Chết còn không tránh, chặt cánh tay thì làm gì?". Được hơn 10 ngày thì Lượng chết. Thạc chiếm châu, hung bạo mất lòng dân. Đào Khả sai tham quân là Cao Bảo sang đánh, chém chết Thạc. Vua Tấn cho Khả lĩnh chức Thứ sử Giao Châu, thăng hiệu là Chinh Nam đại tướng quân, được mở phủ riêng nghi thức như tam ti. Không bao lâu, Thị lang Lại bộ là Nguyễn Phóng xin làm Thứ sử, vua Tấn bằng lòng. Phóng đến Ninh Phố gặp Cao Bảo, mời Bảo đến dự cơm, đặt phục binh muốn giết Bảo. Bảo biết chuyện, liền đem quân đánh Phóng (Phong là cháu họ của Hàm). Phóng chạy thoát, đến châu được chốc lát thì khát nước quá mà chết.

Quý Sửu, [353], (Tấn Mục Đế San, Vĩnh Hòa năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, Nguyễn Phu nhà Tấn làm Thứ sử Giao Châu. Phu đánh **[8b]** nước Lâm Ấp², phá được hơn 50 lũy. (Trước đây nhà Tấn khi đã bình được nhà Ngô, trưng binh ở Giao Châu³, Thứ sử Giao Châu là Đào Hoàng dâng thư nói: "Giao Châu ngoài cách Lâm Ấp chỉ vài nghìn dặm⁴. Tướng Di [Lâm Ấp] là Phạm Hùng đời đời trốn tránh làm giặc, tự xưng vương, nhiều lần đánh phá trăm họ. Và lại [nước ấy] liền với nước Phù Nam, rất nhiều chủng người, bè đảng dựa nhau, cây thể đất hiểm không chịu thần phục. Khi trước còn thuộc nước Ngô thì nhiều lần cướp bóc dân lành, phá quận huyện, giết hại trưởng lại. Thần trước kia được nước cũ [Ngô] dùng, cho đóng giữ phương Nam hơn 10 năm, tuy đã trừ được những tên đầu sỏ, nhưng ở chốn núi sâu hang cùng vẫn còn có kẻ trốn tránh. Lúc đầu số quân của thần trông coi là 8 nghìn. Vì đất Nam ẩm thấp, có nhiều khí độc, liền năm đánh dẹp, ốm chết hao hụt, hiện nay chỉ còn 2.400 người. Nay bốn biển thống nhất, không còn lo kẻ nào không thần phục, đáng lẽ nên cuốn giáp hủy gươm [...]"⁵. Phàm việc phong trần, biến đổi thường xảy ra thành linh. Thần là người sót thừa của nước đã mất, lời bàn không có gì khả thủ". Tấn Vũ Đế nghe theo, đến nay còn thấy hiệu nghiệm).

Canh Thìn, [380], (Tấn Vũ Đế⁶, Xương Minh, Thái Nguyên năm thứ 5). Mùa đông, tháng 10, Thái thú Cửu Chân là Lý Tồn chiếm châu làm phản.

Tân Ty, [381], (Tấn Thái Nguyên năm thứ 6). Thái thú Giao Châu là Đỗ Viện chém được Lý Tồn, trong cõi lại được yên, thăng cho Viện làm thứ sử Giao Châu¹. (Viện người Chu Diên nước ta. Sách Giao Chỉ chí chép vào mục nhân vật nước ta, xếp sau Sĩ Nhiếp).

¹ Đại Hưng: đúng tên niên hiệu này là Thái Hưng (318-321)

² Tên nước Lâm Ấp được nhắc đến từ thời Hậu Hán (Tấn thư, Lâm Ấp truyện) ở phần đất mà thời Hán gọi là huyện Tượng Lâm, phía nam quận Nhật Nam. Khoảng thời Đường, nước này được thư tịch Trung Quốc nhắc đến với cái tên Hoàn Vương, sau đó là Chiêm Thành.

³ Nguyên văn: "Sơ, Tấn bình Ngô, trưng Giao Châu binh" ... Theo Tấn Thư, Đào Hoàng truyện thì năm này vì đã bình được nhà Ngô, cho nên nhà Tấn giảm bớt số quân ở Giao Châu (giảm Giao Châu binh), chứ không phải trưng binh ở Giao Châu. Đào Hoàng vì muốn xin xét lại việc giảm quân đó, cho nên mới viết thư này.

⁴ CMTB3, 16a theo Tấn Thư, Đào Hoàng truyện sửa là "chỉ bày trăm dặm", hợp lý hơn.

⁵ Đoạn này Toàn Thư chép tóm tắt phần sau bức thư của Đào Hoàng, nhưng ngắt không trọn câu (cũng có thể chỉ là do sao chép hoặc khắc in bỏ sót cách quãng) tạo ra một câu tối và trái nghĩa: "đương quyền giáp tiêu binh, lính kỳ tổn ước, dĩ thị đơn nhược" (nên cuốn giáp, hủy binh khí, khiến cho nó giảm bớt, để tỏ ra đơn độc yếu đuối). Đúng ra, theo Tấn Thư, Đào Hoàng truyện thì trong đoạn thư này Đào Hoàng nói một ý trái lại với câu đã dịch: "Đáng lẽ nên cuốn giáp hủy gươm, chăm lo về đường lễ nghĩa. Nhưng mà người châu này lại không thích yên vui, ưa làm những sự khởi loạn [...] Vậy thì số quân ở châu chưa nên giảm bớt để tỏ ra đơn độc yếu đuối". Khi dùng lại sử liệu này, Cương mục đã khôi phục đầy đủ đoạn sau bức thư của Đào Hoàng, lấy thêm hơn 1 trăm chữ (Xem CMTB3, 16b).

⁶ Sử đúng là Tấn Hiếu Vũ Đế.

[9a] Kỳ Hợi, [399], (Tấn An Đế Đức Tông, Long An năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, vua nước Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt đánh lấy Nhật Nam và Cửu Chân, rồi vào cướp Giao Châu. Đổ Viện đánh tan được.

Tân Hợi, [411], (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 4, Thái thú quận Vĩnh Gia là Lư Tuần chạy sang [Giao Châu]. Trước đó, khi Thứ sử Đổ Viện chết (có sách nói Viện vốn người Kinh Triệu, ông là Nguyên, làm Thái thú Hợp Phố, nhân đó Viện mới đến ở Giao Chỉ), vua Tấn cho con là Tuệ Độ thay làm Thứ sử. Chiếu thư chưa đến nơi, Tuần đã đánh phá Hợp Phố, tiến thẳng đến Giao Châu. Tuệ Độ đem các quan văn võ ở châu phủ chống nhau với Tuần ở Thạch Kỳ², đánh tan được. Quân của Tuần sống sót khoảng 2 nghìn người. Dư đảng của Lý Tồn là bọn Lý Thoát kết tụ với dân Lý, Lạp hơn 5 nghìn người để ứng theo Lư Tuần, ngày Canh Tý kéo đến bờ nam Long Biên. Tuệ Độ bỏ hết gia tài để thưởng quân sĩ, cùng Tuần giao chiến, ném được đuôi trĩ đốt thuyền bè của Tuần, cho bộ binh áp bờ sông bắn xuống. Thuyền của Tuần cháy hết, **[9b]** bèn tan vỡ. Tuần biết thế nào cũng chết, bỏ thuốc độc cho vợ con chết trước rồi gọi các nàng hầu con hát hỏi rằng: "Ai có thể theo ta?" Phần nhiều đều trả lời: "Con sè, con chuột còn tham sống, chết theo thì khó lắm". Cũng có người nói: "Quan còn phải chết, chúng tôi há lại muốn sống". Tuần bèn giết hết những kẻ không chịu chết theo, rồi gieo mình xuống sông mà chết. Tuệ Độ sai nhật xác đem chém đầu, cùng với vợ con của Tuần và bọn Thoát, đều lấy đầu đóng hòm đưa về Kiến Khang³.

Quý Sửu, [413], (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, vua nước Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt cướp quận Cửu Chân. Tuệ Độ đánh chém được.

Ất Mão, [415], (Tấn Nghĩa Hy năm thứ 11). Mùa đông, tháng 12, quân Lâm Ấp cướp Giao Châu. Tướng châu đánh bại được.

Canh Thân, [420], (Tấn Cung Đế Đức Văn, Nguyên Hy năm thứ 2; Tống Vũ Đế Lưu Dự, Vĩnh Sơ năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, Tuệ Độ đánh Lâm Ấp, phá được, chém giết đến quá nửa. Lâm Ấp xin hàng, Tuệ Độ cho. Những người trước sau bị [Lâm Ấp] cướp bắt **[10a]** đều được trả về cả. Tuệ Độ ở Giao Châu, mặc áo vải, ăn cơm rau, cấm thờ nhảm, sửa nhà học, năm đói kém thì lấy lộc riêng để chẩn cấp, làm việc cẩn thận chu đáo cũng như việc nhà, lại dân sợ mà yêu. Cửa thành đêm vẫn mở, ngoài đường không ai nhật của rơi. Khi Tuệ Độ chết, tặng chức Tả tướng quân, cho con là Hoảng Văn làm Thứ sử. Năm ấy nhà Tấn mất.

Đinh Mão, [427], (Tống Văn Đế Nghĩa Long, Nguyên Gia năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, ngày Canh Tuất, vua Tống gọi Hoảng Văn về làm Đình Úy, cho Vương Huy Chi làm Thứ sử. Bấy giờ Hoảng Văn đang ốm, cỗ ngồi xe lên đường, có người khuyên chờ khỏi ốm hãy đi. Hoảng Văn nói: "Nhà ta ba đời cầm phù tiết, thường muốn đem mình sang chầu sân vua, hưởng chi nay lại được gọi về". Bèn cứ đi, chết ở Quảng Châu.

Tân Mùi, [431], (Tống Nguyên Gia năm thứ 8). Vua nước Lâm Ấp là Phạm Dương Mại cướp phá quận Cửu Chân, bị quân châu đánh lui.

[10b] Nhâm Thân, [432], (Tống Nguyên Gia năm thứ 9). Mùa hạ, tháng 5, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nước Tống, xin lĩnh Giao Châu. Vua Tống xuống chiếu trả lời vì đường xa không cho.

Lê Văn Hưu nói: [Dù khỏe như] Bôn và Dục⁴ mà lúc còn thơ ấu cũng không thể chống nổi người què, người thọt đã tráng niên. Nước Lâm Ấp thừa lúc nước Việt ta

¹ CMTB3, 22b dẫn Tống Thư và Lương Thư xác định Đổ Viện làm Thứ sử Giao Châu năm Long An thứ 3 (399) và năm đó cũng có việc quân Lâm Ấp đánh phá Giao Châu. Toàn Thư ở đây chép vào năm Tân Tỵ (381), sát liền trên mục năm Kỳ Hợi (399), có thể do sao chép văn bản sai vị trí.

² Thạch Kỳ: tên trấn, ở phía Nam phủ trị Giao Châu (CMTB3, 24a).

³ Kiến Khang: kinh đô nhà Đông Tấn, vốn là Kiến Nghiệp, vì kiêng húy Tấn Mẫn Đế, đổi thành Kiên Khang, tức Nam Kinh, Trung Quốc ngày nay.

⁴ Theo truyền thuyết Trung Quốc, Mạnh Bôn là dũng sĩ thời Chiến Quốc, có thể nhổ được sừng bò; Hạ Dục, người nước Vệ thời Xuân Thu, có thể nhổ được đuôi bò.

không có vua, đến cướp Nhật Nam và Cửu Chân rồi xin quản lĩnh cả [Giao Châu], có phải bây giờ nước Việt ta không thể chống nổi nước Lâm Ấp ấy đâu! Chỉ vì không có người thống suất mà thôi! Thời không bỉ mĩ, tất có lúc thái. Thế không khuất mĩ, tất có lúc duỗi. Lý Thái Tông chém đầu vua nước ấy là Sạ Đẩu, Lý Thánh Tông bắt vua nước ấy là Chế Củ, bắt làm tù dân nước ấy 5 vạn người, đến nay vẫn còn phải chịu làm tội, cũng đủ để rửa được mỗi hận thù hổ thẹn của mấy năm ô nhục này.

[11a] Bính Tý, [436], (Tổng Nguyên Gia thứ 13)¹. Mùa xuân, tháng 2, vua Tống sai Thứ sử Giao Châu là Đàm Hòa Chi đánh Lâm Ấp. Trước kia, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại tuy sai sứ sang cống, nhưng vẫn không thôi việc cướp bóc, cho nên vua Tống sai Hòa Chi đi đánh. Bây giờ người quận Nam Dương là Tông Xác, nếp nhà đời đời Nho học, riêng Xác thích việc võ, thường nói: "Muốn cưỡi gió lớn mà phá sóng muôn dặm". Đến khi Hòa Chi đi đánh Lâm Ấp, Xác hăng hái xin đi theo quân. Vua Tống cho Xác làm Chấn vũ tướng quân. Hòa Chi sai Xác làm tiên phong. Dương Mại nghe tin quân Tống sang, sai sứ dâng biểu xin trả lại những người dân Nhật Nam bị bắt và nộp một vạn cân vàng, mười vạn cân bạc. Vua Tống xuống chiếu bảo Hòa Chi: "Nếu Dương Mại thực có lòng thành, cũng cho quy thuận". Hòa Chi đến đóng ở đồn Chu Ngô (huyện Chu Ngô từ thời Hán đến giờ thuộc quận Nhật Nam, bây giờ đặt đồn thú ở đây), sai Hộ tào tham quân của phủ là bọn Khương Trọng Cơ (phủ là phủ thứ sử Giao Châu) đi trước **[11b]** đến gặp Dương Mại, bị Dương Mại bắt giữ. Hòa Chi giận, tiến vây tướng của Lâm Ấp là Phạm Phù Long ở thành Khu Túc². Dương Mại sai tướng là Phạm Côn Sa Đạt đến cứu. Xác lén đem quân đón đánh [Phạm] Côn Sa Đạt, phá tan được. Tháng 5, bọn Hòa Chi hạ thành Khu Túc, chém Phù Long, thừa thắng tiến vào Tượng Phố³. Dương Mại dốc sức cả nước ra đánh, lấy các vật che bọc mình voi, trước sau không hở. Xác nói: "Ta nghe nước ngoài có giống sư tử, oai phục được trăm loài thú". Bèn làm hình sư tử để chống lại voi, voi quả nhiên sợ chạy. Quân Lâm Ấp thua to. Hòa Chi thắng được Lâm Ấp, Dương Mại cùng với con đều chỉ chạy thoát thân, thu được đồ châu báu lạ không biết bao nhiêu mà kể. Riêng Tông Xác không lấy một thứ gì, ngày về nhà cũng chỉ có khăn áo xác xơ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Có tài hữu dụng thì không thể không đem ra thi thố, há câu nệ vì thói đời **[12a]**⁴ hay sao? Người ta lập chí mỗi người một khác. Người có chí về đạo đức thì công danh không thể động được lòng, người có chí về công danh thì phú quý không thể động được lòng. Chí của Tông Xác có lẽ ở công danh chăng? Ngày trở về nhà, tài vật không lấy một thứ gì, đó thực sự là phú quý không thể động được lòng. So với người có chí về đạo đức, cố nhiên không thể kịp, nhưng so với người có chí về phú quý thì hạng ấy còn kém xa.

Đinh Sửu, [437], (Tổng Nguyên Gia năm thứ 14). Mùa đông, tháng 10, ngày Nhâm Ngọ, Đàm Hòa Chi bỏ quan về.

Mậu Thân, [468], (Tổng Minh Đế Úc⁵, Thái Thủy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, Thứ sử Lưu Mục ốm chết. Người châu là Lý Trường Nhân giết những bộ thuộc của châu mục đem từ Trung Quốc sang rồi chiếm giữ châu làm phản, tự xưng là Thứ sử.

Mùa thu, tháng 8, vua Tống lấy Nam Khang tướng là Lưu Bật làm Thứ sử Giao Châu. Bật đến, bị Trường Nhân **[12b]** chống cự, không bao lâu thì chết. Tháng 11, Lý Trường Nhân sai sứ xin hàng và tự hạ xuống chức Hành Châu sự¹. Vua Tống y cho.

¹ CMTB3, 27a sửa là năm Bính Tuất, niên hiệu Nguyên Gia thứ 23 (Theo Tống thư q.5 Đế kỷ, q.97 Nam Di Truyện). Nam Tê thư Lâm Ấp truyện, chép việc này vào năm Nguyên Gia thứ 22 (445).

² CMTB3, 26 chép tên thành là Khu Lật và dẫn Thủy kinh chú để chú thích về thành này. Vị trí thành Khu Túc trước nay có nhiều ý kiến khác nhau. Đào Duy Anh xác định đó là thành Lôi ở làng Cao Lao Hạ trên hữu ngạn sông Gianh (Đất nước Việt Nam qua các đời, Nxb Khoa học xã hội, 1964, tr.54).

³ Tượng Phố: CMTB3, 28b chưa là tên huyện, Đào Duy Anh (Bdc) đoán dịch là Cửa Đại, là cửa sông đổ vào kinh đô Lâm Ấp thời bấy giờ, ở khoảng Trà Kiệu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.

⁴ Nguyên bản thiếu từ 12 a-b, chúng tôi dịch theo bản in Quốc tử giám tàng bản.

⁵ Tống Minh Đế: tức là Lưu Úc, nguyên bản in sót nét, thành chữ Hoắc.

Kỷ Mùi, [479], (Tổng Thuận Đế Chuẩn, Thăng Minh năm thứ 3; Tề Cao Đế Tiêu Đạo Thành, Kiến Nguyên năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 1, có nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, vua Tề lấy Lý Thúc Hiến làm Thứ sử Giao Châu. Thúc Hiến là em con chú con bác của Trường Nhân. Trước đó khi Thứ sử Trường Nhân chết, Thúc Hiến thay lĩnh việc châu, vì thấy hiệu lệnh chưa được thi hành cho nên sai sứ sang xin nhà Tống cho giữ chức Thứ sử. Nhà Tống lấy Thái thú Nam Hải là Thẩm Hoán làm Thứ sử Giao Châu, cho Thúc Hiến làm Ninh Viễn quân tư mã, giữ chức Thái thú hai quận Vũ Bình và Tân Xương². Thúc Hiến đã được mệnh lệnh của triều đình [nhà Tống], lòng người phục theo, bèn đem quân giữ nơi hiểm, không chịu thu nạp Thẩm Hoán. Hoán lưu lại ở Uất Lâm, rồi chết. Vua Tề bèn cho Thúc Hiến làm Thứ sử, vỗ yên đất phương Nam. Năm ấy nhà Tống mất.

[13a] Giáp Tý, [484], (Tề Vũ Đế Di, Vĩnh Minh năm thứ 2). Lý Thúc Hiến nhận mệnh xong liền cắt đứt việc cống hiến. Vua Tề muốn đánh.

Ất Sửu, [485], (Tề Vĩnh Minh năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Bính Thìn, vua Tề lấy Đại tư nông Lưu Khải làm Thứ sử, phát binh các quận Nam Khang, Lư Lăng, Thủy Hưng đi đánh Lý Thúc Hiến. Thúc Hiến sai sứ xin bãi binh, dâng 20 cỗ mũ đầu mâu toàn bằng bạc cùng dải tua bằng lông công. Vua Tề không cho. Thúc Hiến sợ bị Khải đánh úp, mới đi đường tắt từ Tương Châu sang châu vua Tề, Khải bèn vào trấn.

Canh Ngọ, [490], (Tề Vĩnh Minh năm thứ 8). Mùa đông, tháng 10, Thứ sử là Phòng Pháp Thặng (thay Lưu Khải) chỉ thích đọc sách, thường cáo ốm không làm việc, vì thế trường lại³ là Phục Đăng Chi được chuyên quyền **[13b]** thay đổi các tướng lại mà không cho Pháp Thặng biết. Lục sự là Phòng Tú Văn mách với Pháp Thặng. Pháp Thặng cả giận, giam Đăng Chi vào ngục hơn 10 ngày. Đăng Chi hối lộ nhiều cho Thôi Cảnh Thúc, là chồng của em gái Pháp Thặng, nên được thả ra, rồi đem bộ khúc đánh úp châu trị, bắt Pháp Thặng, bảo Thặng rằng: "Sứ quân đã có bệnh, thì không nên khó nhọc", rồi giam ở một nhà riêng. Pháp Thặng không có việc gì, lại gặp Đăng Chi xin đọc sách. Đăng Chi nói: "Sứ quân ở yên còn sợ phát bệnh, há lại còn xem sách?", bèn không cho, rồi tâu [với vua Tề] là Pháp Thặng bị bệnh động tim, không thể coi việc được. Tháng 11, ngày Ất Mão, vua Tề cho Đăng Chi làm Thứ sử. Pháp Thặng về đến Ngũ Lĩnh thì chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Phòng Pháp Thặng ham đọc sách mà bỏ việc quan đến nỗi kẻ trường lại nhân đó chuyên quyền, thay đổi tướng lại, đó là cái lỗi nghiệm sách quá. Còn như giam [Đăng Chi] vào ngục mà **[14a]** trừng trị, thế là biết sửa lỗi rồi. Đến như nghe lời thỉnh thác [của em rể] mà bỏ qua không hỏi đến nữa, thì lỗi ấy to lắm, bị [Đăng Chi] đánh úp lại là đáng, không chết là may. Cho nên phạm việc gì quá mức trung thì chưa từng không tai hại vậy.

Nhâm Ngọ, [502], (Lương Vũ Đế Tiêu Diễn, Thiên Giám năm thứ 1). Năm ấy nhà Tề mất.

Ất Dậu, [505], (Lương Thiên Giám năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Thứ sử Giao Châu là Lý Nguyên Khải chiếm châu làm phản, Trường sử là Lý Tắc dẹp được (trước Nguyên Khải thay Đăng Chi làm Thứ sử, cho là nhà Lương được nhà Tề nhường ngôi, chưa có ân uy gì, nhân đó giữ châu làm phản. Đến đây Tắc đem tông binh đánh Nguyên Khải, giết được).

¹ Hành Châu sự: người chấp hành công việc của châu. Thực tế Lý Trường Nhân được chuẩn cho đứng đầu cai quản Giao Châu, tương đương như Thứ sử, nhưng Nhân xin tự hạ chức danh chỉ gọi là "Hành châu sự"

² Vũ Bình, Tân Xương: tên quận đặt từ thời Ngô: "Nhà Ngô cắt đất huyện Mê Linh [thời Hán] mà đặt quận Tân Hưng, nhà Tấn đổi thành Tân Xương; cắt đất các huyện Phong Khê và Chu Diên mà đặt quận Vũ Bình (theo Đặng Xuân Bảng, Sử học bị khảo).

³ Nguyên bản in là trường lại; CMTB3, 31b sửa là trường sử (chữ _____ lại và chữ _____ sử để viết nhầm). Trường lại chỉ là viên huyện quan có cấp bậc cao hơn các huyện quan khác. Ở đây Phục Đăng Chi giúp việc thay cho Thứ sử, phải là chức Trường sử như Cương Mục đã ghi. Nam Tề Thư (Đông Nam Di truyện), Việt Sử Lược (q.1) cũng chép là Trường sử. Trường sử là chức quan có từ thời Hán, giúp việc cho Thừa tướng. Nhưng từ thời Ngụy Tấn trở về sau, các viên thứ sử cai trị các châu thường là cấp tướng quân, cũng đặt chức Trường sử để giúp việc (Từ hải, tr. 1399)

Bính Thân, [516], (Lương Thiên Giám năm thứ 15). Mùa đông, tháng 11, [vua Lương] xuống chiếu cho Lý Tắc làm Thứ sử, Tắc lại chém Lý Tông Lão là dư đảng của Nguyên Khải, lấy đầu chuyển về Kiến Khang, châu lại yên.

[14b], Trở lên thuộc Ngô, Tấn, Tống, Tê, Lương, từ năm Đinh Mùi đến năm Canh Thân, cộng 314 năm [227 - 540].

Kỷ Nhà Tiền Lý

Tiền Lý Nam Đế

Ở ngôi 7 năm [541-547].

Vua có chí diệt giặc cứu dân, không may bị Trần Bá Tiên sang đánh chiếm, nuốt hận mà chết. Tiếc thay !

Vua họ Lý, tên húy là Bí¹, người Thái Bình [phủ] Long Hưng². Tổ tiên là người Bắc, cuối thời Tây Hán khổ về việc đánh dẹp, mới tránh sang ở đất phương Nam, được 7 đời thì thành người Nam. Vua có tài văn võ, trước làm quan với nhà Lương, gặp loạn, trở về Thái Bình. Bấy giờ bọn thú lệnh tàn bạo hà khắc, Lâm Ấp cướp phá ngoài biên, vua dấy binh đánh đuổi được, xưng là Nam Đế, đặt quốc [15a] hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên³.

Tân Dậu, năm thứ 1 [541], (Lương Đại Đồng năm thứ 7). Thứ sử Giao Châu là Vũ Lâm hầu Tiêu Tư, vì hà khắc tàn bạo, mất lòng người. Vua vốn con nhà hào trưởng, thiên tư lỗi lạc, làm quan không được vừa ý. Lại có người là Tinh Thiều giỏi từ chương từng đến [kinh đô nhà Lương] xin được chọn làm quan. Thượng thư bộ Lại nhà Lương là Sái Tôn cho rằng họ Tinh trước không có ai hiển đạt, nên chỉ bổ cho chức Quảng Dương môn lang. Thiều lấy làm nhục, trở về làng, theo vua mưu việc dấy binh. Vua bấy giờ làm chức Giám quân ở châu Cửu Đức⁴, nhân liên kết với hào kiệt mấy châu, đều hưởng ứng. Có Triệu Túc tù trưởng ở Chu Diên⁵ phục tài đức của vua, bèn dẫn đầu đem quân theo về. Tiêu Tư biết việc, đem cửa đến hối lộ cho vua, rồi chạy về Quảng Châu. Vua ra chiếm giữ châu thành (tức là Long Biên).

Nhâm Tuất, năm thứ 2 [542], (Lương Đại Đồng năm thứ 8). Mùa đông, tháng 12, vua Lương sai Tôn Quýnh, Lư Tử Hùng [15b] sang xâm chiếm. Quýnh lấy cớ là chướng khí mùa xuân đương bốc, xin đợi đến mùa thu. Bấy giờ Thứ sử Quảng Châu là Tân Dụ hầu Hoán⁶ không cho, Vũ Lâm hầu cũng thúc giục. Bọn Tử Hùng đi đến Hợp Phố, 10 phần chết đến 6, 7 phần, quân tan rã mà về. Tiêu Tư tâu vu [với vua Lương] rằng Quýnh và Tử Hùng dùng dằng không chịu đi, đều bị buộc phải tự tử.

Quý Hợi, năm thứ 3 [543], (Lương Đại Đồng năm thứ 9). Mùa hạ, tháng 4, vua Lâm Ấp cướp quận Nhật Nam, vua sai tướng là Phạm Tu đánh tan ở Cửu Đức.

Giáp Tý, [Thiên Đức] năm thứ 1 [544], (Lương Đại Đồng năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, vua nhân thắng giặc, tự xưng là Nam Việt Đế, lên ngôi, đặt niên hiệu, lập trăm quan, dựng quốc hiệu là

¹ Chữ Bí có nhiều âm đọc nhưng các từ thư, tự điển đều xếp âm Bí đầu tiên. Hiện nay nhiều địa phương ở miền Bắc còn kiêng húy ông, thường tránh gọi quả bí là quả bầu, chúng tôi dựa theo đó mà phiên âm là bí.

² Cương mục chú: "Tên Thái Bình đặt từ năm Vũ Đức thứ 4 (621) thời Đường; tên Long Hưng đặt từ thời nhà Trần. Thời thuộc Lương chưa có hai tên đất này, có lẽ Sử cũ chỉ theo đó mà truy gọi thôi" (CMTB4, 1b).

³ Vị trí của thành Long Biên đến nay vẫn chưa xác định được, có thể ở vùng gần thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc.

⁴ Châu Cửu Đức thời thuộc Lương là Đức Châu, ở vị trí huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay. CMTB4, 1b sửa là Cửu Đức quận.

⁵ Huyện Chu Diên thời Lương, thời Tùy, nay là phần đất tỉnh Hải Dương, huyện trị có thể ở vào khoảng huyện Phả Lại.

⁶ Tân Dụ hầu Hoán _____: theo Trần thư (Cao Tổ ký) nên sửa là Ánh _____ (Tiêu Ánh).

Vạn Xuân, ý mong cho xã tắc truyền đến muôn đời vậy. Dựng điện Vạn Thọ làm nơi triều hội. Lấy Triệu Túc làm Thái Phó, bọn Tinh Thiều, Phạm Tu đều làm tướng văn, tướng võ.

[16a] Ất Sửu, [Thiên Đức] năm thứ 2 [545], (Lương Đại Đồng năm thứ 11). Mùa hạ, tháng 6, nhà Lương cho Dương Thiêu¹ làm Thứ sử Giao Châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã, đem quân sang xâm, sai Thứ sử Định Châu là Tiêu Bột hội với bọn Thiêu ở Giang Tây². Bột biết các quân lính sợ đi đánh xa, nhân đó nói dối để giữ Thiêu ở lại. Thiêu học các tướng để hỏi kế. Bá Tiên nói: "Giao Châu làm phản, tội do người tông thất³ để mấy châu hỗn loạn, trốn tội đã nhiều năm nay. [Thứ sử] Định Châu chỉ muốn trộm yên trước mắt, không nghĩ đến kế lớn. Tiết hạ⁴ vâng chiếu đi đánh kẻ có tội, phải nên liều sống chết, há nên dè dặt không tiến để nuôi cho thể giặc thêm mạnh mà làm ngăn trở quân mình hay sao?" Rồi Bá Tiên đem quân đi trước, Thiêu cho Bá Tiên làm tiên phong. Khi [quân của Bá Tiên] đến Giao Châu, vua đem 3 vạn quân ra chống cự, bị thua ở Chu Diên, lại thua ở cửa sông Tô Lịch, vua chạy về thành Gia Ninh⁵. Quân Lương đuổi theo vây đánh.

[16b] Bính Dần, [Thiên Đức] năm thứ 3 [546], (Lương Đại Đồng năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, bọn Bá Tiên đánh lấy được thành Gia Ninh. Vua chạy vào đất người Lạo ở Tân Xương. Quân Lương đóng ở cửa sông Gia Ninh. Mùa thu, tháng 8, vua lại đem 2 vạn quân từ trong đất Lạo ra đóng ở hồ Điển Triệt⁶, đóng nhiều thuyền đậu chật cả mặt hồ. Quân Lương sợ, cứ đóng lại ở cửa hồ không dám tiến vào. Trần Bá Tiên bảo các tướng rằng: "Quân ta ở đây đã lâu, tướng sĩ mỏi mệt, và lại thể cô không có tiếp viện. Tiến sâu vào trong lòng [nước] người, nếu một đánh mà không thắng, thì đừng mong sống sót. Nay nhân lúc họ vừa thua luôn mấy trận, lòng người chưa vững, mà người Di Lạo ô hợp, dễ đánh giết, chính nên cùng ra tay liều chết, cố sức đánh lấy, không có cơ gì mà dừng lại thì lỡ mất thời cơ". Các tướng đều im lặng, không ai hưởng ứng. Đêm hôm ấy nước sông lên mạnh, dâng cao 7 thước, tràn đổ vào hồ. Bá Tiên đem quân bản bộ theo dòng nước tiến trước vào. Quân Lương đánh trống reo hò mà tiến. Vua vốn không **[17a]** phòng bị, vì thế quân vỡ, phải lui giữ ở trong động Khuất Lạo⁷ để sửa binh đánh lại, ủy cho đại tướng là Triệu Quang Phục giữ việc nước, điều quân đi đánh Bá Tiên.

Đinh Mão, [Thiên Đức] năm thứ 4 [547], (Lương Thái Thanh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, nhật thực. Triệu Quang Phục cầm cự với Trần Bá Tiên, chưa phân thắng bại. Nhưng quân của Bá Tiên rất đông, Quang Phục liệu thể không chống nổi bèn lui về giữ đầm Dạ Trạch⁸. Đầm này ở huyện Chu Diên, chu vi không biết bao nhiêu dặm, cỏ cây um tùm, bụi rậm che kín, ở giữa có nền đất cao có thể ở được, bốn mặt bùn lầy, người ngựa khó đi, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc nhỏ chống sào đi lướt trên cỏ nước mới có thể đến được. Nhưng nếu không quen biết đường lối thì lạc không biết là đâu, lỡ rơi xuống nước liền bị rắn độc cắn chết. Quang Phục thuộc rõ đường đi lối lại, đem hơn 2 vạn người vào đóng ở nền đất trong đầm, ban ngày **[17b]** tuyệt không để khói lửa và dấu người, ban đêm dùng thuyền độc mộc đem quân ra đánh doanh trại của quân Bá Tiên, giết và bắt sống rất nhiều, lấy được lương thực để làm kế cầm cự lâu dài. Bá Tiên theo hút mà đánh, nhưng không đánh được. Người trong nước gọi là Dạ Trạch Vương. (Tục truyền thời Hùng Vương, con gái Hùng Vương là Tiên Dung My Nương⁹ ra chơi cửa biển. Thuyền về đến bãi ở hương Chử Gia, Tiên Dung lên trên bãi, gặp Chử Đồng Tử trần truồng núp trong bụi lau, tự cho là Nguyệt lão xe duyên, bèn cùng nhau làm vợ

¹ Thiêu, thường vẫn đọc là Phiêu. Nhưng nguyên bản chưa rõ hai âm đọc là Thiêu hoặc Thiệu (thuần chiêu phiên, thất diệu phiên)

² Đúng ra là Tây Giang (thuộc huyện Vĩnh Phúc, phủ Quế Lâm), theo Trần thư và Thông giám.

³ Chỉ Tiêu Tư, cùng dòng tôn thất với Lương Vũ Đế Tiêu Diển.

⁴ Tiết hạ: người đứng dưới cờ tiết, ở đây là từ tôn gọi Dương Thiêu.

⁵ Thành Gia Ninh: ở xã Gia Ninh, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

⁶ Hồ Điển Triệt: ở xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Hồ dài 1km, chỗ rộng nhất 400m, hẹp nhất 50m, sâu 5-6m, xưa nay chưa bao giờ cạn.

⁷ Động Khuất Lạo, cũng đọc là Khuất Liêu, ở vùng núi thuộc hai xã Cổ Tiết và Văn Lang, huyện Tam Thanh tỉnh Vĩnh Phú, nay còn di tích mộ và đền thờ Lý Bí trên gò Cổ Bồng.

⁸ Đầm Dạ Trạch: cũng gọi là Nhứt Dạ Trạch, nay là "Bãi Màn Trò", huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

⁹ My Nương: con gái của Hùng Vương (NK.1.3a).

chồng, sợ tội phải ở lánh trên bờ sông, chỗ ấy trở thành nơi đô hội. Hùng Vương đem quân đến đánh. Đồng Tử và Tiên Dung sợ hãi đợi tội. Bỗng nửa đêm mưa gió dữ dội làm rung chuyển nơi ở, rường cột tự bốc lên, người và gà chó trong một lúc cùng bay lên trời, chỉ còn lại cái nền không ở giữa đầm. Người bấy giờ gọi bãi ấy là bãi Tự Nhiên, đầm ấy là đầm Nhất Dạ, nay vẫn còn tên gọi cũ).

Trở lên là Tiên Lý Nam Đế, từ năm Tân Dậu đến năm Đinh Mão, tất cả 7 năm (541-547).

Kỷ Triệu Việt Vương

(Xét sử cũ không chép Triệu Việt Vương và Đào Lang Vương, nay nhật trong dã sử và các sách khác, bắt đầu chép vị hiệu của vương và phụ chép Đào Lang Vương để bổ sung).

[18a] Triệu Việt Vương Phụ: Đào Lang Vương

Ở ngôi 23 năm [548-570].

Vua giữ đất hiểm, dùng kỳ binh để đánh giặc lớn, tiếc vì quá yêu con gái đến nỗi mắc họa vì con rể.

Vua họ Triệu, tên húy là Quang Phục, là con Triệu Túc, người huyện Chu Diên, uy tráng dũng liệt, theo Nam Đế đi đánh dẹp có công, được trao chức Tả tướng quân. Nam Đế mất, bèn xưng vương, đóng đô ở Long Biên, sau dời sang Vũ Ninh¹.

Mậu Thìn, năm thứ 1 [548], (Lương Thái Thanh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, ngày Tân Hợi, [Lý] Nam Đế ở động Khuất Lạo lâu ngày nhiễm lam chướng, ốm chết.

Lê Văn Hưu nói: Binh pháp có câu: "Ba vạn quân đều sức, thiên hạ không ai địch nổi". Nay Lý Bí có 5 vạn quân mà không giữ được nước, thế thì Bí kém tài làm tướng [18b] chăng ? Hay là quân lính mới họp không thể đánh được chăng ? Lý Bí cũng là bậc tướng trung tài, ra trận chế ngự quân địch giành phần thắng không phải là không làm được, nhưng bị hai lần thua rồi chết, bởi không may gặp phải Trần Bá Tiên là kẻ giỏi dùng binh vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tiên Lý Nam Đế dấy binh trừ bạo, đáng là thuận đạo trời, thế mà cuối cùng đến nỗi bại vong, là vì trời chưa muốn cho nước ta được bình trị chăng ? Than ôi ! Không chỉ vì gặp phải Bá Tiên là kẻ giỏi dùng binh, mà còn gặp lúc nước sông đột ngột dâng lên trợ thế [cho giặc], há chẳng phải cũng do trời hay sao ?

Kỷ Ty, năm thứ 2 [549], (Lương Thái Thanh năm thứ 3). Vua ở trong đầm thấy quân Lương không lui, mới đốt hương cầu đảo, khẩn thiết kính cáo với trời đất thần kỳ, thế rồi có điềm lành được mũ đầu mâu móng rồng [19a] dùng để đánh giặc. Từ đó quân thanh lừng lẫy, đến đâu không ai địch nổi (tục truyền rằng thần nhân trong đầm là Chử Đồng Tử bấy giờ cởi rồng vàng từ trên trời rơi xuống, rút móng rồng trao cho vua, bảo gài lên mũ đầu mâu mà đánh giặc).

Canh Ngọ, năm thứ 3 [550], (Lương Giản Văn Đế Cương, Thái Bảo² năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Lương cho Trần Bá Tiên làm Uy minh tướng quân Giao Châu thứ sử. Bá Tiên lại mưu tính cầm cự lâu ngày khiến cho [ta] lương hết quân mỏi thì có thể phá được. Gặp lúc nhà Lương có loạn Hầu Cảnh, gọi [Bá Tiên] về, ủy cho tì tướng là Dương Sàn đánh nhau với vua. Vua tung quân ra đánh.

¹ Huyện Vũ Ninh: nay là vùng huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc.

² Thái Bảo: sửa đúng là niên hiệu Đại Bảo.

Sàn chống cự, thua chết. Quân Lương tan vỡ chạy về Bắc. Nước ta được yên. Vua vào thành Long Biên ở.

Anh của Nam Đế là [Lý] Thiên Bảo, ở đất người Di Lạp, xưng là Đào Lang Vương, lập nước gọi là nước Dã Năng. Trước đó, khi Nam Đế tránh ở động Khuất Lạp, Thiên Bảo cùng với tướng người họ là Lý Phật Tử đem 3 vạn người vào Cửu Chân. Trần Bá Tiên đuổi theo đánh, **[19b]** Thiên Bảo bị thua, bèn thu nhặt quân còn sót được vạn người chạy sang đất người Di Lạp ở Ai Lao, thấy động Dã Năng ở đầu nguồn Đào Giang, đất phẳng rộng màu mỡ có thể ở được, mới đắp thành để ở, nhân tên đất ấy mà đặt quốc hiệu. Đến bây giờ quân chúng tôn làm chúa, xưng là Đào Lang Vương.

Ất Hợi, năm thứ 8 [555], (Lương Kính Đế Phương Trí, Thiệu Thái năm thứ 1). Đào Lang Vương mất ở nước Dã Năng, không có con nối, quân chúng suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi, thống lĩnh quân chúng.

Đinh Sửu, năm thứ 10 [557], (Lương Thái Bình năm thứ 2; Trần Vũ Đế Tiên, Vĩnh Định năm thứ 1). Lý Phật Tử đem quân xuống miền Đông đánh nhau với vua [Triệu Việt Vương] ở huyện Thái Bình, năm lần giáp trận, chưa phân thắng bại, mà quân của Phật Tử hơi lui, ngờ là vua có thuật lạ, bèn giảng hòa xin ăn thề. Vua nghĩ rằng Phật Tử là người họ của Tiên Nam Đế, không nỡ cự tuyệt, bèn chia địa giới ở bãi Quân Thần (nay là hai xã Thượng Cát, Hạ Cát ở huyện Từ Liêm) cho ở phía **[20a]** tây của nước, [Phật Tử] dời đến thành Ô Diên (nay là xã Hạ Mỗ, huyện Từ Liêm, xã ấy nay có đền thờ thần Bát Lang, tức là đền thờ Nhã Lang vậy). Sau Phật Tử có con trai là Nhã Lang, xin lấy con gái của vua là Cảo Nương. Vua bằng lòng, bèn thành thông gia. Vua yêu quý Cảo Nương, cho Nhã Lang ở gửi rể.

Canh Dần, năm thứ 23 [570], (Trần Tuyên Đế Húc, Đại Kiến¹ năm thứ 2). Nhã Lang bảo vợ rằng: "Trước hai vua cha chúng ta cừu thù với nhau, nay là thông gia, chẳng cũng hay lắm ư? Nhưng cha nàng có thuật gì mà có thể làm lui được quân của cha tôi?". Cảo Nương không biết ý của chồng, bí mật lấy mũ đầu mâu móng rồng cho xem. Nhã Lang mưu ngấm tráo đổi cái móng ấy, rồi bảo riêng với Cảo Nương rằng: "Tôi nghĩ ơn sâu của cha mẹ nặng bằng trời đất, vợ chồng ta hòa nhã yêu quý nhau không nỡ xa cách, nhưng tôi phải tạm dứt tình, về thăm cha mẹ". Nhã Lang về, cùng với cha bàn mưu đánh úp vua, chiếm lấy nước.

[20b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đàn bà gọi việc lấy chồng là "quy" thì nhà chồng tức là nhà mình. Con gái vua đã gả cho Nhã Lang thì sao không cho về nhà chồng mà lại theo tục ở gửi rể của nhà Doanh Tân để đến nỗi bại vong?

Trở lên là kỷ Triệu Vương, từ năm Mậu Thìn đến năm Canh Dần tất cả 23 năm [548-570].

Kỷ Hậu Lý

Hậu Lý Nam Đế

Ở ngôi 32 năm [571-602].

Vua dùng thuật gian trá để gồm lấy nước, mới thấy bóng giặc đã hàng trước, việc làm trước sau đều phi nghĩa.

Vua họ Lý, tên húy là Phật Tử, là tướng người họ của Tiên [Lý] Nam Đế, đuổi Triệu Việt Vương, nối vị hiệu của Nam Đế, đóng đô ở thành Ô Diên, sau dời đến Phong Châu.

¹ Các bản in Toàn thư đều in là Đại Kiế; sửa đúng là Thái Kiến.

[21a] Tân Mão, năm thứ 1 [571], (Trần Đại Kiến¹ năm thứ 3). Vua phụ lời thề, đem quân đánh Triệu Việt Vương. Lúc đầu Việt Vương chưa hiểu ý vua, thàng thốt đốc quân, đội mũ đầu mâu đứng chờ. Quân của vua cùng tiến đến, Triệu Việt Vương tự biết thế yếu không thể chống được, bèn đem con gái chạy về phía nam, muốn tìm nơi đất hiểm để ẩn náu tung tích, nhưng đến đâu cũng bị quân của vua đuổi theo sau gót. Việt Vương cưỡi ngựa chạy đến cửa biển Đại Nha, bị nước chặn, than rằng: "Ta hết đường rồi!", bèn nhảy xuống biển. Vua đuổi theo đến nơi, thấy mênh mông không biết [Việt Vương] đi đường nào, bèn trở lại. Họ Triệu mất nước. Người sau cho là linh dị, lập đền thờ ở cửa biển Đại Nha (Đại Nha nay là huyện Đại An)².

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: "Lấy bá thuật mà xét thì Hậu [Lý] Nam Đế đánh Triệu Việt Vương là đắc kế, lấy vương đạo mà xét thì việc ấy đã từng không bằng chó lợn. Sao **[21b]** thế? Là vì khi Tiên Lý Nam Đế ở động Khuất Lạo đem việc quân ủy cho Triệu Việt Vương. Việt Vương thu nhặt tàn quân giữ hiểm ở Dạ Trạch bùn lầy, đương đầu với Trần Bá Tiên là người hùng một đời, cuối cùng bắt được tướng của y là Dương Sàn. Tiên, người phương Bắc, phải lui quân. Bấy giờ vua [Hậu Nam Đế] trốn trong đất Di [Lạo], chỉ mong thoát khỏi miệng hùm mà thôi. May mà Bá Tiên về Bắc, [Lý] Thiên Bảo chết, mới đem quân đánh [Triệu] Việt Vương, dùng mưu gian trá xin hòa, kết làm thông gia. Việt Vương lấy lòng thành đối đãi, cắt đất cho ở, những việc làm của Việt Vương đều là chính nghĩa, giao hảo phải đạo, thăm viếng phải thời, há chẳng phải là đạo trị yên lâu dài hay sao? Thế mà [Hậu Nam Đế] lại dùng mưu gian của Nhã Lang, vút bỏ chính đạo nhân luân, kíp tham công lợi mà diệt nhân nghĩa, đánh cướp lấy nước, tuy rằng lấy được, mà Nhã Lang thì chết trước, bản thân cũng không khỏi làm tù, có lợi gì đâu?"

[22a] Nhâm Tuất, năm thứ 32 [602], (Tùy Văn Đế Dương Kiên, Nhân Thọ năm thứ 1)³. Vua sai con của anh là [Lý] Đại Quyền giữ thành Long Biên, Biệt súy là Lý Phổ Đình giữ thành Ô Diên (bấy giờ vua đóng đô ở Phong Châu).

Dương Tố nhà Tùy tiến cử Thứ sử Qua Châu là Lưu Phương người Trường An, có tài lược làm tướng. Vua Tùy xuống chiếu lấy Tố làm Giao Châu đạo hành quân tổng quản, thống lĩnh 27 doanh quân sang xâm chiếm. Quân lệnh của Phương rất nghiêm, ai phạm tất chém. Nhưng Phương tính nhân ái, binh sĩ người nào ốm đau đều thân đến thăm viếng nuôi dưỡng, quân lính ai nấy đều mến đức và sợ uy. Đến núi Đô Long gặp giặc cỏ⁴, Phương đánh tan hết, rồi tiến quân sang đến cạnh dinh của vua, trước lấy họa phúc mà dụ. Vua sợ xin hàng, bị đưa về Bắc rồi chết. Dân làm đền thờ ở cửa biển Tiểu Nha⁵ để đối với đền thờ Triệu Việt Vương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nam - Bắc mạnh yếu đều có từng lúc. Đương khi phương Bắc **[22b]** yếu thì ta mạnh, phương Bắc mạnh thì ta cũng thành yếu. Thế lớn trong thiên hạ là như vậy. Phàm kẻ có nước phải sửa sang giáp binh, chỉnh đốn xe cộ quân lính, phòng bị việc bất ngờ, đặt hiểm để giữ nước, lấy lễ mà thờ nước lớn, lấy nhân mà vỗ nước nhỏ. Ngày nhàn rồi thì dạy điều hiếu, để, trung, tín để cho người trong nước biết rõ cái nghĩa kính thân người trên, chịu chết cho người trưởng. Khi có họa xâm lăng thì phải dùng lời văn để sửa đổi ý định của họ, dùng lời nói mà bảo họ, lấy lễ vật ngọc lụa mà biểu cho họ. Như thế mà vẫn không tránh được, thì dù đến khốn cùng cũng phải quay lưng vào thành mà đánh một trận, thề tử thủ cùng với xã tắc mất còn, rồi sau mới không hổ thẹn. Lễ nào mới thấy quân giặc đến cõi, chưa xáp binh đao, đã

¹ Sửa đúng là Thái Kiến.

² Cửa biển Đại Nha: cũng có tên là Đại Ác, thời Lý đổi là Đại An, nay là Cửa Liêu (cửa sông Đáy). Huyện Đại An thời Lê nay là đất huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Hà.

³ Năm này, các bản Toàn thư đều ghi là Nhân Thọ nguyên niên, đúng ra là năm Nhân Thọ thứ 2.

⁴ Nguyên văn: ngô thảo tặc: hai chữ "thảo tặc" đáng phải sửa lại vì soạn giả dùng sử liệu của Trung Quốc không chính lý. Thông giám và Tùy thư, Lưu Phương truyện nói rõ đó là quân của Lý Phật Tử, hơn 2 nghìn người.

⁵ Tức Cửa Càn, ở phía nam cửa Đại An (xưa là Đại Nha, xem chú thích ở trang trước)

sợ hãi xin hàng ! Vua đã hèn nhát mà tướng văn, tướng võ đương thời không ai từng có một lời nào nói đến, có thể bảo là trong nước không có người vậy !

[23a] Trở lên là kỷ Hậu Lý Nam Đế, từ năm Tân Mão đế năm Nhâm Tuất, tất cả 32 năm [571-602], tính chung cả Tiên Nam Đế, Triệu Việt Vương là 62 năm.

Đại Việt Sử Ký Ngoại Kỳ Toàn Thư

Quyển V

[1a]

Kỷ Thuộc Tùy Đường

Quý Hợi, [603], (Tùy Nhân Thọ năm thứ 2).¹ Lưu Phương bắt được tướng cũ của Hậu Nam Đế, cho là gian ác, đều chém cả.

Ất Sửu, [605], (Tùy Dạng Đế Quang, Đại Nghiệp năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Lưu Phương mới dẹp yên nước ta, bầy tôi nhà Tùy có người nói nước Lâm Ấp có nhiều báu lạ. Vua Tùy bèn cho Phương làm Hoan Châu đạo hành quân tổng quản, đi kinh lược nước Lâm Ấp. Phương sai bọn thứ sử Khâm Châu là Ninh Trường Chân đem quân bộ và quân kỵ hơn một vạn xuất phát từ Việt Thường². Phương thân dẫn bọn đại tướng quân Trương Tồn đem thủy quân xuất phát từ quận Tỳ Cảnh (huyện của nhà Hán, thuộc quận Nhật Nam; nhà Tùy đặt quận Tỳ Cảnh)³. Tháng ấy quân đến cửa biển. Tháng 3, vua Lâm Ấp là Phạm **[1b]** Chí sai quân ra giữ nơi hiểm yếu, bị Lưu Phương đánh tan chạy. Quân của Phương qua sông Chà Lê. Quân Lâm Ấp cưỡi voi lớn từ bốn mặt kéo đến, quân của Phương đánh không lợi bèn đào nhiều hố nhỏ, phủ cỏ lên trên, cho quân khiêu chiến, đang đánh giả thua chạy. Quân Lâm Ấp đuổi theo, voi phần nhiều sụp hố ngã nhào, nhốn nháo kinh hãi, quân trở nên rối loạn. Phương cho dùng nỏ bắn voi, voi lùi chạy, xéo giẫm vào hàng trận. Phương nhân đó cho quân tinh nhuệ đuổi theo. Quân Lâm Ấp thua to, bị bắt, bị chém kể hàng vạn. Phương tiến quân đuổi theo, mấy trận đều được cả, qua phía nam cột đồng Mã Viện, đi tám ngày nữa đến quốc đô Lâm Ấp. Mùa hạ, tháng 4, Phạm Chí bỏ thành chạy ra biển. Phương vào thành lấy được 18 bộ thần chủ trong miếu đều đúc bằng vàng (tức là 18 đời vua), khắc đá ghi công rồi về. Binh sĩ thũng chân, mười phần chết đến bốn năm phần. Phương cũng bị ốm, chết dọc đường.

[2a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lâm Ấp tự chuốc bại vong là có nguyên do. Từ khi Phạm Hồ Đạt đánh chiếm Nhật Nam, Cửu Chân, cướp phá Giao Châu, bị Đỗ Viện nhà Tấn đánh tan, mà không từng lấy đó làm răn. Năm nay cướp Cửu Chân, sang năm lại cướp Giao Châu. Đỗ Tuệ Độ lại đánh tan, giết hết quá nửa. Dương Mại lại cướp Cửu Đức, bị Đoàn Hòa Chi nhà Tống đánh cho phải phục tội. Tuy có sai sứ vào cống nhưng vẫn cướp phá như cũ. Tông Xác và Hoà Chi đuổi dài, thắng được Lâm Ấp. Dương Mại may thoát khỏi miệng hùm, văng mình bỏ chạy. Từ đấy, biển Nam sóng lặng, tưởng chừng mãi mãi lấy đó làm răn. Nhưng Phạm Chí nổi ngôi, lại ra cướp Nhật Nam, bị Phạm Tu đánh tan ở Cửu Đức, suốt cả đời Hậu Nam Đế không dám dòm ngó đất trung châu phía bắc [tức nước ta] nữa, mà nước họ cũng được giàu thịnh. Đến đây người Tùy tham của báu, cất quân đi đánh, giày xéo quốc **[2b]** đô, làm dơ bẩn cung điện, tuy gọi là quân tham bạo, nhưng bọn man di quấy nhiễu trung châu cũng có thể lấy làm răn.

¹ Sửa đúng là niên hiệu Nhân Thọ năm thứ 3.

² Việt Thường: tên huyện thời Tùy, thuộc quận Nhật Nam, vị trí vào khoảng huyện Đức Thọ và phía nam huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

³ Tỳ Cảnh: tên quận do nhà Tùy đặt năm 607, vị trí ở vào khoảng phía nam tỉnh Hà Tĩnh đến Quảng Trị. Ở đây, Toàn thư chép với chữ Cảnh _____, nhưng đúng ra là Cảnh _____ (xem Tùy thư, Lưu Phương truyện). Cảnh còn có thể đọc theo âm cổ là Ảnh (Tỳ Ảnh nguyên là tên huyện thời Hán, có nghĩa là so bóng mặt trời).

Mậu Dần, [618], (Đường Cao Tổ Lý Uyên, Vũ Đức năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, Thứ sử Khâm Châu là Ninh Trường Chân đem đất Uất Lâm và Thủy An phụ theo Tiêu Tiển. Thái thú Hán Dương là Phùng Áng đem đất Thương Ngô, Cao Yếu, Châu Nhai, Phiên Ngung phụ theo Lâm Sĩ Hoảng. Tiển và Sĩ Hoảng đều sai người sang chiêu dụ Thái thú Giao Châu là Khâu Hòa, Hòa không theo. Tiển sai Trường Chân đem quân Lĩnh Nam đi đường biển đến đánh Hòa. Hòa muốn đón hàng, Tư pháp thư tá là Cao Sĩ Liêm bảo Hòa rằng: "Quân của Trường Chân tuy nhiều, nhưng quân cô tử xa đến, lương thực ít, tất không thể cầm giữ lâu, quân giỏi trong thành cũng đủ đương được, việc gì mới nghe hơi đã vội chịu theo người". Hòa nghe theo, lấy Sĩ Liêm làm **[3a]** Hành quân tư mã, đem các doanh thủy bộ đón đánh, phá tan quân [của Trường Chân]. Trường Chân chỉ chạy thoát một mình, quân lính bị bắt hết. Hòa lại đắp tử thành (tức thành nhỏ bên trong thành), chu vi 9 trăm bước để chống giữ. Đến khi nhà Tùy mất, Hòa hàng phục nhà Đường. Vua Đường sai Lý Đạo Hựu mang cờ tiết sang cho Hòa làm Giao Châu đại tổng quản¹, tước Đàm quốc công. Hòa sai Sĩ Liêm dâng biểu xin vào chầu. Vua Đường xuống chiếu sai quân đi đón². Năm này nhà Tùy mất.

Nhâm Ngọ, [622], (Đường Vũ Đức năm thứ 5). Trước đây, cuối thời nhà Tùy, Khâu Hòa làm Thái thú Giao Châu, cậy uy thế của nhà Tùy, thường đi tuần các khe động ở biên giới, ở châu hơn 60 năm, Lâm Ấp và các nước³ tặng cho Hòa những ngọc minh châu, sừng tê vân và vàng bạc của báu, cho nên Hòa giàu như vương giả. Năm này nhà Đường đổi Giao Châu làm An Nam đô hộ phủ⁴.

[3b] Mậu Tý, [628], (Đường Thái Tông Thế Dân, Trinh Quán năm thứ 2). Tông thất nhà Đường là Lý Thọ làm Đô đốc Giao Châu tham ô phải tội. Vua Đường thấy Thứ sử Doanh Châu là Lư Tổ Thượng có tài gồm văn võ, gọi vào triều, dụ rằng: "Giao Châu đã lâu không được người giỏi, các đô đốc trước sau đều không xứng chức. Khanh có tài lược dẹp yên biên giới, hãy vì ta sang trấn đất ấy, chớ lấy đường xa mà từ chối". Tổ Thượng lạy tạ, rồi lại hồi, lấy có đau ốm mà từ chối. Vua Đường sai Đỗ Như Hối bảo cho Tổ Thượng biết ý vua. Tổ Thượng vẫn cố từ. Lại sai Chu Phạm là anh vợ của Tổ Thượng đến dụ rằng: "Người thường đã hứa với nhau còn biết giữ chữ tín, khang đã hứa trước mặt trẫm, há trái lời hay sao? Nên sớm lên đường, sau ba năm tất gọi về, trẫm không nuốt lời". Tổ Thượng trả lời rằng: "Đất Lĩnh Nam lam chướng, dịch lệ, đó là cái lẽ đã ra đi thì không trở về". Vua Đường tức giận nói: "Ta sai người không đi, còn làm chính lệnh thế nào được nữa". Sai chém ngay ở triều đường. Sau hồi lại, cho khôi phục quan tước và ấm phong.

[4a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua sai bề tôi lấy lễ, bề tôi thờ vua lấy trung. Đường Thái Tông sai bề tôi không chịu đi, đổ đến hai lần, có thể gọi là có lễ. Tổ Thượng được vua sai lại tránh khó nhọc, thế là thất tiết; đã nhận rồi lại hồi, thế là thất tín; lời nói giận dỗi, thế là thất lễ. Thái Tông giết đi, tuy là quá, song Tổ Thượng đủ ba lỗi ấy, thì tội ra sao?

Ất Mùi, [635], (Đường Trinh Quán năm thứ 9). Tông thất nhà Đường là Lý Đạo Hưng làm Đô đốc Giao Châu vì bệnh chướng khí chết ở nơi làm quan.

Đinh Hợi, [687], (Đường Trung Tông Triết, Tự Thánh năm thứ 4). Mùa thu, tháng 7, các hộ người Lý ở Lĩnh Nam theo như lệ cũ nộp nửa thuế, Đô hộ Lưu Diên Hựu bắt phải nộp cả. Các hộ người Lý mới oán giận, mưu làm loạn. Lý Tự Tiên làm **[4b]** chủ mưu, Diên Hựu giết đi. Dư đảng là bọn Đinh Kiến họp quân vây phủ thành. Trong thành binh ít không chống nổi, đóng cửa thành cố giữ để đợi quân cứu viện. Đại tộc ở Quảng Châu là Phùng Tử Do muốn lập công, đóng quân không đến cứu, Kiến giết Diên Hựu. Sau Tư mã Quế Châu là Tào Trực Tĩnh⁵ đánh giết được Kiến.

¹ Nguyên bản in là Thái Tổng Quản, sửa lại theo Tân Đường thư, Khâu Hòa truyện.

² Nguyên văn: "chiêu phát sư nghênh chi"; có thể sai sót. Tân Đường thư, Khâu Hòa truyện chép là: "chiêu kỳ tử Sư Lợi nghênh chi", nghĩa là: xuống chiếu sai con [của Hòa] là Sư Lợi đi đón. Truyện Khâu Hòa trong Cựu Đường thư và Thông Giám cùng chép tương tự ("khiến kỳ tử Sư Lợi nghênh chi")

³ Cựu Đường thư, Khâu Hòa truyện chép "Lâm Ấp chi tây chư quốc" (các nước phía tây Lâm Ấp).

⁴ Cựu Đường thư, Địa lý chí chép: "Quận Giao Chỉ thời Tùy, năm Vũ Đức thứ 5 [nhà Đường] đổi làm Giao Châu tổng quản phủ"

⁵ Tân Đường thư, Cựu Đường thư, Thông giám đều chép là Tào Huyền Tĩnh.

Nhâm Tuất, [722], (Đường Huyền Tông, Long Cơ, Khai Nguyên năm thứ 10). Tướng giặc là Mai Thúc Loan¹ chiếm giữ châu, xưng là Hắc Đế, bên ngoài liên kết với người Lâm Ấp, Chân Lạp, số quân nói là 30 vạn². Vua Đường sai nội thị tả giám môn vệ tướng quân là Dương Tư Húc và Đô hộ là Nguyễn Sở Khách³ đánh dẹp yên được.

Mậu Tuất, [758], (Đường Túc Tông Hanh, Chí Đức năm thứ 3). Nhà Đường đổi An Nam Đô Hộ Phủ làm Trấn Nam Đô Hộ Phủ.

Đinh Mùi [767], (Đường Đại Tông Dực, Đại Lịch thứ 2). [Người] Côn Lôn⁴, Chà Bà⁵ đến cướp, đánh lấy châu thành. Kinh lược sứ Trương Bá Nghi cầu cứu với Đô úy châu Vũ Định là Cao Chính Bình. Quân cứu viện đến, đánh tan quân Côn Lôn, [5a] Chà Bà ở Chu Diên. Bá Nghi đắp lại La Thành⁶. Khi ấy có người tiết phụ họ Toàn⁷ là mẹ của Đào Tề Lượng ở Giao Châu, thường lấy trung nghĩa dạy Lượng, nhưng Lượng ngoan cố không chịu nghe, mới dứt tình với con, tự cày lấy mà ăn, dệt lấy mà mặc, người trong làng xóm đều noi theo. Vua Đường xuống chiếu cho 2 người đình đến hầu nuôi, sai quan bản đạo bốn mùa đến thăm hỏi.

Mậu Thân, [768], (Đường Đại Lịch năm thứ 3). Nhà Đường đổi Giao Châu làm An Nam Đô Hộ Phủ.

Giáp Tý, [784], (Đường Đức Tông Quát, Hưng Nguyên năm thứ 1). Người quận Cửu Chân là Khương Công Phụ làm quan thời Đường, đậu tiến sĩ, bổ làm Hiệu Thư Lang. Vì có bài chế sách hơn người, cho làm Hữu thập di Hàn Lâm học sĩ, kiêm chức Kinh triệu hộ tào tham quân, từng xin giết Chu Thử, vua Đường không nghe. Không bao lâu Kinh sư có loạn, vua Đường từ cửa Thượng Uyển đi ra, Công Phụ giữ ngựa lại can rằng: "Chu Thử từng làm tướng ở đất Kinh đất Nguyên, được lòng quân lính, [5b] vì Chu Thao làm phản nên bị vua cất mất binh quyền, ngày thường vẫn uất ức, xin cho bắt đem đi theo, chớ để cho bọn hung ác đón được". Vua Đường đương lúc vội vàng không kịp nghe, trên đường đi lại muốn dừng lại ở Phượng Tường để nương nhờ Trương Dật. Công Phụ can rằng: "Dật tuy là bề tôi đáng tin cậy, nhưng là quan văn, quân đột kỵ ở Ngự Dương do ông ta quản lĩnh đều là bộ khúc của Chu Thử. Nếu Thử thẳng đến Kinh Nguyên làm loạn, thì ở nơi ấy không phải kể vạn toàn". Vua Đường bèn đi sang Phụng Thiên. Có người báo tin Thử làm phản, xin vua phòng bị. Vua Đường nghe lời Lư Kỷ xuống chiếu cho quân các đạo đóng cách xa thành một xá⁸, muốn đợi Thử đến đón. Công Phụ nói: "Bậc vương giả không nghi ngại việc vũ bị thì lấy gì để oai linh được trọng. Nay cấm binh đã ít người mà quân lính người ngựa đều ở bên ngoài, thần lấy làm nguy cho bệ hạ lắm". Vua Đường khen là phải, cho gọi hết vào trong thành. Quân của Thử quả nhiên kéo đến, đúng như lời của Công Phụ. Vua Đường bèn thăng cho Phụ làm Giám Nghị Đại Phu, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự⁹. Sau [6a] vì việc can

¹ Tân Đường thư - Bản ký chép là Mai Thúc Loan; Cựu Đường thư, Dương Tư Húc truyện chép là Mai Lập Thành ---- Thông giám chép là Mai Thúc Yên.

² CMTB4, 21b theo Tân Đường Thư, Dương Tư Húc truyện ghi số quân của Mai Thúc Loan là 40 vạn.

³ CMTB4, 21b theo Đường Thư; Dương Tư Húc truyện chép là Quang Sở Khách. Hai chữ Quang _____ và Nguyên _____ để viết nhầm.

⁴ Côn Lôn: thư tịch Trung Quốc từ thế kỷ IV, nhất là từ thời Đường, thường dùng tên Côn Lôn để chỉ một số cư dân trong vùng Nam Hải, tức vùng Đông Nam Á ngày nay. Tuệ Lâm trong Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa (q.61), soạn năm 817, nói rằng "Côn Lôn ... cũng gọi là Cốt Luân, là người Di ở các đảo châu Nam Hải, rất đen chủng loại có nhiều". Cựu Đường Thư, Nam Man truyện cũng chép: "Từ Lâm Ấp trở về phía nam, đều tóc quăn, da đen, gọi chung là Côn Lôn". Như vậy Côn Lôn là một sự phiếm chỉ, khó có thể xác định đó là cư dân một nơi nào ở Đông Nam Á hiện nay.

⁵ Chà Bà: phiên âm tên đảo Java.

⁶ Theo Nguyễn Hòa quận huyện chí (q.38), năm này (767) Trương Bá Nghi cho đắp La Thành ở vị trí mới, cách sông Tô Lịch khoảng 200 thước.

⁷ Cương mục TB4 chép người tiết phụ này họ Kim, hẳn là đã dựa vào Tân Đường thư q.205 Liệt nữ truyện (Kim tiết phụ). Toàn thư đã chép nhầm chữ Kim ra chữ Toàn.

⁸ Xá: 30 dặm.

⁹ Việc Khương Công Phụ can ngăn Đường Đức Tông, Đường thư và Thông giám đều ghi vào năm Kiến Trung thứ 4 (783), quan hàm được phong là Giám nghị đại phu kiêm Đồng bình chương sự.

vua chôn cất công chúa Đường An quá hậu, trái ý vua, Lục Chí tâu gỡ cho, nhưng không được, cuối cùng vẫn phải xuống chức làm Thái tử tả thứ tử, lại bị biếm là Tuyên Châu biệt giá. Đường Thuận Tông lên ngôi, cho làm Thứ sử Cát Châu, chưa đến nơi nhận chức thì chết. Em là Khương Công Phục cũng đậu tiến sĩ, làm quan đến chức Bắc bộ thị lang¹.

Tân Mùi, [791], (Đường Trinh Nguyên năm thứ 7). Mùa xuân, An Nam đô hộ phủ là Cao Chính Bình làm việc quan bắt dân đóng góp nặng. Mùa hạ, tháng 4, người ở Đường Lâm thuộc Giao Châu (Đường Lâm thuộc huyện Phúc Lộc)² là Phùng Hưng dấy binh vây phủ. Chính Bình lo sợ mà chết. Trước đây Phùng Hưng vốn là nhà hào phú, có sức khỏe, có thể vật trâu, đánh hổ. Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-780) đời Đường Đại Tông, nhân Giao Châu có loạn, cùng với em là Hải hàng phục được các ấp bên cạnh, Hưng xưng là Đô Quân, Hải xưng là Đô Bảo, đánh nhau với Chính Bình, lâu ngày không thắng được. Đến đây dùng [6b] kế của người làng là Đỗ Anh Hàn, đem quân vây phủ. Chính Bình lo sợ phần uất thành bệnh ở lưng mà chết. Hưng nhân đó vào đóng ở phủ trị, chưa được bao lâu thì chết. Con là An tôn xưng làm Bồ Cái Đại Vương (tục gọi cha là Bồ, mẹ là Cái, cho nên lấy [Bồ Cái] làm hiệu). Vương thường hiển linh, dân cho là thần, mới làm đền thờ ở phía tây phủ đô hộ, tuế thời cúng tế (tức là Phu hựu chương tín sùng nghĩa Bồ Cái Đại Vương. Đền thờ nay ở phường Thịnh Quang³, ở phía đông nam⁴ ruộng tịch điền).

Tháng 5, ngày Tân Ty, nhà Đường đặt quân Nhu Viễn ở phủ trị. Mùa thu, tháng 7, ngày Canh Thìn, nhà Đường lấy Triệu Xương làm đô hộ. Xương vào cõi, lòng dân bèn yên. Xương sai sứ dụ An, An đem quân hàng. Xương đắp thêm La Thành kiên cố hơn trước, ở chức 17 năm, vì đau chân xin về. Vua Đường chuẩn cho, lấy Lang trung bộ Binh là Bùi Thái thay Xương.

Quý Mùi, [803], (Đường Trinh Nguyên năm thứ 19). Đô đốc Bùi Thái sai lấp bỏ những hào rãnh ở trong thành, hợp làm một [7a] thành⁵. Tướng ở châu là Vương Quý Nguyên đuổi Bùi Thái đi. Vua Đường vời Xương hỏi tình trạng. Xương đã ngoài 70 tuổi, mà tâm việc rõ ràng. Vua Đường cho là giỏi, lại sai làm Đô hộ Giao Châu. Xương đến, người trong châu đều mừng, loạn bèn yên.

Mậu Tý, [808], (Đường Hiến Tông Thuần, Nguyên Hòa năm thứ 3). Trương Chu làm Đô hộ Giao Châu (trước Chu làm Kinh lược phán quan, đến nay thăng làm Đô hộ), đắp thêm thành Đại La, đóng 300 chiếc thuyền mô phỏng (loại thuyền ngắn), mỗi thuyền có 25 chiến thủ, 23 tay chèo, thuyền chèo ngược xuôi, nhanh như gió. Lại đắp hai thành ở châu Hoan, châu Ái, vì các thành ấy trước bị Hoàn Vương (vua Chiêm Thành) phá hủy.

Kỷ Hợi, [819], (Đường Nguyên Hòa năm thứ 14). Mùa đông, tháng 10, Đô hộ là Lý Tượng Cổ vì tham bạo hà khắc mất lòng dân chúng. Tướng của Cổ là Dương Thanh đời đời làm tù trưởng Man, khoảng niên hiệu Khai Nguyên [713-742] nhà Đường làm Thứ sử Hoan Châu⁶, [7b] Tượng Cổ vẫn kiêu dè, gọi cho làm nha tướng, đến đại sai đi đánh người Man ở Hoàng Động. Thanh nhân thấy lòng người oán giận Tượng Cổ, đang đêm trở về đánh úp châu, chiếm được, giết Tượng Cổ (Thanh là người Giao Châu, Tượng Cổ là người tôn thất nhà Đường). Vua Đường sai Quế Trọng⁷ đánh Dương Thanh mà

¹ Bắc bộ thị lang: Đại Việt sử ký tiền biên (bản in thời Tây Sơn) sửa là Tì bộ thị lang (____ tì và ____ bắc để viết nhầm). CMTB26 dẫn An Nam kỷ yếu ghi Bình trước là Đô úy ở Vũ Định, nhờ đem quân cứu viện Trương Bá Nghi, được phong làm An Nam Đô Hộ.

² Nay là xã Cam Lâm, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

³Nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

⁴ Nguyên bản in: "tịch điền đông-tây", có lẽ là đông-nam hay đông-bắc, khắc in nhầm.

⁵ Nguyên văn: "Sàn thành trung câu địa thành, hợp vi nhất thành" và cước chú: "câu địa có bản chép là câu trì (ao ngòi)". Như vậy "câu địa thành" có lẽ phải đọc là "câu địa thành", hiểu là thành có hào rãnh trong ngoài, mà câu địa là lối ghép 1 từ Hán và 1 từ Nôm đồng nghĩa. Trong câu trên có 3 chữ thành, thừa chữ thành thứ hai.

⁶ Người làm thứ sử Giao Châu nói đây là ước tính theo thời gian, cần hiểu là người đời trước trong gia tộc của Dương Thanh chứ không phải chính Dương Thang.

⁷ CMTB4, 29b theo Cựu Đường thư, Bản kỷ và Thông giám sửa lại là Quế Trọng Vũ, bấy giờ làm An Nam đô hộ.

không thẳng. Thanh vào trong người Man Lạo làm loạn, cướp phá phủ thành, Đô hộ Lý Nguyên Gia đánh không được, dụ không đến. Do đấy người Man Hoàng Động dẫn Hoàn Vương¹ vào cướp.

Giáp Thìn, [824], (Đường Mục Tông Hằng, Trường Khánh năm thứ 4). Mùa đông, tháng 11, Lý Nguyên Gia² thấy trước cửa thành có dòng nước chảy ngược, sợ trong châu nhiều người sinh lòng làm phản, vì thế dời đến đóng ở thành hiện nay. (Bấy giờ Nguyên Gia dời phủ trị³ đến sông Tô Lịch, mới đắp thành nhỏ thôi, có người thầy tướng bảo rằng: Sứ ông không đắp nổi thành lớn, sau 50 năm nữa ắt có người họ Cao đến đây đóng đô dựng phủ. Đến đời Hàm Thông [860-874], Cao Biền đắp thêm La Thành, đúng như lời người ấy. Lại xét: Phủ thành đô hộ trước đó ở ngoài thành Đông Quan ngày nay, gọi là La Thành, sau Cao Biền đắp thành hiện nay, thành bên ngoài cũng gọi là La Thành).

[8a] Mậu Thân, [828], (Đường Văn Tông Hàm, Thái Hòa năm thứ 2). Đô hộ Hàn Ước đánh Vương Thăng Triều ở Phong Châu, thắng được, sau bị Dương Thanh đuổi, chạy về Quảng Châu.

Tân Dậu, [841], (Đường Vũ Tông Viêm, Hội Xương năm thứ 1). Vua Đường xuống chiếu lấy Vũ Hồn làm Kinh lược sứ thay Hàn Ước.

Quý Hợi, [843], (Đường Hội Xương năm thứ 3). Kinh lược sứ Vũ Hồn bắt tướng sĩ đắp sửa thành phủ, tướng sĩ làm loạn, đốt lầu thành, cướp kho phủ. Hồn chạy về Quảng Châu. Giám quân là Đoàn Sĩ Tắc vỗ yên được quân làm loạn.

Bính Dần, [846], (Đường Hội Xương năm thứ 6). Người Nam Man⁴ vào cướp. Vua Đường sai Kinh Lược Sứ là Bùi Nguyên Hựu⁵ đem quân các đạo lân cận đánh dẹp được.

Đinh Sửu, [857], (Đường Tuyên Tông Thâm, Đại Trung năm thứ 11). Mùa hạ, tháng 4, nhà Đường lấy Hữu thiên ngư vệ đại tướng quân **[8b]** là Châu Nhai⁶ là Kinh lược sứ Giao Châu.

Mậu Dần, [858], (Đường Đại Trung năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, vua Đường lấy Khang Vương phó⁷ là Vương Thúc làm Giao Châu kinh lược đô hộ sứ. Thúc là người có tài lược, đến phủ sai trồng cây táo gai⁸ làm rào, bên ngoài đào hào sâu để thoát nước trong thành, bên ngoài hào trồng tre gai, giặc không thể xâm phạm được, kén chọn dạy bảo quân lính rất tinh nhuệ. Không bao lâu, người Nam Man (tức Nam Chiếu) kéo đến đông, đóng ở bến đò Cẩm Điền, cách châu độ nửa ngày đường. Ý tứ của Thúc vẫn an nhàn như thường, sai người phiên dịch đến dụ, bày tỏ lợi hại, chỉ một đêm người Man lại kéo đi, sai người đến từ tạ nói: "Chúng tôi chỉ đến bắt bọn người Lạo làm phản, chứ không phải đến cướp".

Lại có Đô hiệu La Hành Cung (Đô hiệu cũng như Đô tướng) chuyên quyền ở phủ đã lâu, quân tinh nhuệ dưới cờ đến 2 nghìn người mà ở phủ đô hộ chỉ có vài trăm quân gầy yếu. Thúc đến phủ, đánh trượng vào lưng [Hành Cung] rồi đuổi ra nơi biên viễn.

¹ Hoàn Vương: vua nước Chiêm Thành (khoảng những năm 756-808, nước Lâm Ấp được thư tịch Trung Quốc gọi là Hoàn Vương Quốc, từ sau năm 808 mới gọi là Chiêm Thành).

² Lý Nguyên Gia: Việt Sử Lược q1.10b dựa vào Cựu Đường thư (Bản kỷ 17) chép là Nguyên (tức Lý) Nguyên Hỷ. Chữ Gia và chữ Hỷ có thể lẫn với nhau.

³ Nguyên bản in nhầm chữ ____ phủ thành chữ ____ phủ.

⁴ Ở đây, Toàn thư chép là Nam Man. Tân Đường thư q.8 Bản Kỷ, khi nói đến sự kiện này, lại chép là Vân Nam Man. Nhưng cũng căn cứ vào Tân Đường thư, q.222 Nam Chiếu truyện, thì Vân Nam Man nói ở đây là Nam Chiếu, tên quốc gia của các tộc người vùng Vân Nam, Trung Quốc (chủ yếu là người Thoán), cường thịnh từ khoảng thế kỷ VIII, thường tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược ra xung quanh.

⁵ Cương mục (TB4, 35a) theo sử liệu của Thông Giám và Tân Đường thư (Bản kỷ) đã sửa lại là Bùi Nguyên Dụ (hai chữ ____ dụ và ____ hựu để viết nhầm)

⁶ Châu Nhai (cũng đọc là Chu Nhai), Toàn thư và cả Cương mục (TB4, 36b) dựa vào Thông giám và Cựu Đường thư (Bản Kỷ), nhưng cả hai tài liệu ấy đều chép tên người này là Tống Nhai. Hai chữ ____ Tống và ____ Chu để viết nhầm. Toàn thư chuyển tiếp lầm trong Cương mục: nên sửa lại là Tống Nhai.

⁷ Thầy học của Khang Vương.

⁸ Vốn là ____ "lạc mộc" (cây táo gai), nguyên bản in nhầm thành ____ "điều mộc" (Xem CMTB4, 37).

Trước đó, Đô hộ là Lý Trác làm chính sự tham **[9a]** lam tàn bạo, mua hiếp bò ngựa của người Man, mỗi con chỉ trả cho một đấu muối, lại giết tù trưởng Man là Đổ Tôn Thành, dân Man oán giận, dẫn đường cho người Nam Chiếu đến lấn cướp biên giới. Đất Tây Nguyên, Đào Lâm, thuộc Phong Châu, từ xưa vẫn có quân phòng đông¹ 6.000 người, tù trưởng Man Đông Thất Quán bên cạnh là Lý Do Độc, thường giúp đỡ việc đóng giữ và thu tô thuế. Viên Tri Châu Phong Châu (không rõ họ tên) nói với Tác xin bỏ quân đóng thú, chuyên ủy cho Do Độc ngăn phòng. Từ đó Do Độc thế cô, không thể đứng vững được. Thác đông tiết độ của Nam Chiếu (Thác đông: ý nói khai thác cõi đông; Giao Chỉ ở phía đông nước Nam Chiếu, cho nên đặt chức ấy) gửi thư sang dụ Do Độc, đem con gái gả cho con trai của Do Độc, bổ làm Thác đông thác nha². Do Độc bèn đem dân chúng làm tôi nước Nam Chiếu. Từ đây Giao Châu mới có mối lo về người Man [Nam Chiếu].

Tháng 5 năm ấy, người Man [Nam Chiếu] đến cướp, Thức đánh lui được.

Mùa thu, tháng 7, có bọn dân xấu nhiều lần nổi loạn, nói phao rằng: "Nghe đồn Kinh lược sứ Châu Nhai (Châu Nhai ở Quảng **[9b]** Châu)³ sai quân Hoàng đầu (quân bịt đầu bằng khăn vàng) vượt biển sang đánh úp châu ta". Rồi bọn họ đang đêm kéo nhau đến vây thành, đánh trống reo hò: "Xin đuổi Thức về để chúng tôi đóng ở thành này chống giữ quân Hoàng đầu phía Bắc". Lúc ấy Thức đang ăn, có người khuyên nên tránh đi. Thức nói: "Tôi động chân một chút thì thành này vỡ ngay". Rồi cứ thông thả mà ăn, ăn xong, mặc áo giáp dẫn tả hữu lên mặt thành, dựng cờ đại tướng ngồi mà trách mắng. Bọn làm loạn quay đầu bỏ chạy. Ngày hôm sau, Thức sai bắt giết hết.

Bấy giờ đói kém loạn lạc liên tiếp, 6 năm không nộp thượng cung (thượng cung là tiền, lụa nộp sang Kinh sư để cho vua [Trung Quốc] chi dùng), trong quân không có khao thưởng. Thức bắt đầu sửa sang việc thuế khóa, khao thưởng quân lính. Chiêm Thành, Chân Lạp đều thông sứ trở lại.

Canh Thìn, [860], (Đường Ý Tông Thôi, Hàm Thông năm thứ 1). Mùa xuân, giặc ở Chiết Đông là Cừ Phủ làm loạn. Nhà Đường bàn chọn tướng đi đánh dẹp. Hạ Hầu Tư nói: "Vương Thức tuy là con nhà nhỏ, nhưng trước ở An Nam đã từng uy phục được cả người Hoa và người Di, **[10a]** cõi xa đều nghe danh tiếng, có thể đảm nhiệm được". Vua Đường bèn gọi Thức về trao cho chức Chiết Đông quan sát sứ.

Mùa đông, tháng 12, ngày Mậu Thân, người thổ man dẫn quân Nam Chiếu hợp lại hơn 3 vạn người, nhân khi sơ hở đến đánh chiếm phủ [trị] của châu ta. Đô hộ Lý Hộ cùng với viên giám quân chạy về Vũ Châu.

Tân Ty, [861], (Đường Hàm Thông năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng vua Đường xuống chiếu phát quân Ung Quan⁴ và các đạo lân cận sang cứu Lý Hộ, đánh lại Nam di [Nam Chiếu]. Mùa hạ, tháng 6, ngày Quý Sửu, vua Đường sai Phòng ngự sứ Diêm Châu là Vương Khoan làm Kinh lược sứ An Nam. Bấy giờ Lý Hộ từ Vũ Châu thu nhật quân người địa phương [Giao Châu] đánh bọn Man [Nam Chiếu], lấy lại được phủ thành. Vua Đường trách tội thất thủ, biếm làm Tư hộ Đạm Châu, sau đày đi Phong Châu, lấy Vương Khoan làm Đô hộ kinh lược sứ. Hộ khi mới đến giết tù trưởng người Man là Đổ Trùng⁵, cho nên họ hàng nhà Trùng xui giục và dẫn đường cho người Man [Nam Chiếu] đánh lấy châu.

[10b] Nhâm Ngọ, [862], (Đường Hàm Thông năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, Nam Chiếu lại vào cướp phá. Vương Khoan mấy lần sai sứ cáo cấp. Vua Đường sai Hồ Nam quan sát sứ trước là Sái Tập thay thế, đem binh các đạo Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc, hợp lại được 3 vạn, giao cho Tập để chống cự. Thế quân đã mạnh, quân Man bèn rút lui.

¹ Đời Đường, quân phòng thủ ở biên giới thường được gọi là phòng thu và phòng đông.

² Thác đông thác nha: Thông giám (Mậu Dần, Đại Trung 2) khảo dị với Man thư, đã hiệu chỉnh là Thác đông áp nha; nên sửa theo cách gọi đó.

³ Ở đây nói đến viên Kinh Lược Sứ Tống Nhai mà Toàn Thư đã lầm là họ Châu tên Nhai (xem NK5 8b - năm 857), đến đây thấy trùng với tên quận Châu Nhai (ở đảo Hải Nam) nên người chú thích nguyên bản Toàn thư đã chú nhầm.

⁴ Tức Ung Châu. Quân là đơn vị hành chính do nhà Đường đặt, tương đương như phủ.

⁵ CMTB4, 40a theo Thông giám, chép là Đổ Thủ Trùng.

Mùa hạ, tháng 5, Lĩnh Nam tiết độ là Sái Kinh thấy Tập đem quân các đạo đến chống cự với quân Man, sợ Tập lập được công, có ý ghen ghét, nhân đó tâu rằng: "Bọn Nam Man đã trốn xa, biên giới không đáng lo nữa. Kẻ vũ phu cầu công, xin cần quân đóng thú, tổn phí quân lương và chuyên chở, vì góc lách đường xa khó bề kiểm soát, nên tha hồ làm việc gian trá. Xin bãi quân đóng giữ, cho đạo nào lại về đạo ấy". Vua Đường nghe theo. Tập nhiều lần tâu rằng: "Bọn người Man rình lúc sơ hở đã lâu, không thể không phòng bị, xin lưu lại 5 nghìn thú binh". Vua Đường không nghe, Tập cho là giặc Man [Nam Chiếu] ắt lại đến, mà quân lính và lương thực đều thiếu, trí lực **[11a]** hai mặt đều quần, mới làm tờ sớ "Thập tất tử trạng" [10 tình trạng ắt phải chết] trình lên tòa Trung thư. Nhưng tể tướng thời bấy giờ tin lời Sái Kinh, cuối cùng vẫn không xét đến.

Mùa thu, tháng 7, Sái Kinh ở trị sở, chính lệnh hà khắc thảm độc, cả cõi đều oán, bị quân sĩ đuổi, phải biếm làm Tư hộ Nhai Châu, không chịu đi nhận chức, vua Đường xuống sắc bắt phải tự tử.

Mùa đông, tháng 10, bọn Man Nam Chiếu 5 vạn người đến cướp, Tập cáo cấp. Vua Đường sai lấy quân hai đạo Kinh Nam, Hồ Nam 2 nghìn người và con em nghĩa chinh ở Quế Quán (vì họ ứng mộ tòng quân nên gọi là nghĩa binh) 3 nghìn người đến Ung Châu chịu lệnh tiết chế của Trịnh Ngu để sang cứu [Sái Tập]. Tháng 12, Tập lại xin thêm quân, vua Đường sắc cho Sơn Nam đông đạo đem 1 nghìn quân tay nỏ sang cứu. Khi ấy quân Nam Chiếu đã vây phủ, quân cứu viện không thể đến được. Tập chỉ cố thủ xung quanh thành mà thôi.

Quý Mùi, [863], (Đường Hàm Thông năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Ngọ, quân Nam Chiếu đánh chiếm phủ thành, tả hữu của Tập **[11b]** đều chết hết. Tập chạy bộ, cố sức đánh, người trúng mũi tên, muốn xuống thuyền của giám quân nhưng thuyền đã đi xa bờ, bèn nhảy xuống biển chết, cả nhà 70 người. Liêu thuộc là Phàn Xước đem ấn tín binh phủ của Tập sang sông trước, được thoát. Tướng sĩ các châu Kinh Nam, Giang Tây, Ngạc, Nhạc, Tương, hơn 4 trăm người chạy đến phía đông thành giáp sông. Ngu hầu Kinh Nam là bọn Nguyên Duy Đức bảo quân sĩ rằng: "Bọn ta không có thuyền, xuống nước tất chết, chi bằng lại quay về thành đánh nhau với người Man, một người của ta đổi lấy hai người Man, cũng có lợi". Bèn trở lại thành, vào cửa Đông La (tức là cửa đông La Thành An Nam). Người Man không phòng bị, bọn Duy Đức tung quân đánh, giết quân Man hơn 2 nghìn người. Đến đêm, tướng Man là Dương Tư Tấn từ trong tử thành (tức thành nhỏ ở trong thành) đem quân ra cứu, bọn Duy Đức đều chết cả. Nam Chiếu hai lần chiếm Giao Châu, vừa giết vừa bắt gần 15 vạn người. [Khi rút lui] lưu lại 2 vạn quân, sai Tư Tấn giữ **[12a]** thành Giao Châu ta. Người Di Lão ở các khe động không cứ xa gần đều hàng phục cả. [Vua] Nam Chiếu cho thuộc hạ là Đoàn Tù Thiên làm Tiết độ sứ phủ [Giao Châu] ta. Vua Đường xuống chiếu gọi viện binh các đạo về chia giữ Tây Đạo ở Lĩnh Nam¹.

Tháng 6, bỏ An Nam đô hộ phủ, đặt chức Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn², cho Hữu giám môn vệ tướng quân là Tống Nhung giữ chức Hành Giao Châu thứ sử, cho Vũ Nghĩa tiết độ sứ³ là Khang Thừa Huấn kiêm lĩnh chức Lĩnh Nam cập chủ quân hành doanh⁴.

Mùa thu, tháng 7, lại đặt An Nam đô hộ phủ ở Hành Giao Châu, cho Tống Nhung làm Kinh lược sứ, đem quân Sơn Đông một vạn người đến trấn giữ. Khi ấy quân các đạo của nhà Đường đến cứu viện, đều đóng lại ở Lĩnh Nam không tiến, hao phí lương thực, vận chuyển, người Nhuận Châu là Trần Bàn Thạch dâng sớ xin đóng loại thuyền nghìn hộc để chở gạo từ Phúc Kiến đi đường biển, không đầy một tháng thì đến Quảng Châu. Vua Đường nghe theo, lương ăn của quân lính nhờ đó được đầy đủ. Nhưng **[12b]** bọn quan lại mượn tiếng thuê thuyền để cướp đoạt thuyền của người buôn, vút hàng hóa của họ

¹ Tây Đạo: tức Ung Châu (trị sở ở Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay).

² Trấn Hải Môn: lỵ sở ở huyện Bắc Bạch, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay.

³ Vũ Nghĩa tiết độ sứ: nên sửa theo Tân Đường thư, Khang Thừa Huấn truyện là Nghĩa Vũ tiết độ sứ.

⁴ Lĩnh Nam: trong chức vụ kiêm lĩnh của Khang Thừa Huấn nên sửa đúng là An Nam, theo Thông Giám và Tân Đường thư (đã dẫn). CMTB5, 4a cũng dẫn nhầm là Lĩnh Nam.

lên bờ: khi thuyền ra biển có chiếc nào bị sóng gió làm chìm đắm thì bắt giam cương lại¹ và chủ thuyền để bắt đền số gạo bị mất, [vì thế] người ta rất khổ sở.

Giáp Thân, [864], (Đường Hàm Thông năm thứ 5). Vua Đường cho Tổng quản² kinh lược sứ là Trương Nhân kiêm coi giữ việc Giao Châu, tăng thêm quân ở trấn Hải Môn cho đủ số 2 vạn 5 nghìn người, sai Nhân tiến quân lấy lại phủ thành.

Mùa thu, tháng 7, Nhân dùng dăng không dám tiến. Hạ Hầu Tư tiến cử Kiêu vệ tướng quân là Cao Biền thay, bèn cho Biền làm Đô hộ tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ, bao nhiêu quân sĩ của Nhân đều trao cho Biền cả. Biền tiểu tự là Thiên Lý, cháu của Nam Bình Quận Vương [Cao] Sùng Văn, đời đời coi giữ cấm binh. Biền đổi chí vào việc học, thích bàn luận việc xưa nay, người trong quân đều **[13a]** khen ngợi. Lúc còn ít tuổi, theo giúp Chu Thục Minh. [Một hôm] có hai con diều sổng đôi bay qua, Biền giương cung nhắm bắn, khẩn rằng: "Nếu ta sau này được quý hiển thì phải bắn trúng" rồi bắn một phát tên trúng cả hai con. Mọi người cả kinh, nhân đó gọi là "Lạc diều thị ngự sử" [quan thị ngự sử bắn rơi chim diều]. Sau Biền được thăng dần đến chức Hữu thần sách đô ngu hầu. Người Đảng Hạng làm phản, Biền đem hơn 1 vạn cấm binh đến đóng ở Trường Vũ, nhiều lần lập công, thăng chức Tần Châu phòng ngự sử, lại có công nữa. Bấy giờ Nam Chiếu chiếm đất ta, cho nên sai Biền sang thay [Trương Nhân].

Ất Dậu, [865], (Đường Hàm Thông năm thứ 6). Mùa thu, tháng 7, Cao Biền sửa quân ở trấn Hải Môn chưa tiến. Giám quân là Lý Duy Chu ghét Biền muốn tống đi, nhiều lần giục Biền tiến quân. Biền đem hơn 5 nghìn quân vượt biển đi trước, hẹn Duy Chu đem quân ứng viện. Biền đi rồi, Duy Chu cầm quân còn lại không tiến phát. Tháng 9, Biền đến Nam Định³, Phong Châu, quân Man gần 5 vạn đương gặt lúa, Biền ập đến **[13b]** đánh tan, chém được bọn Trương Thuỳên, thu lấy số lúa đã gặt dùng để nuôi quân.

Bính Tuất, [866], (Đường Hàm Thông năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 4, Nam Chiếu thăng chức cho Đoàn Tù Thiên làm Tiết độ sứ Thiên Xiển (Thiên Xiển là đô khác của Nam Chiếu, ở tây bắc Giao Châu)⁴, sai Trương Tập⁵ giúp Tù Thiên đánh Giao Châu, cho Phạm Nật Ta làm Đô thống phủ ta, Triệu Nặc Mì làm Đô thống Phủ Da⁶. Giám trận nhà Đường sai Vi Trọng Tế đem hơn 7 nghìn quân đến Phong Châu. Biền được thêm quân, tiến đánh Nam Chiếu, nhiều lần đánh tan được. Tờ tau thăng trận gửi đến trấn Hải Môn, Duy Chu đều giấu đi. Mấy tháng không có tin tức, vua Đường lấy làm lạ mới hỏi Duy Chu. Duy Chu tâu rằng: Biền đóng quân ở Phong Châu, ngồi nhìn giặc không chịu tiến. Vua Đường tức giận, sai Hữu vũ vệ tướng quân là Vương Ân Quyền thay Biền, đòi Biền về kinh đô, ý muốn biếm phạt nặng. Tháng ấy, Biền đánh tan quân Nam Chiếu, giết và bắt sống rất **[14a]** nhiều. Nam Chiếu thu quân còn sót chạy vào châu thành cố giữ. Mùa đông, tháng 10, Cao Biền vây châu thành hơn 10 ngày, người Man rất khốn quẫn. Thành sắp hạ thì vừa lúc Biền nhận được văn thư của Vương Ân Quyền cho biết đã cùng với Duy Chu đem đại quân xuất phát từ trấn Hải Môn. Biền liền trao việc quân cho Trọng Tế, rồi cùng với bộ hạ hơn 100 người về Bắc.

Trước đó, Trọng Tế sai tiểu sứ là Vương Tuệ Tán, Cao Biền sai tiểu hiệu là Tăng Cồn cùng mang thư báo thắng trận về nhà Đường, đến giữa biển, trông thấy cờ quạt kéo sang phía đông, hỏi những thuyền đi trên biển thì họ nói đó là quan Kinh lược sứ và Giám quân mới đến. Hai người bàn nhau rằng:

¹ Cương lại: người giữ việc ghi chép sổ sách vận chuyển lương thực.

² Tân Đường thư q.224 hạ, Cao Biền truyện và Việt Sử Lược q.1 đều chép là Dung Quân kinh lược sứ, Dung Quân hay Dung Châu thời Đường, đặt trị sở ở huyện Bắc Lưu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay.

³ Nam Định: tên huyện do nhà Đường đặt năm Vũ Đức thứ 4 [621] (Đường thư, Địa lý chí). Lại theo Thái Bình hoàn vũ ký của Nhạc Sử thời Tống thì ở huyện Nam Định có núi Đông Cứu ở châu Gia Lâm. Như vậy huyện Nam Định thời thuộc Đường ở về phía nam sông Đuống, vào khoảng huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

⁴ Thiên Xiển: tức Côn Minh, ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc ngày nay.

⁵ Theo Thông Giám và Tân Đường thư, Nam Chiếu truyện, họ tên người này là Dương Tập Tư, không phải là Trương Tập như Toàn thư đã viết nhầm.

⁶ Phủ Da: tên huyện thuộc châu Vũ Định. Theo Thanh nhất thống chí, châu Vũ Định thời Đường thuộc quyền An Nam đô hộ phủ; nay ở địa phận tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Chữ Phủ trong nguyên bản đúng ra phải chép là _____.

"Duy Chu thế nào cũng cướp lấy tờ biểu và giữ chúng ta lại". Bèn nấp ở hải đảo chờ Duy Chu đi qua rồi mới đi gặp về kinh sư. Vua Đường được tờ tâu cả mừng, liền thăng cho Biền làm Kiểm hiệu Công bộ thượng thư, sai Biền đi đánh người Man. Biền về đến trấn Hải Môn thì quay lại.

Án Quyền là người ngu hèn, việc gì cũng xin lệnh của Duy Chu. Duy **[14b]** Chu là người hung bạo tham lam, các tướng không chịu giúp việc, bọn họ bèn mở vòng vây cho người Man trốn đi quá nửa. Biền đến nơi lại đốc thúc khích lệ tướng sĩ, đánh lấy được thành, giết Tù Thiên và Chu Cổ Đạo là người thổ man dẫn đường cho quân Nam Chiếu, chém hơn 3 vạn đầu. Quân Nam Chiếu trốn đi, Biền lại phá được hai động thổ man dã theo Nam Chiếu, giết tù trưởng. Người thổ man rú nhau quy phục đến 1 vạn 7 nghìn.

Tháng 11, ngày Nhâm Tý, vua Đường xuống chiếu cho các lộ quân Giao Châu, Ung Châu, Tây Châu¹ phải giữ bờ cõi, không tiến đánh nữa; đặt Tĩnh Hải quân ở Giao Châu, lấy Biền làm Tiết độ sứ. (Từ đây cho đến đời nhà Tống, An Nam gọi là Tĩnh Hải quân tiết trấn). Từ khi Lý Trác xâm phạm quấy nhiễu, khiến cho người Man [Nam Chiếu] gây họa đến gần 10 năm, đến đây mới yên. Cao Biền giữ phủ xưng vương², đắp La Thành vòng quanh 1.982 trượng lẻ 5 thước, thân thành cao **[15a]** 2 trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 5 thước, bốn mặt thành đắp các nữ tường nhỏ³ trên bốn mặt thành cao 5 thước 5 tấc⁴, lầu nhìn giặc 55 sở, cửa ống 6 sở, cù nước 3 sở, đường bộ 34 sở. Lại đắp con đê vòng quanh dài 2.125 trượng 8 thước; cao 1 trượng 5 thước; chân rộng 2 trượng, cùng làm nhà cửa hơn 40 vạn gian⁵.

Lê Văn Hưu nói: Một Lý Trác tham bạo mà dẫn đến mười mấy năm bị tai họa người Man, huống chi lại có kẻ bạo ngược hơn cả Lý Trác nữa. Một Cao Biền đốc suất bộ thuộc mà chém được vài vạn quân giặc mạnh, huống chi lại có người giỏi hơn Cao Biền nữa! Cho nên Trác không thể bảo toàn được mình, mà Cao Biền thì giữ thành xưng vương, người khéo trị nước phải nên cẩn thận việc chọn người.

Đinh Hợi, [867], (Đường Hàm Thông năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, Cao Biền đi tuần thị đến hai châu Ung, Quảng thấy đường biển có **[15b]** nhiều đá ngầm làm đắm thuyền, vận chở không thông, bèn sai bọn Nhiếp trưởng sử Lâm Phúng, Hồ Nam tướng quân Dư Tồn Cổ đem quân bản bộ và thủy thủ hơn nghìn người đến đục đá khai đường, bảo rằng: "Đạo trời giúp người thuận, thần linh phù kẻ ngay. Nay khai đường biển để giúp sinh dân, nếu mình không theo lòng riêng thì có gì khó. Các đô hộ thời trước không khao thưởng quân sĩ, giữ phép không vững, làm sai lời hứa, trái ước hẹn, mưu lợi riêng, cho nên mọi người đều trở biển. Nay ta không như thế, chỉ cốt làm cho xong việc của nhà vua mà thôi". Biền nói xong, bọn Phúng vâng lệnh đi ra. Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 5, khởi công khơi đào, trong khoảng hơn 1 tháng, gần được thông suốt, duy ở quãng giữa có hai chỗ đá lớn quanh co chắn ngang đến mấy trượng, đục xuống thì quần đục, dùng búa thì gãy cán, người làm việc cả ngày nhìn nhau, công việc cơ hồ bỏ dở. Ngày 26 tháng 5, đương ban ngày bỗng nhiên mây dờn, gió nổi dữ dội, trông vào rừng tối như đêm, **[16a]** ngửa bàn tay không nhìn thấy, chốc lát hàng trăm tiếng sét nổ vang trời ở chỗ đá lớn, chỉ trong khoảnh khắc trở lại bình sáng. Người làm việc chạy tới xem thì thấy các khối đá đã bị tan nát cả. Về phía tây lại gặp hai chỗ đá lớn dựng đứng, người làm cũng phải chịu bó tay.

¹ Tây Châu, nên sửa là Tây Xuyên, theo Thông Giám.

² Nguyên văn: "Biền cứ ngã phủ xưng vương". Sử liệu Trung Quốc, kể cả Tân Đường thư q.224 hạ; Cao Biền truyện đều không thấy ghi việc Cao Biền xưng vương. Cương Mục cho rằng đó chỉ là do một số "người Giao Châu kinh sợ Biền mà gọi Biền là Cao Vương" (CMTB5, 10b).

³ Nguyên văn: "nữ tường", tức tường nhỏ đắp trên mặt thành có các lỗ để nhằm bắn.

⁴ Nguyên văn: "Ngũ trượng ngũ tấc", chắc là khắc in lầm, thân thành cao 2 trượng 6 thước thì nữ tường chỉ có thể là 5 thước 5 tấc; Việt Sử Lược (q.1) cũng ghi số đó.

⁵ Việt sử lược (q.1) chỉ ghi con số 5.000 gian.

Ngày 21 tháng 6 lại có sét đánh như trước, chỉ trong một lúc đá lớn đều bị tan vụn cả. Kênh bèn đào xong, vì thế gọi là kênh Thiên Uy¹.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Việc Cao Biền đào kênh sao mà kỳ dị thế? Đó là việc làm hợp lẽ², cho nên được trời giúp. Trời là lẽ phải. Đất có chỗ hiểm, chỗ bằng, đó là lẽ thường. Sức người có thể vượt hiểm được, đó cũng là lẽ thường. Nếu hiểm mà không vượt được thì trời phải nhờ đến tay người làm gì? Vua Vũ trị thủy, nếu không hợp lẽ thì trời do đâu mà tác thành được? Đất do đâu mà bằng phẳng được? Công hiệu đến mức rùa sông Lạc hiện điềm lành, thế không phải là trời [16b] giúp ư? Xem như lời của Biền nói: "Nay khai đường biển để giúp sinh dân, nếu không theo lòng riêng thì có gì khó". Lòng thành phát ra từ lời nói, thì lời nói ấy há chẳng là thuận ư? Lòng tinh thành thực cảm thông đến cả vàng đá, huống nữa là trời? Việc gì trời đã giúp sức là thuận. Kinh Dịch nói: "Giữ điều tín mà nghĩ điều thuận, thì trời sẽ giúp cho, đều tốt cả, không có điều gì bất lợi". Thế thì việc sét đánh đá lớn để giúp chẳng có gì là lạ cả.

Mậu Tý, [868] (Đường Hàm Thông năm thứ 9). Mùa thu, tháng 7, vua Đường lấy Cao Biền làm Hữu kim ngô vệ đại tướng quân (có sách chép là Kiểm hiệu thượng thư bộc xạ), đến đời Đường Hy Tông năm Ất Mùi niên hiệu Càn Phù năm thứ 2 [875] đổi làm Tây Xuyên tiết độ sứ. Biền thấy cháu gọi bằng ông họ là Cao Tầm trước làm tiên phong, xông pha tên đạn, được quân lính phục theo, bèn dâng biểu tiến cử Tầm thay mình trấn giữ đất ta. Vua Đường nghe theo. [Cả Biền và Tầm] ở trấn cộng 13 năm; Biền [17a] từ năm Bính Tuất đến năm Giáp Ngọ niên hiệu Hàm Thông [866-874], Tầm từ năm Ất Mùi đến năm Mậu Tuất niên hiệu Càn Phù (875-878).

Canh Tý, [880], (Đường Hy Tông Nghiễm, Quảng Minh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, quân ở phủ Đô hộ làm loạn, Tiết độ sứ Tăng Cồn bỏ chạy khỏi thành (Cồn thay Biền, có tiếng là người biết võ dân³, người [trong châu] gọi là Tăng thượng thư; Cồn từng soạn sách Giao Châu ký, 1 thiên). Các đạo quân nhà Đường đóng giữ Ung Quán thường tự ý bỏ về luôn.

Ất Sửu, [905], (Đường Ai Đế Chúc, Thiên Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, ngày Mậu Tuất, Chu Toàn Trung nhà Đường thấy Giao Châu tiết độ sứ đồng bình chương sự Chu Toàn Dục là người ngu đần chất phác, không có tài năng gì, tự xin bãi đi. Toàn Dục là anh Toàn Trung.

Trở lên là [kỷ] thuộc Tùy, Đường, từ năm Quý Hợi đến năm Bính Dần, cộng 304 năm [603-906].

[17b]

Kỷ Nam Bắc Phân Tranh

Đinh Mão, [907], (Đường Thiên Hựu năm thứ 4; Lương Thái Tổ Chu Toàn Trung, đổi tên là Hoảng, Khai Bình năm thứ 1). Nhà Lương cho Quảng Châu tiết độ sứ là Lưu Ẩn kiêm chức Tĩnh Hải quân

¹ Cương mục đã nhận xét rằng kênh ấy không thuộc địa phận nước ta (CMTB5, 12a). Có thể là ghềnh Bắc Thú, ở huyện Bắc Bạch, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay.

² Nguyên bản in: "Cái sở hợp lý", có lẽ câu văn là "Cái sở hành hợp lý", mà khắc in sót chữ hành.

³ Nguyên bản in: "Cồn đại Biền, phủ tự hữu thanh", có thể hiểu là: có tiếng về chữ "phủ" (võ về dân chúng). Nhưng có khả năng in nhầm: "... phủ dân hữu thanh" (có tiếng biết võ về dân chúng).

tiết độ sứ, tức Nam Bình Vương. Khi ấy, Ân chiếm giữ Phiên Ngung, người Giao Châu là Khúc Hạo¹ chiếm giữ châu trị, xưng là Tiết độ sứ, có ý mưu đồ lẫn nhau. Năm ấy nhà Đường mất.

Tân Mùi, [911], (Lương Càn Hóa năm thứ 1). Nam Bình Vương nhà Lương là Lưu Ân chết, em là Nham lên thay.

Đinh Sửu, [917], (Lương Mạt Đế Hữu Trinh, đổi tên là Chấn, Trinh Minh năm thứ 3). Quảng Châu tri lưu hậu nhà Lương là Lưu Nham đặt quốc hiệu là Hán (tức Nam Hán²), niên hiệu Càn Hanh năm thứ 1. Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ làm Hoan hảo sứ sang Quảng Châu để thăm dò tình hình [Nam Hán] hư thực thế nào. Hạo chết, Khúc Thừa Mỹ lên thay³.

Kỷ Mão, [919], (Lương Trinh Minh năm thứ 5). Khúc Thừa Mỹ sai sứ sang nhà Lương xin được lĩnh tiết việt, nhà Lương trao cho. Vua [Nam Hán] cả giận (vua Hán trước tên là Nham, đổi là Thiệp, lại đổi là Cung, vì có điềm rồng trắng hiện, nên đặt tên ấy. Năm Tấn Thiên Phúc thứ 6 [941], tự cho chữ Cung là không lợi, lại đổi **[18a]** là Nghiễm⁴).

Quý Mùi, [923], (Lương Long Đức năm thứ 3; Đường Trang Tông Lý Tồn Húc, Đồng Quang năm thứ 1). Năm ấy nhà Lương mất.

Mùa thu, tháng 7, vua Hán sai kiêu tướng là Lý Khắc Chính⁵ đem quân sang đánh Giao Châu⁶, bắt được Tiết độ sứ là [Khúc] Thừa Mỹ đem về, [Khắc Chính] lấy bộ tướng của mình là Lý Tiến thay thế. Lý Khắc Chính ở lại giữ Giao Châu, bị tướng của Khúc Hạo là Dương Đình Nghệ⁷ người Ái Châu đánh đuổi. Vua Hán trao cho Đình Nghệ tước vị, lấy Lý Tiến làm thứ sử Giao Châu, cùng với Lý Khắc Chính giữ thành, bảo tả hữu rằng: "Dân Giao Chỉ hay làm loạn, chỉ có thể ràng buộc (ki mi) mà thôi".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lưu Nghiễm đương lúc triều đình phương Bắc rối loạn, nhờ nghiệp cũ của anh⁸ mà dựng nước, đặt niên hiệu, cùng với Khúc Hạo tranh bá, rồi bắt Thừa Mỹ, lấy Giao Châu, hùng **[18b]** cứ một phương, cùng xuýt xoát với các nước tiến ngôi ở Bắc triều. Cho nên, Tiền Ngô Vương nổi lên, tuy giết được con, phá được quân [của Nghiễm], nhưng không giữ được đất, quốc thống họ Lưu kéo dài không dứt, mãi đến khi Tống [Thái] Tổ dấy lên thì đất ấy mới nhập vào nhà Tống.

Tân Mão, [931], (Đường Minh Tông Tự Nguyên, Trường Hưng năm thứ 2). Mùa đông, tháng 12, Dương Đình Nghệ nuôi 3 nghìn con nuôi, mưu đồ việc khôi phục. Lý Tiến biết, sai chạy ngựa báo

¹ Khúc Hạo: người làng Cúc Bồ, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng ngày nay, ở đó hiện còn đình thờ họ Khúc. Cương mục dẫn sách An Nam kỷ yếu, ghi thêm: "Cuối thời Đường, Khúc Hạo làm Tiết độ sứ thay cho Độc Cô Tôn; đổi các hương ở các huyện làm giáp, đặt ở mỗi giáp một viên quản giáp và một phó tri giáp để giữ việc đánh thuế. Hạo giữ chức Tiết độ sứ được hơn 4 năm thì mất" (CMTB5, 15a).

² Nam Hán: 1 trong 10 nước thời Ngũ Đại ở Trung Quốc bao gồm cả tỉnh Quảng Đông, phần phía nam Quảng Tây, nam Phúc Kiến ngày nay, trước sau 67 năm (905-971), gồm 5 đời làm vua.

³ Cương mục theo Tư trị thông giám ghi Khúc Thừa Dụ được trao chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, năm Thiên Hựu thứ 3 (906) được thăng Đồng bình chương sự (CMTB5, 14a).

⁴ Nghiễm _____ (trên chữ long là rồng, dưới chữ thiên), nguyên bản khắc thiếu 1 nét thành trên chữ long dưới chữ đại, không có trong tự điển. Còn chữ đã ghi (long + thiên), bản dịch cũ phiên là Yểm, bản dịch Cương mục phiên là Yểm. Thực ra, chữ này có hai âm Hán Việt là Yểm và Nghiễm, nhưng trong trường hợp tên vua Nam Hán ở đây thì đọc là Nghiễm. Ngũ đại sử q.65 Nam Hán thế gia chép rằng vua Nam Hán ban đầu tên là Nham, rồi đổi tên là Trắc _____ (chứ không phải Thiệp) _____ như Toàn thư chép ở đây, "sau thấy rồng trắng hiện lên, lại đổi tên là Cung, sau có nhà sư người Hồ nói rằng theo sấm thư thì diệt họ Lưu là Cung, bèn lấy nghĩa "rồng bay lên trời" (phi long tại thiên) trong Chu Dịch, đặt làm chữ _____ âm là Nghiễm, lấy làm tên".

⁵ Thông giám (Trường Hưng 1), Tân Ngũ đại sử, Nam Hán thế gia chép tên viên tướng nhà Nam Hán này là Lương Khắc Trinh.

⁶ Việc quân Nam Hán sang đánh Giao Châu (tức nước ta), bắt Khúc Thừa Mỹ, sử liệu Trung Quốc như Thông giám ghi vào tháng 9 năm Trường Hưng thứ 1 (930). Tân Ngũ đại sử, Nam Hán thế gia ghi vào niên hiệu Đại Hữu thứ 3, cũng tức là năm 930. Chưa rõ vì sao cả Toàn thư và Cương mục (TB5, 17a) đều ghi vào năm Quý Mùi (923)?

⁷ Cương mục ghi Dương Diên Nghệ, người Ái Châu, tức Thanh Hóa (CMTB5, 17a). Tài liệu Trung Quốc như Tống Sử (q.488), Tư trị thông giám v.v.... cũng chép là Dương Diên Nghệ. Ngũ đại sử (q.65) chép như Toàn thư (là Đình Nghệ). Có thể nhầm nét chữ vì chữ _____ diên và chữ _____ đình gần giống nhau.

⁸ Chỉ Lưu Ân.

cho vua Hán. Năm ấy, Đinh Nghệ đem quân vây Tiến. Vua Hán sai Thừa chỉ Trần Bảo đem quân sang cứu, chưa đến nơi, thành đã mất. Tiến trốn về nước. Bảo đến vây thành, Đinh Nghệ đưa quân ra đánh, Bảo thua chết. Từ đó Đinh Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, trông coi việc châu.

Bính Thân, [936], (Đường Phế Đế Tông Kha, Thanh Thái năm thứ 3, Tấn Cao Tổ Thạch Kim Đường, Thiên Phúc năm thứ 1). Năm ấy nhà [Hậu] Đường mất.

[19a] Đinh Dậu, [937], (Tấn Thiên Phúc năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, nha tướng của Đinh Nghệ là Kiều Công Tiễn (Cương mục [Trung Quốc] chép _____)¹ giết Đinh Nghệ để thay chức.

Mậu Tuất, [938], (Tấn Thiên Phúc năm thứ 3). Mùa đông, tháng 12, nha tướng của Đinh Nghệ là Ngô Quyền từ Ai Châu cất quân đánh Công Tiễn. Công Tiễn sai sứ sang đút lót để cầu cứu với nhà Hán. Vua Hán là Cung muốn nhân khi nước ta có loạn chiếm lấy nước, bèn cho con là Vạn Vương Hoảng Tháo² làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, đối tước phong là Giao Vương, đem quân sang cứu Công Tiễn. Vua Hán tự làm tướng, đóng ở Hải Môn để làm thanh viện. Vua Hán hỏi kế ở Sùng văn sứ là Tiêu Ích, Ích nói: "Nay mưa dầm đã mấy tuần, đường biển thì xa xôi nguy hiểm, Ngô Quyền lại là người kiệt kiệt, không thể khinh suất được. Đại quân phải nên thận trọng chắc chắn, dùng nhiều người hướng đạo rồi sau mới nên tiến". Vua Hán không nghe, sai Hoảng Tháo đem chiến thuyền theo sông Bạch Đằng mà vào, muốn đánh **[19b]** Quyền, nhưng Quyền đã giết Kiều Công Tiễn rồi.

Quyền nghe tin Hoảng Tháo sắp đến, bảo các tướng tá rằng: "Hoảng Tháo là đứa trẻ khờ dại, đem quân từ xa đến, quân lính còn mỏi mệt, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta lấy sức còn khỏe địch với quân mỏi mệt, tất phá được. Nhưng bọn chúng có lợi ở chiến thuyền, ta không phòng bị trước thì thế được thua chưa biết ra sao. Nếu sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu bịt sắt³ đóng ngầm ở trước cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không cho chiếc nào ra thoát". Định kế rồi, bèn cho đóng cọc ở hai bên cửa biển. Khi nước triều lên, Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua chạy để dụ địch đuổi theo. Hoảng Tháo quả nhiên tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng cấm cọc, nước triều rút, cọc nhô lên, Quyền bèn tiếng quân ra đánh, ai nấy đều liều chết chiến đấu. [Quân Hoảng Tháo] không kịp sửa thuyền mà nước triều rút xuống rất gấp, thuyền đều mắc **[20a]** vào cọc mà lật úp, rồi loạn tan vỡ, quân lính chết đuối quá nửa. Quyền thừa thắng đuổi đánh, bắt được Hoảng Tháo giết đi. Vua Hán thương khóc, thu nhặt quân lính còn sót rút về. Vua Hán cho tên Cung đáng ghét là vì vậy (Lưu Cung tức là Lưu Nghiễm).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lưu Cung tham đất đai của người, muốn mở rộng bờ cõi, đất đai chưa lấy được mà đã hại mất đứa con của mình và hại cả nhân dân, tức như Mạnh Tử nói: "Đem cái mình không yêu mà hại cái mình yêu" vậy chăng?

Trở lên là [kỷ] Nam Bắc phân tranh, từ năm Đinh Mão đến năm Mậu Tuất [907-938], tất cả 32 năm.

Kỷ Nhà Ngô

Tiên Ngô Vương

Ở ngôi 6 năm, thọ 47 tuổi [898-944].

[20b] Vua mưu tài đánh giỏi, làm nên công tái tạo, đứng đầu các vua.

¹ Chữ _____ âm Cào, Kiếu, đồng âm với Kiều.

² Vạn Vương [Lưu] Hoảng Tháo, nên sửa là Hồng Tháo, theo Tân Ngũ đại sử (q.65). Các con của Lưu Cung đều có chữ Hồng.

³ Tân Ngũ đại sử (Nam Hán thế gia) chép: thực thiết quyết = đóng cọc sắt (hiểu là cọc gỗ bịt sắt). Việt sử lược (q.1, 14b): thực thiết đầu đại dục = đóng cọc lớn đầu sắt.

Họ Ngô, tên húy là Quyền, người Đường Lâm¹, đời đời là nhà quý tộc. Cha là Mân làm chức châu mục ở bản châu. Khi vua mới sinh có ánh sáng lạ đầy nhà, trạng mạo khác thường, có 3 nốt ruồi ở lưng, thầy tướng cho là lạ, bảo có thể làm chủ một phương, nên mới đặt tên là Quyền. Đến khi lớn lên, khôi ngô, mắt sáng như chớp, dáng đi thông thả như hổ, có trí dũng, sức có thể nâng được vạc; làm nha tướng của Dương Đình Nghệ, được Đình Nghệ gả con gái và cho quyền quản Ái Châu. Đến đây giết Kiều Công Tiễn, tự lập làm vương, đóng đô ở Loa Thành.

Kỷ Hợi, năm thứ 1 [939], (Tấn Thiên Phúc năm thứ 4). Mùa xuân, vua bắt đầu xưng vương, lập Dương thị làm hoàng hậu, đặt trăm **[21a]** quan, chế định triều nghi phẩm phục.

Giáp Thìn, năm thứ 6 [944], (Tấn Tề Vương Trọng Quý, Khai Vận năm thứ 1). Vua mất.

Lê Văn Hưu nói: Tiên Ngô Vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoảng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đến, đổi niên hiệu, nhưng chính thống của nước Việt ta, ngõ hầu đã nổi lại được.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tiên Ngô [Vương] nổi lên không chỉ có công chiến thắng mà thôi, việc đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục, có thể thấy được quy mô của bậc đế vương. Nhưng hưởng **[21b]** nước không được lâu, chưa thấy hiệu quả trị bình, đáng tiếc thay !

Dương Tam Kha

Cướp ngôi 6 năm.

Tam Kha là anh (có sách chép là em) của Dương hậu, là gia thần của Tiên Ngô Vương, tiếm xưng là Bình Vương².

Ất Ty, [945], (Dương Tam Kha năm thứ 1, Tấn Khai Vận năm thứ 2). Lúc trước, Tiên Ngô Vương bệnh nặng, có di chúc giao cho Tam Kha giúp rập cho con. Khi Vương mất, Tam Kha cướp ngôi. Con trưởng của Ngô Vương là Xương Ngập sợ, chạy về Nam Sách Giang³, trú ngụ ở nhà Phạm Lệnh Công ở Trà Hương⁴. Tam Kha lấy con thứ hai của Ngô Vương là Xương Văn làm con mình. Các con thứ của Ngô Vương là Nam Hưng, Càn Hưng còn bé, đều theo Dương quốc mẫu. Được ít lâu, Tam Kha sai chỉ huy sứ là Dương Cát Lợi, Đỗ Cảnh Thạc đem quân đến nhà Lệnh Công đòi bắt Xương Ngập, **[22a]** tất cả ba lần đều không thực hiện được mệnh lệnh. Lệnh Công sợ, bèn giấu Xương Ngập trong động núi. Tam Kha biết, lại đòi bắt như trước, rốt cuộc vẫn không bắt được.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Dụng tâm của Phạm Lệnh Công thật là trung. Tam Kha là kẻ gian thần mà đuổi con đích của vua để cướp ngôi, lấy Xương Văn làm con mình, chẳng qua là lời lẽ che đậy giả dối, ai mà biết được ? Và lại, lúc ấy người trong nước ai cũng xem Tam Kha là vua, mà Lệnh Công dám che giấu cho Xương Ngập, muốn cho

¹ Nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây; ở đây có đền thờ và lăng Ngô Quyền.

² Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thì Sĩ ghi Dương Tam Kha người làng Dương xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, con của Dương Đình Nghệ.

³ Nam Sách Giang: theo An Nam Chí Lược là tên lộ thời Lý. Nay là vùng đất thuộc các huyện Chí Linh và Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng.

⁴ Trà Hương: theo CMTB5, 22a, huyện Kim Thành, nay thuộc đất huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng, xưa có tên gọi là Trà Hương.

dòng dõi họ Ngô không tuyệt tự, việc của Trình Anh, Chử Cửu¹ lại thấy ở đây. Ai bảo một nước rộng lớn mà không có trung thần nghĩa sĩ.

Đinh Mùi, [947], (Dương Tam Kha năm thứ 3; Hậu Hán, Cao Tổ Lưu Tri Viễn lên ngôi vẫn dùng niên hiệu nhà Tấn, Thiên Phúc năm thứ 12). Năm ấy nhà Tấn mất.

[22b] Canh Tuất, [950], (Dương Tam Kha năm thứ 6; Hán Ẩn Đế Thừa Hựu, vẫn dùng niên hiệu Càn Hựu năm thứ 3). Tam Kha sai Xương Văn và hai [chỉ huy] sứ họ Dương, họ Đổ² đem quân đi đánh hai thôn Đường, Nguyễn ở Thái Bình³. Đến Từ Liêm, Xương Văn ung dung bảo hai sứ rằng: "Đức của Tiên vương ta thấm khắp lòng dân, phạm chính lệnh ban ra không ai không vui lòng nghe theo, không may lia bỏ quần thần, Bình Vương tự làm việc bất nghĩa, cướp ngôi của anh em ta, tội không gì to bằng. Nay lại sai bọn chúng ta đi đánh ấ không có tội, may mà đánh được thì thôi, nếu họ không phục thì làm thế nào?" Hai sứ đều nói: "Xin theo lệnh của ông". Xương Văn nói: "Ta muốn đem quân quay lại đánh úp Bình Vương để khôi phục cơ nghiệp của Tiên Vương ta, có nên chăng?" Hai sứ đều trả lời là nên lắm. Bèn quay về đánh úp Tam Kha. Mọi người muốn giết đi, Xương Văn nói: "Bình Vương đối với ta có ơn, sao nỡ giết". Bèn giáng làm Chương Dương Công, nhân đó ban cho thực ấp (nay là Chương Dương độ)⁴. **[23a]** Năm ấy nhà Hán mất.

Lê Văn Hưu nói: Đuổi con vua mà tự lên làm vua, là tội công; nuôi con vua làm con mình mà cho thực ấp, là ơn riêng. Đuổi Xương Ngập mà tự lên làm vua, là bề tôi phản nghịch, đối với nghĩa thì hẳn là không dung được tội phải chết. Hậu Ngô Vương không trị tội, lại vì ơn riêng nuôi dưỡng mà không nỡ gia hình, lại ban cho thực ấp, há chẳng lầm to hay sao?

Hậu Ngô Vương (Phụ: Thiên Sách Vương)

Ở ngôi 15 năm [951-965].

Vua nổi được kỳ cương hoàng gia, khôi phục cơ nghiệp cũ. Tiếc rằng gây việc can qua ở trong nước đến nỗi bị chết.

Vua tên húy là Xương Văn, con thứ của Tiền Ngô Vương.

Tân Hợi, năm thứ 1 [951], (Chu Thái Tổ Quách Uy, Quảng Thuận năm thứ 1). Vua đã truất bỏ Tam Kha, lên ngôi vua, xưng là Nam **[23b]** Tấn [Vương], sai sứ đi đón anh là Xương Ngập về Kinh sư, cùng trông coi việc nước. Xương Ngập xưng là Thiên Sách Vương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nam Tấn đón Xương Ngập về để cùng trông coi chính sự, có thể gọi là người biết kính anh, muốn cho cùng hưởng phú quý. Xương Ngập nên lấy sự mình không có công lao mà nhường ngôi cho em, để cùng hưởng lập, thì đức ấy há chẳng rạng rỡ lớn lao ư? Lại câu nệ về phận đích trưởng, cũng xưng vương, trông coi chính sự, lại chuyên quyền làm oai làm phúc, đến nỗi Nam Tấn Vương không được dự chính sự nữa, thật là mất đạo nghĩa anh em, chí thú rất là ti tiện.

¹ Trình Anh, Chử Cửu: người nước Tấn thời Chiến Quốc, bạn của Triệu Sóc (con Triệu Thuần, đời Tấn Cảnh Công). Tư khấu nước Tấn là Đồ Ngạn Giả giết Triệu Sóc và xuống lệnh tru di cả họ Triệu, Trình Anh và Chử Cửu liều chết giấu con của Sóc là Vũ để cho họ Triệu không tuyệt tự.

² Túc Dương Cát Lợi và Đổ Cảnh Thạch, đã nói ở trên.

³ Thái Bình: chưa rõ ở đâu. Cương mục dẫn Đường thư, Địa lý chí nói nhà Đường cắt huyện Thái Bình đặt làm huyện Phong Khê, lại nói Phong Khê thuộc Phong Châu, "hai thôn Thái Bình, Đường Nguyễn có lẽ ở đây" (CMTB4, 11b). Có thể là Đường Lâm và Nam Nguyễn huyện Ba Vì, Hà Tây, thuộc vùng cát cứ Ngô Nhật Khánh, hoặc Đường Lâm thuộc vùng cát cứ của Ngô Nhật Khánh và Nguyễn Gia Loan, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú thuộc vùng cát cứ của Nguyễn Khoan.

⁴ Chương Dương: nay là tên xã thuộc Thường Tín, tỉnh Hà Tây, ở đây có bến đò Chương Dương ở hữu ngạn sông Hồng.

Bấy giờ người động Hoa Lư là Đinh Bộ Lĩnh cậy núi khe hiểm cố, không chịu giữ chức phận làm tôi. Hai vương muốn cất quân đi đánh; Bộ Lĩnh sợ, sai con là Liễn vào triều làm con tin để ngăn chặn việc xuất quân [24a]. Liễn đến, hai vương trách tội [Bộ Lĩnh] không đến chầu, rồi bắt giữ Liễn đem theo đi đánh. Hơn một tháng, không đánh nổi, bèn treo Liễn lên ngọn sào, sai người bảo Bộ Lĩnh, nếu không chịu hàng thì giết Liễn. Bộ Lĩnh tức giận nói: "Đại trượng phu chỉ mong lập được công danh, há lại bắt chước thói đàn bà xót con hay sao?". Liễn sai hơn mười tay nỏ nhắm Liễn mà bắn. Hai vương kính sợ: "Ta treo con nó lên là muốn để nó đoái tiếc con mà ra hàng cho chúng. Nó tàn nhẫn như thế, còn treo con nó làm gì". Bèn không giết Liễn mà đem quân về.

Bấy giờ Thiên Sách Vương chuyên quyền làm uy, [Nam Tấn] Vương không được dự chính sự nữa. Hai vương do đó hiềm khích với nhau.

Giáp Dần, năm thứ 4 [954], (Chu Thế Tông Sài Vinh, Hiến Đức năm thứ 1) Thiên Sách Vương mất. Vua [Nam Tấn Vương] lại giữ ngôi. Sai sứ sang thỉnh mệnh vua Nam Hán là Lưu Xương¹. Xương cho vua làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ kiêm Đô [24b] hộ.

Canh Thân, năm thứ 10 [960], (Chu Cung Đế Tông Huấn², năm thứ nhất; Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận, Kiến Long năm thứ 1). Năm ấy nhà Chu mất.

Ất Sửu, năm thứ 15 [965], (Tống Càn Đức năm thứ 3). Vua đem quân đi đánh hai thôn Đường và Nguyễn ở Thái Bình, mới vào đến cõi, đổ thuyền lên bộ đánh, bị phục binh tay nỏ bắn trúng chết. Đinh Liễn trở về Hoa Lư.

Lê Văn Hưu nói: Nam Tấn Vương nhà Ngô trước bị gia thần là Tam Kha giam giữ, sau bị anh là Xương Ngập áp chế, một sớm đặc chí, không biết cẩn thận giữ mình, cho nên hưởng nước ngắn ngủi, không có chính tích gì, đáng tiếc thay ! Nhưng, cứ xem việc tha tội cho Bình Vương, há không phải là nhân ư ? Chịu nhịn cho Xương Ngập kiêu xấc, há không phải là cung ư ? Đã nhân lại cung, cũng có thể thấy vương là người ra sao rồi .

[25a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nam Tấn Vương nhà Ngô lấy nghĩa trừ kẻ bạo tàn, khôi phục cơ nghiệp cũ, đủ thỏa được vong linh của tổ tông, hả lòng căm giận của thần và người. Về chính trị, đang có đổi mới. Thế mà vì lòng nhân, thương người kiêu đàn bà trẻ con mà không trị tội Tam Kha cướp ngôi; tham việc can qua, vì hành động đánh dẹp càn rỡ ở hai thôn Đường, Nguyễn, rốt cuộc lại tự giết mình. Đáng tiếc thay !

Ngô Sứ Quân (Phụ: Các Sứ Quân)

Tất cả 2 năm [966-967].

Họ Ngô, tên húy là Xương Xí, khi Thiên Sách Vương lánh nạn, lấy vợ ở Nam Sách Giang³ sinh ra, là cháu gọi Nam Tấn Vương bằng chú.

Bính Dần, năm thứ 16 [966], (Tống Càn Đức năm thứ 4). Nam Tấn [Vương] mất, các hùng trưởng đua nhau nổi dậy chiếm cứ quận ấp để tự giữ: Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều⁴; Kiều Công Hãn

¹ Cương mục sửa là Lưu Thạnh, vì sứ giả của Nam Tấn Vương sang Nam Hán năm Hiến Đức thứ 1 (954), khi ấy Lưu Thạnh còn làm vua. Còn Lưu Xương thì 4 năm sau (958) mới lên ngôi (CMTB5, 26a). Ngô đại sử (Nam Hán thế gia) cũng chép sau khi Xương Ngập chết thì em là Xương Tuấn sang xin tiết việt của Lưu Thạnh.

² Tông Huấn: tức Cung Đế (Quách Tông Huấn) đời Hậu Chu nối ngôi năm 959, qua năm sau nhường ngôi cho nhà Tống, trước sau chưa đầy 1 năm, không đặt niên hiệu.

³ Nam Sách Giang: xem chú ở trang trước.

⁴ Bình Kiều: nay ở huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(xưng là Kiếu Tam Chê) chiếm Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc)¹; Nguyễn [25b] Khoan (xưng là Nguyễn Thái Bình) chiếm Tam Đái²; Ngô Nhật Khánh (xưng là Ngô Lãm Công) chiếm Đường Lâm³ (có sách chép là chiếm Giao Thủy⁴; Đỗ Cảnh Thạc (xưng là Đỗ Cảnh Công) chiếm Đỗ Động Giang⁵; Lý Khuê (xưng là Lý Lãm Công) chiếm Siêu Loại⁶; Nguyễn Thủ Tiệp (xưng là Nguyễn Lệnh Công) chiếm Tiên Du, Lữ Đường (xưng là Lữ Tá Công) chiếm Tế Giang⁷; Nguyễn Siêu (xưng là Nguyễn Hữu Công) chiếm Tây Phù Liệt⁸; Kiếu Thuận (xưng là Kiếu Lệnh Công) chiếm Hồi Hồ (nay ở xã Trần Xá huyện Hoa Khê vẫn còn nền thành cũ)⁹; Phạm Bạch Hổ (xưng là Phạm Phòng Át) chiếm Đăng Châu¹⁰; Trần Lãm (xưng là Trần Minh Công) chiếm Bồ Hải Khẩu¹¹; gọi là 12 sứ quân.

Đinh Mão, năm thứ 17 [967], (Tống Càn Đức năm thứ 5). Bấy giờ trong nước không có chủ, 12 sứ quân tranh nhau làm trưởng, không ai chịu thống thuộc vào ai. Đinh Bộ Lĩnh nghe tiếng Trần Minh Công là người có đức mà không có con nối, bèn cùng với con là Liễn đến nương tựa. Minh Công thấy Bộ Lĩnh đáng mạo khôi ngô lạ thường, lại có khí lượng, mới nuôi làm con, ơn yêu đãi ngày càng hậu, nhân đó giao cho coi quân, sai đi đánh các hùng trưởng khác, [26a] đều thắng được cả. Phạm Phòng Át đem quân về hàng (dưới triều nhà Đinh, Phòng Át làm Thân vệ tướng quân). Khi Minh Công mất, gặp lúc bọn con em của Ngô Tiên chúa ở Đỗ Động Giang hơn 500 người đem quân đến đánh, mới vào đến đất Ô Man thì bị người làng ấy là Ngô Phó sứ đánh bại phải trở về. Bộ Lĩnh nghe tin, liền cất quân đi đánh vùng sông và động ấy, không bộ lạc nào không hàng phục. Từ đó lại dân ở kinh phủ đều khâm phục theo về. Nhà Ngô mất.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vận trời đất, bĩ rồi ắt thái, Bắc Nam đều cùng một lẽ ấy. Thời Ngũ đại bên Bắc triều [Trung Quốc] suy loạn rồi Tống Thái Tổ nổi lên. Ở Nam triều [nước ta], 12 sứ quân phân chia quấy nhiễu, rồi Đinh Tiên Hoàng nổi lên. Không phải là ngẫu nhiên mà do vận trời vậy.

Trở lên là kỷ nhà Ngô gồm 3 vua và Dương Tam Kha cướp ngôi, từ năm Kỷ Hợi đến năm Đinh Mão [939-967] cộng 29 năm.

¹ Bạch Hạc: nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú.

² Tam Đái: nay ở vùng huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú. Nay ở xã Minh Tâm, huyện Vĩnh Lạc có di tích thành cũ, và ở xã Vĩnh Mỹ (cùng huyện) có đền thờ của sứ quân Nguyễn Khoan.

³ Đường Lâm: nay ở huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

⁴ Giao Thủy: nay ở huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà.

⁵ Đỗ Động Giang: Cương Mục chú: "Sông Đỗ Động phát nguyên từ các đầm lớn ở xã Đào Viên thuộc huyện Thanh Oai, chảy qua các xã Sinh Quả, Úc Lý, đi khuất khúc đến xã Thượng Cung, huyện Thượng Phúc thì hợp với sông Nhuệ" (CMTB5, 29b). Ngô Thì Sĩ ghi thêm: "Nay ở làng Bảo Đà, huyện Thanh Oai còn vết cũ của thành sứ quân" (Việt Sử Tiêu Án). Đỗ Động Giang có thể là phần đất vào khoảng huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.

⁶ Siêu Loại: nay là đất huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc.

⁷ Tế Giang: nay thuộc đất huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng.

⁸ Tây Phù Liệt: nay ở huyện Thanh Trì, Hà Nội.

⁹ Hồ Hồi, Hoa Khê: Cương mục chú: Cẩm Khê xưa là Hoa Khê, ở xã Trương Xá, huyện Cẩm Khê còn có vết đất cũ của thành sứ quân. Cẩm Khê nay thuộc đất huyện Sông Thao, tỉnh Vĩnh Phú.

¹⁰ Đăng Châu: nay là đất huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng, ở xã Xích Đăng có đền thờ Phạm sứ quân.

¹¹ Bồ Hải Khẩu: nay là vùng thị xã Thái Bình. Năm Thiên Thành thứ 3 (1030), Lý Thái Tông đi cày ruộng tịch điền ở Bồ Hải Khẩu là nơi này (bấy giờ ở đây còn là cửa biển nên gọi tên như vậy).

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển I

[1a]

Kỷ nhà Đinh

Tiên Hoàng Đế

Họ Đinh, tên húy là Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng¹ con của Thứ sử châu Hoan Đinh Công Trứ, dẹp yên các sứ quân, tự lập làm đế, ở ngôi 12 năm [968-979], bị nội nhân là Đỗ Thích giết, thọ 56 tuổi [924-979], táng ở sơn lăng Trường Yên.

Vua tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, quét sạch các hùng trưởng, tiếp nối quốc thống của Triệu Vũ [Đế], song không biết dự phòng, không giữ được trọn đời, tiếc thay!

Xưa, cha của vua là Đinh Công Trứ làm nha tướng của Dương Đình Nghệ, được Đình Nghệ giao giữ chức quyền Thứ sử châu Hoan, sau theo về với Ngô Vương, vẫn được giữ chức cũ, rồi mất. Vua mồ côi cha từ bé, mẹ họ Đàm đưa gia thuộc vào ở cạnh đền sơn thần trong động. Vào tuổi nhi đồng, vua thường cùng bọn trẻ con chăn trâu ngoài đồng. Bọn trẻ tự biết kiến thức không bằng vua, [1b] cùng nhau suy tôn làm trưởng. Phàm khi chơi đùa, thường bắt bọn chúng chèo tay làm kiệu khiêng và cầm hoa lau đi hai bên để rước như nghi trượng thiên tử. Ngày rồi, thường kéo nhau đi đánh trẻ con thôn khác, đến đâu bọn trẻ đều sợ phục, hàng ngày rủ nhau đến phục dịch kiếm củi thổi cơm. Bà mẹ thấy vậy mừng lắm, mổ lợn nhà cho chúng ăn. Phụ lão các sách bảo nhau: "Đứa bé này khí lượng như thế ắt làm nên sự nghiệp, bọn ta nếu không theo về, ngày sau hối thì đã muộn". Bèn dẫn con em đến theo, rồi lập làm trưởng ở sách Đào Áo. Người chú của vua giữ sách Bông chống đánh với vua. Bấy giờ, vua còn ít tuổi, thể quân chưa mạnh, phải thua chạy. Khi qua cầu ở Đàm Gia Nương Loan², cầu gãy, vua rơi xuống bùn, [2a] người chú toan đâm, bỗng thấy hai con rồng vàng hộ vệ vua, nên sợ mà lui. Vua thu nhặt quân còn sót, quay lại đánh, người chú phải hàng. Từ đấy ai cũng sợ phục, phàm đi đánh đến đâu đều để như chẻ tre, gọi là Vạn Thắng Vương.

Bấy giờ Mười hai sứ quân đều tự xưng hùng trưởng, cát cứ đất đai. Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều, Ngô Nhật Khánh chiếm Đường Lâm, Kiều Tam Chế chiếm Phong Châu, Nguyễn Thái Bình chiếm Nguyễn Gia Loan, Đỗ Cảnh Thạc chiếm miền sông Đỗ Động, Nguyễn Lệnh Công³ chiếm Tây Phù Liệt, Tế Giang thì có Lữ Tá Đường, Tiên Du có Nguyễn Thủ Tiệp, Siêu Loại có Lý Lăng Công, Hồi Hồ có Kiều Lệnh Công, Đằng Châu có Phạm Phòng Át, Bồ Hải có Trần Minh Công⁴. Vua một phen cất quân là dẹp yên,

¹ Đại Hoàng: tên châu, nay là đất huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

² Nguyên văn: "Đàm Gia Nương Loan". Loan là chỗ sông uốn vòng. Các bản in khác đều bỏ chữ "Nương", chỉ chép Đàm Gia Loan. Nay ở Diên Xá, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

³ Ở đoạn trước, NK5 chép là Nguyễn Hữu Công.

⁴ Tên địa phương cát cứ của các sứ quân, xem chú thích (7), tr. 209.

bền tự lập làm đế. Chọn được chỗ đất đẹp ở Đàm thôn, vua muốn dựng [2b] đô ở đó, nhưng vì thế đất chật hẹp lại không có lợi về việc đặt hiểm, nên vẫn đóng đô ở Hoa Lư¹ (nay là phủ Trường Yên).

Mậu Thìn, năm thứ 1 [968], (Tổng Khai Bảo năm thứ 1). Vua lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, dời Kinh ấp về động Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới, đắp thành đào hào, xây cung điện, đặt triều nghi. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng Đế.

Vua muốn dùng uy chế ngự thiên hạ, bèn đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ trong cũi, hạ lệnh rằng: "Kẻ nào trái phép phải chịu tội bỏ vạc đầu, cho hổ ăn". Mọi người đều sợ phục, không ai dám phạm.

Lê Văn Hưu nói: Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ quân phục hết. Vua mở nước dựng đô, đổi xưng hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu [3a] quân, chế độ gần đầy đủ, có lẽ ý trời vì nước Việt ta mà lại sinh bậc thánh triết để tiếp nối quốc thống của Triệu Vương chăng?

Kỷ Ty, năm thứ 2 [969], (Tổng Khai Bảo năm thứ 2). Tháng 5 nhuận, phong con trưởng là Liễn làm Nam Việt Vương.

Canh Ngọ, Thái Bình năm thứ 1 [970], (Tổng Khai Bảo năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, đặt niên hiệu. (Sử cũ nói rằng nước Việt ta có niên hiệu bắt đầu từ đây. Nhưng Lý Nam Đế [trước đó] đã đặt niên hiệu là Thiên Đức [544-548]. Sai sứ sang nhà Tống giao hảo. Bấy giờ nhà Tống sai Đại tướng Phan Mỹ dẹp yên Lĩnh Nam (chỉ Lưu Xương²), cho nên mới có mệnh ấy.

Lập 5 hoàng hậu (một là Đan Gia, hai là Trinh Minh, ba là Kiều Quốc, bốn là Cồ Quốc, năm là Ca Ông).

Lê Văn Hưu nói: Trời đất cùng che chở, mặt trời mặt trăng cùng chiếu soi, mới sinh thành muôn vật, nầy nở mọi loài, cũng như hoàng hậu sánh với ngôi vua, cho nên mới có thể [3b] đứng đầu tiêu biểu cho nội cung, tác thành cho thiên hạ. Từ xưa chỉ lập [hoàng hậu] một người để chủ việc nội trị mà thôi, chưa từng nghe nói lập đến 5 người. Tiên Hoàng không kê cứu cổ học, mà bầy tôi đương thời lại không có ai biết giúp sửa cho đúng, để đến nỗi chìm đắm trong tình riêng, cùng lập 5 hoàng hậu. Sau đến 2 triều Lê, Lý cũng phần nhiều bắt chước làm theo, ấy là do Tiên Hoàng khởi xướng sự rối loạn thứ bậc vậy.

Tân Mùi, [Thái Bình] năm thứ 2 [971], (Tổng Khai Bảo năm thứ 4). Bắt đầu quy định cấp bậc văn võ, tăng đạo. Lấy Nguyễn Bặc làm Định quốc công, Lưu cơ làm Đô hộ phủ sĩ sư³, Lê Hoàn làm Thập đạo tướng quân⁴, Tăng thống⁵, Ngô Chân Lưu được ban hiệu là Khuông Việt đại sư, Trương Ma Ni làm Tăng lục⁶, Đạo sĩ Đặng Huyền Quang được trao chức Sùng chân uy nghi⁷.

[4a] Nhâm Thân, [Thái Bình] năm thứ 3 [972], (Tổng Khai Bảo năm thứ 5). Sai Nam Liệt Vương Liễn sang sứ thăm nhà Tống.

¹ Động Hoa Lư: Cương mục: ở về sơn phận hai xã Uy Viễn và Uy Tế tỉnh Ninh Bình cũ; nơi đây bốn mặt đều có núi đá dựng đứng như bức vách, trong có một chỗ hơi bằng phẳng rộng rãi, người địa phương gọi là động Hoa Lư (CMTB5, 24b). Nay thuộc huyện Gia Viễn, tỉnh Hà Nam Ninh.

² Lưu Xương: vua cuối cùng của Nam Hán (958-970), đầu hàng tướng nhà Tống là Phan Mỹ.

³ Đô hộ phủ sĩ sư: chức quan coi việc hình án ở phủ đô hộ, tức là trong cả nước (nhà Đinh dùng tên phủ đô hộ thời thuộc Đường).

⁴ Tướng chỉ huy 10 đạo quân, tức quân đội cả nước.

⁵ Tăng thống: chức quan phong cho vị sư được triều đình coi là người đứng đầu Phật giáo.

⁶ Tăng lục: chức quan trông coi Phật giáo dưới chức Tăng thống.

⁷ Sùng chân uy nghi: chức quan trông coi về đạo giáo.

Quý Dậu, [Thái Bình] năm thứ 4 [973], (Tổng Khai Bảo năm thứ 6). Nam Việt Vương Liễn đi sứ về. Nhà Tống sai sứ sang phong cho vua làm Giao Chỉ Quận Vương, Liễn làm Kiểm hiệu thái sư Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ. (Lời chế đại lược nói: "[Họ Đinh] đời làm vọng tộc, gìn giữ được phương xa, chí hâm mộ phong hoá Trung Hoa, thường nghĩ đến việc nội phụ. Nay chín châu hợp một, miền Ngũ Lĩnh sạch quang¹, bèn trèo non vượt biển đến dâng đồ cống. Khen người làm con biết giữ lễ phiên thần, vậy ban cho cha người theo lối cắt đất phong tước, xếp phẩm trật cho vào hạng được cầm quân, được hưởng mức "tinh phú"². Như thế là để khen thưởng đức tốt của người già, há chỉ hạn chế trong điển chương thường lệ đâu?".

Giáp Tuất, [Thái Bình] năm thứ 5 [974], (Tổng Khai Bảo năm thứ 7). Mùa xuân, tháng hai, quy định về quân mười đạo: mỗi đạo có 10 quân, 1 quân 10 lữ, 1 lữ 10 tốt, 1 tốt 10 ngũ, 1 ngũ 10 người, đầu đội mũ bình đỉnh³ vuông bốn góc (loại mũ này làm bằng da, chóp phẳng, bố bên khâu liền, trên hẹp dưới rộng, quy chế này đến đời bản triều khởi nghĩa vẫn còn dùng, đời sau vẫn theo thể).

Hoàn thứ tử là Toàn sinh.

[4b] Ất Hợi, [Thái Bình] năm thứ 6 [975], (Tổng Khai Bảo năm thứ 8). Mùa xuân, quy định áo mũ cho các quan văn võ. Sai Trịnh Tú⁴ đem vàng lụa, sừng tê, ngà voi sang nhà Tống.

Mùa thu, nhà Tống sai Hồng lô tự khanh Cao Bảo Tự dẫn đầu bọn Vương Ngạn Phù đem chế sách sang gia phong cho Nam Việt Vương Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ty, Kiểm hiệu thái sư, Giao Chỉ Quận Vương. Từ đó về sau, sai sứ sang nhà Tống đều lấy Liễn làm chủ.

Bính Tý, [Thái Bình] năm thứ 7 [976], (Tổng Khai Bảo năm thứ 9. Từ tháng 10 trở về sau thuộc về Tống Thái Tông [Triệu] Khuông Nghĩa, niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ nhất). Mùa xuân, thuyền buôn của các nước ngoài đến dâng sản vật của nước họ. Sai Trần Nguyên Thái sang đáp lễ nhà Tống.

Mùa đông, tháng 10, Tống Thái Tổ băng.

Đinh Sửu, [Thái Bình] năm thứ 8 [977], (Tổng Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 2). Sai sứ sang nhà Tống mừng Thái Tông lên ngôi.

Mậu Dần, [Thái Bình] năm thứ 9 [978], (Tổng Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, động đất. Lập con nhỏ là Hạng Lang [**5a**] làm hoàng thái tử, phong con thứ là Toàn làm Vệ Vương. Tháng hai, mưa đá.

Mùa hạ, tháng sáu, nắng hạn.

Kỷ Mão, [Thái Bình] năm thứ 10 [979], (Tổng Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 4). Mùa xuân, Nam Việt Vương Liễn giết hoàng thái tử Hạng Lang. Liễn là con trưởng của vua, thừa hàn vi cùng chịu gian khổ, đến khi định yên thiên hạ, ý vua muốn truyền ngôi cho, mới phong làm Nam Việt Vương, lại từng xin mệnh và nhận tước phong của nhà Tống. Sau vua sinh con nhỏ là Hạng Lang, rất mực yêu quý, lập làm thái tử. Liễn vì vậy bất bình, sai người ngầm giết đi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nổi ngôi dùng con đích là đạo thường muôn đời, bỏ đạo ấy, chưa từng không gây loạn. Cũng có khi nhân thời loạn mà lập Thái tử, thì trước hết chọn người có công, [5b] hoặc con đích trưởng quá ác phải bỏ thì sau mới lập con thứ. Thế là xử việc lúc biến mà vẫn được đúng đắn, người xưa vẫn từng làm. Nam Việt Vương Liễn là con trưởng, lại có công, chưa thấy làm lỗi gì. Tiên hoàng yêu con thứ mà quên con trưởng, cho như thế mới đủ tỏ tình yêu quý, không biết như thế là làm hại con.

¹ Chỉ việc nhà Tống đã diệt Hán, lấy được miền Nam Trung Quốc.

² Nguyên văn: "Trù chi tinh phú". Theo Tống sử, Thực Hoá chí thì "tinh phú" (chữ tinh trong từ tinh điền) là chế độ quy định các địa phương đóng góp 1/5 binh mã cho chính quyền trung ương.

³ Bình đỉnh: phẳng đầu.

⁴ Theo Cương mục: Trịnh Tú người châu Đại Hoàng (CMTB1,6b).

Liền lại nhẩn tâm, đến nỗi giết em, thiên đạo nhân luân mất hết, chuốc họa chết thiệt thân, còn liên lụy cả cha nữa, há chẳng rùng rợn lắm thay! Không thể thì tội đại ác của Đổ Thích do đâu nảy ra để hợp với lời sấm Được?

Mùa đông, tháng mười, Chi hậu nội nhân Đổ Thích¹ giết vua ở sân cung. Bọn Đinh quốc công Nguyễn Bặc bắt được đem giết. Trước đó Đổ Thích làm chức lại ở Đồng Quan, đêm nằm trên cầu, bỗng thấy sao sa rơi vào miệng, Thích cho là điềm tốt, bèn nảy ra ý định giết vua. Đến đây, nhân lúc vua ăn yến ban đêm, say rượu nằm trong sân, [6a] Thích bèn giết chết, lại giết luôn cả Nam Việt Vương Liễn. Khi ấy lệnh lùng bắt hung thủ rất gấp, Thích phải lén núp ở máng nước trong cung qua 3 ngày, khác lắm, gặp lúc trời mưa thò tay hứng nước uống, cung nữ trông thấy liền đi báo. Đinh quốc công Nguyễn Bặc sai người bắt đem chém, đập nát xương, băm thịt ra từng mảnh, chia cho người trong nước ăn, chẳng ai không tranh lấy mà nhai nuốt. Ngày trước, khi vua còn hàn vi, thường đánh cá ở sông Giao Thủy, kéo lưới được viên ngọc khuê to nhưng va vào mũi thuyền, sút mất một góc. Đêm ấy vào ngủ nhờ ở chùa Giao Thủy, giấu ngọc ở dưới đáy giỏ cá, đợi sáng ra chợ bán cá. Bấy giờ vua đang ngủ say, trong giỏ có ánh sáng lạ, nhà sư chùa ấy gọi dậy hỏi duyên cớ, vua nói thực và lấy ngọc khuê cho xem. Sư than rằng: "Anh ngày sau phú quý không thể nói hết, chỉ tiếc phúc không được dài".

Lại vào năm Thái Bình thứ 5 [974], có lời sấm ngữ: "Đổ Thích thí Đinh Đinh, Lê gia xuất thánh minh, cạnh đầu đa hoành nhi², đạo lộ tuyệt nhân hành. Thập nhị xưng đại vương, thập ác vô nhất thiện [6b], thập bát tử đặng tiên, kế đô³ nhị thập thiên" (Đổ Thích giết hai Đinh, nhà Lê nổi thánh minh, tranh nhau nhiều hoành nhi, đường sá người vắng tanh. Mười hai xưng đại vương, toàn ác không một thiện, mười tám con lên tiên, sao kế đô hai chục ngày)⁴. Người ta cho là số trời đã định như thế. Khi ấy Đinh quốc công Nguyễn Bặc, Ngoại giáp Đinh Điền, cùng thập đạo tướng quân Lê Hoàn rước Vệ Vương Toàn lên ngôi Hoàng đế, tôn gọi vua là Tiên Hoàng Đế, tôn mẹ đẻ [vua mới] là Dương Thị làm Hoàng thái hậu. Rước linh cữu Tiên Hoàng Đế về táng ở sơn lăng Trường Yên⁵.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Để vương dấy nghiệp không ai không nhờ ở trời. Nhưng thánh nhân không cậy có mệnh trời mà làm hết phận sự của mình. Việc đã thành, lại càng lo nghĩ đề phòng. Sửa sang lễ nhạc hình án chính sự là để phòng giữ lòng người. Đặt nhiều lần cửa, đánh hiệu canh là để phòng kẻ hung bạo. Bởi vì [7a] lòng dục không cùng, việc đời không bền, không thể không đề phòng trước. Đó là nghĩ xa cho đời sau, mưu tính cho con cháu cũng chính là ở đó. Cho nên Tiên Hoàng không được trọn đời là do chưa làm hết việc người, không phải mệnh trời không giúp. Cũng vì vua không giữ được trọn đời khiến cho cái thuyết sấm đồ⁵ đặc thẳng, đời sau không thể không bị mê hoặc vì điều đó.

¹ Cương mục chú: Đổ Thích người xã Đại Đề, huyện Thiên Bản, nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam Ninh (CMTB1,8b).

² Ở đây Toàn thư chép là hoành nhi mm mm, tức một loại nô tỳ, còn Đại Việt sử lược (q.1, 17b) lại chép là hoành tử mm mm nghĩa là chết phi lý, chết oan uổng.

³ Kế đô: là tên Trung Quốc phiên âm tên ngôi sao Kethu trong lịch cổ Ấn Độ. Thiên văn cổ Ấn Độ cho rằng hệ mặt trời có 9 sao (Trung Quốc dịch là Cửu diệu), ngoài mặt trời, mặt trăng và 5 sao Thủy (Bhuda), Kim (Sukra), Hỏa (Angaraka), Mộc (Brhaspati), Thổ (Sanaiscara hay Sani), còn có 2 sao nữa là Kethu và Rahu (Trung Quốc phiên âm là La hầu), hai sao này thường che mặt trời, mặt trăng, làm thành nhật thực và nguyệt thực. Ngày nay ta biết không phải như vậy và không có hai ngôi sao đó. Lịch pháp cổ Ấn Độ (người Trung Quốc gọi là Phạn lịch đã truyền vào Trung Quốc cùng với Phật Giáo). Trong kinh Phật (chẳng hạn Đại Nhật kinh), thường gặp tên sao Kế đô này. Một số học giả thời Tống cũng đã bàn về sao này (xem Mộng khe bút đàm của Thâm Quát, chương tượng số). Người làm bài sấm trên - nhiều khả năng là nhà sư - đưa thêm tên ngôi sao này vào cho thêm phần bí hiểm, đồng thời chữ đô, có thể ám chỉ việc đóng đô, hay làm vua, của nhà Lý.

⁴ Bài thơ sấm này hẳn là do người đời sau làm ra, vì trong đó không những đã biết việc Đổ Thích giết hai cha con vua Đinh, Lê Hoàn lên ngôi, mà còn nói trước việc nhà Lý làm vua (gộp 3 chữ thập, bát, tự thành chữ Lý).

⁵ Trường Yên: Ở đây là tên xã, chứ không phải tên phủ. Xã Trường Yên, gồm Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ, là vùng thành Hoa Lư. Lăng vua Đinh ở trên núi Mã Yên (núi Yên Ngựa) thuộc xã Trường Yên tỉnh Ninh Bình.

PHẾ ĐẾ

Tên húy là Toàn, con thứ của Tiên Hoàng, ở ngôi 8 tháng. Họ Lê cướp ngôi, giáng phong là Vệ Vương, thọ 18 tuổi [974-991]. Vua còn thơ ấu phải nổi nghiệp lớn gian nan, cường thần nhiếp chính, người trong nước lia lòng, nhà Đinh bèn mất.

Vua nối ngôi khi mới 6 tuổi. Lê Hoàn nhiếp chính, làm công việc như Chu Công¹, tự xưng là Phó Vương. Bọn Đinh quốc công Nguyễn Bặc, ngoại giáp Đinh Điền, Phạm Hạp ngỡ Hoàn sẽ làm điều bất lợi cho vua nhỏ, bèn cùng nhau dấy binh, chia hai đường thủy bộ, muốn tiến về kinh đô giết [7b] Hoàn, nhưng không đánh nổi, bị giết. Trước đó khi Điền và Bặc cất quân, Thái hậu nghe tin, lo sợ bạo Hoàn rằng: "Bọn Bặc dấy quân khởi loạn làm kinh động nước nhà ta. Vua còn nhỏ yếu chưa kham nổi nhiều nạn, các ông nên liệu tính đi chớ để tai họa về sau". Hoàn nói: "Thần ở chức Phó Vương nhiếp chính, dù sống chết biến họa thế nào, đều phải đảm đương trách nhiệm". Rồi đó chinh đốn quân lữ, đánh nhau với Điền, Bặc ở Tây Đô (Hoàn người Ai Châu, [sau lên ngôi] đóng đô ở Hoa Lư, cho nên sử gọi Ai Châu là Tây Đô). Điền, Bặc thua chạy, lại đem quân thủy ra đánh. Hoàn nhân chiều gió phóng lửa đốt thuyền chiến, chém Điền tại trận, bắt được Bặc đóng cũi đưa về kinh sư, kể tội rằng: "Tiên đế mắc nạn, thần người đều cảm thẹn. Người là tôi con lại nhân lúc tan tóc bồi Krối mà dấy quân bội nghĩa. Chức phận tôi con có đâu như thế?". Bèn chém đầu đem bêu.

Điền, Bặc đã chết, quân Phạm Hạp mất hết khí thế, tan chạy về hương Cát Lợi ở Bắc Giang. Hoàn dẫn quân đuổi theo, bắt sống được Phạm Hạp đem về [8a] Kinh sư.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Chu Công là người vương thất rất thân, giúp vua nhỏ tuổi còn không tránh khỏi những lời gièm pha phao truyền. Lê Hoàn là đại thần khác họ, nắm giữ binh quyền, làm công việc như Chu Công, thường tình còn ngờ vực, huống là Nguyễn Bặc ở chức thủ tướng và Đinh Điền là đại thần cùng họ hay sao? Bọn họ khởi binh không phải làm loạn, mà là một lòng phù tá nhà Đinh, vì giết Hoàn không được mà phải chết, ấy là chết đúng chỗ. Nay xem lời Đại Hành kể tội Nguyễn Bặc tựa như vạch tội mình. Khi Bặc chết, ắt phải có nói một lời để bày tỏ chính nghĩa, nhưng không thấy sử chép, thế là bỏ sót.

Phò mã Ngô Nhật Khánh dẫn thuyền quân Chiêm Thành hơn nghìn chiếc vào cướp, muốn đánh thành Hoa [8b] Lư, theo hai cửa biển Đại Ác và Tiểu Khang, qua một đêm, gặp gió bão nổi lên, thuyền đều lật đắm, Nhật Khánh cùng bọn người Chiêm đều chết đuối, chỉ có thuyền của vua Chiêm thoát trở về nước. Nhật Khánh là con cháu của Ngô Tiên chúa Quyền, trước xưng là An Vương, cùng 12 sứ quân mỗi người chiếm giữ một vùng. Tiên Hoàng dẹp yên, lấy mẹ Khánh làm hoàng hậu, lấy em gái Khánh làm vợ Nam Việt Vương Liễu, còn lo sinh biển, lại đem công chúa gả cho Khánh, ý muốn dập hết lòng oán vọng của hãn. Nhật Khánh bề ngoài cười nói như không, nhưng trong lòng vẫn bất bình, bèn đem cả vợ chạy sang Chiêm Thành, đến cửa biển Nam Giới² rút đao ngăn xẻo má vợ kể tội rằng: "Cha mày lừa dối ức hiếp mẹ con ta, lẽ nào ta vì mày mà quên tội ác của cha mày hay sao? Cho mày trở về, ta đi đặng khác tìm kẻ có thể cứu ta". Nói xong bèn đi. Đến đây nghe tin Tiên Hoàng băng, Khánh dẫn người Chiêm vào cướp.

[9a] Canh Thìn, [Thái Bình] năm thứ 11 [980], (Phế Đế vẫn dùng niên hiệu Thái Bình, từ tháng 7 về sau là niên hiệu Thiên Phúc năm đầu của Lê Đại Hành; Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 5).

¹ Chu Công: tức Cơ Đán, em Vũ Vương, nhà Chu (Trung Quốc), có tiếng là người hiền. Thành Vương nối ngôi còn nhỏ tuổi, Chu Công làm nhiếp chính, từng bị lời dèm pha nói rằng Chu Công sẽ làm điều bất lợi cho vua nhỏ...

² Nam Giới: tên cửa biển ở phía Nam, gần Chiêm Thành, còn có tên là Cửa Sốt, nay thuộc huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Mùa hạ, tháng 6, Tri Ung Châu¹ của nhà Tống là Thái thường bác sĩ Hầu Nhân Bảo dâng thư tâu với vua Tống rằng:

" An Nam Quận Vương cùng với con là Liễu đều bị giết, nước ấy sắp mất, có thể nhân lúc này đem một cánh quân sang đánh lấy. nếu bỏ lúc này không mưu tính, sợ lỡ mất cơ hội. Xin cho đến cửa khuyết để tâu Bày trực tiếp tình trạng có thể đánh lấy được ". Vua Tống sai chạy trạm đến gọi Nhân Bảo. Lư Đa Tốn nói: " An Nam bên trong rối loạn, đó là lúc trời làm mất, triều đình nên bất ngờ đem quân sang đánh úp, như người ta nói: " sét đánh không kịp bịt tai". Nếu trước gọi Nhân Bảo về, mưu ấy ắt bị lộ, kẻ kia nhờ đó biết được, sẽ dựa núi ngăn mà phòng bị, cái thế thắng thua chưa biết thế nào.

Chi bằng giao cho Nhân Bảo trách nhiệm ngầm đem quân sang, theo lệnh mà lo liệu việc ấy, chọn tướng đem 3 vạn quân Kinh Hồ² ruổi dài mà [9b] tràn sang, tạo ra cái thế vạn toàn như xô bẻ cành khô gỗ mục, không phải lo tổn một mũi tên". Vua Tống cho là phải.

Mùa thu, tháng 7, ngày Đinh Mùi, nhà Tống lấy Hầu Nhân Bảo làm Giao châu lộ thủy lộ chuyển vận sứ, Lan Lăng đoàn luyện sứ Tôn Toàn Hưng, Bất tác sứ Hác Thủ Tuấn, Yên bi khổ sứ Trần Khâm Tô, Tả giám môn tướng quân Thôi Lượng làm Ung Châu Lộ binh mã bộ thư, Ninh Châu thứ sử Lưu Trùng, Quân khi khổ phó sứ Giả Thực, Cung phụng quan cấp môn chi hậu Vương Soạn làm Quảng Châu Lộ binh mã đô bộ thư., hạp quân cả bốn hướng, hẹn ngày cùng sang xâm lược.

Bấy giờ, Lạng Châu nghe tin quân Tống sắp kéo sang, liền làm tờ tâu báo về. Thái hậu sai Lê Hoàn chọn dũng sĩ đi đánh giặc, lấy người ở Nam Sách Giang là Phạm Cư Lạng³ làm đại tướng quân. Khi [triều đình] đang bàn kế hoạch xuất quân, Cư Lạng cùng các tướng quân khác đều mặc áo trận đi thẳng vào Nội phủ, [10a] nói với mọi người rằng: " Thượng người có công, giết kẻ trái lệnh là phép sáng để thi hành việc quân. Nay chúa thượng còn trẻ thơ, chúng ta đâu hết sức liều chết để chặn giặc ngoài, may có chút công lao, thì có ai biết cho ? Chi bằng trước hãy tôn lập ông Thập đạo làm Thiên tử, sau đó sẽ xuất quân thì hơn". Quân sĩ nghe vậy đều hô "vạn tuế".

Thái hậu thấy mọi người vui lòng quy phục bèn sai lấy áo long cổn⁴ khoác lên người Lê Hoàn, mời lên ngôi Hoàng đế. Từ đó Hoàn lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiên Phúc năm đầu [980], giáng phong vua làm Vệ Vương.

Truy phong cha của vua [Hoàn] làm Trường Hưng Vương, mẹ họ Đặng làm Hoàng thái hậu.

Tháng 8, vua Tống xuống chiếu đem quân sang xâm lược, sai Lư Đa Tốn đem thư sang nói rằng: " Trung Hoa đối với Man Di, cũng như thân người có tứ chi, vận động duỗi co tùy ở tim mình, cho nên nói tim là chủ. Nếu ở một [10b] tay một chân mà mạch máu ngừng đọng, gân cốt không yên thì phải dùng thuốc thang để chữa. Chữa mà không công hiệu thì lại phải châm cứu cho kỳ khỏi, không phải là không biết thuốc thang thì đẳng miệng, mà châm chích thì rách da. Phải làm như thế là vì tổn hại ít mà lợi ích nhiều. Kẻ làm vua thiên hạ cũng phải làm như vậy chăng? cho nên Thái Tổ Hoàng Đế ta nhận ngôi do nhà Chu nhường, đổi tên nước là Tống, văn vật trong sáng, một phen biến đổi theo xưa, ở ngôi đế vương mà nhìn Man Di mắc bệnh. Cho nên năm thứ 1 thứ 2 thì thuốc thang cho các đất Kinh, Thục, Tương, Đàm, năm thứ 3 thứ 4 thì châm cứu cho các miền Quảng, Việt, Ngô, Sở⁵, gân cốt huyết mạch ra dáng trẻ non, có phần khoẻ mạnh. Không do cơ trí thần diệu sáng suốt của bậc vương giả mà trù liệu được đến thế ư ? Đến khi ta nổi giữ cơ nghiệp lớn, đích thân coi chính sự, cho rằng đất Phần, đất Tinh⁶

¹ Ung Châu: nay là huyện Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

² Kinh Hồ: tên lộ thời Tống, gồm đất tỉnh Hồ Nam và tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc ngày nay.

³ Phạm Cư Lạng: người huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng, ông nội là Chiêm giữ chức Đông giáp tướng quân đời Ngô Quyền, cha là Man, Tham chính đô đốc, anh là Phạm Hạp, vệ úy đời Đinh Tiên Hoàng, người đã cùng Đinh Điền, Nguyễn Bặc chống lại Lê Hoàn (theo Ngô Thì Sĩ, Đại Việt sử ký tiền biên).

⁴ Áo long cổn: áo của vua thêu hình rồng cuộn.

⁵ Chỉ các cuộc hành quân tiêu diệt các thế lực cát cứ đầu thời Tống ở tỉnh Hồ Nam, Tứ Xuyên, Lương Quảng, v.v... Trung Quốc.

⁶ Chỉ miền Phần Dương và Thái Nguyên thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Ở đây Tống Thái Tông muốn nhắc đến cuộc tiến quân tiêu diệt nước Bắc Hán ở tỉnh Sơn Tây năm 979.

là bệnh ở lòng bụng, nếu lòng bụng chưa chữa khỏi thì làm sao chữa nổi tứ chi ? Vì thế mới luyện thuốc thang bằng nhân nghĩa, [11a] sửa đồ châm cứu bằng đạo đức, hết sức chữa cho các đất Phần, Tinh chỉ một lần là khỏi bệnh, chín châu bốn biển đã mạnh lại yên. Chỉ có Giao Châu của người ở xa cuối trời, thực là ngoài năm cõi¹.

Nhưng phần thừa của tứ chi, ví như ngón chân ngón tay của thân người, tuy chỉ một ngón bị đau, bậc thánh nhân lại không nghĩ đến hay sao ? Cho nên phải mở lòng ngu tối của người, để thanh giáo của ta trùm tỏa, người có theo chẳng ? Huống chi từ thời Thành Chu, [nước người] đã đem chi trĩ trắng sang dâng, đến thời Viêm Hán², dựng cột đồng làm mốc, cho đến thời Lý Đường, vẫn thuộc về nội địa. Cuối thời Đường nhiều họa nạn, chưa kịp xử trí. Nay thánh triều lòng nhân trùm khắp muôn nước, cơ nghiệp thái bình kể cũng đã thịnh. Lễ phân phòng đã sắp đặt sẵn, còn đợi người đến chúc sức khỏe của ta. Người đừng ru rú trong bốn góc nhà, khiến cho ta buồn phiền, phải chém cờ bồ so³ làm cỏ nước người, hồi sao cho kịp. Dù cho sông nước người có ngọc, [11b] ta vớt xuống suối; núi nước người sản vàng, ta ném vào bụi, [để thấy] chẳng phải ta tham của báu nước người. Dân của người bay nhày (ý nói người hoàng dã) còn ta thì có ngựa xe; dân người uống mồi (nay người man ở miền rừng núi Giao Quảng⁴ vẫn còn tục ấy) còn ta thì có cơm rượu để thay đổi phong tục của nước người; dân người bắt tóc còn ta thì có áo mũ, dân người nói tiếng chim, còn ta thì có Thi, Thư, để dạy lễ cho dân người. Cối nóng chói chang, khói hơi mù mịt, ta tỏa mây Nghiêu, tưới cho mưa ngọt. Khí biển hầm hập, cháy mây chảy đá, ta gảy đàn Thuấn, quạt làn gió thơm. Sao trên trời nước người, chẳng ai biết tên gì, ta quay chòm tử vi để người biết châu về. Đất người nhiều ma quỷ, ai cũng sợ chúng quấy, ta đã đúc vạc lớn [để yểm trừ], khiến chúng không làm hại. Ra khỏi chốn đảo di của người mà xem nhà Minh đường, Bích ung⁵ chẳng? Trút áo quần cỏ lá của người mà mặc áo cổn hoa thêu hình rồng núi chẳng? Người có theo về hay không, chớ mau chuốc lấy tội. Nay ta đang chinh đồn xe cộ quân lính, truyền hiệu lệnh chiêng trống. Nếu chịu theo giáo hóa, ta [12a] sẽ tha tội cho, nếu trái mệnh ta sẽ sai quân đánh. Theo hay chống, lành hay dữ, tự người xét lấy". (Sử cũ chép thư này ở Đinh Kỷ, dưới năm Thái Bình thứ 2 [971], nay xét nên để ở đây. Thư này do Vương Vũ Xứng nhà Tống soạn. Lại xét ở trên đoạn đó, Lê Văn Hưu có nêu bốn chữ "cải nguyên xưng đế", thì rõ ràng là từ mùa thu năm này, thuộc niên hiệu Thiên Phúc năm đầu. Lại trong bức thư này nói: "Thái Tổ ta nhận ngôi nhà Chu nhường lại...", ta nối giữ cơ nghiệp lớn...", thì rõ là thư của Tống Thái Tông, Văn Hưu không thể quá lắm mà ghi vào đời Đinh Tiên Hoàng, có lẽ do người sau sao chép ở những chỗ còn lại trong sách rách giấy nát, tự ý chép bậy vào chỗ ấy, đến nỗi Văn Hưu phải chịu oan là đã lầm. Năm sau, là năm Tân Tỵ [981] mới đổi gọi là Thiên Phúc năm đầu, biết đâu chẳng phải do mất tờ sách ấy mà đổi lầm chẳng? Còn như Lý Thái Tổ lên ngôi vào cuối năm, cho nên năm sau đổi niên hiệu, không giống như đây).

Mùa đông, tháng 10, vua sắp phát binh, trước sai nha hiệu là Giang Cự Vọng, Vương Thiệu Tộ đưa thư sang nước Tống giả làm thư của [Vệ Vương] Toàn thỉnh cầu nối ngôi cha, xin ban cho mệnh lệnh chính thức, ý muốn hoãn binh nhà Tống (thư nói: cha thần là mỗ, anh thần là mỗ, điều được đội ơn nước, cho giữ phận trông coi biên khốn, kính giữ bờ cõi, không dám trái lệnh. Chưa khó nhọc ngựa đổ mồ hôi, đã đau buồn sương tan buổi sớm⁶ . Nhà thần sắp sụp đổ, chưa bỏ áo tan thì quân dân tướng lại trong hạt, người già ở núi rừng cùng đến chỗ nằm rơm gối đất⁷ của thần, bảo thần tạm giữ việc quân lữ. Thần cố từ ba bốn lần, nhưng bọn họ thỉnh cầu nài ép càng khẩn thiết. Thần muốn [12b] đợi tâu bày, nhưng lại lo chậm trễ; người núi rừng hung ác, dân khe động tráo trở, nếu không chiều ý họ, sợ có khi tai biến xảy ra. Cho nên thần đã kính giữ quyền Tiết độ hành quân tư mã, tạm giữ việc quân trong

¹ Nguyên văn: "Ngũ phục", chữ dùng trong Kinh Thư, chỉ 5 vùng theo thứ tự xa cách kinh kỳ (hầu, diện, tuy, yêu, hoang).

² Viêm Hán: tức nhà Hán, tự coi là dòng dõi vua Nghiêu, ứng vào ngôi hỏa (trong ngũ hành), cho nên gọi là Viêm Hán (Viêm đồng nghĩa với hỏa).

³ Nguyên văn: "tiệt phan đoạn tiết". Tiết là con so để làm tin, khi tướng ra trận thì bỏ đổi giao cho một nửa.

⁴ Chỉ vùng biên giới giữa nước ta (Giao Châu) với đất Lương Quảng, Trung Quốc.

⁵ Minh Đường: chỗ vua các nước chư hầu triều kiến vua nhà Chu. Bích Ung: nhà học của vua nhà Chu.

⁶ Ý nói cha và anh ở ngôi chưa được bao lâu đã bị nạn.

⁷ Nguyên văn: "Chiêm khối", chỉ nơi ở trong thời gian chịu tang cha mẹ (năm chiếu rơm (chiêm), gối đầu trên hòn đất (khối)).

châu. Cúi mong được chính thức lĩnh mệnh, đủ được dự hàng phiên bang, để yên ủi tấm lòng tận trung của kẻ toi mọn, nêu cao thịnh điển ban khen của thánh triều).

Khi ấy nhà Tống đang muốn trách hỏi vua về việc xưng đế đổi niên hiệu, lại có ý chiếm lấy nước Việt ta, mới sai Trương Tông Quyền đưa thư trả lời rằng: " họ Đinh truyền nối ba đời, trăm muốn cho Toàn làm thống soái, khanh¹ làm phó. Nếu Toàn tướng tài chẳng có, vẫn còn trẻ con, thì nên bảo cả mẹ con cùng thân thuộc sang quy phụ. Đợi khi bọn họ vào châu ắt sẽ có điển lễ ưu đãi và sẽ trao cờ tiết cho khanh. Nay có hai đường, khanh nên chọn một".Vua đều không nghe.

Trở nên là triều Đinh, hai vua, bắt đầu từ năm Mậu Thìn, chấm dứt vào năm Canh Thìn [968- 980] tất cả 13 năm.

[13a]

KỶ NHÀ LÊ

ĐẠI HÀNH HOÀNG ĐẾ

Họ Lê, tên húy là Hoàn, người Ái Châu², làm quan nhà Đinh đến chức Thập đạo tướng quân; quân Tống xâm lược đem quân ra chống cự, rồi thay nhà Đinh làm vua; ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi [941 - 1006], băng ở điện Trường Xuân.

Vua trừ nội gian mà lấy được nước, đuổi giặc ngoài để yên dân, trong nước thanh bình, Bắc Nam vô sự. Tiếc rằng không sớm chọn con nối, khiến cho con cái tranh nhau bên trong, dẫn đến mất ngôi; về đạo vợ chồng có nhiều điều đáng thẹn

Trước kia cha vua là Mịch, mẹ là Đặng thị, khi mới có thai chiêm bao thấy trong bụng nở hoa sen, chỉ chốc lát đã kết hạt, bèn lấy chia cho mọi người, còn mình thì không ăn, tình dậy không hiểu nguyên do thế nào. Đến khi năm Thiên Phúc thứ 6 thời Tấn [941] là năm Tân Sửu, mùa thu, tháng bảy, ngày 15, sinh ra vua. Đặng thị thấy tướng mạo khác thường, bảo với mọi người rằng: "Thằng bé này lớn lên, ta sợ không kịp hưởng lộc của nó". Được vài năm thì mẹ chết, sau đó cha [13b] cũng qua đời, trở trọi một thân, muôn vàn cô đơn đói rét. Trong thôn có viên quan sát họ Lê trông thấy lấy làm lạ, nói: " Tư cách đứa trẻ này, người thường không sánh được". Lại thấy là cùng họ nên nhận làm con nuôi, sớm chiều chăm sóc dạy dỗ, không khác gì con đẻ. Có đêm mùa đông trời rét, vua úp gối mà ngủ. Đêm ấy ánh sáng đẹp đầy nhà, viên quan sát lên đến xem, thì thấy con rồng vàng che ấp bên trên, vì thế lại càng thêm quý trọng. Lớn lên theo giúp Nam Việt Vương Liễn, [tỏ ra] phóng khoáng, có chí lớn. Tiên Hoàng khen là người trí dũng, chắc thế nào cũng làm được việc, bèn giao cho cai quản 1 nghìn quân sĩ, thăng dần đến chức Thập đạo tướng quân điện tiền đô chỉ huy sứ. Đến đây thay họ Đinh làm vua, đóng đô ở Hoa Lư.

[14a] Tân Ty, Thiên Phúc] năm thứ 2 [981], (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 6, xét các bản chép niên kỷ các triều đều ghi năm này là năm Thiên Phúc thứ 1, nay sửa lại). Mùa xuân, tháng 2, Hầu Nhân Bảo, Tôn Hoàng Hưng đến Lạng Sơn, Trần Khâm Tộ đến Tây Kết, Lưu Trừng đến sông Bạch

¹ Chỉ Lê Hoàn.

² Ái Châu: tức Thanh Hóa ngày nay. Đại Việt sử lược (q.1,18b) chép Lê Hoàn người Trường Châu, nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh. Đại Việt sử ký tiền biên (q1) phần chính vẫn bản chép Lê Hoàn người Ái Châu, nhưng phần cước chú lại ghi Lê Hoàn người Bào Thái, huyện Thanh Liêm nay thuộc tỉnh Nam Hà.

Đăng¹. Vua tự làm tướng đi chặn giặc, sai quân sĩ đóng cọc ngăn sông Chi Lăng². Vua sai quân sĩ trá hàng để dụ Nhân Bảo, đem chém. Bọn Khâm Tô. nghe tin quân thủy thua trận, dẫn quân về. Vua đem các tướng danh, quân của Khâm Tô thua to, chết đến quá nửa, thầy chết đây đồng, bắt được tướng giặc là Quách Quân Biên, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư. Từ đó trong nước rất yên. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Minh Càn Ứng Vận Thần Vũ Thăng Bình Chí nhân quang Hiếu Hoàng Đế.

Lê Văn Hưu nói: Lê Đại Hành Giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc, tóm Quân Biên [14b], Phụng Huân để như lừa trẻ con, như sai nô lệ, chưa đầy vài năm mà bờ cõi định yên, công đánh dẹp chiến thắng đều là nhà Hán, nhà Đường cũng không hơn được. Có người hỏi: Đại Hành với Lý Thái Tổ ai hơn? Thưa rằng: Kể về mặt trừ dẹp gian trong, đánh tan giặc ngoài, làm mạnh nước Việt ta, ra oai với người tống thì Lý Thái Tổ không bằng Lê Đại Hành có công lao gian khổ hơn. Nhưng về mặt tỏ rõ ân uy, lòng người suy tôn, hưởng nước lâu dài, để phúc cho con cháu thì Lê Đại Hành không bằng Lý Thái Tổ lo tính lâu dài hơn. Thế thì Lý Thái Tổ hơn ư? Đáp: Hơn thì không biết, chỉ thấy đức của họ Lý dày hơn họ Lê, vì thế nên nói theo họ Lý.

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Tam cương là đạo thường của muôn đời, không thể một ngày [15a] rối loạn. Khi Đại Hành giữ chức nhiếp chính, Vệ Vương tuy còn nhỏ nhưng vẫn là vua, thế mà Đại Hành tự xưng là Phó Vương, rắp tâm làm điều bất lợi. Đạo làm tôi không được rắp tâm, rắp tâm thì ắt phải giết. Đó là phép của sách Xuân Thu, người người điều được nêu lên mà thi hành. Nguyễn Bặc, Đinh Điền sao có thể nhẫn tâm điếm nhiên mà nhìn? Rồi lui về dấy quân hỏi tội, mưu giữ xã tắc, thế là bầy tôi trung nghĩa đấy. Việc không xong mà chết, thế là bề tôi tử tiết đấy. Lời bàn của Văn Hưu lái đánh đồng với hàng loạn tặc, khiến cho đạo nhân luân không được sáng tỏ với đời sau, gây mầm mống tiếm đoạt, để cho những kẻ có quyền lực tranh nhau bắt chước, quét sạch cương thường, vì thế không thể không biện bác.

Giang Nam chuyển vận sứ của nhà Tống là Hứa Trọng Tuyên đem việc Nhân Bảo thua chết tâu lên. Vua Tống xuống chiếu rút quân về, sai sứ quả trách bọn Lưu Trùng, Giả Thực, Vương Soạn. Trùng ốm chết, Soạn bị giết ở [15b] Ung Châu, Tôn Hoàng Hưng cũng bị giết bêu ở chợ.

Nhâm Ngo, Thiên Phúc năm thứ 3 [982], (Tống Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 7). Lập Hoàng thái hậu nhà Đinh là Dương thị làm Đại Thắng Minh Hoàng Hậu. Hậu là vợ của Tiên Hoàng, mẹ đẻ của Vệ Vương Toàn. Khi vua lấy được nước, đem vào cung, đến đây lập làm Hoàng hậu, cùng với Phụng Càn Chí Lý Hoàng Hậu, Thuận Thánh Minh Đạo Hoàng Hậu, Trịnh Quốc Hoàng Hậu, Phạm Hoàng Hậu là 5 hoàng hậu (về sau, tục dân lập đền thờ, tô tượng hai vua Tiên Hoàng và Đại Hành và tượng Dương hậu cùng ngồi, hồi quốc sơ [đầu thời Lê] vẫn còn như thế. Sau An Phủ Sứ Lê Thúc Hiến mới bỏ).

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo vợ chồng là đầu của nhân luân, dây mối của vương hóa. Hạ kinh của Kinh Dịch nêu quẻ Hàm và quẻ Hằng lên đầu, là để tỏ cái ý lấy đàn bà tất phải chính đáng. Đại Hành thông dâm với vợ vua, đến chỗ nghiêm nhiên lập làm hoàng hậu, mất cả lòng biết hổ thẹn. Đem cái thói ấy truyền cho đời sau, [16a] con mình bắt chước mà dâm dật đến nỗi mất nước, há chẳng phải là mở đầu mỗi họa đó sau?

Vua thân đi đánh Chiêm Thành, thắng được. Trước đó vua sai Từ Mục, Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm bắt giữ. Vua giận, sai đóng chiến thuyền sửa binh khí, tự làm tướng đi đánh, chém bê Mi Thuế³ tại trận. Chiêm Thành thua to. Bắt sống được quân sĩ của chúng nhiều vô kể,

¹ Sông Bạch Đằng: còn gọi là sông Rừng, chảy qua giữa hai huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Ninh và Thủy Nguyên, Hải Phòng.

² Sông Chi Lăng: Cương mục (CB1, 18) chú là con sông ở xã Chi Lăng, tức khúc sông Thương chảy qua Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

³ Bê Mi Thuế: Đại Việt sử lược (q.1, 19b) nói là vua Chiêm, Cương mục (CB1, 19a) nói là tướng Chiêm. G.Maspéro khôi phục tên Phạn ngữ của người này là Parames'varavarman I (Le Royaume de Champa); nhưng vẫn coi là giả thuyết vì chưa có cứ liệu xác nhận.

cùng là kỹ nữ trong cung trăm người và một nhà sư người Thiên Trúc, lấy các đồ quý đem về, thu được vàng bạc của báu kể hàng vạn, san phẳng thành trì, phá hủy tông miếu, vừa một năm thì trở về kinh sư.

Năm ấy đói to.

Quý Mùi, /Thiên Phúc/ năm thứ 4 [983], (Tổng Thái Bình Hưng Quốc năm thứ 8). Mùa xuân, sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống.

Trước kia vua đi đánh Chiêm Thành, Quảng Giáp Lưu Kế Tông trốn ở lại nước ấy. Đến đây, vua sai người con nuôi(không rõ tên) [**16b**] đi bắt được kế Tông, đem chém.

Kênh mới trên đường biển làm xong(chưa rõ ở chỗ nào). Khi vua đi đánh Chiêm Thành, qua núi Đồng Cổ¹ đến sông Bà Hòa², đường núi hiểm trở khó đi, người ngựa mỏi mệt, đường biển thì sóng to khó đi lại, bèn sai người đào kênh. Đến đây đào xong, thuyền bè đi lại đều được thuận tiện.

Giáp Thân, /Thiên Phúc năm thứ 5 [984], (Tổng Ứng Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, đúc tiền Thiên Phúc.

Làm nhiều cung điện nhà cửa: dựng điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Đại Vân³, cốt giác vàng bạc, làm nơi coi châu; phía đông là điện Phong Lưu, phía tây là điện Tử Hoa, bên tả là điện Bồng Lai, bên hữu là điện Cực Lạc. Tiếp đó là lầu Đại Vân, dựng tiếp điện Trường Xuân làm nơi vua nghỉ. Bên cạnh điện Trường Xuân lại dựng điện Long Bộc, mái lợp ngói bạc.

[17a] Ất Dậu, /Thiên Phúc/ năm thứ 6 [985], (Tổng Ung Hy năm thứ 2). Mùa thu, tháng 7 ngày rằm là ngày sinh của vua, sai người làm thuyền ở giữa sông, lấy tre làm núi giả đặt trên thuyền, gọi là Nam Sơn, rồi bày lễ vui đua thuyền, về sau thành thường lệ.

Nhà Tống sai sứ sang thăm. Vua sai sứ sang nhà Tống xin giữ chức Tiết Trấn⁴.

Bính Tuất, /Thiên Phúc/ năm thứ 7 [986], (Tổng Ung Hy năm thứ 3). Mùa thu, tháng 8, điểm dân để lấy lính.

Mùa đông, tháng 10, nhà Tống sai Tả bổ khuyết Lý Nhược Chuyết, Quốc Tử Giám bác sĩ Lý Giác mang chế sách sang phong cho vua làm An Nam đô hộ Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ kinh triệu quận hầu (Lời chế nói: Đấng vương giả cả dựng ngôi cao, vỗ yên chư hầu. Dựng phủ đệ tại kinh sư, cho lễ hội đồng được long trọng; chia đất phong ở các nơi, để quyền tiết chế được nêu cao. Huống nay từ cõi đất diều rơi⁵ đến dâng đồ cống lông chim trả. Lúc đang đổi tướng, lợi dịp phong hầu, lòng cũng không quên thành mệnh, bèn ban ân điển thưởng công. Nay quyền tri tam ty lưu hậu là Lê Mỹ, tư cách gồm nghĩa dũng, phẩm tính vốn trung thuận, [**17b**] được lòng người trong nước, kính giữ tiết phiến thần. Vừa rồi Đinh Toàn đương tuổi trẻ thơ, không biết yên ổn. Người là tâm phúc chỗ thân, giữ quyền coi quân lữ, hiệu lệnh ban phát, uy ái đều gồm. Họ Đinh bỏ quyền ba đời tiết sứ, chiều theo ý muốn mọi người. Người xa tỏ lòng thành, xin ban tiết việt. [Phải như] Sĩ Nhiếp cứng mạnh, sáng suốt, đối tục Việt đều hay, Ủy Đà cung kính, thuận tòng, vâng chiếu Hán chẳng trái. Nên xứng chức đứng đầu cõi xa, cùng dự hàng chư hầu tôn quý. Vỗ yên Man di bộ lạc, tuyên dương đức tốt vương triều).

Vua nhận chế rất kính, lễ thiết đãi rất hậu, hàng ngày đem những thứ quý lạ bày chật cả sân, để tỏ sự giàu có. Đem bọn Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân trả cho về. Lại Bảo Nhược Chuyết và Giác

¹ Núi Đồng Cổ: ở xã Đan Nê, huyện Thuỵ Yên, tỉnh Thanh Hóa.

² Sông Bà Hòa: sông chảy qua xã Bà Hòa, sau đổi là xã Đồng Hòa, nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

³ Núi Đại Vân: ở thành Hoa Lư, tỉnh Hà Nam Ninh.

⁴ Tiết Trấn: tức Tiết độ sứ ở phiến trấn.

⁵ Chỗ này toàn thư chép là "Diên Chi chỉ ngưng", bản dịch cũ dịch là "Diên Chi cõi xa" và chú thích Diên Chi là Chu Diên và Giao Chi (bản dịch cũ, tập 1, tr.332). Nhưng xem lại Tống sử (Giao Chi truyện) ta thấy đoạn văn này được chép là "Diên Diếp chỉ ngưng". Diên Diếp hay Diếp Diên là từ lấy trong Hậu Hán thư, Mã Viện truyện. Theo Mã Viện truyện, khi Mã Viện vào Giao Chi, đến Tây Lý, đất nhiều khí độc bốc lên, "ngừng mặt nhìn thấy diều bay, là tà rơi xuống trong nước" (ngưỡng thị phi diên diếp diếp đọa thủy trung). Như vậy, "diên diếp chỉ ngưng" có thể dịch là "cõi đất diều rơi", chỉ miền đất Giao Chi mà người Trung Quốc coi là nhiều khí độc. Chữ Diên Diếp gần với chữ Diên Chi nên có sự lầm lẫn như trên.

rằng: "Nước tôi bé nhỏ, sông núi xa xôi, nghìn dặm cách trời, ở lánh góc đất, sứ thần đi lại, lặn lội núi sông, há chẳng khó nhọc lắm ư?". Giác đáp: "Bản triều cõi bờ muôn dặm, các quận có đến bốn trăm, đất có chỗ bằng phẳng, cũng có chỗ hiểm trở, một phương này lấy gì làm xa". Lấy Từ Mục làm Tổng quản trị quân dân sự, ban cho tước hầu, Phạm Cư Lượng làm Thái úy.

Sai Ngô Quốc **[18a]** Ân sang đáp lễ nhà Tống và nói về việc người Chiêm Thành là Bồ La Át đem hơn trăm người họ xin nội phụ

Đinh Hợi, /Thiên Phúc/ năm thứ 8 [987], Tống Ung Hy năm thứ 4). Múa xuân, vua lần đầu cày ruộng tịch điền ở núi Đọi¹ được một hũ nhỏ vàng. Lại cày ở núi Bàn Hải, được một hũ nhỏ bạc, nhân đó đặt tên là ruộng Kim Ngân.

Nhà Tống lại sai Lý Giác sang. Khi Giác đến chùa Sách Giang², vua sai pháp sư tên là Thuận³ giả làm người coi sông⁴ ra đón. Giác rất thích nói chuyện văn thơ. Lúc ấy nhân có hai con ngỗng lội trên mặt nước, Giác vui ngâm rằng:

Nga nga lưỡng nga nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha.

(Ngỗng ngỗng hai con ngỗng,
Ngửa mặt nhìn chân trời).

Pháp sư dương cầm chèo⁵, theo vần làm nổi đưa cho Giác xem:

Bạch mao phô lục thủy,
Hồng trạo bãi thanh ba.

(Nước lục phô lông trắng,
Chèo hồng sóng xanh bơi).

Giác càng lấy làm lạ, khi về đến sứ quán, làm thơ gửi tặng:

Hạnh ngộ minh thì tán thịnh du,
Nhất thân nhị độ sứ **[18b]** Giao Châu.
Đông Đô lưỡng biệt tâm vưu luyện,
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu.
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch,
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu.
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu.
Khê đàm ba tỉnh kiến thiềm thu.

(May gặp thời bình được giúp mưu,
Một mình hai lược sứ Giao Châu.
Đông Đô mấy độ còn lưu luyện,
Nam Việt nghìn trùng vẫn ước cầu.
Ngựa vượt khói mây xuyên đá chỡm,
Xe qua rừng biếc vượt dòng sâu.
Ngoài trời lại có trời soi nữa.
Sóng lặng khe đầm bóng nguyệt thâu)¹

¹ Núi Đọi: tên chữ Hán là Đọi Sơn hoặc Long Đọi Sơn, ở xã Đại Sơn, huyện Duy Tiên, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

² Sách Giang tự: tên chùa, gọi theo tên sông. Sông Sách Giang, theo Phan Huy Chú, là con sông chảy qua Nam Sách. (Lịch triều hiến chương loại chí, bang Giao Chi). Có lẽ bây giờ, cũng như về thời Trần sau này, sông Sách là một đoạn sông Thương.

³ Pháp sư Thuận: tức thiền sư Pháp Thuận (1-990) họ Đỗ, trụ trì chùa Cổ Sơn, hương Thư ở ái Quận; thuộc thế hệ thứ 11 thiền phái Tì-ni-đa-lưu-chí (dòng thiền Nam Phương).

⁴ Nguyên văn là "giang lệnh".

⁵ Nguyên bản in là: "Bà điệu"; nhằm chữ trạo thành chữ điệu; dùng ở đây không có nghĩa; ba trạo có nghĩa là cái mái chèo.

Thuận đem thơ này dâng lên. Vua cho gọi sứ Ngô Khuông Việt² đến xem. Khuông Việt nói: "Thơ này tôn bệ hạ không khác gì vua Tống". Vua khen ý thơ, tặng cho rất hậu³. Khi Giác từ biệt ra về, vua sai Khuông Việt làm bài hát⁴ để tiễn, lời rằng:

Tường quang phong hảo cảm phàm trương,
 Dao vọng thần tiên phục đế hương.
 Vạn trùng sơn thủy thiệp thương lang,
 Cửu thiên quy lộ trường.
 Tình thăm thiết,
 Đối lý trường,
 Phan luyện sử tinh lang.
 Nguyên tương thâm ý vị biên cương,
 Phân minh tấu ngã hoàng⁵.

(Nặng tươi gió thuận cánh buồm giương,
 Thần tiên lại đế hương.
 Vượt sóng xanh muôn dặm trùng dương,
 Về trời xa đường trường.
 Tình thăm thiết,
 Chén lên đường,
 Vin xe sứ vấn vương.
 Xin đem thâm ý vì Nam cương,
 Tâu vua tôi tỏ tường)⁶

Giác lạ ra về. Năm ấy được mùa to.

Mậu Tý /Thên Phúc / năm thứ 9/ 988/, (Tống Đoan cùng năm thứ 1 b).

Vua nước Chiêm Thành là Băng Vương La Duê ở Phật thành⁷ tự đặt hiệu [19a] là Câu Thi Lị Ha Thân Bài Ma La⁸.

Thái sư Hồng Hiến chết. Hiến là người Bắc [tức Trung Quốc], thông hiểu kinh sử, thường theo các cuộc chinh phạt làm quân sư, cùng là khuyển vua lên ngôi, mưu bàn việc nước, có công lớn, vua tin dùng như tâm phúc, đến đây chết.

Năm ấy, vua Tống đổi niên hiệu, sai Hộ bộ viên ngoại lang là Ngụy Tường và Trục Sử Quán là Lý Độ mang chế sách sang gia phong vua làm Kiểm hiệu thái úy.

Ký Sửu, / Hưng Thống / năm thứ 1/ 989/, (Tống Đoan Cùng năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu đại xá.

¹ Theo bản dịch cũ.

² Ngô Khuông Việt (933-1011): tức Ngô Chân Lưu, người hương Cát Ly; huyện Trường Lạc; trụ trì chùa Phật Đà, thuộc thế hệ thứ tư dòng thiền Vô Ngôn Thông.

³ Nguyên bản in "hậu khiển chi", chữ khiển (sai khiển) do chữ di (tặng, biểu) khắc lầm.

⁴ Nguyên văn: chế khúc. Khúc là bài hát có lời, là bài từ đặt theo một ca điệu có sẵn.

⁵ Bài từ này có một truyền bản khác ở Thiên uyển tập anh, bản in năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715), di biệt một số chữ so với văn bản Toàn thư phiên âm trên đây. Trong bài Về bài từ ở thế kỷ X, Hoàng Văn Lâu đã khóa dị nhận xét, hai bản để phục nguyên bài từ (xem: Một số vấn đề văn hóa học Hán Nôm, NXB Khoa Học Xã Hội, H. 1983, tr. 191-211).

⁶ Bản dịch của Hà Văn Tấn, Lịch sử Phật giáo Việt Nam NXB. Khoa Học Xã Hội, H. 1988, tr. 127.

⁷ Phật thành tức là thành Phật Thệ (Vijaya), Cũng gọi là thành Chà Bàn, kinh đô của Chiêm Thành; ở về phía Bắc thành phố Quy Nhơn, ngày nay khoảng 27 Km.

⁸ Tức vua Chiêm Sri Harivarman II (ở ngôi 988-999).

Phong thái tử Thau làm Kinh Thiên Đại Vương, hoàng tử thứ hai là Ngân Tích¹ làm Đông Thành Vương, hoàng tử thứ ba là Việt làm Nam Phong Vương.

Dương Tiến Lộc lấy hai châu Hoan, Ái² làm phản. Vua thân đi đánh, Tiến Lộc bị giết. Bấy giờ vua sai viên Quảng giáp là Tiến Lộc đi thu thuế hai châu Hoan và Ái, Tiến Lộc đem người hai châu ấy xin theo về với Chiêm Thành. Chiêm Thành không nhận. Vua nghe tin, đem các quân **[19b]** đến đánh Châu Hoan, Châu Ái, đuổi bắt được Tiến Lộc và giết người hai châu ấy không biết bao nhiêu mà kể.

Canh Dần, /Hưng Thống/ năm thứ 2 [990] (Tổng Thuần Hoá năm thứ 1). Nhà Tống sai Tả chính ngôn là Tống Cảo, Hữu chính ngôn là Vương Thế Tắc mang chế sách sang phong thêm cho vua hai chữ là "Đặc tiến". Vua sai Nha nội chỉ huy sứ là Đinh Thừa, Chính đem 9 chiếc thuyền dẫn 300 người đến quân Thái Bình³ đón, theo cửa biển mà vào, nửa tháng đến sông Bạch Đằng, theo nước triều mà đi. Mùa thu, tháng 9, đến trạm Nại Chính ở Trường Châu. Vua ra ngoài giao⁴ để đón, bày thủy quân và chiến cụ để khoe. Vua cầm cương ngựa cùng đi với sứ thần. Đến cửa Minh Đức, vua bưng chế thư để lên trên điện, không lay, nói dối là năm vừa rồi đi đánh giặc Man, bị ngã ngựa đau chân. Cảo và Tắc tin là thực. Sau đó bày yến tiệc thết đãi. Vua bảo Cảo rằng: "Sau này có quốc thư thì cho giao nhận ở đầu địa giới, khỏi phiền sứ thần đến tận đây nữa". Cảo về tâu, **[20a]** vua Tống bằng lòng.

Tân Mão, /Hưng Thống/ năm thứ 3 /991/, (Tổng Thuần Hóa năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, sai Đào Cẩn sang nhà Tống thăm đáp lễ.

Phong hoàng tử thứ tư là Đinh làm Ngự Man Vương, đóng ở Phong Châu, hoàng tử thứ sáu là Cẩn làm Ngự Bắc Vương, đóng ở trại Phù Lan⁵.

Nhâm Thìn, /Hưng Thống/ năm thứ 4 /992/, (Tổng Thuần Hóa năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự điện Càn Nguyên xem đèn.

Phong hoàng tử thứ năm là Đinh làm Khai Minh Vương, đóng ở Đăng Châu⁶.

Trần tiên sinh ở núi Tuyên Hoa đến cửa khuyết. (Xét nước ta không có núi Tuyên Hoa, có lẽ là việc nhà Tống triệu Chung Phóng ở núi Chung Nam, hoặc có triệu cả Trần Đoàn ở Hoa Sơn mà sử chép lầm là việc nước ta? Nếu không phải thế, thì sao tiếng tăm của Trần tiên sinh không truyền lại đời sau? Dưới chữ "tuyên" ngờ có sót chữ "triệu"⁷. Vân Đài quán ở Hoa Sơn là nơi ở của Trần Đoàn).

Mùa hạ, tháng 6, cho người Chiêm Thành nhận lĩnh hơn 360 người ở thành cũ châu Địa Lý⁸ đem về châu Ô Lý (Địa Lý [20b] nay là Tân Bình⁹, Ô Lý nay là Thuận Hóa)¹⁰.

Mùa thu, tháng 8, sai Phụ quốc Ngô Tử An đem 3 vạn người đi mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới đến Châu Địa Lý.

¹ Ở đoạn sau (BK1,24a) ghi hoàng tử này là Long Tích.

² Các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa ngày nay.

³ Thái Bình quân: sau đổi là Liêm Châu tức tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, quân là đơn vị hành chính đầu thời Tống.

⁴ Giao: ngoại vi đô thành gọi là giao.

⁵ Phù Lan: Cương mục chú là tên trại, sau là xã Phù Vệ, huyện Đường Hào (CMCB1, 27a) nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

⁶ Đăng Châu: tên xã thuộc huyện Kim Động, nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng; tên đất tương đương với Khoái Châu thời Lý, Khoái Lộ thời Trần, Khoái Châu thời Lê, gồm gần cả tỉnh Hưng Yên cũ.

⁷ Tuyên Triệu: cho gọi đến.

⁸ Địa Lý: tên châu của Chiêm Thành, sau khi sáp nhập vào lãnh thổ nhà Lý đổi gọi là châu Lâm Bình (1075). Nay là phần đất huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình.

⁹ Tân Bình: tên phủ thời Lê, nay gồm toàn bộ đất Quảng Bình cùng với đất huyện Bến Hải, tỉnh Quảng Trị.

¹⁰ Ô Lý: tên hai châu của nước Chiêm Thành, thời Trần (năm 1306) đổi gọi châu Ô là Thuận Châu, Châu Lý gọi là Hoá Châu - nay là phần phía nam tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên.

Quý Ty, /Hưng Thống/ năm thứ 5 /995/ (Tổng Thuần Hoá năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, ngày Kỷ Mùi, mồng 1, nhật thực.

Phong hoàng tử thứ bảy là Tung làm Định Phiên Vương, đóng ở thành Tư Doanh, Ngũ Huyện Giang¹; hoàng tử thứ tám là Tương làm Phó Vương, đóng ở Đỗ Động Giang, hoàng tử thứ chín là Kính làm Trung Quốc Vương, đóng ở Càn Đà huyện Mạt Liên².

Nhà Tống sai Vương Thế Tắc và Lý Cư Giản đem sách thư sang phong cho vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

Giáp Ngọ, /Ứng Thiên/ năm thứ 1 /994/, (Tổng Thuần Hoá năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu.

Phong hoàng tử thứ mười là Mang làm Nam Quốc Vương, đóng ở châu Vũ Lung³.

Sai nha hiệu là Phí Sùng Đức sang nhà Tống **[21a]** sang thăm đáp lễ.

Cháu vua nước Chiêm Thành là Chế Cai vào châu. Trước đây, nước Chiêm Thành sai Chế Đông dâng sản vật địa phương, vua trách là trái lễ, không nhận. Vua nước đó sợ, mới sai Chế Cai vào châu.

Ất Mùi, /Ứng Thiên/ năm thứ 2 /995/, (Tổng Chí Đạo năm thứ 1). Phong hoàng tử thứ mười một là Đề (tức Minh Đề) làm Hành Quân Vương, đóng ở Bắc Ngạn châu Cổ Lãm⁴; con nuôi làm Phù Đái Vương, đóng ở hương Phù Đái⁵.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua một nước, thờ tông miếu, giữ xã tắc, chẳng may không có con nối thì chọn con của người tông thất nuôi làm con mình, để mong truyền mãi không cùng, thế thì cũng có, chứ chưa thấy vua nào có con nuôi. Và lại, nhánh họ của vua đã đông người rồi, cái gọi là con nuôi, chẳng qua là muốn thỏa lòng dẫu yêu riêng với người ấy mà thôi, sao không nghĩ như thế là gây mầm cướp ngôi hay sao?

[21b] Sai Đỗ Hanh sang nhà Tống thăm đáp lễ. Bấy giờ nhà Tống ngại việc chinh chiến, vua cậy có núi biển hiểm trở, hơi buông thả cho dân biên giới lấn cướp vào cõi của nhà Tống. Mùa xuân năm ấy, Chuyển vận sứ Lộ Quảng Tây nước Tống là Trương Quan, Binh mã giám áp trấn Như Hồng thuộc Khâm Châu là Vệ Chiêu Mỹ đều tâu rằng chiến thuyền của Giao Chỉ hơn trăm chiếc, xâm phạm trấn Châu Hồng, cướp bóc cư dân và lương thực rồi đi. Mùa hạ năm ấy, châu Tô Mậu⁶ nước ta lại đem 5 nghìn hương binh xâm lược Ung Châu nước Tống, bị Đô tuần kiểm Dương Văn Kiệt đánh phải trở về. Vua Tống muốn vỗ yên, không muốn dụng binh, bỏ không hỏi đến. [Trương] Quan lại nói dối là vua bị họ Đinh đánh đuổi, đem dư chúng ra ở miền hải đảo, cướp bóc để tự cấp, nay đã chết; bọn Quan dân biểu mừng. Vua Tống sai Thái thường thừa Trần Sĩ Long làm Thái phó sứ để dò xem hư thực, biết là vua không có chuyện gì.

[22a] Bính Thân, /Ứng Thiên/ năm thứ 3 [996], (Tổng Chí Đạo năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, vua thân đi đánh lấy được bốn động Đại, Phát, Đan, Ba ở Ma Hoàng.

Nhà Tống xử tội bọn Trương Quan, Quan đã ốm chết, chém Vệ Chiêu Mỹ ở trấn Như Hồng, lấy Trần Nghiêu Tẩu làm Quảng Tây chuyển vận sứ, rồi sai Khải Khang úy là Lý Kiến Trung mang chiếu sách

¹ Ngũ Huyện Giang: Cương mục (CMCB1, 27a) chú là con sông chảy qua 5 huyện Kim Anh, Đông Ngàn, vòng quanh đến huyện Yên Phong và Tiên Du, rồi đổ vào sông Nguyệt Đức (sông Cầu).

² Mạt Liên: Cương mục chú là huyện Tiên Lữ (CMCB1, 27b). Nay thuộc đất huyện Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng.

³ Vũ Lung: tên châu, thuộc tỉnh Thanh Hoá, chưa biết rõ vị trí (CMCB1, 27a).

⁴ Cổ Lãm: tức là châu Cổ Pháp thời Lý, nay là đất huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁵ Phù Đái: Cương mục chú là xã Phù Đái, huyện Vĩnh Lại (CMCB1, 27a), nay thuộc đất huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

⁶ Tô Mậu: là vùng Nà Dương, Đình Lập, An Châu, tỉnh Lạng Sơn.

sang ban. Trước đây, bọn Văn Dũng là dân ở trấn Triều Dương¹ nước ta làm loạn, giết người rồi trốn sang trấn Như Tích thuộc Khâm Châu của Tống (trấn Như Tích liền với trấn Như Hồng), được trấn tướng là Trần Lệnh Đức chứa chấp. Vua sai trấn tướng Triều Dương và Hoàng Thành Nhã đuổi bắt. Lệnh Đức không chịu trả về. Nghiêu Tẩu đến Như Tích, tra ra được nguyên do việc chứa chấp ấy, đem hết trai gái, già trẻ đã chứa dấu tất cả 113 người gọi Thành Nhã sang giao cho nhận về.

Vua cảm ơn nhà Tống, sai sứ sang tạ ơn, lại nói về việc đã bắt được giặc biển 27 người, giao trả cho chuyển vận sứ, và đã răn cấm các khe động không được quấy rối nữa. Vua Tống [22b] lại sai Lý Nhưặc Chuyết mang chiếu thư và đai ngọc sang ban cho vua. Khi Nhưặc Chuyết đến, vua ra đón ngoài giao, có ý ngạo mạn không làm lễ để tỏ ra cao quý khác thường, bảo Nhưặc Chuyết rằng: "Việc cướp trấn Như Hồng là do bọn giặc biển ở ngoài, Hoàng đế có biết đó không phải là quân của Giao Châu không? Nếu Giao Châu có làm phản thì đầu tiên đánh vào Phiên Ngung, thứ đến đánh Mân Việt², há chỉ dùng ở trấn Như Hồng mà thôi?". Nói xong mới cúi đầu tạ lỗi.

Đinh Dậu, /Ứng Thiên/ năm thứ 4 [997], (Tống Chí Đạo năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, vua Tống băng.

Mùa hạ, tháng 4, nhà Tống phong vua làm Nam Bình Vương. Vua sai sứ sang nước Tống đáp lễ. Vua Tống ban chiếu thư khen ngợi. Trước kia sứ Tống sang thường mượn cớ đòi cống nước mắt, nhân thể bắt đóng góp. Đến đây Tống Chân Tông lên ngôi, nghe biết chuyện ấy, chỉ sai quan giữ biên giới đến nhận mệnh, không sai người sang sứ nữa.

Mùa thu, tháng 7, vua thân đi đánh giặc ở Đổ Động Giang, bắt được đồ đảng đem về kinh sư.

Chiêm [23a] Thành đem quân dòm ngó nước ta.

Mậu Tuất, /Ứng Thiên/ năm thứ 5 [998], (Tống Chân Tông Hằng, Hàm Bình năm thứ 1).

Mùa xuân, tháng 3, động đất 3 ngày.

Mùa hạ, tháng 5, ngày Mậu Ngọ mồng 1, nhật thực. Tháng ấy không mưa. Tháng 6, cũng không mưa. Dân bị bệnh ho, trâu, ngựa chết nhiều.

Mùa đông, tháng 10, ngày bính tuất, mồng 1, nhật thực.

Kỷ Hợi, /Ứng Thiên/ năm thứ 6 /999/, (Tống Hàm Bình năm thứ 2). Vua thân đi đánh Hà Động³ v. v..., tất cả 49 động và phá được /động/ Nhật Tắc, châu Định Biên⁴. Từ đó các châu động đều quy phục.

Canh Tý, /Ứng Thiên/ năm thứ 7 /1000/, (Tống Hàm Bình năm thứ 3). Xuống chiếu đi đánh giặc ở châu Phong là bọn Trịnh Hàng, Trường Lệ, Đan Trường Ôn, bọn Hàng chạy vào vùng núi Tản Viên.

Đại Thăng Minh hoàng hậu mất. Kinh Thiên Vương (Thau) mất.

Sai Thống tướng Từ Mục đi tuần ở miền Hải Tây, Ngô Tử An đi tuần cõi Bắc để dò xét tình hình biên giới.

[23b] Tân Sửu, /Ứng Thiên/ năm thứ 8 /1001/, (Tống Hàm Bình năm thứ 4). Vua thân đi đánh giặc Cử Long⁵. Quân giặc thấy vua, giương cung nhắm bắn thì tên rơi, lại giương cung thì dây đứt, tự lấy

¹ Triều Dương: tên châu, nay thuộc phần đất các huyện Tiên Yên, Hải Ninh tỉnh Quảng Ninh.

² Mân Việt: chỉ vùng tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc.

³ Hà Động: tức động Hà Man, thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (CMCB1, 34).

⁴ Châu Định Biên: Nguyễn Thiên Tùng chú thích Dư địa chí của Nguyễn Trãi, có ghi mỏ vàng ở Định Biên, tỉnh Cao Bằng, có lẽ châu Định Biên ở vùng này. Bản Dịch cũ cho là vùng thượng du Thanh Hóa.

⁵ Cử Long: tên đất thuộc vùng dân tộc Mường huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá. Cương mục ghi là tên dân tộc, thời Đinh, Lê gọi là Man Cử Long. Khoản năm Thuận Thiên (1428-1433), nhà Lê đặt là huyện Lạc Thủy, khoảng năm Quang Thuận (1460-1469) đổi là Cẩm Thủy (CMCB1, 35a).

làm sợ mà rút lui. Vua bèn đi thuyền vào Cùg Giang¹ để đuổi. Giặc bày trận hai bên bờ chống lại, quan quân bị hãm ở [giữa] sông, vua cũ [nhà Đinh] là Vệ Vương Toàn trúng tên chết tại trận. Vua kêu trời ba tiếng rồi thúc quân đánh, giặc tan vỡ.

Nhâm Dần, /Ứng Thiên/ năm thứ 9 /1002/, (Tổng Hàm Bình năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, định luật lệnh, chọn quân lính, chia tướng hiệu làm hai ban: đổi mười đạo làm lộ, phủ, châu.

Xuống chiếu làm mấy nghìn mũ đầu mâu, ban cho sáu quân.

Quý Mão, /Ứng Thiên/ năm thứ 10 /1003/, (Tổng Hàm Bình năm thứ 6). Vua đi Hoan Châu, vét kinh Đa Cái (nay là Hoa Cái)² (cho Thông) thẳng đến [24a] Tư Củng trường ở ám Châu³. Người Đa Cái làm phản, chém đầu để rao.

Dân ở thành Nhật Hiệu⁴ và đầu mục là bọn Hoàng Khánh Tập đem gia thuộc hơn 450 người trốn sang Khâm Châu nước Tống. Tống sai sứ đến dỗ bảo phải về. Bọn Khánh Tập sợ tội không về, bèn ra ở bờ biển.

Mùa thu, tháng 8, vua ốm, tháng 9 thì khỏi.

Giáp Thìn, /Ứng Thiên/ năm thứ 11 /1004/, (Tổng Cảnh Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, lập Nam Phong Vương Long Việt làm hoàng thái tử, gia phong Long Đĩnh làm Khai Minh Đại Vương, Long Tích làm Đông Thành Đại Vương. Trước đó Long Đĩnh xin làm thái tử, vua có ý muốn cho. Đình thần nghị bàn cho rằng không lập con trưởng mà lập con thứ là không phải lễ. Vua bèn thôi. Đến đây lập Long Việt làm hoàng thái tử mà gia phong Long Đĩnh và Long Tích làm Đại Vương.

Sai Hành Quân Vương Minh Đễ⁵, xưng là nhiếp Hoan Châu thứ sử, [24b] sang thăm nước Tống. Minh Đễ đến Biện Kinh⁶ khẩn cầu ân mệnh cho tuyên phủ đất xa.

Vua Tống bằng lòng cho; gọi vào điện riêng thăm hỏi và ban thưởng rất hậu, cho Minh Đễ chức Kim tử vinh lộc đại phu kiểm hiệu thái úy Hoan Châu thứ sử.

Vua xem kéo lưới ở sông Đại Hoàng⁷, có con rắn to nắn cuộn giữa lưới, người đánh cá tâu lên. Vua dừng thuyền ở giữa sông muốn xem. Con rắn vụt chốc lợi ngược dòng mà đi. Sai người bơi thuyền nhỏ cản đuổi, rắn không trở lại, sau lại về chỗ cũ.

Ất Tỵ, /Ứng Thiên/ năm thứ 12 [1005], (Tổng Cảnh Đức năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, vua băng ở điện Truường Xuân, gọi là Đại Hành Hoàng Đế, sau nhân đó dùng làm miếu hiệu mà không đổi, chôn ở sơn lăng châu Trường Yên (sách Địa Chí bản cũ chép vua băng vào năm Bính Ngọ [1006], đó là lấy khi Lê Ngọa Triều xin mệnh (nhà Tống) mà nói, không phải là thực. Nay theo Lê Văn Hưu là đúng).

Lê Văn Hưu nói: Thiên tử và hoàng hậu khi mới băng, chưa chôn vào sơn lăng, thì gọi là [25a] Đại Hành Hoàng Đế⁸. Đại Hành Hoàng Hậu. Đến khi lăng tẩm đã yên thì

¹ Cùg Giang: con sông ở vùng Mường Cừ Long huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Cương mục chép là "Duyên Giang", nghĩa là đi theo dọc sông (bản dịch cũ theo ý đó). Xét đoạn văn trên đây thì Cùg Giang phải là tên riêng, vì tiếp theo có nói rõ: "giặc bày trận hai bên bờ...", quan quân bị hãm ở giữa sông".

² Đa Cái: tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Kênh Đa Cái tức là khúc kênh nối kênh Sắt với sông Lam

³ Cương mục có chép việc Lê Đại Hành đi vào kênh Hoa Cái, nhưng bỏ qua không nói đến ám Châu và Tư Củng trường. Những tên đất này chưa khảo được.

⁴ Thành Nhật Hiệu: Cương mục dẫn tên ghi trong An Nam chí của Cao Hùng Trưng là Hiệu Thành trường, nay không khảo được (CMCB1, 36a).

⁵ Minh Đễ: ở BK1, 21a viết (chữ Hán) ở đây viết (chữ Hán) cùng âm Đễ.

⁶ Biện Kinh: kinh đô nhà Bắc Tống (960-1126), nay là Khai Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

⁷ Sông Đại Hoàng: theo Cương mục, là con sông chảy qua xã Đại Hữu, huyện Gia Viễn (CMCB1, 37a). Bản dịch cũ chú là khúc sông Hồng ở ngã ba Tuần Vương xã Đại Hoàng.

⁸ Đại Hành: khi vua mới mất chưa đặt thụy hiệu thì gọi là Đại Hành Hoàng Đế. Có sách giải thích "đại hành" là đi xa hẳn không trở lại. Có sách giải thích "đại hành" là đức hạnh lớn (hành và hạnh viết cùng một chữ, âm cổ đọc như nhau).

hợp bầy tôi bàn xem đức hạnh hay hay dở để đặt thụy là mỗ hoàng đế, mỗ hoàng hậu, không gọi là Đại Hành nữa. Lê Đại Hành thì lấy Đại Hành làm thụy hiệu mà truyền đến ngày nay là làm sao? Vì Ngọa Triều là con bất hiếu¹, lại không có bề tôi Nho học để giúp đỡ bàn về phép đặt thụy cho nên thế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua đánh đầu được đẩy, chém vua Chiêm Thành để rửa cái nhục phiên di bắt giữ sứ thần, đánh lui quân Triệu Tống để bẻ cái mưu tất thắng của vua tôi bọn họ, có thể gọi là bật anh hùng nhất đời vậy. Song trong khi làm nhiếp chính mà tự xưng là Phó Vương, dẫn đến việc bọn Điền, Bạc phải khởi binh, lên ngôi vua thì phải nhờ bọn Cự Lạng đem binh đến uy hiếp, [25b] làm cung điện thì lấy vàng, bạc mà trang sức. Phàm những việc như thế thì không bằng Lý [Thái] Tổ biết nghĩ xa hơn. Văn Hưu nói lấy đức của nhà Lý mà soi đức của nhà Lê thì [đức của Lý] dày hơn, há chẳng đúng sao!

TRUNG TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Long Việt, con thứ ba của Lê Đại Hành, mẹ là Chi hậu Diệu Nữ². Lên ngôi được 3 ngày thì bị em cùng mẹ là Long Đĩnh giết, thọ 23 tuổi (983-1005). Vua không biết phòng giữ từ khi mới chớm, đến nỗi bị họa nạn, tính nhân hậu nhưng không biết làm vua, tiếc thay!

Sau khi Đại Hành Hoàng Đế băng, vua cùng hai vương Đông Thành, Trung Quốc và em cùng mẹ là Khai Minh Vương tranh nhau lên ngôi, giằng co 8 tháng, trong nước không có chủ. Mùa đông, tháng 10, Đông Thành Vương thua chạy vào đất Cử Long. Vua đuổi bắt, lại chạy sang Chiêm Thành, chưa đến nơi thì bị người châu Thạch Hà³ giết ở cửa biển Cơ La (nay là Kỳ La)⁴. Khi ấy, người nước cũng quy phụ Ngự Bắc Vương ở trại Phù [26a] Lan. Vua lên ngôi được 3 ngày thì bị Long Đĩnh giết. Bầy tôi điều chạy trốn, duy có Điện tiền quân là Lý Công Uẩn ôm xác mà khóc. Long Đĩnh lên ngôi, truy đặt thụy cho vua là Trung Tông Hoàng Đế, cho Công Uẩn làm Tứ sương quân phó chỉ huy sứ.

Lê Văn Hưu nói: Ngọa Triều giết anh, tự lập làm vua; bạo ngược với dân chúng để thỏa lòng hung ác, đến nỗi mất nước mất ngôi, không phải là sự bất hạnh của nhà Lê, lỗi ở Đại Hành không sớm đặt Thái tử và do Trung Tông không biết phòng giữ từ khi mới chớm nên đến nỗi thế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sách Dã sử chép rằng: Đại Hành băng, Trung Tông vâng di chiếu nối ngôi. Long Đĩnh làm loạn, Trung tông vì anh em cùng mẹ không nỡ giết, tha cho. Sau Long Đĩnh sai bọn trộm cướp đêm trèo tường vào cung giết Trung Tông. Thế thì Trung Tông về tình anh em [26b] tuy là hậu, nhưng việc đứng chủ cúng tế, nối dõi tổ tiên thì xã tắc là trọng, anh em là khinh, huốngchi là em bất hiếu! Lúc ấy Trung Tông phải nêu việc Quản Thúc, Thúc Nha⁵ mà trị tội thì mới phải, nếu không làm thế thì đem giam cầm ở một nơi riêng cho đến khi chết cũng được. Nhưng Trung Tông lại thả lỏng thì sao cho khỏi bị phản, rồi cuộc tan họ, diệt dòng là tự Trung Tông làm ra

¹ Bất hiếu: là không giống cha, tức là không phải là người hiền.

² Mẹ của Lê Trung Tông Long Việt, Cương mục chú là: con gái quan chi hậu, tên là Diệu, không rõ họ gì (CMCB1, 39a). Đại Việt sử lược (q.1,21a) chép là mẹ của Long Việt là "hầu Di nữ" (con gái người hầu gái người Chiêm Thành?).

³ Thạch Hà: tên châu đời Tiền Lê, nay là vùng huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Cửa biển Kỳ La là cửa Nhượng Bạt ở huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

⁵ Quản Thúc: em Chu Vũ Vương và Chu Công, gây loạn để cướp ngôi của cháu là Thành Vương, bị Chu Công bắt giết. Thúc Nha: em của Lỗ Trang Công, khi Trang Công chết, Thúc Nha muốn làm loạn, bị quan nhiếp chính là Quý Hữu (cũng là em Trang Công) bắt uống thuốc độc chết.

cả. Ngọa Triều thì có bổ trách làm chi? Cho nên người làm vua tất phải cư xử cho thật đúng đắn và phải xét hết lẽ vậy.

NGỌ TRIỀU HOÀNG ĐỀ

Tên húy là Long Đĩnh, lại có tên là Chí Trung, con thứ năm của Đại Hành ở ngôi 4 năm, thọ 24 tuổi (986-1009) bằng ở tấm điện. Vua làm việc càn dỡ giết vua cướp ngôi, thích dân dưng tàn bạo, muốn không mất nước sao được?

Mùa đông, vua cướp ngôi, tôn hiệu là Khai Thiên Ứng Vận Thánh Văn Thần Vũ Tắc Thiên Sùng Đạo [27a] Đại Thắng Minh Quang Hiếu Hoàng Đế. Truy tôn mẹ là Hưng Quốc Quảng Thánh Hoàng Thái Hậu.

Lập bốn hoàng hậu.

Ngự Bắc Vương cùng với Trung Quốc Vương chiếm trại Phù Lan¹ làm phản. Vua thân đi đánh. Đến Đằng Châu, Quân giáp là Đỗ Thị đem việc người anh em họ ngoại là Lê Hấp Ni làm phản tâu lên. Vua sai bắt tra hỏi, Hấp Ni và những kẻ dục mưu 12 người đều bị giết. Đến trại Phù Lan, người trại đóng cửa trại cố thủ. Đánh không hạ được, bèn vây chặt vài tháng, người trong trại hết lương ăn. Ngự Bắc Vương tự biết kế cùng thế khuất, bèn bắt Trung Bắc Vương đem nộp. Chém Trung Quốc Vương, tha tội cho Ngự Bắc Vương, rồi đem quân đánh Ngự Man Vương ở Phong Châu. Ngự Man Vương phải chịu hàng. Quân về đến Đằng Châu, đổi tên châu ấy làm phủ Thái Bình. Từ đây về sau các vương và giặc cướp đều hàng phục cả. Chuyển đi này khi quan quân đánh nhau với người trại Phù Lan, chợt thấy trạm báo tin là giặc Cử Long vào cướp đã đến cửa biển Thần [27b] Đầu (nay là cửa biển Thần Phù)². Vua về đến sông Tham đi sang Á Châu để đánh giặc Cử Long.

Bính Ngọ, /Ứng Thiên/ năm thứ 13 [1006], (Vua vẫn theo niên hiệu Ứng Thiên; Tống Cảnh Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng hai, phong con trưởng là Sạ làm Khai Phong Vương, con nuôi là Thiệu Lý làm Sở Vương, cho ở bên tả; Thiệu Huân làm Hán Vương, cho ở bên hữu. Sửa đổi quan chế và triều phục của các quan văn võ và tăng đạo, theo đúng như nhà Tống.

Hành Quân Vương Minh Đề thấy trong nước loạn không thể về được, trú lại ở Quảng Châu, Tri Châu là Cao Nhật thời không cấp giấy quán khoán³ cho nữa. Vua Tống phải xuống chiếu cho riêng 50 vạn (quan) tiền, 150 học gạo và tiếp tục cấp quán khoán.

Mùa hạ, tháng 6, trí Quảng Châu là Lãng Sách dâng thư nói: "Này nhân Giao Chỉ có loạn, xin cho thần và Duyên biên an phủ sứ Thiệu Việp cùng nhau bàn tính công việc tâu lên. Bọn thần dựa theo lời của bọn Hoàng Khánh Tập hơn nghìn người ở Giao Chỉ, do Liêm Châu⁴ đưa đến, nói [28a] rằng các con của Nam Bình Vương đều đặt trại sách phân tán các nơi, quan thuộc lìa tan⁵, nhân dân lo sợ, xin đem quân sang đánh dẹp, bọn Khánh Tập nguyện làm tiên phong, có thể hẹn ngày lấy được. Nếu triều đình chuẩn lời thỉnh cầu, thì xin lấy binh đóng đồn ở các châu tuộc Quảng Nam⁶ và cho thêm 5 nghìn quân mạnh ở Kinh Hồ, thủy bộ cùng tiến, có thể bình định được ngay".

¹ Tại Phù Lan: xem chú thích (1) tr. 227.

² Thần Đầu: tên cửa biển xưa (ngày nay đã bị lấp) ở xã Thần Đầu, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá; đầu đời Lê đổi gọi là Thần Phù, thời Nguyễn (1838) xã Thần Đầu nhập vào huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

³ Quán khoán: tờ giấy cho phép sử dụng quán trọ.

⁴ Liêm Châu: tên châu thời Đường - Tống, nay là đất tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

⁵ Các bản in Toàn Thư đều in là "Lí Chiết" (lìa gãy), nghĩa tạm hiểu được. Nhưng đúng ra ở đây chữ chiết là do chữ tích viết nhầm Lí tích nghĩa là chia lìa.

⁶ Quảng Nam: lộ Quảng Nam thời Tống tức là đạo Lĩnh Nam thời Đường, nay là đất các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Trung Quốc.

Vua Tống nói: "Họ Lê thường sai con vào châu, góc biển yên tĩnh, không mất trung thuận, nay nghe tin mới chết, chưa có lễ tham viếng, đã vội đánh kẻ có tang, há phải là việc làm của bậc vương giả?". Xuống chiếu cho bọn Sách vỗ yên như trước, cốt được êm lặng. Lại sai Việp đưa thư sang bày tỏ uy đức của triều đình, bảo không nên giết hại lẫn nhau, nếu anh em để lâu không định ngôi thứ khi đó quân thiên triều sang hỏi tội, thì họ Lê không một móng nào sống sót. Vua sợ, xin sai em sang cống.

Vua Tống xuống chiếu cho Việp đem việc nước bảo cho Minh Đề biết, cho tự chọn ở lại hay về nước. Nếu muốn về thì cấp người, thuyền [28b] cùng quán khoán và cho tiền để tự lo liệu.

Minh Đề về, Việp muốn nhân đó lấy nước Việt ta, mới dâng bản đồ đường thủy, đường bộ từ Ung Châu đến Giao Châu. Vua Tống đem cho Cận thần xem và nói rằng: "Giao Châu nhiều lam chướng dịch lệ, nếu đem quân sang đánh thì chết tất nhiều, nên cẩn thận giữ gìn cõi đất của tổ tông mà thôi". Việp bèn thôi.

Mùa đông, tháng 10, ngày Bính Ngọ là sinh nhật của vua, lấy tre làm một ngọn núi nhỏ, ban yến cho các quan.

Châu Vi Long (nay châu Đại Man)¹ dâng ngựa trắng bốn chân có cựa.

Đinh Mùi, /Ứng Thiên/ năm thứ 14 [1007], (Vua vẫn dùng niên hiệu Ứng Thiên; Tống Cảnh Đức năm thứ 4). Mùa xuân, sai em là Minh Xưởng và Chương thư ký là Hoàn Thành Nhã dâng tê ngư trắng cho nhà Tống, xin kinh Đại Tạng.

Mùa thu, tháng 8, nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương, lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ và cho tên là Chí Trung, ban tước cho Minh Xưởng và Thành Nhã.

Tháng 9, [nhà Tống] đúc ấn "Giao Chỉ Quận Vương", sai Quảng Nam chuyển vận sứ [29a] đem sang ban.

Mậu Thân, niên hiệu Cảnh Thụy năm thứ 1 /1008/, (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 1). Phong con nuôi của Cảm Thánh Hoàng Hậu là Lê Ốc Thuyên làm Tam Nguyên Vương). Vua thân đi đánh hai châu Đô Lương², Vi Long, bắt được người Man và vài trăm con người, sai lấy gậy đánh, người Man đau quá kêu gào, nhiều lần phạm tên húy của Đại Hành, vua thích lắm. Lại tự làm tướng đi đánh Hoan Châu và châu Thiên Liễu, bắt được người thì làm chuồng nhốt vào rồi đốt.

Kỷ Dậu, /Cảnh Thụy/ năm thứ 2 /1009/, (Tống Đại Trung Tường Phù năm thứ 2). Mùa xuân, Minh Xưởng ở Tống về, xin được kinh Đại Tạng và dụ được người con gái nước Tống là Tiêu thị đem dâng. Vua thu nạp làm cung nhân.

Sai sứ đem biểu nhà Tống con tê ngư thuần. Vua Tống cho rằng tê ngư từ xa đến, không hợp thủy thổ muốn trả lại, nhưng sợ trái ý vua, sai đơi cho sứ nước ta [29b] về rồi thả ra biển. Vua lại xin áo giáo mũ trụ giắt vàng, vua Tống bằng lòng cho. Vua lại xin được đặt người coi việc tại chợ trao đổi hàng hóa³ ở Ung Châu, nhưng vua Tống chỉ cho mua bán ở chợ trao đổi hàng hóa tại Liêm Châu và trấn Như Hồng thôi.

Bọn Ngô đô đốc, Kiểu hành hiến⁴ dâng biểu xin đào kênh, đắp đường và dựng cột bia⁵ ở Ái Châu. Vua xuống chiếu cho lấy quân và dân ở châu ấy đào đắp từ cửa quan Chi Long¹ qua Đĩnh Sơn đến sông Vũ Lung.

¹ Vi Long: nay là huyện Chiêm Hóa, tỉnh Hà Tuyên.

² Đô Lương, Thiên Liễu: tên châu, chưa rõ ở vùng nào.

³ Nguyên văn: cầu Thi Ung Châu Khuru thị, chữ khuru do chữ hổ khắc lầm. Hổ thị là chợ trao đổi hàng hóa (với người nước ngoài) không dùng tiền.

⁴ Nguyên văn: "Ngô đô đốc Kiểu hành hiến dâng..." "Cương mục khi sử dụng sử liệu này, coi Kiểu Hành Hiến là tên riêng, do đó bỏ hai chữ Ngô và dâng (coi như Toàn Thư in thừa chữ). Vì có chữ "dâng" nên chúng tôi cho rằng ở đây Toàn Thư nói việc dâng biểu cho hai người: Ngô đô đốc và Kiểu hành hiến (đều không ghi tên). Như thế thì "hành hiến" phải là một chức quan. Xin ghi lại đây để chờ tra cứu.

⁵ Nguyên văn: "bi hậu", cột mốc chỉ dặm đường, mỗi dặm trồng một cột (như cột cây số ngày nay).

Vua đi Ái Châu, đến sông Vũ Lung. Tục truyền người lội qua sông này phần nhiều bị hại, nhân thế vua sai người bơi lội qua lại đến ba lần, không hề gì. Xuống chiếu đóng thuyền để ở các bến sông Vũ Lung, Bạt Cừ, Động Lung bốn chỗ để chờ người qua lại.

Mùa thu, tháng 7, vua thân đi đánh các châu Hoan Đường², Thạch Hà. Đến Hoàn Giang³, sai Phòng át sứ là Hồ Thủ Ích đem hơn 5 nghìn quân của châu Hoan Đường⁴, sửa chữa đường từ sông Châu Giáp⁵ đến cửa biển Nam Giới để quân đi cho tiện [30a]. Thuyền rồng rời cửa Hoàn⁶ ra ngoài biển, chợt gió to sóng lớn, mây mưa tối sầm, bèn sai quay thuyền trở lại. Sau đó sợ đường biển khó khăn nguy hiểm đi đường bộ về kinh sư.

Vua tính hiếu sát, phàm người bị hành hình, hoặc sai lấy cỏ gianh quăn vào người mà đốt, để cho lửa cháy gần chết, hoặc sai kếp hát người Tống là Liêu Thủ Tâm lấy dao ngắn dao cùn xẻo từng mảnh, để cho không được chết chóng. Người ấy đau đớn kêu gào thì Thủ Tâm nói đùa rằng: "Nó không quen chịu chết". Vua cả cười. Đi đánh dẹp bắt được tù thì giải đến bờ sông, khi nước triều rút, sai người làm lao dưới nước, dõn cả vào trong ấy, đến khi nước triều lên, ngập nước mà chết; hoặc bắt trèo lên ngọn cây cao rồi chặt gốc cho cây đổ, người rơi xuống chết. Vua thân đến xem lấy làm vui. Có lần vua đi đến sông Ninh⁷, sông ấy nhiều rắn, vua sai trói người vào mạn thuyền⁸, đi lại giữa dòng muốn cho rắn cắn chết. Phàm bò lợn [30b] muốn làm thịt thì tự tay vua cầm dao chọc tiết trước, rồi mới đưa vào nhà bếp sau. Có lần vua róc mía trên đầu sư Quách Ngang, giả vờ lỡ tay làm đầu sư bị thương chảy máu rồi cả cười. Hoặc nhân yến tiệc, giết mèo cho các vương ăn, ăn xong lấy đầu mèo giơ lên cho xem, các vương đều sợ, vua lấy làm thích. Mỗi khi ra châu, tất sai bọn khôi hài hầu hai bên; vua có nói câu gì thì bọn ấy nhao nhao pha trò cười để cho loạn lời tâu việc của quan chấp chính. Lại lấy thạch sùng làm gỏi, bắt bọn khôi hài tranh nhau ăn.

Mùa Đông, tháng 10, ngày Tân Hợi, vua băng ở tấm điện⁹ gọi là Ngọa Triều, vì vua mắc bệnh trĩ phải nằm mà coi châu (Dã sử chép: vua say đắm tửu sắc phát ra bệnh trĩ).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua Kiệt nhà Hạ thích giết người, đến nỗi có hình phạt leo cột đồng nung nóng¹⁰, vua Trụ nhà Thương thích giết người đến nỗi có việc chặt đùi người lội nước buổi sáng¹¹, tuy có Long Bàng¹², Tỳ Can¹³ là người hiền hết lòng trung [31a] có sức can ngăn mà đều bị giết, vì thế mất nước một cách đột nhiên. Đời sau

¹ Chi Long: theo Cương mục, là tên cửa quan thuộc huyện Chi Nga, tức huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (CMCB2, 1b).

² Hoan Đường: Cương Mục ghi lặt tên châu đời tiền Lê (CMCB2, 2b). Nay thuộc đất các huyện Nam Đàn, Anh Sơn, Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

³ Hoàn Giang: Cương Mục (CB1, 38) chú là "không khóa được". Bản dịch cũ cho cửa Hoàn là cửa Sót (Nam Giới) và do đó sông Hoàn là sông chảy ra cửa Sót.

⁴ Nguyên bản in là "Hoàn" Đường (với chữ "Hoàn" là ngọc hoàn), ngờ vẫn là châu Hoan Đường đã nói ở trên, mà do ảnh hưởng các chữ "Hoàn" trên và dưới nên đọc và khắc in nhầm.

⁵ Nguyên văn "Châu Giáp Giang", chưa rõ ở đâu.

⁶ Hoàn Hải Khẩu: hẳn là cửa sông Hoàn nói ở trên.

⁷ Sông Ninh: có lẽ là sông Ninh ở huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây. Đại Việt sử lược, q.1, 21b chép là sông Chi Ninh.

⁸ Nguyên bản: "Hệ nhân chu đảo", đúng chữ là: "hệ nhân chu trắc" (buộc người vào bên cạnh thuyền), chữ trắc khắc in nhầm thành đảo.

⁹ Tấm điện: nhà ngủ của vua.

¹⁰ Nguyên văn: "Bào lạc chi hình" bôi mỡ lên cột đồng bắt tội nhân trèo lên, trơn rơi xuống đồng than lửa, xuất sứ ở Sử ký của Tư Mã Thiên, nói tội ác của vua Trụ (q.1, ân bản kỷ).

¹¹ Vua Trụ thấy người sáng sớm đi chân trần trên tuyết, khen giỏi, bắt chặt ống chân xem bên trong có gì.

¹² Long Bàng: người hiền thời Hạ, bị Kiệt giết.

¹³ Tỳ Can: người hiền thời Ân, nhiều lần can ngăn Trụ, Trụ nói: "Ta nghe nói quả tim của thánh nhân có 7 lỗ", rồi mổ bụng Tỳ Can moi tim để xem.

những vua thích giết người như Tôn Hạo¹ nước Ngô cũng nhiều, cuối cùng đều diệt vong cả. Ngọa Triều không những chỉ thích giết người, lại còn oán vua cha không lập mình làm thái tử, đánh đầu người Man, cho họ kêu gào, nhiều lần phạm húy cha mà lấy làm thích, thật quá tệ. Mất nước mau chóng, há phải không do đâu mà ra?

Lại xét Trung Tông và Ngọa Triều, đều không chép việc tang lễ, đó là do sử cũ bị thiếu, há dám coi vua như là Di Địch mà không chép việc tang đâu.

Tháng ấy, ngày Quý Sửu, Lý Công Uẩn tự lập làm vua. Trước đây ở hương Diên Uẩn, châu Cổ Pháp² có cây gạo bị sét đánh, người hương ấy xem kỹ dấu sét đánh thấy có chữ: "Thụ căn điều điều, mộc biểu thanh thanh, hòa đao mộc lạc, thập bát tử thành, đông a nhập địa, mộc dị tái sinh, chấn cung kiến nhật, đoài cung ẩn tinh, lục thất niên gian, thiên hạ thái bình" (Gốc cây thăm thăm, ngọn cây xanh xanh, cây hòa đao rụng, mười tám hạt thành, cành đông xuống đất, cây khác lại sinh, đông mặt trời mọc, tây sao náu hình, khoảng sáu bảy năm, thiên hạ thái bình). Sư Vạn Hạnh tự đoán riêng rằng: "Thụ căn điều điều", chữ căn nghĩa là gốc, gốc tức là vua, chữ điều đồng âm với yếu, nên hiểu là yếu. "Mộc biểu thanh thanh", chữ biểu nghĩa là ngọn, ngọn tức là bề tôi, chữ thanh âm gần giống với chữ thanh nghĩa là thịnh; Hòa , đao, mộc [ghép lại] là chữ Lê; Thập, bát, tử là chữ Lý; Đông A là chữ Trần; nhập địa là phương Bắc vào cướp: "Mộc dị tái sinh" là họ Lê khác lại sinh ra. "Chấn cung kiến nhật", chấn là phương Đông, kiến là mọc ra; nhật là thiên tử. "Đoài cung ẩn tinh", "đoài" là phương tây, "ẩn" cũng như lặn, "tinh" là thứ nhân. Mấy câu này ý nói là vua thì non yếu, bề tôi thì cường thịnh, họ Lê mất, họ Lý nổi lên, thiên tử phương đông mọc ra thì thứ nhân ở phương tây lặn mất, trải qua 6, 7 năm thì thiên hạ thái bình³.

Vạn Hạnh mới bảo Lý Công [32a] Uẩn rằng: "Mới rồi tôi thấy chữ bùa sấm kỳ lạ, biết họ Lý cường thịnh, tất dấy lên cơ nghiệp. Nay xem trong thiên hạ người họ Lý rất nhiều, nhưng không ai bằng Thân vệ là người khoan thứ nhân từ được lòng dân, lại đang nắm binh giữ quyền trong tay, đứng đầu muôn dân chẳng phải Thân vệ thì còn ai đương nổi nữa. Tôi đã hơn 70 tuổi rồi, mong được thư thả hãy chết, để xem đức hóa của ông như thế nào, thực là cái may nghìn năm có một". Công Uẩn sợ câu nói ấy tiết lộ, bảo người anh đem Vạn Hạnh giấu ở Tiêu Sơn⁴. Song từ ấy cũng lấy thế tự phụ mới này ra lòng nhòm ngó ngôi vua, mà người ta cũng quy phụ.

Có lần Ngọa Triều ăn quả khế lại thấy hột mận⁵, mới tin lời sấm ngữ, ngầm tìm người họ Lý giết đi, thế mà Công Uẩn ở ngay bên cạnh, rốt cuộc vẫn không biết. Đến khi Ngọa Triều băng, vua nổi còn bé, Công Uẩn cùng với Hữu điện tiền chỉ huy sứ là Nguyễn Đê mỗi người được đem [32b] 500 quân tùy long⁶ vào làm túc vệ. Khi ấy Chi hậu là Đào Cam Mộc dò biết Công Uẩn có muốn nhận việc truyền ngôi, mới nhân lúc vắng nói khích rằng: "Gần đây chúa thượng ngu tối bạo ngược, làm nhiều việc bất nghĩa, trời chán ghét nên không cho hết thọ, con nối thơ ấu, không kham nổi nhiều khó khăn. Mọi việc phiền nhiễu thần linh không ưa, dân chúng nhao nhác, mong tìm chân chúa. Sao Thân vệ không nhân lúc này nghĩ ra mưu cao, quyết đoán sáng suốt, xa xem dấu cũ của Thang Vũ, gần xem việc làm của Đinh, Lê, trên thuận lòng trời, dưới theo ý dân, mà cứ muốn khư khư giữ tiểu tiết làm gì!". Công Uẩn trong lòng thích lời nói đó nhưng còn ngờ Cam Mộc có mưu khác, mới giả cách mắng rằng: "Sao ông lại nói như thế, tôi phải bắt ông nộp quan!". Cam Mộc thông thả bảo Công Uẩn rằng: "Tôi thấy thiên thời nhân sự như thế, cho nên mới dám phát ngôn. Nay ông lại muốn cáo giác tôi thì tôi không phải là người sợ chết". [33a] Công Uẩn nói: "Tôi đâu nỡ cáo giác ông, chỉ sợ lời nói tiết lộ thì chết ráo, nên rằng ông đó thôi".

¹ Tôn Hạo: tức Ngô Hậu chủ thời Tam Quốc.

² Cổ Pháp: tên châu, thời Đinh gọi là Cổ Lãm, thời Tiền Lê đổi là Cổ Pháp, nay thuộc đất huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

³ Bài thơ này cũng được chép trong Đại Việt sử lược (q.1, 1a) của soạn giả thời Trần, nhưng không có hai câu "Đông A nhập địa, Mộc dị tái sinh". Điều đó một mặt chứng tỏ rằng bài sấm này được làm ra để tạo dư luận cho Lý Công Uẩn lên ngôi; một mặt cho thấy người đời sau (Trần, Lê) còn xen thêm vào hai câu đã dẫn. Còn câu "Lục thất niên gian..." thì Đại Việt sử lược chép là "Lục thập niên...", hợp lý hơn.

⁴ Tiêu Sơn: nay thuộc xã Tương Giang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

⁵ Chữ Lý nghĩa là cây mận.

⁶ Tùy Long Binh: đội quân hầu của vua.

Hôm sau Cam Mộc lại bảo Công Uẩn: "Người trong nước ai cũng nói họ Lý khởi nghiệp lớn, lời sấm đã hiện ra rồi, đó là cái họa không thể che dấu được nữa. Chuyển họa làm phúc, chỉ trong sớm chiều. Đây là lúc trời trao người theo, Thân vệ còn nghi ngại gì nữa?". Công Uẩn nói: "Tôi đã hiểu rõ ý ông, không khác gì ý của Vạn Hạnh, nếu thực như lời ấy thì nên tính kế thế nào?". Cam Mộc nói: "Thần Vệ là người khoan thứ, nhân từ, lòng người chịu theo. Hiện nay trăm họ mỏi mệt kiệt quệ, dân không chịu nổi, Thân vệ nên nhân đó lấy ân đức mà vỗ về, thì người ta tất xô nhau kéo về như nước chảy chỗ thấp, có ai ngăn được!". Cam Mộc biết việc cần kíp, sợ sinh biến, mới nói chuyện với khanh sĩ và các quan, ai cũng vui theo. Ngay ngày hôm ấy, điều họp cả ở trong triều, bàn rằng: "Hiện nay, dân chúng ức triệu khác lòng, trên dưới lia [33b] bỏ, mọi người chán ghét tiên đế hà khắc bạo ngược, không muốn theo về vua nổi mà đều có lòng suy tôn quan Thân vệ, bọn ta không nhân lúc này cùng nhau sách lập Thân vệ làm thiên tử, lỡ bối rối có xảy ra tai biến gì, liệu chúng ta có giữ được cái đầu hay không?".

Thế rồi cùng nhau diu Công Uẩn lên chính điện, lập làm thiên tử, lên ngôi Hoàng đế. Trăm quan đều lay rạp dưới sân, trong ngoài đều hô "vạn tuế", vang dậy cả trong triều. Đại xá cho thiên hạ, lấy năm sau làm niên hiệu Thuận Thiên năm đầu. Đốt giếng lưới, bãi ngục tụng, xuống chiếu từ nay ai có việc tranh kiện cho đến triều tâu bày, vua thân xét quyết. Các quan dâng tôn hiệu là "Phụng Thiên Chí Lý ứng Vận Tự Tại Thánh Minh Long Hiện Duệ Văn Anh Vũ Sùng Nhân Quảng Hiếu Thiên Hạ Thái Bình Khâm Minh Quang Trạch Chương Minh Vạn Bang Hiển Ứng Phù Cảm Uy Chấn Phiên Man Duệ Mưu Thần Trợ Thánh Tri Tắc Thiên Đạo Chính Hoàng Đế".

[34a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kinh thư tôn xưng vua Nghiêu là Phóng Huân, vua Thuấn là Trùng Hoa. Bề tôi đời sau lấy đức hạnh thực mà tôn xưng vua, đến hơn mười chữ đã là nhiều lắm rồi. Bấy giờ bấy tôi dâng tôn hiệu đến 50 chữ, thế là không biết kê cứu cổ học mà chỉ biết nịnh vua.[Lý] Thái Tổ nhận mà không từ, đó là muốn khoe khoang để cho đời sau không ai hơn được. Thế là sai. Sau, Tôn Thái Tông cũng đến gần 50 chữ là vì bắt chước ở đây.

Truy phong cha là Hiển Khánh Vương, mẹ là Minh Đức Thái Hậu.

Lê Văn Hưu nói: Nhà Chu dấy nghiệp vương, truy phong là Thái Vương, Vương Quý, nhà Tống xưng đế truy phong là Hy Tổ, Dực Tổ, là theo nghĩa cha vì con mà được tôn quý. Lý Thái Tổ ta đã xưng đế mà truy phong cha là Hiển Khánh Vương, bấy giờ [34b] lễ quan không biết cải chính, thế là tự ti vậy.

Lập sáu hoàng hậu, duy có đích phu nhân gọi là Lập Giáo Hoàng Hậu, quy chế xe kiệu và y phục khác hẳn với các cung khác. Sách lập con trưởng là Phật Mã làm Hoàng thái tử, các con khác đều phong tước hầu. Con gái 13 người đều phong công chúa. Gả con gái trưởng là công chúa An Quốc cho Đào Cam Mộc, phong Cam Mộc làm Nghĩa Tín Hầu, phong cho anh làm Vũ Uy Vương, chú làm Vũ Đạo Vương, con Vũ Uy Vương là Trưng Hiển làm Thái úy, con Dực Thánh Vương¹ là phó làm Tổng quản, Trần Cảo làm Tướng công, Ngô Đình làm Khu mật sứ, Đào Thạc Phụ làm Thái bảo, Đặng Văn Hiếu làm Thái phó, Phí Xa Lỗi² làm Tả kim ngô, Vệ Trúc làm Hữu kim ngô, Đàm Thản làm Tả vũ vệ, Đỗ Giản làm Hữu vũ vệ, các người khác đều như cũ.

Ban y phục cho các tầng đạo.

[35a] Trở lên là triều Lê 3 vua, khởi từ năm Tân Tỵ mất năm Kỷ Dậu [981-1009], tất cả 29 năm.

¹ Soát lại việc Lý Công Uẩn phong tước ghi tại đây, ngờ toàn thư chép sót về người được phong là Dực Thánh Vương. Đại Việt sử lược (q.2, tờ 2b) ghi vua phong "cho anh làm Vũ Uy Vương, phong cho em làm Dực Thánh Vương". Cương mục (CB2, 8a) không thấy dẫn Đại Việt sử lược, nhưng dẫn Nam Thiên trung nghĩa lục (của Phạm Phi Kiến) nói Dực Thánh Vương là con thứ của Lý Thái Tổ. Phối hợp cả Toàn thư ghi tại đây là Đại Việt sử lược, ngờ Cương mục chú nhầm.

² Phí Xa Lỗi: Đại Việt sử lược (q.2, 2b) chép là Bùi Xa Lỗi.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển II

[1a]

Kỷ Nhà Lý

Thái Tổ Hoàng Đế

Họ Lý, tên húy là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp¹ Bắc Giang, mẹ họ Phạm, đi chơi² chùa Tiêu Sơn³ cùng với người thân giao hợp rồi có chửa, sinh vua ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất, niên hiệu Thái Bình năm thứ 5 [974] thời Đinh. Lớn lên làm quan nhà Lê, thăng đến chức Điện Tiền Chi Huy Sứ. Khi Ngọa Triều băng, tự lập làm vua, đóng đô ở thành Thăng Long. Ở ngôi 18 năm [1010-1028], thọ 55 tuổi [974-1028], băng ở điện Long An, táng ở Thọ Lăng. Vua ứng mệnh trời, thuận lòng người, nhân thời mở vận, là người khoan thứ nhân từ, tinh tế hòa nhã, có lượng đế vương. Song chưa làm sáng chính học, lại ưa thích dị đoan, bị lụy về chuyện đó.

Vua sinh ra mới 3 tuổi, mẹ ẵm đến nhà Lý Khánh Văn. Khánh Văn bèn nhận làm con nuôi. Bé đã thông minh, vẻ người tuấn tú khác thường. Lúc còn nhỏ đi học, nhà sư ở chùa Lục Tổ⁴ là Vạn Hạnh thấy, khen rằng: "Đứa bé này [1b] không phải người thường, sau này lớn lên ắt có thể giải nguy gỡ rối, làm bậc minh chủ trong thiên hạ". Lớn lên, không chăm việc sản nghiệp, chỉ học kinh sử qua loa, kháng khái có chí lớn. Trong đời Ứng Thiên, xuất thân thờ Lê Trung Tông [1005]. Đại Hành băng, Trung Tông bị giết, vua ôm xác mà khóc, Ngọa Triều khen là người trung, cho làm Tứ sương quân⁵ phó chỉ huy sứ, thăng đến chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ. Đến khi Ngọa Triều băng, bèn lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Thuận Thiên, đại xá thiên hạ.

Trước ở viện Cảm Tuyền chùa Ứng Thiên Tâm⁶, châu Cổ Pháp có con chó đẻ con sắc trắng có đốm lông đen thành hình hai chữ "Thiên tử". Kẻ thức giả nói đó là điềm năm Tuất sinh người làm thiên tử. Đến nay, vua sinh năm Giáp Tuất lên làm thiên tử, quả là [2a] ứng nghiệm.

Canh Tuất, Thuận Thiên năm thứ 1 [1010], (Tổng Đại Trung Tường Phù năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2 xa giá, về châu Cổ Pháp, ban tiền lụa cho các bộ lão trong làng theo thứ bậc khác nhau.

Sai viên ngoại lang Lương Nhậm Văn và Lê Tái Nghiêm sang nước Tống để kết hảo.

Vua thấy thành Hoa Lư ầm thấp chật hẹp, không đủ làm chỗ ở của đế vương, muốn dời đi nơi khác, tự tay viết chiếu truyền rằng: "Ngày xưa, nhà Thương đến đời Bàn canh năm lần dời đô, nhà Chu

¹ Cổ Pháp: tên châu, từ thời Đinh về trước gọi là châu Cổ Lãm; triều Lê Đại Hành cho đến năm 995 vẫn còn gọi tên ấy (BK1, tờ 21a), sau đổi gọi là Cổ Pháp, Lý Thái Tổ lên ngôi đổi làm phủ Thiên Đức. Nay là đất huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

² Nguyên bản in: "mẫu Phạm thị, tiêu dao du Tiêu Sơn tự" hai chữ "tiêu dao" là điển văn (chữ khắc thừa), do ảnh hưởng của tên bài văn Tiêu Dao Du của Trang Tử.

³ Chùa Tiêu Sơn: tức chùa Trường Liêu trên núi Tên ở xã Tương Giang, huyện Tiên Sơn, Hà Bắc.

⁴ Chùa Lục Tổ: cũng gọi là chùa Cổ Pháp, ở xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

⁵ Tứ sương quân: quân bảo vệ bốn mặt kinh thành.

⁶ Thiên yển tập anh (tờ 52a) chép viện Hàm Toại chùa Ứng Thái Tâm (dùng chữ Thái thay cho chữ Thiên trong tên các danh vật đời Lý). Còn tên viện Cảm Tuyền hoặc Hàm Toại thì hẳn là do khuôn chữ gần giống nhau nên sao khắc bị lầm.

đến Thành Vương ba lần dời đô, há phải các vua thời Tam đại ấy theo ý riêng tự dời đô xằng bậy đâu. Làm như thế cốt để mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho con cháu muôn vạn đời, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có chỗ tiện thì dời đổi, cho nên vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng, coi thường mệnh trời, không noi theo việc cũ Thương Chu, cứ chịu yên đóng đô nơi đây, đến nỗi thế đại **[2b]** không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ tổn hao, muôn vật không hợp. Trẫm rất đau đớn, không thể không dời. Huống chi thành Đại La, đô cũ của Cao Vương¹, ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở, các khanh nghĩ thế nào?"

Bề tôi đều nói: "Bệ hạ vì thiên hạ lập kế dài lâu, trên cho nghiệp để được thịnh vượng lớn lao, dưới cho dân chúng được đông đúc giàu có, điều lợi như thế, ai dám không theo". Vua cả mừng.

Mùa thu, tháng 7, vua **[3a]** từ thành Hoa Lư, dời đô ra kinh phủ ở thành Đại La, tạm đổi thuyền dưới thành, có rồng vàng hiện lên ở thuyền ngự, nhân đó đổi tên thành gọi là thành Thăng Long. Đổi châu Cổ Pháp gọi là phủ Thiên Đức, thành Hoa Lư gọi là phủ Trường Yên, sông Bắc Giang gọi là sông Thiên Đức². Xuống chiếu phát tiền kho 2 vạn quan, thuê thợ làm chùa ở phủ Thiên Đức, tất cả 8 sở, đều dựng bia ghi công. Lối xây dựng các cung điện trong kinh thành Thăng Long, phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi châu, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu dựng điện Giảng Võ. Lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghê Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn, hướng chính nam dựng điện Cao Minh, đều có³ thêm rồng, trong thêm rồng có hành lang dẫn ra xung quanh bốn phía. Sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An, Long Thụy làm nơi vua nghỉ. Bên tả xây điện Nhật Quang, bên hữu xây điện Nguyệt Minh, phía sau **[3b]** dựng hai cung Thúy Hoa, Long Thụy làm chỗ ở cho cung nữ. Dựng kho tàng, đắp thành, đào hào. Bốn mặt thành mở bốn cửa: phía đông gọi là cửa Tường Phù, phía tây gọi là cửa Quảng Phúc, phía nam gọi là cửa Đại Hưng, phía bắc gọi là cửa Diệu Đức. Lại ở trong thành làm chùa ngự Hưng Thiên và tinh lâu⁴ Ngũ Phượng. Ngoài thành về phía nam dựng chùa Thăng Nghiêm.

Lê Văn Hưu nói: Lý Thái Tổ lên ngôi mới được 2 năm, tông miếu chưa dựng, đàn xã tắc chưa lập mà trước đã dựng tám chùa ở phủ Thiên Đức, lại trùng tu chùa quán ở các lộ và độ cho làm tăng hơn nghìn người ở Kinh sư, thế thì tiêu phí của cải sức lực vào việc thổ mộc không biết chừng nào mà kể. Cửa không phải là trời mưa xuống, sức không phải là thần làm thay, há chẳng phải là vết máu mỡ của dân ư? Vết máu mỡ của dân có thể gọi là làm việc phúc chăng? Bậc vua sáng nghiệp, tự mình **[4a]** cần kiệm, còn lo cho con cháu xa xỉ lười biếng, thế mà Thái Tổ để phép lại như thế, chả trách đời sau xây tháp cao ngất trời, dựng cột chùa đá, điện thờ Phật, lộng lẫy hơn cung vua. Rồi người dưới bắt chước, có kẻ hủy thân thể, đổi lối mặc, bỏ sản nghiệp, trốn thân thích, dân chúng quá nửa làm sư sãi, trong nước chỗ nào cũng chùa chiền, nguồn gốc há chẳng phải từ đây?

Xuống chiếu truyền cho những kẻ trốn tránh phải về quê cũ. Lại hạ lệnh cho các hương ấp, nơi nào có chùa quán đã đổ nát đều phải sửa chữa lại.

Mùa đông, tháng 12, cung Thúy Hoa làm xong, làm lễ khánh thành, đại xá các thuế khóa cho thiên hạ trong 3 năm, những người mồ côi, góa chồng, già yếu, thiếu thuế lâu năm đều tha cho cả.

¹ Cao Vương: chỉ Cao Biền.

² Sông Bắc Giang: hay sông Thiên Đức, tức sông Đuống.

³ Nguyên bản in là "...giai viết long trì..." (đều gọi là thêm rồng); ở vị trí chữ "viết" phải là chữ "hữu" (giai hữu long trì = đều có thêm rồng) thì mới đúng nghĩa. Cương mục cũng đã sửa là "giai hữu long trì" (CMCB2, 10a).

⁴ Tinh lâu: lâu xem sao (chỉ lâu cao).

Cấp áo quần, lương thực, thuốc men cho 28 người lính man bị Ngọa Triều bắt, **[4b]** sai người đưa về quê cũ. Tha cho người ở vùng Nam Giới, huyện Thạch Hà thuộc châu Hoan được trở về bản huyện.

Nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ.

Đổi 10 đạo làm 24 lộ, châu Hoan, châu Ái làm trại. Năm ấy độ¹ dân làm sư. Phát bạc ở kho 1.680 lạng để đúc chuông lớn, treo ở chùa Đại Giáo.

Tân Hợi, [Thuận Thiên] năm thứ 2 [1011], (Tổng Đại Trung Tường Phù năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, đặt quân tả hữu túc xa², [mỗi đội] đều 500 người. Tháng hai, vua thấy giấc Cử Long ở Ái Châu hung hăng dữ tợn, trải hai triều Đình, Lê không đánh nổi, đến nay càng dữ, mới đem sáu quân đi đánh, đốt bộ lạc, bắt kẻ đầu sỏ đem về, giặc ấy bèn tan.

Mùa hạ, tháng 4, sai viên ngoại lang là Lý Nhân Nghĩa và Đào Khánh Văn sang thăm nước Tống để đáp lễ. Khánh Văn trốn ở lại nước Tống, người Tống bắt trả lại cho ta, **[5a]** đánh trượng chết.

Nước Chiêm Thành dâng sư tử.

Năm ấy, ở trong thành bên tả dựng cung Đại Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế, làm kho Trấn Phúc. Ngoài thành dựng chùa Tứ Đại Thiên Vương và các chùa Cẩm Y³, Long Hưng, Thánh Thọ. Dựng điện Hàm Quang ở bến sông Lô⁴.

Nhâm Tý, [Thuận Thiên] năm thứ 3 [1012], (Tổng Đại Trung Tường Phù năm thứ 5). Mùa hạ, tháng 4, sửa chữa hai điện Long An, Long Thụy.

Sách phong Hoàng thái tử Phật Mã làm Khai Thiên Vương, làm cung Long Đức ở ngoài thành cho ở, ý muốn thái tử hiểu biết mọi việc của dân.

Mùa thu, tháng 7, vua ngự ở điện Hàm Quang xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10, sai Thái bảo Đào Thạc Phụ và Viên ngoại lang Ngô Nhưỡng sang nước Tống để kết hảo.

Tháng 12, trên tảng đá lớn ở ngọn núi phía đông nam có vết chân thần dài rộng đều 3 thước, sâu 1 tấc (không biết rõ núi nào).

Nước Chân Lạp đến cống.

Vua thân đi đánh **[5b]** Diễn Châu. Khi về đến Vũng Biện⁵ gặp lúc trời đất tối sầm, gió sấm dữ dội, vua đốt hương khẩn trời rằng: "Tôi là người ít đức, lạm ở trên dân, nơm nớp lo sợ như sấp sa xuống vực sâu, không dám cậy binh uy mà đi đánh dẹp càn bậy. Chỉ vì người Diễn Châu không theo giáo hóa, ngu bạo làm càn, tàn ngược chúng dân, tội ác chồng chất, đến nay không thể dung tha không đánh. Còn như trong khi đánh nhau, hoặc giết oan kẻ trung hiếu, hoặc hại lầm kẻ hiền lương, đến nỗi hoàng thiên nổi giận phải tỏ cho biết lỗi lầm, dẫu gặp tổn hại cũng không dám oán trách. Đến như sáu quân thì tội lỗi có thể dung thứ, xin lòng trời soi xét". Khấn xong, gió sấm đều yên lặng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua Thang gặp tai nạn hạn hán, lấy sáu việc tự trách mình mà mưa xuống ngay. Nay vua gặp nạn gió sấm, lấy việc đánh dẹp tự trách mình

¹ Độ: vốn là một khái niệm Phật giáo, dịch từ Phạn paramita, nghĩa là "vượt qua giới hạn (giữa mê tối và giác ngộ), dần dần mang thêm nghĩa thông thường là cho phép xuất gia tu hành. Khi một người lần đầu tiên đến chùa, được phép gọt tóc đi tu, gọi là thể độ, hoặc độ. Nguyên văn: "độ bách tính vi tăng", có nghĩa là nhà nước thừa nhận cho dân làm sư, cấp giấy gọi là độ điệp.

² Túc xa quân: quân theo hầu xe vua, gồm 2 đội tả và hữu.

³ Đại Việt sử lược (q.2, 3a) chép là Y Cẩm tự.

⁴ Lô Giang là tên gọi sông Nhị (sông Hồng) từ thời thuộc Minh về trước, khác với tên sông Lô từ thời Lê đến nay là sông chảy qua tỉnh Hà Tuyên, tỉnh Vĩnh Phú rồi đổ vào sông Hồng ở ngã ba Bạch Hạc.

⁵ Vũng Biện: (nguyên văn là Biện Loan), vùng biển ở Biện Sơn, thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

mà gió bão ngừng ngay. **[6a]**. Trời và người cảm ứng nhau rất nhỏ nhặt, ảnh hưởng rất chóng, ai bảo là trong chỗ tối tăm mặt trời không soi đến ta mà dám dối trời chẳng?

Trong tàu ngựa nhà vua, có con ngựa trắng, phàm khi vua sắp đi thì nó tất hí lên trước. Vua đặt cho tên là Bạch Long thần mã.

Năm ấy người Man¹ sang quá cột đồng, đến bến Kim Hoa² và châu Vị Long³ để buôn bán. Vua sai người bắt được người Man và hơn 1 vạn con ngựa.

Quý Sửu, [Thuận Thiên] năm thứ 4 [1013], (Tổng Đại Trung Tường Phù năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, định các lệ thuế trong nước: 1 - Ao hồ ruộng đất, 2 - Tiền và thóc về bãi dâu, 3 - Sản vật ở núi nguồn các phiên trấn, 4 - Các quan ải xét hỏi về mắm muối, 5 - Sừng tê, ngà voi, hương liệu của người Man Lão, 6 - Các thứ gỗ và hoa quả ở đầu nguồn.

Mùa hạ, tháng 6, phong Hoàng tử Bồ làm Khai Quốc Vương, ở phủ Trường Yên.

Mùa thu, tháng 7, **[6b]** vua ngự điện Hàm Quang xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10, châu Vị Long làm phản, hòa theo người Man [Nam Chiếu]. Vua thân đi đánh. Thủ lĩnh là Hà Ân Tuấn⁴ sợ, đem đồ đảng trốn vào rừng núi.

Cho các vương hầu công chúa được quản các thuế theo thứ bậc khác nhau.

Giáp Dần, [Thuận Thiên] năm thứ 5 [1014], (Tổng Đại Trung Tường Phù năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, tướng của người Man là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí đem 20 vạn người Man vào cướp, đóng đồn ở bến Kim Hoa, dàn quân đóng trại gọi là trại Ngũ Hoa. Châu mục châu Bình Lâm⁵ là Hoàng Ân Vinh đem việc tâu lên. Vua sai Dực Thánh Vương⁶ đem quân đi đánh, chém đầu kẻ hàng vạn, bắt sống được quân lính và ngựa không kể xiết. Xuống chiếu cho viên ngoại lang là Phùng Chân và Lý Thạc đem một trăm con ngựa bắt được của người Man sang biểu nhà Tống. Vua Tống xuống chiếu cho quan sở tại sai sứ thần đón tiếp, cùng đi đến cửa khuyết, mọi khoản cung đốn dọc đường đều được chu cấp đầy đủ. Khi đến, vua Tống gọi **[7a]** bọn Chân vào ra mắt ở điện Sùng Đức, ban cho mũ, đai, đồ dùng, tiền bạc theo thứ bậc khác nhau.

Mùa hạ, tháng 4, châu Hoan dâng kỳ lân.

Tháng 5, Hữu nhai tăng thống là Thảm Văn Uyển tâu xin lập đàn chay ở chùa Vạn Tuế để cho tăng đồ thụ giới. Vua chuẩn tâu.

Mùa thu, tháng 9, xuống chiếu phát 310 lạng vàng trong kho để đúc chuông treo ở chùa Hưng Thiên.

Nước Chân Lạp sang cống.

¹ Chỉ người Nam Chiếu. Cương mục dẫn An Nam chí của Cao Hùng Trưng chép là người Man Hạc Thác, lại theo chú dẫn của Minh sử thì Man Hạc Thác tức người Nam Chiếu.

² Nguyên văn là "Kim Hoa bộ".

³ Vị Long: tên châu, nay là huyện Chiêm Hóa, tỉnh Hà Tuyên.

⁴ Cương Mục (CB2, 16b) chép là Hà Trắc Tuấn.

⁵ Bình Lâm: tên châu. Cương mục dẫn Độc sử phương dư ký yếu của Cổ Tổ Vũ ghi Bình Lâm là tên châu đặt từ thời thuộc Đường, ở vào miền huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng. Nhưng có nhiều khả năng châu Bình Lâm là châu Bình Nguyên nói đến ở sau, tức miền đất huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên ngày nay. Mới đây, ở huyện Vị Xuyên, tìm được vết tích chùa Bình Lâm thời Trần. Không thể giặc vào vùng Chiêm Hóa, Hà Tuyên mà châu mục ở vùng Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa), Cao Bằng lại tâu lên vua. Đặt châu này ở Vị Xuyên thì hợp lý.

⁶ Dực Thánh Vương: xem chú thích ???, tr. ???

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu phát trăm lạng bạc trong kho để đúc hai quả chuông treo ở chùa Thăng Nghiêm và tinh lâu Ngũ Phượng. Đắp thành đất ở bốn mặt kinh Thăng Long. Đổi phủ Ứng Thiên¹ làm Nam Kinh.

Ất Mão, [Thuận Thiên] năm thứ 6 [1015], (Tổng Đại Trung Tường Phù năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, cho Trịnh Văn Tú làm Thiếu sư.

Đào Cam Mộc chết, tặng Thái sư á vương.

Tháng 2, sư chùa Tề Thánh huyện Thái Bình dâng hòm quý đựng xá lỵ.

Xuống chiếu cho Dực Thánh Vương và Vũ Đức Vương đi đánh các châu Đô Kim², Vị Long³, Thường [7b] Tân⁴, Bình Nguyên⁵, bắt được thủ lĩnh là Hà Ân Tuấn đem về kinh sư chém đầu bêu ở chợ Đông.

Bính Thìn, [Thuận Thiên] năm thứ 7 [1016], (Tổng Đại Trung Tường Phù năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, lại lập 3 hoàng hậu: Tá Quốc hoàng hậu, Lập Nguyên hoàng hậu, Lập Giáo hoàng hậu⁶, Độ cho hơn nghìn người ở kinh sư làm tăng đạo. Dựng hai chùa Thiên Quang, Thiên Đức và tô bốn pho tượng Thiên Đế.

Động đất. Làm lễ tế vong các danh sơn. (Vua nhân đi xem núi sông, đến bến đò Cổ Sở⁷, thấy khí tốt của núi sông, tâm thần cảm động, bèn làm lễ rưới rượu xuống đất, khẩn rằng: "Trẫm xem địa phương này, núi lạ sông đẹp, nếu có nhân kiệt địa linh thì hưởng lễ". Đêm ấy, vua chiêm bao thấy có dị nhân đến cúi đầu lạy hai lạy, nói: "Thần là người làng này, họ Lý tên Phục man, làm tướng giúp Nam Đế, có tiếng là người trung liệt, được giao trông coi hai dải sông núi Đổ Động và Đường Lâm, bọn Di Lão không dám xâm phạm biên giới, một phương yên bình. Đến khi chết, thượng đế khen là trung trực, sắc cho giữ chức như cũ. Cho nên phàm giặc Man Di đến cướp đều chống giữ được cả. Nay may được bệ hạ thương đến, biết cho thần giữ chức này đã lâu rồi". Rồi đó thung dung nói: " Thiên hạ khi mờ tối, trung thần giấu tính danh, giữa trời nhật nguyệt sáng, ai chẳng thấy dáng hình"⁸. Vua thức dậy nói việc ấy với Ngự sử đại phu Lương Nhậm Văn rằng: " Đó là ý thần muốn tạc tượng". Vua sai bói xin âm dương, quả nhiên đúng như thế. Bèn sai người trong châu [8a] lập đền đắp tượng đúng như hình dạng người trong chiêm bao, tuế thời cúng tế. Khoảng niên hiệu Nguyên Phong [1251-1258] đời Trần, người Thát Đát⁹ vào cướp, đi đến địa phương này, ngựa khuyu chân không đi được, người trong thôn dẫn dân chúng ra chống đánh, chém được đầu giặc, giặc chạy tan. Khoảng năm Trưng Hưng [1285-1293], [Thát Đát] lại vào cướp, đến đâu cũng đốt phá, mà ấp ấy vẫn như được che chở, không bị xâm phạm may mắn, quả đúng như lời thần nói).

Nhà Tống phong vua làm Nam Bình Vương.

Năm ấy được mùa to, 30 bó lúa giá 70 tiền. Cho thiên hạ 3 năm không phải nộp tô thuế.

¹ Tức phủ Ứng Hòa đời sau, nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

² Đô Kim: theo Cương Mục, là huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (CMCB2, 18b), nay thuộc tỉnh Hà Tuyên.

³ Vị Long: xem chú thích ??? tr. ???

⁴ Thường Tân: tên châu, chưa rõ ở khoảng huyện nào trong tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

⁵ Bình Nguyên: tên châu thời Lý, từ thời Lê về sau gọi là châu Vị Xuyên, gồm các huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

⁶ Ở phần trên đã chép Lý Thái Tổ lập 6 hoàng hậu mà Lập Giáo hoàng hậu đứng đầu, có quy chế xe kiệu riêng (BK1, 34b). Ở đây nói lập thêm 3 hoàng hậu nữa, mà tên Lập Giáo hoàng hậu lại kể ở sau cùng. Cương mục ghi: "Điều này chắc Sử có lầm, tạm chép lại đó chờ tra cứu thêm" (CMCB2, 19a).

⁷ Cổ Sở: bến Cổ Sở có tên nôm là bến Giá, nay ở xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

⁸ Nguyên văn: "Thiên hạ tao mông muội, trung thần nặc tính danh, trung thiên minh nhật nguyệt, thực bất kiến kỳ hình". Bài thơ này có các dị bản trong Việt điện u linh, Sơn Tây tỉnh chí" v.v... với nhiều chữ chép khác biệt với đây.

⁹ Thát Đát: phiên âm tên Tartar hay Tatar, bộ tộc Mông Cổ, ở đây chỉ quân Nguyên - Mông.

Đinh Ty, [Thuận Thiên] năm thứ 8 [1017], (Tổng Thiên Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, cho Trần Văn Tú làm Thái phó¹.

Xuống chiếu xá tô ruộng cho thiên hạ.

Điện Càn Nguyên bị sét đánh, vua coi châu ở điện phía đông².

Mậu Ngọ, [Thuận Thiên] năm thứ 9 [1018], (Tổng Thiên Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, truy phong bà nội làm hậu và đặt tên thụy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua đến đây mới truy phong cho bà nội, đó là lỗi chậm trễ.

[8b] Mùa hạ, tháng 6, sai Viên ngoại lang là Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc³ sang nước Tống xin kinh Tam Tạng.

Mùa đông, tháng 10, phong Hoàng tử Lực làm Đông Chinh Vương.

Xá một nửa tô ruộng cho thiên hạ.

Kỷ Mùi, [Thuận Thiên] năm thứ 10 [1019], (Tổng Thiên Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, dựng Thái Miếu ở lăng Thiên Đức⁴. Xuống chiếu độ dân trong nước làm tăng.

Canh Thân, [Thuận Thiên] năm thứ 11 [1020], (Tổng Thiên Hy năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, nước Chân Lạp đến cống.

Mùa thu, tháng 9, Nguyễn Đạo Thanh đi sứ về, xin được kinh Tam Tạng; xuống chiếu cho Tăng thống là Phí Trí sang Quảng Châu đón.

Mùa đông, tháng 12, sai Khai Thiên Vương [Phật Mã] và Đào Thạc Phụ đem quân đi đánh Chiêm Thành ở trại Bồ Chính⁵, thẳng đến núi Long Ty⁶, chém được tướng của chúng là Bồ Linh tại trận, người Chiêm **[9a]** chết đến quá nửa.

Năm ấy điện phía đông bị sét đánh, vua coi châu ở điện phía tây⁷. Dựng ba điện: điện phía trước để coi châu, hai điện phía sau để nghe chính sự.

Tân Dậu, [Thuận Thiên] năm thứ 12 [1021], (Tổng Thiên Hy năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, lấy ngày sinh nhật của vua làm tiết Thiên Thành, lấy tre kết làm một ngọn núi gọi là Vạn Thọ Nam Sơn ở ngoài cửa Quảng Phúc, trên núi làm nhiều hình chim bay thú chạy, muôn vẻ lạ kỳ. Lại sai người bắt chức tiếng của cầm thú làm vui để ban yến cho bề tôi.

Sai bọn Viên ngoại lang Nguyễn Khoan Thái và Nguyễn Thủ Cương sang nhà Tống.

Làm nhà Bát giác chứa kinh.

Nhâm Tuất, [Thuận Thiên] năm thứ 13 [1022], (Tổng Cao Hưng năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, vua thấy tiết Thiên Thành làm núi giả khó nhọc cho dân, bãi đi, chỉ đặt yến lễ mà thôi.

Xuống chiếu cho Dực Thánh Vương đi đánh Đại Nguyên Lịch. Quân ta **[9b]** đi sâu vào trại Như Hồng¹ trong đất Tống, đốt kho đụn ở đó rồi về (Xét: Trại Như Hồng nước Tống giáp với trấn Triều

¹ Không rõ có phải là Trịnh Văn Tú nói ở trước hay không?

² Cương mục chú: điện phía đông tức ở điện Tập Hiền (CMCB2, 19b).

³ Cương mục chép Phạm Hạc thành Phạm Hạc Như (khiển viên ngoại lang Nguyễn Đạo Thanh, Phạm Hạc Như).

⁴ Nguyên văn: "Thiên Đức lăng thái miếu", đến đây chưa thấy nói đến lăng Thiên Đức, ngờ nhầm ở chữ "lăng"; hoặc có thể hiểu là Lăng Thái Miếu ở phủ Thiên Đức?

⁵ Bồ Chính: nay là đất các huyện Quảng Trạch, Bồ Trạch, Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

⁶ Núi Long Ty: theo Cương mục, ở địa phận xã Thuần Chặt, huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình, hình thế núi này nhô lên như vòi rồng, nên gọi là "Long ty" (CMCB2, 22a). Huyện Bình Chính nay là huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

⁷ Cương mục chú: điện phía tây tức là điện Giảng Vũ.

Dương² nước ta. Đại Nguyên Lịch là một giống người Di ở vào khoảng giữa hai vùng đất ấy. Về sau, Nùng Trí Cao làm phản, chiếm châu Thăng Do³, gọi nước là Đại Lịch, ngờ là chỗ này).

Quý Hợi, [Thuận Thiên] năm thứ 14 [1023], (Tổng Nhân Tông, húy Trinh, Thiên Thánh năm thứ 1). Mùa thu, tháng 9, xuống chiếu chép kinh Tam tạng để ở kho Đại Hưng, đổi trấn Triều Dương làm châu Vĩnh An.

Giáp Tý, [Thuận Thiên] năm thứ 15 [1024], (Tổng Thiên Thánh năm thứ 2). Mùa xuân, xuống chiếu cho Khai Thiên Vương [Phật Mã] đi đánh Phong Châu, Khai Quốc Vương [Bồ] đi đánh châu Đô Kim.

Sửa chữa kinh thành Thăng Long.

Mùa thu, tháng 9, làm chùa Chân Giáo ở trong thành để vua tiện ngự xem tụng kinh.

Ất Sửu, [Thuận Thiên] năm thứ 16 [1026], (Tổng Thiên Thánh năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, nước Chân Lạp sang cống.

Xuống chiếu lập trại Định Phiên⁴ ở địa giới phía nam châu Hoan, cho quân giáp Lý Thai Giai làm chủ.

Mùa thu, **[10a]** tháng 8, định binh làm giáp, mỗi giáp 15 người, dùng một người quản giáp. Lại định các cấp bậc quản giáp (khi ấy có con hát là Đào thị, giỏi nghề hát, thường được ban thưởng. Người thời bấy giờ hâm mộ tiếng hát của Đào thị, phàm các con hát đều gọi là Đào nương).

Sư Vạn Hạnh chết (Vạn Hạnh không bệnh mà mất, người bấy giờ nói là hóa thân).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sư Vạn Hạnh mới trông thấy Lý Thái Tổ, biết là người khác thường, đến khi thấy sét đánh thành vết chữ thì đoán biết thời thế thay đổi, như thế là có trí thức vượt người thường vậy. Nhưng dứt tính mệnh, bỏ nhân luân, chán trần tục ồn ào, nương cửa thiền tịch tịch, để trong sạch lấy một mình, người quân tử không cho là phải.

Bính Dần, [Thuận Thiên] năm thứ 17 [1026], (Tổng Thiên Thánh năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu làm Ngọc điệp.

Mùa thu, tháng 8, **[10b]** sai Lý Trưng Hiến và Lê Tái Nghiêm sang nước Tống kết hảo.

Mùa đông, tháng 11, nước Chân Lạp sang cống.

Xuống chiếu cho Khai Thiên Vương đi đánh giặc ở Diễn Châu.

Đinh Mão, [Thuận Thiên] năm thứ 18 [1027], (Tổng Thiên Thánh năm thứ 5). Mùa hạ, tháng 6, đại hạn.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu chép kinh Tam tạng. Xuống chiếu cho Khai Thiên Vương [Phật Mã] đi đánh châu Thất Nguyên⁵, Đông Chinh Vương [Lực] đi đánh Văn Châu⁶.

Mậu Thìn, [Thuận Thiên] năm thứ 19 [1028], (Từ tháng 3 về sau là niên hiệu Lý Thái Tông, Thiên Thành năm thứ 1; Tổng Thiên Thánh năm thứ 6).

¹ Cương mục dẫn Khâm Châu chí nói trại Như Hồng ở phía tây Khâm Châu, giáp với trấn Như Tích, cách châu Vĩnh An của nước ta 20 dặm (CMCB2, 23b). Châu Vĩnh An tên cũ là trấn Triều Dương (đổi năm 1023), nay là đất huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.

² Triều Dương: tên trấn thời Lý, xem chú thích về trại Như Hồng ở trên.

³ Thăng Do: tên châu thời Lý, nơi Nùng Trí Cao làm phản lập ra nước Đại Lịch, ở về phần đất tỉnh Cao Bằng ngày nay (theo Độc sử phương dư ký yếu; CMCB, 43a). Như vậy, điều ngờ ghi trong câu tiếp theo của nguyên chú không đúng.

⁴ Trại Định Phiên: trại định cư của người Phiên chỉ các tù binh Chiêm Thành.

⁵ Thất Nguyên: tên châu thời Lý, nay là huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

⁶ Văn Châu: tên châu thời Lý, nay là đất huyện Văn Quan và một đất huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Mùa xuân, tháng 2, vua không khỏe. Tháng 3, ngày mồng 1 Bính Thân, nhật thực. Ngày Mậu Tuất, vua băng ở điện Long An. Bề tôi đều đến cung Long Đức xin thái tử vâng di chiếu lên ngôi. Ba vương là Đông Chinh [Lực], Dực Thánh và Vũ Đức¹ nghe tin đều đem quân ở phủ mình vào phục sẵn trong cấm thành. Đông Chinh Vương phục ở trong Long Thành, hai vương Dực Thánh và Vũ Đức phục trong cửa Quảng Phúc, đợi thái tử đến thì đánh úp. **[11a]**. Một lát sau, thái tử từ cửa Tường Phù vào, đến điện Càn Nguyên, biết có biến, sai người hầu đóng hết các cửa điện và sai các vệ sĩ trong cung phòng giữ, nhân bảo tả hữu rằng: "Ta đối với anh em không phụ bạc chút nào. Nay ba vương làm việc bất nghĩa, quên di mệnh của Tiên đế, mưu chiếm ngôi báu, các khanh nghĩ thế nào?" Nội thị là Lý Nhân Nghĩa nói: "Anh em với nhau, bên trong có thể hiệp sức bàn mưu, bên ngoài có thể cùng nhau chống giặc. Nay ba vương làm phản, thì là anh em hay là kẻ thù? Xin cho bọn thần đánh một trận để quyết được thua". Thái tử nói: "Ta lấy làm xấu hổ là Tiên đế mới mất chưa quản mà cốt nhục đã giết nhau, há chẳng để cho muôn đời chê cười sao?" Nhân Nghĩa nói: "Thần nghe rằng muốn mưa xa thì phải quên công gần, giữ đạo công thì phải dứt tình riêng, đó là việc Đường Thái Tông và Chu Công Đán bất đắc dĩ phải làm². Nay điện hạ có cho Đường Thái và Chu Công là chăm **[11b]** mưu xa, giữ đạo công chẳng? Hay là tham công gần, đả tình riêng chẳng? Điện hạ biết theo dấu cũ của Đường Thái, Chu Công thì đời sau ca tụng công đức còn chưa rồi, còn rồi đâu mà chê cười!". Nhân Nghĩa lại nói: "Tiên đế cho điện hạ là người hiền, đủ để nổi được chí, tài đủ để làm nổi việc, nên đem thiên hạ phó thác cho điện hạ. Nay giặc đến vây bức cửa cung mà ần nhẫn như thế, thì đối với sự phó thác của Tiên đế ra sao?" Thái tử im lặng hồi lâu rồi bảo Nhân Nghĩa và bề tôi trong cung là bọn Dương Bình, Quách Thịch, Lý Huyền Sư, Lê Phụng Hiểu rằng: "Ta há lại không biết việc làm của Đường Thái, Chu Công hay sao? Chỉ vì ta muốn che giấu tội ác của ba vương, khiến họ tự ý rút quân chịu tội để được vẹn toàn tình cốt nhục là hơn".

Khi ấy phủ binh của ba vương vây bức càng gấp, Thái tử liệu không thể ngăn được, nói: "Thế đã như vậy, ta còn mặt mũi nào trông thấy ba vương nữa. Ta chỉ biết làm lễ thành **[12a]** phục đứng hầu Tiên đế, ngoài ra đều ủy cho các khanh cả". Bọn Nhân Nghĩa đều lạy hai lạy nói: "Chết vì vua gặp nạn là chức phận của bọn thần. Nay đã được chỗ đáng chết, còn từ chối gì nữa!" Bèn ra lệnh cho vệ sĩ trong cung mở cửa ra đánh, ai cũng vui lòng xông pha, đều là một người địch với trăm người. Quân đánh nhau chưa phân được thua, Phụng Hiểu tức giận rút gươm chạy thẳng đến cửa Quảng Phúc hô to rằng: "Bọn Vũ Đức Vương ngấp nghé ngôi báu, không coi vua nổi vào đâu, trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con, vì thế thần là Phụng Hiểu xin đem thanh gươm này để dâng". Rồi xông thẳng đến chỗ ngựa của Vũ Đức Vương. Vương quay ngựa tránh, ngựa quỵ xuống, bị Phụng Hiểu bắt giết. Phủ binh của ba vương thua chạy. Quan quân đuổi theo chém giết không sót một mống, chỉ có hai vương Đông Chinh và Dực Thánh chạy thoát được.

Bọn Phụng Hiểu trở về, mặc áo trận đi vào báo tin thẳng trận ở trước linh cữu Thái Tổ, rồi **[12b]** đến điện Càn Nguyên báo cho thái tử biết. Thái tử ủy lạo rằng: "Ta sở dĩ được gánh vác cơ nghiệp to lớn của tiên đế, toàn vẹn được thân thể của cha mẹ để lại đều là nhờ sức của các khanh cả. Ta thường xem sử nhà Đường thấy Uất Trì Kính Đức giúp nạn vua, tự nghĩ là bề tôi đời sau không ai sánh được. Ngày nay gặp biến, mới biết Phụng Hiểu còn trung dũng hơn Kính Đức nhiều". Phụng Hiểu lạy tạ hai lạy nói: "Đức của điện hạ cảm động cả trời đất, kẻ nào manh tâm mưu đồ gì khác thì trời đất thần linh đều làm hết chức phận mà giết đi, bọn thần có công sức gì!" (Phụng Hiểu người hương Bằng Sơn³ ở Ái Châu, từ khi còn nhỏ đã có sức vóc hùng dũng. Hai thôn Cổ Bi và Đàm Xá tranh nhau địa giới, toan đánh nhau, Phụng Hiểu bảo người thôn Cổ Bi rằng: "Một mình tôi có thể đánh được bọn họ". Các phụ lão mừng lắm, làm cơm rượu để thết. Phụng Hiểu ăn một bữa mấy đấu gạo, uống cũng quá mức, rồi đến khiêu chiến với thôn Đàm Xá. Phụng Hiểu cứ đứng thẳng lưng nhổ cây mà đánh tới tấp, nhiều người bị thương. Thôn Đàm Xá sợ, phải trả lại ruộng cho thôn Cổ Bi. Thái Tổ nghe danh, dùng làm tướng, thăng đến chức Vũ vệ tướng quân. Đền đây có công dẹp nạn, thăng Đô thống thượng tướng quân, tước hầu. Trong khoảng

¹ Dực Thánh Vương: xem chú thích tr.???; Vũ Đức Vương: chưa rõ, từ trên đến đây chưa thấy nói đến Vũ Đức Vương.

² Trường Tôn Vô Kỵ và Uất Trì Kính Đức giết hai anh của Lý Thế Dân là Kiến Thành và Nguyên Cát để giữ ngôi vua cho Thế Dân (Đường Thái Tông). Chu Công Đán giết em là Quản Thúc và đày một em khác là Thái Thúc để giữ ngôi vua cho cháu là Thành Vương.

³ Bằng Sơn: theo (CMCB2, 28b) là xã Dương Sơn, nay thuộc huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ [1044 -1048] theo Thái Tông đi đánh ở miền nam, làm tiên phong, phá tan quân giặc, danh tiếng rung động nước Phiên. **[13a]**. Khi thắng trận trở về định công, Phụng Hiểu nói: "Thần không muốn thưởng tước, xin cho đứng trên núi Bằng Sơn ném đao lớn đi xa, đao rơi xuống chỗ nào trong đất công¹ thì xin ban cho làm sản nghiệp. Vua nghe theo. Phụng Hiểu lên núi, ném đao xa hơn đến nghìn dặm, đao rơi xuống hương Đa Mi. Vua bèn lấy số ruộng ấy ban cho, tha thóc thuế cho ruộng ném đao ấy. Vì vậy người Châu Ái gọi [ruộng] thưởng công là [ruộng] ném đao).

Lê Văn Hưu nói: Nhà Lý phong cho các con mẹ đích đều làm vương, các con mẹ thứ đều làm hoàng tử mà không đặt ngôi hoàng thái tử. Đến khi nào vua ốm nặng mới chọn một người trong các con cho vào để nối nghiệp lớn. Truyền dần thành tục, không biết là ý thế nào. Có người nói: "Nhà Lý không đặt thái tử trước là vì muốn cho các con chăm làm điều thiện. Nếu lập ngôi thái tử thì phạm vua tôi đã định dù có con hiền như Vi Tử² cũng không biết xử trí thế nào. Đáp rằng: Gốc thiên hạ đã định rồi mà còn có cái họa như Dương Quảng làm ra về có đức hạnh³ để cướp ngôi đích, hưởng chi ngôi thái tử không lập trước, đến khi vội vàng mới chọn lập, không may có việc như ba phu **[13b]** nhân nài xin lập con khác, Từ Văn Thông mua bút sửa di chiếu⁴ thì dù muốn không bằng lòng cũng chẳng được nữa. Người có nước nhà nên lấy đó làm răn.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cùng lòng, cùng đức, tất sự nghiệp có thể thành. Có vua, có tôi, gian hiểm nào cũng vượt được. Thái Tông đương lúc đau xót, biến loạn sinh ngay kế sách mà vua tôi xử trí gãy gọn phải lẽ, vượt được hiểm nạn, làm nên sự nghiệp, tông miếu nhờ đó được vững yên. Không phải là vua tôi gặp gỡ cùng đức cùng lòng mà được như thế ư? Xem sử chép thì tình cảm chân thành của Thái Tông phát ra ở câu nói "cốt nhục giết nhau", lòng trung phần khích của Nhân Nghĩa tỏ ở chỗ dẫn việc Đường Thái, Chu Công, lòng nghĩa dũng hăng hái của Phụng Hiểu lộ ra ở lúc nhảy ngựa dâng gươm. Đến khi xong việc, vua **[14a]** tôi không một chút khoe khoang, cố nhiên là không có gì đáng chê. Còn như việc chưa qua năm đã đổi niên hiệu thì không thể không bàn đến được. Theo phép kinh Xuân thu thì khi vua cũ mất, vua nối lên ngôi ngay khi bắt đầu phát tang, qua năm ấy rồi mới đổi niên hiệu. Chép việc lên ngôi, theo nghĩa trước sau thì một năm không thể có hai vua được, theo lòng thần dân thì không thể bỏ trống một năm không có vua. Đó là lẽ vậy. Thái Tông lại mạo nhận năm [ở ngôi] của tiên đế mà đặt niên hiệu là thế nào? Phàm năm này sang năm khác theo can chi là sự chuyển vận của trời. Người làm vua theo phép trời, nhân sự vận hành của can chi mà chép năm ở ngôi lâu hay chóng, từ xưa đã như thế. Vua [Thái Tông] tinh thông lẽ nhạc thư số, lại không xét việc ấy mà làm rồi, để cho đời sau noi theo việc cũ, nối gót mà làm, ấy là lỗi lớn vậy.

Ngày Kỷ Hợi, Thái tử Phật Mã lên ngôi trước linh cữu. Tôn mẹ là Lê thị làm Linh Hiến **[14b]** thái hậu. Đại xá thiên hạ. Đổi niên hiệu là Thiên Thành năm thứ 1.

Ngày ấy, hai vương Đông Chinh và Dực Thánh đến cửa khuyết xin chịu tội. Xuống chiếu tha cho, lại cho tước như cũ.

¹ Nguyên văn là "Quan địa".

² Vi Tử: tên là Khải, anh của vua Trụ nhà Thương, Trụ dâm loạn, Vi Tử nhiều lần khuyên can, bị Trụ đuổi đi.

³ Dương Quảng là con thứ của Tùy Văn Đế, đáng không được lập làm thái tử, nhưng vì hoàng thái tử là Dương Dũng tính nết kiêu xa. Văn Đế ghét. Quảng biết ý, vờ tỏ ra có đức hạnh để chiếm lòng yêu của Văn Đế, quả nhiên Văn Đế bỏ Dũng, lập Quảng làm thái tử. Sau đó Văn Đế hối, muốn sửa lại, Quảng bèn giết cả Văn Đế và Dũng để làm vua.

⁴ Ba phu nhân nói đây là Cảm Thánh, Nhật Phong, Phụng Thánh, đều là vợ của Lý Thần Tông. Trước Thần Tông đã cho Thiên Lộc làm hoàng thái tử, đến khi Thần Tông ốm nặng, ba phu nhân đến xin đổi lập Thiên Tô làm thái tử (Xem BK3, 42a). Tham tri chính sự Từ Văn Thông nhận lời giúp ba phu nhân, nhưng cầm bút chờ Thần Tông đổi ý chứ không tự ý sửa di chiếu (Cũng xem BK2, 42a).

Bây tôi dâng tôn hiệu là Khai Thiên Thống Vận Tôn Đổ Quý Đức Thánh Văn Quảng Vũ Sùng Nhân Thượng Thiện Chính Lý Dân An Thần Phù Long Hiện Thế Nguyên Ngự Cực Ưc Tuế Công Cao Ứng Chân Bảo Lịch Thông Huyền Chí Áo Hưng Long Đại Địch Thông Minh Từ Hiếu Hoàng Đế.

Vua nhận việc mời lên ngôi, xuống chiếu cho lấy tiền lụa ở kho lớn ban cho thiên hạ (ngày 15 Canh Thân).

Khai Quốc Vương làm phản. Trước vương đóng ở phủ Trường Yên, cậy có núi sông hiểm trở, tụ tập những kẻ trốn tránh, cướp bóc dân mọn, Thái Tổ không hề hay biết, nuôi thành tội ác. Đến khi nghe Thái Tổ băng, Vũ Đức Vương bị giết, lòng càng bất bình, bèn đem phủ binh làm phản.

Phong tước vương cho thần núi Đồng Cổ, dựng miếu để tuế thời cúng tế và **[15a]** làm lễ thề. Trước đây, một hôm trước khi ba vương làm phản, vua chiêm bao thấy một người tự xưng là thần núi Đồng Cổ nói với vua về việc ba vương Vũ Đức, Đông Chinh, Dực Thánh làm loạn, phải mau đem quân dẹp ngay. Tỉnh dậy liền sai phòng bị, quả nhiên ứng nghiệm. Đến đây xuống chiếu giao cho Hữu ty dựng miếu ở bên hữu thành Đại La sau chùa Thánh Thọ, lấy ngày 25 tháng ấy, đắp đàn ở trong miếu, cắm cờ xí, chỉnh đốn đội ngũ, treo gươm giáo ở trước thần vị, đọc lời thề rằng: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết". Các quan từ cửa đông đi vào, đến trước thần vị cùng uống máu ăn thề, hàng năm lấy làm lệ thường. Sau vì tháng 3 có ngày quốc kỵ, chuyển sang mùng 4 tháng 4.

Mùa hạ, tháng 4, vua thân đi đánh phủ Trường Yên, cho nội thị Lý Nhân Nghĩa ở lại giữ Kinh sư. Ngày Nhâm Thân đến Trường Yên. Ngày ấy, Khai Quốc Vương đầu hàng. Vua hạ lệnh rằng: "Ai cướp bóc của cải của **[15b]** dân thì chém". Quân sĩ nghiêm theo, không may xâm phạm. Đại quân vào thành Trường Yên, dân trong thành đem dâng biếu trâu rượu đứng đầy đường. Vua sai sứ tuyên chỉ ủy lạo, cả thành vui to. Xuống chiếu dời Khai Quốc Vương và các liêu thuộc của vương về kinh Thăng Long. Vua từ phủ Trường Yên về, xuống chiếu tha tội cho Khai Quốc Vương, vẫn cho tước như cũ.

Tháng 5, ngày 6, có dấu vết của thần nhân hiện ra ở chùa Vạn Tuế. Bây tôi dâng lời nói: "Thái tử là gốc của thiên hạ, gốc đứng thì thiên hạ yên, xin bệ hạ sớm chọn con nối hiển lập ngôi Đông cung, để thỏa lòng mong của thiên hạ". Vua nghe theo, sách phong hoàng tử Nhật Tôn làm Đông cung thái tử.

Lập bầy hoàng hậu.

Tháng 11, cho cha của Mai hoàng hậu là Hựu làm An quốc thượng tướng, cha của Vương hoàng hậu là Đỗ làm Phụ quốc thượng tướng, cha của Đinh hoàng hậu là Ngô Thượng làm Khuông quốc thượng tướng.

[16a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thân thích của hoàng hậu được quý hiển, đời trước cũng đã có. Tuy vậy, lấy thích thuộc cũng phải lấy người có tài. Bọn Hựu quả là có tài chẳng? Thì không cứ là cha của hoàng hậu là phải, trao tước phong là không phải. Hoặc có người nói: Đây là ân sủng đặc biệt chỉ cho tước, chứ không cho quyền. Trả lời rằng: Tước cũng đã cao rồi, sao lại có danh hiệu an quốc, phụ quốc, khuông quốc thượng tướng quân mà lạm cho kẻ không có công lao!

Lấy Lương Nhậm Văn làm Thái sư. Ngô Thượng Đình¹ làm Thái phó, Đào Xử Trung làm Thái bảo, Lý Đạo Kỳ làm Tả khu mật, Lý Triệt làm Thiếu sư, Xung Tân làm Hữu khu mật, Lý Mật làm Tả tham tri chính sự, Kiều Bồng làm Hữu tham tri chính sự, Liêu Gia Trinh² **[16b]** làm Trung thư thị lang, Hà Viễn làm Tả gián nghị đại phu, Đỗ Sấm làm Hữu gián nghị đại phu, Nguyễn Quang Lợi làm Thái úy, Đàm Toại Trang làm Đô thống, Vũ Ba Tu làm Uy vệ thượng tướng, Nguyễn Khánh làm Định thắng đại tướng, Đào Văn Lôi làm Tả phúc tâm, Lý Nhân Nghĩa làm Hữu phúc tâm, Phan Đường Liệt làm Nội thị.

Đặt các cấp bậc của tăng đạo.

¹ Có sự lầm lẫn về cách ghi họ tên người cha của Đinh hoàng hậu. Ở trên ghi: cha của Mai hoàng hậu là Hựu thì có thể hiểu người đó là Mai Hựu..., cha của Đinh hoàng hậu là Ngô Thượng thì có thể hiểu người đó là Đinh Ngô Thượng. Ở đây Toàn thư lại ghi Ngô Thượng Đình? Đại Việt sử lược (q2, tờ 5a) cũng ghi là Ngô Thượng Đình. Chưa rõ nhầm lẫn do đâu.

² Đại Việt sử lược chép là Liêu Gia Chân (Chân và Trinh có thể lầm với nhau).

Đặt 10 vệ diện tiền cấm quân: 1. Quảng Thánh, 2. Quảng Vũ, 3. Ngự Long, 4. Bổng Nhật, 5. Trùng Hải. Mỗi vệ đều chia ra tả hữu trực, đi quanh để bảo vệ bên trong cấm thành, cộng là 10 vệ.

Tháng 6, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thiên Thánh. Lấy tre làm núi Vạn Tuế Nam Sơn ở Long trì: kiêu núi làm thành năm ngọn, trên đỉnh ngọn ở giữa dựng núi Trường Thọ, bên đỉnh bốn ngọn xung quanh đều đặt núi Bạch Hạc, trên núi làm hình dạng các giống chim bay [17a] thú chạy, lưng chừng núi có rồng thần cuốn quanh, cắm xen các thứ cờ, treo lẫn vàng ngọc, sai con hát¹ thổi sáo thổi kèn trong hang núi, dâng ca tấu múa làm vui, cho các quan ăn yến. Quy chế núi năm ngọn bắt đầu từ đây.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Mừng ngày sinh là lễ lớn. Bề tôi chúc mừng vua, vua ban yến cho bề tôi, vua tôi hòa hợp để thông tình trên dưới, lễ vốn nên như thế. Song vua đương để tang mà vui chơi hết mức, không nghĩ đến việc tiên đế chưa chôn sao? Cái lòng đau đớn thương xót, có lẽ không còn gì.

Mùa đông, tháng 10, táng [tiên đế] ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức, đặt thụy là Thần Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Thái Tổ.

[17b] Lê Văn Hưu nói: Thời cổ, khi thiên tử đã băng, xây Lăng an táng linh cữu, hoặc gọi là Mộ Lăng hoặc gọi là Xương Lăng; để văn chương ở các, hoặc gọi là Hiển Mộ, hoặc gọi là Bảo Văn. Nay nhà Lý, lăng các đời chỉ gọi chung là Thọ Lăng, các gọi là Long Đồi, có lẽ bấy giờ vua không có học mà các nho thần cũng không biết sửa chữa hoặc không có sức kê cứu việc cổ vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lý [Thái Tổ] dấy lên, trời mở điềm lành hiện ra ở vết cây sét đánh. Có đức tất có ngôi, bởi lòng người theo về, lại vừa sau lúc Ngọa Triều hoang dân bạo ngược mà vua thì vốn có tiếng khoan nhân, trời thường tìm chủ cho dân, dân theo về người có đức, nếu bỏ vua thì còn biết theo ai! Xem việc vua nhận mệnh sâu sắc lặng lẽ, dời đô yên nước, lòng nhân thương dân, lòng thành cảm trời, cùng là đánh dẹp phản loạn, Nam Bắc [18a] thông hiểu, thiên hạ bình yên, truyền ngôi lâu đời, có thể thấy là có mưu lược của bậc đế vương. Duy có việc ham thích đạo Phật, đạo Lão là chỗ kém.

THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Phật Mã, một tên khác là Đức Chính, con trưởng của Thái Tổ. Mẹ là hoàng hậu họ Lê, sinh vua vào ngày 26 tháng 6 năm Canh Tý, niên hiệu Ứng Thiên năm thứ 7 [1000] thời Lê, ở phủ Trường Yên. Thái Tổ được nhường ngôi, lập Đông cung thái tử. Khi Thái Tổ băng, nhờ có Phụng Hiều trung dũng, đông lòng cứu nạn, lên ngôi hoàng đế, ở ngôi 27 năm [1028 - 1054], thọ 55 tuổi [1000 - 1054], băng ở điện Trường Xuân. Vua là người trầm mặc, cơ trí, biết trước mọi việc, giống như Hán Quang Vũ đánh đâu được đấy, công tích sánh với Đường Thái Tông. Nhưng người quân tử còn lấy việc khoe khoang thái quá để chê trách vua chưa hiền.

Khi vua mới sinh, ở phủ Trường Yên có con trâu của nhà dân tự nhiên thay sừng khác, người ấy cho là điềm không lành, lấy làm lo. Có người giỏi chiêm nghiệm đi qua nhà ấy cười mà nói: "Đó là điềm đổi mới, can dự gì đến nhà anh". Người ấy [18b] mới hết lo.

Vua có bảy cái nốt ruồi sau gáy, như sao thất tinh². Khi còn nhỏ cùng trẻ con chơi đùa, có thể sai bảo được chúng, bắt chúng đi dàn hầu trước sau và hai bên như nghi vệ các quan theo hầu vua. Thái Tổ thấy thế vui lòng, nhân nói đùa rằng: "Con nhà tướng nên bắt chước việc quân, cần gì phải kẻ rước người hầu?" Vua trả lời ngay rằng: "Kẻ rước người hầu thì có xa lạ gì với con nhà tướng? Nếu xa lạ thì

¹ Nguyên văn là "linh nhân".

² Thất tinh: tức là chòm sao Bắc đẩu (có 7 sao).

sao ngôi vua không ở mãi họ Đinh mà lại về họ Lê, đều do mệnh trời thôi". Thái Tổ kinh lạ, từ đấy càng yêu quý hơn. Khi Thái Tổ nhận nhường ngôi, lập làm Đông cung thái tử. Năm Thuận Thiên thứ 3 [1012], phong làm Khai Thiên Vương, cho ra ở bên ngoài. Năm thứ 11 [1020] cho làm Nguyên soái đi đánh Chiêm Thành có trại Bó Chính. Đại quân vượt biển, đến núi Long Ty [19a] có rồng vàng hiện ở thuyền ngự, chỉ một mình vua đỡ lấy con rồng. Đến nơi, đánh tan quân Chiêm, bắt được tướng đem về. Năm thứ 19 [1027], mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 1 Bính Thân, vua lấy áo ngự ban cho Trần Tuệ Long là đạo sĩ ở quán Nam Đế. Đêm ấy có ánh sáng khắp trong quán. Tuệ Long kinh ngạc dậy xem thì thấy rồng vàng hiện ở mắc áo. Các việc ấy đều là mệnh trời, đến đây đều thấy phù hợp cả. Vua bảm tính nhân từ, sáng suốt đỉnh ngộ, thông hiểu đại lược văn võ, còn như lục nghệ lễ nhạc, ngự xạ, thư số không môn gì là không tinh thông am tường.

Kỷ Ty, niên hiệu Thiên Thành năm thứ 2 [1029], (Tổng Thiên Thánh năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, ngày Nhâm Ngọ, khánh thành miếu Thái Tổ.

Tháng 3, ngày mồng 7, gả công chúa Bình Dương cho châu mục châu Lạng¹ là Thân Thiệu Thái.

[19b] Giáp Dần Nãi² ở châu Ái làm phản. Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, vua thân đi đánh giáp Dần Nãi, cho Đông cung thái tử ở lại Kinh sư làm Giám quốc. Khi đánh được giáp Dần Nãi rồi, sai Trung sứ đốc suất người Dần Nãi đào kênh Dần Nãi. Vua từ Dần Nãi trở về Kinh sư.

Có dấu người thần hiện ở chùa Thăng Nghiêm. Tháng 6, rồng hiện lên ở nền điện Càn Nguyên. Vua nói với tả hữu rằng: "Trẫm phá điện ấy, sang phẳng nền rồi mà rồng thần còn hiện. Có lẽ đó là đất tốt, đức lớn hưng thịnh, ở chỗ chính giữa trời đất chăng?" Bên sai Hữu ty mở rộng quy mô, nhằm lại phương hướng mà làm lại, đổi tên là điện Thiên An. Bên tả dựng điện Tuyên Đức, bên hữu dựng điện Diên Phúc, thêm trước điện gọi là Long Trì (thêm rồng). Phía đông thêm rồng đặt điện Văn Minh, phía tây đặt điện Quang Vũ, hai bên tả hữu thêm rồng đặt lâu chuông đối nhau để dân chúng ai có việc kiện tụng oan uổng thì đánh chuông lên. Bốn xung quanh thêm rồng đều có hành lang để [20a] tụ họp các quan và sáu quân túc vệ. Phía trước làm điện Phụng Thiên³, trên điện dựng lầu Chính Dương làm nơi trông coi tính toán giờ khắc, phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện dựng gác Long Đồi làm nơi nghỉ ngơi du ngoạn. Bên ngoài đắp một lần thành bao quanh gọi là Long Thành.

Mùa thu, tháng 8, châu Hoan dâng kỳ lân.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, trời mưa gạo trắng thành đồng trước bậc thềm chùa Vạn Tuế.

Năm ấy, sứ nhà Tống là Chương Dĩnh sang làm lễ diếu tang. Lại sai sứ sang phong vua làm Quận Vương.

Canh Ngọ, [Thiên Thành] năm thứ 3, [1030], (Tổng Thiên Thánh năm thứ 8). Mùa xuân, tháng 2, làm điện Thiên Khánh ở trước điện Trường Xuân để làm chỗ nghe chính sự. Điện làm kiểu bát giác, trước sau đều bắc cầu Phượng Hoàng.

Mùa hạ, tháng 4, sai Đại liêu ban⁴ Lê Ốc Thuyên và Viên ngoại lang Nguyễn Viết Thân sang nhà Tống [20b] để đáp lễ.

Định kiểu mũ áo của các công hầu văn võ.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to. Ngày 14, vua thân ra ruộng ở Điều Lộ⁵ xem gặt, nhân đổi tên cánh ruộng ấy gọi là ruộng Vĩnh Hưng. Ngày ấy, trở về cung.

¹ Lạng Châu: tên châu thời Lý, nay là đất Lạng Sơn.

² Dần Nãi: tên giáp, có lẽ là vùng Đan Nê, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa, nơi có núi Đồng Cổ (xem BK1, 16b).

³ Phụng Thiên: Cương mục chép là Phụng Tiên (CMCB2, 34a).

⁴ Đại liêu ban: tên tước của triều Lý.

⁵ Nguyên văn: "Điều Lộ điền". Tên đất này được nhắc đến hai lần trong Toàn thư, ở đây và cách 3 tờ sau (BK2, 25a), đều khắc in rõ chữ "Điều". Các bản in sau bản Chính Hòa như bản VHv. 2330 (BK2, 20b và 25a), và các bản in của Quốc tử giám triều Nguyễn

Tân Mùi, [Thiên Thành] năm thứ 4 [1031], (Tổng Thiên Thánh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, châu Hoan làm phản.

Tháng 2, ngày mồng 1, vua thân đi đánh châu Hoan, cho Đông cung thái tử làm Giám quốc. Quân đi từ Kinh sư đến châu Hoan, người châu ấy đầu hàng. Xuống chiếu tha tội cho các quan châu huyện, sai Trung sử phủ dụ dân chúng.

Tháng 3, vua từ châu Hoan về đến Kinh.

Xuống chiếu phát tiền thuê thợ làm chùa quán ở các hương ấp, tất cả 150 chỗ¹.

Mùa thu, tháng 8, mở hội chay để khánh thành. Đại xá thiên hạ.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, đạo sĩ là Trịnh Trí Không tâu xin cho các đạo sĩ được nhận ký lục² ở cung Thái Thanh. Vua y cho.

Nhâm Thân, [Thiên Thành] năm thứ 5 [1032], (Tổng Minh Đạo năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, chùa Thích Ca ở trước quán Lô Công có cây ưu đàm³ [21a] nở hoa.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, vua ngự đến Tín Hương ở Đỗ Động giang cày ruộng tịch điền, có nhà nông dâng một cây lúa chiêm có 9 bông thóc. Xuống chiếu đổi gọi ruộng ấy là ruộng Ứng Thiên. Ngày ấy trở về cung.

Mùa thu, tháng 9, vua đi châu Lạng bắt voi, rồi từ châu Lạng trở về.

Mùa đông, tháng 11, ban yến cho các quan ở điện Thiên An.

Quý Dậu, [Thiên Thành] năm thứ 6 [1033], (Tổng Minh Đạo năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, nước Chân Lạp sang cống.

Châu Định Nguyên⁴ làm phản. Tháng 2, vua thân đi đánh, cho Đông cung thái tử giám quốc. Mồng 8⁵, quân đi từ Kinh sư, đóng lại ở châu Chân Đăng⁶, có người đàn bà họ Đào¹ dâng con gái, vua nhận cho làm phi. Ngày 17, dẹp được châu Định Nguyên, đem quân về.

(như bản ký hiệu A.3 v.v...) đều in là Điều Lộ, như bản Chính Hòa. Nhưng Đại Việt sử ký tiền biên (bản in đời Tây Sơn, BK2, 26b) và Cương mục (CMCB2, 35a) đều in là "Ồ Lộ điền". Hai chữ "Điều" và "Ồ" chỉ khác nhau 1 nét ngang ngắn trong lòng chữ phía trên, rất dễ đọc và chép nhầm với nhau. Vì Cương mục dùng sử liệu của Toàn thư, mỗi trường hợp sửa chữa các chữ thường có chú giải. Nhưng ở đây không thấy nói đến việc sửa chữ, do đó chưa rõ Cương mục hay Toàn thư chép đúng? Tạm phiên đúng theo nguyên văn Toàn thư bản Chính Hòa. Cương mục chú: "Ồ Lộ, Vĩnh Hưng: chưa rõ đích xác ở đâu. Nhưng xét huyện Đông Yên, tỉnh Hưng Yên có tông Vĩnh Hưng, có lẽ ở đây chăng?" (CMCB2, 35a).

¹ Nguyên văn: "... Chiếu phát tiền nhằm công tạo tự quán vu hương ấp, phàm bách ngũ thập sở". Các bản in của Quốc tử giám thời Nguyễn (A. 3v.v...) và các bản VHv. 2330 (sau bản Chính Hòa) đều in là "... vu hương ấp, cứu bách ngũ thập sở" (... ở các hương ấp, tất cả 950 chỗ). Chữ "phàm" và chữ "cứu" dáng chữ gần giống nhau, dễ đọc và chép nhầm. Có thể trước do bản VHv. 2330 in phỏng theo bản Chính Hòa, sau các bản in đời Nguyễn theo đó nhầm tiếp. Cương mục có thể đã dùng một bản Toàn thư thuộc loại nói trên cho nên cũng chép như thế (cứu bách thập sở. CMCB2, 35b). Nhưng Đại Việt sử ký tiền biên bản in thời Tây Sơn, vẫn chép là "... phàm bách ngũ thập sở" (ĐVSKTB BK2, 26b). Đại Việt sử lược (q.2, 5b) cũng chép rõ hơn: "tạo tự quán phàm nhất bách ngũ thập xứ". Xét về kết cấu ngữ pháp, câu "... phàm bách ngũ thập sở" chưa được chuẩn xác, nhưng kết hợp với Đại Việt sử lược, chúng tôi dịch là "150 sở".

² Nguyên văn: "thụ ký lục"; có nghĩa là nhận sự đăng ký, được chính thức thừa nhận việc tu hành.

³ Nguyên văn: ưu đàm thụ, tên loài cây phiên âm từ tiếng Phạn: Udumbara (cũng phiên là ưu đàm loaát). Cây này có quả mà không có hoa, truyền thuyết Phật giáo nói đó là điềm lành, 3.000 năm mới một lần nở hoa. Có thể coi cây sung tương ứng với cây ưu đàm, nhưng cây sung ở ta không có truyền thuyết như cây Udumbara của Ấn Độ.

⁴ Định Nguyên: tên châu thời Lý, có lẽ là miền tỉnh Yên Bái.

⁵ Nguyên văn: "Bát nguyệt" (tháng 8). Nhưng ở dưới ghi tiếp lại là: "mùa thu, tháng 7". Như vậy chữ "nguyệt" ở đây là khắc in nhầm, đúng ra phải là chữ "nhật" (ngày).

⁶ Chân Đăng: tên châu thời Lý. Cương mục chua là "thuộc tỉnh Sơn Tây, tức phủ Lâm Thao bây giờ" (CMCB2, 37a). Phủ Lâm Thao thời Nguyễn là đất huyện Phong Châu và một phần đất các huyện Thanh Hòa và Sông Thao tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Nhưng có thể châu Chân Đăng thời Lý gồm cả một phần đất huyện Tam Thanh (Tam Nông cũ)

Mùa thu, tháng 7, ngày 12, châu mục châu Vĩnh An là Sư Dụng Hòa tâu rằng châu ấy² có vực chân châu. Vua sai sứ đến tìm, quả nhiên tìm được.

Tháng 8, sách phong Đông cung thái tử [Nhật Tôn] [21b] làm Khai Hoàng Vương, ở cung Long Đức.

Ngày 13, vua ra ngoài cửa Trường Quảng xem phủ đệ của hoàng tử vừa xây xong.

Xuống chiếu đúc quả chuông một vạn cân để ở lầu chuông Long Trì.

Tháng 9, châu Trệ Nguyên³ làm phản.

Mùa đông, tháng 10, vua thân đi đánh châu Trệ Nguyên, cho Khai Hoàng Vương giám quốc. Đẹp yên châu Trệ Nguyên. Tháng 12, ngày mồng 1, vua đem quân về.

Giáp Tuất, [Thiên Thành] năm thứ 7 [1034], (Từ tháng 4 về sau là niên hiệu Thông Thụy năm thứ 1, Tống Cảnh Hựu năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho các quan tâu việc ở trước mặt vua thì gọi vua là "triều đình".

Lê Văn Hưu nói: Thiên tử tự xưng là "trẫm", là "dư nhất nhân". Bề tôi xưng vua là "bệ hạ", chỉ chỗ thiên tử ở là triều đình, chỉ chỗ chính lệnh ban ra là "triều sảnh", từ xưa không thay đổi xưng hô. Nay [Lý] Thái Tông bảo các quan gọi mình là "triều đình", [22a] sau [Lý] Thánh Tông tự xưng là "Vạn thắng", Cao Tông bảo người gọi mình là "Phật" đều không theo phép ở đâu, mà là thích khoe khoang. Khổng Tử nói: "Danh không chính thì nói không thuận" là thế.

Tháng ấy, đổi niên hiệu là Thông Thụy năm thứ 1. Bấy giờ hai nhà sư là Nghiêm Bảo Tính và Phạm Minh Tâm thiêu mình cháy kết thành thất bảo⁴. Vua xuống chiếu đem thất bảo ấy giữ ở chùa Trường Thánh để hương đèn thờ cúng. Vua cho là việc lạ, đổi niên hiệu là Thông Thụy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thuyết nhà Phật gọi xá lợi là tinh túy do tinh khí tụ lại khi đốt xác, lửa không đốt cháy được cho nên gọi là bảo. Tương truyền người nào học Phật thành thì thân hóa như thế. Có lẽ vì sự đoạn tuyệt tình dục thì [22b] tinh khí kết lại thành ra như thế ấy. Người đời không thường thấy, cho là lạ, có biết đâu là tinh khí dương tụ lại mà thành thôi. Vua cũng mê hoặc việc ấy, nhân đó đổi niên hiệu. Từ đấy về sau, những người hiếu danh cạo đầu làm sư, nhẫn nại chịu chết như loại Trí Thông⁵ nhiều lắm.

Tháng 6, châu Hoan đem dâng con thú một sừng, sai Viên ngoại lang là Trần Ứng Cơ, Vương Văn Khánh đem sang biểu nhà Tống.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến chùa Trùng Quang núi Tiên Du⁶, sai dựng kho Trùng Hưng [để chứa kinh].

Sai Viên ngoại lang là Hà Thụ, Đỗ Khoan đem biểu nhà Tống hai con voi thuần. Nhà Tống lấy kinh Đại tạng để tạ.

Mùa đông, tháng 11, đóng thuyền lớn Vạn An.

¹ Nguyên văn: "Đào đại di". Đại di là Bà di. Cương mục chỉ chép "Hữu Đào thị giả" (có người họ Đào..., CMCB2, 37a).

² Nguyên bản in: "lục châu", có lẽ là khắc in nhầm chữ "bản châu".

³ Trệ Nguyên: tên châu thời Lý, Cương mục chua "không thảo được" (CMCB2, 38a), có thể ở gần châu Định Nguyên.

⁴ Thất bảo: bảy thứ quý. Theo Pháp hoa kinh, bảy thứ ấy là: vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, ngọc, mã não, trân châu (ngọc trai) mai khô (ngọc đỏ). Các kinh khác như Vô lượng thọ, A Di Đà, Bát Nhã đều nói đến thất bảo với một vài thứ khác.

⁵ Nhắc việc sư Trí Thông, thị gia hầu bảo tháp xá lợi của Trần Nhân Tông ở núi Yên Tử, tự thiêu thời Trần Minh Tông (1314-1329).

⁶ Núi Tiên Du: ở huyện Tiên Du, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc, còn có tên là núi Phật Tích, lại có tên là núi Lạn Kha (do truyền thuyết nó Vương Chắt vào núi đốn củi, chống cán rìu xem hai ông già đánh cờ, tan cuộc nhìn lại thấy cán rìu đã mục nát).

Năm ấy, sư Hưu ở chùa Pháp Vân, châu Cổ Pháp tâu rằng, trong chùa ấy phát ra mây luồng ánh sáng, theo chỗ ánh sáng đào xuống được **[23a]** một cái hòm bằng đá, bên trong có cái hòm bằng bạc, trong hòm bạc lại có hòm bằng vàng, trong hòm vàng có bình lưu ly, trong bình đựng xá ly. Vua sai rước vào cấm điện, xem xong lại trả lại.

Ất Hợi, [Thông Thụy] năm thứ 2 [1035], (Tổng Cảnh Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, cỏ chi mọc ở trước điện Thiên Khánh.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu làm chiếc ghế chéo hình bát giác thép vàng¹.

Mùa thu, tháng 7, lập người thiếp yêu (không rõ tên) làm Thiên Cảm hoàng hậu; phong hoàng tử Nhật Trung làm Phụng Càn Vương, các hoàng tử khác đều phong tước hầu.

Mở chợ Tây Nhai và dãy phố dài² ở chợ ấy.

Xuống chiếu bắc cầu Thái Hòa ở sông Tô Lịch. Tháng 9, cầu bắc xong, vua ngự đến xem, sai các quan hầu làm thơ.

Người châu Ái làm phản. Mùa đông, tháng 10, vua thân đi đánh, cho Phụng Càn Vương lưu thủ Kinh sư. Quân đi từ Kinh sư, đến châu Ái. Vua ngự ở hành dinh, ban yến cho các quan hầu và tướng sủng, ngầm chỉ Định thắng đại tướng là Nguyễn **[23b]** Khánh mà bảo các phi tần rằng: "Khánh thế nào cũng làm phản". Các phi tần đều kinh ngạc hỏi: "Bệ hạ làm sao mà biết? Xin nói cho nghe nguyên do". Vua nói: "Khánh trong lòng không bình thường, nhìn trộm có vẻ hổ thẹn, đi đứng thất tiết, nói làm trái thường. Lấy đó mà xem đủ biết là nó có ý khác, hình trạng làm phản rõ rồi". Đánh được châu Ái, trị tội châu mục châu Ái, sai sứ đi phủ dụ dân chúng trong châu. Kinh sư lưu thủ là Phụng Càn Vương Nhật Trung cho chạy trạm báo tin bọn nhà sư họ Hồ, em nuôi của Định thắng đại tướng Nguyễn Khánh, Đô thống Đàm Toái Trạng, Hoàng đệ Thăng Càn, Thái Phúc mưu phản, quả đúng như lời vua nói. Các phi tần đều lạ hai lạ nói: "Bọn thiếp nghe nói thánh nhân thấy được chỗ chưa hiện hình, biết trước việc chưa xảy ra, nay được chính mắt trông thấy".

Vua xuống chiếu bắt bọn Khánh đóng cũi đem về Kinh sư. Tháng 11, ngày mùng 1, vua từ châu Ái về đến Kinh, làm tiệc rượu mừng việc trở về. Ủy lại các tướng sĩ có công dẹp châu Ái.

Vua ngự điện Thiên Khánh xét **[24a]** án bọn sư Hồ, Nguyễn Khánh; đều phải xẻo thịt bằm xương ở chợ Tây, còn những kẻ khác thì xét theo tội nặng nhẹ.

Xuống chiếu phát 6 nghìn cân đồng để đúc chuông đặt ở chùa Trùng Quang³. Chuông đúc xong, sai người kéo đưa đến chùa. Chuông ấy không đợi sức người, tự di chuyển được, chỉ khoảnh khắc đã đến chùa.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Phạm vật hình vuông thì đứng, hình tròn thì đi, chuông có thể đi được là vì hình tròn. Có lẽ là kéo nó đi, không nhọc đến sức người, như có thần giúp vậy. Nay ta hãy xem như cây gỗ lớn mười mấy người khiêng không nổi, một người đẩy ngang thì nó lăn tròn mà đi. Chuông cũng thế, sư chùa muốn làm cho đạo mình có vẻ thần diệu, mới nói phao lên như thế để đánh lừa mà thôi. Những chuyện như dấu vết người thần, ánh sáng xá ly, cây ưu đàm **[24b]** nở hoa, tượng Phật cổ nổi lên v.v... đều

¹ Nguyên văn: "chế kim bát giác tiêu dao". Như vậy trong câu này tiêu dao phải là một danh từ chỉ đồ vật nhưng hai chữ tiêu dao không hề có nghĩa đó. Đại Việt sử ký tiền biên (bản in thời Tây Sơn) có chú thích: "Tiêu dao là tên mũ... cách làm thế nào không khảo được" (BK2, 29a). Tham khảo Vân đài loại ngữ thì biết câu trên in thiếu một chữ "tọa" ở cuối câu: "chế kim bát giác tiêu dao tọa". Lê Quý Đôn viết: "Ghế ngồi của người Hồ (Hung Nô) khoan chốt, để chéo chân, xô dây làm mặt ghế, mở ra gấp lại chóng lằm, nặng không đến và cân, gọi là "tiêu dao tọa", tương truyền người hầu của vua Đường Minh Hoàng đã làm chiếc ghế theo kiểu ấy để đem theo cho tiện ngồi khi theo hầu vua đi chơi ở ngoài" (Bản dịch, tr.133). Như vậy có lẽ "tiêu dao" không phải là tên chiếc mũ như ĐVSKTB đã chú, cũng không phải là chiếc kiểu tiêu dao như ở bản dịch cũ, mà là tiêu dao tọa, có nghĩa là chiếc ghế kéo như Lê Quý Đôn đã mô tả.

² Nguyên văn: trường lang, dãy nhà dài.

³ Chùa Trùng Quang: ở núi Tiên Du (Tiên Sơn, Hà Bắc).

do bọn các nhà sư ra cả. Người cầm bút chép sử đương thời không xét lý lẽ, cứ theo thể mà chép vào sử sách.

Bính Tý, [Thông Thụy] năm thứ 3 [1036], (Tổng Cảnh Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, mở hội ở Long Trì khánh thành pho tượng Phật Đại Nguyên. Đại xá thiên hạ.

Tháng 2, xuống chiếu chép kinh Đại tạng cất ở kho Trùng Hưng.

Tháng 3, gả công chúa Kim Thành cho châu mục châu Phong là Lê Tông Thuận.

Mùa hạ, tháng 4, đặt hành dinh ở châu Hoan, nhân đó đổi tên châu ấy là Nghệ An.

Mùa thu, tháng 8, gả công chúa Trường Ninh cho châu mục châu Thượng Oai là Hà Thiện Lãm.

Mùa đông, tháng 10, đạo Lâm Tây¹ và các châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên² làm phản, xâm lấn các châu Tư Lăng của nước Tống, cướp trâu ngựa, đốt nhà cửa rồi về.

Đinh Sửu, [Thông Thụy] năm thứ 4 [1037], (Tổng Cảnh Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1, vua thân đi đánh đạo Lâm Tây, sai Khai [25a] Hoàng Vương [Nhật Tôn] làm Đại nguyên soái đánh các châu Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên, cho Phụng Càn Vương [Nhật Trung] làm Kinh sư lưu thủ. Quân đi từ Kinh sư đến đóng ở Lâm Tây, dẹp yên được. Tháng 3, vua từ đạo Lâm Tây về đến kinh.

Xuống chiếu cho châu Nghệ An dựng các kho ở trong châu như Tư Thành, Lợi Nhân, Vĩnh Phong, tất cả 50 sở.

Mùa thu, tháng 7, vua ngự điện Hàm Quang xem đua thuyền. Nước lên to.

Trong vườn dâu ở Diếu Lộ³ có pho tượng Phật cổ trôi lên. Tháng 8, đóng thuyền Vĩnh Xuân.

Mùa đông, tháng 12, đóng thuyền Nhật Quang.

Dựng đền thờ Hoảng Thánh Đại Vương. Trước đây vua thấy phủ Đô hộ để nhiều án ngữ, quan sĩ sư không xét đoán được, muốn tỏ rõ sự linh thiêng sáng suốt để tiết hết kẻ gian trá, bèn tắm gội đốt hương khấn Thiên Đế. Đêm ấy vua chiêm bao thấy sứ giả mặc áo đỏ bưng sắc chỉ của thượng đế ban cho Phạm Cự Lạng làm chức Đô hộ phủ ngọc tưng minh chủ. Vua hỏi sứ trời rằng: "Người ấy [25b] là ai? Hiện đang giữ chức gì của ta?" Sứ giả nói: "Người ấy làm Thái úy triều Lê Đại Hành". Nói xong thì biến mất. Vua tỉnh dậy, gọi các quan vào hỏi việc ấy, phong cho [Cự Lạng] tước vương, sai Hữu ty dựng đền ở phía tây cửa Nam thành, tuế thời cúng tế (Hoảng Thánh sau đổi là Hồng Thánh)⁴.

Mậu Dần, [Thông Thụy] năm thứ 5 [1038], (Tổng Bảo Nguyên năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, vua ngự ra cửa Bồ Hải cày ruộng tịch điền. Sau Hữu ty dọn cỏ đắp đàn. Vua thân tế Thần Nông, tế xong tự cầm cày để làm lễ tự cày. Các quan tả hữu có người can rằng: "Đó là công việc của nông phu, bệ hạ cần gì làm thế?" Vua nói: "Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lại lấy gì cho thiên hạ noi theo?" Nói xong đẩy cày ba lần rồi thôi. Tháng 3, vua về Kinh sư.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái Tông không phục lễ cổ, tự mình cày ruộng tịch điền để nêu gương cho thiên hạ [26a] trên để cúng tông miếu, dưới để nuôi muôn dân, công hiệu trị nước dẫn đến dân đông, của giàu, nên thay!

Mùa thu, tháng 8, vua ngự ở điện Hàm Quang xem đua thuyền.

Tháng 9, có dấu vết người thần hiện ở chùa Đại Thắng. Mùa đông, tháng 10, dựng bia chùa Trùng Quang.

¹ Lâm Tây: tên đạo thời Lý, Cương mục chú, nhà Trần gọi là đạo Đà Giang, thời thuộc Minh gọi là châu Gia Hưng, nhà Lê đổi là phủ Gia Hưng. Nay là đất hai tỉnh Sơn La, Lai Châu.

² Đô Kim, Thường Tân, Bình Nguyên: xem chú thích ??????????

³ Nguyên văn: "Diếu Lộ tang viên", xem chú thích ??? tr.????

⁴ Hoảng Thánh đổi là Hồng Thánh là do kiêng húy miếu hiệu của chúa Trịnh Tạc (Hoảng Tổ Dương Vương, ở ngôi chúa 1657-1682).

Tháng 11, dựng kho ngự.

Tháng 12, Nùng Tôn Phúc ở châu Quảng Nguyên¹ làm phản. Nhà Tống phong vua làm Nam Bình Vương.

Năm ấy, Đông Chinh Vương Lực chết.

Kỷ Mão, [Thông Thụy] năm thứ 6 [1039], (Từ tháng 6 về sau là niên hiệu Càn Phù Hữu Đạo năm thứ 1; Tống Bảo Nguyên năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, thủ lĩnh Tây Nông² là Hà Văn Trinh đem việc Tôn Phúc làm phản tâu lên. Trước đây Tôn Phúc là thủ lĩnh châu Thảng Do³, em là Tôn Lộc làm thủ lĩnh châu Vạn Nhai⁴. Em trai của A Nùng, vợ Tôn Phúc, là Đương Đạo làm thủ lĩnh châu Vũ Lặc⁵ [26b] đều thuộc châu Quảng Nguyên, hàng năm nộp cống đồ thổ sản. Sau Tôn Phúc giết Tôn Lộc và Đương Đạo, chiếm luôn cả đất, tiếm xưng là Chiêu Thánh Hoàng Đế, lập A Nùng làm Minh Đức Hoàng Hậu, phong cho con là Trí Thông làm Nam Nha Vương, đổi châu ấy gọi là nước Trường Sinh, sửa soạn binh giáp, đắp thành kiên cố để tự giữ, không nộp cống xưng thần nữa.

Tháng 2, vua tự làm tướng đi đánh Tôn Phúc, cho Khai Hoàng Vương [Nhật Tôn] làm Giám quốc. Quân đi từ Kinh sư, qua bến Lãnh Kinh⁶, có cá trắng nhảy vào thuyền. Đến châu Quảng Nguyên, Tôn Phúc nghe tin đem cả bộ lạc vợ con trốn vào chằm núi. Vua cho quân đuổi theo bắt được Tôn Phúc và bọn Trí Thông 5 người. Chỉ có vợ là A Nùng, con là Trí Cao chạy thoát. Đóng cũi bọn Tôn Phúc đem về Kinh sư, sai quân san phẳng thành hào, chiêu dụ tộc loại còn sống sót, vỗ về yên ủi rồi đem quân về.

Tháng 3, vua từ Quảng Nguyên [27a] về Kinh sư, xuống chiếu rằng: "Trẫm từ khi có thiên hạ đến giờ, đối với tướng văn tướng võ cùng các bề tôi không thiếu đại tiết, phương xa cõi lánh, không đâu không đến xưng thần, mà họ Nùng nổi đời giữ bờ cõi vẫn thường cúng nộp đồ cống. Nay Tôn Phúc càn rỡ tự tôn, cả tiếm vị hiệu, ra mệnh lệnh, tụ họp quân ong bọ, làm hại dân chúng biên thùy. Trẫm vâng mệnh trời đi đánh, bắt được bọn Tôn Phúc 5 tên, đều chém ở chợ kinh đô".

Mùa hạ, tháng 4, con vua Chiêm Thành là Địa Bà Lạt [cùng bọn] Lạc Thuần, Sạ Đâu, La Kế, A Thát Lạt 5 người sang quy phục [nước ta].

Tháng 5, động Vũ Kiến⁷ thuộc châu Quảng Nguyên dâng một khối vàng sống nặng 112 lạng. Huyện Liên⁸, châu Lộng Thạch⁹, châu Định Biên¹⁰ tâu rằng trong bản xứ có hổ bặc¹¹.

Tháng 6, bầy tôi xin đổi niên hiệu là Càn Phù Hữu Đạo và xin tăng tôn hiệu thêm 8 chữ là: "Kim [27b] Dũng Ngâm Sinh, Nùng Bình Phiến Phục"¹². Vua nói: "Thời Đường Ngu chỉ vạch hình mà người không dám phạm, không đánh mà khuất phục được binh của người, giữ áo khoanh tay mà thiên hạ đại trị, cho nên các sao không đi trái, sấm mưa không thất thường, chi muông đến múa, phương hoàng lại

¹ Quảng Nguyên: tên châu thời Lý, thời thuộc Minh thuộc về đất Uyên huyện, thời Lê đổi là châu Lộng Nguyên. Nay là đất các huyện Quảng Uyên, Phúc Hòa, Thạnh An, tỉnh Cao Bằng.

² Tây Nông: tên châu, nay là huyện Tư Nông, tỉnh Bắc Thái.

³ Thảng Do: tên châu, xem chú BK2, 9b.

⁴ Vạn Nhai: tên châu thời Lý, nay là phần đất huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn và một phần huyện Võ Nhai, tỉnh Bắc Thái.

⁵ Vũ Lặc: tên châu, chưa rõ ở đâu. Cương mục dẫn Đường thư, Địa lý chí: "Nhà Đường đặt Lung Châu quản lĩnh huyện Vũ Lặc" và cho rằng hai châu Thảng Do, Vũ Lặc có lẽ ở vào địa hạt tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn ngày nay (CMCB2, 43a).

⁶ Lãnh Kinh: có lẽ là khúc sông Cầu chảy qua Thị Cầu, tỉnh Hà Bắc.

⁷ Động Vũ Kiến: Đại Việt sử lược chép là động Vũ Kiện, thuộc đất huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng hiện nay, nhưng chưa biết rõ ở đâu?

⁸ Huyện Liên: Đại Việt sử lược chép là huyện Hạ Liên, có lẽ thuộc đất huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Thái ngày nay.

⁹ Lộng Thạch: tên châu, có lẽ thuộc đất huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng ngày nay.

¹⁰ Định Biên: tên châu, nay là đất huyện Định Hóa, tỉnh Bắc Thái.

¹¹ Nguyên văn: ngân huyết.

¹² Nghĩa là: Vàng nổi bạc sinh, họ Nùng dẹp, nước Phiến (chỉ Chiêm Thành) quy phục.

châu, bốn đi theo về, trăm man hướng hóa, không hiểu làm sao mà được đến như thế! Trẫm là người ít đức, đứng đầu thần dân, dậy sớm thức khuya, lúc nào cũng lo sợ như lội vực sâu, chưa biết lấy đạo gì để thấu trời đất, lấy đức gì để kịp Nghiêu Thuấn. Vừa rồi, giặc Nùng dẹp yên, Chiêm Thành quy phục, động sinh vàng ròng, đất trời bạc trắng, ý chừng có điều gì mà được thế chẳng? Hay sắp xảy ra việc gì để cảnh cáo chẳng? Trẫm rất lo sợ, sao đáng để tôn sùng tên đẹp hiệu vinh. Lời bàn của các khanh nên đình bãi". Bầy tôi cố nài vua mới chịu nhận.

[28a] Lê Văn Hưu nói: Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Văn Vương, Vũ Vương đều lấy một chữ làm hiệu, chưa từng thấy có tăng thêm tôn hiệu bao giờ. Đế vương thời sau thích khoe khoang mới có tôn hiệu đến vài chục chữ. Nhưng chỉ lấy công đức mà xưng tụng, chưa bao giờ lấy đồ vật và tên man di xen chấp vào. Thái Tông chịu nhận cho bầy tôi dâng tám chữ "Kim Dũng Ngâm Sinh, Nùng Bình Phiên Phục" làm hiệu thì việc khoe khoang lại thô bỉ nữa. Thái Tông không có học nên không biết, nhưng bọn Nho thần dâng lên những chữ ấy để nịnh hót vua thì không thể bảo là không có tội.

Mùa thu, tháng 8, sai Đại liêu ban Sư Dụng Hòa và Thân vương ban¹ Đỗ Hưng sang nước Tống tiếp tục việc thông hiếu cũ.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu sửa lại miếu Thái Tổ Thần Vũ Hoàng Đế.

Tháng 12, **[28b]** nước Chân Lạp sang cống.

Canh Thìn, [Càn Phù Hữu Đạo] năm thứ 2 [1040], (Tổng Khang Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Đình Hợi, nhật thực.

Tháng 2, vua đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc. Tháng ấy xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho ra để may áo ban cho các quan, từ ngũ phẩm trở lên thì áo bào bằng gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo bào bằng vóc, để tỏ là vua không dùng gấm vóc của nước Tống nữa.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói: Việc làm này của vua trong cái tốt lại còn cái tốt nữa, không quý vật lạ, tỏ ra giữ đức kiệm ước, ban cho bầy tôi, tỏ ra hậu đãi kẻ dưới.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, xuống chiếu từ nay trở đi phạm nhân dân trong nước ai có việc kiện tụng gì, đều giao cho Khai Hoàng **[29a]** Vương xử đoán rồi tâu lên, lại cho lấy điện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói: Chức việc của thái tử, ngoài việc thăm hỏi hầu cơm vua ra, khi ở lại giữ nước thì gọi là Giám quốc, khi đem quân đi thì gọi là Phủ quân, có thể mà thôi, chưa nghe thấy xử kiện bao giờ. Phạm xử kiện là việc của Hữu ty. Thái Tông sai Khai Hoàng Vương làm việc đó không phải là chức phận của thái tử, lại lấy điện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện là không đúng chỗ.

Mùa thu, tháng 8, người giữ trại Bồ Chính của nước Chiêm Thành là Bồ Linh, Bồ Kha, Lan Đà Tinh đem bộ thuộc hơn trăm người sang quy phục.

Mùa đông, tháng 10, mở hội La Hán ở Long Trì, đại xá thiên hạ, tha tội lưu, tội đồ và một nửa tiền thuế cho thiên hạ. Trước đây, vua sai thợ tạc hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn nghìn bức tranh Phật, làm bảo phướn hơn [29b] một vạn lá. Đến đây xong việc, làm lễ khánh thành.

Tân Ty, [Càn Phù Hữu Đạo] năm thứ 3 [1041], (Tổng Khánh Lịch năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, có chim sẻ trắng đậu ở cấm đình.

Mùa hạ, tháng 5, đặt phẩm cấp các cung nữ, hoàng hậu và phi tần 13 người, ngự nữ 18 người, nhạc kỹ hơn 100 người.

Tháng 6, Điện tiền chỉ huy sứ Đinh Lộc và Phùng Luật mưu làm phản. Xuống chiếu bắt Lộc, Luật và bè đảng giao cho quan trị tội. Khai Hoàng Vương xét xử, bọn Lộc, Luật đều phải giết.

¹ Đại liêu ban và Thân vương ban: đều là tên tước của nhà Lý.

Mùa thu, tháng 9, vua ngự đến Kha Lai để bắt voi, lại ngự đến Kha Lãm, rồi về Kinh sư.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến núi Tiên Du xem làm viện Từ Thị Thiên Phúc. Khi về, xuống chiếu phát 7.560 cân đồng trong kho để đúc tượng Phật Di Lặc và hai vị Bồ tát Hải Thanh và Công Đức cùng chuông để ở viện ấy.

Tháng 11, xuống chiếu cho Uy Minh hầu Nhật Quang¹ làm tri châu Nghệ An.

[30a] Năm ấy, Nùng Trí Cao cùng với mẹ là A Nùng từ động Lôì Hỏa² lại về chiếm cứ châu Thảng Do, đổi châu ấy làm nước Đại Lịch. Vua sai tướng đi đánh, bắt sống được Trí Cao đem về Kinh sư. Vua thương tình vì cha là Tôn Phúc và anh là Trí Thông đều đã bị giết nên tha tội, cho giữ châu Quảng Nguyên như cũ, lại phụ thêm cho bốn động Lôì Hỏa, Bình, An, Bà và châu Tư Lang³ nữa.

Nhâm Ngọ, [Càn Phù Hữu Đạo] năm thứ 4 [1042], (Từ tháng 10 về sau là niên hiệu Minh Đạo năm thứ 1; Tống Khánh Lịch năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3 vua ngự ra cửa biển Kha Lãm⁴ cày ruộng tịch điền rồi về Kinh sư.

Mùa hạ, tháng 5, xuống chiếu rằng các quan chức đô⁵, ai bỏ trốn thì phạt 100 trượng, thích vào mặt 50 chữ và xử tội đồ. Các quân sĩ trước bị tội đồ⁶ nếu trốn vào núi rừng đồng nội cướp của người thì xử 100 trượng, thích vào mặt 30 chữ. Người con trốn trại mà bỏ trốn cũng phải tội như thế.

Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu kẻ nào ăn trộm trâu của công thì xử 100 trượng, 1 con phạt thành 2 con.

[30b] Tháng 9, phạt đánh 50 trượng những người vắng mặt trong buổi hội thề.

Sai Viên ngoại lang Đỗ Khánh và Lương Mậu Tài đem voi thuần sang biểu nhà Tống để tiếp tục sự thông hiếu cũ.

Động đất.

Châu Văn⁷ làm phản.

Tháng 9, nhuận, xuống chiếu kẻ nào ban đêm vào nhà gian dâm vợ cả, vợ lẽ người ta, người chủ đánh chết, ngay lúc bấy giờ thì không bị tội.

Xuống chiếu về việc phú thuế của trăm họ, cho phép người thu, ngoài 10 phần phải nộp quan được lấy thêm 1 phần nữa, gọi là "hoành đầu". Lấy quá thì xử theo tội ăn trộm, trăm họ có người tố cáo được tha phú dịch cho cả nhà trong 3 năm, người ở kinh thành mà cáo giác thì thưởng cho bằng hiện vật thu được. Nếu quản giáp, chủ đô và người thu thuế thông đồng nhau thu quá lệ, tuy xảy ra đã lâu, nhưng có người tố cáo thì quản giáp, chủ đô và người thu thuế cũng phải tội như nhau.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, cho Khai Hoàng Vương làm Đô thống đại nguyên soái đi đánh châu Văn.

Xuống chiếu đổi niên hiệu là Minh Đạo năm thứ 1.

Ban Hình thư⁸. Trước kia, việc kiện tụng trong nước **[31a]** phiền nhiễu, quan lại giữ luật pháp câu nệ luật văn, cốt làm cho khắc nghiệt, thậm chí có người bị oan uổng quá đáng. Vua lấy làm thương

¹ Lý Nhật Quang: tức Uy Minh hầu, con thứ 8 của Lý Thái Tổ. Đại Việt sử lược (q2, 7a) chép là Minh Uy hầu.

² Lôì Hỏa: tên động, ở phía tây bắc tỉnh Cao Bằng ngày nay. Các động Bình, An, Bà đều thuộc về đất tỉnh Cao Bằng.

³ Tư Lang: nay là đất huyện Trùng Khánh và phần đất đông bắc huyện Quảng Hòa (vùng quanh Hạ Lang), tỉnh Cao Bằng.

⁴ Có lẽ cũng là địa danh Kha Lãm nhắc ở BK2, 29b.

⁵ Quan chức đô: Bản dịch cũ chú là các chức quan chỉ huy quân cận vệ.

⁶ Nguyên văn: "Đồ tội chư quân sĩ", chỉ những người trước đã phạm tội đồ (đi đày) sang làm lính.

⁷ Châu Văn: xem chú Bk1, 10b.

⁸ Theo Lê Quý Đôn, bộ Hình thư này gồm 3 quyển, nay không còn (Đại Việt thông sử, Nghệ văn chí).

xót, sai trung thư san định luật lệnh, châm chước cho thích dụng với thời thế, chia ra môn loại, biên thành điều khoản, làm thành sách Hình thư của một triều đại, để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong, xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện. Đến đây phép xử án được bằng thẳng rõ ràng, cho nên mới đổi niên hiệu là Minh Đạo và đúc tiền Minh Đạo.

Tháng 11, xuống chiếu cho những người từ 70 tuổi trở lên, 80 tuổi trở xuống, từ 10 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và những người ốm yếu cho đến các thân thuộc nhà vua từ hạng Đại công trở lên¹ phạm tội thì cho chuộc [bằng tiền] nếu phạm tội thập ác thì không được theo lệ này.

Năm ấy, thiên hạ đói to. Xuống chiếu cho Khu mật viện là Nguyễn Châu hạ lệnh cho những người trốn tránh ở các lộ đều phải nhận lấy các cầu đường ở địa phương, đắp đất thành ụ mốc, trên cắm biển gỗ **[31b]** để tiện chỉ hướng đi về các nơi.

Quý Mùi, Minh Đạo năm thứ 2 [1043], (Tổng Khánh Lịch năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, châu Ái làm phản.

Tháng 2, vua ngự ở điện Thiên Khánh, xuống chiếu cho các quan chức cứ 3 người cùng đảm bảo cho một người, nếu có ai chứa giấu đại nam² thì 3 người bị tội cả.

Châu Văn làm phản.

Tháng 3, ngày mồng 1, cho Khai Hoàng Vương [Nhật Tôn] làm Đô thống đại nguyên soái đi đánh châu Ái. Phụng Càn Vương [Nhật Trung] làm Đô thống nguyên soái đi đánh châu Văn. Dẹp yên châu Văn, Phụng Càn Vương dâng 4 con ngựa tốt bắt được. Vua đặt tên cho ngựa là Tái Thiên, Quảng Thăng, Truy Phong, Nhật Ngự.

Mùa hạ, tháng 4, "giặc gió sóng" (nghĩa là nhân gió sóng mà đi cướp) Chiêm Thành cướp bóc dân ven biển. Vua sai Đào Xử Trung đi đánh, dẹp yên được.

Vua ngự đến chùa cổ Tùng Sơn ở châu Vũ Ninh³, thấy dấu người vắng ẻ, nền móng nứt vỡ, trong chùa có cái cột đá lệch nghiêng sắp đổ. Vua **[32a]** thở than, ý muốn sai sửa chữa, nhưng kịp nói thì cột đá bỗng tự đứng thẳng lại. Vua lấy làm lạ, sai Nho thần làm phú để nêu rõ việc linh dị.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu rằng kẻ nào đem bán hoàng nam trong dân gian làm gia nô cho người ta, đã bán rồi thì đánh 100 trượng, thích vào mặt 20 chữ, chưa bán mà đã làm việc cho người thì cũng đáng trượng như thế, thích vào mặt 10 chữ; người nào biết chuyện mà cũng mua thì xử giảm một bậc.

Vua hỏi tả hữu rằng: "Tiên đế mất đi, đến nay đã 16 năm rồi, mà Chiêm Thành chưa từng sai một sứ giả nào sang là có gì? Uy đức của trẫm không đến họ chăng? Hay là họ cậy có núi sông hiểm trở chăng?" Các quan đáp: "Bọn thần cho rằng đó là vì đức của bệ hạ tuy có đến nhưng uy thì chưa rộng. Sao thế? Vì từ khi bệ hạ lên ngôi đến giờ, họ trái mệnh không đến chầu, bệ hạ chỉ ban ơn để vỗ về, **[32b]** chưa từng ra oai dùng võ để đánh phạt, đó không phải là cách làm cho người ta sợ oai. Bọn thần e rằng các chư hầu khác họ trong nước đều như Chiêm Thành cả, há chỉ riêng người Chiêm mà thôi đâu". Vua từ đấy quyết ý đánh Chiêm Thành.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói: Bọn "giặc sóng gió" Chiêm Thành cướp phá dân ven biển nước ta, đem quân hỏi tội là phải, vì như thế là đúng tội danh. Còn nếu nói là người xa không phục, thì cứ lấy đức hóa mà cảm cho họ theo về, há phải đem quân đi xa!

¹ Đại công là hạng tang phục thứ ba trong năm hạng tang phục, chỉ quan hệ anh em con chú con bác (để tang 9 tháng). Hai hạng trên là Tê thôi (cháu nội), Trám thôi (các con).

² Đại nam: tức đại hoàng nam. Theo Ngô Thì Sĩ, thời Lý dân đinh đến 18 tuổi thì ghi tên vào "hoàng sách" (sổ bia vàng), gọi là "hoàng nam"; 20 tuổi trở lên gọi là "đại hoàng nam". Ai nuôi nô bộc riêng chỉ được nuôi người chưa đến tuổi "hoàng nam".

³ Vũ Ninh: tên châu từ thời Lý, đến đầu đời Lê Trung hưng kiêng úy của Trang Tông (Lê Duy Ninh) đổi là Vũ Giang, lại kiêng úy của Uy Nam Vương Trịnh Giang đọc chệch âm là Vũ Giàng. Nay là đất huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc.

Tháng 9, ngày mồng 1, sai Ngụy Trưng đến châu Quảng Nguyên, ban cho Nùng Trí Cao đô ấn, phong làm Thái bảo.

Lê Văn Hưu nói: Năm trước, Nùng Tồn Phúc phản nghịch, tiếm hiệu, lập nước, đặt quan thuộc, Thái Tông đã trị tội Tồn Phúc mà tha cho con là Trí Cao. Nay Trí Cao lại noi theo **[33a]** việc trái phép của cha thì tội lớn lắm, giết đi là phải, nếu lấy lại tước và áp phong, giáng là thứ dân, thì cũng phải. Thái Tông đã tha tội, lại cho thêm mấy châu quận nữa, ban cho ấn tín, phong làm Thái bảo, như thế là thưởng phạt không có phép tắc gì. Đến khi Trí Cao gây tai họa ở Quảng Nguyên, lại đem quân đi đánh, mượn cớ là viện trợ láng giềng, có khác gì thả cộp beo cho cắn người, rồi từ từ đến cứu không? Đó là vì Thái Tông say đắm cái lòng nhân nhỏ của nhà Phật mà quên đi mất cái nghĩa lớn của người làm vua.

Vua định sang năm sẽ đi đánh Chiêm Thành, xuống chiếu sai đóng các chiến thuyền hiệu Long, Phượng, Ngự, Xà, Hồ, Báo, Anh Vũ hơn vài trăm chiếc.

Mùa đông, tháng 10, cái thuận của vua ở điện Trường Xuân tự nhiên rung động. Vua xuống chiếu cho các quan nghị bàn, đều nói rằng: Thuận là đồ binh khí, thần nghe nói có gió thì chim loan liệng trước, **[33b]** sắp có mưa thì đá tảng ướt trước, nay bệ hạ muốn đem quân đánh dẹp kẻ không đến châu mà binh khí tự rung động, đó là cái điềm thần và người lạng lặc, các vật ứng nhau. Kinh Thư nói: "Mình động thì mọi vật ứng theo mà đón trước ý mình. Nay vật ấy đã ứng trước ý mình, còn ngờ gì mà không động". Vua ban cho là phải.

Xuống chiếu rằng quân sĩ bỏ trốn quá 1 năm xử 100 trượng, thích vào mặt 50 chữ, chưa đến 1 năm thì xử theo mức tội nhẹ, kẻ nào quay lại thì cho về chỗ cũ. Quân sĩ không theo xa giá cũng xử trượng như thế và thích vào mặt 10 chữ.

Tháng 12, xuống chiếu cho quân sĩ sửa soạn giáp binh, hẹn đến mùa xuân, tháng 2 sang năm đi đánh Chiêm Thành.

Vua đến hành dinh Cổ Lãm¹ xuống chiếu rằng kẻ nào ăn cướp lúa mạ và tài vật của dân, nếu đã lấy rồi thì xử 100 trượng, nếu chưa lấy được nhưng làm cho người bị thương thì xử tội lưu.

Năm ấy lại đúc tiền Minh Đạo ban cho các quan văn võ.

[34a] Giáp Thân, [Minh Đạo] năm thứ 3 [1044], (Từ tháng 11 trở về sau là niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 1; Tống Khánh Lịch năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, phát khí giới trong kho ban cho các quân. Ngày Quý Mão, vua thân đi đánh Chiêm Thành, cho Khai Hoàng Vương [Nhật Tông] làm Lưu thủ Kinh sư. Ngày ấy Hữu ty đem dâng túi mật to bằng quả bưởi lấy được khi làm cỗ thiếu lao² cúng thần núi. Vua nói đùa rằng: "Chữ "đam" (mật) âm gần với chữ "đam" (vui), con thiếu lao mà có mật to, có lẽ là điềm báo cho ta biết chỉ khó nhọc một chút mà được vui lớn". Ngày Giáp Thìn, quân đi từ Kinh sư, ngày Ất Ty, đến cửa biển Đại Ác, gặp lúc sóng gió yên lặng, đại quân qua biển dễ dàng, cho nên đổi tên Đại Ác làm Đại An³. Đến núi Ma Cô⁴, có đám mây tía bọc lấy mặt trời. Qua vụng Hà Nỗ⁵, có đám mây che thuyền ngự, thoe thuyền mà đi hoặc ngừng. Ngày hôm ấy đến đóng doanh ở cửa biển Trụ Nha (có bản chép Trụ Thân). Ngày hôm sau đi, nhờ thuận gió, trong một ngày qua hai bãi Đại Tiểu Trường

¹ Cổ Lãm: tên gọi thời Đinh Lê của châu Cổ Pháp, xem thêm chú thích 2 tr.????????????????

² Vua cúng đàn xã tắc thì dâng cỗ thái lao (trâu, dê, lợn mỗi thứ 1 con), cúng thần sông núi thì dâng cỗ thiếu lao (dê, lợn mỗi thứ 1 con).

³ Đại An: tên cửa biển, tức Cửa Liêu ở huyện Hải Hậu, tỉnh Hà Nam Ninh, Xem thêm phần chú thích tr.????????????????

⁴ Núi Ma Cô: theo Cương mục, còn có tên núi là Lễ Đễ, ở ngoài biển huyện Kỳ Anh (CMCB3, 9a), tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

⁵ Vụng Hà Nỗ (Hà Nỗ loan): Cương mục chua sông, Ngũ Bồ, vụng Hà Nỗ đều không khỏa được (CMCB3, 10a). Theo Đào Duy Anh, vụng Hà Nỗ có thể là Vụng Chùa, tên chữ Hán là Tự Loan, Đại Việt sử lược chép là Vụng Truy (Đất nước Việt Nam qua các đời, tr.175).

Sa¹. Đến cửa biển Tư Khách², có con cá trắng nhảy vào thuyền. Vua nghe tin Chiêm Thành đem quân và voi bày trận ở bờ nam sông Ngũ Bồ³ muốn chống cự quan quân. Vua truyền cho quân bỏ thuyền lên bộ, đem quân sĩ lên bờ bắc, thấy quân Chiêm đã dàn ở bên sông. Vua mới cất đặt quân sĩ dựng cờ nổi trống, sang tắt ngang sông đánh. Binh lính chưa chạm mà quân Chiêm đã tan vỡ, quan quân đuổi chém được 3 vạn thủ cấp. Quách Gia Di chém được đầu vua Chiêm là Sạ Đầu⁴ tại trận đem dâng. Đoạt được hơn 30 voi thuần, bắt sống hơn 5 nghìn người, còn thì bị quan quân giết chết, máu nhuộm gươm giá, xác chất đầy đồng. Vua tỏ ý cảm khái, xuống lệnh rằng: "Kẻ nào giết bậy người Chiêm Thành thì sẽ giết không tha".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tầm lòng ấy của vua cũng như tầm lòng của Tống Thái Tổ chăng? Truyền ngôi được lâu dài là phải lắm.

[35a] Mùa thu, tháng 7, vua đem quân vào thành Phật Thệ⁵ bắt vợ cả, vợ lẽ của Sạ Đầu và các cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên⁶. Sai sứ đi khắp các hương ấp phủ dụ dân chúng. Các quan chúc mừng thắng lợi.

Tháng 8, đem quân về. Đến hành dinh Nghệ An, gọi Uy Minh hầu Nhật Quang đến úy lạo rồi trao cho tiết việt trấn thủ châu ấy, gia phong tước vương. Trước đây, vua ủy cho Uy Minh thu tô hàng năm ở Nghệ An và sai lập trại Bà Hòa⁷ khiến cho [trấn ấy] được vững chắc, lại đặt điểm canh các nơi cất chứa lương thực đầy đủ, cái gì cũng vừa ý vua, cho nên được tước phong như thế.

Tháng 9, ngày mồng 1, đến phủ Trường Yên, có rồng vàng hiện ở thuyền ngự. Khi đến hành điện Ly Nhân⁸, sai nội nhân thị nữ gọi Mỵ Ê là phi của Sạ Đầu sang hầu thuyền vua. Mỵ Ê phần uất khôn xiết, ngậm lấy chần quẩn vào mình nhảy xuống sông chết. Vua khen là trinh tiết, phong là Hiệp Chính Hựu Thiện phu nhân.

[35b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Phu nhân giữ nghĩa không chịu nhục, chỉ theo một chồng cho đến chết, để toàn vẹn trinh tiết của người đàn bà. Người làm tội mà thờ hai vua tức là tội nhân đối với phu nhân. Vua khen là trinh tiết, phong làm phu nhân để khuyến khích người đời sau là đáng lắm.

Vua từ Chiêm Thành về, làm lễ cáo thắng trận ở miếu Thái Tổ, xong về ngự ở điện Thiên An, mở tiệc rượu làm lễ mừng về đến nơi. Ngày hôm ấy, bày tội dâng tù binh hơn 5 nghìn tên và các thứ vàng bạc châu báu. Xuống chiếu cho các tù binh đều được nhận người cùng bộ tộc, cho ở từ trấn Vĩnh Khang⁹ đến Đăng Châu¹⁰ (nay là Quy Hóa), đặt hương ấp phỏng tên gọi cũ của Chiêm Thành.

Vua sai đặt cối lớn ở Dâm Đàm (tức là Hồ Tây ngày nay), lấy con voi thuần của Chiêm Thành làm môi nhử voi rừng vào trong cối, vua thân đến bắt.

¹ Đại Tiểu Trường Sa: bãi cát từ cửa Nhật Lệ đến Cửa Tùng là Đại Trường Sa; bãi cát từ Cửa Việt đến cửa Tư Hiền, là Tiểu Trường Sa.

² Tư Khách: tên cửa biển đúng tên thời Lý gọi là cửa Ô Long, thời Trần đổi gọi là cửa Tư Dung (do tên huyện Tư Dung, châu Hóa); đời Mạc, vì kiêng húy Mạc Đăng Dung nên đổi gọi là Tư Khách. Thời Nguyễn đổi là Tư Hiền như tên gọi hiện nay, ở phía đông nam tỉnh Thừa Thiên - Huế.

³ Sông Ngũ Bồ: Cương mục chú không rõ ở đâu. Theo Đào Duy Anh (Bản dịch cũ 1, 342), sông Ngũ Bồ có thể là sông Chợ Cùi (hạ lưu sông Thu Bồn) chảy ra cửa Đại Chiêm, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

⁴ Sạ Đầu: tức vua Chiêm Jaya Sinhavarman II (ở ngôi 1042-1044).

⁵ Thành Phật Thệ, xem chú BK1, 18b.

⁶ Tây Thiên khúc điệu: ở đây có thể là những khúc hát và múa Chiêm Thành có nguồn gốc Ấn Độ (Tây Thiên, chỉ Ấn Độ).

⁷ Trại Bà Hòa: theo Cương mục (CB3, 10) ở sông Bà Hòa, nay là xã Đông Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

⁸ Ly Nhân: nay là đất huyện Ly Nhân, tỉnh Nam Hà.

⁹ Vĩnh Khang: nay là đất huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

¹⁰ Đăng Châu: tên châu thời Lý, nay thuộc đất tỉnh Yên Bái và Lào Cai.

Mùa đông, tháng 11, ban thưởng cho những người có công đi đánh Chiêm Thành: có công từ lục phẩm trở lên, thưởng áo bào gấm, từ thất phẩm trở xuống **[36a]** thưởng áo là. Bề tôi xin đổi niên hiệu là Thiên Cảm Thánh Vũ, tặng tôn hiệu thêm tám chữ là Thánh Đức Thiên Cảm Tuyên Uy Thánh Vũ. Vua y theo. Xuống chiếu rằng: "Đánh dẹp phương xa, tổn hại việc nông, ngờ đâu mùa đông năm nay lại được mùa lớn! Nếu trăm họ đã đủ thì trăm lo gì không đủ? Vậy xá cho thiên hạ một nửa tiền thuế năm nay, để úy lại sự khó nhọc lẫn lộn".

Xuống chiếu cho Quyển khổ ty¹, ai nhận riêng một thước lụa của người thì xử 100 trượng, từ 1 tấm đến 10 tấm trở lên thì [phạt trượng] theo số tấm, gia thêm khổ sai 10 năm.

Tháng 12, ngày mồng 1, đặt trạm Hoà Viễn ở bờ sông Gia Lâm làm quán nghỉ trọ cho người nước ngoài khi đến châu.

Thái bảo Nùng Trí Cao về châu.

Năm ấy, xuống chiếu rằng các quân bỏ trốn xử tội theo ba bậc lưu. Cấm quan coi ngục không được sai tù làm việc riêng, ai phạm thì xử 80 trượng, thích chữ vào mặt và giam vào lao.

[36b] Ất Dậu, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 2 [1045], (Tổng Khánh Lịch năm thứ 5). Chế xe Thái Bình, lấy vàng trang sức "bồng la nga" (tức là cái bành voi của Chiêm Thành) đóng voi để kéo.

Dựng bia ở Đại Nội.

Bính Tuất, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 3 [1046], (Tổng Khánh Lịch năm thứ 6). Dựng cung riêng cho các cung nữ Chiêm Thành².

Đinh Hợi, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 4 [1047], (Tổng Khánh Lịch năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, đặt trấn Vọng Quốc và 7 trạm Quy Đức, Bảo Ninh, Tuyên Hóa, Thanh Bình, Vinh Thông, Cẩm Hóa, An Dân, các trạm đều dựng ụ bia, để làm chỗ trọ cho người man di.

Mậu Tý, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 5 [1048], (Tổng Khánh Lịch năm thứ 8). Mùa thu, tháng 9, sai tướng quân là Phùng Trí Năng đi đánh Ai Lao, bắt được người và gia súc rất nhiều đem về.

Nùng Trí Cao làm phản, chiếm giữ động Vật Ác³. Sai Thái úy Quách Thịnh Dật đi đánh. Vừa mới giao chiến, trời đất bỗng tối mù, một lát nghe tiếng sét đánh trong động, **[37a]** thân thể các tù trưởng động ấy bị xé tan, cả động kinh hãi. Trí Cao phải hàng.

Lập đàn xã tắc ở ngoài cửa Trường Quảng, bốn mùa cầu đảo cho mùa màng.

Mùa đông, tháng 12, ngày Lập xuân, xuống chiếu cho hữu ty làm lễ nghênh xuân.

Kỷ Sửu, [Thiên Cảm Thánh Vũ] năm thứ 6 [1049]. (Từ tháng 3 về sau, thuộc niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 1; Tổng Hoàng Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, đổi niên hiệu Sùng Hưng Đại Bảo năm thứ 1.

Mùa đông, tháng 10, dựng chùa Diên Hựu⁴. Trước đây vua chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen, dắt vua lên tòa. Khi tỉnh dậy, vua đem việc ấy nói với bầy tôi, có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa đất⁵, làm tòa sen của Phật Quan

¹ Quyển khổ ty: ty coi việc kho lụa.

² Đại Việt sử lược (q2, 8a) chép cung này tên là cung Ngân Hán.

³ Động Vật Ác: ở phía tây tỉnh Cao Bằng.

⁴ Chùa Diên Hựu: tức chùa Một Cột ở Hà Nội ngày nay.

⁵ Nguyên văn: "lập thạch trụ vu địa trung". Bản Chính Hòa và bản VHV.2330 đều in rõ chữ "địa". Nhưng các bản in của Quốc tử giám (triều Nguyễn) như bản A.3 v.v... sử chữ địa thành chữ trì (ao, hồ). Xét ra nguyên bản Chính Hòa để chữ địa hợp lý hơn: Khi mới làm chùa chỉ dựng cột đá ở giữa đất, đến lần trùng tu năm 1105 mới đào hồ "Liên Hoa Đài" ở xung quanh cột đá (xem: BK3, 15a). Cũng có người giải thích chữ "địa" ở đây là chữ Nôm, đọc là địa tức là ao, hồ. Chúng tôi theo văn bản, dịch là đất trong khi chờ đợi sự xác minh.

Âm đặt trên cột đá như đã thấy trong mộng. Cho các nhà sư đi vòng lượn chung quanh tụng kinh cầu vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu¹.

[37b] Canh Dần, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 2 [1050], (Tổng Hoàng Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, Chiêm Thành dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 6, nước to.

Mùa thu, tháng 9, người động Vật Dương² làm phản, dẹp yên.

Tân Mão, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 3 [1051], (Tổng Hoàng Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, đặt quân tùy xa long, nội ngoại, sai Tả kiêu vệ tướng quân Trần Nắm trông coi.

Định cho các quan văn võ làm việc lâu năm mà không có lỗi được thăng chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Mùa thu, tháng 8, khao thưởng lớn, ban cho dân vải lụa, tiền bạc theo thứ bậc khác nhau.

Mùa đông, tháng 11, đào kênh Lãm³.

Nhâm Thìn, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 4 [1052], (Tổng Hoàng Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, phong các hoàng tử làm vương hầu, các hoàng nữ làm công chúa.

Tháng 3, đúc chuông lớn để ở Long Trì, cho dân ai có oan ức gì không bày tỏ được thì đánh chuông ấy để tâu lên.

Mùa hạ, tháng 4, Nùng Trí Cao làm phản, tiếm xưng là Nhân Huệ Hoàng Đế, **[38a]** đặt quốc hiệu là Đại Nam, sang cướp đất nhà Tống, phá trại Hoàng Sơn⁴, vây hãm các châu Ung, Hoàn, Quý, Đằng, Ngô, Khang, Đoan, Củng, Tâm⁵ rồi kéo đến vây thành Quảng Châu⁶ đến 5 tuần không lấy được, bèn về. Lại vào Ung Châu, giết tướng tá của nhà Tống hơn 3 nghìn người, bắt sống dân chúng hàng vạn. Đi đến đâu đốt trại đến đấy. Vua tội nhà Tống lấy làm lo. Khu mật sứ Địch Thanh dâng biểu xin đi đánh. Vua Tống sai Thanh làm Tuyên huy sứ đô đại để cử, tổng quyền tiết việt đi đánh.

Quý Ty, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 5 [1053], (Tổng Hoàng Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 5, động đất 3 lần. Mồng 10, có mây không có mưa, rồng vàng hiện ở gác Đoan Minh. Bầy tôi chúc mừng, duy có nhà sư Pháp Ngữ nói: "Rồng bay trên trời, nay lại hiện ở dưới là điềm không lành".

Địch Thanh chỉ huy 3 tướng đem quân đến phố Quy Nhân thuộc Ung Châu. Trí Cao đem quân chống đánh bị Địch Thanh đánh bại, chạy hơn 10 dặm **[38b]**. Tướng tâm phúc của Cao là Hoàng Sư Mật cùng với thủ hạ 57 người chết tại trận. Quân Tống đuổi theo giết hơn 2200 người. Trí Cao đốt thành ban đêm trốn đi.

Mùa thu, từ tháng 7 đến tháng 8, nước to.

Mùa đông, tháng 10, Trí Cao sai Lương Châu đến xin quân [cứu viện]. Vua xuống chiếu cho chỉ huy sứ là Vũ Nhị đem quân cứu viện. Địch Thanh lại đánh phá được Trí Cao. Trí Cao chạy sang nước Đại

¹ Diên Hựu: nghĩa là kéo dài cõi phúc (chỉ tuổi thọ).

² Vật Dương: tên động, ở phía bắc huyện Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng.

³ Kênh Lãm (Lãm Cảng): theo Đại Nam nhất thống chí (q. 14, tỉnh Ninh Bình), ở địa phận các xã Thần Phù, Phù Sa và Ngọc Lâm, huyện Yên Mô, nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh. Kênh đã bị bồi lấp thành đất bằng, chỉ còn lại cái đằm gọi là đằm Lãm.

⁴ Trại Hoàng Sơn: nay là huyện Hoàn, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

⁵ Các châu: Ung, Quý, Đằng, Ngô, Củng, Tâm nay đều thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Hai châu: Khang, Đoan, nay thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

⁶ Nguyên văn: "chí Quảng Châu thành truyền thành công chi ". Hai chữ "truyền thành" ở đây chưa rõ nghĩa gì, ngờ chữ vi (vây), lầm ra chữ truyền; tạm dịch như trên.

Lý¹. Người nước Đại Lý chém đầu Cao bỏ vào hòm dâng vua Tống. Từ đây họ Nùng bị diệt. Trước đây, Trí Cao cướp biên giới nước nước Tống, Tống sai Khu mật trực học sĩ Tôn Miện, Nhập nội áp ban Thạch Toàn Bản cùng Kinh lược sứ bản lộ là Dư Tĩnh tính việc đánh giặc cướp, vua xin đem quân đánh giúp, vua Tống cho được tiện nghi. Đến khi Địch Thanh làm Đại tướng bèn tâu rằng: "Mượn binh ngoài để trừ giặc trong không lợi cho ta. Có một Trí Cao mà sức hai tỉnh Quảng không thể chống nổi, lại phải nhờ đến quân cõi ngoài, [39a] nếu họ nhân đó mà dấy loạn, thì lấy gì chống lại?" Năm ấy, nhà Tống có chiếu dừng việc viện binh của ta. Đến khi Trí Cao xin quân, vua lại nghe theo lời xin. Đô giám nhà Tống là Tiêu Chú đi theo đường đạo Đạc Ma² đánh úp, bắt được mẹ là Trí Cao là A Nùng, đem giết.

Giáp Ngọ, [Sùng Hưng Đại Bảo] năm thứ 6 [1054], (Từ tháng 9 về sau thuộc niên hiệu của Thánh Tông Long Thụy Thái Bình năm thứ 1; Tống Chí Hòa năm thứ 1).

Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu cho Hoàng thái tử Nhật Tôn coi châu nghe chính sự.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xem đoạn văn ở dưới chép tháng 9 vua không khỏe, thì tháng này xuống chiếu cho thái tử ra coi châu nghe chính sự là việc bất đắc dĩ.

Tháng 9, ngày Mậu Dần, vua không khỏe.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng một, vua băng ở điện Trường Xuân. Thái tử lên ngôi ở trước linh cữu; đổi niên hiệu là Long Thụy Thái Bình năm thứ 1. Truy tôn [39b] tên Thụy cho Đại Hành Hoàng Đế, miếu hiệu là Thái Tông, mẹ họ Mai làm Kim Thiên Hoàng Thái Hậu. Đặt quốc hiệu là Đại Việt. Ban quan tước cho các bề tôi cũ ở Đông cung theo thứ bậc khác nhau. Cho Bùi Hựu làm Văn minh điện đại học sĩ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sử khen vua là người nhân triết, thông tuệ, có đại lược văn võ, lục nghệ không nghề gì không tường. Vì có tài đức ấy, nên có thể làm mọi việc, song câu nệ về lễ yến hưởng vua tôi, đương lúc đau thương mà cũng vui chơi, khiến cho đạo chí hiếu có thiếu sót. Mê hoặc bởi cái thuyết từ ái của Phật mà tha tội cho bề tôi phản nghịch³ thì lòng nhân ấy thành ra nhu nhược, đó là chỗ kém.

¹ Nước Đại Lý: một nước ở vùng Vân Nam, Trung Quốc, trên địa bàn của nước Nam Chiếu đời Đường, cư dân chủ yếu là người Di, mà thư tịch cổ Trung Quốc thường chép là người Thoán, Bạc. Việc quân của Vũ Nhị cứu viện cho Nùng Trí Cao đánh quân Tống không thấy tài liệu nào nói đến; có thể chỉ mới có dự định, chưa kịp thực hiện thì Trí Cao đã chết.

² Đạo Đạc Ma: tức phủ Quảng Nam, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

³ Chỉ việc Lý Thái Tông tha tội cho Nùng Trí Cao.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỳ Toàn Thư

Quyển III

[1a]

Thánh Tông Hoàng Đế

Tên húy là Nhật Tôn, con trưởng của Thái Tông. Mẹ là Kim Thiên Thái Hậu họ Mai, khi trước chiêm bao thấy mặt trăng vào bụng rồi có mang, ngày 25 tháng 2 năm Quý Hợi, Thuận Thiên thứ 14 [1023], sinh vua ở cung Long Đức. Năm Thiên Thành thứ 1 [1028], được sách phong làm Đông Cung Thái Tử. Thái Tông băng, bèn lên ngôi báu, ở ngôi 17 năm [1054-1072], thọ 50 tuổi [1023-1072], băng ở điện Hội Tiên.

Vua khéo kế thừa, thực lòng thương dân, trọng việc làm ruộng, thương kẻ bị hình, vỗ về thu phục người xa, đặt khoa bác sĩ, hậu lễ dưỡng liêm, sửa sang việc văn, phòng bị việc võ, trong nước yên tĩnh, đáng gọi là bậc vua tốt. Song nhọc sức dân xây tháp Báo Thiên, phí của dân làm cung Dâm Đàm đó là chỗ kém.

Ất Mùi, Long Thụy Thái Bình năm thứ 2 [1055], (Tổng Chí Hòa năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, sửa sang các cung điện trong đại nội.

Tháng 2, lấy ngày sinh nhật làm thánh tiết Thừa Thiên.

Nước Chiêm Thành sang cống.

Mùa đông, tháng 10, [1b] đại hàn, vua bảo các quan tả hữu rằng: "Trẫm ở trong cung, sưởi than xương thú, mặc áo lông chồn còn rét thế này, nghĩ đến người tù bị giam trong ngục, khổ sở về gông cùm, chưa rõ ngay gian, ăn không no bụng, mặc không kín thân, khổ khổ vì gió rét, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót. Vậy lệnh cho Hữu ty phát chẩn chiếu, và cấp cơm ăn ngày hai bữa.

Nhà Tống phong cho vua làm Giao chỉ Quận Vương.

Bính Thân, [Long Thụy Thái Bình] năm thứ 3 [1056], (Tổng Gia Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng nước Chân Lạp sang cống.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu khuyến nông.

Làm chùa Sùng Khánh Báo Thiên, phát 1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông lớn. Vua thân làm bài minh¹.

Đinh Dậu, [Long Thụy Thái Bình] năm thứ 4 [1057], (Tổng Gia Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, xây bảo tháp Đại Thắng Tự Thiên cao vài [2a] chục trượng, theo kiểu 12 tầng (tức là tháp Báo Thiên).

Sai sứ đem con thú lạ sang biểu nhà Tống nói là con lân. Tư Mã Quang nói: "Nếu là con lân thực mà đến không phải thời cũng chẳng lấy gì làm điềm tốt, nếu không phải lân, thì làm cho người phương xa chê cười. Xin hậu thưởng rồi bảo đem về".

Mùa đông, tháng 12, làm hai chùa Thiên Phúc và Thiên Thọ. Đúc hai pho tượng Phạn Vương và Đế Thích bằng vàng để phụng thờ. (Triều nhà Trần làm lễ yết chùa, tức là ở hai chùa này).

¹ Minh văn: bài văn khắc trên các đồ kim khí như chuông, đỉnh hoặc trên bia đá.

Mậu Tuất, [Long Thụy Thái Bình] năm thứ 5 [1058], (Tổng Gia Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, sửa chữa cửa Tường Phù.

Kỷ Hợi, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 1 [1059], (Tổng Gia Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, đánh Khâm Châu nước Tống, khoe binh uy rồi về, vì ghét nhà Tống phản phúc.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự điện Thủy Tinh cho các quan vào chầu, truyền các quan đội mũ phốc đầu¹, đi hia, mới cho vào. Đội mũ phốc đầu, đi hia bắt đầu từ đây.

[2b] Định hiệu quân, gọi là Ngự Long, Vũ Thắng, Long Dực, Thần Điện, Bổng Thánh, Bảo Thắng, Hùng Lược, Vạn Tiệp đều chia làm tả hữu, thích vào trán ba chữ "Thiên tử quân".

Canh Tý, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 2 [1060], (Tổng Gia Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, châu mục Lạng Châu là Thân Thiệu Thái đi bắt những binh lính bỏ trốn vào đất Tống, bắt được chỉ huy sứ là Dương Bảo Tài và quân lính, trâu ngựa đem về.

Mùa thu, tháng 7, quân Tống sang xâm lấn, không được, bèn sai Thị Lang bộ lại là Dư Tĩnh đến Ung Châu để hội nghị. Vua sai Phí Gia Hựu đi. Tĩnh hậu tặng cho Gia Hựu và đưa thư xin trả Bảo Tài cho họ, vua không nghe.

Tháng 8, phiên dịch nhạc khúc và điệu đánh trống của Chiêm Thành, sai nhạc công ca hát.

Làm hành cung cạnh hồ Dâm Đàm² để xem đánh cá.

Tân Sửu, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 3 [1061], (Tổng Gia Hựu năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, chọn con gái dân gian 12 người vào hậu **[3a]** cung.

Châu La Thuận dâng voi trắng.

Nhâm Dần, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 4 [1062], (Tổng Gia Hựu năm thứ 7).

Mùa xuân, quận Gia Lâm dâng con rùa 3 chân, mắt có 6 con người.

Quý Mão, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 5 [1063], (Tổng Gia Hựu năm thứ 8).

Bấy giờ vua xuân thu đã nhiều, tuổi 40 mươi mà chưa có con trai nối dõi, sai Chi hậu nội nhân Nguyễn Bông làm lễ cầu tự ở chùa Thánh Chúa, sau đó _ Lan phu nhân có mang, sinh hoàng tử Càn Đức tức Nhân Tông, (Tục truyền rằng vua cúng khẩn cầu tự chưa thấy hiệu nghiệm, nhân đi chơi khắp các chùa quán, xa giá đi đến đâu, con trai con gái đổ xô đến xem không ngớt, duy có một người con gái hái dâu cứ nép trong bụi cỏ lan. Vua trông thấy, gọi đưa vào cung, được vua yêu, phong làm _ Lan phu nhân. Vua muốn có con trai, sai Bông đem hương cầu đảo ở chùa Thánh Chúa. Nhà sư dạy cho Bông thuật đầu thai thác hoá. Bông nghe theo. Việc phát giác, đem chém Bông ở trước cửa chùa. Người sau gọi chỗ ấy³ là Đồng Bông. Chùa ở xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm⁴, Đồng Bông ở phía Tây trước cửa chùa, nay hãy còn.

Giáp Thìn, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 6 [1064], (Tổng Anh Tông Thự, Trị Bình năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng sai sứ sang Tống.

Mùa hạ, tháng 4, **[3b]** vua ngự ở điện Thiên Khánh xử kiện. Khi ấy công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh, vua chỉ vào công chúa, bảo ngục lại rằng: "Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu biết mà mắc vào hình pháp, trẫm rất thương xót, từ nay về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giảm".

¹ **Phốc đầu**: tên mũ, tức là mũ cánh chuồn, có hai dải cánh giương ra hai bên.

² **Dâm Đàm**: tức Hồ Tây ở Hà Nội, xem BK2, 35b.

³ Nguyên văn: "Hậu nhân mục kỳ xứ viết". Chữ ____ "mục" trong câu này không hợp nghĩa (người sau nhìn xứ ấy (?), gọi là), có lẽ là chữ ____ vị (... vị kỳ xứ viết ...)

⁴ Huyện Từ Liêm: nay thuộc Hà Nội.

Bính Ngọ, [Long Chương Thiên Tự] năm thứ 1 [1066], (Tổng Trị Bình năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 25, giờ Hợi, hoàng tử Càn Đức sinh. Ngày hôm sau, lập làm hoàng thái tử, đổi niên hiệu, đại xá phong mẹ thái tử là _ Lan phu nhân làm Thần phi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: thái tử là căn bản của nước, không lập sớm không được. Kinh Xuân thu chép: "Con là Đồng sinh" ý cũng bởi đó. Vua tuổi đã cao, may mà sinh hoàng tử, [4a] mừng vui bội phần, vội lập làm hoàng thái tử, đại xá thiên hạ, để yên lòng mong mỏi của muôn dân là phải lắm.

Mùa thu, tháng 9, sai lang tướng là Quách Mẫn xây tháp ở núi Tiên Du¹.

Lái buôn người nước Trảo Oa² dâng ngọc châu dạ quang, trả tiền giá 1 vạn quan.

Đinh Mùi, [Long Chương Thiên Tự] năm thứ 2 [1067], (Tổng Trị Bình năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, các nước Ngưu Hống³, Ai Lao dâng vàng bạc, trầm hương, sừng tê, ngà voi và các thứ sản vật địa phương.

Nhà Tống gia phong vua làm Khai phủ nghi đồng tam ti, rồi lại gia phong làm Nam Bình Vương. Cho Viên ngoại lang là Ngụy Trọng Hoà và Đặng Thế Tư làm Đô hộ phủ sĩ sư⁴, đổi mười người thư gia⁵ làm án ngục lại⁶. Cho Trọng Hoà và Thế Tư mỗi người bổng hàng năm là 50 quan tiền, 100 bó lúa và các thứ cá muối v.v.. [4b] ngục lại mỗi người 20 quan tiền, 100 bó lúa để nuôi đức liêm khiết của họ.

Mậu Thân⁷, [Long Chương Thiên Tự] năm thứ 3 [1068], (từ tháng 2 về sau là niên hiệu Thiên Huống Bảo Tượng thứ 1; Tống Thần Tông Hy Ninh năm thứ 1). (Xét bài ký tháp Thăng Bình, Thanh Hoá lấy năm này làm Thần vũ năm thứ 1 là sai).

Mùa xuân, tháng 2, hoàng tử là Minh Nhân vương (không rõ tên) sinh, đó là người em cùng mẹ của Nhân Tông.

Châu Chân Đẳng⁸ dâng 2 con voi trắng, nhân đó đổi niên hiệu là Thiên Huống Bảo Tượng⁹ năm thứ 1.

Đổi hương Thổ Lỗi làm Hương Siêu Loại¹⁰, vì là nơi sinh của Nguyên Phi.

Chiêm thành dâng voi trắng, sau lại quấy nhiễu biên giới.

Kỷ Dậu¹¹, [Thiên Huống Bảo Tượng] năm thứ 2 [1069], (Từ tháng 7 về sau là niên hiệu Thần Vũ năm thứ 1; Tống Hy Ninh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, vua thân đi đánh Chiêm Thành, bắt được

¹ Núi Tiên Du: xem chú thích BK2, 22B

² Trảo Oa: phiên âm tên đảo Java (Indonesia)

³ Ngưu Hống: tộc người Thái ở vùng Sơn La, có thể là người Thái Đen. Ngưu Hống có thể là phiên âm tên Ngưu Hẩu trong tiếng Thái, có nghĩa là "Rắn hổ mang". Theo Quấm tố mướu (truyện kể bản Mường) của người Thái Đen thì chúa Lò Rẹt ở Mường Muối (khoảng thế kỷ XIV) lấy hiệu là Ngưu Hẩu. Nhưng Ngưu Hẩu có thể là hình tượng của tộc Thái Đen từ trước

⁴ Sĩ sư: tên chức quan coi việc hình pháp ở Đô hộ phủ (Đô hộ phủ vốn là tên gọi cơ quan cai trị cấp châu đời Đường, các triều đình Đinh, Lê, Lý vẫn giữ tên Đô Hộ Phủ, nhưng chỉ chuyên việc hình pháp)

⁵ Thư gia: Theo Lê Quý Đôn, thư gia tức là ty lại (Kiến Văn Tiểu Lục, bản dịch, Nxb Sử học, 1962, tr. 129 - 130), có thể cũng như tên gọi "thư lại" đời sau. Phan Huy Chú ghi tên các thư gia như: Nội hòa thư gia, Ngự khổ thư gia, Chi hậu thư gia, Nội thư gia, Lệnh thư gia v.v ... (Lịch triều hiến chương loại chí, bản dịch, T.2, Nxb Sử học, 1962, tr. 6)

⁶ Án ngục lại: người giúp việc xét hỏi về công việc hình án.

⁷ Nguyên bản in lầm là "Giáp Thân", theo thứ tự niên hiệu và can chi thì ở đây phải là năm "Mậu Thân" (1068). Việt sử lược q.2, 13a cũng chép "Mậu thân"

⁸ Châu Chân Đẳng: xem chú thích trang BK2, 21a.

⁹ Thiên Huống Bảo Tượng nghĩa là "Trời cho con voi trắng".

¹⁰ Hương Siêu Loại: nay thuộc địa phận huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc.

¹¹ Nguyên bản in nhầm là "Ất Dậu". Theo thứ tự niên hiệu và can chi ở đây phải là năm "Kỷ Dậu" (1069). Việt Sử Lược Q.2, 13b cũng chép "Kỷ Dậu"

vua nước ấy là Chế Củ¹ và dân chúng 5 vạn người. trận này vua đánh chiêm thành mãi không được, đem quân về đến châu Cư Liên, nghe tin Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân [5a] cảm hoá hoà hợp. Trong cõi vững vàng, tôn sùng Phật giáo, dân gọi là bà Quan Âm, vua nói: "Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng được việc gì hay sao?". Bèn quay lại đánh nữa, thắng được.

Mùa hạ, tháng 6 đem quân về. Mùa thu, tháng 7, vua từ Chiêm thành về đến nơi, dâng tù ở Thái Miếu, đổi niên hiệu là Thần Vũ năm thứ 1. Chế Củ xin dâng ba châu Địa Lý², Ma Linh³, Bồ Chính⁴ để chuộc tội. Vua bằng lòng, tha cho Chế Củ về nước (Địa Lý nay là tỉnh Quảng nam)⁵.

Mùa đông, tháng 10, ngày Đinh Sửu, có đám mây sắc đỏ sất mặt trời.

Canh Tuất, Thần Vũ năm thứ 2 [1070], (Tổng Hy Ninh, năm thứ 3). Mùa xuân, làm điện Tử Thần.

Mùa hạ, tháng 4 đại hạn, phát thóc, và tiền lụa trong kho để chẩn cấp cho dân nghèo.

Mùa thu, tháng 8, làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối⁶, vẽ tượng Thất thập nhị hiền⁷, bốn mùa cúng tế. Hoàng thái tử đến học ở đây.

[5b] Tân Hợi, [Thần Vũ] năm thứ 3 [1071], (Tổng Hy Ninh, năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, vua viết bia chữ "Phật" dài 1 trượng 6 thước đặt ở chùa Tiên Du⁸. Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa.

Chiêm Thành sang cống.

Định tiền chuộc tội theo thứ bậc khác nhau.

Mùa đông, tháng 12, vua không khỏe. Xuống chiếu cho Hữu ty ai vào lẫm hành lang tả hữu quan chức đô⁹ thì đánh 80 trượng.

Nhâm Tý, [Thần Vũ] năm thứ 4 [1072], (Từ tháng giêng về sau là Nhân Tông, Thái Ninh năm thứ 1; Tổng Hy Ninh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Dần, vua băng ở điện Hội Tiên. [Bây tôi] dâng hiệu là Ứng Thiên Sùng Nhân Chí Đạo Uy Khánh Long Tường Minh Văn Duệ Vũ Hiếu Đức Thánh Thần Hoàng Đế, miếu hiệu là Thánh Tông.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xót thương vì hình ngục, nhân từ với nhân dân, là việc đầu tiên của vương chính. Thánh Tông lo tù nhân trong ngục hoặc có kẻ vô tội mà chết vì đói rét, [6a] cấp cho chiếu chăn ăn uống để nuôi sống, lo quan lại giữ việc hình ngục hoặc có kẻ vì nhà nghèo mà nhận tiền dứt lốt, cấp thêm cho tiền bổng và thức ăn để nhà được giàu đủ. Lo dân thiếu ăn thì xuống chiếu khuyến nông, gặp năm đại hạn thì ban lệnh chẩn cấp người nghèo, trước sau một lòng, đều là thành thực. Huống chi lại tôn sùng đạo học, định rõ chế độ, văn sự thi hành mau chóng bên trong; phía nam bình Chiêm; phía bắc đánh Tống, uy vũ biểu dương hiển hách bên ngoài. Tuy có việc làm lỗi nhỏ khác cũng vẫn là bậc vua hiền. Hoặc có người bảo là vua nhân nhu có thừa mà cương đoán không đủ, ngu ý chưa cho là phải.

¹ Chế Củ: tức vua Chiêm Thành Rudravarman IV.

² Châu Địa Lý: năm Thái Ninh thứ 4 (1075) đời vua Lý Nhân Tông đổi gọi là châu Lâm Bình, nay là đất huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình

³ Châu Ma Linh: năm 1075 đời Lý Nhân Tông đổi gọi là châu Minh Linh, nay là đất huyện Bến Hải, tỉnh Quảng Trị

⁴ Châu Bồ Chính: nay là đất các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

⁵ Lời chú thích trong nguyên bản nói: "Địa Lý nay là Quảng Nam" là không đúng. Xem chú thích về châu Địa Lý ở trên.

⁶ Tứ phối: chỉ Nhan Uyên, Tăng Sâm, Tử Tư, Mạnh Tử là bốn học trò của Khổng Tử được thờ với thầy ở Văn Miếu.

⁷ Thất thập nhị hiền: 72 học trò giỏi của Khổng Tử.

⁸ Chùa Tiên Du: ở núi Tiên Du, xem chú thích (4) trang 256)

⁹ Tức dãy hành lang đã quy định chỉ có các quan chức đô (chỉ huy các đô quân cấm vệ) mới được phép lui tới

Hoàng thái tử Càn Đức lên ngôi trước linh cữu, đổi niên hiệu là Thái Ninh năm thứ 1. Bấy giờ vua mới 7 tuổi, tôn mẹ đẻ là _ Lan nguyên phi làm Hoàng thái phi, tôn mẹ đích là Thượng Dương thái hậu [6b] họ Dương làm Hoàng thái hậu, buông rèm cùng nghe chính sự, Thái sư Lý Đạo Thành giúp đỡ công việc.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, vua xem lễ tắm Phật.

Vua bắt đầu ngự điện Thiên An coi châu. Tha các tù ở phủ Đô hộ.

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Húy Càn Đức, con trưởng của Thánh Tông, mẹ đẻ là thái hậu Linh Nhân, sinh vua ngày 25 tháng giêng năm Bính Ngọ, Long Chương Thiên Tự thứ 1 [1066], ngày hôm sau lập hoàng thái tử. Thánh Tông băng, vua lên ngôi hoàng đế, ở ngôi 56 năm [1072 - 1127], thọ 63 tuổi [1066 - 1127], băng ở điện Vĩnh Quang. Vua trán dô mặt rộng, tay dài quá gối, sáng suốt thân võ, trí tuệ hiểu nhân, nước lớn sợ, nước nhỏ mến, thần giúp người theo, thông âm luật, chế ca nhạc, dân được giàu đông, mình được thái bình, là vua giỏi của triều Lý. Tiếc rằng mộ đạo Phật, thích điềm lành, đó là điều lụy cho đức tốt.

Quý Sửu, Thái Ninh năm thứ 2 [1073], (Tổng Hy Ninh năm thứ 6). Bấy giờ mưa dầm, rước phật Pháp Vân¹ về kinh để cầu tịnh. Cúng thần núi Tân Viên.

Giam Hoàng thái hậu họ Dương, tôn Hoàng thái phi làm Linh [7a] Nhân hoàng thái hậu. Linh nhân có tính ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không được dự chính sự, mới kêu với vua rằng: "Mẹ già khó nhọc mới có ngày nay, mà bây giờ phú quý người khác được hưởng thế thì sẽ để mẹ già vào đâu?". Vua bèn sai đem giam Dương thái hậu và 76 người thị nữ vào cung Thượng Dương, rồi bức phải chết chôn theo lăng Thánh Tông.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông là người nhân hiếu, Linh Nhân là người sùng Phật, sao lại đến nỗi giết đích thái hậu, hãm hại người vô tội, tàn nhẫn đến thế ư? Vì ghen là thường tình của đàn bà, huống chi lại mẹ đẻ mà không được dự chính sự. Linh Nhân dẫu là người hiền cũng không thể nhẫn nại được, cho nên phải kêu với vua. Bấy giờ vua còn trẻ thơ, chỉ biết chiều lòng mẹ là thích, mà không biết là lỗi to. Thái sư Lý Đạo Thành phải ra trấn bên ngoài, biết đâu chẳng vì can gián [7b] việc ấy?

Nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

Thái sư Lý Đạo Thành lấy chức Tả gián nghị đại phu ra coi châu Nghệ An. Đạo Thành lập viện Địa Tạng ở trong miếu Vương Thánh châu ấy, ở giữa viện đặt tượng Phật và vị hiệu của Thánh Tông, sớm hôm thờ phụng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo Thành là đại thần cùng họ, đương khi để tang Thánh Tông vì có việc ra trấn ở ngoài, lòng cảm nhớ tiên đế là chân tình, nhân mượn cơ thờ Phật để thờ vua, đó chỉ là việc nhất thời mà thôi. Về sau những người trấn thủ châu Nghệ An vẫn lấy nơi ấy làm chỗ phụng thờ Thánh Tông, suốt cả triều Lý không ai chê việc ấy là trái. Phàm vua không được tế ở nhà bề tôi, cha không được tế ở nhà con thứ, huống chi lại thờ chung với người Di. [8a] Đó là lỗi của nhà Lý sùng Phật.

Giáp Dần, [Thái Ninh] năm thứ 3 [1074], (Tổng Hy Ninh năm thứ 7). Mùa xuân có chim sẻ trắng đậu ở cấm đình. Chiêm Thành lại quấy rối biên giới.

Cho Lý Đạo Thành làm Thái phó bình chương quân quốc trọng sự.

Xuống chiếu cho các công thần 80 tuổi đều được chống gậy ngồi ghế khi vào chầu.

¹ Phật Pháp Vân: là Phật ở chùa Pháp Vân, tức chùa Dâu, ở huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc ngày nay

Ất Mão, [Thái Ninh] năm thứ 4 [1075], (Tổng Hy Ninh năm thứ 8). Mùa xuân, tháng 2, xuống chiếu tuyển Minh kinh bác học và thi Nho học tam trường. Lê Văn Thịnh trúng tuyển, cho vào hầu vua học.

Vương An Thạch nhà Tống cầm quyền, tâu [với vua Tống] rằng nước ta bị Chiêm Thành đánh phá. Quân còn sót lại không đầy vạn người, có thể dùng kế chiếm lấy được. Vua Tống sai Thẩm Khởi, và Lưu di làm tri Quế Châu¹ ngầm dẫn binh người Man động², đóng thuyền bè, tập thủy chiến, cấm các châu huyện không được mua bán với nước ta. Vua biết tin, sai Lý Thường Kiệt, [8b] Tông Đản đem hơn 10 vạn binh đi đánh. Quân thủy, quân bộ đều tiến³. Thường Kiệt đánh các châu Khâm, Liêm; Đản vây châu Ứng, Đô giám Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu. Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Lôn (nay là phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây của nhà Minh) phá tan được, chém Thủ Tiết tại trận. Tri Ứng châu là Tô Giám cố thủ không hàng. Quân ta đánh đến hơn 40 ngày, chông bao đất trèo lên thành. Thành bèn bị hạ. Giám cho gia thuộc 36 người chết trước, chôn xác vào hố, rồi châm lửa tự đốt chết. người trong thành cảm ân nghĩa của Giám, không một người nào chịu hàng, giết hết hơn 5 vạn 8 nghìn người, cộng với số người chết ở các châu Khâm, Liêm thì đến hơn 10 vạn. Bọn Thường Kiệt bắt sống người ba châu ấy đem về. Vua Tống truy tặng Giám là Phụng quốc quân tiết độ sứ, thụy là Trung Dũng, cho một khu nhà lớn ở kinh thành, 10 khoảnh ruộng tốt cho thân tộc [9a] 7 người làm quan, cho con là Nguyễn chức Cáp môn chi hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhà Tống cho Tô Giám thụy là Trung Dũng cũng đủ nêu rõ sự trung dũng của Lý Thường Kiệt, há có thể xem như hạng Túc Sa⁴ đâu?

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 1 Canh Dần, nhật thực.

Sai Lý Thường Kiệt tổng lĩnh các quân đi đánh Chiêm Thành, không thắng được. Thường Kiệt bèn họa địa đồ hình thế núi sông của ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh rồi về. Đồi châu Địa Lý làm châu Lâm Bình, châu Ma Linh là châu Minh Linh, chiêu mộ dân chúng đến đây ở. Cho Thường Kiệt làm Thái úy.

Bính Thìn, [Thái Ninh] năm thứ 5 [1076], (từ tháng 4 về sau là niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 1; Tổng Hy Ninh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, nhà Tống sai tuyên phủ sứ Quảng Nam⁵ là Quách Quỳ làm Chiêu Thảo sứ, Triệu Tiết làm phó, đem quân 9 tướng, hợp với Chiêm Thành và [9b] Chân Lạp sang xâm lấn nước ta. Vua sai Lý Thường Kiệt đem quân đón đánh, đến sông Như Nguyệt⁶ đánh tan được. Quân Tống chết hơn 1 nghìn người. Quách Quỳ lui quân, lại lấy châu Quảng Nguyên của ta (người đời truyền rằng Thường Kiệt làm hàng rào theo dọc sông để cố thủ. Một đêm quân sĩ chợt nghe ở trong đồn Trương tướng quân có tiếng đọc to rằng:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên phân định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!

(Sông núi nước Nam, Nam đế ở,

¹ Quế Châu: nay là đất huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

² Người man động: ở đây chỉ chung người các dân tộc thiểu số ở miền núi biên giới Việt - Tống.

³ Cương mục dẫn Cương mục tục biên của Trung Quốc, ghi cuộc hành quân của Lý Thường Kiệt bắt đầu vào mùa đông năm Ất Mão (1075), đánh châu Khâm và châu Liêm vào tháng 11 năm ấy, đánh châu Ung vào tháng giêng năm Bính Thìn (1076) để đình chỉ việc Toàn Thư ở đây ghi dưới đoạn chép việc tháng 2, trước đoạn chép việc mùa thu tháng 8 (CMCB3, 36a)

⁴ Túc Sa: chỉ Túc Sa Vệ, tướng nước Tề thời Xuân Thu, theo lệnh của Tề Tương Công đem quân đi đánh đất Lai, thế thắng, nhưng Vệ nhận hối lộ rồi đem quân trở về

⁵ Quảng Nam: tên lộ của nhà Tống, sau chia làm Quảng Nam Đông lộ, tức tỉnh Quảng Đông và Quảng Nam Tây lộ, tức tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

⁶ Sông Như Nguyệt: tức sông Cầu

Rõ ràng phân định tại sách trời
Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?
Cứ thử làm xem, chuốc bại như¹⁾

Sau đó quả nhiên như thế. (Hai anh em Trương tướng quân, anh tên là Khiếu², em tên là Hát, đều là tướng giỏi của Triệu Việt Vương. [Triệu] Việt Vương bị [Hậu] Lý Nam Đế đánh bại mà mất nước. Nam Đế gọi cho làm quan, hai người đều nói: "Tôi trung không thờ kẻ làm vua đã giết hại chủ mình". Rồi ẩn mình trốn ở núi Phù Long, Nam Đế gọi mấy lần không chịu ra, mới hạ lệnh ai chém được thủ cấp hai người thì thưởng nghìn vàng. Hai người đều uống thuốc độc chết. Nam Tấn Vương nhà Ngô đi đánh giặc Lý Huy ở châu Tây Long đóng quân ở cửa Phù La³, chiêm bao thấy có hai người xin theo giúp quân, nói rằng trời thương họ là trung thần không thờ hai vua, bổ làm "Than hà Long quân phó tuần Vũ Lăng nhị giang" và Chi mạn nguyên tuần giang đô phó sứ". Đến khi dẹp xong giặc, Nam Tấn Vương nhà Ngô phong cho anh làm "Đại đương giang đô hộ quốc thần vương", lập đền thờ ở cửa sông Như Nguyệt, em là "Tiểu đương giang đô hộ quốc thần vương", lập đền thờ ở cửa sông Nam quận tức là đền thờ này).

Mùa hạ, tháng 4, đại xa, đổi niên hiệu làm Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 1.

Xuống chiếu cầu lời nói thẳng.

[10a] Cất nhắc những người hiền lương có tài văn võ cho quản quân dân.

Chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ cho vào Quốc tử giám.

Đinh Tỵ, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 2 [1077], (Tổng Hy Ninh năm thứ 10). Mùa xuân, mở hội Nhân Vương⁴ ở điện Thiên An.

Tháng 2, thi lại viện bằng phép viết chữ, phép tính và hình luật.

Tháng 3, lại đem đại binh sang đánh hai châu Khâm và Liêm nước Tống, nói lấy tiếng rằng nhà Tống thi hành phép thanh miếu⁵, tàn hại dân Trung quốc, cho nên đem quân sang hỏi tội để cứu giúp nhau⁶.

Mùa đông, tháng 12, Triệu Tiết nhà Tống sang xâm lấn, không được lại đem quân về⁷.

Mậu Ngọ, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 3 [1078], (Tổng Nguyên Phong năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sửa lại thành Đại La, sai Đào Tống Nguyên đem biểu nhà Tống 5 con voi thuần, xin trả lại các châu Quảng Nguyên, Tô Mậu, và những người các châu ấy bị bắt đi.

¹ Bài thơ này có nhiều dị bản chép trong Việt Điện U Linh, Trương tôn thần sự tích, Thiên Nam vân lục liệt truyện, Hoàng Việt thi tuyển v.v... ở đây chúng tôi dịch nghĩa theo văn bản của Toàn Thư

² Về tên nhân vật truyền thuyết, người anh của Trương Hải, Việt điện u linh, Hoàng Việt thi tuyển v.v... chép là Trương Hồng, nhưng ở đây nguyên bản Toàn Thư in rõ là Khiếu (Hống và Khiếu đều có nghĩa là kêu to, nhưng Hống riêng dùng với loài vật lớn). Ngoài Toàn Thư còn có Toàn Việt thi lục cũng chép là Trương Khiếu. Chúng tôi dịch theo văn bản Toàn Thư và nêu vấn đề để xác minh sau.

³ Châu Tây Long và cửa Phù Lan: chưa rõ ở đâu, Lê Đại Hành phong cho con là Càn làm Ngự Bắc Vương, đóng ở Phù Lan, Cương Mục ghi Phù Lan là tên trại ở xã Phú Vệ, huyện Đường Hòa, Hải Dương (CMCB1,27a). Đường Hòa nay là huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Dương.

⁴ Nhân Vương Hội: tức hội tụng kinh Phật thuyết Nhân Vương Bát Nhã Bà La Mật Kinh, trong đó có đoạn nói rằng vua các nước cầu nguyện kinh này thì muôn dân được tai qua nạn khỏi.

⁵ Chỉ biện pháp kinh tế của nhà Tống do Vương An Thạch đề xướng: mỗi năm hai vụ xuân hè, nhà nước cho dân vay tiền lúc lúa còn non, khi gặt trả lãi 2 phần.

⁶ Như Toàn Thư ghi đây thì quân nhà Lý trước sau hai lần sang đánh châu Khâm, châu Liêm (lần trước vào năm Ất Mão, 1075, và lần này vào tháng 3 năm Đinh Tỵ, 1077). Cương Mục theo các tài liệu của Trung Quốc như Cương Mục tục biên, Giao Chỉ di biên đã sửa lại, ghi cuộc hành quân năm Ất Mão diễn ra vào tháng 11 và kết thúc sau khi hạ thành Ung Châu tháng giêng năm Bính Thìn (1076), trước sau chỉ một lần chứ không phải hai lần như Toàn Thư đã chép lầm (CMCB3, 36a)

⁷ Theo Cương Mục, Triệu Tiết chỉ là phó tướng của Quách Quỳ đem quân sang xâm lược nước ta năm Bính Thìn, 1076 (Toàn Thư đã ghi ở BK3, 9a) chứ không phải lại sang lần nữa vào năm này (Đinh Tỵ, 1077) như Toàn Thư đã chép nhầm ở đây.

[10b] Kỳ Mùi, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 4 [1079], (Tổng Nguyên Phong năm thứ 2). Châu Lạng dâng voi trắng.

Mưa đá.

Được mùa to.

Nhà Tống đem Thuận Châu trả cho ta (tức là châu Quảng Nguyên, nhà Tống đổi làm Thuận Châu).

Canh Thân, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 5 [1080], (Tổng Nguyên Phong năm thứ 31). Mùa xuân, tháng 2, đúc chuông lớn cho chùa Diên Hựu. Chuông đúc xong, đánh không kêu, nhưng cho rằng nó đã thành khí, không nên tiêu hủy, bèn đem bỏ ở Quy Điền [ruộng rùa] của chùa. Ruộng ấy, thấp ướt, có nhiều rùa, người bấy giờ gọi là chuông Quy Điền.

Mùa thu, tháng 8, móc ngọt xuống. Vua đem đua thuyền.

Tân Dậu, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 6 [1081], (Tổng Nguyên Phong năm thứ 4). Mùa xuân, mặt trời có hai quầng sáng. Trả lại cho nhà Tống dân và lính bị bắt ở ba châu Ung, Khâm, Liêm, vì nhà Tống đã trả lại ta các châu Quảng

Nguyên.

Mùa đông, tháng 10, Thái **[11a]** sư Lý Đạo Thành chết.

Nhâm Tuất, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 4 [1082], (Tổng Nguyên Phong năm thứ 5). Mùa xuân, gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị Long là Hà Di Khánh.

Quý Hợi, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 8 [1083], (Tổng Nguyên Phong năm thứ 6). Mùa xuân, vua thân duyệt các hoàng nam¹, định làm 3 bậc.

Rồng vàng bay từ điện Tử Thần đến điện Hội Long.

Giáp Tý, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 9 [1084], (Tổng Nguyên Phong năm thứ 7). Mùa hạ, tháng 6, sai thi lang bộ Binh Lê Văn Thịnh đến trại Vĩnh Bình cùng với người Tống bàn việc cương giới.

Xuống chiếu cho thiên hạ nung ngói lợp nhà.

Định biên giới.

Nhà Tống trả lại cho ta 6 huyện 3 động. Người Tống có thơ rằng: "Nhân tham Giao Chỉ tượng, khước thất Quảng Nguyên kim" (vì tham voi Giao Chỉ, bỏ mất vàng Quảng Nguyên).

[11b] Ất Sửu, [Quảng Hựu] năm thứ 1 [1085], (Tổng Nguyên Phong năm thứ 8). Cho Lê Văn Thịnh làm Thái sư. Bấy giờ thiên hạ vô sự, Hoàng hậu đi chơi khắp các nơi núi sông, ý muốn xây dựng chùa tháp.

Bính Dần, [Quảng Hựu] năm thứ 2 [1086], (Tổng Triết Hú, Nguyên Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, Nguyễn Viễn dâng con rùa 6 chân, trên lưng có vạch chữ.

Mùa thu, tháng 8, thi người có văn học trong nước, sung làm quan ở Hàn lâm viện, Mạc Hiến Tích trúng tuyển, bổ làm Hàn lâm học sĩ.

Làm chùa ở núi Đại Lãm².

Đinh Mão, [Quảng Hựu] năm thứ 3 [1087], (Tổng Nguyên Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, dựng bí thư các.

¹ Tức là dân đinh từ 18 tuổi trở lên, xem chú thích (1), tr. 264.

² Chùa Đại Lãm Sơn hay chùa Lãm Sơn: tức là chùa Giạm trên núi Giạm (Lãm Sơn) ở xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc, nay vẫn còn các lớp nền và cột đá chạm rồng thời Lý.

Nhà Tống phong làm Nam Bình Vương.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến chùa Lãm Sơn. Đêm ban yến cho các quan, vua thân làm hai bài thơ Lãm Sơn dạ yến.

Mậu Thìn, /Quảng Hựu/ năm thứ 4 [1088], (Tổng Nguyên Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, phong nhà sư Khô Đầu làm Quốc sư (có thuyết nói là cho [12a] tiết việt, cùng với Tế tướng đứng trên điện, xét đoán công việc và đơn từ kiện tụng của thiên hạ, chưa chắc là có thể, có lẽ bấy giờ Nhân Tông sùng đạo Phật, phong làm Quốc sư để hỏi việc nước, cũng như Lê Đại Hành đối với Ngô Khuông Việt mà thôi). Đặt chức thư gia mười hỏa¹.

Định các chùa trong nước làm ba hạng đại, trung và tiểu danh lam, cho quan văn chức cao kiêm làm đề cử². Bấy giờ nhà chùa có điền nô và kho chứa đồ vật, cho nên đặt chức ấy.

Mùa đông, tháng 10, xây tháp chùa Lãm Sơn.

Kỷ Ty, /Quảng Hựu/ năm thứ 5 [1089], (Tổng Nguyên Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, định các chức văn võ, quan hầu vua và các chức tạp lưu.

Quân nhà Tống /xâm phạm/ vào châu Thạch Tế³.

Đào ngài lãnh kinh⁴.

Canh Ngọ, /Quảng Hựu/ năm thứ 6 [1090], (Tổng Nguyên Hựu năm thứ 5). Làm cung hợp hoan.

Tân Mùi, /Quảng Hựu/ năm thứ 7 [1091], (Tổng Nguyên Hựu năm thứ 6). Mùa xuân, vua ngự đến Lạng Sơn xem bắt voi. Mùa Đông, tháng 11, cho Hà Ứ làm Thiếu úy tri điện tiền chư quân sự.

Lê Toàn Nghĩa dâng [12b] con rùa năm sắc.

Nhâm Thân, /Quảng Hựu/ năm thứ 7 [1092], (Tổng Nguyên Hựu năm thứ 8), (Ừ tháng 8 về sau là niên hiệu Hội phong năm thứ 1; Tổng Nguyên Hựu năm thứ 7). Mùa Thu, tháng 8 đổi niên hiệu làm Hội Phong năm thứ 1.

Được mùa to. Định sổ ruộng, thu tô mỗi mẫu 3 thăng⁵ để cấp lương cho quân.

Quý Dậu, /Hội Phong/ năm thứ 2 [1093], (Tổng Nguyên hựu năm thứ 8). Cây ưu bát đằm /cây sung/⁶ nở hoa.

Giáp Tuất, /Hội Phong/ năm thứ 3 [1094], (Tổng Thiệu Thánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sai Hàn Lâm học sĩ Mạc Hiến Tích sang sứ Chiêm Thành đòi lễ tế cống.

Mùa Hạ, tháng 4, tháp chùa Lãm Sơn xây xong.

Ất Hợi, /Hội Phong/ năm thứ 4 [1095], (Tổng Thiệu Thánh năm thứ 2). Mùa xuân, các vương vào châu.

Mùa Hạ, tháng 6, đại hạn. Thả tù, giảm hoặc miễn các khoản tang thuế¹.

¹ Nguyên văn: "thư gia thập hỏa". Thư gia theo Lê Quý Đôn là ty lại (người giúp việc văn thư giấy tờ ở các nha môn. Kiến văn tiểu tục Bản dịch, NXB Sử học, 1962, tr. 189). Phan Huy Chú kể tên một số "thư gia" như nội hỏa thư gia, ngự khổ thu gia, chi hậu thư gia, nội thư gia, lệnh thư gia (Lịch triều hiến chương loại chí, t.2: Quan chức chí, NXB Sử học, 1961, tr.6). Các "thư gia" khác đều chưa rõ.

² Đề cử: tên chức quan thời Lý, quản lý ruộng đất và tài sản của nhà chùa.

³ Châu Thạch Tế: có lẽ miền huyện Thạch Lâm cũ của tỉnh Cao Bằng (theo Hoàng Xuân Hãn, Lý Thường Kiệt, Sđd). Thạch Lâm là đất các huyện Hòa An và Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

⁴ Lãnh Kinh Xuyên: khúc sông qua bến Lãnh Kinh, xem chú thích ở BK1, 26b.

⁵ Thăng : đơn vị đo lường, chưa rõ tương đương đơn vị ngày nay như thế nào.

⁶ Ưu bát đằm: đúng tên là ưu đằm bát, còn gọi là ô - đằm - bặt - ha, ưu - đằm - ba - la, đều là chữ phiên âm tiếng Phạn: Udumbara; xem chú thích (3), tr. 255.

Trời mưa.

Bính Tý, /Hội Phong/ năm thứ 5 [1096], (Tổng Thiệu Thánh năm thứ 3). Mùa Xuân, tháng 3, Lê Văn Thịnh mưu làm phản, tha tội chết, **[13a]** an trí ở Thao Giang². Bấy giờ vua ra hồ Dâm Đàm, ngự trên thuyền nhỏ xem đánh cá. Chợt có mây mù nổi lên, trong đám mù nghe có tiếng thuyền bơi đến, tiếng mái chèo rào rào, vua lấy giáo ném. Chốc lát mây mù tan, thấy trong thuyền có con hổ, mọi người sợ tái mặt, nói: "Việc nguy rồi!". Người đánh cá là Mạc Thận quăng lưới trùm lên con hổ, thì ra là Thái sư Lê Văn Thịnh. Vua nghĩ Thịnh là đại thần có công giúp đỡ, không nỡ giết, đày lên trại đầu Thao Giang. Thưởng cho Mạc Thận quan chức và tiền của, lại cho đất ở Tây Hồ làm thực ấp. Trước đây Văn Thịnh có gia nô người nước Đại Lý³ có phép thuật kỳ lạ, cho nên mượn thuật ấy toan làm chuyện thí nghịch.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: **Kẻ làm tội /phạm tội/ giết vua cướp ngôi mà được miễn tội chết, thế là sai trong việc hình, lỗi ở vua tin sùng đạo Phật.**

[13b] Đinh Sửu, /Hội Phong/ năm thứ 6 [1097], (Tổng Thiệu Thánh năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu kiểm định các lễ, đều phỏng theo các điển cũ.

Mùa Thu, tháng 8, sao mọc ban ngày. Bấy giờ trong nước giàu đủ, Thái hậu làm nhiều chùa Phật.

Mậu Dần, /Hội Phong/ năm thứ 7 [1098], (Tổng Nguyên Phù năm thứ 1). Mùa Thu, tháng 8, động đất.

Sao Chổi hiện ra.

Kỷ Mão, /Hội Phong/ năm thứ 8 [1098], (Tổng Nguyên Phù năm thứ 2). Rồng thần hiện xuống ở cây mai.

Canh Thìn, /Hội Phong/ năm thứ 9 [1100], (Tổng Nguyên Phù năm thứ 3). Mùa Đông, tháng 12, bệnh dịch lớn.

Tân Ty, Long Phù năm thứ 1 [1101], (Tổng Huy Tông Cát, Kiến Trung Tĩnh Quốc năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu. Cho Thái úy Lý Thường Kiệt kiêm chức Nội thị phán thủ đô áp nha hành điện nội ngoại đô tri sự.

Sửa chùa Diên Hựu.

Nhâm Ngọ, /Long Phù/ năm thứ 2 [1102], (Tổng Sùng Ninh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Lập xuân; tuyết lạnh xuống.

Tháng 2, **[14a]** nước to. Sai Hoàng hậu và các phi tần trai giới lập đàn chay để cầu tự.

Quý Mùi, /Long Phù/ năm thứ 3 [1103], (Tổng Sùng Ninh năm thứ 2). Mùa xuân, Thái hậu phát tiền ở kho Nội phủ để chuộc những con gái nhà nghèo đã phải bán đi ở đem gả cho những người góa vợ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: **Con gái nhà nghèo đến phải cầm thân làm mướn, con trai nhà nghèo đến nỗi không có vợ, đó là cùng dân trong thiên hạ. Thái hậu đổi đời cho họ, cũng là việc làm nhân chính vậy.**

Mùa Đông, tháng 10, người Diễn Châu là Lý Giác mưu làm phản. Giác trước học được thuật lạ, có thể biến cây cỏ làm người, bèn chiêu tập những kẻ vô lại chiếm cứ châu ấy, đắp thành làm loạn. Việc tau lên, vua sai bọn Lý Thường Kiệt đi đánh. Giác thua trốn sang Chiêm Thành, dư đảng đều bị dẹp yên.

¹ Tang thuế: chưa rõ nội dung từ này, theo nghĩa chữ có thể hiểu là thuế và tang. Tang có nghĩa là bản thiu, bi ổi, có thể là từ dùng để chỉ các khoản phụ thu thuế bất chính.

² Thao Giang: tên trại thời Lý, thời Trần đổi là lộ (Phạm Sư Mạnh có bài thơ Án Thao Giang lộ), nay là vùng huyện Tam Thanh, Sông Thao, tỉnh Vĩnh Phú.

³ Nước Đại Lý: xem chú thích (1) tr. 270.

Chiêm Thành cướp **[14b]** biên giới.

Giáp Thân, /Long Phù/ năm thứ 4 [1104], (Tổng Sùng Ninh năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sai Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành, nói tình hình hư thực của nước ta. Vua Chiêm Thành là Chế Ma Na¹ nhân thế đem quân vào cướp, lấy lại 3 châu Địa Lý v.v... mà Chế Củ đã dâng. Đến đây, sai Lý Thường Kiệt đi đánh, phá được, Chế Ma Na lại dâng nộp đất ấy.

Tháng 3, định lại binh hiệu của quân cấm vệ.

Ất Dậu, /Long Phù/ năm thứ 5 [1105], (Tổng Sùng Ninh năm thứ 4). Mùa xuân, cúng thần Cao Mồi². Mùa hạ, tháng 6, Thái úy Lý Thường Kiệt chết, tặng chức Nhập nội điện đô tri kiểm hiệu thái úy bình chương quân quốc trọng sự, tước Việt quốc công, thực ấp 1 vạn hộ, cho người em là Lý Thường Hiến được kế phong tước hầu (Thường Kiệt người phường Thái Hòa, thành Thăng Long, nổi đời làm quan, nhiều mưu lược, có tài làm tướng. Khi còn ít tuổi, vì vẻ mặt tươi đẹp được sung làm Hoàng môn chi hậu theo hầu Thái Tông, thăng dần đến chức Nội thị sảnh đô tri. Thái Tông phong chức Thái bảo, trao cho tiết **[15a]** việt để đi thăm hỏi lại dân ở Thanh Hóa, Nghệ An. Đến khi vua thân đi đánh Chiêm Thành, ấy làm tướng tiên phong, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Vì có công, được phong làm Phụ quốc thái phó, dao thụ chư trấn tiết độ, đồng trung thư môn hạ, thượng trụ quốc, thiên tử nghĩa đệ, phụ quốc thượng tướng quân, tước Khai quốc công, sau lại có công nữa, được phong làm Thái úy, rồi chết).

Mùa thu, tháng 9, làm hai ngọn tháp chỏm trắng ở chùa Diên Hựu, ba ngọn tháp chỏm đá ở chùa Lâm Sơn. Bấy giờ vua sửa lại chùa Diên Hựu đẹp hơn cũ, đào hồ Liên Hoa Đài³, gọi là hồ Linh Chiểu. Ngoài hồ có hành lang chạm vẽ chạy chung quanh, ngoài hành lang lại đào hồ gọi là hồ Bích Trì, đều bắc cầu vồng để đi qua. Trước sân chùa xây bảo tháp. Hàng tháng cứ ngày rằm, mồng một và mùa hạ, ngày mồng 8 tháng 4, xa giá ngự đến, đặt lễ cầu phúc, bày nghi thức tắm Phật, hàng năm lấy làm lệ thường.

Bính Tuất, /Long Phù/ năm thứ 6 [1106], (Tổng Sùng Ninh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở Phương Tây, đuôi dài khắp trời. Sao Thái Bạch mọc ban ngày. Đại xá cho thiên hạ, trừ những kẻ phe đảng làm loạn.

[15b] Đinh Hợi, /Long Phù/ năm thứ 7 [1107], (Tổng Đại Quan năm thứ 1). Mùa hạ, động đất.

Mậu tý, /Long Phù/ năm thứ 8 [1108], (Tổng Đại Quan năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, đắp đê ở phường Cơ Xá⁴.

Các tháng mùa hạ không mưa.

Kỷ Sửu, /Long Phù/ năm thứ 9 [1109], (Tổng Đại Quan năm thứ 3). Mùa xuân, đắp đài Động Linh.

Mùa thu, kẻ nghịch là Tô Hậu và Đỗ Sùng mưu làm phản, bị giết.

Canh Dần, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 1 [1110], (Tổng Đại Quan năm thứ 4). Mùa xuân có người đàn bà dâng con chim phượng non, có đủ 9 chòm ngũ sắc.

Từ Văn Thông⁵ dâng hổ trắng, ngựa trắng có cựa và cây cau một gốc 12 thân.

Mùa thu, tháng 8, Chiêm Thành dâng voi trắng

¹ Vua Chiêm Thành thời gian này là jaya Indravarman II (1086-1113) (theo G. Maspéro, sđd).

² Cao Mồi, cũng gọi là Giao Mồi: tên vị thần chủ việc sinh con trai.

³ Liên Hoa Đài trì: hồ ở dưới đài hoa sen.

⁴ Tức là đoạn đê sông Hồng ở phường Cơ Xá, nay là ở khoảng gần cầu Long Biên (ở đó còn bãi Cơ Xá) thuộc Hà Nội.

⁵ Việt sử lược (q2, 20b) chép là Tham chính Từ Văn Thông.

Tân Mão, /Hội Trường Đại Khánh/ năm thứ 2 [1111], (Tổng Chính Hòa năm thứ 1). Mùa xuân, phủ Thanh Hóa dâng cây cau một gốc 9 thân.

[16a] Mùa thu được mùa to.

Mặt trời có hai quầng.

Nhâm Thìn, /Hội Trường Đại Khánh/ năm thứ 3 [1112], (Tổng Chính Hòa năm thứ 2). Mùa xuân, móc ngọt xuống.

Chiêm Thành dâng voi trắng.

Bấy giờ vua tuổi đã nhiều mà chưa có con trai nối dõi, xuống chiếu chọn con của tông thất để lập làm con nối. Em vua là Sùng Hiều hầu (không rõ tên) cũng chưa có con trai. Gặp lúc nhà sư núi Thạch Thất¹ là Từ Đạo Hạnh đến chơi nhà, hầu nói với Đạo Hạnh về việc cầu tự. Đạo Hạnh dặn rằng: " Bao giờ phu nhân sắp đến ngày sinh thì báo cho tôi biết trước để cầu khẩn với sơn thần". Ba năm sau, phu nhân có mang sinh con trai là [Lý] Dương Hoán.

Quý Ty, /Hội Trường Đại Khánh/ năm thứ 4 [1113], (Tổng Chính Hòa năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, phu nhân của châu mục châu Chân Đăng là công chúa họ Lý mất. (Phu nhân tên là Ngọc Kiều, con gái lớn của Phụng Càn Vương được Thánh Tông nuôi ở trong cung, lớn lên phong làm chúa, gả cho châu mục châu Chân Đăng là người họ Lê, chồng chết, phu nhân tự thê ở góa, đi tu làm sư nữ, đến đây mất, thọ 72 tuổi. Thần Tông tôn làm Ni sư).

[16b] Giáp Ngọ, /Hội Trường Đại Khánh/ năm thứ 5 [1114], (Tổng Chính Hòa năm thứ 4). Mùa xuân, tuyết điểm lạnh xuống.

Ất Mùi, /Hội Trường Đại Khánh/ năm thứ 6 [1115], (Tổng Chính Hòa năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, phong ba hoàng hậu là Lan Anh, Khâm Thiên, Chấn Bảo và 36 cung nhân, Bấy giờ vua không có con trai, cho nên lập nhiều hoàng hậu và cung nhân, làm đàn chạy để cầu tự. Thái hậu dựng chùa thờ Phật, trước sau hơn trăm chùa. (Tục truyền rằng thái hậu hối về việc Thượng Dương thái hậu và các thị nữ vô tội mà bị chết, làm nhiều chùa Phật để sám hối rửa oan).

Bính Thân, /Hội Trường Đại Khánh/ năm thứ 7 [1116], (Tổng Chính Hòa năm thứ 6). Mùa hạ, nhà sư Từ Đạo Hạnh trú xác ở chùa núi Thạch Thất (Thạch Thất là tên huyện, tức là huyện Ninh Sơn ngày nay, tên núi là Phật Tích. Từ Đạo Hạnh đến chơi núi ấy, thấy tảng đá trong hang núi có vết chân người, lấy chân ướm vào vừa đúng: tục truyền đó là chỗ Đạo Hạnh trú xác). Trước là phu nhân của Sùng Hiều Hầu là Đỗ thị đã có mang, đến đây trở dạ mãi không đẻ. Hầu nhớ lại lời Đạo Hạnh dặn khi trước, sai người chạy ngựa đi báo. Đạo Hạnh lập tức **[17b]** thay áo tắm rửa, vào hang núi trú xác mà qua đời. Sau đó phu nhân sinh con trai, tức là Dương Hoán. Người làng cho là việc lạ, để xác Đạo Hạnh vào trong khám để thờ. Nay núi Phật Tích tức là chỗ ấy. Hàng năm, mùa xuân, cứ đến ngày mồng 7 tháng 3, con trai, con gái hội họp ở chùa, là hội vui có tiếng một vùng. Người đời sau ngoa truyền là ngày giỗ của sư (xác Đạo Hạnh đến khoảng năm Vĩnh Lạc nhà Minh, bị người Minh đốt cháy, người làng ấy lại đắp tượng lại thờ như cũ, hiện nay hãy còn).

Đinh Dậu, /Hội Trường Đại Khánh/ năm thứ 8 [1117], (Tổng Chính Hòa năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, Diên Thành hầu (không rõ tên) chết. Xuống chiếu bãi trò chơi "tàng câu"² và cỗ bàn khao mừng; vẫn phát vàng bạc tiền lụa ở kho để phúng điếu, việc tang rất hậu.

Tháng ấy, người giữ Thái Đường³ dâng hươu trắng.

Người giáp Cam Giá⁴ dâng hươu đen.

¹ Núi Thạch Thất: thức núi Thầy (Sài Sơn), huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

² Tàng câu: tên gọi một trò chơi tìm vật giấu trong nắm tay, tương tự như trò chơi "tay nào có tay nào không".

³ Nguyên văn: "Thủ Thái Đường nhân". Thái Đường có lẽ là tên giáp, vị trí vào khoảng huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây ngày nay.

⁴ Cam Giá: tức vùng mía ở huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

Tháng 2, định rõ lệnh cấm giết trộm trâu. Hoàng thái hậu nói: "Gần đây ở kinh thành, hương ấp, có nhiều người trốn tránh, [17b] lấy việc ăn trộm trâu làm nghề nghiệp, trăm họ cùng quần, mấy nhà cày chung một con trâu. Trước đây, ta đã từng nói đến việc ấy nhà nước đã có lệnh cấm. Nay giết trâu lại càng nhiều hơn trước". Bấy giờ vua xuống chiếu kẻ nào mổ trộm trâu thì phạt 80 trượng, đồ làm khao giáp¹, vợ xử 80 trượng, đồ làm tang thất phụ² và bồi thường trâu; Láng giềng biết mà không tố cáo, phạt 80 trượng.

Tháng 3, ngày Bính Thìn, vua ngự đến núi Chương Sơn³ để khánh thành bảo tháp Vạn Phong Thành Thiện. Có rồng vàng hiện.

Vua lại ngự đến hành cung Ứng Phong⁴ (nay là phủ Nghĩa Hưng) xem cày ruộng công.

Mùa hạ, tháng 5, Viên ngoại lang là Ngô Thiệu dâng cây lúa chiêm một gốc 9 bông.

Phò mã lang là Dương Cảnh Thông dâng hươu trắng.

Thủ lĩnh châu Tư Nông⁵ là Hà Vĩnh Lộc dâng con ngựa hồng có cựa.

Sầm Tác Hòa đầu là Lê Bình và Tào Nhi cùng dâng hươu trắng. Người giáp Trực Tà dâng con hoẵng trắng.

Tháng 6, vua ngự đến hành cung [18a] Ứng Phong xem cày ruộng. Khi ấy không mưa, cầu đảo ở hành cung.

Rồng vàng hiện ở bảo đài, cầu đảo ở Động Linh.

Trung Nghĩa hầu (không rõ tên) chết.

Mùa thu, tháng 7, ngày 25, _ Lan hoàng thái hậu băng, Hòa táng, bắt 3 người hầu gái chôn theo. Tôn dâng tên thụy là Phù Thánh Linh Nhân Hoàng Thái Hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Hòa táng là lễ đạo Phật, chôn theo là tục nhà Tần, Nhân Tông đều làm theo, hoặc giả vâng lời dặn lại của thái hậu chăng?

Mùa thu, tháng 8, táng Linh Nhân hoàng thái hậu ở Thọ Lăng phủ Thiên Đức⁶.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Khải Thụy xem gặt. Đêm hôm ấy, mặt trăng có hai quầng.

Tìm con trai họ tông thất để nuôi ở trong cung. Xuống chiếu rằng: "Trẫm cai trị muôn dân mà lâu không có con nối, ngôi báu của thiên hạ biết truyền cho ai? [18b] Ậy nên tầm nuôi con trai của các hầu Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng, chọn người nào giỏi thì lập làm thái tử. Bấy giờ con Sùng Hiền hầu là Dương Hoan mới lên 2 tuổi mà thông minh lanh lợi, vua rất yêu và bèn lập làm hoàng thái tử.

Chiêm Thành dâng 3 đóa hoa bằng vàng.

Mậu Tuất,/Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 9 [1118], (Tổng Trùng Hòa năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu chọn hoàng nam trong dân chúng và binh lính.

Tháng 2, sứ nước Chân Lạp sang châu. Đặt lễ yến tiệc mùa xuân và mở hội khánh thành bầy bảo tháp. Bấy giờ xuống chiếu cho Hữu ty bày nghi trượng ở điện Linh Quang, dẫn sứ giả đến xem.

¹ Đồ khao giáp: đây làm kẻ phục dịch trong quân.

² Tang thất phụ: đàn bà làm việc ở nhà chăn tằm.

³ Núi Chương Sơn: là núi Ngô Xá ở xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Hà Nam ngày nay. Dấu vết của ngôi tháp thời Lý nay vẫn còn.

⁴ Ứng Phong: tên phủ thời Lý, tương đương với phủ Nghĩa Hưng thời Lê, tức là đất ba huyện Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản, tỉnh Nam Định ngày nay.

⁵ Tư Nông: tên châu thời Lý, nay là huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

⁶ Phủ Thiên Đức: tức là châu Cổ Pháp trước năm 1010, xem chú thích (1) tr. 240.

Tháng 3, lấy các đại hoàng nam khỏe mạnh sung vào làm binh các đội Ngọc Giai, Hưng Thánh, [Vũ] Đô¹ và Ngự Long, tất cả 350 người.

Tả thị lang bộ Hộ là Lý Tú Quyền chết.

Mùa hạ, tháng 5, biếm Hữu thị lang bộ Lễ là Lê Bá ngọc làm Nội nhân thư gia.

Đại hạn, cầu đảo được mưa.

Mùa thu, tháng 7, [19a] ãi ỏ àn tết Trung Nguyên² vì gặp ngay Lễ Vu lan bồn³ [cầu siêu cho] Linh Nhân hoàng thái hậu.

Chiêm Thành sang cống.

Tháng 9, ngày Tân Tỵ, mở hội Thiên phật [Nghìn Phật] để khánh thành chùa Thăng Nghiêm Thánh Thọ, cho sứ Chiêm Thành đến xem.

Ngày Bính Tuất, vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền, đặt lễ yến tiệc mùa thu.

Mùa đông, tháng 11, sai Viên ngoại lang là Nguyễn Bá Độ⁴ và Lý Bảo Thần đem biểu nhà Tống hai con tê giác trắng, đen và 3 con voi nhà.

Năm ấy, có mọc ngọt xuống, vua tự tay viết tám chữ, "Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế" vào bia, sai thợ khắc.

Cấm nô bợ của các nhà dân trong ngoài kinh thành không được thích mực vào ngực, vào chân như cấm quân cùng là xăm hình rồng ở mình, ai phạm thì sung làm quan nô.

Kỷ Hợi, /Hội Trường Đại Khánh/ năm thứ 10 [1119], (Tổng Tuyên Hòa năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự đến Khoái Trường bắt voi trắng.

Mùa hạ, [19b] tháng 4, Đô tào là Phan Điền dâng hươu trắng.

Tháng 5, mở hội khánh thành chùa Tịnh Lự. Rồng hiện ở hàng bán nước chè ở Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, đóng hai chiếc thuyền Cảnh Hưng và Thanh Lan. Xuống chiếu cho các quân đóng thuyền chiến, sửa đồ binh giáp, vua muốn thân đi đánh động Ma Sa⁵.

Tháng 8, ngày Giáp Thân, vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền. Đặt lễ yến tiệc mùa thu. Từ đó về sau, hàng năm tháng 8 đua thuyền thì đặt yến làm lệ thường.

Mùa đông, tháng 10, duyệt sáu binh tào Vũ Tiệp, Vũ Lâm v.v..., người nào mạnh khỏe cho làm hỏa đầu ở các đội quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Bồng Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô, còn bậc dưới thì cho làm binh ở các quân Ngọc Giai, Hưng Thánh, Bồng Nhật, Quảng Thành, Vũ Đô, Ngự Long.

Họp các quân nhân cả nước thề ở Long Trì. Xuống chiếu rằng: "Trẫm nhận lấy cơ nghiệp của một tổ hai tông, đứng trên dân đen, coi triệu họ trong bốn biển đều như con đỏ, cả đến cõi xa cũng mến [20a] lòng nhân mà quy phục, phương khác cũng mộ nghĩa mà lại châu. Và xét dân động Ma Sa sống ở trong cõi của ta, động trưởng Ma Sa thì đời đời làm phiên thần của ta, thế mà nay kẻ tù trưởng ngu hèn ấy bỗng phụ ước của ông cha, quên việc tuế cống khiếm khuyết lệ thường phép cũ. Trẫm vẫn nghĩ mãi, việc không dừng được, nay trẫm tự làm tướng đi đánh dẹp. Nay các tướng sús sáu quân, các người đều phải hết lòng, tuân theo mệnh lệnh của trẫm". Bèn ban khí giới cho tướng sĩ, vua ngự thuyền Cảnh Hưng, xuất phát từ bến Thiên Thu, cờ xí rợp trời, gươm giáo rẽ sương, quân sĩ đánh trống reo hò, khí

¹ Nguyên bản in sót chữ Vũ, ở đoạn sau (BK3, 19b) có ghi rõ Vũ Đô.

² Tết Trung Nguyên: tức lễ rằm tháng bảy.

³ Lễ Vu Lan bồn: lễ cúng Phật ngày rằm tháng bảy, cầu siêu cho cha mẹ khỏi bị khổ hình ở địa ngục.

⁴ Đại Việt sử lược (q.2, 22b) chép tên người này là Nguyễn Bá Khánh (hai chữ) Khánh và Độ để sao chép lầm).

⁵ Động Ma Sa: thuộc địa phận huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình ngày nay.

thể trăm phần hăng hái. Ngày hôm ấy, rồng vàng hiện bay theo thuyền. Đến bờ thác Long Thủy¹, Thành Khánh hầu dâng con rùa mắt có sáu con người, trên úc có chữ "Vương". Sóng lại nổi lên. Vua tự làm tướng đánh động Ma Sa, phá tan được, bắt được bọn động trưởng Ngụy Bàng vài trăm người, lấy được vàng lụa trâu dê không **[20b]** kể xiết. Sai tỳ tướng vào các động dọc biên giới chiêu dụ những người trốn tránh bảo về yên nghiệp.

Tháng 12, ngày mồng 1, vua từ động Ma Sa về, dâng tù Ngụy Bàng ở Thái Miếu. Khao thưởng tướng sĩ, ban tiền lụa theo thứ bậc khác nhau.

Canh Tý, /Thiên Phù Duyệt Vũ/ năm thứ 1 [1120], (Tổng Tuyên Hòa năm thứ 2).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, bề tôi dâng biểu khuyên gia thêm tôn hiệu và xin đổi niên hiệu. Vua y theo.

Tháng 2, mở hội đèn Quảng Chiếu.

Tháng 3, nước Chân Lạp sang cống.

Mùa hạ, tháng 6, chủ đô giáp Tất tác² là Đặng An dâng chim sẻ trắng.

Mùa thu, tháng 9, có rồng vàng hiện.

Nước Chiêm Thành sang cống.

Được mùa to.

Mùa đông, tháng 10, đắp đài Chúng Tiên.

Tháng 12, cho Nội nhân thư gia là Phan Cảnh và Mâu Du Đô làm Nội thường thị.

[21a] Tân Sửu, /Thiên Duyệt Vũ/ năm thứ 2 [1121], (Tổng Tuyên Hòa năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, nhà sư Vương Ái dâng cây cau một gốc 7 thân. Thái sư Trần Độ nói: "Vật này không lấy gì làm điềm lành". Vua không nhận.

Mở hội khánh thành chùa Bảo Thiên và điện Trùng Minh.

Mùa hạ, tháng 5, nước to, tràn vào đến bên ngoài cửa Đại Hưng.

Mùa thu, tháng 7, người phiên Tử Thảo là Hà Ngọc dâng con hoẵng trắng.

Làm chùa Quảng Giáo.

Có nhiều sâu cắn lúa.

Mùa đông, tháng 10, lại lấy Lê Bá Ngọc làm Nội thường thị.

Nhâm Dần, /Thiên Phù Duyệt Vũ/ năm thứ 3 [1122], (Tổng Tuyên Hòa năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, nhà sư Dương Tu dâng một đôi ngọc bích trắng.

Tháng 3, ngày Mậu Dần, mở hội khánh thành bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh ở Đới Sơn³.

Cấm mọi người không được dùng gậy tre gỗ và đồ sắc nhọn đánh nhau.

Mùa hạ, tháng 4 cho bọn Lý Phụng 20 người làm ngục lại, xét việc kiện tụng của dân gian.

Tháng 5, người quảng Giao **[21b]** giáp là Phạm Ba Tư dâng hươu trắng.

Mùa thu, tháng 8, ngày Kỷ Hợi, vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền.

Lấn đầu chế dài mũ bằng bạc sung vào đồ nghi vệ.

¹ Long Thủy hiệp: tức là Thác Bờ ở gần thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

² Tất tác giáp: giáp thợ sơn.

³ Đới Sơn: Tức là núi Đới, ở xã Đới Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà.

Ngày Đinh Mùi, Viên ngoại lang là Lý Nguyên dâng một viên ngọc châu tân lang¹. Xuống chiếu không nhận.

Mùa đông, tháng 12, sai Viên ngoại lang là Đinh Khánh An và Viên Sĩ Minh đem voi nhà biểu nhà Tống. Bấy giờ Viên Sĩ Minh vào có tang không được thăng quan, cho con trai là Sùng làm Phụng tin lang.

Năm ấy, xuống chiếu rằng: Những tên trộm cướp trốn tránh đã bắt được mà lại bị nhà thế gia chiếm đoạt thì nhà thế gia ấy cùng tội với người trốn.

Kẻ lại đi bắt trộm cướp, bắt được rồi mà giữ lại ở nhà mình, không dẫn đến quan, thì phạt đánh 80 trượng.

Quý Mão, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 4 [1123], (Tống Tuyên Hòa năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng giêng, ngày 25, là tiết Đản thánh², lần đầu làm nhà múa có bánh xe đẩy, sai cung nữ múa ở trên để dâng rượu.

Tháng 2, mở lễ **[22a]** yến tiệc mùa xuân ở điện Sùng Uyên.

Lần đầu làm chiếc lọng che mưa cán cong.

Ngày Nhâm Dần, vua ngự đến Long Thủy³ để bắt voi.

Ngày Đinh Mùi, mở hội khánh thành chùa Phụng Từ. Ngày Bính Thìn, vua về đến Kinh sư.

Tháng 3, ngày Tân Tỵ, mở hội khánh thành chùa Quảng Hiếu ở Tiên Du. Truy dâng lễ cúng Thánh Tông và Thượng Dương hoàng thái hậu.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Giáp Thân, 5 người nước Chân Lạp quy phụ.

Cấm giết trâu. xuống chiếu rằng: "Trâu là vật quan trọng cho việc cày cấy, làm lợi cho người không ít. Từ nay về sau ba nhà làm một bảo, không được giết trâu ăn thịt, ai làm trái thì trị tội theo hình luật".

Mùa thu, tháng 7, nước Chân Lạp sang cống.

Tháng 8, ngày mồng 1, vua ngự điện Thiên An, ban áo mùa thu cho các quan.

Vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền. Đêm ấy vua ngự điện Sùng Uyên, đặt lễ yến mừng chiếc lọng vàng.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt lúa. Chuyển đi này bắc **[22b]** cầu vồng qua sông Ba Lạt⁴.

Tháng 11, vua đến kinh sư. Các nhà nho, đạo, thích đều dâng thơ mừng.

Xây đài Tử Tiêu⁵.

Năm ấy được mùa to.

Giáp Thìn, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 5 [1124], (Tống Tuyên Hòa năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, Diêu Sách dâng chim sẻ trắng.

Tháng giêng nhuận, đóng thuyền Tường Quang, kiểu thuyền hai lòng.

¹ Nguyên văn: "tân lang châu", chưa rõ là thứ ngọc gì, có lẽ chỉ là cách để nói viên ngọc châu to bằng quả cau (tân lang)?

² Đản thánh tiết: lễ sinh nhật của vua.

³ Nguyên bản in là "Long Thủy hải", có thể ở đây vẫn chỉ địa điểm Long Thủy hiệp (Thác Bờ) là nơi Lý Nhân Tông đã dừng thuyền khi đi đánh động Ma Sa ba năm trước để bắt voi.

⁴ Sông Ba Lạt: là khúc sông Hồng chảy ra biển ở cửa Ba Lạt ngày nay.

⁵ Việt sử lược chép là đài Thông Tiêu (q2,23a).

Vua ngự đến hành cung ở Ứng Phong xem cày ruộng. Khi vua ngự ở hành cung, người nước Chiêm Thành là Cụ Ông và ba người em họ đến châu.

Tháng 2, vua về Kinh sư.

Mùa hạ, tháng 4, người nước Chân Lạp là Kim Đinh A Truyền cùng 4 người gia đồng sang quy phụ.

Thủ lĩnh châu Quảng Nguyên là Dương Tự Hưng dâng hươu trắng.

Dựng chùa Hộ Thánh.

Tháng 5, người nước Chiêm Thành là bọn Ba Tư Bồ Đà La 30 người sang quy phụ.

Mùa thu, tháng 7, hạn, làm lễ cầu mưa.

Chủ đô giáp Nội tác giám là Tô Ông dâng con rùa mắt có 6 con người, trên ức **[23a]** có hai chữ "Thiên đế".

Tháng 9, Thành Khánh hầu (không rõ tên) chết.

Mùa đông, tháng 10, đắp đài Uất la.

Tháng 11, đô Ngọc Giai là Lý Hiệu dâng cá chiêm vàng.

Tháng 12, phu nhân của Thành Khánh hầu là Hà Thị uống thuốc độc chết theo chồng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đàn bà chỉ theo một chồng mà chết thì không gọi là "tuần" [chết theo]. Hà thị theo tình mà đi thẳng, đến nỗi uống thuốc độc chết theo, tuy là quá, nhưng khó với người khác mà Hà thị lấy làm dễ, việc ấy cũng là khó làm. Hoặc giả Thành Khánh hầu đến lúc ấy mới chôn mà Hà thị chết để chôn theo chẳng?

Lại cho Nội thường thị là Lê Bá Ngọc làm thị lang bộ Lễ. Tiểu thủ lĩnh châu Quảng Nguyên là Mạc Hiến và phe đảng bộ thuộc trốn sang động Cống ở địa giới Ung Châu nước Tống.

[23b] Ất Ty, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 6 [1125], (Tổng Tuyên Hòa năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, cho Nội thường thị là Mâu Du Đô¹ làm Trung thư thừa².

Ung Châu bắt bọn Mạc Hiến, xin sai người đến Giang Nam để giao trả. Vua sai người giữ phủ Phú Lương³ là trung thư Lý Hiến đến Giang Nam nhận đem về kinh sư. Đày Mạc Hiến vào châu Nghệ An, vợ con đều sung làm quan nô.

Phiên làm giấy⁴ dâng ngọc châu tân lang, vua truyền không nhận.

Khánh thành điện Sùng Dương, mở yến tiệc ba ngày đêm. Mùa hạ, tháng 4, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng.

Tháng 6, vua từ hành cung Ứng Phong đến hành cung Lý Nhân, Nhập nội thường thị trung thừa là Mâu Du Đô vâng chỉ tuyên bảo các quan trong ngoài rằng có rồng vàng hiện ở điện kín của hành cung, chỉ có các cung nữ và hoạn quan trông thấy.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt.

Tháng 11, sai Nhập nội Lễ bộ thị lang **[24a]** Lê Bá Ngọc đi đánh bọn Nùng Quỳnh và Mạc Thất Nhân ở châu Quảng Nguyên. Khi sắp đi, Bá Ngọc họp quân thề ở ngoài cửa Đại Hưng, tuyên bố quân lệnh.

¹ Mâu Du Đô: Việt sử lược chép là Mâu Đô Du (q2, 23a).

² Việt sử lược chép là trung tướng (q2, 23a).

³ Phú Lương: tên phủ đời Lý, gồm miền đất tỉnh Thái Nguyên cũ và cả huyện Đa Phúc cũ.

⁴ Nguyên văn: "Chỉ tác phiên", đơn vị thợ chuyên làm giấy viết.

Rồng vàng lượn ở bảo đài kỳ thọ ở Động Vân.

Xuống chiếu rằng phạm đánh chết người thì xử 100 trượng, thích mặt 50 chữ, đồ làm khao giáp.

Bính Ngọ, /Thiên Phù Duệ Vũ/ năm thứ 7 [1126], (Tổng Khâm Tông Hằng, Tĩnh Khang năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, mở hội đèn Quảng Chiêu bảy ngày đêm. Tha người có tội [giam] ở phủ Đô Hộ.

Cấm dân chúng mùa xuân không được chặt cây.

Tháng 2, ngày mồng 1, vua ngự điện Thiên An, xem các vương hầu đá cầu.

Tháng 3, làm lễ khánh hạ năm bộ kinh ở chùa Thọ Thánh.

Mùa hạ, tháng 5, ngày Nhâm tuất, mở hội Nhân Vương ở Long Trì. Ngày hôm ấy rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Quang.

Mùa thu, tháng 7, hạn, từ tháng 6, đến đây cày cấy.

Con rùa mắt có sáu con người xuất hiện.

Mưa dầm, làm lễ cầu tạnh.

Tháng 9, nước Chiêm Thành sang cống.

Mở [24b] hội đèn Quảng Chiêu ở Long Trì, xuống chiếu cho sứ thần Chiêm Thành vào xem.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt.

Tháng [11] nhuận, sai lệnh thư gia là Nghiêm Thường, Ngự khổ thư gia là Từ Diên đem 10 con voi thuần và vàng bạc, sừng tê sừng bin sang biểu nhà Tống để tạ ơn việc bắt Mạc Hiến. Thường và Diên đến Quế phủ¹ vào ra mắt quan kinh lược ty. [Họ] bảo với Thường và Diên rằng: "Năm nay ở Đông Kinh và các xứ Hồ Nam, Đĩnh Châu, Lễ Châu đều đã đem binh mã đi đánh người Kim, chưa biết lúc nào về. Trong lúc này thì ngựa trạm, phu trạm dọc đường chỗ nào cũng ít, xin sứ giả đem lễ vật về". Thường và Diên phải trở lại. Năm ấy người nước Kim là Niêm Hãn, Cán Lý Bất² đem quân vây Biện Kinh nước Tống, bắt vua Tống là Huy Tông và Khâm Tông đem về phương Bắc. Nước Tống loạn to. (Lúc ấy vua Kim là Oa Khoát Đài dựng nước ở Mạc Bắc³, đặt niên hiệu là Thiên Hội)⁴

[25a] **Đinh Mùi**, /Thiên Phù Khánh Thọ/ năm thứ 1 [1127], (Tổng Tĩnh Khang năm thứ 2, từ tháng 5 về sau là Cao Tông Cấu, Kiến Viêm năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, cho Ngự khổ thư gia là Phạm Tín làm Phán sự phủ Thanh Hóa.

Tháng 2, các quan dâng tôn hiệu gia thêm bốn chữ: Khoan Từ Thánh Thọ.

Từ tháng giêng đến tháng 2 mưa dầm, sai quan làm lễ cầu tạnh.

Viên ngoại lang là Nguyễn Nghĩa Trường dâng con rùa ba chân, mắt sáu con người.

Tháng 3, thủ lĩnh châu Nông⁵ là Dương Tuệ dâng hai khối vàng sống (gọi là vàng) Trường thọ.

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem gặt.

¹ Quế phủ: tức phủ Quế Châu, nay là Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

² Cán Lý Bất, (đúng tên là Oát Ly Bất 2 chữ Oát và Can để sao chép lầm, con thứ hai của Kim Thái Tô (A Cốt Đà), cùng với Niêm Hãn đem quân đánh kinh đô nhà Tống.

³ Mạc Bắc: tức phía bắc sa mạc Gôbi (từ chân núi Hưng An Lĩnh đến phía đông núi Thiên Sơn).

⁴ Ở đây có nhiều nhầm lẫn trong lời chú thích nguyên bản. Việc tướng nước Kim chiếm Biện Kinh, bắt sống Huy Tông và Khâm Tông nhà Tống mà toàn thư nhắc đến đây là sự kiện vào năm Thiên Hội thứ 3 (1125) đời Kinh Thái Tông, còn lập nước Kim là việc của Kim Thái Tổ (không có niên hiệu Thiên Hội). Kim Thái Tổ họ Hoàn Nhan, tên là A Cốt Đà, sau đổi là Mân, còn Oa Khoát Đài (Ogodai) là tên của hãn Mông Cổ (1228- 1241).

⁵ Nông Châu: tức châu Tư Nông (hoặc còn gọi là Tây Nông như ở BK3, 34a), nay là huyện Phú Bình, tỉnh Bắc Thái.

Mưa thóc.

Tháng 5, nhà sư Cao Đình dâng chim sẻ trắng.

Mùa thu, tháng 7, ngày Đinh Tỵ, khánh thành chùa Trung Hưng Diên Thọ.

Mùa đông, tháng 11, Khâm Châu nước Tống đưa trả nghịch đảng ở châu Quảng Nguyên là bọn Mạc Thất Nhân.

Tháng 12, sao Thiên Cầu sa xuống, có tiếng kêu như sấm.

Gả công chúa Diên Bình cho thủ Lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh.

[25b]Vua không khỏe, gọi Thái úy Lưu Khánh Đàm vào nhận di chiếu rằng: "Trẫm nghe phàm các loài sinh vật không loài nào không chết. Chết là số lớn của trời đất, lẽ đương nhiên của mọi vật. Thế mà người đời không ai là không thích sống mà ghét chết. Chôn cất hậu làm mất cơ nghiệp, để tang lâu làm tổn tính mệnh, trẫm không cho là phải. Ta đã ít đức, không lấy gì làm cho trẫm họ được yên, đến khi chết đi lại khiến cho thứ dân mặc áo xô gai, sớm tối khóc lóc, giảm ăn uống, bỏ cúng tế, làm cho lỗi ta thêm nặng, thiên hạ sẽ bảo ta là người thế nào! Trẫm xót phận tuổi thơ phải nổi ngôi báu, ở trên các vương hầu, lúc nào cũng nghiêm kính sợ hãi. Đã 56 năm nay, nhờ anh linh của tổ tông, được hoàng thiên phù hộ, bốn biển yên lành, biên thùy ít biến, chết mà được xếp sau các bậc tiên quân là may rồi, còn phải thương khóc làm gì? Trẫm từ khi đi xem gặt lúa đến giờ, bỗng bị ốm, bệnh kéo dài, **[26a]** sợ không kịp nói đến việc nổi ngôi. Mà thái tử Dương Hoán tuổi đã tròn một kỷ¹, có nhiều đại đội, thông minh thành thật, trung nghiêm kính cẩn, có thể theo phép cũ của trẫm mà lên ngôi hoàng đế. Nay kẻ ấu thơ chịu mệnh trời, nổi thân ta truyền nghiệp của ta, làm cho rộng lớn thêm công nghiệp đời trước. Nhưng cũng phải nhờ quan dân các người một lòng giúp rập mới được. Nay Bá Ngọc, người thật có khí lượng của người già cả, nên sửa sang giáo mác, để phòng việc không ngờ, chớ làm sai mệnh, trẫm dù nhắm mắt cũng không di hận. Việc tang thì chỉ 3 ngày bỏ áo trở, nên thôi thương khóc; việc chôn thì nên theo Hán Văn Đế, cốt phải kiệm ước, không xây lăng mộ riêng, nên để ta hầu bên cạnh tiên đế. Than ôi! Mặt trời đã xế, tấc bóng khó dừng; từ già cõi đời, nghìn thu vĩnh quyết. Các người nên thật lòng kính nghe lời trẫm, báo rõ cho các vương công, bày tỏ trong ngoài".

Ngày Đinh Mão, vua băng ở điện Vĩnh Quang.

[26b]Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Về thời đại thuận ngày xưa, người làm vua biết giữ tín đạt thuận, tới được mức trung hòa, cho nên bấy giờ trời không tiếc đạo, đất không tiếc của báu, móc ngọt tuôn sa, rượu thơm suối chảy, cỏ chỉ nảy mọc, mà các vật diễm lành như rồng, phượng, rùa, lân, không giống gì không đến. Thời Nhân Tông, sao các vật diễm lành nhiều đến thế? Là vì nhà vua thích, cho nên bề tôi dâng xằng mà thôi.

Hoàng thái tử lên ngôi trước linh cữu. Hạ lệnh cho Vũ vệ Lê Bá Ngọc truyền bảo quân hầu và các quan văn võ lui ra ngoài cửa Đại Hưng, sai các người giữ thành đóng cửa canh phòng cẩn mật, không cho ai ra vào. Lại sai cấm quân cầm binh khí đứng ở dưới điện Thiên An, rồi cho lệnh mở cửa sách bên hữu, gọi các quan vào long trì sai Bá Ngọc truyền bảo các vương hầu và các quan văn võ rằng: "Không may tiên đế lìa bỏ bề tôi, ngôi trời không thể bỏ không lâu ngày. Ta còn ít tuổi, cố gắng nổi ngôi, các khanh nên bền mãi một lòng², giúp đỡ nhà vua, không những để không phụ lòng tiên đế chú ý trông mong mà còn để con cháu các khanh đời đời hưởng lộc vị". Các quan đều lay mừng và thương khóc. Sai nội nhân là Đỗ Thiện, xá nhân là Bồ Sùng đem việc ấy báo với Sùng Hiền hầu. xuống chiếu cho các hương ấp trong nước đều yên nghiệp như cũ, không được chứa giấu giặc cướp trốn tránh và những kẻ đánh nhau giết người.

Ngày Nhâm Ngọ, các quan dâng biểu xin quà linh cữu ở điện Hồ Thiên. Ngày Quý Mùi, các quan mặc áo trở ở ngoài gác Vĩnh Bình. Ngày Giáp Thân, các quan dâng biểu xin vua ngự chính điện.

¹ tức 12 tuổi.

² Nguyên văn: "Vĩnh kiên nãi tâm"; chữ kiên là vững bền cho đồng âm mà khắc lầm ra chữ kiên là vai.

Ngày Ất Dậu, vua bắt đầu ngự diên Thiên An coi châu. xuống chiếu cho các quan bỏ áo trở. Ngày hôm ấy vua ngự giá đi Na Ngạn¹ xem các cung nữ lên **[27b]** dàn thêu để chết theo Đại Hành Hoàng Đế.

Lê Văn Hưu nói: Trẻ nhỏ lên 3 tuổi thôi bế ẵm mới rời khỏi cha mẹ, cho nên từ thiên tử cho đến dân thường, tuy sang hèn khác nhau, mà tình thương nhớ 3 năm thì là một. Thế là để báo đền công khó nhọc của cha mẹ vậy. Huống chi Thần Tông được Nhân Tông nuôi nấng trong cung, không ơn gì hậu bằng, đáng lẽ phải tang hết mức buồn, tể hết mức kính, để báo đáp mới phải. Nay chưa được một tháng mà đã bảo các quan bỏ áo trở, chưa đến lễ tốt khốc mà đã đón hai phi hậu vào cung, không hiểu bấy giờ lấy gì để làm khuôn mẫu cho thiên hạ và biểu đạt với các quan? Thần Tông còn nhỏ tuổi, bấy tôi trong triều cũng lấy việc để tang ngăn làm may, không ai có một lời nói đến. Có thể bảo là trong triều không có người vậy

[28a].Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông thánh học cao minh, hiểu sâu cơ sống chết, như lẽ tất nhiên có ngày thì có đêm. Lời di chiếu nói rất thấu lẽ, đủ biết cái ý "không gỡ chậu hát ca, đến lúc tuổi già than tiếc"². Dạy người như thế thật sâu xa vậy, tuy nhiên, ở Nhân Tông thì đó là lời nói sáng đạo, mà ở Thần Tông thì lại là việc làm thất hiếu. Văn Hưu bàn thế là phải.

¹ Na Ngạn: nay là đất huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc.

² Dẫn lời quẻ Ly trong Kinh Dịch

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Húy Dương Hoán, cháu gọi Thánh Tông bằng ông, cháu gọi Nhân Tông bằng bác, con của Sùng Hiền hầu, do phu nhân họ Đỗ sinh ra. Khi mới lên 2 tuổi, được nuôi trong cung, lập làm hoàng thái tử. Nhân Tông băng, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 11 năm [1128 - 1138], thọ 23 tuổi [1116 - 1138] băng ở điện Vĩnh Quang. Vua khi mới lên ngôi hãy còn trẻ dại, đến khi lớn lên, tư chất thông minh, độ lượng nên việc sửa sang chính sự, dùng người hiền tài, thùy chung đều chính, nhiệm nặt khúc nôi, không gì sai lệch. Tuy thân mang ác tật nhưng rồi chữa lành, cũng là nhờ có ý trời cả. Song quá thích điếm lành, tôn sùng đạo Phật, chẳng đáng [28b] quý gì.

Mậu thân, Thiên Thuận¹ năm thứ 1 [1128], (Tổng Kiến Viêm năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Bính Tuất, đổi niên hiệu, đại xá. Tôn mẹ nuôi là Trần Anh phu nhân làm Hoàng Thái hậu.

Xuống chiếu rằng: Phàm dân có ruộng đất bị sung công cùng là bị tội phải làm điền nhi thì đều được tha cả. Các tăng đạo và dân phải làm lộ ông² cũng được miễn.

Cho sáu quân thay phiên nhau về làm ruộng, theo chế độ xưa.

Ngày Mậu Tý, tôn thụy hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế là Hiếu Từ Thánh Thần Văn vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Nhân Tông.

Ngày Kỷ Sửu, biếm Đại liêu ban Lý sùng Phúc vì khi đi qua cửa thành Tây Dương, người tuần lại hỏi mà không trả lời.

Ngày Tân Mão, xuống chiếu rằng nước đang có tang, dân chúng không được cưỡi ngựa và đi võng màu lam, xe che màn.

Ngày Canh Tý, vua bắt đầu ngự kinh diên [nghe giảng học].

Ngày Tân Sửu, lấy Nội [29a] vũ vệ Lê Bá Ngọc làm Thái úy, thăng tước hầu; Nội nhân hỏa đầu Lưu Ba, Dương Anh Nhĩ làm Thái Phó, tước Đại liêu ban; Trung thừa Mậu Du Đô làm Giám nghị đại phu, thăng trật chư vệ; Nội nhân hỏa đầu Lý Khánh, Nguyễn Phúc, Cao y làm Thái Bảo, tước Nội thượng chế; Nội chi hậu quản giáp Lý Sơn làm Điện tiền chỉ huy sứ, tước Đại liêu ban; Linh nhân³ Ngô Toái làm Thượng chế; Ngự khổ thư gia Từ Diên làm Viên ngoại lang. Lại ban tiền lụa cho Bá Ngọc, [Lưu] Ba và [Mâu] Du Đô đến tận nhà đem lễ vật của Nhân Tông ban cho Sùng Hiền hầu.

Ngày Quý Mão, sai người ở Hoà Trại cáo phó với nhà Tống và báo việc lên ngôi. (Khi ấy Tống Cao Tông lánh người Kim qua sông [Trường Giang] đóng đô ở phủ Lâm An⁴. Ngày Giáp Thìn, xuống chiếu cho Đô phi kỹ mang di [29b] chiếu của Nhân Tông và việc vua lên ngôi sang báo cho Chiêm Thành. Phát vàng và lụa trong kho ban cho các quan theo thứ bậc khác nhau.

Ngày Mậu Thân, trường Quang lang dâng 9 chiếc thuyền của người buôn nước Tống trôi giạt.

Đỗ Vũ Thăng là Quách Ti dâng cây đào cao 4 tấc có hoa.

Ngày Kỷ Dậu, cho Đào Thuấn làm Trung thư sảnh viên ngoại lang hành tây thượng cấp môn sứ, Thượng thư sảnh viện ngoại lang Lý Bảo thần hành đông thượng cấp môn sứ, Phạm Thượng, Đỗ Lục,

¹ Đại Việt Sử Lược chép niên hiệu này là Đại Thuận (Q.3, 1a)

² Điền nhi và lộ ông: Cương Mục dẫn lời Ngô Thì Sĩ chua rằng: Điền Nhi và Lộ Ông đều là những người bị tội đồ dịch. Còn phép phối dịch ra sao bây giờ không thể khảo được (CMCB4, 19a).

³ Linh Nhân: tương truyền thời Hoàng Đế có người tên là Linh Luân chế tạo ra âm nhạc, vì vậy đời sau gọi là nhạc quan và các diễn viên ca kịch là "linh nhân"

⁴ Nay là Hàm Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Khổng Nguyên, Phạm Bảo, Kim Cát, Lý Khải, Đào Lão, Nguyễn Hoàn làm Viên ngoại lang thượng thư sảnh; Lương Cửu, Đào Sâm, Quách Thục, Nguyễn Nhân, Nguyễn Khánh, Đào Tương, Quách Cự Tầm, Nguyễn Thối làm Trung thư hoả; Lý Ngũ, Kiều Nghĩa, Lý Cá, Nguyễn Biếm, Nguyễn Bộc, Nguyễn Khoan, Đào Lục, Đỗ Ký, Kiều Thiệu làm Chi hậu thư gia.

Ngày Quý Sửu, xuống chiếu cho Giám nghị đại phu Mậu Du Đô chọn quân Long Dực cũ làm các quân tả hữu Ngọc Giai, Hưng Thánh, Quảng Thành, vũ [30a] Đô.

Ngày Giáp Dần, hơn 2 vạn người Chân Lạp vào cướp bến Ba Đầu ở châu Nghệ An. Xuống chiếu cho Nhập nội thái phó Lý Công Bình đem các quan chức đô cùng người châu Nghệ An đi đánh.

Tháng 2, ngày Ất Mão, xuống chiếu tha cho cá tội nhân ở phủ Đô hộ. Ngày Nhâm Tuất, xuống chiếu tha cho 130 người bị biếm truất.

Ngày Quý Hợi, Lý Công Bình đánh bại người Chân Lạp ở bến Ba Đầu, bắt được chủ tướng và quân lính.

Ngày Ất Sửu, các quan dâng tôn hiệu là Thuận Thiên Quảng Vận Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng Đế. Vua bảo các quan rằng: "Trẫm còn trẻ thơ, nối nghiệp lớn của tiên thánh, mà thiên hạ yên tĩnh, trong cõi sợ uy, đều là nhờ sức của các khanh. Các khanh nên cẩn thận giữ chức, chớ có lười biếng qua quít để giúp cho trẫm những chỗ còn thiếu sót".

Lập Lý thị làm Hoàng hậu. Trước đó vua sai Viên ngoại lang Lý Khánh Thần và [30b] vợ đi đón con gái của Điện tiền chỉ huy sứ Lý Sơn, Viên ngoại lang Trần Ngọc Độ và vợ đi đón con gái của Lê Xương là cháu chú bác của Thái úy Lê Bá Ngọc, sách lập con gái của Sơn làm Lê Thiên Hoàng hậu, con gái của Xương làm Minh Bảo phu nhân. Thăng trật ký hầu cho Lý Sơn coi việc quân sự ở Lạng Châu, ban cho [Lê] Xương tước Đại liêu ban.

Mưa dầm.

Ngày Đinh Mão, các quan dân biểu mừng vua lên ngôi.

Lá phướn của hai chùa Thiên Long và Thiên Sùng không gió mà tự lay động như múa. Vua ngự xa giá đến hai chùa ấy để lễ tạ.

Thư báo thắng trận của Lý Công Bình đến kinh sư.

Ngày Mậu Thìn, vua ngự đến hai cung Thái thanh, Cảnh Linh và các chùa quán trong thành để lễ tạ ơn Phật và Đạo đã giúp ngầm cho Công bình đánh được người Chân Lạp.

Lê Văn Hưu nói: Phàm việc trừ tính ở trong màn trướng, quyết định được chiến thắng ở ngoài nghìn dặm, đều là [31a] công của người tướng giỏi cầm quan làm nên thắng lợi. Thái phó Lý Công Bình phá được quân Chân Lạp cướp châu Nghệ An, sai người báo tin thắng trận. Thần Tông đáng lẽ phải cáo thắng trận ở Thái Miếu, xét công ở triều đường để thưởng cho bọn Công Bình về công đánh giặc. Nay lại quy công cho Phật và Đạo, đi các chùa quán để lạy tạ, như thế không phải là cách để ủy lạo kẻ có công, cổ lệ chí khí của quân sĩ.

Ngày Canh Ngọ, vua ngự điện thiên an xem quốc nhân hội thề ở Long Trì¹. Nhân đó xuống chiếu phát quần áo, tiền lụa trong Nội phủ để ban cho.

Ngày Giáp Tuất, xuống chiếu cấm gia nô và tạo lệ của các quan không được lấy con gái lương dân.

Hoàng hậu Lê Thiên và phu nhân Minh Bảo về thăm nhà.

Sai Giám nghị đại phu Mậu Du Đô đến phủ Thiên Đức chọn đất tốt để xây sơn lăng của Nhân Tông.

¹ Nguyên văn: "quan quốc nhân minh vu Long Trì" (xem người trong nước thề ở Long Trì). Hai chữ "quốc nhân" trong câu này không được xác định rõ, thường hiểu là số đông người thuộc nhiều tầng lớp xã hội.

Tháng 3 [**31b**] Lý Công Bình đem quân về kinh sư, dâng tù 169 người.

Cho nội lệnh thư gia Phí Công Tín làm Phụng nghị lang, Nội thư gia Ngụy Quốc Bảo làm Tả tỳ. Vua xem đại hội Linh quang, cho Công Tín và Quốc Bảo làm Nội thường thị.

Mùa hạ, tháng 4, hạn. Vua trai giới ăn chay cầu đảo, được mưa.

Tháng 5, độ cho lão binh đô tào là bọn Vũ Đại bốn người làm tăng.

Xuống chiếu miễn thuế dịch cho 100 người họ của Thần Anh thái hậu có biên tên ở sổ.

Xuống chiếu rằng những việc kiện tụng đã phán xử dưới các triều Tổ, Tông¹ rồi thì không được đem bàn tâu lên nữa, làm trái thì bị tội.

Tháng 6, xuống chiếu cho đại thần và các quan chức đô hội thề ở ngoài cửa Đại Hưng. Dự định làm lễ đưa táng Nhân Tông.

An táng Nhân Tông ở lăng Thiên Đức.

Lấy ngày sinh nhật của vua là tiết Thiên thụ.

Mùa thu, tháng 7, tiết Trung nguyên, vua ngự điện Thiên An, các quan dâng biểu mừng. Vì [hôm ấy] là ngày lễ Vu Lan [**32a**] bôn cầu siêu cho Nhân Tông nên không đặt lễ yến.

Tháng 8, xuống chiếu cho Lưu Khánh Đàm và Mâu Du Đô chọn các quan chức đô.

Ngày Giáp Tuất, đưa di chiếu của Nhân Tông cho các quan xem (chiếu này đã chép ở trên).

Người Chân Lạp vào cướp hương Đổ Gia² ở châu Nghệ An, có đến hơn 700 chiếc thuyền. Xuống chiếu sai bọn Nguyễn Hà Viêm ở Thanh Hoá và Dương Ổ ở châu ấy đem quân đánh, phá được.

Mùa đông, tháng 11, lấy Thái úy Lê Bá Ngọc làm Thái sư, đổi làm họ Trương.

Đày người [phạm tội] ở châu Quảng Nguyên đến phủ Thanh Hoá.

Châu Nghệ An đệ tâu một phong quốc thư của nước Chân Lạp, xin sai người sang sứ nước ấy. Vua không trả lời.

Kỷ Dậu, [Thiên Thuận] năm thứ 2 [1129], (Tổng Kến Viêm năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, nhập nội điện trung là Lý An Dậu dâng hươu trắng. Cho An Dậu tước Đại liêu ban.

Thái úy Dương Anh Nhĩ dâng hươu trắng.

Mở [**32b**] hội khánh thành 8 vạn 4 nghìn bảo tháp ở gác Thiên Phù³.

Ngày Giáp Ngọ, tôn thân phụ là Sùng Hiền hầu làm Thái thượng hoàng và thân mẫu Đổ thị làm Hoàng thái hậu, ở tại cung Động Nhân.

Lê Văn Hưu nói: Thần Tông là con người tông thất, Nhân Tông nuôi làm con, cho nối đại thống, đáng lẽ phải coi Nhân Tông làm cha mà gọi cha sinh là Sùng Hiền hầu làm hoàng thúc, phong mẹ đẻ là Đô thị làm Vương phu nhân, như Tống Hiếu Tông đối với Tú An Hy Vương và phu nhân Trương thị, để tỏ ra một gốc mới phải. nay lại phong Sùng Hiền hầu làm Thái thượng hoàng, Đổ thị làm hoàng thái hậu, chả hoá ra hai gốc ư? Bởi Thần Tông bấy giờ còn trẻ thơ mà các công khanh trong triều như Lê Bá Ngọc, Mâu Du [**33a**] Đô lại không biết lẽ nên mới như thế.

Tháng 2, vua trai giới để cầu mưa.

¹ Chỉ các đời vua Thái Tổ, Thánh Tông và Nhân Tông đời Lý

² Đổ Gia: tên hương thời Lý, nay là huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

³ Đây là những cái tháp nhỏ bằng đất nung cao 20 - 50 cm, thường tìm được trong các di tích thời Lý

Thần vương ban Lý Lộc tâu ở núi Tản Viên có hươu trắng. Vua sai Thái úy Dương Anh Nhĩ đi bắt được. Cho Lộc tước Đại liêu ban.

Xuống chiếu tha cho những người phạm tội trong nước.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông thường nhân việc mở hội [Phật] mà tha cho người có tội, là không phải lẽ, nhưng mà còn mượn tiếng hội Phật. Còn như vua [Thần Tông] thì không có việc gì mà cũng tha bổng. Phạm người có tội phạm pháp, có kẻ nặng người nhẹ, năm bậc hình phạt, có trên có dưới, sao lại có thể tha bổng được, nếu nhất loạt tha cả thì kẻ tiểu nhân may mà được khỏi tội, đó không phải là phúc cho người quân tử. Cho nên thời xưa nói về đạo trị nước, tuy nói rằng không thể không xá tội, nhưng cũng cho rằng xá tội là có hại. Tha lỗi [33b] thì được, tha tội thì không được. Kinh dịch nói: "tha lỗi, giảm tội" Kinh thư nói: "Lầm lỗi thì tha cho, cố phạm thì trị tội". Thế là phải.

Tháng 3, Lý Tử Khắc dâng tâu rằng, rừng ở Giang Đễ¹ có hươu trắng. Vua sai Thái úy Lưu Khánh Đàm đi bắt được. Thăng Tử Khắc làm Khu mật sứ, xếp vào hàng tước minh tự, được đội mũ bảy cầu.

Lê Văn Hưu nói: Phạm người xưa gọi là điếm lành, là nói việc được người hiền và được mùa, ngoài ra không có gì đáng gọi là điếm lành cả. Huống chi chim quý thú lạ không nuôi ở quốc độ cũng là lời khuyên rằng của tiên vương để lại. Thần Tông nhân Nguyễn Lộc và Nguyễn Tử Khắc (Lộc và Tử Khắc nguyên là họ Lý, Văn Hưu kiêng húy nhà Trần nên gọi là họ Nguyễn) dâng hươu trắng, cho là vật điếm lành, cho Lộc tước đại liêu ban, cho Tử Khắc tước [34a] minh tự, thì cả người thưởng và người nhận thưởng đều sai cả. Tải sao vậy? Thần Tông vì dâng thú mà cho quan tước, thế là lạm thưởng. Lộc và Khắc không có công mà nhận thưởng, thế là dối vua.

Đại thủ lĩnh châu Tây Nông là Hà Văn Quảng dâng hai khối vàng sống cộng nặng 33 lạng 5 đồng cân.

Mùa Hạ, tháng 6, Nhập nội Long đồ là Mâu Du Đô dâng ngựa trắng bờm đen, bốn chân có cựa.

Cho Nội thường thị Phí Công Tín làm Tả ty lang trung, Ngụy Quốc Bảo làm Viên ngoại lang.

Mùa Thu, tháng 8, làm thần chủ của Nhân Tông Hoàng Đế ở Linh Điện. Rắn thanh trúc quấn ở ngai báu.

Tháng [8] nhuận, ngày Nhâm Ngọ, rước thần vị của Nhân Tông Hoàng Đế vào thờ ở Thái Thất.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tiên vương đặt lễ thờ người chết cũng như hầu hạ khi còn sống, cho nên làm [mộc] chủ để tượng trưng cho thần, thế thì [mộc] chủ là chỗ dựa của thần. Tế ngu rồi mới làm thần chủ, tế luyện rồi mới đổi thần chủ, [34b] đổi thần chủ xong rồi mới thờ chung vào Thái Miếu, lễ tiết là như thế. Nhân Tông đã chôn từ tháng 6 năm trước, đến đây đã mười bốn tháng, kỳ tế luyện cũng quá lâu rồi mà bây giờ mới làm thần chủ để thờ chung vào Thái Miếu, thế là để chậm và bất kính quá lắm.

Ngày Giáp Thân, người nung ngói ở cung Động Nhân là Nguyễn Nhân dâng con rùa mắt có sáu con người, trên ức có hai chữ " Phổ nhạc".

Xuống chiếu rằng nô tỳ của vương hầu và các quan không được cậy thế đánh đập quan quân và bách tính, kẻ nào phạm thì gia chủ phải tội đồ, nô sung làm quan nô.

Mùa Đông, tháng 10, thăng cho Tả ty Phí Công Tín làm Chư vệ, ban cho họ Lý.

Tháng 12, người giữ voi là Chu Hội dâng rùa trắng.

Lấy Nội thường Đỗ Nguyên Thiện làm Tham tri chính sự, giữ phủ Thanh Hoá; Ngự khổ thư gia Phạm Tín làm Viên ngoại lang.

¹ Nguyên bản in là Giang Đễ, có thể là Đễ Giang, tức sông Đáy, Đễ Giang cũng là tên đất. Theo cương mục, từ thời Trần trở về trước gọi là Đễ Giang, nhà Lê đổi gọi là huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên.

[35a] Canh Tuất, [Thiên Thuận] năm thứ 3 [1130], (Tổng Kiến Viêm năm thứ 4).

Mùa Xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho con gái các quan không được lấy chồng trước, đợi sau khi chọn sung vào hậu cung, người nào không trúng tuyển mới được lấy chồng.

Lê Văn Hưu nói: Trời sinh ra dân mà đặt vua để chặn dấy, không phải để cung phụng riêng cho vua. Lòng cha mẹ ai chẳng muốn con cái có gia thất, thánh nhân thể lòng ấy còn sợ kẻ sắt phu sắt phụ không được có nơi có chốn.

Cho nên Kinh Thi tả sự ấy trong thơ "Đào yêu" và thơ "Siêu hữu mai" để khen việc lấy chồng kịp thì và chê việc để lỡ thì vậy. Thần Tông xuống chiếu cho con gái các quan phải đợi xong việc tuyển người vào cung rồi mới được lấy chồng, thế là để cung phụng cho riêng mình, đâu phải lòng làm cha mẹ của dân?

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua bấy giờ chưa đến tuổi hai mươi, ra lệnh ấy là muốn tuyển con gái các quan sung vào hậu cung thôi. Việc ấy chưa lấy gì làm quá. Còn như đánh được giặc mà **[35b]** quy công cho Phật, dâng hươu mà làm đem tước trật cho người đều là do tính trẻ thơ mà không ai giúp can ngăn. Nếu có người lấy chí thành mà cảm, dùng lời nói khéo mà khuyên, thì vua vốn tư chất thông minh, tất thế nào cũng nghe theo.

Quản giáp nội tác là Chu Thủy dâng cá diếc vàng. Lấy ngự khổ thư gia Lương Cải giữ phủ Thanh Hoá.

Tháng 3, người nước Chiêm Thành là Ung Ma, Ung Câu sang quy phụ.

Tháng 5, quản giáp Phù Thu Liễu là Phí Nguyên dâng chim sẻ trắng.

Thái thượng hoàng băng, thụy là Cung Hoàng.

Tháng 6, hạn, làm lễ cầu mưa.

Mùa Thu, tháng 9, mưa dầm, làm lễ cầu tạnh.

Vua ngự điện Linh Quang xem đua thuyền.

Xuống chiếu tha tù giam ở phủ Đô hộ.

Mùa Đông, tháng 10, vua ngự điện Thiên Linh duyệt sáu quân, định các cấp bậc.

Nhà Tổng sai sứ mang ấn báu và sắc vàng sang phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương¹.

Tháng 11, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, vua đánh cầu ở Long Trì, cho sứ nước Chiêm Thành vào hầu xem. Mở hội khánh thành chùa Quảng Nghiêm Tư Thánh. Tha cho những người có tội. Sai Viên ngoại lang là Lý Phụng Ân và Lệnh thư gia là Doãn Anh Khái sang nước Tống đáp lễ.

Tân Hợi, [Thiên Thuận] năm thứ 4 [1131], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, dựng hai gác ở trong điện Diên Hòa.

Tháng 2, Hoàng đệ là Tinh chết (con của Sùng Hiền hầu).

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cấm gia nô của các vương hầu, công chúa và các quan không được lấy con gái của các quan chức đô và bách tính.

Cấm con gái dân gian không được bắt chước kiểu búi đầu tóc như cung nhân.

Tháng 5, hạn, cầu đảo được mưa to.

¹ Việc Nhà Tống phong Lý Thần Tông làm Giao Chỉ Quận Vương, Toàn thư chép hai lần: ở đây (năm 1130) và ở BK3, 37b (năm 1132). Có lẽ Toàn thư ghi thừa ở năm 1130, vì Tống sử (q.488) cũng ghi việc này vào năm 1132. Việt sử lược ghi việc nhà Tống phong tước Quận Vương cho Lý Thần Tông vào năm Tân Hợi, 1131 (q.3, 1b) có lẽ cũng không chính xác.

Chủ đô Nhiễm hoành là Hà Nhi dâng chim sẻ trắng.

Dựng nhà cho đại sứ Minh Không.

Mùa thu, tháng 7, các quan dâng biểu mừng **[36b]** được mùa.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Các triều thần bấy giờ xiểm nịnh quá lắm! Tháng 5, đại hạn, cầu đảo may mà được mưa, đến tháng 7, thì lúa hè đã quá vụ, mà lúa thu chưa chín, đã vội cho là được mùa, dâng biểu chúc mừng. Nếu đến tháng 9, tháng 10, mà gặp lụt hạn hay bị sâu cắn thì đối với tờ biểu mừng ấy thế nào?

Tháng 9, mở vườn bảo hoa.

Xuống chiếu cho Mậu Du Đô coi châu Nghệ An.

Tháng ấy mưa lâu ngày, làm lở cầu tạnh.

Mùa đông tháng 10, Ngự tiền chỉ huy sứ là Vương Cát tâu là có dấu vết thần giáng ở Long Trì trước lầu chuông bên tả, dấu dài 9 tấc 5 phân, rộng 5 tấc.

Hoàng đệ là Chu Cá chết.

Tháng 12, người ở hương Thái Bình là Nguyễn Mãi dâng hươu trắng. Người lính ở Tả Vũ Tiệp là **[37a]** Đỗ Khánh dâng cá xương công (tức là cá hầu)¹ sắc vàng. Vua cho là điềm lành, xuống chiếu cho các quan chúc mừng. Cáp môn sứ Lý Phụng Ân tâu rằng: "con cá ấy là vật nhỏ mọn mà bệ hạ lấy làm điềm lành. Nếu có lân phượng đến thì bệ hạ cho là vật gì?". Vua khen lời nói phải.

Nhâm Tý, [Thiên Thuận] năm thứ 5 [1132], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, đêm có rồng vàng từ điện Vĩnh Quang hiện ra ở cung Lệ Quang².

Tháng 5, ngày mồng 1, hoàng thứ trưởng tử là Thiên Lộc sinh, sau phong làm Minh Đạo Vương.

Tháng [5], nhuận, hoàng trưởng nữ sinh, rồi chết.

Tháng ấy, gió bão làm đắm thuyền Diên Chương.

Mùa thu, tháng 7, người nước Chiêm Thành là bọn Cự Bàn trốn về nước, đến trại Nhật Lệ³ bị người trại ấy bắt được, giải về Kinh sư.

Tháng 8, Chân Lạp và Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An.

Hỏa đầu quân Tả Vũ Lâm và Đỗ Quảng dâng cá xương công.

Xuống chiếu cho Thái úy Dương Anh Nhĩ đem người ở phủ Thanh Hóa **[37b]** và châu Nghệ An đi đánh quân Chân Lạp và Chiêm Thành, phá tan.

Châu mục châu Chân Đăng là Lê Pháp Quốc dâng hươu đen.

Tháng 9, Lệnh hỏa đầu ở đô Phụng vệ là Đinh Ngư dâng hươu trắng.

Lệnh thư gia châu Nghệ An là Trần Lưu dâng ba người Chiêm Thành. Trước đây bọn người này thường ẩn nấp ở chỗ hiểm yếu, bắt người châu Nghệ an đem bán cho người nước Chân Lạp, Lưu đặt phục binh ở chỗ ấy, bắt được đem dâng.

Mùa đông, tháng 10, sai Viên ngoại lang Lý Phụng Ân và Phụng nghị lang Doãn Anh Khái sang nước Tống đáp lễ.

¹ Xương công ngư: lời chú nguyên bản nói cá "xương công" tức là cá "hầu". Cương mục cũng chép việc này, nhưng chưa rằng "xương" và "công" là hai loài cá khác nhau. Cá Xương tức cá hầu, phần trên đầu gồ lên liền với sống lưng, mình tròn, chỉ có 1 xương sống, thịt mềm, ăn được; cá Công là loài cá giống như con cua, ăn được (CMCB4, 28b).

² Nguyên bản khắc sai nét chữ "cung" thành ra hình như chữ "quản".

³ Nhật Lệ: là tên sông ở tỉnh Quảng Bình, trại Nhật Lệ chỉ miền ấy.

Dựng điện Cảm Linh và gác Phụng Thiên.

Tháng 12, vua đón xuân ở đình Quảng Văn. Khánh thành điện Cảm Linh, ban yến cho các quan.

Thượng thư Lý Nguyên bị tội, chết ở trong ngục, vì con gái của Nguyên là thứ phi Chương Anh có lỗi.

Nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

[38a] Giáp Dần, Thiên Chương Bảo Tự năm thứ 2 [1134], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, cho Viên ngoại lang Ngụy Quốc Bảo tước Đại liêu ban.

Dựng hai chùa Thiên Ninh, Thiên Thành và tô tượng Đế Thích. Vua ngự đến xem.

Lệnh thư gia Nguyễn Mỹ dâng con ngựa màu hoa đào, đầu xanh, bốn chân mọc sáu cựa (hai chân trước đều một cựa, hai chân sau đều hai cựa).

Tháng ấy mưa lâu, làm lễ cầu tạnh.

Tháng 3, vua ngự đến quán Ngũ Nhạc.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cấm các viên chi hậu và nội nhân hóa đầu không được tự tiện ra ngoài, ai trái thì khép tội nặng, nếu có việc công phải tâu trước rồi mới được ra.

Tháng 5, khánh thành điện Vĩnh Quang mới sửa chữa.

Phạm Tín ở châu Nghệ An và Lệnh tư gia là Trần Lưu dâng hươu trắng.

Hóa đầu quân Hữu Ngự Long là Quách Tư dâng ngọc thiềm thừ¹ hình dạng như **[38b]** mắt cá. Vua nói: "Đó là vật nhỏ mọn, không đáng quý". Không nhận.

Người lính ở quân Hữu Hưng Vũ² là Vương Cửu dâng con rùa mắt có sáu con người, trên ức có nét chữ Trụ³, xuống chiếu cho các học sĩ và các tăng đạo biện nhận, đọc thành tám chữ: "Thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Rùa là vật linh thiêng vì nó có thể báo điềm trước, nhưng đời nào cũng thường có, không như rồng phượng và kỳ lân ít thấy. Thế mà đương thời cho rùa là điềm lành mà đem dâng cho nhiều thế là làm sao? Còn như trên ức có nét chữ chỉ là những vết trắng, nét đen xen nhau mà thôi, bầy tôi nhận là văn tự, đó là chiều ý vua mà nói nịnh thôi, có phải thực có chữ đâu. Cho nên người làm vua phải cẩn thận sự ưa chuộng.

Táng 6, Hoàng bà là Vương Bà Lịch chết.

Mùa thu, tháng 7, rồng vàng ban đêm hiện ở điện Vĩnh **[39a]** Quang.

Mùa đông, tháng 11, sửa lại điện Diên Sinh và quán Ngũ Nhạc.

Tháng 12, Thành Đạo hầu (không rõ tên) chết.

Bầy tôi dâng thêm tôn hiệu là Thuận Thiên Duệ Vũ Tường Linh Cảm Ứng Khoan Nhân Quảng Hiếu Hoàng Đế. Đại xá cho thiên hạ.

Ất Mão, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 3 [1135], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Ngự khổ thư gia là Dương Chương giữ phủ Thanh Hóa.

Tháng 2, hai nước Chân Lạp và Chiêm Thành sang cống.

¹ Thiềm thừ châu: cũng như ở trên đã nói đến tân lang châu (ngọc cau), ở đây nói thiềm thừ châu (ngọc cóc), chưa rõ là thứ ngọc gì (chú thích 2, tr. 291).

² Nguyên bản in là Thạch Hưng Vũ. Tên cai đội quân thường có chữ Tả, Hữu; ở đây chữ Thạch do chữ Hữu khắc lằm.

³ Trụ văn: tức là chữ đại trện (tương truyền là do quan thái sử Sử Trụ đời Chu Tiên Vương, Trung Quốc, đặt ra).

Tháng 3, Khánh Thiện hầu (không rõ tên)¹ chết.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho Tả ty lang trung Lý Công Tín ra vào cung cấm để tâu việc, không được ngăn cấm.

Vua ngự đến quán Ngũ Nhạc để khánh thành tượng Tam tôn² bằng vàng bạc.

Cho Viên ngoại lang Ngụy Quốc Bảo làm Tả y lang trung.

Từ mùa xuân đến mùa hè không mưa.

Tháng 5, ngày mồng 1, có mưa.

Tháng 6, Chi hậu thư gia là Lý Xương và nhà sư ở chùa Quán Đính³ là Nguyễn Minh đều **[39b]** dâng chim sẻ trắng.

Xuống chiếu rằng những người đã bán ruộng ao không được trả tăng tiền lên mà chuộc lại, làm trái thì phải tội.

Mùa thu, tháng 7, Thái sư Trương Bá Ngọc⁴ chết.

Mùa đông, tháng 12, mở hội độ tăng⁵ ở Nghênh Tiên đường.

Mở đàn chay khánh thành ở điện Diên Sinh.

Đóng 3 chiếc thuyền Nhật Đĩnh, Thanh Lan, Diên Minh.

Bính Thìn, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 4 [1136], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, mở vườn Diên Quang tại hương Lãnh Kinh⁶.

Thấy chuông lớn thời xưa.

Tháng 2, Thành Hưng hầu (không rõ tên) chết.

Tháng 3, Thái úy Lưu Khánh Đàm chết.

Vua bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi. Nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong làm quốc sư. Tha thuế dịch cho vài trăm hộ. (Tục truyền khi nhà sư Từ Đạo Hạnh sắp trút xác, trong khi ốm đem thuốc niệm thần chú rồi giao cho học trò là Nguyễn Chí Thành tức Minh Không, dặn rằng 20 năm sau nếu thấy quốc vương bị bệnh lạ thì đến chữa ngay, có lẽ là việc này).

Mùa hạ, tháng 4, Hoàng bà là Lã A Mãi ốm chết.

[40a]Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Sách chép các đế vương chưa có chỗ nào chép việc hoàng bà chết, mà trong đời Thần Tông thấy chép hai lần, có lẽ là vua đặt cách gia phong ân tứ trọng hậu cho các bảo mẫu, cho nên sử thần theo đó mà chép chăng ?

Hoàng trưởng tử Thiên Tộ sinh. Các quan dâng vàng bạc tiền lụa và biểu mừng.

Tháng 6, cho Tả ty lang trung Lý Công Tín⁷ làm Thiếu sư, tước Minh tự.

¹ Khánh Thiện hầu mà Toàn thư ghi tại đây là Tăng thống Khánh Hỷ có tiểu truyện trong Thiên uyển tập anh (tờ 61a); chữ Thiện và chữ Hỷ, nét chữ gần giống nhau, có thể chép lầm.

² Tam tôn: thường là tượng phật A Di Đà và tượng hai bồ tát Quan Thế Âm, Đại Thế Chí.

³ Theo Thiên uyển tập anh, chùa Quán Đính ở núi Không Lộ, lại theo Đại Nam nhất thống chí (tỉnh Sơn Tây, núi Không Lộ ở địa phận huyện Thạch Thất, trên núi có chùa Lạc Lâm, là chỗ Thiên sư Không Lộ trút xác mà hóa. Như thế thì chùa Quán Đính còn có tên là chùa Lạc Lâm và núi không Lộ, tức là Sài Sơn (núi Thầy), nay ở huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

⁴ Trương Bá Ngọc: tức là Lê Bá Ngọc, do Lý Thần Tông đổi làm họ Trương (xem BK3, 32a).

⁵ Nguyên văn: "độ nhân hội", tức lễ độ cho những người đủ tư cách tăng nhân.

⁶ Hương Lãnh Kinh: có lẽ là miền Thị Cầu, thị xã Bắc Ninh ngày nay, xem thêm chú thích (4) tr.260.

⁷ Lý Công Tín: tức Phí Công Tín, được ban họ Lý (BK3, 34b).

Mùa thu, tháng 9, Gián nghị đại phu Mâu Du Đô bị bãi chức.

Mùa đông, tháng 10, Thái úy Dương Anh Nhĩ chết.

Tháng 12, ngày lập xuân, vua ngự điện Sùng Uyên, các quan dâng biểu mừng. Ngày ấy gặp ngày quốc kỵ, cho nên lại đặt biểu này.

Hỏa đầu đo Tả Hưng Thánh là Tô Vũ dâng rùa thần, ở ức có nét chữ Trụ. các quan nhận ra bốn chữ "Nhất Thiên Vĩnh Thánh".

Vua ngự đến **[40b]** phủ Thanh Hóa xem bắt voi.

Đinh Ty, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 5 [1137], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, châu Nghệ An chạy trạm tâu việc tướng nước Chân Lạp là Phá Tô Lăng¹ cướp châu ấy. Xuống chiếu cho thái úy Lý Công Bình đem quân đi đánh.

Tháng 2, châu Nghệ An động đất, nước sông đỏ như máu. Công Bình sai Nội nhân hỏa đầu Đặng Khánh Hương về Kinh sư đem việc ấy tâu lên.

Công Bình đánh bại người Chân Lạp.

Tháng 3, Đại liêu ban Nguyễn Công Đào dâng rùa trắng.

Vua ngự đến chùa Báo Thiên, làm lễ Phật Pháp Vân để cầu mưa. Đêm ấy mưa to.

Mùa hạ, tháng 4, hoàng tử thứ ba (không rõ tên) sinh.

Tháng 5, Thiếu sư Lý Công Tín dâng một khối vàng sống, nặng 47 lạng.

Tháng 6, hạn xuống chiếu cho Nguyễn Công Đào đến Vu đàn² ở phía nam làm lễ cầu mưa.

Mùa thu, tháng 9, mở hội khánh thành chùa Linh Cảm, tha **[41a]** người có tội trong nước.

Xuống chiếu rằng: Trong ngoài kinh thành cứ ba nhà làm một bảo, để giám sát các quan chức đô coi triều ban không được đem con mình cho người khác nuôi làm con để nhờ cậy nhà quyền thế. Kẻ nào không có quan ấm³ mà can phạm thì bắt giữ tâu lên. Người một bảo mà không giám sát nhau thì cùng một tội với can phạm.

Mùa đông, tháng 10, ngày Nhâm Ngọ, vua ngự đến hành cung Ly Nhân xem gặt.

Ngày Ất Sửu, hoàng nữ thứ hai sinh, sau phong làm Thụy Thiên công chúa.

Tháng 12, vua về đến Kinh sư.

Cho Ngự khổ thư gia coi phủ Thanh Hóa là Dương Chương làm Viên ngoại lang.

Mậu Ngọ, [Thiên Chương Bảo Tự] năm thứ 6 [1138], (từ tháng 10 về sau là niên hiệu của Anh Tông, Thiệu Minh năm thứ 1; Tổng Thiệu Hưng năm thứ 8). Mùa hạ, tháng 5, Nội nhân hỏa đầu là Hứa Viêm dâng một khối vàng sống nặng 66 lạng.

Tháng 6, hạn, sai Nhập nô tả ty lang trung là Ngụy Quốc Bảo triệu các quan hội bàn. Chư vệ là Phạm Tín **[41b]** xin đến Vu đàn làm lễ cầu mưa. Vua y theo.

Mùa thu, tháng 7, không mưa. Vua sai Hữu ty làm lễ cầu ở Vu đàn và chùa Báo Thiên.

Ban cho các quan áo mùa đông.

Tháng 9, vua không khỏe.

¹ Việt sử lược chép là Tô Phá Lăng và chép việc vào năm 1136 (q.3, 2a).

² Vu đàn: đàn tế trời để cầu mưa. Theo Công Dương truyện, vua thân đến đàn Nam Giao cầu đảo, cho đồng nam đồng nữ vừa múa vừa hô "Vu! Vu!...", vì thế gọi là "Vu đàn".

³ Quan ấm: theo chế độ cũ, con cháu các nhà quan có công với triều đình hoặc chết vì việc nước, được bổ làm quan, gọi là quan ấm.

Lập Hoàng trưởng tử Tiên Tô làm Hoàng thái tử. Trước vua đã lập Thiên Lộc làm con nối. Đến đây ốm, ba phu nhân là Cảm Thánh, Nhật Phụng và Phụng Thánh muốn đổi lập thái tử khác, mới sai người đem của đút cho Tham tri chính sự Từ Văn Thông, nói rằng nếu có vâng mệnh thảo di chiếu thì chớ bỏ lời của ba phu nhân. Văn Thông nhận lời. Đến khi vua ốm nặng, sai soạn thảo di chiếu, Văn Thông tuy vâng mệnh vua, nhưng nhớ lời dặn của ba phu nhân, cứ cầm bút mà không viết. Một lát ba phu nhân đến, khóc lóc nghẹn ngào nói rằng: "Bọn thiếp nghe rằng đời xưa lập con nối ngôi thì lập con đích chứ không lập con thứ. Thiên Lộc là con của người thiếp được vua yêu, nếu cho nối ngôi thì người mẹ tất sẽ tiếm lấn, sinh lòng ghen ghét làm hại, [42a] như thế thì mẹ con bọn thiếp tránh sao khỏi nạn?". Vua vì thế xuống chiếu rằng: "Hoàng tử Thiên Tô tuy tuổi còn thơ ấu, nhưng là con đích, thiên hạ đều biết, nên cho nối nghiệp của trẫm, còn thái tử Thiên Lộc thì phong làm Minh Đạo Vương".

Ngày 26, vua đăng ở điện Vĩnh Quang, quàn ở thềm phía tây điện ấy. Các quan dâng tôn hiệu là Quảng Nhân Sùng Hiếu Văn Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Thần Tông.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, Hoàng thái tử Thiên Tô lên ngôi ở trước linh cữu, bảy giờ mới lên ba tuổi. đổi niên hiệu là Thiệu Minh năm thứ 1. Đại xá cho thiên hạ. Tôn mẹ là Cảm Thánh phu nhân họ Lê làm Hoàng thái hậu.

Hội thề quốc nhân ở Long Trì.

Sai sứ sang cáo phó với nhà Tống.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thần Tông nối nghiệp lớn của tiên vương, làm thiên tử đời thái bình [42b], bỏ con đích trưởng còn bú mớm, muốn lập con thứ đã trưởng thành, là lấy việc lầm lỗi khi trước mình còn non dạ làm răn, nhưng rốt cuộc chí ấy không thành. Việc Từ Văn Thông ăn hối lộ thì đã rõ ràng. Lời nói của ba phu nhân thế là thẳng thắn, nhưng tiếc rằng khi ấy không gọi ngay kẻ đại thần biết khuông phò xã tắc mà uỷ thác con cô. Than ôi! Bề tôi gian tà giao kết với người ở trong cung đình để đến nỗi làm hỏng việc của người, từ xưa vẫn có. Song việc Từ Văn Thông và ba phu nhân này chẳng còn hơn việc dạy Vệ Vương¹ phải vâng mệnh ư? Tuy thế truyền ngôi cho con đích là lẽ thường xưa nay, nếu được người giúp là bậc hiền như Y Doãn, Chu Công giúp Thái Giáp và Thành ương thì để tiếng khen đời sau mãi mãi.

¹ Chỉ Vệ Vương Đinh Toàn, con Đinh Tiên Hoàng.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển IV

[1a]

Anh Tông Hoàng Đế

Tên húy là Thiên Tộ, con đích trưởng của Thần Tông, mẹ là Hoàng hậu họ Lê, sinh tháng 4 năm Bính Thìn, Thiên Chương Bảo Tự thứ 4 [1136], tháng 9 năm Mậu Ngọ [1138] lập làm Hoàng Thái Tử. Thần Tông băng, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 37 năm [1138-1175], thọ 40 tuổi [1136-1175], băng ở điện Thụy Quang. Trong việc phế lập, vua không mê hoặc lời nói của đàn bà, ký thác được người phụ chính hiền tài, có thể gọi là không thẹn với việc gánh vác. Song không phân biệt được kẻ gian tà, hình phạt không sáng suốt, cho nên trời xuống tai biến để răn, giặc cướp nổi lên, giềng mối rối loạn, không thể nói xiết.

Kỷ Mùi, Thiệu Minh năm thứ 2 [1139], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 9)¹. Nhà Tống phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

Canh Thân, [Thiệu Minh] năm thứ 3 [1140], (Từ tháng 2 về sau là niên hiệu Đại Định năm thứ 1; Tổng Thiệu Hưng năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, châu mục châu Chân Đăng là Lê Pháp Viên dâng hươu trắng.

Tháng 2, đổi niên hiệu là Đại Định năm thứ 1.

Tháng 3, Ngọc bệ [1b] viên ngoại lang là Nguyễn Nghĩa Minh dâng hươu đen.

Lấy Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh tri nội ngoại sự. Anh Vũ là em của Đỗ thái hậu, nên Lê thái hậu trao cho chức này.

Mùa hạ, tháng 4, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thọ Ninh.

Từ mùa xuân sang mùa hạ, không mưa.

Tháng 5, có mưa.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to.

Người thầy bói Thân Lợi tự xưng là con của Nhân Tông² đem đồ đảng theo đường thủy đến châu Thái Nguyên³, từ châu Tây Nông⁴ kéo ra, qua châu Lục Lệnh, vào chiếm châu Thượng Nguyên và châu Hạ Nông¹, thu nạp những kẻ trốn tránh, chiêu mộ thổ binh, có đến hơn 800 người, cùng mưu làm loạn.

¹ Việt Sử lược chép năm Kỷ Mùi (1139) là niên hiệu Thiệu Minh thứ 3. Sở dĩ có sự chênh lệch đó, có lẽ là do việc ghi năm mất của Lý Thần Tông. Việt Sử lược chép Thần Tông chết tháng 9 năm Đinh Tỵ (1137). Toàn Thư chép Thần Tông chết ngày 26 tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138). Đến điều chép về năm Tân Dậu (1141) thì không có sự khác biệt ấy: cả hai tài liệu đều chép Tân Dậu (1141) là niên hiệu Đại Định thứ 2.

² Theo Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ, niên hiệu Thiệu Hưng thứ 9 (1139) đời Tống, Quảng Tây suy ty nói: "Vua Nhân Tông nhà Lý có người con của cung thiếp sinh ra, vua không nhận. Khi Lý Thần Tông lên ngôi, người con ấy chạy sang nước Đại Lý, đổi họ là Triệu, tên là Trí Chi, tự xưng là Nam Bình Vương. Khi Thần Tông mất, [Trí Chi] bèn trở về tranh ngôi với Anh Tông, xin mượn quân của nhà Tống. Quan tỉnh Quảng Tây đem việc ấy tâu lên, vua Tống từ chối". Vậy có lẽ Trí Chi và Thân Lợi chỉ là một người, khi trần tình để xin viện binh của nhà Tống thì nói dối [là con Nhân Tông] để lừa nhà Tống.

³ Thái Nguyên: tên châu thời Lý, tức đất tỉnh Bắc Thái ngày nay.

⁴ Châu Tây Nông: nay là đất huyện Phú Bình, tỉnh Bắc Thái.

Tân Dậu, [Đại Định] năm thứ 2 [1141], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, Thân Lợi tiếm xưng là Bình Vương, lập vợ cả, vợ lẽ làm hoàng hậu và phu nhân, con làm vương hầu, cho đồ đảng quan tước theo thứ bậc[2a] khác nhau. Khi ấy đồ đảng của Thân Lợi chỉ hơn nghìn người, đi đến đâu nói phao là Lợi giỏi binh thuật để hiếp chế người miền biên giới. Người các khe động dọc biên giới đều khiếp sợ, không dám chống lại.

Tháng 2, quan coi biên giới dâng thư cáo cấp. Xuống chiếu cho Giám nghị đại phu Lưu Vũ Nhĩ² đem quân do đường bộ tiến đi, Thái phó là Hứa Viêm đem quân ngược đường thủy để tiến đánh. Khi ấy Vũ Nhĩ sai tướng tiên phong là Thị vệ đô Tô Tiêm và Chủ đô trại Tuyên Minh là Trần Thiêm đem quân đi trước, đóng ở sông Bắc Đà³, gặp thủy quân của Lợi cùng giao chiến. Tiêm thua, bị Lợi giết, Lợi trở về giữ châu Thượng Nguyên, đắp đồn ải ở huyện Bắc Nhự để chống quan quân. Vũ Nhĩ đánh nhỏ được ải Bắc Nhự, tiến đến Bồ Đình⁴, gặp thủy quân của Lợi, đánh lớn, Vũ Nhĩ thua trận, tướng sĩ chết đến quá nửa, phải rút về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Mậu Thìn, Vũ Nhĩ về đến Kinh sư. Ngày Tân Mùi, Lợi ra chiếm châu Tây Nông, sai người ở các châu Thượng Nguyên [2b] Tuyên Hóa⁵, Cảm Hóa⁶, Vĩnh Thông⁷ đánh lấy phủ Phú Lương⁸. Lợi chiếm giữ phủ trị, ngày đêm họp bè đảng mưu cướp kinh sư. Ngày Kỷ Mão, vua sai thái úy Đỗ Anh Vũ đem quân đi đánh Lợi.

Tháng 5, ngày Tân Mão, quân của Lợi kéo về cướp kinh sư, đóng ở Quảng Dịch⁹, gặp quân của Anh Vũ, đánh lớn. Quân của Lợi thua, chết không kể xiết. Anh Vũ sai chém lầy đầu bêu lên ở cạnh đường suốt từ quan Bình Lỗ¹⁰ đến sông Nam Hán.

Bắt được thủ lĩnh châu Vạn Nhai¹¹ là Dương Mục, thủ lĩnh động Kim Kê là Chu Ái, đóng cũi giải về Kinh sư. Lợi chỉ chạy thoát một mình về châu Lục Lệnh. Ngày Nhâm Ngọ, giải bọn Mục và Ái về trói giam ở huyện phủ của chúng. Xuống chiếu cho Anh Vũ chiêu tập bọn tàn tốt của Lợi ở cửa quan Bình Lỗ. Phát muối kho công cho bọn Mục và Ái.

Mùa thu, tháng 8, quốc sư Minh Không chết (sư người xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, rất linh ứng, phạm khi có tai ương hạn lụt, cầu đảo đều nghiệm cả. Nay hai chùa Giao Thủy và Phả Lại đều có tượng thờ)¹².

[3a]Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, lại sai Anh Vũ đi đánh châu Lục Lệnh, bắt được bọn bè đảng của Lợi hơn 2.000 người. Lợi trốn sang châu Lạng, Thái phó Tô Hiến Thành bắt được Lợi, giao cho Anh Vũ đóng cũi giải về kinh sư. Sai Lý Nghĩa lâm chiêu tập vỗ yên dư đảng của Lợi. Xuống chiếu cho quan Đình úy xét tội Lợi. Án xét xong, vua ngự điện Thiên Khánh xử tội Lợi và bọn đồng mưu 20 người

¹ Châu Hạ Nông: miền Thượng Nông và Hạ Nông huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái. Như vậy châu Lục Lệnh và châu Thượng Nguyên ở vào khoảng giữa huyện Phú Bình và huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

² Lưu Vũ Nhĩ, Cương mục chép là Lưu Vũ Xứng (CMCB4,25a).

³ Sông Bắc Đà: chưa rõ ở đâu, nhưng chắc chỉ là một đoạn sông Cầu, trong vùng đất các huyện Phú Lương, Bạch Thông ngày nay. Phải chăng là đoạn sông ở vùng Bắc Thâm, chợ mới?

⁴ Bắc Nhự, Bồ Đình: chưa rõ ở đâu, nhưng hẳn ở cạnh khúc sông Cầu từ Chợ Mới đến thị xã Bắc Cạn.

⁵ Tuyên Hóa: nay là đất huyện Định Hóa, tỉnh Bắc Thái.

⁶ Cảm Hóa: nay là đất huyện Ngân Sơn, Na Rì và một phần phía Bắc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

⁷ Vĩnh Thông: nay là huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

⁸ Phú Lương: nay là huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái.

⁹ Quảng Dịch: (trạm Quảng): Việt sử lược chép là Khoảng Dịch (q.3,3a), chưa rõ ở đâu.

¹⁰ Bình Lỗ quan: cửa quan ở sông Bình Lỗ. Sông Bình Lỗ có lẽ là sông Cà Lồ.

¹¹ Vạn Nhai: nay là đất huyện Võ Nhai, tỉnh Bắc Thái.

¹² Hai chùa này đều gọi là chùa Keo, ở huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cũ. Chùa Keo Giao Thủy, hay chùa Keo Dưới, nay ở xã Vũ Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Chùa Keo Phả Lại hay chùa Keo Trên, nay ở xã Hành Thiện, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Hà.

đều xử trảm, những kẻ còn lại đều theo tội nặng nhẹ mà xử, tha cho những kẻ vì ép buộc mà phải theo. Các quan dâng biểu mừng.

Lưu Vũ Nhĩ dâng hươu trắng, lại dâng ngọc tân lang [ngọc cau].

Sử thần Ngô Sĩ liên nói: Bấy giờ Lưu Vũ Nhĩ có tội về sai quân luật mà bại trận, lại dâng những vật hiếm lành để che lỗi, thế mà không một người nào dám bàn đến, có thể biết hình pháp chính sự bấy giờ nhiều việc sai trái. Đồ Anh Vũ lăng loàn dữ tợn đâu phải không có nguyên do.

[3b] Nhâm Tuất, [Đại Định] năm thứ 3 [1142], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, Lưu Vũ Nhĩ dâng ngọc thêm thừ [ngọc cóc].

Mùa đông, tháng 10, sai thủ Lĩnh phủ Phú Lương là Dương Tự Minh đến châu Quảng Nguyên để chiêu tập người châu ấy.

Tháng 12, xuống chiếu rằng những người cầm đợ ruộng thực¹ trong vòng 20 năm thì cho phép chuộc lại; việc tranh chấp ruộng đất thì trong vòng 5 năm hay 10 năm còn được tâu kiện; ai có ruộng đất bỏ hoang bị người khác cấy cày trồng trọt trong vòng một năm thì được kiện mà nhận, quá hạn ấy thì cấm. Làm trái thì xử 80 trượng. Nếu tranh nhau ruộng ao mà lấy đồ binh khí nhọn sắc đánh chết hay làm bị thương người thì đánh 80 trượng, xử tội đồ, đem ruộng ao ấy trả lại người chết hay bị thương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Giết người thì phải xử tội chết, đó là phép của đời xưa, nay tôi giết người cũng xử như tội khác thực là không phân biệt mức độ, mất sự cân nhắc nặng nhẹ.

[4a] Xuống chiếu rằng những người bán đoạn ruộng hoang hay ruộng thực đã có văn khế rồi thì không được chuộc lại nữa, ai làm trái bị phạt đánh 80 trượng.

Xuống chiếu tha tội lưu cho các bè đảng của Thân Lợi.

Quý Hợi, [Đại Định] năm thứ 4 [1143], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, xuống chiếu thiên hạ từ nay về sau cứ ba nhà làm một bảo, không được mổ riêng bò trâu, nếu có việc cúng tế phải tâu xin được chỉ rồi mới cho mổ, kẻ làm trái thì trị tội nặng, lảng giềng không cáo giác cũng xử cùng tội.

Từ mùa xuân đến mùa hạ, đại hạn, vua thân làm lễ cầu đảo. Tháng 6, ngày Đinh Sửu, có mưa.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu cho Dương Tự Minh cai quản việc công các khi động dọc theo biên giới về đường bộ.

Tháng 9, xuống chiếu rằng, các nhà quyền thế ngoài đầm ao của mình không được ngăn cấm xăng bậy, làm trái thì có tội.

Mùa đông, tháng 10, sai Thái phó Hoàng Nghĩa Hiến và Viên ngoại lang Khổng Trường đem quân các khe động dọc biên giới về đường bộ đi đãi vàng ở các xứ Như Cá v. v...

Giáp Tý [Đại Định] năm thứ 5 [1144], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 14). Gả công chúa Thiệu Dung cho Dương Tự Minh, phong Tự Minh làm Phò mã lang.

Tháng 5, Mâu Du Đô dâng chim sẻ trắng. Cho Mâu Du Đô làm Thái sư, xa lĩnh việc các khe động dọc biên giới về đường bộ.

Ất Sửu, [Đại Định] năm thứ 6 [1145], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 15). Mùa hạ, tháng 4, mưa dầm, làm lễ cầu tạnh.

¹ Nguyên văn: điển thực điển, điển tức là điển mai, nghĩa là bán nhưng còn có quyền được chuộc lại (khác với tuyệt mai nghĩa là bán đoạn tức là bán hẳn, không được chuộc lại). Thực điển là ruộng đã cấy thành thực, khác với ruộng đất mới khai khẩn.

Phụng chức là Nguyễn Phụng dâng rùa mắt có sáu con người, ước có hai hàng chữ triện các quan nhận ra bốn chữ "Vương dĩ công pháp"¹.

Xống chửi rằng những người tranh nhau ruộng ao của cải không được nhờ cậy nhà quyền thế, làm trái đánh 80 trượng, xử tội đồ.

Mùa thu, tháng 7, dựng đền thần núi Tản Viên và các đền Bồ Cối, Ông Nghiêm, Ông Mẫu.

Tháng 8, kẻ có yêu thuật người nước Tống là Đàm Hữu Lượng trốn sang châu Tư [5a] Lang², tự xưng là Triệu tiên sinh³, nói dối là vâng lệnh đi sứ để dụ nước An Nam⁴. Các khe động ở dọc biên giới nhiều người theo. Hữu Lượng bèn đem đồ đảng đến cướp châu Quảng Nguyên. Bấy giờ Kinh lược suý ty lộ Quảng Tây nước Tống đưa thư nhờ đuổi bắt Hữu Lượng. Vua xuống chiếu cho Phò mã lang Dương Tự Minh và văn thần là Nguyễn Nhữ Mai, Lý Nghĩa Vinh đi đánh. Không bao lâu lại sai Thái sư Mâu Du Đô đem quân các khe động dọc biên giới về đường bộ tiếp đánh. Khi ấy Tự Minh đã lấy được ải Lũng Đổ, châu Thông Nông⁵ bắt được bè đảng của Hữu Lượng và bọn Bá Đại 21 người, duy có Hữu Lượng chạy thoát, trốn vào núi chằm. Xuống chiếu cho Quản quân sứ là [Lý] Nghĩa Vinh trông coi áp giải bọn Bá Đại giao trả về nước Tống. Trước đó Ung Châu làm cáo sặc giả sai người đi gọi Hữu Lượng, Hữu Lượng cho là thực, cùng với bọn thủ lĩnh châu Tự Minh hơn 20 người mang ấn đồng, địa đồ và vật thổ sản quy phụ nhà Tống. Khi đến [5b] trại Dương Sơn, viên thủ Ung Châu là Triệu Nguyệt bắt Hữu Lượng và bè đảng giải đến suý ty. Người Tống thấy trong bọn ấy có Dương ở ngực có thích hình rồng đen, và bọn thủ lĩnh ở châu Bồ năm người, biết là người nước Việt ta, đều trả về.

Dựng cung Quảng Từ để hoàng thái hậu ở.

Dựng các chùa Vĩnh Long, Phúc Thánh.

Cấm các thợ bách tác⁶ không được làm đồ dùng theo kiểu của nhà nước tự tiện bán cho dân gian.

Bính Dần [Đại Định] năm thứ 7 [1146], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, An Trung hầu (không rõ tên) ở châu Lạng dâng hươu trắng.

Tháng 3, Viên ngoại lang Lý Ngộ dâng hươu trắng.

Thái sư Mâu Du Đô chết.

Mùa hạ, tháng 4, trâu và gia súc chết dịch.

Hạn, cầu đảo được mưa.

Sao Chối mọc.

Tháng 6 nhuận, xuống chiếu cho các ty xử án, kẻ nào tranh bậy không hợp điều luật pháp chế thì xử 60 trượng.

¹ "Vương dĩ công pháp" vua theo việc công.

² Châu Tư Lang: nay là đất huyện Trùng Khánh và một phần đất huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

³ Việt sử lược chép là Lữ tiên sinh (q.3, 3b). Hai chữ "Lữ" và "Triệu" có thể lẫn với nhau.

⁴ Đối chiếu thì thấy một số sự việc từ năm 1140 đến năm 1157, toàn thư phần nhiều chép lùi 2 năm so với Đại Việt sử lược như việc Đàm Hữu Lượng nói ở trên, Đại Việt sử lược (ĐVSL) chép vào năm Quý Hợi (1143); làm kho Thiên Tư, ĐVSL chép năm Giáp Tý (1144), Toàn thư chép vào năm Bính Dần (1146); hoàng hậu họ Đỗ (Chiêu Hiến) mất. ĐVSL chép năm Ất Sửu (1145), Toàn thư chép năm Đinh Mão (1147) v. v... Sở dĩ có sự chênh lệch như vậy có lẽ vì Toàn thư chép năm Lý Thần Tông mất muộn một năm với ĐVSL (xem chú BK4, 1a) và về khoảng thời gian này, ĐVSL lại chép sớm lên một năm nữa (Trong bản dịch Việt sử lược Trần Quốc Vượng đã so điều ghi về việc sao Chối xuất hiện, ĐVSL chép vào tháng 4 năm Giáp Tý (1144), Mà Tống sử thì ghi tháng 4 năm Ất Sửu (1145), cho thấy ĐVSL chép sớm một năm). Sự chênh lệch ấy đến năm Mậu Dần (1158), kể từ việc Nguyễn Quốc (ĐVSL chép là Nguyễn Quốc Dĩ) đi sứ về tâu xin làm hộp thơ bằng đồng, lại tiếp tục ăn khớp.

⁵ Châu Thông Nông: nay là huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng.

⁶ Túc thợ thủ công làm các đồ dùng cho vua và nhà nước.

Mùa thu, [6a] tháng 7, dựng 6 sở kho Thiên Tư.

Tháng 8, xuống chiếu rằng các quan quản giáp và chủ đô, phàm sung bổ cấm quân, phải chọn những hộ nhiều người, không được lấy người cô độc, làm trái thì trị tội.

Đinh Mão, [Đại Định] năm thứ 8 [1147], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 17). Mùa thu, tháng 8, đóng hai thuyền Vĩnh Long, Thanh Lan và hai thuyền lớn Trường Quyết, Phụng Tiên.

Tháng 9, thư gia là Lý Chiêu dâng con quạ trắng. Mùa đông, tháng 10, ngày Canh Thìn, tiểu thị vệ là Lý Sùng dâng con rùa mắt có sáu con người, ức có tám chữ triện.

Dựng hành dinh ở trại Yên Hưng¹.

Xuống chiếu cho Đỗ Anh Vũ đi phủ Phú Lương khảo xét quan liêu và định số mục hộ tịch.

Tháng 11, làm nhà cho Công chúa Thụy Thiên ở châu Lạng.

Hoàng thái hậu họ Đỗ băng, thụy là Chiêu Hiếu hoàng hậu.

Mậu Thìn, [Đại Định] năm thứ 9 [1148], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 18). Mùa xuân, tháng 2, vua ngự đến hành cung ly Nhân cày ruộng tịch điền [6b] rồi đến hành cung Ứng Phong.

Mùa hạ, tháng 6, xuống chiếu cấm các thủ lĩnh và quan lang người Man Lý và người Sơn Lão ở hai trấn Đại Thông và Quy Nhân² không có việc gì không được về Kinh.

Công chúa Thụy Thiên về châu Lạng.

Mùa đông, tháng 10, khánh thành cung Quảng Từ.

Kỷ Ty, [Đại Định] năm thứ 10 [1149], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, thuyền buôn ba nước Trảo Oa³, Lộ Lạc⁴, Xiêm La⁵ vào hải Đông⁶, xin cư trú buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là vân Đồn, để mua bán hàng hoá quý, dâng tiến sản vật địa phương.

Mùa hạ, tháng 4, mở hội Nhân Vương ở Long Trì, đại xá người có tội.

Vua ngự ở Long Trì xem bắt voi.

Mùa đông, tháng 11, Công chúa Thiên Thành mất.

¹ Yên Hưng: nay là đất huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

² Địa danh thời Lý- Trần không thấy tài liệu nào ghi tên Quy Nhân, ngờ là Quy Hóa mà bản in khắc lầm. Quy Hoá là tên phủ thời Lý, cuối thời Trần đổi làm trấn, đầu thời Lê đổi làm lộ, từ đời Hồng Đức (1470- 1497) về sau lại đổi làm phủ: nay thuộc tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Đại Thông là tên phủ thời Lý (có ghi trong Lĩnh ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi) chỉ miền Hưng Hoá, phía tây sông Hồng. Như vậy, hai trấn Đại Thông và Quy Nhân (sửa là Hoá) đại thể là đất tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu và một phần Vĩnh phú ngày nay.

³ Trảo Oa: tức đảo Java, (Indônêxia). Cương mục chép là Qua Oa (CMCB4,33a), cũng tức là Java, theo cách phiên âm thường dùng trong Nguyên sử và Minh sử.

⁴ Lộ lạc: chưa rõ chỉ nước nào. Thời trần, có thuyền buôn Lộ lạc đến Vân Đồn. Có lẽ Lộ Lạc chính là Lộ Lạc. Dựa vào âm đọc, có thể cho rằng Lộ Lạc là nước La Hộc được nhắc đến trong thư tịch Trung Quốc thời Nguyên-Minh (xem thêm chú thích về Xiêm la ở dưới). La Hộc là quốc gia Lavo ở Lopburi, Thái Lan. Lộ Lạc có khả năng là nước Locac được nhắc đến trong du ký của Marco Polo.

⁵ Xiêm La: quốc gia của người Thái vùng thượng lưu sông Mê Nam thời trung đại. Điểm đáng chú ý là Toàn thư đã chép tên Xiêm La vào năm 1149. Trong khi đó, thư tịch Trung Quốc chỉ nhắc đến nước này vào cuối thế kỷ XIII (xem Nguyên sử, Xiêm quốc truyện) nhưng trong suốt thời Nguyên, chỉ gọi là Xiêm chứ không phải là Xiêm La. Sang thời Minh, từ năm Hồng Vũ thứ 4 (1371), mới thấy nhắc đến tên Xiêm la. Minh sử, Minh nhất thống chí, Quảng Đông thống chí giải thích rằng vào khoảng niên hiệu Chí Chính (1341-1368), nước Xiêm đầu hàng nước La Hộc (tức Lavo) bên cạnh, hai nước mới hợp nhất thành nước Xiêm La. Nguyễn Thiên Túng chú Dư địa chí của Nguyễn Trãi cũng theo thuyết đó mà nói rằng Xiêm La xưa là hai nước Xiêm La và La Hộc. Nếu đúng như thế thì phải chăng tên Xiêm La chép ở Toàn thư năm 1149 là do Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê chữa từ tên xiêm? Nhưng chưa có căn cứ để nói rằng thuyết đó đúng. Nước Xiêm nói trong Nguyên sử rõ ràng là vương quốc Sukhothai hình thành vào thế kỷ XIII ở Thái Lan. Mãi đến thế kỷ XV, Sukhothai mới trở thành thuộc quốc của vương quốc Ayutthya.

⁶ Hải Đông: vùng đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Cho trung thư hoả giữ phủ Phú Lương làm Nguyễn Quyền là Trung thư xá nhân, đến Na Dâm Điền ở đầu phía nam châu Văn, hội với Triều phụng lang châu Thất Nguyên là Nông Ngạn Cương [7a] để bàn việc, vì người châu Quảng Nguyên bắt Liêu Ngũ ở châu Thất Nguyên.

Dựng hành cung ở Ly Nhân.

Canh Ngọ, [Đại Định] năm thứ 11 [1150], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 3, hạn.

Mùa thu, tháng 7, hạn.

Tháng 9, người Chân Lạp cướp châu Nghệ An, đến núi Vụ Thấp¹ gặp nắng nóng ẩm thấp, phần nhiều chết vì lam chướng bèn tự tan vỡ.

Khi trước vua còn trẻ thơ, chính sự không cứ việc lớn, việc nhỏ đều uỷ cho Đỗ Anh Vũ cả. Anh Vũ sai vợ là Tô thị ra vào cung cấm hầu hạ Đỗ thái hậu, do đó mà Anh Vũ tư thông với Lê thái hậu, nhân thế lại càng kiêu rông, ở triều đình thì khoát tay lớn tiếng, sai bảo quan lại thì hất hàm ra hiệu, mọi người đều liếc nhau nhưng không ai dám nói. Điện tiền đô chỉ huy sứ là vũ Đái, Hoả đầu đô Quảng Vũ là Lương Thượng Cá, Hoả đầu đô Ngọc Giai là Đồng Lợi, Nội thị là Đỗ Ất, cùng với bọn Trí Minh Vương, Bảo Ninh hầu, Phò mã lang Dương Tự Minh cùng mưu bắt giam Anh Vũ. Bàn tính xong, bọn Đái [7b] đem quân lính đến ngoài cửa Việt Thành hô to rằng: "Anh Vũ ra vào cấm đình, làm nhiều điều ô uế, tiếng xấu đồn ra ngoài, không tội gì to bằng. Bọn thần xin sớm trừ đi, khỏi để mỗi lo về sau". Bèn có chiếu sai cấm quân đến bắt Anh Vũ trói giam ở hành lang Tả Hưng Thánh, giao cho Đình úy tra xét. Thái hậu sai người mang cơm rượu cho Anh Vũ, ngấm để vàng vào trong đồ đựng món ăn để dứt cho Vũ Đái và các người canh giữ. Hoả đầu ở đô Tả Hưng Thánh là Nguyễn Dương nói: "Các ông tham của dứt, tôi với các ông tất không thoát khỏi tay Anh Vũ đâu, chi bằng cứ giết trước đi cho khỏi tay họ về sau". Bèn cầm giáo định đâm. Đô Tả Hưng [Thánh]² là Đàm Dĩ Mông ôm Dương, cướp lấy giáo, ngăn rằng: "Điện tiền bảo Anh Vũ tội đáng chết, nhưng còn phải đợi mệnh lệnh của vua, không nên tự tiện". Dương giận, chửi: "Điện tiền Vũ dứt chứ chẳng phải Đái! (chữ Cát Đái phương ngôn³ nói là dứt đái). [8a] Sao tham của dứt mà không tiếc đến mạng mình!". Nói xong, tự biết không khỏi chết, bèn nhảy xuống giếng tự tử.

Bấy giờ vua xét án của Anh Vũ, đày Anh Vũ làm Cáo điền nhi⁴. Thái hậu lo buồn, cố nghĩ làm thế nào để phục hồi chức nhiệm cho Anh Vũ, mới nhiều lần mở hội lớn để xá cho tội nhân, mong Anh Vũ được dự vào đấy. Anh Vũ được mấy lần xá tội, lại làm Thái úy phụ chính như cũ, càng được yêu dùng hơn, do đấy chuyên làm oai, làm phúc, sinh sát mà lòng báo thù lúc nào cũng tỏ rõ, còn sợ rằng bọn quân lại đi bắt bớ phần nhiều không được như ý, mới dâng hơn một trăm người thủ hạ để làm đô Phụng quốc vệ, người nào phạm tội đều giao cho đô Phụng quốc vệ đi bắt. Anh Vũ mật tâu với vua rằng: "Trước kia bọn Vũ Đái tự tiện đem cấm quân xông vào cung đình, tội ấy không gì to bằng, nếu không sớm trừng trị, sợ một ngày kia sinh biến, không thể lường được". Vua chẳng biết gì cả, [8b] bèn chuẩn tâu. Anh Vũ sai đô Phụng quốc vệ đi bắt bọn Vũ Đái giam vào ngục để trị tội. Hạ chiếu giáng Trí Minh Vương xuống tước hầu, Bảo Ninh hầu xuống tước minh tự, Bảo Thăng hầu xuống tước phụng chức, Nội thị là bọn Đỗ Ất 5 người bị "cưỡi ngựa gỗ"⁵, bọn Hoả đầu đô Ngọc Giai là Đồng Lợi 8 người bị chém ở chợ Tây Giai, bọn Điện tiền đô chỉ huy Vũ Đái 20 người chém bêu đầu ở các bến sông, bọn Phò mã lang

¹ Núi Vụ Thấp: còn gọi là Vụ Ôn, tức là núi Vụ Quang ở huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh.

² Nguyên văn: "tả Hưng đô" tức là Tả Hưng thánh đô, "đô" vừa là tên đơn vị đội quân cấm vệ (đô Ngọc Giai đô Quảng Vũ v. ...) vừa là tên quan chức của viên chỉ huy đội quân cấm vệ ấy.

³ Chỉ cách đọc hai chữ "cát đái" thêm âm Nôm.

⁴ Việc này, Cương mục chỉ chép là Đỗ Anh Vũ bị đày làm "điền nhi" (CMCB5, 3a) tức là những người có tội bị bắt buộc phải làm ruộng cho nhà nước. Chữ "cáo", Cương mục chữa làm Tào và chú thích là "Tào xá" nay là xã Nhật Tào huyện Từ Liêm (CMCB6,9). Vậy "Cáo điền nhi" là những người bị tội đày phải cấy ruộng cho nhà nước ở địa phương ngày nay là xã Nhật Tào huyện Từ Liêm, Hà Nội. Vùng này BK10, 28a gọi là Cáo Động.

⁵ Cưỡi ngựa gỗ (thượng mộc mã): thứ hình phạt thời cổ, đem tội nhân đóng đinh lên tấm ván, đem đi bêu chợ rồi đem ra pháp trường tùng xẻo.

dương Tự Minh 30 người bị tội lưu ở nơi xa độc, những người dự mưu đều bị tội đồ làm điền hoành, khao giáp, quả như lời nói của Nguyễn Dương.

Lê Văn Hưu nói: Đỗ Anh Vũ ra vào cấm đình, tư thông với mẫu hậu, không tội gì to bằng. Bọn Vũ Đái nên tâu bày gian trạng rồi bắt giam vào ngục mà giết đi là phải. Nay lại đem quân đột nhập cửa Việt Thành, hiếp vua nhỏ tuổi, ép lấy chiếu chỉ. [9a] Đến khi bắt được Anh Vũ rồi, lại nhận vàng của thái hậu mà không nghe lời nói của Nguyễn Dương, đến sau rốt cuộc bị Anh Vũ giết, liên lụy đến mấy mươi người, thế là nuôi hổ để hoạ về sau vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Anh Vũ là kẻ đại ác. Bọn [Vũ] Đái đã cùng với người tông thất hiệp mưu mà không biết tuyên bố tội trạng ở triều đình để trị tội cho đảng hoàng, lại đem binh lính bắt hiếp vua còn nhỏ tuổi. Ngay lúc bấy giờ. Anh Vũ đã mừng có cơ để nói rồi, biết đâu không lập kế thông với thái hậu để đút lót nhiều cho bọn Đái, mong khỏi chết để thỏa lòng báo thù chẳng? May mà Nguyễn Dương bảo rõ tai hoạ. Khi bọn Đái không chịu nghe lời, [Dương] lại nhảy xuống giếng mà chết để cảnh cáo, thế mà vẫn còn không tính, để sau bị tai vạ thì còn trách ai nữa? Thế thì thái hậu không có tội ư? Trả lời rằng: tội nặng lắm. Người không có tài đức quyền [9b] vị như Y Doãn, Chu Công mà muốn ngăn sửa thì khó tránh cái lỗi làm việc sửa lớn thì hỏng.

Xuống chiếu cấm bọn hoạn quan không được tự tiện vào trong cung, ai phạm thì bị tội chết. Nếu [canh giữ] không cẩn thận để người khác vào cung cũng bị tội như thế.

Cấm các quan trong triều không được đi lại nhà các vương hầu, ở trong cung cấm không được hội họp nhau năm, ba người bàn luận chê bai, ai phạm thì trị tội. Kẻ nào phạm việc qua lại bên ngoài phía đầu hành lang chứa khí giới của đô Phụng quốc vệ thì xử 80 trượng, tội đồ; nếu vào trong hành lang ấy thì xử tử. Lính Phụng [quốc] vệ ở trong hành lang ấy có chiếu chỉ mới được cầm khí giới, không có chiếu chỉ mà tự tiện mang khí giới đi quá ra ngoài phía đầu [hành lang] thì xử tử.

Tân Mùi, [Đại Định] năm thứ 12 [1151], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, Nội nhân hoả đầu là Đỗ Thị dâng rùa vàng có lông xanh.

Tháng 2, vua ngự đến Long Thủy¹ bắt voi trắng, bắt được, các quan dâng [10a] biểu mừng.

Mùa hạ, tháng 4, Đỗ Anh Vũ dâng cây cau một gốc 28 nhánh. Tháng 5, Đỗ Anh Vũ dâng hươu trắng.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến cung Quảng Từ xem đua thuyền.

Mùa đông, tháng 10, công chúa Thụy Minh mất.

Tháng 11, hoàng trưởng tử Long Xưởng sinh ở hành cung Ứng Phong, sau được sách phong là Hiên Trung Vương.

Dựng gác Vĩnh Thanh ở điện phía tây và hai chiếc thuyền Vĩnh Diệu, Thanh Lan.

Nhâm Thân, [Đại Định] năm thứ 13 [1152], (Tống Thiệu Hưng năm thứ 22). Mùa xuân, tháng 2, Nội sư ông là Lý Nguyên dâng rùa ba chân, mắt có sáu con người, trên ức có chữ triện. Các quan nhận thành bốn chữ: "Vương dĩ bát phương"².

Mùa hạ, tháng 4, động đất.

Tháng 5, trời mưa cát vàng.

Bá Đại Vương (chưa rõ là ai) mất.

¹ Long Thủy: vùng Thác Bờ, tỉnh Hòa Bình.

² Nghĩa: vua theo tám phương.

Mùa thu, tháng 7, trời mưa cát vàng.

Mùa đông, tháng 10, thi Điện.

Người nước Chiêm Thành **[10b]** là Ung Minh Ta Điệp¹ đến cửa khuyết xin mệnh cho làm vua nước ấy. Xuống chiếu cho Thượng chế Lý Mông đem hơn 5.000 người ở phủ Thanh Hoá và châu Nghệ An sang Chiêm Thành lập Ung Minh Ta Điệp làm vua. Mông đến Chiêm Thành bị vua nước ấy là Chế Bì La Bút² chống cự, bọn Ung Minh Ta Điệp và [Lý] Mông đều chết.

Quý Dậu, [Đại Định] năm thứ 14 [1153], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 23). Dựng cửa Tân Quan.

Giáp Tuất, [Đại Định] năm thứ 15 [1154], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 24). Muà xuân, tháng giêng, An Trung hầu (không rõ tên) dâng con hoẵng trắng.

Người Sơn Lão ở Chàng Long làm phản.

Từ Dần dâng quạ trắng.

Tháng 2, xuống chiếu cho Anh Vũ đi đánh người Sơn Lão ở Chàng Long, hàng phục được.

Mùa thu, tháng 8, thủ lĩnh bọn Sơn Lão ở Đại Hoàng giang (nay là phủ Trường yên) là Nông Khả Lai làm phản.

Tháng 9, vua ngự ra cửa Nam Thành Đại la xem đắp đàn Viên Khâu³.

[11a] Mùa đông, tháng 10, vua nước Chiêm Thành là Chế Bì La Bút dâng con gái, vua nhận⁴.

Lê Văn Hưu nói: Các bậc đế vương đối với người Di Địch, nếu họ chịu phục thì lấy đức mà vỗ yên, nếu làm phản thì lấy uy mà tỏ cho biết. Anh Tông sai Lý Mông đem hơn 5 nghìn người để giúp lập Ung Minh Ta Điệp làm Vua nước Chiêm Thành mà bị Chế Bì La Bút giết, đáng lẽ phải đem quân hỏi tội, chọn lập một người khác để thay làm vua nước ấy, thì mới có thể gia uy với cõi xa, mà vua sau phải nhớ đức. Nay lại nhận con gái của họ mà không hỏi tội, có thể gọi là lầm lỗi. Về sau Chiêm Thành và Chân Lạp liên năm vào cướp một lộ Nghệ An, mỗi hại không kể xiết, thực là do Anh Tông khơi mối vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nước nhỏ nhờ vào nước lớn để cho mình được yên tĩnh mà thôi.**[11b]** Không may gặp loạn, công tử⁵ chạy ra ngoài thì cũng có thể đưa về nước, nhưng không chính đáng thì chưa bao giờ nên việc. Nước Lỗ đưa công tử Cù về là thế⁶. Đưa về mà biết không chính đáng thì như việc nước Tấn đưa Tiệp Tri về⁷, [Lý] Anh Tông đưa Ung Minh Ta Điệp về, nếu quả là chính đáng mà kẻ kia chống mệnh giết càn ư? Thì không thể không cất quân hỏi tội. Nếu quả là không chính đáng thì sao không tự xét ngay ở mình? Song việc đã đến thì nên sai một sứ giả sang hỏi tội, đợi cho họ phục tình hối lỗi mà tạ tội thì mới phải. Sao lại say đắm tình riêng nữ sắc, quên mất việc lớn của nước nhà, mà những người ăn thịt⁸ bấy giờ không ai nói gì là làm sao?

¹ Đại Việt sử lược chép là Ung Minh Điệp (ĐVSL3,5a), tức ông Vangsaraja.

² Chế Bì La Bút: tức Jaya Harivarman I (ở ngôi: 1145-1170).

³ Viên Khâu: đàn tế trời vào tiết Đông Chí hàng năm.

⁴ Đại Việt sử lược chép: Chế Bì La Bút nước Chiêm Thành đến cống (ĐVSL3,5b).

⁵ Thời Xuân Thu, con các vua chư hầu gọi là công tử vì cha nhận tước công của nhà Chu.

⁶ Công tử Cù: em Tề Tương công lánh nạn, nương nhờ nước Lỗ. Sau khi Tương công bị giết. Lỗ Trang công cho quân đưa công tử Cù về lập làm vua, nhưng bấy giờ Tiêu Bạch (là anh của Cù) đã lên ngôi (tức Tề Hoàn Công), nước Lỗ phải rút quân về.

⁷ Tiệp Tri: con Văn công nước Trâu (mẹ là con vua nước Tấn), sau khi Văn công chết, Tấn cho quân đem Tiệp Tri về nước, nhưng con trưởng của Văn công là Quắc Thư đã nổi ngôi, người nước Tấn biết là trái đạo, phải rút về.

⁸ Chỉ quan lại.

Tháng 11, ngày Đinh Mùi, vua thân đi đánh Nông Khải lại. Ngày Canh Tuất, xuất phát từ Kinh sư. Ngày Giáp Dần **[12a]** thắng trận. Ngày Bính Thìn, đem quân về. Ngày Kỷ Mùi, về đến Kinh.

Dựng hành cung Ứng Phong, hành cung Ly Nhân và đóng thuyền Vĩnh chương.

Ất Hợi, [Đại Định] năm thứ 16 [1155], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 25). Mùa hạ, tháng 5, công chúa Thiệu Dung mất.

Mùa thu, tháng 8, đua thuyền.

Nước to.

Động đất.

Tháng 9, thu tô ruộng chiêm.

Mùa đông, tháng 10, sao Mộc phạm và sao Kim.

Sai thợ làm phủ đệ ở Phú Lương.

Tháng 11, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, động đất.

Làm cung Lệ Thiên và hành lang triều cận ở điện Long Khánh.

Bính Tý, [Đại Định] năm thứ 17 [1156], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 26). Mùa xuân, tháng 2, ngày tân Mùi, trời mưa cát vàng.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu làm phủ đệ ở châu Quảng Nguyên.

Mùa đông, tháng 12, ngày đinh Mùi, ban đêm kho ngự cháy.

Làm hành cung Ngự Thiên¹, điện Thụy Quang, gác Ánh vân, cửa Thanh Hòa, thêm Nghi Phượng, **[12b]** gác Diên Phú, đình Thượng Hoa, thêm Ngọc Hoa, hồ Kim Liên, cầu Minh Nguyệt và đóng thuyền to bản của ngự trù², thuyền to bản của cung nội.

Thái phó Lý Du Đô dâng sớ xin hưu trí, thăng làm Thái sư, ban cho vàng bạc về quê.

Dựng miếu khổng Tử.

Năm ấy đói to, một thăng gạo giá 70 đồng tiền.

Đinh Sửu, [Đại Định] năm thứ 18 [1157], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 27). Xuống chiếu định luật lệnh.

Mậu Dần, [Đại Định] năm thứ 19 [1158], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 28). Mùa xuân, tháng 2, Nguyễn Quốc sang sứ nước Tống về, dâng tâu rằng: "Thần sang nước Tống thấy ở giữa sân vua có cái hòm bằng đồng để nhận các chương tấu của bốn phương, thần xin bắt chước mà làm như thế để bề trên rõ được tình người dưới". Vua y theo, cho đặt cái hòm ở giữa sân để ai có trình bày việc gì thì bỏ thư vào hòm ấy. Bấy giờ có người ngấm bỏ thư nặc danh nói là Anh Vũ làm loạn, tìm xét **[13a]** không biết là ai. Anh Vũ vu cho Quốc làm, đày Quốc đến trại đầu ở Thanh Hóa. Không bao lâu, vua gọi Quốc về. Anh Vũ lại đưa cho Quốc rượu có thuốc độc, Quốc tự nghĩ không khỏi bị hại, bèn uống thuốc độc chết³.

¹ Ngự Thiên: nay là một phần đất huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (vùng huyện Hưng Nhân cũ).

² Ngự trù: bếp của nhà vua.

³ Về việc này, Toàn thư và Cương mục đều chép người đi sứ về là Nguyễn Quốc, nhưng Đại Việt sử lược chép là Nguyễn Quốc Dĩ, giữ chức Tả ty và kể sự việc kỹ hơn: Người giữ việc đọc thư nói lại với Đỗ Anh Vũ về bức thư nặc danh, Anh Vũ nói: "Ông vì ta tâu vua xin xét việc đó". Tìm không ra người viết thư, Anh Vũ tâu rằng: "Thư ấy tất do người xướng xuất ra việc làm hòm viết". Vua lấy làm phải, sai bắt Quốc Dĩ và em là Nghi Giao cho quan xét xử, sau đó, đày Quốc Dĩ lên trại Quy Hóa (Toàn thư, ghi là Thanh Hóa?). Khi biết vua có ý định cho gọi Quốc Dĩ về, Anh Vũ sai người đem thuốc độc cho Quốc Dĩ (ĐVSL3,6b).

Sai Thiệu bảo Phí Công Tín tuyển dân đinh, định các hạng và lấy người sung việc thờ cúng ở thái miếu và sơn lăng.

Mùa thu, tháng 8, Đỗ Anh Vũ chết.

Kỷ Mão, [Đại Định] năm thứ 20 [1159], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 29). Mùa xuân, cột chùa Thiên Phù chảy máu.

Nước Ngưu Hồng dâng voi hoa.

Mùa hạ, tháng 5, Ngưu Hồng và Ai Lao làm phản. Sai Tô Hiến Thành đi đánh, bắt được người và trâu ngựa voi, vàng bạc châu báu rất nhiều. Phong Hiến Thành làm Thái úy.

Canh Thìn, [Đại Định] năm thứ 21 [1160], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 30). Mùa xuân, tháng giêng làm đền Hai Bà và đền Xuy Vu¹ ở phường Bồ Cối.

Tháng 2, sai Tô Hiến Thành và Phi Công Tín tuyển dân đinh, người mạnh khỏe thì sung [13b] vào quân ngũ. Chọn các tướng hiệu, người nào thông thạo binh pháp, am tường võ nghệ thì chia cho cai quản.

Tân ty, [Đại Định] năm thứ 22 [1161], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 31). Mùa xuân, sai đem voi thuần sang biểu nhà Tống. Vua Tống bảo các đại thần rằng:

"Trẫm không chuộng thú vật lạ, làm khó nhọc người xa, nên sai suý thần bảo họ từ nay về sau bắt tất phải mang vật ấy tiến cống".

Dựng chùa Pháp Vân² ở châu Cổ Pháp.

Mùa đông, tháng 10, Thái phó Hoàng nghĩa Hiền chết, nghỉ thiết triều 5 ngày, vì Nghĩa Hiền có công giúp vua lên ngôi, nên đặt ân làm hơn lễ thường.

Tháng 11, vua sai Tô Hiến thành làm Đô tướng, Đỗ An Di làm phó, đem 2 vạn quân đi tuần các nơi ven biển tây nam, để giữ yên miền biên giới. Vua thân đi tiễn đến cửa biển Thần Đầu ở Đại An (nay là cửa biển Thần Phù) mới trở về.

Thái úy Lưu Khanh Đạm chết.

Nhâm Ngọ, [Đại Định] năm thứ 23 [1162], (Tổng Thiệu Hưng năm thứ 32). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng kẻ nào tự hoạn thì xử [14a] 80 trượng, thích 23 chữ vào cánh tay bên trái.

Động đất.

Tháng 2, khảo khóa các quan văn võ, người nào đủ niên hạn khảo mà không có lỗi thì thăng trật, định làm phép thường, cứ 9 năm là một kỳ khảo.

Quý Mùi, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 1 [1163], (Tổng Hiếu Tông Vĩ, Long Hưng năm thứ 1). Cấm người trong nước không được dùng trâu châu giã.

Mùa thu, tháng 8, lính chốn rủ nhau tụ họp thành bọn cướp bóc cư dân trên đường bộ. Vua sai Phu Công Tín đem 10 vạn quân đi đánh dẹp yên được.

Giáp Thân, [Chính Long Bảo Ứng năm thứ 2] [1164], (Tổng Hưng Long năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Mùa thu, tháng 7, nước to quá mức thường, lúa bị ngập hết.

Nhà Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương, đổi Giao Chỉ làm An Nam Quốc Vương đổi Giao Chỉ làm An Nam Quốc Vương.

¹ Xuy Vu: theo truyền thuyết Trung Quốc, là hậu duệ của Viêm Đế, làm vua nước Cửu Lê thời thượng cổ, thua trận ở Trác Lộc, bị Hoàng Đế bắt giết.

² Chùa Pháp Vân: tức là chùa Dâu ở xã Thanh Khương, Hà Bắc.

Ất Dậu, 3 [1165], (Chính Long Bảo Ứng năm thứ 3 [1165]), (Tổng Càn Đạo năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 6, đại hạn, dân bị nạn dịch lớn, trâu bò gia súc chết nhiều, **[14b]** giá gạo cao vọt.

Mùa thu, tháng 8, thi học sinh.

Bính Tuất, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 4 [1166], (Tổng Càn Đạo năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, sứ Chiêm Thành đi đến miền Ô Lý, dùng quân phong thủy (ma thuật của thầy tăng) mà vượt biển, cướp bóc nhân dân ven biển nước ta rồi về.

Dân có người dâng con rùa ở ức có bốn chữ "Thiên tử vạn niên", cũng có người dâng quạ trắng.

Đinh Hợi, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 5 [1167], (Tổng Càn Đạo năm thứ 3). Mùa thu, tháng 7, sai Thái úy Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang dâng trân châu và sản vật địa phương để xin hoà.

Xuống chiếu cho Tô Hiến Thành đem quân về. Từ đấy nước Chiêm Thành giữ lễ phiên thần, dâng cống không thiếu.

Đóng thuyền Nhật Long.

Mậu Tý, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 6 [1168], (Tổng Càn Đạo năm thứ 4). Mùa thu, tháng 8, sứ nhà Tống sang sứ Thát Đạt (tức là sứ của nhà Nguyên), cũng sang¹. Đều thưởng hậu để dụ, ngầm lấy lễ tiếp đãi cả hai sứ, không cho họ gặp nhau.

[15a] Kỷ Sửu, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 7 [1169], (Tổng Càn Đạo năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, ngày rằm nguyệt thực. Cá ở cửa biển chết. Sai tăng ni, đạo sĩ các chùa quán ở Kinh và các nơi tụng kinh cầu đảo.

Thái sư trí sĩ là Lý Du Đô chết.

Mùa hạ, tháng 4, làm điện Thanh Hoà để đặt thần vị của tiên đế và tiên hậu, theo thời cúng tế.

Sửa lại chùa Chân Giáo.

Canh Dần, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 8 [1170], (Tổng Càn Đạo năm thứ 6). Vua tập bắn và cưỡi ngựa ở phía nam thành Đại La, đặt tên là Xạ Đình, sai các quan võ hàng ngày luyện tập phép công chiến phá trận.

Tân Mão, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 9 [1171], (Tổng Càn Đạo năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, điện Vĩnh Nguyên vô cớ tự rung động.

Làm miếu điện thờ Văn Tuyên Vương² và đền thờ Hậu Thổ.

Vua đi tuần các hải đảo, xem các hình thế núi sông, muốn biết dân tình đau khổ và đường đi xa gần thế nào.

[15b] Nhâm Thìn, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 10 [1172], (Tổng Càn Đạo năm thứ 8). mùa xuân, tháng 2, vua lại đi tuần các hải đảo ở địa giới các phiên bang Nam Bắc, vẽ bản đồ và ghi chép phong vật rồi về.

Quý Tỵ, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 11 [1173], (Tổng Càn Đạo năm thứ 9). Mùa xuân, làm lại cầu Thái Hoà.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 25, Hoàng thái tử Long Trát sinh.

Mùa thu, đóng thuyền Ngoạn thủy.

¹ Có nhầm lẫn ở điều ghi này của Toàn thư. Phải đến năm 1206 quốc gia Mông Cổ mới thành lập. Sứ đến nước ta bấy giờ có lẽ là sứ nước Kim. Cương mục cũng chữa là sứ thần nước Kim. (CMCB5, 14a).

² Văn Tuyên Vương: tức Khổng Tử.

Giáp Ngọ, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 12 [1174], (Từ tháng 2 về sau là niên hiệu Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 1; Tống Thuần Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng động đất.

Tháng 2, đổi niên hiệu là Thiên Cảm Chí Bảo năm thứ 1¹.

Mùa thu, tháng 9, Thái tử Long Xưởng có tội, phế làm thứ dân và bắt giam. Trước đó, Long Xưởng thông dâm với cung phi, vua không nỡ bắt tội chết, cho nên có mệnh này. Một hôm, vua gọi tể tướng đến bảo rằng: "Thái tử là gốc lớn của nước, Long Xưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn Long Trát nối giữ nghiệp lớn, nhưng nó còn nhỏ tuổi, [16a] sợ không đương nổi, nếu đợi lớn thì trẫm đã tuổi già suy yếu, biết làm thế nào?". Bấy giờ có nội nhân ẵm Long Trát ra, thấy vua đội mũ, khóc đòi đội, vua chưa kịp tháo mũ đưa cho thì càng khóc to hơn. Vua bèn tháo mũ đội cho, Long Trát cả cười. Vua càng lấy làm lạ, ý lập Long Trát làm thái tử bèn quyết định.

Mùa đông, tháng 11, động đất.

Tháng 12, sao Chổi mọc phương nam.

Ất Mùi, [Thiên Cảm Chí Bảo] năm thứ 2 [1175], (Tống Thuần Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, sách lập long Trát làm Hoàng thái tử, ở đông cung. Phong Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu thái phó bình chương quân quốc trọng sự, tước vương, giúp đỡ đông cung.

Mùa hạ, tháng tư, vua không khỏe, cố gượng sai Tô Hiến Thành ẵm thái tử mà quyền nhiếp chính sự.

Mùa thu, tháng 7, ngày Ất Ty, vua băng ở điện Thụy Quang. Trước đó, khi vua ốm nặng, hoàng hậu lại xin lập Long Xưởng, vua nói: "Làm con [16b] bất hiếu còn trị dân sao được". Di chiếu cho Tô Hiến Thành giúp rập thái tử, công việc quốc gia nhất nhất tuân theo phép cũ. Bấy giờ thái hậu muốn làm việc phế lập, sợ Hiến Thành không nghe, mới đem vàng bạc đút cho vợ là Nữ thị. Hiến Thành nói: "Ta là đại thần nhận mệnh tiên đế dặn lại giúp rập vua bé, nay lấy của đút mà làm việc phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên đế ở suối vàng?". Thái hậu lại gọi Hiến Thành đến dỗ dành trăm cách. Hiến Thành trả lời: "Làm việc bất nghĩa mà được giàu sang, kẻ trung thần nghĩa sĩ đâu có vui làm, huống chi lời của Tiên đế còn ở bên tai, điện hạ lại không nghe việc của Y Doãn, Hoắc Quang hay sao? Thần không dám vâng chiếu". Việc bèn thôi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Anh Tông nối ngôi tuổi còn thơ ấu, việc của Đổ Anh Vũ làm gì mà biết được, đến khi tuổi ngoại hai mươi, sai bọn Hiến Thành đem quân đi tuần nơi biên giới, [17a] lại thân đi xem khắp tình thế núi sông, muốn biết sự đau khổ của dân gian và đường đi xa² gần, về mặt giữ dân giữ nước, quy mô đã thấy rõ. Lại đặt Xạ Đình, sai các quan võ hàng ngày luyện tập phép đánh trận, về mặt sửa binh giăng võ, mưu lược đã thấy rõ. Thái tử Long Xưởng có tội thì phế đi mà lập Long Trát làm thái tử, cho ở đông cung, để lòng người có chỗ gắn bó. Đến khi ốm nặng, hoàng hậu xin lập lại Long Xưởng, thì lấy lễ nghĩa mà bác bỏ, không mê hoặc lời nói của đàn bà, lại cố gượng gọi Hiến Thành nhận di chiếu giúp thái tử quyền nhiếp chính sự, phó thác được người giỏi để phòng lo sau, rốt cuộc mưu phế lập của thái hậu không thể làm được, trên yên dưới thuận, không phải là sức của Anh Tông sao? Còn như Cao Tông không phải là người hiền thì ngay lúc bấy giờ đã biết trước thế nào được? Vua chỉ thuận theo lễ phải mà làm [17b] thôi.

Thái tử Long Trát lên ngôi trước linh cữu, bấy giờ mới lên 3 tuổi, tôn mẹ là Đổ thị làm Chiêu Thiên Chí lý hoàng thái hậu.

Cho Đổ An Di³ (em trai hoàng thái hậu) làm thái sư đồng bình chương sự, Tô Hiến Thành làm thái uý¹.

¹ Đại Việt sử lược chép đổi niên hiệu vào tháng giêng (ĐVSL3,8a).

² Nguyên bản khắc nhầm chữ đạo lý với chữ lý (lễ) đúng ra là chữ lý (dặm đường).

³ Đại Việt sử lược chép là Đổ An Thuận (ĐVSL3, 9b).!Chữ Di và chữ Thuận gần giống nhau, dễ lầm lẫn.

Họp quốc nhân thề ở Long Trì.

Cao Tông Hoàng Đế

Tên huý là Long Trát con thứ sáu của Anh Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đỗ², sinh ngày 25 tháng 5 năm Quý Tỵ, Chính Long Bảo Ứng thứ 11 [1173]. Năm Thiên Cảm Chí Bảo thứ 2 [1175] sách lập làm hoàng thái tử. Anh Tông băng, bèn lên ngôi báu, ở ngôi 35 năm [1176-1210], băng ở cung Thánh Ngộ.

Vua chơi bởi vô độ, chính sự hình pháp không rõ ràng, giặc cướp nổi như ong, đói kém liên năm, cơ nghiệp nhà Lý từ đây suy.

Bính Thân, [Trinh Phù] năm thứ 1 [1176], (Tổng Thuần Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ.

[18a]Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cao Tông lên ngôi từ tháng 7 năm ngoái, đến đây mới đổi niên hiệu, là vì có Tô Hiến Thành phụ chính, biết trở lại lễ cổ.

Đinh Dậu, [Trinh Phù] năm thứ 2 [1177], (Tổng Thuần Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, Chiêm Thành đến cướp châu Nghệ An.

Mậu Tuất, [Trinh Phù] năm thứ 3 [1178], (Tổng Thuần Hy năm thứ 5). Hết quốc tang. Chiêu Linh hoàng thái hậu ban yến cho các quan ở biệt điện, bảo rằng: "Hiện nay Tiên đế đã chầu trời, vua nổi còn thơ ấu, nước Chiêm Thành thất lễ, người phương Bắc cướp biên. Các khanh chịu ơn nặng của triều đình, nên lo việc của nước nhà. Kể sách ngày nay không gì bằng lập lại thái tử, để vận nước được lâu, lòng dân được yên". Các quan đều chấp tay cuối đầu nói: "Thái phó nhận mệnh lệnh rõ ràng của thiên tử. Bệ hạ cũng đã nhiều lần dỗ bảo rồi, bọn thần không dám trái lệnh". Đều lạy tạ rồi lui ra. Hiến Thành quản Lĩnh cấm binh, nghiêm hiệu lệnh, thưởng phạt công bằng, **[18b]** người trong nước đều quy phục.

Mùa hạ, tháng 5, lấy ngày sinh của vua làm tiết Càn hưng.

Kỷ Hợi, [Trinh Phù] năm thứ 4 [1179], (Tổng Thuần Hy năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển các đình nam, người nào mạnh khỏe sung vào quân ngũ.

Tháng 2, động đất.

Tháng 3, khảo xét công trạng các quan, người giữ chức siêng năng tài cán nhưng không thông chữ nghĩa làm một loại, người có chữ nghĩa tài cán làm một loại, người tuổi cao hạnh thuần, biết rõ việc xưa nay làm một loại, cứ theo thứ tự mà trao cho chức vụ trị dân coi quân, khiến cho quan chức không lạm nhũng.

Mùa hạ, tháng 6 (không rõ ngày nào), hai mặt trời cùng mọc.

Thái úy Tô Hiến Thành chết. Vua bớt ăn ba ngày, nghỉ thiết triều 6 ngày. Trước đây khi Tô Hiến Thành nằm bệnh, Tham tri chính sự Vũ Tán Đường ngày đêm hầu bên cạnh, Giám nghị đại phu Trần Trung Tá vì bận việc không lúc nào rỗi để tới thăm hỏi. Đến khi bệnh nặng, thái hậu thân đến thăm, hỏi rằng: "Nếu có mệnh hệ nào thì ai là người có thể thay ông?". Hiến Thành trả lời: "Trung Tá **[19a]** có thể thay được". Thái hậu nói: "Tán Đường hàng ngày hầu thuốc thang, sao không thấy ông nhắc đến?". Hiến Thành trả lời: "Vì bệ hạ hỏi người nào có thể thay thần nên thần nói đến Trung Tá, còn như hỏi người hầu dưỡng thì phi Tán Đường còn ai nữa?". Thái hậu khen là trung, nhưng cũng không dùng lời ấy.

¹ Năm Đại Định thứ 20 (1159), Tô Hiến Thành đã phong làm thái úy, lúc này lại là đại thần nhận di chiếu của Anh Tông làm phụ chính cho Cao Tông, ở đây lại ghi phong lại chức vụ cũ, Cường mục ngữ rằng Toàn thư có thể chép nhầm (CMCB5, 18a).

² Đại Việt sử lược chép hoàng hậu họ Đỗ tên là Thụy Châu (ĐVSL3, 8b).

Lấy Đỗ An Di làm phụ chính.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tô Hiến Thành nhân việc ký thác con cô, hết lòng trung thành, khéo xử trí khi biến cố, tuy bị gió lay sóng đập mà vẫn đứng vững như cột đá giữa dòng, khiến trên yêu dưới thuận, không thẹn với phong độ của đại thần đời xưa. Huống chi đến lúc sắp chết còn vì nước tiến cử người hiền, không vì ơn riêng, thái hậu không dùng lời nói của Hiến Thành là việc không may cho nhà Lý vậy.

Xuống chiếu cấm không được đem mắm muối và đồ sắt lên bán đổi ở đầu nguồn.

Canh Tý, [Trinh Phù] năm thứ 5 [1180], (Tổng Thuần Hy năm thứ 7). Mùa xuân, định lệ các vương hầu vào châu.

Mùa thu, tháng 8, nước to.

[19b] Động đất ở hai điện Vĩnh Nguyên, Hội Tiên.

Tân Sửu, [Trinh Phù] năm thứ 6 [1181], (Tổng Thuần Hy năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, thái tử củ là Long Xưởng cầm đầu bọn gia thuộc nô lệ trộm cướp bừa bãi, muốn mưu làm loạn.

Mùa hạ, tháng 4, sao Huỳnh Hoặc¹ đi vào chòm Nam Đẩu. Đói to, dân chết gần một nửa.

Nhâm Dần, [Trinh Phù] năm thứ 7 [1182], (Tổng Thuần Hy năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cầu người hiền lương.

Đắp đàn phong tướng, lấy Ngô Lý Tín làm Thượng tướng quân, đem quân thủy bộ đi tuần bắt trộm cướp.

Lấy Lý Kinh Tu làm Đế sư², trong thì hầu việc giảng sách, ngoài thì dạy dân trung hiếu, từ đây Chiêu Linh thái hậu không dám manh tâm mưu khác nữa.

Cấm người trong nước không được mặc áo sắc vàng.

Nước Xiêm La sang cống.

[20a] Quý Mão, [Trinh Phù] năm thứ 8 [1183], (Tổng Thuần Hy năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, cho Ngô Lý Tín làm Đốc tướng đi đánh Ai Lao.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1 Nhâm Ngọ, nhật thực.

Giáp Thìn, [Trinh Phù] năm thứ 9 [1184], (Tổng Thuần Hy năm thứ 11). Mùa xuân, tháng 3, nước Chiêm Thành sang cống.

Người buôn các nước Xiêm La và Tam Phật Tề³ vào trấn Vân Đồn dâng vật báu để xin buôn bán.

Mùa đông, tháng 10, các sách Tư Mông v. v... làm phản, đánh lẫn nhau⁴.

Ất Ty, [Trinh Phù] năm thứ 10 [1185], (Tổng Thuần Hy năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, thi sĩ nhân trong nước, người nào từ 15 tuổi mà thông thi thư thì được vào hầu học ở ngự điện. Lấy đỗ bọn Bùi Quốc Khái, Đặng Nghiêm 30 người, còn thì đều ở lại học.

¹ Huỳnh Hoặc: tức sao Hỏa.

² Đế sư: thầy của vua.

³ Tam Phật tề: tức vương quốc Srivijaya ở đảo Sumatra, được nhắc đến với tên Thất Lợi Phật Thệ từ thế kỷ VII trong thư tịch Trung Quốc và với tên Tâm Phật Tề từ thế kỷ V trong thư tịch Trung Quốc.

⁴ Các sách Tư Mông...: Đại Việt sử lược chép sách Tư Mông, sách Trịnh, sách Ô Mễ, vua sai thái phó Vương Nhân Từ đi đánh. Nhân Từ lấy người trong châu là Phạm Phẩm đóng ở ải Ông trọng, Trương Nhạn, Phạm Đỗ đóng ở hương Bái, Đoàn Tùng đóng ở ải Khả Lão. Khi đến trại La Biều, quan quân bị người Lão đánh úp, thua to, Nhân Từ chết trận. Cuộc hành quân năm sau (1185) do Kiến Khang Vương (Đại Việt sử lược chép là Kiên Ninh Vương) chỉ huy là để báo thù việc thất trận ở La Biều (ĐVSL3,10b,11a). các sách, trại ghi ở đây đều chưa rõ ở đâu, nhưng có khả năng là ở vùng núi Hà Sơn Bình. Đại Việt sử lược chép đến các quan lang họ Đinh ở vùng này.

Mùa thu, tháng 7, sai Kiến Khang Vương Long Ích đem quân đánh người Man ở sách Viêm, dẹp được.

[20b] Bính Ngọ, [Trinh Phù] năm thứ 11 [1186], (Từ tháng 7 về sau là niên hiệu Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 1, Tống Thuần Hy năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương, chế thư đại khái nói: "Ngay bắt đầu đã phong cho tước ấp ở một nước yên vui, được theo lệ cha truyền con nối ban sắc mệnh cho được thực thụ tước vương, cần gì phải đợi thăng dần theo thứ tự"¹. Đó là lễ đặc biệt.

Tháng 3, sách phong Đàm thị làm An Toàn nguyên phi (Phi là con gái của tướng quân [Đàm] Thì Phụng).

Mùa thu, tháng 7, bắt được voi trắng, đặt cho tên là Thiên Tư. Xuống chiếu đổi niên hiệu là Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 1.

Sai Lê Hòe Khanh sang nhà Tống đáp lễ.

Đinh Mùi, [Thiên Tư Gia Thụy] năm thứ 2 [1187], (Tống Thuần Hy năm thứ 14). Mùa hạ, tháng 4, sét đánh nhà Thái Miếu.

Có nhà sư Tây Vực² đến. Vua xuống chiếu hỏi sư ấy có tài năng gì, trả lời là có tài phục được hổ. Bảo làm thử, không hiệu nghiệm.

Mậu Thân, [Thiên Tư Gia Thụy] năm thứ 3 [1188], (Tống Thuần Hy năm thứ 15). Mùa hạ, tháng 5, đại hạn. Vua thân ngự đến chùa Pháp Vân ở Duềnh Bà³ **[21a]** để đảo vũ, nhân rước tượng phật Pháp Vân về chùa Báo Thiên. (Buổi đầu bản triều [Lê] vẫn còn theo tục cũ này).

Tháng 6, động đất, gió bão.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1 Giáp Tý, nhật thực.

Thái sư Đỗ An Di chết, lấy Thái phó Ngô Lý Tín làm Phụ chính.

Kỷ Dậu, [Thiên Tư Gia Thụy] năm thứ 4 [1189], (Tống Thuần Hy năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1 Tân Dậu, nhật thực, mặt trời mặt trăng sắc đỏ như máu.

Động đất,

Tháng 3, vua ngự đi khắp núi sông, phàm xe vua đến đâu mà có thần linh đều cho phong hiệu và lập miếu để thờ.

Canh Tuất, [Thiên Tư Gia Thụy] năm thứ 5 [1190], (Tống Thiệu Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, hoàng thái hậu họ Đỗ băng.

Mùa thu, tháng 7, Thái phó ngô Lý Tín chết, lấy Đàm Dĩ Mông làm Thái phó.

Mùa đông, tháng 10, vua lễ yết Sơn Lăng, rước tượng mới tô của Hoàng thái hậu thờ phụ vào Thái Miếu.

Đóng thuyền Ngoạn Dao.

[21b] Tân Hợi, [Thiên Tư Gia Thụy] năm thứ 6 [1191], (Tống Thiệu Hy năm thứ 2). Mùa xuân, nước Chân Lạp sang cống.

¹ Nhà Tống đổi với các vua nước ta lúc mới lên ngôi thường chỉ phong tước Giao Chỉ Quận Vương, rồi Nam Bình Vương, sau mới phong An Nam Quốc Vương. Riêng với Lý Cao Tông, ngay lần đầu nhà Tống đã phong tước ấy, vì vậy chế thư có câu: "Tức lạc quốc dĩ triện phong..." (ngay bắt đầu đã phong...). Theo Tống sử (q.488) thì tước ấy đã phong ngay năm đầu khi Cao Tông mới lên ngôi (1177).

² tây Vực: chỉ các nước ở miền Trung và Nam Á.

³ Chùa Pháp Vân: tức chùa Dâu, ở xã Thanh Khương, tỉnh Hà Bắc. Đào Duy Anh chú bản dịch cũ đoán Duềnh Bà là chép nhầm từ chữ Luy Lâu. Nhưng Duềnh bà cũng có thể là tên Nôm thời bấy giờ của vùng này. (Duềnh chỉ sông Dâu, Bà chỉ Bà Dâu, nữ thần thờ ở chùa Dâu).

Mùa đông, tháng 12, sao Huỳnh Hoắc phạm vào sao Thái Bạch¹.

Nhâm Tý, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 7 [1192], (Tổng Thiệu Hy năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, động đất.

Mùa thu, tháng 7, sét đánh vào điện Vĩnh Ninh hai chỗ.

Người giáp Cổ Hoảng² ở Thanh Hóa làm phản, sai tướng đi đánh, dẹp được. Trước đó có người giáp ấy thấy vết chân trâu [trèo lên] cây muỗm, nhìn lên thấy con trâu bạc, hồi lâu, nó lại theo ngả khác đi xuống. Có người lính ở giáp ấy là Lê Văn đoán rằng: "Trâu trắng là vật ở dưới, nay lại ở trên cây, thể là điềm kẻ dưới lên ở trên". Nhân đó bèn rủ nhau làm phản. Đến đây đánh dẹp yên được.

Đào sông Tô Lịch.

Quý Sửu, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 8 [1193], (Tổng Thiệu Hy năm thứ 4). Khảo khóa các quan văn võ trong ngoài, để rõ nên giáng hay thăng. [22a]thi các sĩ nhân trong nước để [chọn người] vào hầu vua học.

Giáp Dần, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 9 [1194], (Tổng Thiệu Hy năm thứ 5). Mùa thu, tháng 7, hoàng thái tử Sảm sinh. Phong Đàm nguyên phi làm An Toàn hoàng hậu. Đại xá thiên hạ. ban cho người già từ 70 tuổi trở lên mỗi người một tấm lụa. Mở tiệc rượu hai ngày ở miếu.

Mùa đông, tháng 10, mưa đá, có tảng to bằng đầu ngựa.

Đóng thuyền Thiên Long.

Ất Mão, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 10 [1195], (Tổng Ninh Tông Khuếch, Khánh Nguyên năm thứ 1). Nửa xuân, tháng 2, động đất.

sét đánh gác Ly Minh.

Thi Tam giáo, cho đỗ xuất thân.

Đinh Tỵ, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 12 [1197], (Tổng Khánh Nguyên năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, hạn.

Dựng cung Nghênh Thiềm.

Mậu Ngọ, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 13 [1198], (Tổng Khánh Nguyên năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu sa thải các tăng đồ, theo lời tâu của Đàm Dĩ [22b] Mông.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Sứ Chiêm Thành sang cống và cầu phong.

Người hương cao Xá³ở cầu Diễn là Ngô Công Lý chiêu tập những kẻ vô lại, cùng với người châu Đại Hoàng là bọn Đinh Khả tự xưng là con cháu của Đinh Tiên Hoàng và Bùi đô đồng thời làm loạn. Đều dẹp yên được.

Kỷ Mùi, [Thiên Tư Gia Thuỵ] năm thứ 14 [1199], (Tổng Khánh Nguyên năm thứ 5). Mùa thu, tháng 7, nước to, lúa mạ ngập hết.

Đói to.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến phủ Thanh Hóa bắt voi. Sai sứ sang phong vua nước Chiêm Thành.

¹ Sao Huỳnh Hoắc tức sao Hòa. Sao Thái Bạch tức sao Kim.

² Cổ Hoảng: nay là đất huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

³ Nay là Diễn Thịnh huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Canh Thân, [Thiên Tư Gia Thủy] năm thứ 15 [1200], (Tổng Khánh Nguyên năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, đem thóc chẩn cấp cho dân nghèo.

Mùa thu, tháng 7, Chiêm Linh Thái hậu băng.

Nhâm Tuất, [Thiên Tư Gia Thủy] năm thứ 17 [1202], (Từ tháng 8 về sau là niên hiệu Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1; Tống Gia Thái năm thứ 2).

Mùa xuân, tháng 3, động đất.

Mùa thu, tháng 8, hoàng thái tử Thầm sinh. Đổi niên hiệu là Thiên Gia Bảo Hựu năm thứ 1.

Sai nhạc [23a] công chế khúc nhạc gọi là nhạc Chiêm Thành, tiếng trong trẻo, ai oán buồn rầu, người nghe phải chảy nước mắt. Tăng phó Nguyễn Thường nói: "Ta nghe bài tựa Kinh Thi nói rằng: Âm thanh của nước loạn nghe như ai oán giận hờn. Nay dân loạn nước nguy, chúa thượng thì rong chơi vô độ, triều đình rối loạn, lòng dân trái lìa, đó là triệu bại vong".

Quý Hợi, [Thiên Gia Bảo Hựu] năm thứ 2 [1203], (Tống Gia Thái năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, làm nhiều việc thổ mộc, dựng các cung điện.

Mùa hạ, tháng 4, gác Kinh Thiên làm sắp xong, có chim khách vào làm tổ đẻ chim con ở đấy. Các quan can rằng: "Ngày xưa Ngụy Minh Đế làm gác Lăng Tiêu, có con chim khách đến làm tổ, Cao Đường Long can rằng "Thần từng nghe câu: Chim khách có tổ, chim cưu đến ở¹. Nay chim khách đến làm tổ nơi cung khuyết, theo ngu kiến của thần thì gác ấy có làm xong nữa tất có người họ khác đến ở". Xin bệ hạ xét lời của Cao Đường Long, [23b] trước cốt sửa đức, sau hãy khởi công mới phải". [Nhưng] vua nghe lời của hoạn quan là Phạm Bình Di, giục làm càng gấp, trăm họ khổ khổ.

Mùa thu, tháng 7, Điện tiền chỉ huy sứ tri châu Nghệ An là Đỗ Thanh và châu mục là Phạm Diên tâu rằng: "Vua nước Chiêm Thành là Bồ Trì² bị chú là Văn Bồ Điền³ đuổi, nay đem cả vợ con đến ngụ ở cửa biển Cơ La⁴, ý muốn cầu cứu". Tháng 8 vua sai Đàm Dĩ Mông và Đỗ An đi liệu tính việc ấy. Sắp đến cửa biển Cơ La, Đỗ An nói: "Kẻ kia đem quân đến đây, lòng nó khó tin được. Tục ngữ có câu: "Lỗ kiến có thể vỡ đê, tắc khói có thể cháy nhà". Nay Bồ Trì há phải là lỗ kiến, tắc khói mà thôi đâu". Dĩ Mông nói lại ý ấy với Thanh và Diên, bảo phải phòng bị. Bọn Thanh nói: "Kẻ kia vì hoạn nạn đến xin cầu cứu, còn phải nghi ngờ gì?". Dĩ Mông giận, đem quân về. Thanh và Diên cùng mưu đánh úp Bồ Trì để làm kế tự bảo toàn. Mưu tiết lộ, thành ra bị Bồ Trì giết. Quân Nghệ [24a] An tan vỡ, chết không xiết kể. Bồ Trì thả sức cướp bóc rồi về.

Tháng 9, người ở Đại Hoàng giang⁵ lại làm phản. Trước đây người Đại Hoàng giang là Phí Lang và Bảo Lương⁶ tâu các tội một nước hại dân của Đàm Dĩ Mông, Dĩ Mông giận lấy roi đánh. Bọn Lang vì thể chứa chất oán giận, nhân khi thiên hạ sâu khổ muốn làm loạn, mới cùng nhau phản, Vua sai chi hậu Trần Lệnh Hinh làm Nguyên soái đem quân đi đánh. Lại sai Thượng thư Từ Anh Nhữ đem quân phủ Thanh Hóa đồng thời tiến đánh Phí Lang, giao chiến ở cửa sông Lộ Bồ⁷, bị thua, [Lệnh Hinh và Anh Nhữ] đều chết cả.

¹ câu này dẫn thơ "Thước sào": Duy thước hữu sào, duy cưu cư chi" (Kinh Thi Thiệu nam).

² Bồ Trì: tức Suryavarmadeva.

³ Văn Bồ Điền: tức ông Dhanapatigrama: Đại Việt sử lược (Q3,14b), ghi là Bồ Do.

⁴ Cơ La: tên cửa biển, thời Trần đổi là Kỳ La, tức là cửa Nhượng ở huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

⁵ Đại Hoàng: là tên châu, vừa là tên sông ở châu ấy, nay là sông Hoàng Long ở huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.

⁶ Đại Việt sử lược (q.3, 14b) ghi Bảo Lương họ Nguyễn, tức họ Lý (văn bản đại việt sử lược theo lệ kiêng húy đời Trần đổi Lý thành Nguyễn), giữ chức Thượng tướng quân.

⁷ Sông Lộ Bồ: Cương mục dẫn Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư nói Lộ Bồ là sông ở địa phận Ý Yên, (CMCB3, 30a). Xác định như vậy khá hợp lý. Dựa vào các chi tiết được chép rõ hơn ở Đại Việt sử lược, có thể cho rằng sông Lộ Bồ là đoạn sông Đáy chảy qua huyện Ý Yên, tỉnh Nam Hà và cửa sông Lộ Bồ là ở chỗ sông Hoàng Long gặp sông Đáy.

Giáp Tý, [Thiên Gia Bảo Hựu] năm thứ 3 [1204], (Tổng Gia thái năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Đỗ Kính Tu đi đánh bọn làm phản ở Đại Hoàng giang, không thắng.

Ất Sửu, [Thiên Gia Bảo Hựu] năm thứ 4 [1204], (Từ tháng 3 về sau là niên hiệu Trị Bình Long Ứng năm thứ 1; Tổng Khai Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, đổi niên hiệu làm Trị Bình [24b] Long Ứng năm thứ 1.

Người Tống sang cướp ở biên giới. Dân ta mệt nhọc chạy nạn, gặp cướp dần nổi. Vua thì ham thích tiền của, các quan phần nhiều bán quan buôn ngục.

Bính Dần, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 2 [1206], (Tổng Khai Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, phong Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo, được đội mũ cùng thân.

Bấy giờ vua xây dựng không ngớt, rong chơi vô độ, hàng ngày cùng cung nữ dạo chơi làm vui, nghe ngoài thành có trộm cướp thì lơ đi như không biết, tính lại sợ sấm, nghe sấm là kinh hoàng. Người bề tôi được vua yêu là Nguyễn Dư nói mình có phép cấm được sấm. Gặp khi sấm động, vua sai Dư thử phép, Dư ngửa mặt lên trời đọc thần chú, mà sấm càng to thêm. Vua vặn hỏi, Dư trả lời: "Thần rắn cấm mãi rồi, nhưng vì trời cao nên nó còn dữ tợn như thế!".

Đinh Mão, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 3 [1207], (Tổng Khai Hy năm thứ 3). Mùa Xuân, tháng giêng, giặc cướp nổi như ong. Xuống chiếu chọn các đình nam, người nào khỏe mạnh, [25a] sung vào quân ngũ, sai quan các lộ thống quản để bắt [giặc cướp]. Mùa đông, tháng 10, người Man ở núi Tản Viên châu Quốc Oai¹ làm giặc, cướp bóc hương Thanh Oai², bễ lữ rất đông, không thể ngăn được.

Mậu Thìn, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 4 [1208], (Tổng Gia Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sách lập hoàng tử Sảm làm Hoàng thái tử, ở đông cung.

Đói to, người chết đói nằm gối lên nhau.

Cho Phạm Du coi việc quân ở Nghệ An. Du bèn làm phản, thu nạp những kẻ vong mệnh và trộm cướp, gọi là "hậu nhân"³, chia đi cướp bóc các nơi. Người châu Quốc Oai cũng đem bễ lữ đến đóng ở Tây Kết, đường sá vì thế không thông. Vua sai Thượng phẩm phụng ngự Phạm Bình Di đem quân châu Đằng⁴ đến đánh.

Kỷ Ty, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 5 [1209], (Tổng Gia Định năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, Phạm Bình Di đem người châu Đằng và châu Khoái⁵ đi đánh bọn Du. Du thua trận, chạy sang châu Hồng. Bình Di tịch biên gia sản của Du rồi đốt hết. Du oán giận càng sâu. [25b] vua sai phụng ngự gọi Du về kinh. Mùa thu, tháng 7, Bình Dư về đến Kinh sư, sắp vào tàu, có người ngăn lại nói rằng: "Lời của Du đã đến tai vua trước rồi, vua còn chưa nguôi giận"⁶. Bình Di nói; "Ta thờ vua hết trung mà bị kẻ gian tặc gièm pha ư? Huống chi là có mệnh vua đòi, ta còn tránh vào đâu?", rồi Bình Di vào. Vua sai bắt, đem giam cùng với con là Phụ⁷ ở Thủy viện. sắp đem hành hình thì tướng của Bình Di là bọn Quách Bốc nghe tin đem quân đánh trống hò reo tiến vào, đến ngoài cửa Đại Thành bị người coi cửa chống cự. Bọn

¹ Quốc Oai: nếu châu Quốc Oai thời Lý tương đương với phủ Quốc Oai thời Lê thì là đất các huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Phúc Thọ, Thạch Thất và huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay. Nhưng theo đây thì núi Tản Viên cũng thuộc châu Quốc Oai, vậy Quốc Oai thời Lý có một phần đất huyện ba Vì ngày nay.

² Thanh Oai: tên hương thời Lý, nay là huyện Thanh Oai, tỉnh Hà tây.

³ Hậu nhân: người do thám.

⁴ Đằng châu: ten châu thời Đinh Lê; năm 1005 Lê Long Đĩnh đổi gọi là phủ, nhà Lý đổi lại là châu, nay là phần đất Hưng Yên (cũ), tỉnh Hải Hưng.

⁵ Khoái Châu: nhà Lý tách một phần Đằng Châu đặt ra Khoái Châu, nay là đất các huyện Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng.

⁶ Cương mục chép: Du ngầm sai người đến kinh đô đem vàng bạc đút lót cho bọn nội nhân để tâu vua rằng Bình Di tàn ác giết người vô tội và bày tỏ oan trạng của mình (CMCB5, 32b).

⁷ Cương mục có ý ngờ về điều ghi Phụ là con Bình Di, vì Bình Di là hoạn quan (CMCB5, 33b). Nhưng hoạn quan có thể vẫn có con từ trước khi chưa bị hoạn.

Bốc phá cửa tiến vào. Vua thấy việc cấp quá, sai đem Bình Di và Phụ vào chỗ bệ đá mát¹ lấy xe ngự chở xác Bình Di, lấy chiếu ngự bọc xác của Phụ, theo cửa Việt Thành ra bến Đông Bộ Đầu² rồi lại trở vào cung Vạn Diên, lập Hoàng tử Thầm làm vua. Bọn Đàm Dĩ Mông, Nguyễn Chính Lại đều chịu nguy chức của Thầm. **[26a]** Vua [lánh] đến miền Quy Hóa giang³.

Người ở động Trư là Nguyễn Phá Lân đem bộ khúc đêm đến lấy trộm của kho công ở Đới Sơn⁴.

Hoàng thái tử [Sảm] đến thôn Lưu Gia⁵ ở Hai Ấp nghe tiếng con gái của Trần Lý có nhan sắc, bèn lấy làm vợ. Nhà Trần Lý nhờ nghề đánh cá nên giàu, người quanh vùng theo về, nhân có quân chúng, cùng nổi lên làm giặc. Thái tử đã lấy con gái của Lý, trao cho Lý tước minh tự, phong cho cậu người con gái ấy là Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái tử [Sảm] đi lần này là vì nước loạn mà tránh nạn, sao lại buông lòng dâm dục ở ngoài mà tự tiện phong tước cho người? Bởi Cao Tông rong chơi vô độ, giường mỗi bỏ hỏng, cho nên mới thế. Nhưng họ Lý nhân thế mà vong, họ Trần nhân thế mà hưng, ấy là do trời cả.

Anh em họ Trần họp hương binh để dẹp loạn, rước vua về kinh, khôi phục chính thống. **[26b]** Trùng trị bọn Quách Bốc làm loạn, xử tội theo mức độ khác nhau.

Canh Ngọ, [Trị Bình Long Ứng] năm thứ 6 [1210], (Tổng Gia Định năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, vua sai Thượng phẩm phụng ngự là Đỗ Quảng đem quân đến nhà Tô Trung Từ đón Hoàng thái tử về Kinh sư, còn người con gái [Trần thị] thì về nhà cha mẹ. [Bấy giờ] Trần Lý đã bị bọn giặc khác giết, con thứ là Trần Tự Khánh thay đem quân chúng về Kinh, được phong là Thuận Lưu Bá.

Mùa thu, tháng 7, Đỗ Anh Triệt⁶ kể tội Dĩ Mông rằng: "Người làm đại thần mà ôm lòng vô quân, nhận tước phong của giặc, nay lại đứng ngang hàng với ta, ta dù bất tài nhưng mặt mũi nào mà nhìn người!". Dĩ Mông thẹn sợ mà lui ra.

Sao chổi mọc.

Mùa đông, tháng 10, vua không khỏe, gọi Đỗ Kính Tu và nhận mệnh ký thác. Ngày 28 Nhâm Ngọ, vua băng ở cung Thánh Thọ.

[27a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cao Tông tuổi bé nổi ngôi, Chiêu Linh Thái hậu rắp lòng phế lập, thân vua suýt nữa bị nguy. Nhờ có Tô Hiến Thành vốn có quyền vị, nhận ký thác con cô, hết lòng phù hộ, ngôi báu không lay, thiên hạ quy phục, tất phải có mưu hay chước giỏi tâu riêng với vua rồi. Đến khi Hiến Thành chết, Đỗ Kính Tu hầu hạ nơi màn trướng, giúp vua sửa đức, đâu phải là không có người? Thế mà vua mê mãi rong chơi, say đắm thanh sắc, ham tiền của, thích xây dựng, dạy tính lười tham cho các quan, gây lòng oán giận ở trăm họ, làm cho cơ đồ nhà Lý phải hao mòn, đến nỗi mất nước. Kinh thư có câu: "Ở trong mê sắc đẹp, ra ngoài mê săn bắn, ham rượu, thích nhạc, xây nhà cao, trở tường đẹp, phạm một trong các điều ấy tất phải bại vong". Vua phạm đủ các điều ấy, còn nói gì được nữa?

Lại xét sử cũ [chép việc an táng] các vua triều Lý, chỉ đối với Thái **[27b]** Tổ có chép táng ở Thọ Lăng; với Nhân Tông tuy có chép việc táng nhưng lấy tên đất làm tên lăng. Phạm việc an táng thiên tử là

¹ Nguyên văn: "Lương thạch xứ". Đại Việt sử lược có chỗ chép là "Lương thạch toạ" (ĐVSL3,30b). Theo mặt chữ có thể hiểu đó là cái bệ đá để ngồi mát, ở bên hoặc gần sát bậc thềm có tên là thềm Kim Tinh (Kim Tinh giai).

² Đông Bộ Đầu: tức bến Đông ở Thăng Long, bên sông Hồng, ở vào khoảng gần cầu Long Biên và dốc Hàng Than hiện nay.

³ Quy Hóa Giang: một tên khác của sông Thao (tức sông Hồng từ Việt Trì trở lên), ở đây chỉ miền núi Vĩnh Phú, Yên Bái. An Nam chí lược (q.12) chép thêm là Cao Tông nương nhờ ở nhà Hà Vạn.

⁴ Đới Sơn: còn gọi là núi Long Đới tức núi Đới ở huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà ngày nay.

⁵ Nay là Lưu Xá, huyện Hưng Hòa, tỉnh Thái Bình.

⁶ Đại Việt sử lược chép là Đỗ Anh Doãn (ĐVSL3, 20a).

việc lớn của nước, quốc sử không thể không chép được. Có lẽ Lê Văn Hưu thấy đều gọi là Thọ lăng, cho là không đúng lẽ nên bỏ đi, nhưng thế không phải là phép làm sử.

Hoàng thái tử Sảm lên ngôi ở trước linh cữu bấy giờ mới 16 tuổi. Tôn mẹ là Đàm thị là Hoàng thái hậu, cùng nghe chính sự. Lại đem thuyền rồng đi đón Trần thị. Anh Trần thị là Trần Tự Khánh cho rằng bấy giờ đương lúc loạn lạc, chưa đưa đi ngay được.

Sai sứ cáo phó với nhà Tống, nhà Tống sai người sang làm lễ tế điệu.

Huệ Tông Hoàng Đế

Tên huý là Sảm¹, con trưởng của Cao Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đàm, sinh tháng 7 năm Giáp Dần [1194], năm Mậu Thìn, Trị Bình Long Ứng thứ 4 [1208], tháng giêng, sách lập hoàng thái tử. Cao Tông băng, bèn lên ngôi báu, ở ngôi 14 năm [1211-1224], truyền ngôi cho Chiêu Hoàng, sau bị Trần Thủ Độ [28a] giết, thọ 33 tuổi [1194-1226]. Vua gặp buổi loạn lạc, giặc cướp tứ tung, mình bị bệnh nặng, không biết sớm cầu con nối, họ Lý bèn mất.

Tân Mùi, [Kiến Gia] năm thứ 1 [1211], (Tổng Gia Định năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, đổi niên hiệu.

Tháng 2,, vua lại sai Phụng ngự là Phạm Bồ đi đón Trần thị. Tự Khánh bèn sai bọn Phùng Tá Chu đưa Trần thị đi. Gặp khi Tô Trung Từ và Đỗ Quang đang đánh nhau ở [bến] Triều Đông², Tá Chu bèn đỗ thuyền ở bến Đại Thông. Đến khi Đỗ Quang bị thua, vua sai Bồ và Trung Từ đón Trần thị vào cung, lập làm nguyên phi; cho Trung Từ làm Thái úy phụ chính; phong Thuận Lưu bá Trần Tự Khánh làm Chương Thành hầu³.

Bấy giờ thừa hưởng thái bình đã lâu ngày, giuờng mỗi dần bỏ, dân không biết việc binh, giặc cướp nổi lên không ngăn cấm được. Vua mới lên ngôi, đem việc nước giao cho Thái úy Đàm Dĩ Mông. Dĩ Mông là người không có học thức, không có mưu thuật, lại nhu nhược không quyết đoán, chính sự ngày một đổ nát.

[28b] Nhâm Thân, [Kiến Gia] năm thứ 2 [1212], (Tổng Gia Định năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng 2, sai người cùng một vú nuôi là Đoàn Thượng chiêu mộ dân châu Hồng đi bắt giặc cướp. Bấy giờ thế nước suy yếu, triều đình không có chính sách hay, đói kém luôn luôn, nhân dân cùng khổ, [Đoàn] Thượng thừa thế tự tiện làm oai làm phúc, không ai dám nói gì. Sau tội trạng tỏ rõ, bị các quan hạch, phải giam vào ngục để hỏi tội. Thượng mới rút gươm, cỡi trần chạy về châu Hồng, nhóm họp bè đảng, đắp thành xưng vương, cướp bóc lương dân, triều đình không thể ngăn được.

Quý Dậu, [Kiến Gia] năm thứ 3 [1213], (Tổng Gia Định năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, Trần Tự Khánh đem quân xâm phạm cửa khuyết xin đón xa giá. Vua lấy làm ngờ, xuống chiếu lấy quân các đạo đi bắt Tự Khánh, giáng nguyên phi làm ngự nữ.

Giáp Tuất, [Kiến Gia] năm thứ 4 [1214], (Tổng Gia Định năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, Trần Tự Khánh đem quân đến [bến] Triều Đông, tự vào quân **[29a]** môn tạ tội, lại xin đón xa giá. Vua

¹ Đại Việt sử lược chép đủ tên huý của Lý Huệ Tông là Hạo Sảm (ĐVSL3, 20b).

² Bến Triều Đông: bến sông Hồng ở phía đông Thăng Long. cương mục chép là Đông Bộ Đầu và chú là bến Đông Tân sông Nhị Hà.

³ Nguyên văn: "dĩ Trung Từ vi Thái úy phụ chính, phong Thuận Lưu bá Trần Tự Khánh vi Chương Thành Hầu". Về việc này, Cương mục chép: "Vua bèn phong cho Tự Khánh tước hầu, cho Tô Trung Từ làm Thái úy, phong tước Thuận Lưu bá" (CMCB5, 35b). Đúng ra Lưu Thuận bá là tước của Trần Tự Khánh (như Toàn thư đã chép ở BK4, 26b) và theo Đại Việt sử lược đến năm này (Nhâm Thân 1212), ngày Canh Tuất tháng giêng "vua cho Tự Khánh lên tước hầu, tước hiệu là Chương Thành hầu" (ĐVSL3, 24a). Như vậy có thể nhận thấy rằng ở câu của Toàn thư (đã dẫn), soạn giả Cương mục đã đặt nhầm một dấu ngắt đoạn ở sau chữ "bá", cho nên mới chép Thuận Lưu bá là tước của Tô Trung Từ.

càng ngờ, bèn cùng với thái hậu và ngự nữ chạy đến núi Trí Sơn ở châu Lạng. Tự Khánh nghe tin xa giá long đong mà ngự nữ thì lâu nay bị thái hậu làm khổ, lại đem quân đến xin đón xa giá như trước. Vua cũng chưa tin, lại cùng với thái hậu và ngự nữ chạy sang huyện Bình Hợp¹.

Mùa hạ, tháng 5, Tự Khánh đánh Đinh Khả và Bùi Đô ở châu Đại Hoàng, phá tan được.

Bính Tý, [Kiến Gia] năm thứ 6 [1216], (Tổng gia Định năm thứ 9). Mùa xuân, sách phong ngự nữ làm Thuận Trinh phu nhân. Thái hậu cho Trần Tự Khánh là kẻ phản trắc, thường chỉ phu nhân mà nói là bè đảng của giặc, bảo vua đuổi bỏ đi; lại sai người nói với phu nhân bảo phải tự sát. Vua biết mới ngăn lại. Thái hậu bỏ thuốc độc vào món ăn uống của phu nhân. Mỗi bữa ăn vua chia cho phu nhân một nửa và không lúc nào cho rời bên cạnh. Thái hậu lại [29] sai người cầm chén thuốc độc bắt phu nhân phải chết. Vua lại ngăn không cho, rồi đêm ấy cùng với phu nhân lên đi đến chỗ quân của Tự Khánh; gặp khi trời đã sáng, phải nghỉ lại ở nhà tướng quân Lê Mịch ở huyện Yên Duyên, gặp tướng của Tự Khánh là Vương Lê đem binh thuyền đến đón. Vua mới đỗ lại ở bãi Cửu Liên². Truyền cho Tự Khánh đến châu.

Mùa hạ, tháng 6, hoàng trưởng nữ sinh ở bãi Cửu Liên, sau phong làm công chúa Thuận Thiên.

Mùa đông, tháng 12, sách phong [Thuận Trinh] phu nhân làm hoàng hậu, phong Tự Khánh làm Thái úy phụ chính, cho anh trai Tự Khánh là Trần Thừa (tức thượng hoàng nhà Trần) làm Nội thị phán thủ. Tự Khánh cùng với Thượng tướng quân Phan Lân xếp đặt quân ngũ, chế tạo binh khí, luyện tập võ nghệ, quân thể dần dần phần chấn.

Vua có bệnh trúng phong, chữa thuốc không khỏi mà chưa có thái tử, trong cung chỉ sinh công chúa mà thôi.

Chiêm Thành và Chân Lạp đến cướp châu Nghệ An, châu bá là Lý Bất Nhiễm đánh phá được.

[30a] Đinh Sửu, [Kiến Gia] năm thứ 7 [1217], (Tổng Gia Định năm thứ 10). Mùa xuân, tháng 3, vua dần dần phát điên, có khi tự xưng là Thiên tướng giáng, tay cầm giáo và mộc, cắm cờ nhỏ vào búi tóc, đùa múa từ sớm đến chiều không nghỉ, khi thôi đùa nghịch thì đổ mồ hôi, nóng bức khát nước, uống rượu ngũ li bì đến hôm sau mới tỉnh. Chính sự không quyết đoán, giao phó cả cho Trần Tự Khánh. Quyền lớn trong nước dần dần về tay kẻ khác.

Mậu Dần, [Kiến Gia] năm thứ 8 [1218], (Tổng Gia Định năm thứ 11). Mùa xuân, tháng 3, động đất.

Sao chổi mọc ở phương tây nam.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu bắt cư sĩ ở chùa Phù Đổng là Nguyễn Nộn, vì bắt được vàng ngọc mà không đem dâng.

Tháng 9, hoàng thứ nữ sinh, sau phong làm công chúa Chiêu Thánh.

Mùa đông, tháng 10, Trần Tự Khánh đi đánh người Man ở Quảng Oai³ không được.

Chiêm Thành và Chân Lạp đến cướp châu Nghệ An, Lý Bất Nhiễm đánh tan được, thăng tước hầu, ban thực ấp 7.500 hộ, thực phong 1.500 **[30b]** hộ.

Kỷ Mão, [Kiến Gia] năm thứ 9 [1219], (Tổng Gia Định năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, Trần Tự Khánh tâu xin tha cho Nguyễn Nộn, cho đi theo quân đánh giặc để chuộc tội. Vua y cho. Mùa đông, tháng 10, sai Nguyễn Nộn đem quân đi đánh người Man ở Quảng Oai.

Canh Thìn, [Kiến Gia] năm thứ 10 [1220], (Tổng Gia Định năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 3, Nguyễn Nộn giữ hương Phù đồng, tự xưng là Hoài Đạo Vương, dâng biểu xưng thần, xin đi dẹp loạn để

¹ Huyện Bình Hợp: chưa rõ ở đâu.

² Cửu Liên châu: có lẽ là bãi tà nạn sông Hồng, gần Cửu Cao, trong đất huyện Văn Giang cũ, nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng.

³ Quảng Oai: vùng đất ở huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.

chuộc tội. Vua sai người đem sắc thư đến tuyên dụ. Song vì vua có bệnh phong, không thể chế ngự được.

Tân Ty, [Kiến Gia] năm thứ 11 [1221], (Tổng Gia Định năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, tìm khắp thầy thuốc trong nước để chữa bệnh cho vua, nhưng không hiệu nghiệm gì. Vua thì ở tít trong cung, giặc cướp bừa bãi, nhân dân ở ngoài thành lưu ly cực khổ lắm.

[31a] Nhâm Ngọ, [Kiến Gia] năm thứ 12 [1222], (Tổng Gia Định năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, chia trong nước làm 24 lộ, lộ chia cho công chúa ở, lấy các hoàng nô thuộc lộ và quân nhân bản lộ, chia nhau làm giáp.

Làm đồ binh khí và ghe thuyền để tuần bắt giặc cướp.

Quý Mùi, [Kiến Gia] năm thứ 13 [1223], (Tổng Gia Định năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 10, hạn, lúa bị sâu cắn.

Tháng 12, thế quân của Nguyễn Nộn ngày càng mạnh.

Trần Tự Khánh chết, truy phong làm Kiến Quốc Đại Vương; lấy Trần Thừa làm Phụ quốc Thái úy, khi vào châu không xưng tên.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Năm đầu niên hiệu Kiến Gia, giặc cướp đua nhau nổi dậy, Huệ Tông nhu nhược không đánh dẹp được. Trần Tự Khánh vì có Huệ hậu bị thái hậu làm khổ mà đem quân phạm cửa khuyết xin đón xa giá. Đương lúc bấy giờ, lòng người không thể không ngờ vực, cho nên Huệ **[31b]** Tông có lệnh bắt Tự Khánh mà không bắt được. Tự Khánh muốn làm cho kỳ được mới nhiều lần làm kinh động đến vua, xa giá phải dời chỗ mấy lần, tội rõ ràng rồi. Nhưng mà Huệ Tông và Huệ hậu rốt cuộc phải nhờ Tự Khánh mới được yên, thì tội ấy không kể đến. Thế là việc tuy là trái nhưng tình thì thuận, sử chép không nêu lên nhưng thực cũng có nêu đấy. Nếu không thế thì chỉ là kẻ đầu sỏ giặc cướp mà thôi.

Giáp Thân, [Kiến Gia] năm thứ 14 [1224], (Từ tháng 10 về sau là niên hiệu của Chiêu Hoàng Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1; Tổng Gia Định năm thứ 17). Bệnh của vua ngày càng tăng mà không có con trai để nối nghiệp lớn, các công chúa đều được chia các lộ làm ấp thang mộc, uỷ nhiệm cho một mình chỉ huy sứ Trần Thủ Độ quản lĩnh các quân điện tiền hộ vệ cấm đình.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu lập công chúa Chiêu Thánh làm Hoàng thái tử để truyền ngôi cho. Vua xuất gia ở chùa Chân Giáo trong đại nội. Chiêu Thánh lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 1, tôn hiệu là Chiêu **[32a]** Hoàng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo trời có khi thường có khi biến. Thánh nhân phối với trời đất, giúp việc hoá dục thì có đạo xử trí lúc biến mà vẫn không mất phép thường. Như Đan Chu con vua Nghiêu là kẻ bất hiếu¹, thì vua Nghiêu tiến vua Thuấn với trời, mà thiên hạ thịnh trị. Thương Quân con vua Thuấn là kẻ bất hiếu không thể truyền ngôi, thì vua Thuấn tiến vua Vũ với trời, mà xã tắc được yên, đều là xử trí lúc biến mà không mất phép thường cả. Đời sau chỉ truyền ngôi cho con mà không truyền ngôi cho người hiền, vì là không có người nào được như Thuấn và Vũ. Nếu không may mà không có con thì chọn con của người tông thất nuôi làm con mình để nối giữ nghiệp lớn, đó cũng là một cách xử trí trong lúc biến vậy. Lý Nhân Tông đã làm như thế rồi, Huệ Tông sao không xét việc cũ mà làm theo, lại để **[32b]** đến sau lúc tật bệnh mới lập con gái mà truyền ngôi cho, thế có phải lẽ không? Các quan bấy giờ không ai nghĩ gì đến xã tắc, để cho Phùng Tá Chu viện dẫn việc Lữ hậu và Vũ hậu làm có mà thành ra việc Chiêu Hoàng nhường ngôi cho họ Trần, ấy là người có tội với họ Lý.

¹ Bất hiếu: không giống, không bằng (như con không giống cha), chuyển nghĩa là không phải người hiền không thể truyền ngôi.

Chiêu Hoàng

Trước tên húy là Phật kim, sau đổi là Thiên Hinh, con gái thứ của Huệ Tông. Huệ Tông không có con trai nối, lập làm hoàng thái tử để truyền ngôi¹, ở ngôi được 2 năm [1224-1225] rồi nhường ngôi cho họ Trần.

Ất Dậu, Thiên Chương Hữu Đạo năm thứ 2 [1125], (Từ tháng 12 về sau là niên hiệu Trần Thái Tông Kiến Trung năm thứ 1; Tống Lý Tông Hú, Bảo Khánh thứ 1). mùa ông, tháng 10, xuống chiếu tuyển con em của quan viên trong ngoài sung vào các sắc dịch trong nội, như lục hỏa thị cung ngoại, Chi hậu, Nội nhân thị nội², ngày đêm thay phiên nhau chầu hầu. Điện tiền chỉ huy sứ Trần Thủ Độ coi giữ mọi việc quân sự trong ngoài thành thị. Cháu gái Thủ Độ bằng chú là Trần Bất Cập làm Cận thị thự lục **[33b]** cục chi hậu³, Trần Thiêm làm Chi ứng cục, Trần Cảnh làm Chính thủ (Cảnh sau là Trần Thái Tông). Cảnh lúc ấy mới lên 8 tuổi, chực hầu ở bên ngoài. Một hôm phải giữ việc bưng nước rửa, nhân thế vào hầu bên trong. Chiêu Hoàng trông thấy làm ưa, mỗi khi chơi đêm cho gọi Cảnh đến cùng chơi, thấy Cảnh ở chỗ tối thì thân đến trêu chọc, hoặc nắm lấy tóc, hoặc đứng lên bóng. Có một hôm, Cảnh bưng chậu nước hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt lấy tay vốc nước té ướt cả mặt Cảnh rồi cười trêu, đến khi Cảnh bưng khăn trầu thì lấy khăn ném cho Cảnh. Cảnh không dám nói gì, về nói ngầm với Thủ Độ. Thủ Độ nói: "Nếu thực như thế thì họ ta thành hoàng tộc hay bị diệt tộc đây?". Lại một hôm, Chiêu Hoàng lại lấy khăn trầu ném cho Cảnh, Cảnh lạ rồi nói: "Bệ hạ có tha tội cho thần không? Thần xin vâng mệnh". Chiêu Hoàng cười và nói: "Tha tội cho ngươi. Nay ngươi đã biết nói khôn đó". Cảnh lại về nói với Thủ Độ. Thủ Độ sợ việc **[33b]** tiết lộ thì bị giết cả, bầy giờ mới tự đem gia thuộc thân thích vào trong cung cấm. Thủ Độ đóng cửa thành và các cửa cung, sai người coi giữ, các quan vào chầu không được vào. Thủ Độ loan báo rằng: "Bệ hạ đã có chông rồi". Các quan đều vâng lời, xin chọn ngày vào chầu. Tháng ấy, ngày 21, các quan vào chầu lạ mừng. Xuống chiếu rằng: "Từ xưa nước Nam Việt ta đã có đế vương trị thiên hạ. Duy triều Lý ta vâng chịu mệnh trời, có cả bốn biển, các tiên thánh truyền nối hơn hai trăm năm, chỉ vì thượng hoàng có bệnh, không người nối dõi, thế nước nghiêng nguy, sai lầm nhận mệnh chiếu, cố gượng lên ngôi, từ xưa đến giờ chưa từng có việc ấy. Khốn nỗi trẫm là nữ chúa, tài đức đều thiếu, không người giúp đỡ, giặc cướp nổi lên như ong, làm sao mà giữ nổi ngôi báu nặng nề? Trẫm dậy sớm thức khuya, chỉ sợ không đáng nối, vẫn nghĩ tìm **[34a]** người hiền lương quân tử để cùng giúp chính trị, đêm ngày khẩn khoản đến thế là cùng cực rồi, Kinh thi có nói "Quân tử tìm bạn, tìm mãi không được, thức ngủ không nguôi, lâu thay lâu thay". Nay trẫm suy đi tính lại một mình, duy có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, thực thể cách quân tử hiền nhân, uy nghi đường hoàng, có tư chất thánh thần văn võ, dù đến Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông cũng không hơn được. Sớm hôm nghĩ chín từ lâu nghiêm xem nên nhường ngôi báu, để thỏa lòng trời, cho xứng lòng trẫm, mong đồng lòng hết sức, cùng giúp vận nước, hưởng phúc thái bình. Vậy bố cáo thiên hạ để mọi người điều biết". Tháng 12, ngày mồng một Mậu Dần, Chiêu Hoàng mở hội lớn ở điện Thiên An, ngự trên sập báu, các quan mặc triều phục vào chầu, lạ ở dưới sân.

Chiêu Hoàng bèn trút bỏ áo ngự mời Trần Cảnh lên ngôi hoàng đế. Đổi niên hiệu là Kiến **[34b]** trung năm thứ 1, đại xá thiên hạ, xưng là Thiện Hoàng⁴, sau đổi là Văn Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Khải Thiên Lập Cực Chí Nhân Chương Hiếu Hoàng Đế. Phong Trần Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, nắm giữ mọi việc cai trị trong nước. Thủ Độ nói: "Hiện nay giặc cướp đều nổi, họa loạn ngày tăng. Đoàn Thượng giữ mạn đông, Nguyễn Nộn giữ mạn bắc, các châu Quảng Oai, Đại Viễn⁵ cũng chưa dẹp yên. Nhà Lý suy yếu, thế nước nghiêng nguy, nữ chúa Chiêu Hoàng không gánh vác nổi, mới uỷ thác cho nhị lang [Chàng Hai]. Nhưng Nhị lang chưa am hiểu việc nước, chính sự nhiều chỗ thiếu sót, vận nước mới mở,

¹ Theo Cương mục, Chiêu Hoàng khi nối ngôi mới lên 7 tuổi (CMCB5, 41b).

² Lục hỏa thị cung ngoại: sáu hỏa (có lẽ là sáu đội lính) hầu ngoài cung; Chi hậu, Nội nhân thị nội: các chức chi hậu và nội nhân hầu bên trong.

³ Cận thị thự lục cục chi hậu: chức chi hậu ở sáu cục của cận thị thự là thự giữ việc hầu cận vua.

⁴ Thiện hoàng: hoàng đế được nhường ngôi Thiện có nghĩa là nhường ngôi.

⁵ Châu Đại Viễn: có lẽ muốn nói châu Đại Hoàng.

lòng dân chưa phục, mỗi họa không phải là nhỏ. Ta tuy là chú nhưng không biết chữ nghĩa gì, còn phải rong ruổi đông tây để chống giặc cướp, không gì bằng mời thánh phụ làm thượng hoàng tạm coi việc nước, một hai năm sau thiên hạ nhất thống, lại giao quyền chính cho Nhị lang". Các quan đều cho là phải, mời thánh phụ Trần Thừa nhiếp chính.

[35a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: "Đến thời Huệ Tông, cái độc hại cho thiên hạ đã ăn sâu lắm, mà vua không phải người giỏi giang cứng cáp, bề tôi giúp nước thì nhu nhược hèn kém, muốn chữa cái độc đã sâu thì làm thế nào được. Huống chi vua lại bị chứng hiểm, chữa không khỏi, lại không có con trai để nối nghiệp lớn, thế là điểm nguy vong đã hiện ra rồi. Tục truyền rằng Lý [Thái] Tổ khi mới được thiên hạ, xa giá về Cổ Pháp ngự chơi chùa ở hương Phù Đổng, có thần nhân để thơ ở cột chùa rằng: "Nhất bát công đức thủy, Tuỳ duyên hoa thế gian. Quang quang trùng chiếu chúc. Một ảnh nhật đăng san". [Một bát nước công đức [của Phật], theo duyên sinh hoá ở thế gian. Sáng rực hai lần đuốc rọi, mặt trời gác núi là hết bóng]. Sư chùa là vạn hạnh đem bài thơ ấy dâng lên. Lý Thái Tổ xem xong rồi nói: "Việc của thần nhân thì không thể hiểu được". Người đời truyền tụng, không ai biết thơ ấy nói thế nào. Đến khi nhà Lý mất, mới cho bài thi8 ấy là nghiệm. Vì từ đời Huệ Tông trở lên đến Thái Tổ là tam đời mà Huệ Tông **[35b]** tên là Sảm, tức là mặt trời gác núi, hết bóng¹. Thế thì nhà Lý được nước là tự trời, mất nước cũng là tự trời vậy.

Trở lên triều Lý, 9 vua, từ Thái Tổ năm canh Tuất [1010] đến Chiêu Hoàng năm Ất Dậu [1225], cộng 216 năm.

¹ Loại thơ sấm thường được dùng chữ theo lối đồng âm khác nghĩa và chiết tự: chữ "bát" ở câu đầu có nghĩa là cái bát (bát nước) đồng âm với chữ "bát" là tam (tam đời). Chữ Sảm gồm phần trên là chữ "nhật" (mặt trời), phần dưới là chữ "sơn" núi= mặt trời gác núi.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển V

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Thái Tông Hoàng Đế

Họ Trần, tên húy là Cảnh, trước tên húy là Bồ, làm Chi hậu chính triều Lý, được Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm [1226-1258], nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi [1218-1277] bằng ở cung Vạn Thọ, táng ở Chiêu Lăng. Vua khoan nhân đại độ, có lượng để vương, cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập kỷ dựng cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy. Song quy hoạch việc nước đều do Trần Thủ Độ làm và chôn bồng the cũng có nhiều điều hổ thẹn.

Trước kia, tổ tiên vua là người đất Mân (có người nói là người Quế Lâm), có người tên là Kinh đến ở hương Tức Mặc¹, phủ Thiên Trường, sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa, đời đời làm nghề đánh cá. Vua là con thứ của Thừa, mẹ họ Lê, sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu Dần, Kiến Gia thứ 8 triều Lý². Vua mũi cao, mặt rộng, giống như [1b] Hán Cao Tổ. Khi mới 8 tuổi, làm Chi hậu chính chi ứng cục triều Lý. Vì có chú họ là Trần Thủ Độ làm Điện Tiền Chỉ Huy Sứ, nên vua được vào hầu trong cung. Chiêu Hoàng thấy vua thì ưa.

Năm Ất Dậu [1225], mùa đông, tháng 12, ngày 12 Mậu Dần, nhận thiên vị của Chiêu Hoàng, lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Kiến Trung.

Bính Tuất, Kiến Trung năm thứ 2 [1266], (Tổng Bảo Khánh năm thứ 2) mùa xuân, tháng Giêng, sách phong Chiêu Hoàng làm hoàng hậu, đổi gọi là Chiêu Thánh.

Phong Trần Thủ Độ làm Thái sư thống quốc hành quân vụ chinh thảo sư. Phế thượng hoàng nhà Lý ra ở chùa Chân Giáo, gọi là Huệ Quang đại sư.

Tháng 2, định luật lệnh, điều lệ.

Sai Trần Thủ Độ đem quân đi đánh Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng và các man.

Lúc ấy, nhân thế suy yếu của triều Lý, giặc cướp tụ tập nhiều. Người Man ở vùng núi Tản Viên, vùng núi Quảng Oai xâm phạm đánh lẫn nhau. [2a] Nguyễn Nộn chiếm cứ Bắc Giang³, Đoàn Thượng chiếm cứ Hồng Châu⁴. Thủ Độ điều động các quân đi đánh dẹp.

Bấy giờ Nộn và Thượng binh thế còn mạnh, chưa dễ hàng phục được, mới phong cho Nộn làm Hoài Đạo Vương, chia cho các huyện Bắc Giang Thượng, Bắc Giang Hạ, Đông Ngạn⁵ cũng hện phong làm vương cho Thượng định ngày đến thề, nhưng Thượng không đến.

¹ Sau là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

² Tức năm 1218

³ Vùng đất của tỉnh Bắc Ninh.

⁴ Vùng đất phía tây bắc và phía nam tỉnh Hải Dương

⁵ Vùng đất huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Mùa hạ, tháng 5, phong em là Nhật Hiệu làm khâm Thiên Đại Vương (khi ấy mới 2 tuổi).

Trao phẩm cấp cho các quan văn võ theo hầu theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Càn Ninh.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 10, Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo.

Trước đó, Thượng hoàng nhà Lý có lần ra chơi chợ Đông, dân chúng tranh nhau chạy đến xem, có người thương khóc. Thủ Độ sợ lòng người nhớ vua cũ, sinh biến loạn, cho dời đến ở chùa Chân Giáo; bề ngoài giả vờ là để phụng sự, nhưng bên trong thực ra là để dễ bề giữ chặt.

Có lần Thủ Độ qua trước cửa chùa, thấy Huệ Tông ngồi xồm nhỏ cỏ, Thủ Độ nói: "Nhỏ cỏ thì phải nhỏ cả **[2b]** rễ sâu".

Huệ Tông đứng dậy, phủ tay nói: "Điều người nói, ta hiểu rồi".

Đến nay, sai người bày biện hương hoa đến bảo [Huệ Tông]: "Thượng phụ sai thần đến mời"..

Thượng hoàng nhà Lý nói: "Ta tụng kinh xong sẽ tự tử".

Nói rồi vào buồng ngủ khẩn rằng: "Thiên hạ nhà ta đã vào tay người, người lại còn giết ta, ngày nay ta chết, đến khi thác con cháu người cũng sẽ bị như thế".

Bèn thắt cổ tự tử ở vườn sau chùa.

Thủ Độ ra lệnh cho các quan đến khóc, khoét tường thành phía nam cửa (người bấy giờ gọi là "cửa khoét"), đưa linh cữu ra phường Yên Hoa để thiêu, chứa xương vào tháp chùa Bảo Quang, tôn miếu hiệu là Huệ Tông. Giáng hoàng hậu của Huệ Tông làm Thiên Cực công chúa, gả cho Trần Thủ Độ, cho châu lạng làm ấp thang mộc.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tam Đại xưa lấy được thiên hạ là vì lòng nhân. Cho nên **[3a]** những vua có đức lớn mà không làm nhiều việc ác quá lắm thì trời chưa bao giờ vội dứt bỏ họ. Nhà Hạ nếu không có Kiệt, nhà Thương có Trụ, thì việc truyền ngôi hẳn cũng chưa hết. Xem như cuối đời nhà Chu, các nước chư hầu cường bức, tiếm lấn mà ngôi chính thống vẫn truyền nối mãi mãi không dứt. Đó là do nhân sâu ơn dày của tổ tông để lại mãi đến đời sau vậy.

Họ Lý được nước không kém gì Tam Đại, truyền nối nhiều đời, đến Huệ Tông không có con trai, lại mắc bệnh tật, chắc là ơn trạch của tiên vương đến đây là hết rồi, cho nên họ Trần mới có thể lấy được nước. Đã lấy nước của người ta, lại giết vua của người ta thì thực bất nhân quá lắm.

Sau này, Phế Đế phải thắt cổ chết, Nguyên Quân bị giết¹, mình làm thế nào thì phải chịu thế ấy, đạo trời là như vậy đó. Dù không có lời nguyện của Huệ Tông, cũng tin là phải thế. Thủ Độ coi việc đó là hết lòng trung, lo việc nước, nhưng có biết đâu thiên hạ đời sau chỉ mặt **[3b]** gọi là giặc giết vua, huống chi lại còn làm thói cho lộn².

Đưa các cung nhân và con gái họ hàng nhà Lý Huệ Tông gả cho các tù trưởng người Man.

Mùa đông, tháng 10, tôn cha là Thừa làm Thượng hoàng, ở cung Phụ Thiên, phường Hạc Kiều phía bên tả. Hễ khi nước có việc lớn, thì ở trong đó xem xét, quyết định. Tôn mẹ là Lê thị làm Quốc Thánh hoàng thái hậu (có sách chép là Bảo Thánh Quốc mẫu).

Xuống chiếu cho dân gian dùng tiền "tinh bách"³ mỗi tiền là 69 đồng. Tiền nộp cho nhà nước (tiền "thượng cung") thì mỗi tiền là 70 đồng.

¹ Bản chữ Hán chép Nguyên hậu, là đã nhầm chữ Quân thành chữ Hậu. Nguyên Quân tức là vua Trần Thuận Tông, sau khi nhường ngôi cho thái tử Ân (Thiếu Đế), xưng vương là Thái Thượng Quân Hoàng Đế, thường được gọi là Nguyên Quân. Xem BK7.

² Chỉ việc Trần Thủ Độ đã giết Huệ Tông lại lấy hoàng hậu của nhà vua

³ Tinh bách: có người đọc là "tinh mạch". Ở Trung Quốc, từ đời Ngũ Đại về sau, lấy 77 làm 100, gọi là "tinh bách" (nghĩa là 100 thiếu, hay 100 bớt).

Tuyển thực nữ trong nước sung làm cung nhân.

Sai Phụ quốc thái phó Phùng Tá Chu quyền Tri phủ Nghệ An, cho phép ban tước từ tá chức, xá nhân trở xuống cho người khác, rồi sau về triều tâu lên.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ban tước cho người là quyền của thiên tử, không phải là quyền của kẻ làm tôi [4a]. Phùng Tá Chu là bề tôi cũ triều Lý, không có việc cần phải chuyên quyền như ra ngoài cương giới, làm lợi cho quốc gia, vỗ yên trăm họ, mà lại cho phép chuyên quyền thì cả người cho phép đều sai cả.

Bề tôi nhà Trần mà biết đạo ấy, phải chăng chỉ có Quốc công Hưng Đạo Đại Vương. Thánh Tông vì thấy ông có công lao to lớn, cho phép được tự tiện phong tước cho người, nhưng chưa bao giờ ông phong cho một ai cả. Giữa lúc giặc Hồ vào cướp, cầm quân chuyên chế, lấy thóc của người giàu để cấp lương quân, nhưng cũng chỉ cho người đó làm giả Lang tướng mà không dám cho làm Lang tướng thực.

Đinh Hợi [Kiến Trung] năm thứ 3 [1227], (Tổng Bảo Khánh năm thứ 3). Thi tam giáo tử (nghĩa là những nổi nghiệp Nho giáo, Đạo giáo, Thích giáo).

Xuống chiếu rằng tất cả các đơn từ văn khế đều dùng phép in ngón tay vào nửa tờ giấy.

Tuyên bố các điều khoản lễ minh thệ, theo như lệ cũ của triều Lý và bắt đầu định việc thực hiện. Nghi thức lễ đó như sau:

Hàng năm vào ngày mồng 4 tháng 4, tế tướng và trăm quan đến trực ngoài cửa thành từ lúc gà gáy, [4b] tờ mờ sáng thì tiến vào triều. Vua ngự ở cửa Hữu Lang điện Đại Minh trăm quan mặc nhưng phục lạy hai lạy rồi lui ra. Ai nấy đều thành đội ngũ, nghi trượng theo hầu ra cửa Tây thành, đến đền thờ thần núi Đồng Cổ¹, họp nhau lại uống máu ăn thề. Quan Trung thư kiểm chính tuyên đọc lời thề rằng:

"Làm tôi tận trung, làm quan trong sạch, ai trái thề này, thần minh giết chết".

Đọc xong, tế tướng sai đóng cửa điểm danh, người vắng mặt phải phạt 5 quan tiền. Ngày hôm ấy, trai gái bốn phương đứng chật ních bên đường để xem như ngày hội lớn.

Mậu Tý, [Kiến Trung] năm thứ 4 [1228]. (Tổng Thiệu Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, phong Khâm Thiên Vương Nhật Hiệu làm Quận vương.

Tháng 2, thi lại viên bằng thể thức công văn (bạ đầu cách).

Mùa thu, tháng 8, phong anh là Liễu làm thái úy.

Xác định số đinh tỉnh Thanh Hóa.

Lệ cũ, hằng năm vào đầu mùa xuân, xã quan (nay là xã trưởng) [5a] khai báo nhân khẩu gọi là đơn sổ, rồi căn cứ vào sổ, kê rõ các loại tông thất, văn quan văn giai, võ quan võ giai, quan theo hầu, quân nhân, tạp lưu, hoàng nam, già yếu, tàn tật, phụ tịch, xiêu tán v.v... Người có quan tước, con cháu được tập ấm mới được ra làm quan, người giàu có khoẻ mạnh mà không có quan tước thì sung quân đội, đời đời làm lính.

Tháng 9, thi lại viên bằng thể thức công văn gọi là bạ đầu. Người trúng tuyển được sung làm thuộc lại ở các sảnh viện. (Việc này đã chép vào tháng 2 rồi).

Mùa đông, tháng 10, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, Nguyễn Nộn đánh giết Đoàn Thượng.

Nộn đã phá được Thượng, nhân gộp cả quân của Thượng, cướp bắt con trai, con gái, tài sản, trâu ngựa đất
 Hồng Châu. Con của Thượng là Văn đem gia thuộc đến hàng.

¹ Núi Đồng Cổ: vốn ở Thanh Hóa, tục gọi là núi Khả Phong. Đời Lý, các vua cho rằng thần núi Đồng Cổ đã có công giúp Thái Tông đánh thắng Chiêm Thành, sau lại thác mộng báo cho biết âm mưu làm phản của ba vương Vũ Đức, Đông Chinh, Dực Thánh, nên đã dựng đền thờ trong đại nội, bên hữu chùa ThánhThọ. Hằng năm các quan phải đến thề ở đền để tỏ lòng trung thành với nhà vua. Nhà Trần cũng theo lệ ấy. (Xem Việt điện u linh, xem thêm BK2)

Thanh thế của Thượng rất hùng dũng. Thủ Độ lo lắng, chia quân chống giữ và sai sứ đem thư đến chúc mừng, gia phong Nộn làm Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương, đưa công chúa Ngoạn Thiêm gả cho hắn để ngầm [5b] dò la tin tức. Nộn cũng chia nha tướng riêng cho công chúa ở. Vì thế công chúa không thể báo được tin gì.

Kỷ Sửu, [Kiến Trung] năm thứ 5 [1229], (Tổng Thiệu Định năm thứ 2, Nguyên Thái Tông Oa Khoát Đài năm thứ 1. Mùa xuân, tháng 3, nhật thực.

Nguyễn Nộn ốm chết.

Sau khi kiểm tính quân của Thượng, Nộn tự xưng là Đại Thắng Vương, chèn chối chơi bời bừa bãi. Nhưng Nộn cũng biết là thế không thể cùng đối lập với nhà Trần, định đến tháng 10 sẽ vào châu, song còn do dự chưa quyết.

Đến khi ốm nặng, vua sai nội nhân tới hỏi thăm, Nộn cố gượng ăn cơm, phi ngựa để tỏ ra còn khoẻ mạnh, không bao lâu thì chết. Người dưới quyền là Phan Ma Lôi Ngâm phóng ngựa chạy trốn, không biết là đi đâu.

Ma Lôi là người Chiêm Thành, buôn bán ở Ai Lao, được Nộn nhận làm nô, có tài chủ động đánh thắng, dùng binh như thần. Sau khi Nộn chết, thiên hạ lại quy về một mối.

Sai sứ sang thăm nước Tống. Nhà Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương.

[6a] Canh Dần, [Kiến Trung] năm thứ 5 [1230], (Tổng Thiệu Định năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, khảo xét các luật lệ của triều trước, soạn thành Quốc triều thống chế và sửa đổi hình luật lễ nghi, gồm 20 quyển.

Định bị đồ có mức độ khác nhau:

Loại bị đồ làm Cáo điển hoành thì thích vào mặt 6 chữ, cho ở Cáo xã (nay là xã Nhật Cáo), cày ruộng công, mỗi người 3 mẫu, mỗi năm phải nộp 300 thăng thóc.

Loại bị đồ làm Lao thành binh thì thích vào cổ 4 chữ, bắt dọn cỏ ở Phượng Thành, thành Thăng Long, lệ vào quân Tứ sương².

Định các phường về hai bên tả hữu của kinh thành, bắt chước đời trước chia làm 61 phường.

Đặt ty Bình bạc³.

Lại mở rộng phía ngoài thành Đại La, bốn cửa thành giao cho quân Tứ sương thay phiên nhau canh giữ.

Sửa đổi quan chức các phủ lộ. Đặt 2 viên An phủ sứ và An phủ phó sứ.

Trong thành dựng cung, điện, lầu, các và nhà lang vũ ở hai bên phía đông và tây. Bên tả là cung Thánh Từ (nơi thượng hoàng ở), bên hữu là cung Quan Triều (nơi vua ở).

Chép công việc của quốc triều làm bộ Quốc triều thường lễ, 10 quyển.

[6b] Mùa xuân, tháng 7, xuống chiếu rằng phạm người coi tục đi đòi người kiện tụng, thì cho lấy tiền cước lục tùy theo quãng đường gần hay xa.

Tháng 9, Quốc Thánh hoàng thái hậu băng, truy tôn làm Thuận Từ hoàng thái hậu.

Tân Mão, [Kiến Trung] năm thứ 7 [1231], (Tổng Thiệu Định năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Nội minh tự Nguyễn Bang Cốc (hoạn quan) chỉ huy binh lính phủ mình đào vét kênh Trầm và

¹ Oa Khoát Đài : hay Oát Ca Đài (đời Thanh đổi gọi là Ngạc Cách đức Y) là phiên âm tên vua Mông Cổ Ô-gô-đây là con trai thứ ba của Thành Cát Tư Hãn, Thiết Mộc Chân (Têmuğin), lên ngôi năm 1228.

² Trấn binh của kinh đô, chuyên việc phòng vệ, canh gác.

³ CMCB6 chú là chức kinh doanh, chuyên xét đoán việc kiện tụng ở kinh thành. Thực ra, Bình bạc ty (năm 1265 đổi thành đại an phủ sứ, sau lại đổi thành Kinh sư đại doanh) là cơ quan hành chính và tư pháp ở kinh đô Thăng Long lúc đó.

kênh Hào¹ từ phủ Thanh Hóa đến địa giới phía nam Diễn Châu. Việc xong, thăng Bang Cốc làm Phụ Quốc thượng hầu.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến hành cung Tức Mặc, dâng lễ hưởng ở tiên miếu, thiết yến và ban lụa cho bộ lão trong hương theo thứ bậc khác nhau.

Thượng hoàng xuống chiếu rằng trong nước hễ chỗ nào có đình trạm đều phải đắp tượng phật để thờ.

Trước đây, tục nước ta vì nóng bức, nên làm nhiều đình cho người đi đường nghỉ chân, thường quét vôi trắng, gọi là đình trạm. Thượng hoàng khi còn hàn vi từng nghỉ ở đó, có một nhà sư bảo rằng : "Người trẻ tuổi này ngày sau sẽ đại quý". Nói xong [7a] thì không thấy nhà sư đâu nữa. Đến nay vua lấy được thiên hạ mới có lệnh này.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Việc này của Trần Thái Tông cũng giống như việc Vạn Hạnh với Lý Thái Tổ. Đó là mầm đầu tiên của sự sùng Phật ở đời Lý, đời Trần. Kể ra, người thức giả mọi việc đều biết trước, có gì lạ đâu.

Nhâm Thìn, [Kiến Trung] năm thứ 8 [1232], (Từ tháng 7 về sau là Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 1, Tống Thiệu Định năm thứ 5).

Mùa xuân, tháng giêng, bắt đầu định triều nghi.

Phong con của thượng hoàng là Bà Liệt làm Hoài Đức Vương.

Xưa Thượng hoàng còn hàn vi, lấy người con gái thôn Bà Liệt (thuộc huyện Tây Chân)². Người đó có mang thì bị (Thượng hoàng) ruồng bỏ. Đến khi Bà Liệt ra đời, Thượng hoàng không nhận con. Lớn lên Bà Liệt khôi ngô, giỏi võ nghệ, xin sung vào đội đánh vật. Một hôm, bà Liệt đánh cầu với người trong đội, người kia vật ngã Bà Liệt, bóp cổ Liệt đến suýt tắt thở. Thượng hoàng thét lên : " Con ta đấy". Người ấy [7b] sợ hãi lạy tạ.

Ngày hôm đó, Thượng hoàng nhận Bà Liệt làm con, cho nên có lệnh này.

Tháng 2, thi thái học sinh. Đố đệ nhất giáp là Trương Hanh, Lưu Diễm; đệ nhị giáp là Đặng Diễn, Trịnh Phẫu; đệ tam giáp là Trần Chu Phổ.

Mùa hạ, tháng 6, ban bố các chữ quốc húy và miếu húy.

Vì Nguyên tổ tên húy là Lý, mới đổi triều Lý làm triều Nguyễn, vả lại cũng để dứt bỏ lòng mong nhớ của dân chúng đối với nhà Lý.

Tháng 8, gió lớn, dân gian phát dịch lệ, nhiều người chết.

Trần Thủ Độ giết hết tôn thất nhà Lý.

Khi ấy, Thủ Độ chuyên chính lâu ngày, đã giết Huệ Tông, tôn thất nhà Lý đều bùi ngùi thất vọng.

Mùa đông năm ấy, nhân người họ Lý làm lễ tế các vua Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm³, Thủ Độ ngầm đào hố sâu, làm nhà lên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật máy chôn sống hết.

(Xét thời Trần Anh Tông còn có người họ Lý làm tướng, hơn nữa [Phan] Phu Tiên không ghi lại, việc này chưa chắc đã có thực, hãy tạm [8a] chép vào đây).

Quý Ty, Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 2 [1233], (Tống Thiệu Định năm thứ 6), sai Phùng Tá Chu duyệt định các ấp lớn phủ Nghệ An.

¹ CMCB6 chú là tên hai con kênh, thuộc huyện Ngọc Sơn (nay là tỉnh Gia), tỉnh Thanh Hóa.

² Sau là huyện Nam Chân, Nam Trực, tương với huyện Nam Ninh, tỉnh Hà Nam ngày nay.

³ CMCB6 chú là thuộc huyện Đông Ngàn, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Hoàng Thái tử Trịnh mất.

(Xét phép chép sử: Hoàng thái tử sinh, tất phải chép rõ ngày, tháng, năm sinh; khi mất cũng thế. Đây chỉ chép khi mất, có lẽ là vừa mới sinh đã chết ngay, nên không chép ngày tháng sinh).

Nước to.

Giáp Ngọ, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 3 [1234], (Tổng Đoan Bình năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 18, thượng hoàng băng ở cung Phụ Thiên, thọ 51 tuổi.

Mùa thu, tháng 8, ngày 28, táng [Thượng hoàng] ở Thọ Lăng phủ Long Hưng. (Lăng ở hương Tinh Cương¹. Ba lăng Chiêu, Dụ Đức² đều ở hương ấy). Miếu hiệu là Huy Tông, tên thụy là Khai Vận Lập Cực Hoảng Nhân Ứng Đạo Thuần Chân Chí Đức Thần Vũ Thánh Văn Thùy Dụ Chí Hiếu Hoàng Đế.

Lấy thái úy [Trần] Liễu làm phụ chính, sách phong làm Hiển Hoàng.

[8b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái Tông đối với anh là Liễu, có ý muốn tôn kính khác thường, cho nên làm việc việc quá đáng này. Sách phong là Hiển Hoàng, thế là danh không chính rồi. Đã danh không chính thì nói không thuận, nói không thuận thì việc không thành. Liễu manh tâm làm loạn, vị tất đã không phải do đây.

Phong Trần Thủ Độ làm Thống quốc thái sư, tri Thanh Hóa phủ sự.

Gia phong thái phó triều Lý là Phùng Tá Chu làm Hưng Nhân Vương; Quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái phó, tước Bảo Trung quan nội hầu.

Ất Mùi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 4 [1236], (Tổng Đoan Bình năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, sét đánh 30 chỗ trong thành Đại Xá.

[9a] Bính Thân, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 5 [1236], (Tổng Đoan Bình năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, định lệ cấp lương bổng cho các quan văn võ trong ngoài và các quan ở cung điện, năng miếu, chia tiền thuế, ban cấp theo thứ bậc.

Tháng 2, định quan hàm cho các đại thần.

Phàm người tôn thất vào chính phủ, hoặc là Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Thái úy, hoặc là Tư đồ, Tả Hữu tướng quốc, đều kiêm hàm Kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng tam ty bình chương sự³.

Mùa hạ, tháng 6, nước to, vỡ tràn vào cung Lệ Thiên.

Bấy giờ Hiển Hoàng [Trần] Liễu làm tri Thánh Từ cung, nhân nước to, đi thuyền vào châu, thấy người phi cũ của triều Lý liền cưỡng dâm ở cung Lệ Thiên. Đình thân hặc tâu, vì thế mới đổi tên cung Thượng Xuân, giáng Hiển làm Hoài Vương.

Mùa thu, tháng 8, chọn các nho sinh đã thi đỗ vào châu, sau làm định lệ.

Mùa đông, tháng 10, cho Phạm Ứng Thần làm Thượng thư tri Quốc tử viện, đưa con em văn thần và tụng thần vào học.

[9b] Gia phong Hưng Nhân Vương Phùng Tá Chu làm Đại Vương; Quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái úy, ban cho mũ áo đại vương.

Đinh Dậu, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 6 [1237], (Tổng Gia Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, xuống rằng: khi làm giấy tờ về chúc thư, văn khế ruộng đất và vay mượn tiền bạc thì người làm chứng in tay ở 3 dòng trước, người bán in tay ở 4 dòng sau.

¹ Vùng huyện Tiên Hưng cũ, nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

² Chiêu lang: lăng của Trần Thái Tông, Dụ lăng: lăng của Trần Thánh Tông, Đức lăng: lăng của Trần Nhân Tông.

³ Nghi đồng tam ty: nghĩa là nghi thức ngang với nghi thức của tam ty hay tam công. Bình chương sự: nghĩa là xếp đặt cho tốt đẹp, chỉ chức tể tướng. Đồng bình chương sự: nghĩa là ngang với tể tướng.

Lập công chúa Thuận Thiên họ Lý, là vợ của Hoài Vương Liễu, anh vua, làm hoàng hậu Thuận Thiên. Giáng Chiêu Thánh làm công chúa.

Bấy giờ Chiêu Thánh không có con mà Thuận Thiên đã có mang Quốc Khang 3 tháng. Trần Thủ Độ và công chúa Thiên Cực bàn kính với vua là nên mạo nhận lấy để làm chỗ dựa về sau, cho nên có lệnh ấy. Vì thế, Liễu họp quân ra sông Cái làm loạn.

Vua trong lòng áy náy, ban đêm, ra khỏi kinh thành đến chỗ quốc sư Phù Vân (quốc sư là bạn cũ của Thái Tông) trên núi Yên Tử rồi ở lại đó [10a]¹.

Hôm sau, Thủ Độ dẫn các quan đến mời vua trở về kinh sư. Vua nói: "Vì trẫm non trẻ, chưa cang đáng nổi sứ mạng nặng nề, phụ hoàng lại vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, nên không dám giữ ngôi vua mà làm nhục xã tắc".

Thủ Độ cố nài xin nhiều lần vẫn chưa được vua nghe, mới bảo mọi người rằng:

"Xa giá ở đâu tức là triều đình ở đó".

Thế rồi [Thủ Độ] cắm nêu trong núi, chỗ này là điện Thiên An, chỗ kia là các Đuan Minh, sai người xây dựng. Quốc sư nghe thấy thế bèn, tâu rằng:

"Bệ hạ nên gấp quay xa giá trở về, chớ để làm hại núi rừng của đệ tử".

Vua bèn trở về kinh đô. Được hai tuần, Liễu tự lượng thế cô, khó lòng đối lập được, ngầm đi thuyền độc mộc giả làm người đánh cá, đến chỗ vua xin hàng.

Lúc ấy vua đang ở trong thuyền, vội vàng bảo Thủ Độ:

"Phụng Càn Vương (Phụng Càn là tên hiệu [10b] cũ của Liễu hồi còn nhà Lý) đến hàng đây!" rồi lấy thân mình che đỡ cho Liễu. Thủ Độ tức lắm, ném gương xuống sông nói:

"Ta chỉ là con chó săn thoi, biết đâu anh em các người thuận nghịch thế nào?".

Vua nói giải hòa, rồi bảo Thủ Độ rút quân về.

Lấy đất Yên Phụ, Yên Dưỡng, Yên Sinh, Yên Hưng, Yên Bang² cho Liễu làm ấp thang mộc. Nhân đất được phong, mà Liễu có tên Hiệu là Yên Sinh Vương. Binh lính [theo Liễu] làm loạn ở sông Cái đều bị giết.

Phan Phu Tiên nói: Tam cương ngũ thường là luân lý lớn của loài người. Thái Tông là ông vua khai sáng cơ nghiệp, đáng lẽ phải dựng phép tắc để truyền lại cho đời sau, lại nghe mưu gian của Thủ Độ, cướp vợ của anh làm hoàng hậu, chẳng phải là bỏ cả luân thường, mở mối dâm loạn đó ư? Liễu từ đó sinh ra hiềm khích, cả gan làm loạn, là do Thái Tông nuôi nên tội ác cho Liễu vậy. Có người bảo Thái Tông không giết anh, thế là nhân, nhưng tôi thì cho rằng cướp vợ của anh, tội ác đã rõ ràng, không giết anh [11a] là vì lễ trời chưa mất mà thôi, sao được gọi là nhân? Xét ra sau này Trần Dụ Tông dâm loạn làm càn chưa hẳn không do Thái Tông đầu têu vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thái Tông mạo nhận con của anh làm con của mình. Sau này Dụ Tông và Hiến Từ đều cho Nhật Lễ làm con của Cung Túc Vương, đến nỗi cơ nghiệp nhà Trần suýt nữa bị sụp đổ, há chẳng phải là không có ngọn nguồn của nó sau?

Các quan dâng tôn hiệu là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Hậu Đức Hiền Công Hựu Thuận Thánh Văn Thần Vũ Hiếu Nguyên Hoàng Đế.

Ban yến cho các quan ở điện Thiên An.

¹ Theo Thiên Tông chỉ nam tự trong Khóa hư lục thì Trần Thái Tông trốn khỏi kinh thành vào đêm mồng 3 tháng 4 năm Bính Thân (1236) và lên đến đỉnh Yên Tử vào ngày mồng 6 tháng 4 năm ấy. Như vậy là Toàn Thư chép sự việc này muộn hơn một năm

² Thuộc hai huyện Đông Triều và Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Tháng 2, dời dựng điện Linh Quang ở Đông Bộ Đầu, gọi là điện Phong Thủy. Khi xa giá dừng ở đây, các quan đưa đón, đều dâng trà cao và trà, nên tục gọi là điện Trà.

[11b] Mùa hạ, tháng 5, tết Đoan ngo làm lễ diều Khuất Nguyên và người hiền đời xưa như Giới Tử Thôi.v..Hằng năm cứ đến tháng này đều cử hành [lễ diều].

Mậu Tuất, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 7 [1238], (Tổng Gia Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, sai Thống quốc thái sư Trần Thủ Độ duyệt định sổ đinh phủ Thanh Hoá.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ tràn vào cung Thường Xuân.

Tháng 8, định quy chế thuyền xe cho vương hầu, công chúa, các quan văn võ và người tông thất.

Ban yến cho các quan từ ngũ phẩm trở lên ở điện Bát Giác.

Kỷ Hợi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 8 [1239], (Tổng Gia Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, lại cho Phùng Tá Chu chúc Nhập nội thái phó. Sai [Chu] về hương Tức Mặc xây dựng nhà cửa, cung điện.

Tháng 2, thi thái học sinh. Đễ đệ nhất giáp là Lưu Miễn, Vương Giát; đệ nhị giáp là Ngô Khắc; đệ tam giáp là Vương Thế Lộc.

[12a] Kiểu Hiền làm loạn.

Canh Tý, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 9 [1240], (Tổng Gia Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Phùng Tá Chu dựng 5 sở hành cung ở phủ Thanh Hoá.

Mùa thu, tháng 7, gió lớn, mưa to, động đất.

Tháng 9, ngày 25, hoàng đích trưởng tử là Hoàng sinh, lập làm Đông cung thái tử. Đại xá.

Mùa đông, tháng 10, quan đóng giữ Lạng Giang sai chạy trạm tâu về việc người phương Bắc đến bắt người cướp của dân cư trong hạt ấy. Vua sai thị thần là Bùi Khâm đến biên giới phía bắc để bày tỏ.

Tân Sửu, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 10 [1241], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, chọn người có sức khoẻ, am hiểu võ nghệ sung làm quân Túc vệ thượng đô.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán, núi nhiều nơi bị lở, ở chợ Dừa¹, đất toác ra.

Tháng 9, xuống chiếu cho các ty xét án được lấy tiền bình bạc² (bình tức là xét, trước có ty bình bạc cũng là thế).

Mùa đông, tháng 10, người Man phương bắc đến cướp biên giới. Sai đốc tướng Phạm Kính Ân đi đánh lấy được các động Man rồi về.

Hoàng tử thứ ba Quang Khải sinh, là em cùng mẹ với thái tử Hoảng. Quốc Khang là anh trưởng, sau đều phong đại vương. Thứ đến Nhật Vinh, Ích Tắc, Chiêu Văn, đều phong vương. Thứ nữa thì phong thượng vị hầu. Con trưởng của các vương thì phong vương, các con thứ thì phong thượng vị hầu, coi đó là chế độ lâu dài.

Vua thân hành cầm quân đi đánh các trại Vĩnh An, Vĩnh Bình³ của nước Tống phía đường bộ, vượt qua châu Khâm, châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, bỏ thuyền lớn ở trong cũi, chỉ đi bằng các thuyền nhỏ Kim Phụng, Nhật Quang, Nguyệt Quang. Người châu ấy không biết là vua, đều sợ hãi chạy trốn. Đến sau biết là vua mới chằng xích sắt giữa sông để chặn đường thủy. [13a]. Khi trở về, vua sai nhổ lấy vài chục cái neo đem về.

¹ CMCB6 chép là phường Thịnh Quang có ô Chợ Dừa ở phía nam Hà Nội nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

² Tức tiền xét án.

³ Trại Vĩnh An của Tống thuộc đất châu Khâm, giáp với vùng Móng Cái, Quảng Ninh của ta. Trại Vĩnh Bình của Tống thuộc đất châu Ung, giáp với vùng Lộc Bình, Lạng Sơn của ta.

Phùng Tá Chu mất.

Nhâm Dần, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 11 [1242], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, chia nước làm 12 lộ¹. Đặt chức an phủ, trấn phủ, có 2 viên chánh, phó để cai trị. Các xã, sách thì đặt chức đại, tiểu tư xã. Từ ngũ phẩm trở lên là đại tư xã, từ lục phẩm trở xuống là tiểu tư xã. Có người làm kiêm cả 2, 3, 4, xã, cùng xã chính, xã sử, xã giám gọi là xã quan.

Làm đơn số² hộ khẩu. Con trai lớn gọi là đại hoàng nam, con trai nhỏ gọi là tiểu hoàng nam, 60 tuổi gọi là lão, già lắm thì gọi là long lão. Nhân đinh có ruộng đất thì nộp tiền thóc, người không có ruộng đất thì miễn cả. Có 1, 2 mẫu ruộng thì nộp 1 quan tiền, có 3, 3 mẫu thì nộp 2 quan tiền, có từ 5 mẫu trở lên thì nộp 3 quan tiền. Tô ruộng mỗi mẫu nộp 100 thăng thóc.

Mùa hạ, tháng 4, sai [13b] Thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh đem quân trấn giữ biên giới phía bắc, đánh lấy các đất thuộc lộ Bằng Trường.

Trước kia, từ sau khi Nguyên Thái Tông mất, thì cửa ải thường không thông. Nếu có sứ mệnh thì chỉ có hai viên chánh phó sứ và hai bọn người đi theo, còn sản vật tiến cống có bao nhiêu thì gói bọc đưa đến địa đầu biên giới, quan địa phương nhận giữ và chuyển nộp. Sứ thần đến kinh, chỉ dâng biểu tâu thôi, các vật tiến cống không đến nơi cả được. Đến nay, sai tướng chống giữ, đánh chiếm mới thông hiếu được với nước Tống.

Tháng 5, tháng 6, hạn hán, soát tù, đại xá.

Mùa thu, tháng 7, mưa. Miễn một nửa tô ruộng.

Tháng 9, ngày canh thìn, mồng 1, nhật thực.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, rồng vàng hiện.

Quý Mão, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 2 [1243], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, lệnh cho quan các lộ làm sổ dân đinh, [14a] hạn trong hai tháng phải xong.

Tháng 2, đắp thành nội, gọi là thành Long Phượng và trùng tu Quốc tử giám.

Mùa hạ, tháng 6, sai viên ngoại lang Trương Thất xét xử các án ở Đô vệ phủ.

Mùa thu, tháng 8, nước to, vỡ thành Đại La.

Mùa đông, tháng 10, chọn người bổ sung vào các quân bộ đ? sai khiến.

Giáp Thìn, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 13 [1244], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai các văn thần chia nhau đi trị nhậm các phủ, lộ trong nước gồm 12 nơi. Phủ có tri phủ, lộ có thông phán, châu có tào vận sứ và phó sứ, giữ việc vận chở.

Định các cách thức về luật hình.

Tháng 3, cho Phùng Tá Khang, cha Phùng Tá Chu, làm tả nhai đạo lục, tước Tả Lang.

Bấy giờ các vương hầu bổ quan tăng đạo thì gọi là Tả nhai, vì không thể cho đứng vào hàng ngũ các quan trong triều. Tả nhai là phẩm cao nhất của tăng đạo. Không phải là người thông thạo [14b] tôn giáo của mình thì không được dự càn. Nay đem phong cho Tá Khang là lễ ưu hậu lắm.

Mùa đông, tháng 10, qui định lương bổng cho các quan làm việc trong ngoài và các quan túc vệ.

¹ MCB6 chép danh sách 12 lộ là Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng Khoái, Thanh Hoá, Hoàng Giang, Diễn Châu. Danh sách này chưa hẳn đúng và đủ tên các lộ thời Trần. An Nam chí lược của Lê Trắc đưa ra một danh sách 15 lộ, nhưng chỉ có 6 lộ là có tên trong danh sách của Cương mục.

² Xem sự việc chép về năm Mậu Tý (1228) ở trên.

Ất Ty, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 14 [1245], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự hành cung Ứng Phong (nay là phủ Kiến Hưng)¹.

Mùa thu, tháng 8, nước to, vỡ đê Thanh Đàm².

Mùa đông, tháng 12, gió to, mưa lớn 3 ngày, nước sông tràn ngập, rãn, cá chết nhiều.

Bính Ngọ, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 15 [1246], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 6, Nguyên Định Tông, Quý Do³ năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, định quy chế các quận.

Chọn người khoẻ mạnh sung làm quân Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần⁴. Định tráng lộ Thiên Trường⁵ và Long Hưng⁶, sung vào các quân Thiên thuộc, Thiên cương, Chương thánh và Cung thần; lộ Hồng⁷ và lộ Khoái⁸ sung quân tả hữu Thánh dực; lộ Trường Yên⁹ và lộ Kiến Xương¹⁰ sung vào Thánh dực, Thần sách. Còn các lộ khác thì sung vào cấm quân trong Cấm vệ. Hạng thứ ba thì sung vào đoàn đội trạo nhi¹¹ [15a] (có sách chép là phong đội).

Tháng 3, xét duyệt các quan văn, võ, trong ngoài. .

Cứ 15 năm 1 lần xét duyệt, 10 năm thăng tước 1 cấp, 15 năm thăng chức 1 bậc. Chức quan nào khuyết thì chức chánh kiêm chức phó. Chánh phó đều khuyết thì lấy quan khác tạm giữ, đợi đủ hạn xét duyệt thì bổ chức ấy.

Bấy giờ quốc gia vô sự, nhân dân yên vui, người làm quan giữ mãi một chức, người ở quán, các 10 năm mới được xuất thân, người ở sảnh, cục 15 năm mới được xuất thân, chức tể tướng thì chọn người hiền năng trong tôn thất, có đạo đức, tài nghệ, thông hiểu thi thư thì cho làm.

Mùa hạ, thạnh, tháp trên núi Long Đội đổ.

Mùa thu, tháng 7, định lệ thi tiến sĩ, cứ 7 năm 1 khoa.

Mùa đông, tháng 12, cho Trương Mông làm Ngự sử đại phu (Mông người Thanh Hóa, có hùng tài).

Đinh Mùi, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 16 [1247], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Ban cho Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên [15b] Lê Văn Hưu đỗ bảng nhãn; Đặng Ma La đỗ thám hoa lang. Cho 48 người đỗ thái học sinh, xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

¹ Phủ Kiến Hưng: hay phủ Nghĩa Hưng đời Lê là gồm đất 3 huyện: Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản, tỉnh Nam Hà ngày nay. Từ đời Lý đã có hành cung ở Ứng Phong, có lễ ở trong đất huyện Ý Yên.

² Đê Thanh Đàm: nay là đê Thanh Trì.

³ Quý Do tức hãn Mông Cổ Guyuk. Vì các bản khắc Toàn thư bị sút chữ hay in không rõ, nên chữ Do ở đây dễ bị đọc nhầm thành chữ Diên (Bản dịch cũ, tập II, 1971, tr.20).

⁴ Bản dịch cũ (tập II, 1971, tr.285) chú thích Tứ thiên là 4 vệ Thanh dực, Tứ thần là 4 vệ Thần sách. Nhưng theo các quân hiệu được chép ở đây thì lại có thể nghĩ rằng: Tứ thiên là 2 vệ (tả và hữu) của quân Thiên thuộc và 2 vệ của quân Thiên Chương; Tứ thánh là 2 vệ của quân Thánh dực và 2 vệ của quân Chương thánh; Tứ thần là 2 vệ của quân Thần sách và 2 vệ của quân Cung thần. Chú ý là đời Trần chỉ thấy nói đến các quân tả và hữu, chứ không gặp các quân tiền và hậu.

⁵ Vùng tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

⁶ Gồm phần lớn tỉnh Thái Bình ngày nay.

⁷ Vùng tây Hải Dương.

⁸ Vùng nam Hưng Yên.

⁹ Vùng tỉnh Ninh Bình.

¹⁰ Vùng nam Thái Bình ngày nay.

¹¹ Tức là đội chèo thuyền, thủy thủ của thuyền trên.

Trước đây, hai khóa Nhâm Thìn (1232) và Kỷ Hợi (1239) chia làm giáp, ất, chưa có chọn tam khôi¹. Đến khoa này mới đặt [tam khôi].

Mùa hạ, tháng 4, động đất.

Mùa thu, tháng 8, thi các khoa thông tam giáo. Ngô Tần (người Trà Lô đỗ giáp khoa, Đào Diễn, Hoàng Hoan (người Thanh Hóa) và Vũ Vị Phủ (người Hồng Châu) đỗ ất khoa.

Mậu Thân, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 17 [1248], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, đổi miếu hiệu của Huy Tông gọi là Thái Tổ, Thọ Lăng gọi là Huy Lăng.

Tháng 3, lệnh các lộ đắp đê phòng lụt, gọi là đê quai vạc, từ đầu nguồn đến bờ biển, để ngăn nước lũ tràn ngập.

Đặt hà đê chánh phó sứ đê quản đốc. Chỗ đắp thì đo xem mất bao nhiêu ruộng đất của dân, theo giá trả lại tiền [16a]. Đắp đê quai vạc là bắt đầu từ đó.

Mùa hạ, tháng 4, làm cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo, qua hồ Ngoạn Thiêm, đến quán Thái Thanh cung Cảnh Linh, cực kỳ tráng lệ.

Tháng 6, hoàng hậu Thuận Thiên băng, truy tôn là Hiến Tử Thuận Thiên hoàng thái hậu.

Sai các nhà phong thủy đi xem khắp núi sông cả nước, chỗ nào có vượng khí để vương thì dùng phép thuật để trấn yểm, như các việc đào sông Bà Lễ² đục núi Chiêu Bạc³ ở Thanh Hóa; còn lấp các khe ở kênh mở đường ngang dọc thì nhiều không kể xiết. Đó là làm theo lời Trần Thủ Độ.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ khi có trời đất này, thì đã có núi sông này, mà khí trời chuyển vận, thánh nhân ra đời, đều có số cả. Khí trời từ bắc chuyển xuống nam, hết nam rồi lại quay về bắc. Thánh nhân trăm năm mới sinh, đủ số lại trở lại từ đầu. Thời vận [16b] có lúc chậm lúc chóng, có khi thừa khi mau mà không đều, đại lược là thế, có can gì đến núi sông? Nếu bảo núi sông có thể lấy pháp thuật mà trấn áp, thì khí trời chuyển vận, thánh nhân ra đời có pháp thuật gì trấn áp được không? Ví như Tần Thủy Hoàng biết là phương đông nam có vượng khí thiên tử, đã mấy lần xuống phương ấy để trấn áp, mà rút cuộc Hán Cao vẫn nổi dậy, có trấn áp được đâu.

Kỷ Dậu, [Thiên Ứng Chính bình] năm thứ 18 [1249], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, trùng tu chùa Diên Hựu, xuống chiếu vẫn làm ở nền cũ.

Đại xá.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Nhâm Dần mồng 1, nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, mưa đá lớn.

Canh Tuất, [Thiên Ứng Chính Bình] năm thứ 19 [1250], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 10). Mùa xuân, tháng 3 động đất.

Xuống chiếu cho thiên hạ gọi vua là quan gia⁴.

Đổi Đô vệ phủ làm Tam ty viện, gồm các viện Phụng tuyên, Thanh túc, Hiến chính.

Mùa hạ, tháng 5, xuống chiếu các việc kiện tụng đã thành án, phải cùng quan thẩm hình viện xem xét định tội.

¹ Tam khôi: là ba bậc đỗ đầu gồm trạng nguyên, bảng nhãn và thám hoa.

² CMCB6 chép là sông Bà Mã. Nguyên văn: "Bà Lễ giang", có lẽ là sông Bà Mã và sông Lễ gọi tắt. Bà Mã tu'c sông Mã ở Thanh Hóa, còn sông Lễ thì Cương mục chú là sông Mã, nhưng có lẽ là sông Chu.

³ Núi Chiêu Bạc: Bản dịch cũ chú có lẽ là núi Chiêu Bạch (hiện có sông Chiêu Bạch) ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

⁴ Nguyên văn là "quốc gia", ngờ là bản in nhầm. Vì "quan gia" là tiếng để gọi vua đời Trần, thường hay gặp. Chưa có sách nào gọi vua là "quốc gia". Chúng tôi sửa lại.

[17a] cho Lê Phụ Trần làm Ngự sử trung tướng, tri Tam ty viện sự.

Mùa thu, tháng 7, cho Minh tự Lưu Miễn làm an phủ sứ phủ lộ Thanh Hóa.

Tân Hợi, [Thiên Ưng Chính Bình] năm thứ 20 [1251] (Từ tháng 2 về sau là Nguyên Phong năm thứ 1, Tống Thuần Hựu năm thứ 11, Nguyên Hiến Tông Mông Kha năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 1, đổi nguyên hiệu là Nguyên Phong (năm thứ 1).

Vua tự viết bài minh ban cho các hoàng tử, dạy về trung, hiếu, hoà, tẫn, ôn, lượng, cung, kiệm.

Gả trưởng công chúa Thiên Thành cho Trung Thành Vương (không rõ tên). Con trai Yên Sinh Vương là Quốc Tuấn cướp lấy. Công chúa về với Quốc Tuấn.

Ngày 15 tháng ấy, vua mở hội lớn 7 ngày đêm, bày các tranh về lễ kết tóc¹ và nhiều trò chơi cho người trong triều ngoài nội đến xem, ý muốn cho công chúa Thiên Thành là lễ kết tóc với Trung Thành Vương.

Trước đó, vua cho công chúa Thiên Thành đến ở trong dinh Nhân Đạo Vương (Nhân Đạo Vương là cha Trung Thành Vương). Quốc Tuấn muốn lấy công chúa Thiên Thành, nhưng không làm thế nào được, mới nhân ban đêm lên vào **[17b]** chỗ ở của công chúa thông dâm với nàng.

Công chúa Thụy Bà (chị ruột của Thái Tông, cô của Quốc Tuấn, nuôi Quốc Tuấn làm con) liền đến gõ cửa điện cáo cấp. Người coi cửa vội vào tâu. Vua hỏi có việc gì, Thụy Bà trả lời:

"Không ngờ Quốc Tuấn ngông cuồng càn rỡ, đang đêm lên vào chỗ Thiên Thành, Nhân Đạo đã bắt giữ hẳn rồi, e sẽ bị hại, xin bệ hạ rủ lòng thương, sai người đến cứu"

Vua vội sai nội nhân đến dinh Nhân Đạo Vương. Đến nơi, thấy yên lặng, bèn vào chỗ Thiên Thành, thì thấy Quốc Tuấn đã ở đấy. Nhân Đạo bấy giờ mới biết chuyện.

Hôm sau, Thụy Bà dâng 10 mâm vàng sống, tâu rằng: " Vì vội vàng nên không sắm được đủ lễ vật".

Vua bắt đặc dĩ phải gả công chúa Thiên Thành cho Quốc Tuấn, lấy 2000 khoảnh ruộng ở phủ Ứng Thiên² để hoàn lại sính vật cho Trung Thành Vương.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Con gái vua lấy kẻ bề dưới tất phải sai chur hầu cùng họ đứng ra làm chủ hôn **[18a]** theo lễ phải thế. Thái Tông đem Thiên Thành công chúa gả xuống cho Trung Thành Vương, nhưng công chúa lại về với Hưng Đạo Vương, việc hôn nhân rất là bất chính. Thế thì lễ cưới này không ai đứng chủ ư? Vì vua đã bất chính trong đạo vợ chồng, cho người làm tôi con cũng bất chính. Và lại, hôn nhân không lấy người khác họ mà lấy người cùng họ, thì chỉ có nhà Trần làm thế. Trong việc trái lễ, lại trái lễ nữa.

Vua ban yến ở nội điện, các quan đều dự. Đến khi say, mọi người đứng cả dậy, dang tay mà hát. Ngự sử trung tướng (sau đổi là Trung úy) Trần Chu Phổ Cũng dang tay theo mọi người, nhưng không hát câu gì khác, chỉ nói: "Sử quan ca rằng, sử quan ca rằng".

Sau này, trong yến tiệc, có người đội mo nang, cầm dùi làm tửu lệnh thì lại càng thô bỉ lắm.

[18b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xem thế đủ thấy, tuy bấy giờ vua tôi cùng vui, không gò bó vào lễ pháp, cũng là điều giản dị, chất phát của phong tục, nhưng không còn chừng mực gì nữa. Hữu Tử nói: "Biết được hòa đồng rồi hòa đồng, nhưng không lấy lễ mà tiết chế, thì cũng không thể làm được" Ngự sử là bề tôi giữ việc can ngăn, chức

¹ Nguyên văn là "trần hợp kế đồ", có người hiểu "đồ" theo nghĩa Nôm là "đồ đạc". CMCb6 chép là "bày đồ quý báu".

² Tức phủ Ứng Hoa đời sau, tương ứng với các huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.

phận là phải uốn nắn, đã không nói thì thôi, lại còn vào hùa với họ thì kỷ cương của triều đình để đâu?

Mùa hạ, tháng 4, Yên Sinh Vương Liễu mất, thọ 41 tuổi, gia phong đại vương.

Phạm Kính Ân mất (Kính Ân là thái úy quan nội hầu của triều Lý cũ).

Nhâm Tý, Nguyên Phong năm thứ 2 [1252], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, vua thân đi đánh Chiêm Thành, sai Khâm Thiên Đại vương Nhật Hiệu làm lưu thủ.

Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy yếu, thường đem thuyền nhẹ **[19a]** đến cướp bóc dân cư ven biển. Vua lên ngôi, lấy đức vỗ về, sai sứ sang dụ, tuy họ có thường sang cống, nhưng lại đòi xin lại đất cũ, và có ý dòm ngó [nước ta]. Vua giận, nên có việc thân chinh này.

Mùa đông, tháng 12, bắt được vợ của chúa Chiêm Thành là Bồ Da La và nhiều thần thiếp, nhân dân của y rồi về.

(Có thuyết nói bắt được chúa Chiêm Thành Bồ Da La là sai. Nếu quả như thế thì Lê Văn Hưu làm Sử ký sao không dẫn để ca ngợi cùng với việc bắt được Sạ Đầu. Nay theo [Phan] Phu Tiên là phải).

Quý Sửu, Nguyên Phong năm thứ 3 [1253], (Tổng Bảo Hựu năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, cho Khâm Thiên Đại Vương Nhật Hiệu làm Thái úy.

Tháng 6, lập Quốc học viện. Đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Á Thánh (Mạnh Tử), vẽ tranh 72 người hiền¹ để thờ.

Mùa thu, tháng 8, lập Giảng võ đường.

Tháng 9, xuống chiếu vời nho sĩ trong nước đến Quốc tử viện giảng tứ thư lục kinh.

Giáp Dần, [Nguyên Phong] năm thứ 4 [1254], (Tổng Bảo Hựu năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 5, định quy chế xe kiệu, mũ áo và người hầu cho tôn thất và các quan văn võ **[19b]** theo thứ bậc khác nhau.

Từ tông thất cho đến quan ngũ phẩm đều được đi kiệu, ngựa và võng. Tôn thất thì kiệu đầu tròn chạm phượng sơn son, tướng quốc thì kiệu đầu tròn chạm vệt sơn đen, lọng tía; từ tam phẩm trở lên thì kiệu đầu tròn chạm mây, lọng xanh; từ tứ phẩm đến lục phẩm thì kiệu đầu tròn bằng dầu; ngũ phẩm trở lên thì lọng xanh; lục thất phẩm thì lọng giấy đen. Người theo hầu nhiều thì 1.000 người, ít thì 100 người.

Bấy giờ các vương hầu phần nhiều coi việc đánh nhau bằng tay không và một mình đi cướp là dũng cảm. Vũ Uy vương Duy (con Thái Tông) cũng làm thế. Một hôm, Vũ Uy [Vương] đánh nhau tay không ở Đông Bộ Đầu, vua vi hành qua đấy trông thấy hỏi rằng:

"Người béo và trắng kia là ai, bắt lại đây để sai bảo".

Vũ Uy [Vương] nghe thế trốn mất.

Tháng 6, bán ruộng công², mỗi diện là 5 quan tiền (bấy giờ gọi mẫu là diện), cho phép nhân dân mua làm ruộng tư.

[20a] Mùa đông, tháng 10, ban tiền cho Phạm Ứng Mộng, bảo tự hoạn để vào hầu.

Trước đó, vua nằm mơ đi chơi thấy thần nhân chỉ một người bảo vua: "Người này có thể làm hànhnh khiển". Tỉnh dậy, không biết là người nào.

Một hôm tan buổi chiều, vua ngự ra ngoài thành, thấy một người con trai theo học ở cửa nam thành, hành dáng giống hệt người trong mộng, Vua gọi đến hỏi, người đó ứng đối giống như những lời trong mộng. Vua muốn trao cho chức hànhnh khiển, nhưng thấy khó, mới cho 400 quan tiền bảo tự hoạn,

¹ Chỉ 72 học trò xuất sắc của Khổng Tử (Thất thập nhị hiền).

² Nguyên văn chữ Hán là "quan điền".

ban tên là Ứng Mộng. Sau này thăng dần đến chức hành khiển. Đó là bắt chước lệ cũ của triều Lý, dùng Lý Thường Kiệt và Lý Thường Hiến vậy.

Ất Mão, [Nguyên Phong] năm thứ 5 [1255], (Tổng Bảo Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sai Lưu Miễn bồi đắp đê sông các xứ ở Thanh Hóa.

Mùa hạ, tháng 4, chọn tẩn quan làm hà đê chánh phó sứ các lộ. Khi việc làm ruộng nhàn rỗi [20b] thì đốc thúc quân lính đắp đê đắp, đào mương ngòi để phòng lụt, hạn.

Hoàng tử thứ 6 Nhật Duật sinh.

Trước đó, đạo sĩ cung Thái Thanh tên là Thâm cầu tự cho vua. Đọc số xong [đạo sĩ] tâu vua: "Thượng đế đã y lời số tấu, sắp sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh, ở trần thế bốn kỳ". Thế rồi hậu cung có mang. Sau quả nhiên sinh con trai, hai cánh tay có chữ "Chiêu Văn đồng tử", nét tử rất rõ, vì thế đặt hiệu là Chiêu Văn (Tức là Nhật Duật). Lớn lên, nét chữ mới mất đi.

Đến năm [Nhật Duật] 48 tuổi, bị ốm hơn 1 tháng, các con ông làm chay, xin giảm tuổi thọ của mình để kéo dài tuổi thọ cho cha. Đạo sĩ đọc số xong, đứng dậy nói:

Thượng đế xem số xong, cười bảo: "Sao hãn quyền luyến trần trực muốn ở lại lâu thế, nhưng các con hãn thực lòng hiếu thảo, cũng đáng cho. Thôi cho thêm hai kỳ nữa".

Bệnh liền khỏi. Sau Nhật Duật mất, thọ 77 tuổi, thế là được đủ 6 kỳ lẻ 5 năm.

[21a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Việc đạo sĩ cầu tự, cho là đúng như thế chăng? Thì đạo trời xa, không thể biết được. Cho là không như thế chăng? Thì lòng thành cảm hóa, xa mấy mà chẳng tới được. Song, khi đạo sĩ rập lay đợi mệnh trời, có lẽ trời hiện điềm bao để bảo cho. Kể ra số và lý nương tựa lẫn nhau, lý sinh ra từ số, số cũng chưa bao giờ không sinh ra từ lý, mệnh dài ngắn là số, lòng hiếu thành là lý. Có người bảo rằng đạo sĩ có thể nắm tính mạng bay lên được, nhưng tôi không tin.

Tháng 5, trồng 500 trượng toàn cây muỗm (suốt từ bến Hồng đến đê quai vạc Cầu Thần).

Mùa thu, tháng 8, nước to, vua ngự chơi Hồ Tây.

Mùa đông, tháng 10, Vua ngự đến hành cung phủ Thiên Trường.

Bính Thìn, [Nguyên Phong] năm thứ 6 [1256], (Tổng Bảo Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Ban cho Trần [21b] Quốc Lặc đồ kinh trạng nguyên; Trương Xán đồ trại trạng nguyên; Chu Hình đồ bảng nhãn; Trần Uyên đồ thám hoa lang¹. Lấy đồ thái học sinh 43 người (kinh 42 người, trại 1 người), xuất thân có thứ bậc khác nhau.

Hồi quốc sơ, cử người chưa phân kinh trại, người đồ đầu ban cho [danh hiệu] trạng nguyên. Đến nay, chia Thanh Hóa, Nghệ An làm trại, cho nên có phân biệt kinh trại.

Tháng 3, nhuận, đúc 330 quả chuông.

Mùa hạ, tháng 5, sét đánh điện Thiên An, lại đánh cung Thái Thanh, tượng Thiên Tôn gãy mất một ngón tay.

Vét sông Tô Lịch.

Mùa thu, tháng 7, Vũ Thành Vương Doãn đem cả nhà trốn sang nước Tống. Thổ quan Tư Minh là Hoàng Bính bắt lại đưa trả cho ta.

¹ CMCB6 chú Quốc Lặc người huyện Thanh Lâm (châu Hồng); Trương Xán người huyện Tế Giang (lộ Bắc Giang); Trần Uyên người huyện Đường Hào (châu Hồng).

(Doãn là con Yên Sinh Vương do Hiễn Từ sinh. Yên Sinh có hiềm khích với vua, đến khi Hiễn Từ mất, bị thất thế, nên trốn sang nước Tống). Vua thưởng vàng lụa cho Bính. Do đấy việc giữ phòng quan ài càng thêm nghiêm ngặt.

Đinh Ty, [Nguyên Phong] năm thứ 7 [1257], (Tổng Bảo Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, Hoàng Bính đem cả nhà đến cửa khuyết, dâng con gái **[22a]** vào cung. Vua nhận, sách phong làm Huệ Túc phu nhân.

Mùa thu, tháng 8, chủ trại Quy Hóa¹ là Hà Khuất sai chạy trạm tâu [vua] là có sứ Nguyên sang.

Tháng 9, xuống chiếu, lệnh tả hữu tướng quân đem quân thủy bộ ra ngăn giữ biên giới, theo sự tiết chế của Quốc Tuấn.

Mùa đông, tháng 11, lệnh truyền cả nước sắm sửa vũ khí.

Tháng 12, ngày 12, tướng Nguyên Ngột Lương Hợp Đài² xâm phạm Bình Lệ Nguyên³.

Vua thân hành đốc chiến, xông pha tên đạn. Quan quân hơi núng, vua ngoảnh trông tả hữu, chỉ có Lê Phụ Trần (tức Lê Trần) một mình một ngựa, ra vào trận giặc, sắc mặt bình thản như không.

Lúc ấy, có người khuyên vua dừng lại⁴ để chỉ huy chiến đấu. Phụ Trần cố sức can vua:

"Nay thì bệ hạ chỉ đánh một ván dốc túi thôi! Hãy nên tạm lánh chúng, sao lại có thể dễ dàng tin lời người ta thế!".

Bấy giờ, vua mới lui quân đóng ở sông Lô⁵. Phụ Trần giữ phía sau. Quân giặc bắn loạn xạ, Phụ Trần lấy ván thuyền che cho vua khỏi trúng tên giặc.

Thế giặc rất mạnh, [vua] lại phải lui giữ sông Thiên Mạc⁶. Phụ Trần theo vua bàn những việc cơ mật, rất ít người biết được đều đó.

[22b] Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền Thái úy Nhật Hiệu hỏi kể sách (chống giặc). Nhật Hiệu đương dựa mạn thuyền, cứ ngồi chứ không đứng dậy nổi, chỉ lấy ngón tay chấm nước viết hai chữ "nhập Tống"⁷ lên mạn thuyền. Vua hỏi quân Tinh Cương ở đâu? (Tinh Cương là quân do Nhật Hiệu chỉ huy). Nhật Hiệu trả lời:

"Không gọi được chúng đến"

Vua lập tức dời thuyền đến hỏi Thái sư Trần Thủ Độ, Thủ Độ trả lời:

"Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhật Hiệu là đại thần cùng họ với vua. Giặc đến, khiếp sợ, hèn nhát, không có kế sách chống giữ, lại còn kiếm cách xui vua mình chạy đi ở nhờ nước khác, thì còn dùng hăn làm tướng làm gì?

¹ Trại Quy Hóa: thời Trần gồm đất tỉnh Yên Bái, phần hữu ngạn sông Hồng và đất các huyện sông Thao, Thanh Hòa và Yên Lập, tỉnh Vĩnh Phú hiện nay.

² Tên Mông Cổ là Uy-ry-ang-kha-đai (Uriyangqadai), có sách phiên âm là Ngột Lương Hợp Thai hay Ngột Lương Cáp Thai.

³ Có lẽ là chỗ sông Cà Lồ gặp quốc lộ số 2, tức là vùng gần Hương Canh, huyện Bình Xuyên (nay là huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú).

⁴ Nguyên văn: "Khuyến để trú địch thị chiến". "Trú địch" nghĩa là "ở lại địch trạm", dùng ở đây không phù hợp. Chúng tôi ngờ rằng đó là hai chữ "trú tất" có nghĩa là "dừng lại", "dừng xe ngựa", một kiểu nói đối với vua. Chữ tất đã bị chép lầm thành chữ dịch do dạng chữ gần giống nhau.

⁵ Thời Trần, gọi đoạn sông Hồng từ Bạch Hạc trở xuống là sông Lô.

⁶ Sông Thiên Mạc: theo Cương mục là khúc sông Hồng chảy qua vùng bãi Mạn Trù, nay thuộc xã Tân Châu, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

⁷ "Nhập Tống" nghĩa là chạy vào đất Tống. Bấy giờ nhà Tống còn giữ miền nam nước Tống.

Ngày 24, vua và Thái Tử ngự lâu thuyền, tiến quân đến Đông Bộ Đầu, đón đánh, cả phá được quân giặc. Quân Nguyên chạy trốn về, đến trại Quy Hóa, chủ trại là Hà Bồng chiêu tập người Man **[23a]** ra tập kích, lại cả phá bọn chúng.

Khi ấy, người Nguyên mới lấy được Vân Nam, bọn du binh¹ cướp đến, không có ý đánh chiếm, nên bây giờ người ta gọi chúng là "giặc Phật". Giặc rút, ban cho Bồng tước hầu.

Tha tội cho tiểu hiệu Hoàng Cự Đà.

Trước kia có lần vua ban xoài cho những người hầu cận, Cự Đà không được ăn. Đến khi quân Nguyên tới Đông Bộ Đầu, Cự Đà ngồi thuyền nhẹ chạy trốn. Đến Hoàng giang² gặp hoàng thái tử đi thuyền ngược lên, Đà lánh sang bờ sông bên kia, thuyền chạy rất gấp. Quan quân gọi lớn: "Quân Nguyên ở đâu".

Cự Đà trả lời:

"Không biết, đi mà hỏi những người ăn xoài ấy".

Đến đây, thái tử xin phép Cự Đà vào cực hình để răn những kẻ làm tội bất trung. Vua nói:

"Cự Đà tội đáng giết cả họ, song đời xưa đã có chuyện Dương Châm không được ăn thịt dê, đến nỗi làm quân nước Trịnh bị thua³. Việc Cự Đà là lỗi ở ta, tha cho hắn tội chết, cho phép hắn đánh giặc chuộc tội".

Khi vua thân hành thống lĩnh sáu quân **[23b]** đi chống giặc, quan giữ ấn vội vàng giấu ấn báu lên rường điện Đại Minh, chỉ đem ấn nội mật đi theo. Giữa đường, ấn ấy lại mất. Giấy tờ trong quân không có ấn. Vua sai thợ khắc gỗ làm ấn. Đến khi xa giá về kinh, lại có người đem dâng con ấn bị mất, ấn báu giấu đi vẫn còn nguyên ở chỗ cũ.

Mậu Ngọ, [Nguyên Phong] năm thứ 8 [1258], (Từ tháng 3 về sau là Thánh Tông Thiệu Long năm thứ 1, Tống Bảo Hựu năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, vua ngự chính điện, cho trăm quan vào châu. Trăm họ yên nghiệp như cũ.

Định công phong tước: cho Lê Phụ Trần làm Ngự sử đại phu; lại đem công chúa Chiêu Thánh gả cho. Vua nói: "Trẫm không có Khanh, thì đâu có ngày nay. Khanh hãy cố gắng để cùng được trọn vẹn về sau".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua tôi nhà Trần coi thường đạo vợ chồng lại thấy ở đây **[24a]** lần nữa.

Sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống.

Sai Lê Phụ Trần, Chu Bác Lãm sang Nguyên.

lúc này, sứ Nguyên sang đòi lễ vật hằng năm, đòi tăng thêm tiến cống, lung tung không định. Vua sai Lê Phụ Trần đi sứ, lấy Bác Lãm làm phó. Cuối cùng qui định 3 năm một lần tiến cống, coi là thường lệ.

Tháng 2, ngày 24, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Hoàng, lui ở Bắc Cung.

Thái tử lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiệu Long năm thứ 1. Đại xá. Vua tự xưng là Nhân Hoàng, tôn thượng hoàng là Hiến Nghiêu Thái Thượng Hoàng Đế.

¹ Du binh: Cánh quân nhỏ có nhiệm vụ tuần tra hay đột kích cũng gọi là du kỵ.

² Khúc sông Hồng ở phía trên Nam Định, khoảng ngã ba Tuần Vương.

³ Theo Tả truyện, Dương Châm là người đánh xe cho hoa Nguyên nước Tống. Tống và Trịnh sắp đánh nhau, Hoa Nguyên làm thịt dê cho binh sĩ ăn, nhưng không cho Dương Châm dự. Khi đánh nhau, Dương Châm nói: Thịt dê hôm trước là quyền ở ngoài, đánh nhau hôm nay là việc của tôi, rồi đánh xe chạy theo quân Trịnh, nước Tống do vậy bị thua. Chữ "Trịnh" ở Toàn thư phải sửa là chữ "Tống".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ khi Hạ Vũ truyền ngôi cho con thì cha chết con nối, anh chết em thay, đã thành phép thường mãi mãi.

Gia pháp họ Trần lại khác thế: con đã lớn [24b] thì cho nối ngôi chính, còn cha lui ở cung Thánh Từ, xưng là Thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. thực ra truyền ngôi chỉ để yên việc sau, phòng lúc vội vàng, chứ mọi việc đều do Thượng hoàng quyết định. Vua kể vị không khác gì hoàng thái tử cả. Như vậy thì có hợp đạo không?

Có lẽ là lấy nghĩa quẻ Càn lui ở phương tây bắc và quẻ Chấn tiến ra phương đông¹. Nhưng chưa đến lúc già nua thì không được lười mỏi. Sao bằng cứ truyền nối như Tam Vương để đúng lẽ thủy chung là hơn cả. Mạnh Tử nói: "Theo phép của Tiên Vương mà lỗi lầm thì chưa bao giờ có thể".

Các quan dâng tôn hiệu là Hiến Thiên Thể Đạo Đại Minh Quang Hiếu Hoàng đế.

Mùa thu, tháng 8, gió to, đỉnh tháp Báo Thiên rơi xuống.

Lấy con gái thứ năm của Yên Sinh Vương là Thiệu làm Thiên Cảm phu nhân. Ít lâu sau, phong làm hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, hoàng trưởng tử Khâm sinh.

Phong em là Quang Khải làm Chiêu Minh Đại Vương.

[25a] THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Hoàng, con trưởng dòng đích của Thái Tông. Mẹ là Hiến Từ Thuận Thiên hoàng thái hậu Lý thị, nhân Thái Tông chiêm bao thấy thượng đế trao cho gương báu, hậu có mang. Năm Canh Tý, Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 9 (1240) tháng 9, ngày 25, giờ Ngọ sinh, sau đó lập làm hoàng thái tử. Thái Tông băng², liền lên ngôi báu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 13 năm, thọ 51 tuổi, băng ở cung Nhân Thọ, táng ở Dụ Lăng. Vua trung hiếu nhân thứ, tôn hiền trọng đạo, cha khai sáng trước, con kế thừa sau, cơ nghiệp nhà Trần được bền vững vậy! Nhưng ưu du tam muội³, tìm dấu đạo nhất thừa⁴ thì không phải phép trị nước hay của đế vương.

Kỷ Mùi, Thiệu Long năm thứ 2 [1259], (Tổng Khai Khánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, phu nhân Trần Thủ Độ là Linh Từ quốc mẫu Trần thị mất.

Trần thị được gọi là quốc mẫu vì đó vốn là hiệu của Ngô phu nhân trước kia, tức là hoàng hậu [25b] Thái Tông thấy Linh Từ đã từng làm hoàng hậu của Lý Huệ Tông, không nỡ gọi là công chúa, cho nên phong làm quốc mẫu, cũng là biệt danh của hoàng hậu. Xe kiệu, mũ áo, quân hầu của bà đều ngang với hoàng hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Linh Từ trước lấy Lý Huệ Tông là bất chính, sau lấy Trần Thủ Độ là thất tiết. Thế nhưng con gái bà là Chiêu Hoàng nhường ngôi cho nhà Trần. Thuận Thiên lại là hoàng hậu của Thái Tông, sinh ra thánh Tông. Yên Sinh Vương

¹ Trong Bát quái, quẻ Càn chỉ cha, quẻ Chấn chỉ con trưởng.

² Đúng ra là Thái Tông nhường ngôi.

³ Tam muội: (hay Tam ma địa, Tam ma đế...) là phiên âm tiếng Phạn Samàdhi, có nghĩa là tập trung tư tưởng cao độ, được coi là thiền định (dhyàna) ở bậc cao. Theo Phật giáo, đạt được phép Tam muội thì lìa dứt được mọi tạp niệm, tà đoan, tâm linh không còn bị xao động nữa.

⁴ Nhất thừa: tiếng Phạn là ekayàna, có nghĩa là "cỗ xe duy nhất". Phật giáo quan niệm giáo pháp của mình là cỗ xe duy nhất có thể chở người ta đến Nát Bàn. Ở đây có nghĩa là giáo lý của nhà Phật.

có hiềm khích với Thái Tông, Linh Từ đã điều đình hòa giải, lại tình nghĩa anh em như xưa.

Đến khi người Nguyên tắt đường vào cướp, kinh thành thất thủ, Linh Từ ở Hoàng Giang, giữ gìn hoàng thái tử, cung phi, công chúa và vợ con các tướng soái thoát khỏi giặc cướp, lại khám xét thuyền các nhà chứa giấu quân khí đều đưa dùng vào việc quân. Công của bà giúp nhà Trần trong việc nội trị thì nhiều mà phần báo đáp nhà Lý thì [26a] không được bằng. Thế mới biết trời sinh Linh Từ là để mở nghiệp nhà Trần. Việc thì giống như Đờ Sơn dấy nhà Hạ¹, mà đức thì không giống. Đạo biến của trời như thế đấy, huyền vi thay!

Mùa hạ, tháng 6, cho Nguyên Giới Huân làm Đại hành khiển, Thượng thư tả phụ, Lê Phụ Trần làm Thủy quân đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, bái yết sơn lăng. Đặt quan sơn lăng và phong cung tần của tiên đế để thờ phụng.

Tháng 9, lấy ngày sinh làm tiết Hưng Thiên.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 4, Thượng hoàng ngự Bắc cung (tức cung Thánh Từ), các quan đến châu mừng.

Canh Thân, [Thiệu Long] năm thứ 3 [1260], (Tổng Cảnh Định năm thứ 1. Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt² Trung Thống năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 1 Mậu Thìn, nhật thực.

Ngày 25, mặt trời có hai quầng, quầng bên trong có sắc vàng.

Tân Dậu, [Thiệu Long] năm thứ 4 [1261], (Tổng Cảnh Định năm thứ 2, Nguyên Trung Tông năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, chọn đình tráng các lộ làm lính. [26b] còn thì sung làm sắc dịch các sảnh, viện, cục và đội tuyển phong các phủ, lộ, huyện.

Thi lại viên bằng viết chữ và làm tính. Người đỗ sung làm duyên lại nội lệnh sử. Các ty thái y, thái chúc, khảo thi những người tinh thông nghề mình để bổ các chức.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Nguyên sai Lê bộ lang trung Mạnh Giáp, Viên ngoại lang Lý Văn Tuấn, đưa thư sang dụ.

(Thư đại lược nói: Quan liêu sĩ thứ An Nam, phạm các việc mũ áo, lễ nhạc, phong tục đều căn cứ theo lệ cũ của nước mình, không phải thay đổi. Huống chi, nước Cao Ly mới rồi sai sứ sang xem, đã xuống chiếu cho hết thầy đều theo lệ ấy. Ngoài ra đã răn bảo biên tướng ở Vân Nam không được tự tiện đem quân lấn cướp nơi cương giới, quấy nhiễu nhân dân. Quan liêu sĩ thứ nước người hãy yên ổn làm ăn như cũ)³.

Đãi yến bọn Mạnh Giáp ở cung Thán Từ.

Sai Thông thị đại phu Trần Phụng Công, Chư vệ ký ban Nguyễn Thám, Viên ngoại lang Nguyễn Diển mang thư sang Nguyên thông hiếu.

Nhà Nguyên phong vua làm An Nam Quốc Vương, ban cho 3 tấm gấm tây, 6 tấm gấm kim thực.

Cho Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Thái úy. Bấy giờ, anh vua [27a] là Quốc Khang lớn tuổi hơn, nhưng tài năng tầm thường, nên phong Quang Khải làm tướng.

¹ Theo truyền thuyết Trung Quốc, Đại Vũ thay Cổn trị thủy, đến Đờ Sơn, gặp người con gái biến thành con cáo trắng 9 đuôi, Vũ lấy người đó. Người con gái Đờ Sơn đã giúp Vũ hoàn thành công việc trị thủy. Sau Vũ được vua Thuấn truyền ngôi, trở thành ông vua đầu tiên của nhà Hạ.

² Tên Mông Cổ là Khu-bi-lai (Qubilai), thư tịch Trung Quốc phiên âm là Hốt Tất Liệt hay Hốt Tất Lai. Hốt Tất Liệt lên ngôi năm 1260, miếu hiệu là Nguyên Thế Tổ, niên hiệu là Trung Thống.

³ Đây là nội dung tóm tắt tờ chiếu thư của Hốt Tất Liệt. Nguyên văn xem An Nam chí lược, quyển 2, phần Đại Nguyên chiếu thế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Theo quy chế nhà Trần, các vương hầu đều ở phủ đệ nơi hương ấp của mình, khi châu hầu thì đến kinh đô, xong việc lại về phủ đệ. Như Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quắc Hương, Quốc Chấn ở Chí Linh đều thế cả. Đến khi vào triều làm tể tướng, mới thống lĩnh việc nước. Nhưng cũng chỉ nắm đại cương thôi, còn quyền thì thuộc về hành khiển. Người khinh lại thành trọng, người trọng lại thành khinh, mà không phải lo thêm một tầng công việc, cũng là có ý bảo toàn vậy. Và lại, như năm Đinh Tỵ dời Nguyên Phong, giặc Nguyên sang cướp, các vương hầu cũng đem gia đồng và hướng binh thổ hào làm quân cần vương. Trong sự biến đời Đại Định¹ lại đem người thôn trang sắm sửa nghi trượng đi đón vua, đó cũng làm vững cái thế "duy thành"² vậy.

[27b] Nhâm Tuất, [Thiệu Long] năm thứ 5 [1262], (Tổng Cảnh Định năm thứ 3, Nguyên Trung Thống năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, thượng hoàng ngự đến hành cung Tức Mặc, ban tiệc lớn. Các hương lão từ 60 tuổi trở lên, mỗi người được ban tước hai tư³, đàn bà được hai tấm lụa.

Đổi hương Tức Mặc làm phủ Thiên Trường, cung gọi là Trùng Quang. Lại xây riêng một khu cung khác cho vua nổi ngôi ngự khi về châu, gọi là cung Trùng Hoa. Lại làm chùa ở phía tây cung Trùng Quang gọi là chùa Phổ Minh. Từ đó về sau, các vua nhường ngôi đều ngự ở cung này. Do đó, đặt sắc dịch hai cung để hầu hạ, lại đặt quan lưu thủ để trông coi.

Tháng 3, xuống chiếu cho các quân chế tạo vũ khí, chiến thuyền. Quân thủy, lục tập trận ở chín bãi phù sa sông Bạch Hạc⁴.

Mùa thu, tháng 9, soát tù, kẻ nào khi giặc Bắc sang mà đầu hàng quân Nguyên thì không tha. Chiêm thành sang cống.

Mùa đông, tháng 11, nước Nguyên sai bọn Mã Hợp Bộ⁵ 10 người sang hỏi về lễ khánh hạ.

Tháng 12, **[28a]**] mưa gió to.

Quý Hợi, [Thiệu Long] năm thứ 6 [1263], (Tổng Cảnh Định năm thứ 4, Nguyên Trung Thống năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Điện tiền chỉ huy sứ Phạm Cự Địa và Trần Kiều sang Nguyên. Vua Nguyên xuống chiếu ưu đãi, cho 3 năm một lần cống.

Tháng 2, mưa đá.

Tháng 3, sét đánh điện Thiên An

Mùa hạ, tháng 4, cho Lê Cư làm trại chủ Thanh Hoá

Mùa thu, tháng 7, Thủ Độ đi tuần các nguồn sông ở Lạng Sơn.

Tháng 9, có bệnh dịch

Mùa đông, tháng 12, gió lớn, mưa to.

Thổ quan phủ Tư Minh⁶ nước Tống là Hoàn Bính dâng sản vật địa phương và đem 1200 bộ thuộc sang quy phụ.

¹ Bản khắc **Toàn thư** đã khắc nhầm chữ Đại? thành chữ Thiên?. Đại Định là niên hiệu của Dương Nhật Lễ. Dương Nhật Lễ là con người phương chèo, cướp ngôi nhà Trần (1369), các vương hầu tôn thất nhà Trần đem quân đàn các nơi đón Trần Phủ (Trần Nghệ Tông) từ trấn Đà Giang về kinh đô giành lại ngôi vua cho nhà Trần.

² **Thi Kinh**, **Tiểu nhĩ** có câu: "Tông Tử duy thành" thường được hiểu với ý nghĩa là người tôn thất như bức thành bảo vệ triều đình, ý nói vương hầu tôn thất nhà Trần là bức tường thành bảo vệ ngai vàng vua Trần.

³ Quan chức đời xưa, mỗi cấp bậc chia làm nhiều tư, đủ số tư nhất định thì thăng một cấp.

⁴ Nguyên văn: "Bạch Hạc giang cửu phù sa", chưa rõ nghĩa, tạm dịch như trên.

⁵ **Mã Hợp Bộ**: là phiên âm của Mahmud (Ma-hơ-mút), một tín đồ Hồi giáo làm quan cho Hồ Tất Liệt.

⁶ Thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Giáp tý, [Thiệu Long] năm thứ 7 [1264], (Tổng Cảnh Định năm thứ 5, Nguyên Chí Nguyên năm thứ nhất). Mùa xuân, tháng giêng, Thái sư Trần Thủ Độ chết (thọ 71 tuổi), truy tặng Thượng phụ Thái sư Trung Vũ Đại Vương.

Thủ Độ tuy không có học vấn, nhưng tài lược [28b] hơn người, làm quan triều lý được mọi người suy tôn. Thái Tông lấy được lấy được thiên hạ đều nhờ mưu sức của ông cả. Vì thế ông được nhà nước dựa cậy, quyền át cả vua.

Bấy giờ có kẻ đàn hặc ông, vào gặp Thái Tông khóc mà nói rằng :

"Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao"?

Thái Tông lập tức lệnh xe ngự đến dinh Thủ Độ, bắt cả người đàn hặc ấy đem theo và nói hết những lời người ấy nói cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời: "Đúng như những lời hăn nói".

Rồi lấy ngay tiền lụa thưởng cho người ấy.

Linh từ quốc mẫu có làn ngòi kiêu đi qua thềm cấm, bị quân hiệu ngăn lại, về dinh khóc bảo Thủ Độ:

"Mụ này làm vợ ông, mà bị bọn quân hiệu khinh nhờn đến thế".

Thủ Độ tức giận, sai đi bắt. Người quân hiệu ấy nghĩ rằng mình chắc phải chết. Khi đến nơi, Thủ Độ vặn hỏi trước mặt, người quân hiệu ấy cứ theo sự thực trả lời. Thủ Độ nói: "Người ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì nữa". Lấy vàng lụa thưởng cho rồi cho về.

[29a] Thủ Độ có lần duyệt định sổ hộ khẩu, quốc mẫu xin riêng cho một người làm câu đương¹. Thủ Độ gặt đầu, rồi ghi họ tên quê quán của người đó. Khi xét duyệt đến xã ấy, hỏi tên mỗ ở đâu, người đó mừng rỡ bảo hăn:

"Người vì có công chúa xin cho được làm câu đương, không thể ví những câu đương khác được, phải chặt một ngón chân để phân biệt với người khác".

Người đó kêu van xin thôi mãi mới tha cho. Từ đó không ai dám đến thăm vì việc riêng nữa.

Thái Tông có lần muốn cho người anh của Thủ Độ là An Quốc làm tể tướng. Thủ Độ tâu :

"An Quốc là anh thần, nếu cho giỏi hơn thần thì thần xin trí sĩ, nếu cho thần giỏi hơn An Quốc thì không thể cử An Quốc. Nếu anh em đều làm tể tướng cả thì việc triều đình sẽ ra làm sao?".

Vua bèn thôi.

Thủ Độ tuy làm tể tướng, nhưng mọi việc không việc gì không để ý. Vì thế đã giúp nên vương nghiệp và giữ được tiếng tốt cho đến lúc mất. Thái Tông [29b] có làm bài văn bia ở sinh từ để tỏ lòng đặc biệt quý mến ông. Thế nhưng cái tội giết vua và thông dâm với hoàng hậu thì khó lẩn tránh với đời sau vậy.

Tháng 2, sao Chối hiện ở phương đông bắc.

Tháng 3, lấy Khâm Thiên Đại Vương Nhật Hiệu làm Tướng quốc thái úy, nắm chung việc nước.

Bấy giờ, vua cho Nhật Hiệu làm Thái sư, nhưng Nhật Hiệu cố ý từ chối không nhận vì xấu hổ về việc viết chữ lên mạn thuyền. Vua tuy cho ông không nhận chức Thái sư, nhưng lại ban thêm hai chữ "Tướng quốc", thành "Tướng quốc thái úy".

¹ Câu đương: chức dịch trong xã, giữ việc bắt bớ, giải tống.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 6, Thượng hoàng ban yến cho các quan ở điện Diên Hiền. Yến chưa xong, bỗng có sao Chổi xuất hiện ở phương đông bắc, đuôi dài suốt trời. Thượng hoàng ra xem và bảo :

" Ta xem sao Chổi này rất sáng, mà đuôi rất dài, không phải là tai họa của nước ta".

Lệnh cứ dự xong yến.

Tháng 10, mùa đông năm ấy, vua Tống băng.

Ất Sửu, [Thiệu Long] năm thứ 8 [1265], (Tổng Độ Tông Cơ, Hàm Thuần năm thứ nhất, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, nước Chiêm Thành sai sứ [30a] sang cống.

Tháng 3, đổi Bình bạc ty ở Kinh sư làm Đại an phủ sứ.

Theo chế độ trước, An phủ sứ qua trị nhậm các lộ, đủ lệ khảo duyệt thì vào làm An phủ sứ phủ Thiên Trường, lại đủ lệ khảo duyệt nữa thì bổ làm việc ở Thẩm hình viện, rồi mới được làm An phủ sứ Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ ở phường Cơ Xá. Người và súc vật bị chết đuối nhiều.

Đại xá.

Hoàng tử Đức Việp sinh .

Bính Dần, [Thiệu Long] năm thứ 9 [1266], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, sứ thần Chiêm Thành là Bồ Tin, Bồ Hoảng, Bồ Đột đến cống.

Tháng 2, nhà Nguyên sai Nậu Lạt Đinh¹ sang bảo:

"Trước kia, ta đã sai sứ sang thông hiếu, kẻ thừa hành u mê không cho sứ trở về² do đó ta mới có việc dụng binh năm trước³"

Vua sai Dương An Dưỡng và Vũ Hoàn sang Nguyên đáp lễ.

Tháng 3, mở khoa thi chọn học trò, Ban đố kinh trạng nguyên Trần Cổ, trại trạng nguyên Bạch Liêu; bảng nhãn (khuyết tên họ); thám hoa lang Hạ Nghi; thái học sinh [30b] 47 người, xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

Liêu người Nghệ An, tính thông minh nhớ lâu, đọc sách ngàn dòng một mạch. Bấy giờ, thượng tướng Quang Khải coi Nghệ An, Liêu làm môn khách mà không làm quan.

Tháng 2, thủy quân lộ Đông Hải đi tuần biên giới đến núi Ô Lô do đó biết được kỳ hạn quân Nguyên sang xâm lược.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu cho vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng bỏ hoang, lập thành điền trang. Vương hầu có trang thực bắt đầu từ đây.

Đinh Mão, [Thiệu Long] năm thứ 10 [1267], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 3, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 3, định ngọc điệp⁴ phá chính dòng họ vua của vương hầu, công chúa để phong ấm, gọi là "kim chi ngọc điệp"¹. Cháu 3 đời được phong tước hầu hay quận vương, cháu 4 đời được ban tước minh tự, cháu đời ban tước thượng phẩm [31a]. Tước phong theo ngũ phục đồ².

¹ Nậu Lạt Đinh là phiên âm từ Nu-rát-Din (Nurad-Din), một tín đồ Hồi Giáo làm quan cho nhà Nguyên, Nguyên sử phiên âm là Nột Lạt Đinh.

² Trước lần xâm lược Đại Việt năm 1258, nhà Nguyên sai sứ sang dọa nạt, yêu sách. Nhà Trần đã bắt giam bọn chúng.

³ Chỉ lần tiến quân xâm lược Đại Việt năm 1258 của quân Nguyên do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy.

⁴ Phả hệ của Hoàng gia gọi là "ngọc điệp".

Mùa hạ, tháng tư, chọn dùng nho sinh hay chữ sung vào quán, các, sảnh, viện.

Bấy giờ Đặng Kế làm Hàn lâm viện học sĩ, Đỗ Quốc Tá làm trung thư sảnh trung thư lệnh, đều là nho sĩ văn học.

Theo chế độ cũ, không phải là nội nhân (hoạn quan) thì không được làm hành khiển, chưa bao giờ dùng nho sĩ văn học. Bắt đầu từ đây, nho sĩ văn học mới giữ được quyền bính.

Tháng 5, phong em là Ích Tắc làm Chiêu Quốc Vương.

Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng, thông minh hiểu học, thông hiểu lịch sử, lục nghệ, văn chương nhất đời. Dù nghề vật như đá cầu, đánh cờ, không nghề gì không thông thạo; từng mở học đường ở bên hữu phủ đệ, tập hợp văn sĩ bốn phương cho học tập, cấp cho ăn mặc, đào tạo thành tài như bọn Mạc Đình Chi ở Bàng Hà, Bùi Phóng ở Hồng Châu v.v . . . gồm 20 người, đều được dùng cho đời.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu định quân ngũ, mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người, [31b] chọn người tôn thất giỏi võ nghệ, tinh binh pháp để chỉ huy.

Phong em là Nhật Duật làm Chiêu Văn Vương.

Bọn Dương An Dưỡng từ nước Nguyên trở về, mang theo luôn lễ vật của vua Nguyên đáp lại³.

Mậu Thìn, [Thiệu Long] năm thứ 11 [1269], (Tổng Hàm Thuận năm thứ 4, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 5). Mùa Xuân, tháng giêng, vua từng nói với tôn thất rằng:

"Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp của tổ tông phải cùng hưởng phú quý với anh em trong họ. Tuy bên ngoài có một người ở ngôi tôn, được cả thiên hạ phụng sự, nhưng bên trong thì ta với các khanh là đồng bào ruột thịt. Lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên truyền những lời này cho con cháu để chúng đừng bao giờ quên, thì đó là phúc muôn năm của tông miếu xã tắc".

Đến đây, xuống chiếu cho các vương hầu tôn thất, khi bãi triều thì vào trong điện và lan đình. Vua cùng ăn uống với họ. Hôm nào trời tối không về được thì xếp gối dài, trải chăn rộng, kê giường liền cùng ngủ với nhau để tỏ hết lòng yêu quý nhau.

[32a] Còn như trong các lễ lớn như triều hạ, tiếp tân, yến tiệc thì phân biệt rõ ngôi thứ, cấp bậc cao thấp. Vì thế, các vương hầu thời ấy không ai là không hòa thuận, kính sợ và cũng không phạm lỗi khinh nhờn, kiêu căng.

Mùa hạ, tháng 6, đại hạn.

Ngoại thích là Lý Cát phạm tội ngồi vào ngai vua ở điện Thiên An. Khi xét hỏi trị tội thấy hãn có chứng diên, bèn đánh trượng rồi tha.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Tướng quốc thái úy Nhật Hiệu chết, thọ 44 tuổi, truy tặng Tướng quốc thái sử.

Mùa đông, tháng 10, vua cùng anh là Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang cùng vui đùa trước mặt Thượng hoàng. Thượng hoàng lúc bấy giờ mặc áo vải bông trắng. Tĩnh Quốc múa điệu múa của người Hồ, Thượng hoàng cởi áo ban cho Quốc Khang. Vua cũng múa điệu múa của người Hồ để xin chiếc áo ấy. Quốc Khang nói:

"Cái quý nhất là ngôi hoàng đế, hạ thần còn không tranh với chú hai. Nay đức chí tôn ban cho thần một vật nhỏ mọn mà chú hai cũng muốn cướp lấy chẳng?".

¹ Cành vàng lá ngọc, chỉ dòng dõi quyền quý. Ở đây là dòng dõi nhà vua.

² Tức là đồ dẫn về tang phục theo 5 bậc, ứng với quan hệ gần xa đối với người chết.

³ Nguyên sử, q.209 chép việc này vào tháng 9 năm Chí Nguyên năm thứ 4 (1267).

Thượng cả cười nói: " Thế ra mà coi ngôi vua[**32b**] với cái áo xoàng này chẳng hơn kém gì nhau".

Khen ngợi hồi lâu rồi [thượng hoàng] cho Tĩnh Quốc chiếc áo ấy. Trong chỗ cha con, anh em hòa thuận vui vẻ như vậy đấy.

Đói to.

Kỷ Ty, [Thiệu Long] năm thứ 12 [1269], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 5, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 5, đất nứt, sao băng.

Tháng 6, hạn hán. Soát tù. Có mưa. Đến tháng 7, mùa thu, dân mới cày cấy được.

Tháng 8, nước to.

Tháng 9, phong Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang làm Vọng Giang phiêu kỵ đô thượng tướng quân.

Mùa đông, tháng 10, được mùa nhỏ.

Tháng 12, sứ Nguyên Lung Hải Nha¹ sang dụ về việc biên giới. Vua sai Lê Đà, Đinh Cung Viên sang Nguyên.

Canh Ngọ, [Thiệu Long] năm thứ 13 [1270], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 6, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang dựng phủ đệ ở Diễn Châu, hành lang, điện vũ bảo quanh, tráng lệ khác thường. Vua nghe tin ,sai người đến [**33a**] xem .Tĩnh Quốc sợ, mới tạc tượng phật để đó (nay là chùa Thông).

Mùa hạ, tháng 4, Chiêm Thành sang cống.

Mùa thu, tháng 7, nước to. Các đường phố ở kinh đô phần nhiều phải đi lại bằng thuyền bè.

Tháng 9 ,Vua ngự đến hành cung Thiên Trường.

Tân Mùi, [Thiệu Long] năm thứ 14 [1271], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 7, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, soát tù.

Tháng 2, ngày mồng 1, động đất.

Tháng 3, phong Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Tướng quốc thái úy, nắm giữ việc nước.

Năm ấy, Mông Cổ đặt quốc hiệu là Đại Nguyên, sai sứ sang dụ vua vào châu. Vua lấy cớ có bệnh từ chối không đi.

Nhâm Thân, [Thiệu Long] năm thứ 15 [1272], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 8, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 9) .Mùa Xuân, tháng giêng, Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc Sử viện giám tu Lê Văn Hưu dâng sắc chỉ soạn xong bộ Đại Việt sử ký từ Triệu Vũ [**33b**] để đến Lý Chiêu Hoàng, gồm 30 quyển, dâng lên. Vua xuống chiếu khen ngợi.

Mùa hạ, tháng 4, sứ Nguyên Ngột Lương² sang dụ, hỏi giới hạn cột đồng cũ. Vua sai Viên ngoại lang Lê Kính Phu đi hội khám. [Phu] trở về nói rằng, cột đồng Mã Viện dựng lâu năm đã bị mai một, không còn tung tích gì nữa.

Tháng 6, ngày 23, giờ Mùi, mặt trời rung động.

Sai Đồng Tử Dã, Đổ Mộc sang Nguyên³.

¹ Túc Hốt Lung Hải Nha trong Nguyên sử, phiên âm từ tiếng M

² Phiên âm từ tiếng Mông Cổ U-ry-ang (Uriyang).

³ Nguyên văn chép: "Khiến Đồng Tử Đổ Dã Mộc như Nguyên". Có người hiểu là sai đồng tử (tức trẻ con) tên là Đổ Dã Mộc sang Nguyên (Bản dịch cũ q.II, 1971, tr.42 và tr.290). Nhưng An Nam chí lược q.14, chép rõ: "Sai đại phu Đồng Tử Dã, Đổ Mộc Cống".

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu tìm người tài giỏi, đạo đức, thông hiểu kinh sách làm Tư nghiệp Quốc tử giám, tìm người có thể giảng bàn ý nghĩa của tứ thư, ngũ kinh sung vào hầu nơi vua đọc sách.

Quý dậu, Bảo Phù năm thứ 1 [1273], (Tổng Hàm Thuận năm thứ 9, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Tháng 3, ngày 19, sét đánh 7 chỗ ngoài cửa Đại Hưng.

Mùa đông, tháng 11, cho Nhân Túc Vương Toàn làm Nhập nội phán đại tông chính phủ đại tông chính.

[34a] Giáp Tuất, Bảo Phù năm thứ 2 [1274], (Tổng Hàm Thuận năm thứ 10, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 11). Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, người Tống sang quy phụ.

(Trước đó, nước Tống ở mé Giang Nam, người Nguyên thường hay lấn đánh. Đến đây, họ đem 30 chiếc thuyền biển chở đầy của cải và vợ con, vượt biển đến La Cát Nguyên. Đến tháng 12, dẫn về kinh, an trí ở phường Nhai Tuân, họ tự xưng là người Hồi Kê¹. Người nước ta gọi người tống là kê quốc, vì người tống có các hàng vải lụa, dược phẩm, bày hàng mở chợ buôn bán riêng).

Tháng 12, sách phong hoàng trưởng tử Khâm làm hoàng thái tử, lấy con gái trưởng của Hưng Đạo Vương làm phi cho thái tử.

Chọn người nho học có đức hạnh trong thiên hạ vào hầu Đông Cung².

Lấy Lê Phụ Trần làm Thiếu sư, kiêm Trừ cung giáo thụ³. lấy bọn Nguyễn Thánh Huân, Nguyễn Sĩ Cối sung Nội thị nội thị học sĩ (Phụ Trần người Ái Châu). Vua tự làm thơ để dạy hoàng tử và viết Di hậu lục 2 quyển.

Ất Hợi, [Bảo Phù] năm thứ 3 [1275], (Tổng Cung Đế Hiền Đức Hựu năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn học trò. **[34b]** Ban đồ trạng nguyên Đào Tiêu; bảng nhãn (khuyết họ tên); thám hoa lang Quách Nhẫn; thái học sinh 27 người, xuất thân có thứ bậc khác nhau.

Hai Khoa Bính Thìn, Bính Dần trước kia có chia kinh trạng nguyên và trại trạng nguyên, đến nay lại hợp nhất.

Mùa hạ, tháng 6, ngày Canh Tý mồng 1, nhật thực, mặt trời bị che hết⁴.

Mùa đông, tháng 11, tướng thần ở biên giới phía bắc chạy trạm tâu báo người Nguyên đi tuần biên giới, xem xét địa thế.

Sai Lê Khắc Phục và Lê Túy Kim sang Nguyên.⁵

Nguyên sử q.209 cũng chép việc Đồng Tử Dã và Lê Văn Ân vào cống năm Chí Nguyên thứ 11 (1274). Như vậy Đồng Tử Dã là tên người và được chép đúng. Ở đây, Toàn thư đã chép lẫn lộn tên hai người. Phải sửa cho đúng là: "Sai Đồng Tử Dã và Đỗ Mộc sang Nguyên".

¹ Lời chú Bản dịch cũ (q.II, 1971, tr.209) ngờ rằng tên Hồi Kê ? là Hồi Cốt (?). Hồi Cốt hay Hồi Hột, Hồi Hoạn là dân tộc Uigur ở Tân Cương. Chẳn người Tống nhận mình là người Hồi Hột để tránh quân Nguyên.

² Tức thái tử.

³ Trừ cung: cũng là thái tử. Trừ cung giáo thụ là chức thầy học của thái tử.

⁴ Tức nhật thực toàn phần.

⁵ An Nam chí lược chép: "...sai đại phu Lê Khắc Phục, Lê Văn Túy đi cống". Nguyên sử chép: "...sai Lê Khắc Phục, Văn Túy vào cống". Lê Túy Kim chắc là Lê Văn Túy.

Bính Tý, [Bảo Phù] năm thứ 4 [1276], (Tổng Đức Hựu năm thứ 2, từ tháng 5 về sau là Tổng Đoan Tông Cảnh Viêm năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, sai Đào Thế Quang sang Long châu mượn cố đi mua thuốc để thăm dò tình hình người nguyên.

Tháng 3, mặt trời có chấm đen to bằng quả trứng gà, lay động hồi lâu. Có 2 ngôi sao đấu nhau ở giữa trời, một ngôi sa xuống.

Mùa hạ, tháng 4, Nguyên Thế Tổ đánh Giang Nam, sai Hợp Tán Nhi Hải Nha ¹ sang dụ 6 việc như điều dân, giúp quân v.v . . . Vua đều không nghe.

Mùa thu, tháng 9, ngày 17, hoàng trưởng tôn Thuyên sinh, lập làm hoàng thái tôn, ít lâu sau lập làm Đông cung hoàng thái tử.

Đinh Sửu, [Bảo Phù] năm thứ 5 [1277], (Tổng Cảnh Viêm năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, vua thân chinh đánh người Man, Lạo ở động Năm Bà La² , bắt sống bộ đảng hơn 1.000 người giải về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1 , Thượng hoàng băng ở cung Vạn Thọ

Trước đó, Thượng hoàng đến ngự đường, bỗng thấy con rết bò trên áo ngự. Thượng hoàng sợ, lấy tay phủi nó rơi đánh "keng" xuống đất, nhìn xem thì hóa ra cái đinh sắt, đoán là điềm năm Đinh.

Lại có lần đùa sai Minh tự Nguyễn Mặc Lão dùng phép nghiệm quan nghiệm xem điềm lành hay điềm dữ. Hôm sau Mặc lão tâu : "Thấy một chiếc hòm vuông bốn mặt đều có [35b] chữ "nguyệt" , trên hòm có một cái kim, một chiếc lược".

Thượng hoàng lại đoán: "Hòm tức là quan tài, chữ " nguyệt" (tháng) ở bốn bên tức là tháng 4, cái kim có thể cắm vào vật gì, tức là nhập vào quan tài, chữ "sơ" là chiếc lược, đồng âm với "sơ" là xa tức là sẽ xa rời các người".

Lại lúc ấy đương có trò múa rối, thường có câu : "Mau đến ngày mồng 1 thay phiên". Thượng hoàng lại đoán : "Thế là ngày mồng 1 ta chết".

Năm trước, có một hôm thượng hoàng chợt bảo tả hữu : "Tháng 4 sang năm ta tất chết". Đến nay quả như vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Điềm lành hay tai họa, chỉ có người thành tâm mới biết trước được. Vì thế, Đại truyện trong kinh dịch có nói : "Hình dung sự vật thì biết được vật thực, chiêm đoán sự vật thì mới biết được tương lai". Nhưng tất là phải sau khi đã suy xét trong lòng, nghiền ngẫm trong óc. Thái Tông biết được việc tương lai là chiêm đoán sự vật đấy. Nhưng nếu không phải là người lý sáng, lòng thành, mà cứ thấy việc là phỏng đoán mò để rồi khẳng định, thì chưa bao giờ không chuốc lấy tai họa về sau .[36a]. Đó là chỗ khác nhau giữa cái học sấm ký thuật số với cái học thánh hiền chẳng?

Tháng 5, nước to. Đất nứt sâu 7 trượng (chưa rõ chỗ nào), súc vật, tôm cá chết nhiều.

Mùa đông, tháng 10 ngày mồng 4, táng [thượng hoàng] ở Chiêu Lăng, miếu hiệu là Thái Tông, tên thụy là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Mậu Đức Hiền Hòa Hựu Thuận Thần Văn Thánh Võ Nguyên Hiếu Hoàng đế.

Sử thần ngô sĩ liên nói: Dụ Tông có thơ ca ngợi Thái Tông:

Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông

Bỉ xứng Trinh Quán ngã Nguyên Phong.

¹ Tức Kha-xa Kha-y-a (Qasar Qaya), tên này được Hốt Tất Liệt cử làm Đạt lố hoa xích ở Đại Việt từ tháng 3 năm 1275. Toàn thư chép lầm 1 năm. Yêu sách 6 điểm của Hốt Tất Liệt là: quân trưởng phải vào châu, con em phải làm con tin, kê sổ hộ khẩu, thu nộp thuế má, điều động quân giúp việc binh, đặt chức Đạt lố hoa xích để thống trị (Theo an Nam chí lược q.2, Đại Nguyên chiếu chế).

² CMCB7 chú là động Man ở phủ lộ Bồ Chính, tức vùng Quảng Bình ngày nay.

Kiến Thành tru tử Yên Sinh tại,
 Miếu hiệu tuy đồng đức bất đồng.
 (Sáng nghiệp Việt Đường hai Thái Tông
 Kia xưng Trinh Quán, ta Nguyên Phong
 Kiến Thành¹ bị giết, Yên Sinh² sống,
 Miếu hiệu như nhau, đức chẳng đồng).

Đức của Thái Tông sở dĩ được thế, tuy tấm lòng hiếu để bắt nguồn từ tính trời, nhưng cũng do Linh Từ quốc mẫu điều đình [B] hòa giải. Việc cướp vợ của anh cũng do Linh Từ và Thủ Độ. Thế là Thái Tông mắc vào tội lỗi là do người dẫn lối, mà ẩn nhẫn để trọn nghĩa anh em cũng lại là do người dẫn lối. Đó là vì tuy có tư chất tốt đẹp trời phú cho, nhưng chưa có học thức. Đến khi tuổi cao, lý lẽ sáng tỏ, đạo đức tăng tiến, thì phải chăng điều đó có được là từ thánh học³?

Hôm thượng hoàng băng, công chúa Thiệu Dương (con gái thứ của Thượng hoàng tên là Thúy) đương ở cử, bỗng nghe tiếng chuông liên hồi, mới hỏi: "Có thể nào không phải là tin dữ chẳng?".

Những người hầu bên cạnh nói dối, nhưng công chúa không nghe, cứ thương khóc, kêu gào, mắt nhắm nghiền rồi mất.

Trước đó, Thượng hoàng không khỏe. Lúc ấy công chúa đã lấy thượng vị Văn Hưng hầu (khuyết danh), công chúa nhiều lần sai người đến thăm hỏi, nhưng người hầu cạnh đều trả lời là Thượng hoàng đã bình phục, không việc gì. Đến khi nghe tiếng chuông, thương khóc kêu gào mãi rồi mất. Người trong nước ai cũng thương.

Bấy giờ Uy Văn Vương [37a] Toại lấy con gái của Thượng Hoàng là công chúa Thụy Bảo. Toại ham học, hay thơ, có câu:

Pha lạp ngũ hồ vinh bội ẩn,
 Tang ma tế dã thẳng phong hầu.
 (Tơi nón năm hồ hơn giữ ẩn,
 Dâu giai nội vượt phong hầu),

[Toại] tự hiệu là Sầm Lâu, có Sầm Lâu tập lưu hành ở đời.

Vua từng hỏi ông nghĩa chữ "Quan gia". Ông đáp:

"Năm đời để lấy thiên hạ làm của công (quan), ba đời vương lấy thiên hạ làm của nhà (gia) nên gọi là quan gia".

Vua khen ông kiến thức rộng. Không may chết sớm (24 tuổi), người trong nước ai cũng thương tiếc.

Mậu Dân, [Bảo Phù] năm thứ 6 [1278], (Tổng Cảnh Viêm năm thứ 3, từ tháng 5 về sau là Đế Bính Tường Hưng năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, dân chết nhiều vì bệnh đậu mùa.

Hồi đó, nhà dân ở kinh thành thường bị cháy về ban đêm. Vua ra ngoài thành xem chữa cháy, Nội thư gia Đoàn Khung đi theo. Vua sai điếm xem người nào đến chữa cháy và kiểm xem ai đến trước. Khung ấn đầu từng người một bảo ngòi xuống để đếm, đếm xong tâu rõ người nào đến trước, người nào đến sau.

¹ Thái Tông nhà Đường tên là Lý Thế Dân, sau khi cha là Lý Cao Tổ chết, Thế Dân đem quân phục ở cửa Huyền Vũ, giết hai người anh là Kiến Thành và Nguyên Cát để đoạt ngôi vua.

² Yên Sinh: là thực thấp của Trần Liễu, sau khi Liễu nổi loạn chống lại Trần Thái Tông. Khi Trần Liễu chết, được truy phong tước vương, nhân đất phong mà gọi là Yên Sinh Vương.

³ Chỉ Khổng giáo hay Nho giáo.

Vau hỏi : " Tại sao mà biết ?".

Khung trả lời : " Thần ấn đầu người nào mà thấy mồ hôi thấm tóc và có tro bụi bám [37b] vào thì đó là những người đến trước và cố sức chữa, người nào đầu tóc không có mồ hôi mà tro bụi bay rơi là người đến sau không kịp chữa, vì thế mà biết ". Vua cho là giỏi , có ý cất nhắc để dùng .

(Thời Anh Tông, Khung làm kiểm pháp quan, khi xét án , hể Anh Tông hỏi về điển lệ cũ , Khung đều dẫn được án cũ làm chứng , có khi dẫn nhiều đến 5 , 6 án . Anh Tông khen Khung thông minh nhớ lâu).

Phong con thứ là Đức Việp làm Tá Thiên Đại Vương .

Tháng 3, phu nhân Lê Phụ Trần là công chúa Chiêu Thánh Lý thị mất

Công chúa lấy Phụ Trần hơn 20 năm, sinh con trai là thượng vị hầu Tông, con gái là Ứng Thụy công chúa Khuê. Đến nay 61 tuổi thì mất .

Mùa hạ , lúa mất mùa.

Tháng 6, có ngôi sao lớn sa về phương nam rơi xuống biển, hơn ngàn ngôi sao nhỏ rơi theo, tiếng kêu như sấm đến vài khắc mới hết .

Mùa thu, tháng 8, động đất 3 lần, nhiều súc vật chết .

Mùa đông, tháng 10, ngày 22, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Khâm.

[38a] Khâm lên ngôi Hoàng đế, xưng là Hiếu Hoàng, tôn Thượng hoàng là Quang Nghiêu Từ Hiếu Thái Thượng Hoàng Đế, tôn Thiên Cảm hoàng hậu làm Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái Hậu . Bầy tôi dâng tôn hiệu là Pháp Thiên Ngực Cực Anh Liệt Vũ Thánh Minh Nhân Hoàng Đế .

Vua Nguyên nghe tin Thái Tông băng, có ý mưa tính nước ta, sai Lễ bộ thượng thư Sài Xuân¹ (tức Sài Trang Hương) sang ta.

Bấy giờ sứ nước ta là Lê Khắc Phục đang trở về, gặp quân Nguyên đánh nước Tống, liền theo đường Hồ Quảng mà về nước , Xuân cùng đi với Khắc Phục sang ta [Nhà Nguyên] lấy cố vua không xin mệnh mà tự lập, dụ bảo phải sang châu. Vua không nghe, sai Trịnh Đình Toàn, Đỗ Quốc Kế sang Nguyên. Nguyên giữa Đình Toàn không cho về² .

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Khâm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu, sinh năm Mậu Ngọ, Nguyên Phong năm thứ 8, tháng 11, ngày 11, được tinh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung³ đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên [38b] đông tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen, cho nên có thể cáng đáng được việc lớn, ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngoạ Vân núi Yên Tử, đưa về táng ở Đức Lăng. Vua nhân từ hòa nhã, cố

¹ Nguyên sử chép là Sài Thung, hai chữ Thung và Xuân gần giống như nhau nên dễ lẫn. Trước đây, các sứ bộ của Đại Việt và Mông Cổ đều đi qua đường Côn Minh (Vân Nam). Lần này, bọn Sài Thung đi thẳng từ Giang Lăng (Hồ Bắc), qua Ung Châu (Quảng Tây) để vào nước ta, nên Toàn thư mới nói là đi theo đường Hồ Quảng về nước.

² Nguyên sử chép là Trịnh Quốc Toàn.

³ Thượng hoàng Thái Tông và vua Thánh Tông.

kết lòng dân, sự nghiệp trù phú hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần. Song để tâm nơi kinh Phật, tuy nói là để siêu thoát, nhưng đó không phải là đạo trung dung của thánh nhân.

Kỷ Mão, [Thiệu Bảo] năm thứ 1 [1279], (Tổng Tường Hưng năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu, đại xá.

Chiêm Thành sai Chế Năng, Tra Diệp sang cống. Bọn Chế Năng xin ở lại làm nội thần, vua không nhận.

Lập bà phi Trần thị làm hoàng hậu.

Người Nguyên đánh úp quân Tống Nhai Sơn¹. Quân Tống thua, Tả thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu cống vua Tống nhảy xuống biển chết. Hậu cung và các quan chết theo rất nhiều. Qua 7 ngày có đến hơn 10 vạn xác chết nổi lên mặt biển. Xác vua Tống cũng ở trong số đó. Thế là ứng điềm sao sa xuống biển. Năm ấy nhà Tống mất.

[39a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Trong khoảng trời đất, chỉ có hai khí âm dương mà thôi. Người làm vua đạt đến mức trung hòa thì trời đất định vị, vạn vật sinh sôi, và hai khí cũng được điều hòa. Nếu khí âm thịnh mà phạm bừa vào khí dương, thì trời đất tất xuất hiện tai biến để tỏ cho người làm vua biết. Cho nên tai biến xuất hiện trước rồi sau đó sẽ có chứng nghiệm ngay. Lúc bấy giờ nào nhật thực, nào mặt trời lay động, nào đất nứt, nào mưa đá, sao sa, đều là khí âm thịnh hơn khí dương cả. Nếu không phải là triệu chứng tỏ con mưu hại vua cha thì cũng là điềm di địch xâm lấn Trung Quốc. Phạm người làm vua thận trọng trước sự răn bảo của trời, lo lắng làm hết phận sự của người thì đó là đạo vẫn hồi tai biến của trời vậy. Nhà Tống đã không vẫn hồi được tai biến của trời, mà nước Việt ta rồi cũng bị giặc Hồ² xâm lấn. May mà vua tôi cùng lo, quân dân chung sức, cuối cùng diệt trừ được giặc Bắc và hoàn thành võ công đại định. Vì thế mới nói: Thận trọng trước sự răn bảo của trời, làm hết phận sự của người là cái đạo vẫn hồi tai biến của trời vậy.

[39b] Mùa đông, tháng 10, lấy ngày sinh làm tiết Thọ Thiên.

Canh Thìn, [Thiệu Bảo] năm thứ 2 [1280], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, ban thước gỗ, thước lụa cùng một kiểu.

Tháng 2, xét duyệt sổ đình và các sắc dịch trong nước.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to. Lúa ruộng ở Trà Kiệu thuộc Khoái Lộ một giò 2 bông.

Em Đỗ Khắc Chung là Đỗ Thiên Thư kiện nhau với người, tình lý đều trái. Người kia đón xa giá để kêu bày. Vua hỏi quan xử kiện. [Viên quan đó] trả lời:

" Án xử đã xong, nhưng hình như quan thoái thác không chịu chuẩn định đó thôi". Vua nói:

" Đó là do sợ mà né tránh Khắc Chung đấy".

Lập tức, đang trên đường đi, sai Chánh cường nội thư hòa là Trần Hùng Thao kiêm chức kiểm pháp quan để chuẩn định, thì Thiên Thư quả thực là trái, Quan áo xanh (tức là hoạn quan) được làm việc kiểm pháp bắt đầu từ Hùng Thao.

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Người kiện có điều oan uổng mà được dễ dàng kêu bày, hình quan để chậm [40a] án, không thấy có lời trách hỏi, hoạn quan nội thần lạm cử làm pháp quan, vua làm việc này có ba lầm lỗi kèm theo, nhưng như vậy thì dân tình được thấu lên trên. Việc cai trị kẻ dưới thà sai để khoan thứ để cho án kiện đọng lại được xử ngay, cũng thấy được lòng trung hậu của vua.

Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang làm phản.

¹ Nhai Sơn: ở phía nam huyện Tân Hội, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

² Chỉ quân xâm lược Nguyên Mông 3 lần sang đánh nước Đại Việt vào các năm 1258,1285, 1288 và đều bị thất bại.

Vua sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi dụ hàng. Bấy giờ, Nhật Duật coi đạo Đà Giang, ngầm đem quân thuộc hạ đến.

Trịnh Giác Mật sai người đến quân doanh, bày tỏ lòng thành: "Mật không giám trái mệnh. Nếu ân chúa một mình một ngựa đến thì Mật xin hàng".

Nhật Duật nhận lời, chỉ đem 5, 6 tiểu đồng cùng đi. Quân sĩ ngăn lại, Nhật Duật nói:

"Nếu nó giáo giở với ta thì triều đình còn có vương khác đến".

Khi tới trại, người Man dàn vây mấy chục lớp và đều cầm đao thương chĩa vào phía trong. Nhật Duật đi thẳng vào, trèo lên trại. Mật mời ông ngồi. Nhật Duật thạo biết [40b] tiếng nói và am hiểu phong tục của nhiều nước, cùng ăn bốc, uống bằng mũi với Mật. Người Man thích lắm. Khi Nhật Duật trở về, Mật đem gia thuộc đến doanh trại đầu hàng. Mọi người đều vui lòng kính phục vì không mất một mũi tên mà bình được Đà Giang. Đến khi về kinh sư, [Nhật Duật] đem Mật và vợ con hãm vào châu, vua rất khen ngợi ông. Sau đó, vua cho Mật về nhà, giữ con hãm ở lại kinh đô. Nhật Duật mến nuôi hết lòng, xin triều đình ban tước thưởng phẩm và cho vào trông ao cá, sau cũng cũng cho về nhà.

Tân Ty, [Thiệu Bảo] năm thứ 3 [1281], Nguyên Chí Nguyên năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 29 hoàng tử Quốc Chấn sinh.

Sai chú họ là Trần Di Ái (tức Trần Ái) và Lê Mục, Lê Tuân sang Nguyên.

Nhà Nguyên lập Di Ái làm Lão hầu, cho Mục làm Hàn lâm học sĩ, Tuân làm Thượng thư¹, lại sai Sài Xuân đem 1000 quân² hộ tống về nước. Xuân ngạo mạn vô lễ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh [41a]. Quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, Xuân dùng roi ngựa quất họ bị thương ở đầu. Đến điện Tập Hiền, thấy chướng bày màn trướng, hãm mới chịu xuống ngựa. Vua sai Quang Khải đến sứ quán khoản tiếp. Xuân năm khểnh không ra, Quang Khải vào hãm trong phòng, hãm cũng không dậy tiếp. Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn nghe thấy thế, tâu xin đến sứ quán xem Xuân làm gì. Lúc ấy Quốc Tuấn đã gọt tóc, mặc áo vải. Đến sứ quán, ông đi thẳng vào trong phòng. Xuân đứng dậy vái chào mời ngồi. Mọi người đều kinh ngạc, có biết đâu gọt tóc, mặc áo vải là hình dạng nhà sư phương Bắc. Ông ngồi xuống pha trà, cùng uống với hãm. Người hầu của Xuân cầm cái tên đứng sau Quốc Tuấn, chọc vào đầu đến chảy máu, nhưng sắc mặt Quốc Tuấn vẫn không hề thay đổi. Khi trở về, Xuân ra cửa tiễn ông.

Lập nhà học ở phủ Thiên Trường, cấm người hương Thiên Thuộc không được vào học. (Lê cũ nhà Trần, quân sĩ Thiên Thuộc không được học tập văn chương nghệ thuật vì sợ khí lực kém đi).

[41b] **Nhâm Ngọ**, [Thiệu Bảo] năm thứ 4 [1282], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành sai bọn bọn Bồ Bà Ma Các một trăm người sang dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Trần Di Ái đi sứ về nước.

Tháng 6, trị tội bọn phán thủ Trần Ái³. Ái phải đồ làm khao giáp binh Thiên Trường, Lê Tuân phải đồ làm Tổng binh⁴.

Mùa thu, tháng 8, thú thần Lạng Châu⁵, là Lương Uất chạy trạm tâu báo rằng, Hữu thừa tướng Nguyên là Toa Đô đem 50 vạn quân, nói phao là mượn đường đi đánh Chiêm Thành, nhưng thực ra là sang xâm lược nước ta⁶.

¹ An Nam chí lược và Nguyên sử chép là: ... phong Di Ái làm An Nam Quốc Vương, Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ, Lê Tuân làm Thượng thư...

² Bản dịch cũ (tập II, 1967. tr.47) in nhầm là 5.000 quân.

³ Tức Trần Di Ái

⁴ Có lẽ là đạo quân Tổng lưu vong do nhà Trần thu nạp.

⁵ Tức Lạng Sơn.

⁶ Toa Đô: tên Mông Cổ là Xôghetu (Sôgatu). Thực ra Toa Đô mang 5.000 quân đi đường thủy từ Quảng Châu đánh Chiêm Thành từ tháng 11 năm Nhâm Ngọ (1282), còn kẻ chỉ huy 50 vạn quân Nguyên xâm lược Đại Việt là Thoát Hoan và Lý Hải Nha.

Bấy giờ có cá sấu đến sông Lô¹. Vua sai Hình bộ thượng thư Nguyễn Thuyên làm bài văn ném xuống sông, cá sấu bỏ đi. Vua cho việc này giống như việc của Hàn Dũ², bèn ban gọi là Hàn Thuyên. Thuyên lại giỏi làm thơ phú quốc ngữ. Thơ phú nước ta dùng nhiều quốc ngữ, thực bắt đầu từ đây.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra Bình Than³ đóng ở vũng Trần Xá⁴ họp vương hầu và trăm quan, bàn kể sách công thủ và chia nhau đóng giữ [42a] những nơi hiểm yếu.

Lấy Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư làm Phó đô tướng quân.

Lần trước, quân Nguyên vào cướp, Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư nhân sơ hở đánh úp quân giặc. Thượng hoàng khen ông có trí lược, lập làm Thiên tử nghĩa nam⁵. Sau đó, đánh người Man ở vùng núi, thẳng lớn, được phong làm Phiêu Kỵ đại tướng quân. Chức Phiêu Kỵ tướng quân nếu không phải là hoàng tử thì không được phong. Vì Khánh Dư là Thiên tử nghĩa nam cho nên mới có lệnh đó. Rồi từ trật hầu thẳng mãi đến tử phục thượng vị hầu, quyền chức phán thủ. Sau Khánh Dư thông dâm với công chúa Thiên Thụy.

Bấy giờ Hưng Vũ Vương Nghiễn vì là con trai Quốc Tuấn, được lấy công chúa Thiên Thụy, lại công đánh giặc. Vua sợ phật ý Quốc Tuấn, mới sai người đánh chết Khánh Dư ở Hồ Tây, nhưng lại dặn chớ đánh đau quá, để không đến nỗi chết. Ít lâu sau xuống chiếu đoạt hết quan tước, quân tịch thu tài sản không để lại cho một chút gì. Châu Chí Linh vốn là của riêng của Thượng tướng Trần Phó Duyệt, nên Khánh Dư mới giữ lại được. Khánh Dư lui về ở [42b] Chí Linh, cùng bọn hèn hạ làm nghề bán than.

Lúc đó, thuyền vua đỗ ở bến Bình Than, nước triều rút, gió thổi mạnh, có chiếc thuyền lớn chở than củi, người lái thuyền đội nón lá, mặc áo ngắn. Vua chỉ và bảo quan thị thần:

"Người kia chẳng phải là Nhân Huệ Vương đó sao?"

Lập tức sai người chèo thuyền nhỏ đuổi theo. Đến cửa Đại Than thì kịp. Quân hiệu gọi:

"Ông lái ơi, có lệnh vua triệu".

Khánh Dư trả lời: "Lão là người buôn bán, có việc gì mà phải triệu".

Quân hiệu trở về tâu thực như thế. Vua bảo:

"Đúng là Nhân Huệ đấy, ta biết người thường tất không dám nói thế". Vua lại sai nội thị đi gọi. Khánh Dư mặc áo ngắn, đội nón lá [đến gặp vua]. Vua nói:

"Nam nhi mà đến nỗi này thì thực là cùng cực rồi", bèn xuống chiếu tha tội cho ông. Khánh Dư lên thuyền lạy tạ. Vua ban cho áo ngự, cho ngồi các hàng dưới các vương, trên các công hầu, cùng bàn việc nước, nhiều điều hợp ý vua.

Đến đây, tháng 10, lại cho Khánh Dư làm Phó tướng quân. Nhưng rốt cuộc Khánh Dư cũng không sửa đổi được những lỗi lầm cũ.

[43a] Lại khi ấy, vua thấy Hoài Văn Hầu Quốc Toản, Hoài Nhân Vương Kiện đều còn trẻ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phần kích, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết. Sau đó [Quốc Toản] lui về, huy động hơn nghìn gia nô và thân thuộc, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, viết lên cờ 6 chữ: "Phá cường địch, báo hoàng ân" (phá giặc mạnh, báo ơn vua). Sau này, khi đối trận với giặc, tự mình xông lên trước quân sĩ, giặc trông thấy phải lui tránh, không dám đối địch. Đến khi mất, vua rất thương tiếc, thân làm văn tế, lại gia phong tước vương.

¹ Tức sông Hồng.

² Hàn Dũ: tên tự là Thối Chi, người Nam Dương, Trịnh Châu đời Đường, có tài văn thơ. Tương truyền rằng: Khi làm quan ở Triều Châu, thấy nơi đó có nhiều cá sấu, Hàn Dũ làm bài văn tế cá sấu ném xuống nước, cá sấu liền bỏ đi hết.

³ Đoạn sông Lục Đầu chảy qua huyện Chí Linh tỉnh Hải Hưng ngày nay.

⁴ Vũng Trần Xá: (Trần Xá loan), có lẽ là chỗ hợp lưu hai con sông Thái Bình và Kinh Thầy. Chỗ này về sau vẫn còn xã Trần Xá.

⁵ Thiên tử nghĩa nam: con nuôi của vua.

Lấy Thái úy Quang Khải làm Thượng tướng thái sư, Đinh Cung Viên làm Hàn lâm viện học sĩ phụng chỉ.

Quý Mùi, [Thiệu Bảo] năm thứ 5 [1283], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 20). Mùa xuân, tháng giêng, Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang dâng rùa vàng, hình dáng như con trai lớn, trên lưng có 7 ngôi sao, ngực có chữ "những" bụng có chữ "Vương".

Tháng 2, [42b] trị tội thượng vị hầu Trần Lão, cho Lão chuộc tội 1.000 quan tiền, đồ làm lính, lắng trị tên Khoáng là gia nô của Lão ở chợ Đông, vì tội làm thư nặc danh phi báng nhà nước.

Mưa đá lớn.

Mùa hạ, tháng 6, cá hồ Thủy Tinh chết.

Mùa thu, tháng 7, sai trung phẩm Hoàng Ứ Lệnh, nội thư gia Nguyễn Chương sang Nguyên, gặp thái tử A Thai¹, Bình Chương A Lạt², ở Hồ Quảng³, hội 50 vạn quân ở các xứ định sang năm vào cướp nước ta.

Mùa đông, tháng 10, vua thân hành dẫn các vương hầu điều quân thủy bộ tập trận.

Tiến phong Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế, thống lĩnh quân đội toàn quốc, sai chọn các quân hiệu có tài chỉ huy, chia đi nắm giữ các đơn vị.

Giáp Thân, [Thiệu Bảo] năm thứ 6 [1284], Nguyên Chí Nguyên năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, vét sông Tô Lịch.

Tháng 2, đất ở Xã [44a] đàn⁴ nứt ra, dài 7 thước, rộng 4 tấc, sâu không thể lường.

Mùa thu, tháng 8, Hưng Đạo Vương điều các quân của vương hầu, duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu⁵, chia các quân đóng giữ Bình Than và những nơi xung yếu khác.

Tháng 9, ngày mồng 4, mặt trăng và sao Kim mọc ban ngày ở phương Tây Nam chỉ cách nhau độ 1 thước.

Mùa đông, tháng 11, sai Trần Phủ sang hành tỉnh Kinh Hồ⁶, nước Nguyên xin hoãn binh⁷.

Tháng 12, Trần Phủ từ Nguyên trở về, tâu rằng vua Nguyên sai bọn thái tử Trấn Nam Vương Thoát Hoan⁸, Bình Chương A Lạt và A Lý Hải Nha⁹ đem quân lấy cơ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, chia đường vào cướp nước ta.

Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói "đánh", muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng.

¹ Không có tên thái tử Nguyên nào là A Thai. Cương mục q.7 cho là do sử của ta lầm. Trong cuộc chiến tranh này, tướng chỉ huy của quân Nguyên là Thoát Hoan và A Lý Hải Nha.

² A Lạt: hay A Lý Hải Nha, là phiên âm tên quan Bình chương nhà Nguyên A-ríc Kha-y-a (Ariq-Qaya). Toàn thư có chỗ lầm thành hai người.

³ Hồ Quảng: gồm Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Quốc ngày nay. Nhà Nguyên đặt Hồ Quảng hành trung thư tỉnh, gọi tắt là hành tỉnh Hồ Quảng để thống trị khu vực đất đai nói trên và phụ trách việc thôn tính các nước Đông Nam Á, cũng gọi là hành tỉnh Kinh Hồ hoặc là hành tỉnh Kinh Hồ-Chiêm Thành

⁴ Xã Đàn: tức Xã tắc đàn là nơi vua chúa phong kiến tế lễ thần đất và thần mùa màng ngày xưa, đắp bằng đất, có 2 bậc, nên gọi là "đàn".

⁵ Đông Bộ Đầu: tức bến sông Hồng phía trên cầu cầu Long Biên gần dốc Hàng Than, Hà Nội ngày nay.

⁶ Hành tỉnh Kinh Hồ cũng là hành tỉnh Hồ Quảng: xem chú thích về Hồ Quảng ở BK5, 43b.

⁷ Theo An Nam chí lược và Nguyên sử, Trần Phủ tức Trần Khiêm Phủ, tước trung đại phu.

⁸ Tên Mông Cổ là Tô-gan (Toghan), thư tịch Trung Quốc phiên âm là Thoát Hoan, là con của Hốt Tất Liệt.

⁹ Ở đây Toàn thư nhầm, A Lạt và A Lý Hải Nha chỉ là một người, tức Ariq-Qaya.

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: Giặc Hồ vào cướp nước là nạn lớn nhất của đất nước. Hai vua hiệp mưu, [44b] bày tôi họp bàn há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi đến ban yến hỏi kế ở các phụ lão hay sao? Là vì Thánh Tông muốn làm thế để xét lòng thành ủng hộ của dân chúng, để dân chúng nghe theo lời dụ hỏi mà cảm kích hăng hái lên thôi. Đó là giữ được cái nghĩa người xưa nuôi người già để xin lời hay vậy.

Ngày 26, giặc đánh vào các ải Vín Châu, Nội Bàng¹, Thiết Lược, Chi Lăng², Quan quân đánh bất lợi lui về đóng ở bến Vạn Kiếp³.

Lúc đó, vua ngự thuyền nhẹ ra Hải Đông⁴, chiều rồi mà vẫn chưa ăn cơm sáng. Có người lính là Trần Lai dâng cơm gạo xấu, vua khen là trung, ban cho chức thượng phẩm, kiêm chức tiểu tư xã xã Hữu Triều Môn ở Bạch Đằng.

Hưng Đạo Vương vâng mệnh điều quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm⁵, chọn những người dũng cảm làm tiên phong, vượt biển vào Nam, thế quân lên dần. Các quân thấy vậy, không đạo quân nào mà không tới tập hợp. Vua làm thơ đề ở [45a] đuôi thuyền rằng:

Cối kK cứu sự quân tu ký,
Hoan Diển do tồn thập vạn binh.
(Cối Kê⁶ chuyện cũ người lên nhớ,
Hoan Diển⁷ còn kia chục vạn quân)

Hưng Vũ Vương Nghiễn, Minh Hiến Vương Uất, Hưng Nhượng Vương Tảng, Hưng Trí Vương Hiện đốc suất 20 vạn quân các xứ Bàng Hà⁸, Na Sầm⁹, Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhãn¹⁰ đến hội ở Vạn Kiếp, theo quyền điều khiển của Hưng Đạo Vương để chống quân Nguyên.

Trước đây, Hưng Đạo Vương có người nô là Dã Tượng và Yết Kiêu¹¹, đối xử rất hậu. Khi quân Nguyên tới, Yết Kiêu giữ thuyền ở Bãi Tân¹², Dã Tượng thì đi theo. Đến lúc quan quân thu trận, thuyền quân tan cả. [Hưng Đạo] Vương định rút theo lối chân núi. Dã Tượng nói:

"Yết Kiêu chưa thấy Đại Vương thì nhất định không dời thuyền".

Vương đến Bãi Tân, chỉ có thuyền Yết Kiêu vẫn còn ở đó. Vương mừng lắm, nói :

"Chim hồng học muốn bay cao phải nhờ ở sáu trụ cánh. Nếu không có sáu chiếc trụ cánh ấy thì cũng chim thường thôi".

Nói xong cho chèo thuyền đi, Kỵ binh giặc đuổi theo không kịp. Vương đến Vạn Kiếp, chia quân đón giữ ở Bắc [45b] Giang¹.

¹ ải Nội Bàng: vùng Chũ, tỉnh Hà Bắc ngày nay, nơi đóng bản doanh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

² ải Chi Lăng: thuộc huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

³ Vạn Kiếp: nay là vùng Vạn Yên, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

⁴ Hải Đông: chỉ chung vùng Hải Dương cũ (nay thuộc tỉnh Hải Hưng) và Hải Phòng hiện nay.

⁵ Vân Trà, Ba Điểm: là hai hương thuộc lộ Hải Đông bấy giờ. Hương Vân Trà hay Trà Hương là vùng Kim Thành, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

⁶ "Chuyện cũ Cối Kê": là chuyện Câu Tiễn, vua nước Việt thời Chiến Quốc, đánh nhau với nước Ngô, chỉ còn một ngàn quân lui giữ Cối Kê, mà sau đánh bại Ngô Phù Sai, khôi phục được đất nước.

⁷ Hoan, Diển: chỉ vùng Nghệ Tĩnh ngày nay.

⁸ Bàng Hà: đất huyện Thanh Hà cũ nay thuộc huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng và huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

⁹ Na Sầm: tức Na Ngạn, thuộc đất huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

¹⁰ Long Nhãn: nay thuộc Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc.

¹¹ Dã Tượng: nghĩa là voi rừng, Yết Kiêu: là tên loài chó săn ngắn mõm. Dùng tên thú đặt cho người, nói lên địa vị làm "nô" thấp kém của họ. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên đời Trần, các nô tỳ có một vai trò rất lớn.

¹² Bãi Tân: là một địa điểm trên sông Lục Nam.

Sai Hàn lâm [viện] phụng chỉ Đinh Cung Viên quyền coi việc Bắc cung Nội sát viện.

Ất Dậu, [Thiệu Bảo] năm thứ 7 [1285], (từ tháng 9 về sau là Trùng Hưng năm thứ nhất, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 6, tướng Ô Mã Nhi² đánh vào các xứ Vạn Kiếp và núi Phả Lại³,

quan quân vỡ chạy⁴.

Ngày 12, giặc đánh vào Gia Lâm, Vũ Ninh⁵, Đông Ngàn⁶, bắt được quân của ta, thấy người nào cũng thích hai chữ "Sát Thát"⁷ bằng mực vào cánh tay, chúng tức lăm, giết hại rất nhiều. Rồi chúng đến Đông Bộ Đầu, dựng một lá cờ lớn:

Vua muốn sai người dò xét tình hình giặc mà chưa tìm được ai. Chi hậu cục thủ Đỗ Khắc Chung tiến lên tâu rằng:

"Thần hèn mọn bất tài, nhưng xin được đi".

Vua mừng, nói rằng:

"Ngờ đâu trong đám ngựa xe kéo xe muối lại có ngựa kỳ, ngựa ký như thế!"⁸

Rồi sai đem thư xin giảng hoà.

Ô Mã Nhi hỏi [Chung]:

"Quốc Vương người vô lễ, sai người thích chữ "Sát Thát", khinh nhờn thiên binh, lỗi ấy to lắm".

Khắc Chung đáp:

"Chó nhà cắn người lạ không phải [46a] tại chủ nó. Vì lòng trung phần mà họ tự thích chữ thôi, Quốc Vương tôi không biết việc đó. Tôi là cận thần, tại sao lại không có?".

Nói rồi gơ cánh tay cho xem. Ô Mã Nhi nói:

"Đại quân từ xa tới, nước người sao không quay giáo đến hội kiến, lại còn chống lệnh. Càng bỏ ngựa cản bánh xe liệu sẽ ra sao?".

Khắc Chung nói :

"Hiền tướng không theo cái phương sách Hàn Tín bình nước Yên⁹, đóng quân ở đầu biên giới, đưa thư tin trước, nếu không thông hiểu thì mới là có lỗi. Nay lại bức nhau, người ta nói thú cùng thì chống lại, chim cùng thì mổ lại, huống chi là người".

Ô Mã Nhi nói:

¹ Bắc Giang: tức là vùng đất tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

² Ô Mã Nhi: phiên âm từ tên Hồi giáo Omar.

³ Núi Phả Lại: tức là núi ở xã Phả Lại, cạnh sông Lục Đầu, đối diện với thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

⁴ Thực ra, ngày mồng 6 tháng giêng mới chỉ là ngày Ô Mã Nhi đánh vào phòng tuyến sông Bình Than. Mãi đến ngày mồng 9 (14-2-1258), sau trận thủy chiến lớn, quân ta mới rút.

⁵ Vũ Ninh: sau là Võ Giàng, nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

⁶ Đông Ngàn: tức là huyện Từ Sơn, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁷ Thát: tức là Thát Đát, phiên âm từ Ta-ta (Tatar hay Tartar) chỉ người Mông Cổ. Sát Thát nghĩa là giết giặc Thát Đát.

⁸ Ngựa kỳ, ngựa ký: chỉ những loại ngựa quý, ngựa tốt.

⁹ Hàn Tín: là tướng của Hán Cao Tổ, muốn đánh nước Yên, theo kế của Lý Tả Xa viết thư dụ trước, quả nhiên nước Yên đầu hàng.

"Đại quân mượn đường để đi đánh Chiêm Thành, Quốc Vương người nếu đến hội kiến thì trong cõi yên ổn, không bị xâm phạm mảy may. Nếu cứ chấp nê thì trong khoảnh khắc núi sông sẽ thành đất bằng, vua tôi sẽ thành cỏ nát".

Khắc Chung về rồi, Ô Mã Nhi bảo các tướng rằng:

"Người này ở vào lúc bị uy hiếp [46b] mà lời lẽ tự nhiên, không hạ chủ nó xưng là Chích¹, không nịnh ta lên là Nghiêu², mà chỉ nói "Chó nhà cắn người"; giỏi ứng đối. Có thể nói là không nhục mệnh vua. Nước nó còn có người giỏi, chưa dễ mưu tính được".

Sai người đuổi theo Khắc Chung nhưng không kịp.

Ngày 13, giờ mao, Khắc Chung từ chỗ quân Nguyên trở về. Giặc đuổi đến, đánh nhau với quan quân.

Ngày 28, Hưng Đạo Vương bàn xin Thượng tướng thái sư Quang Khải chặn đánh cánh quân của Nguyên soái Toa Đô ở Nghệ An³.

Tháng 2, ngày Giáp Thìn mồng 1, con thứ của Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang là thượng vị Chương Hiến hầu [Trần] Kiện và liêu thuộc là bọn Lê Trắc đem cả quân đầu hàng quân Nguyên⁴.

Toa Đô sai đưa bọn Kiện về Yên Kinh⁵. Thổ hào Lạng Giang⁶ là bọn Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Lĩnh, tập kích ở trại Ma Lục⁷. Gia nô của Hưng Đạo Vương là Nguyễn Địa Lô bắn chết Kiện. Trắc đưa xác Kiện lên ngựa, trốn đi đêm, chạy được vài chục dặm, tới Khâu Ôn [47a] chôn Kiện tại đó.

Sai người đưa công chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan, là muốn làm thư giãn loạn nước vậy.

Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng (Vương là dòng dõi Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thụy Bảo, ông cha làm quan đời Thái Tông, được ban quốc tính) đánh nhau với giặc ở bãi Đà Mạc, nay là bãi Mạn Trù) bị chết.

Khi bị bắt, Vương không chịu ăn, giặc hỏi việc nước, Vương không trả lời, giặc hỏi Vương: "Có muốn làm vương đất Bắc không?".

Wương thét to: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc", rồi bị giết.

Thế giặc bức bách, hai vua ngầm đi chiếc thuyền nhỏ đến Tam Trĩ nguyên⁸, sai người đưa thuyền ngự ra Ngọc Sơn⁹ để đánh lừa giặc.

Lúc ấy, xa giá nhà vua phiêu giạt, mà Quốc Tuấn vốn có kỳ tài, lại còn mối hiểm cũ của Yên Sinh Vương¹, nên có nhiều người nghi ngại. Quốc Tuấn theo vua, tay cầm chiếc gậy có bịt sắt nhọn. Mọi

¹ Chích: Là một tên cướp sùng sỏ trong truyền thuyết Trung Quốc.

² Nghiêu: Là vị hoàng đế lý tưởng trong truyền thuyết Trung Quốc.

³ Cánh quân do Toa Đô chỉ huy, được lệnh từ Chiêm Thành, đánh chiếm các châu lộ phía nam của ta, rồi tiến ra bắc, phối hợp với các đạo quân của Thoát Hoan bao vây tiêu diệt vua tôi và quân đội nhà Trần.

⁴ Trần Kiện vốn có hiềm khích với hoàng tử Đức Việt. Khi giặc Nguyên sang, Kiện được lệnh đóng giữ Thanh Hóa, Toa Đô tiến ra Thanh Hóa, Kiện đem bọn liêu thuộc đầu hàng giặc.

⁵ Yên Kinh: tức kinh đô nhà Nguyên.

⁶ Lạng Giang: tức Lạng Sơn ngày nay.

⁷ Trại Ma Lục: Ở Chi Lăng thuộc châu Lạng Giang thời đó, nay là tỉnh Lạng Sơn.

⁸ Tam Trĩ nguyên: là sông Ba Chẽ, ở huyện Ba Chẽ, thuộc tỉnh Quảng Ninh.

⁹ Ngọc Sơn: tên mũi biển thuộc châu Vạn Ninh tỉnh Quảng Yên đời sau, gần Móng Cái, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

người điếu gờm mắt nhìn. Quốc Tuấn liền rút đầu sắt nhọn vút đi chỉ chống gậy không mà đi, còn nhiều việc đại loại như thế.

[47b] Sử Thần Ngô sĩ Liên nói: Bậc đại thần ở vào hoàn cảnh bị hiểm nghi nguy hiểm, tất phải thành thực tin nhau, sáng suốt khéo xử, như hào cứu tử của quẻ Tuyền² thì mới có thể giữ tròn danh dự, làm nên sự nghiệp. Nếu không thế thì nhất định sẽ mang tai họa. Quách Tử Nghi nhà Đường, Trần Quốc Tuấn nhà Trần đã làm được như vậy.

Tháng 3, ngày Giáp Tuất, mồng 1 hai vua bỏ thuyền đi bộ đến Thủy Chú³. Lấy thuyền ra sông Nam Triệu⁴ (tức huyện Thủy Đường) vượt biển Đại Bàng⁵ vào Thanh Hóa.

Thượng vị Văn Chiêu hầu [Trần] Lộng đầu hàng Thoát Hoan. Kế đó, Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long đem gia thuộc đầu hàng quân Nguyên.

Trước kia, khi Ích Tắc chưa sinh. Thái Tông mộng thấy thần nhân ba mắt từ trên trời xuống nói với Thái Tông:

" Thần bị thương để quả trách, xin thác sinh là con vua, sau lại trở về phương Bắc".

Đến khi Ích Tắc sinh, giữa trán có vài vết lõm mờ như hình con bắt, [48a] hình dáng giống hệt người trong mộng. Đến 15 tuổi, thông minh hơn người, lâu thông kinh sử và các thuật, vẫn còn có ý tranh đoạt ngôi trường đích. Ích Tắc đã từng gửi thư riêng cho khách buôn ở Vân Đồn xin quân Nguyên xuống nam. Đến nay, người Nguyên vào cướp, Ích Tắc xin hàng chúng để mong được làm vua. Người Nguyên phong làm An Nam Quốc Vương. Sau khi quân Nguyên thất bại, Ích Tắc trong lòng hổ thẹn, chết ở đất Bắc.

Nguyên soái Toa Đô đem 50 vạn quân từ Vân Nam qua nước Lão Qua⁶, thẳng đến Chiêm Thành⁷, hội với quân Nguyên ở Châu Ô Lý⁸ rồi cướp châu Hoan, châu Ái⁹, tiến đóng ở Tây Kết¹⁰, hẹn trong ba năm sẽ san phẳng nước ta.

Vua bàn với bầy tôi rằng: "Bọn giặc nhiều năm phải đi xa, lương thảo chuyên chở hàng vạn dặm, thể tất mỏi mệt. Lấy nhàn chống mệt, trước hết hãy làm chúng nhụt chí, thì ắt là đánh bại được chúng".

Mùa hạ, tháng 4, vua sai bọn Chiêu Thành Vương (khuyết danh), Hoài Văn hầu Quốc Toàn, tướng quân Nguyễn Khoái đem tiệp binh đón đánh giặc [48b] ở bến Tây Kết.

Quan quân giao chiến với quân Nguyên ở Hàm Tử Quan¹¹. Các quân đều có mặt. Riêng quân của Chiêu Văn Vương Nhật Duật có cả người Tống, mặc quần áo Tống, cầm cung tên chiến đấu. Thượng

¹ Chỉ việc Thái Tông cướp vợ của Yên Sinh Vương Trần Liễu, thân phụ Hưng Đạo Vương.

² Lời hào cứu tử, quẻ Tuyền của Kinh dịch: "hữu phu, tại đạo, dĩ minh, bà cứu", nghĩa là: "Thành thực, phải đạo, sáng suốt sử trí thì sao có lỗi".

³ Thủy Chú: có lẽ ở vào khoảng huyện lỵ Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

⁴ Sông Nam Triệu: thời bấy giờ là con sông từ ngã ba Nam Triệu nay là xã Vũ Yên, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng chảy ra biển.

⁵ Cửa biển Đại Bàng nay là cửa Văn Úc thuộc huyện Kiến An, Hải Phòng. Biển Đại Bàng là vùng biển ngoài cửa Văn Úc.

⁶ Lão Qua: tức nước Lào ngày nay.

⁷ Các sử tịch Trung Quốc đều chép là Toa Đô xuất phát từ Quảng Châu theo đường biển tiến đánh Chiêm Thành vào tháng 11 năm Nhâm Ngọ (1282).

⁸ Ô Lý: tức vùng nam tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên-Huế ngày nay.

⁹ Châu Hoan: là vùng Nghệ Tĩnh ngày nay, Châu Ái: là tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

¹⁰ Tây Kết: ở ven sông Hồng, khoảng thôn Đông Kết, xã Đông Bình, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng. Ngày nay, thôn này cách sông Hồng 3km, đất bãi (tức bãi Mạn Trù, nay thuộc xã Tân Châu), nhưng xưa kia sông kề thôn.

¹¹ Hàm Tử Quan: ở xã Hàm Tử, huyện Châu Giang, Hải Hưng bên sông Hồng.

hoàng sợ các quân có thể không phân biệt được, sai người dụ rằng: "Đó là quân Thát¹ của Chiêu Văn đấy, phải nhận kỹ chúng".

Vì người Tống và người Thát, tiếng nói và y phục giống nhau. Quân Nguyên trông thấy [quân Tống] đều rất kinh hãi, bảo nhau là người Tống sang giúp, vì thế thua chạy. Trước kia, nhà Tống mất, nhiều người Tống theo ta, Nhật Duật thu nạp họ, có Triệu Trung làm gia tướng. Cho nên chiến công đánh bại giặc Nguyên, Nhật Duật lập được nhiều hơn cả.

Tháng 5, ngày mồng 3, hai vua đánh bại giặc ở phủ Trường Yên², chém đầu cắt tai giặc nhiều không kể xiết.

Ngày mồng 7, thám tử báo tin: Toa Đô từ Thanh Hoá tới.

Ngày mồng 10, có người từ chỗ giặc trốn về đến ngự doanh tâu báo:

Thượng tướng Quang Khải, Hoài Văn Hầu Quốc Toản và Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp cùng [49a] em là Nguyễn Truyền đem dân binh các lộ đánh bại quân giặc ở các xứ Kinh Thành, Chương Dương³. Quân giặc tan vỡ lớn. Bọn thái tử Thoát Hoan, Bình chương A Lạt rút chạy qua sông Lô⁴.

Ngày 15, hai vua bái yết các lăng ở Long Hưng.

Ngày 17, Toa Đô và Ô Mã Nhi lại từ biển đánh vào sông Thiên Mạc, muốn hội quân ở Kinh sư, để chi viện cho nhau.

Du binh giặc đến huyện Phù Ninh⁵, viên phụ đạo huyện ấy là Hà Đặc lên núi Trĩ Sơn cố thủ. Giặc đóng ở động Cự Đà⁶. Hà Đặc lấy tre đan thành những hình người to lớn, cho mặc áo, cứ đến chiều tối thì dẫn ra dẫn vào. Lại dùi thủng cây to, cắm tên người lớn vào giữa lỗ để giặc ngờ là sức bắn khoẻ xuyên suốt được. Giặc sợ không dám đánh nhau với Đặc. Quân ta hằng hái xông ra đánh bại được giặc. Đặc đuổi đánh đến A Lạp, bắc cầu phao qua sông, hằng đánh quá bị tử trận. Em là Chương bị giặc bắt, lấy trộm được cờ xí, y phục của giặc trốn về, đem [49b] dâng lên, xin dùng cờ ấy giả làm quân giặc, đến doanh trại giặc. Giặc không ngờ là quân ta, do vậy ta cản phá được chúng.

Ngày 20, hai vua tiến đóng ở Đại Mang Bộ⁷. Tổng quản giặc Nguyên là Trương Hiến đầu hàng. Hôm đó, ta đánh bại giặc ở Tây Kết, giết và làm bị thương rất nhiều, chém đầu Nguyên Soái Toa Đô⁸. Nửa đêm Ô Mã Nhi trốn qua cửa sông Thanh Hoá, hai vua đuổi theo nhưng không kịp bắt được hơn 5 vạn dư đảng giặc đem về, Ô Mã Nhi chỉ còn một chiếc thuyền vượt biển trốn thoát.

Hưng Đạo Vương lại giao chiến với Thoát Hoan và Lý Hăng ở Vạn Kiếp, đánh bại được, giặc chết đuối rất nhiều. Lý Hăng đem quân hộ vệ Thoát Hoan chạy về Tư Minh. Quân ta lấy tên tẩm thuốc độc bắn trúng đầu gối bên trái của Hăng, Hăng chết. Tỳ tướng Lý Quán thu nhặt 5 vạn quân còn lại, giấu Thoát Hoan vào một đê đồng, chạy chốn về Bắc. Đến Tư Minh, Hưng Vũ Vương đuổi kịp, dùng tên tẩm thuốc độc bắn trúng Lý Quán, Quán chết. Quân Nguyên [50a] tan vỡ lớn.

Vua trông thấy thủ cấp của Toa Đô, thương hại nói: "Người làm tôi phải nên như thế này".

¹ Thát: tức Thát Đát, xem chú thích 6, tr.50. Ở đây chỉ quân Tống tham gia hàng ngũ chiến đấu của Nhật Duật.

² Trường Yên: vùng đất tỉnh Ninh Bình.

³ Chương Dương: theo CMCB7 thì Chương Dương là tên bến. Nay ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Sơn Bình còn có tên xã Chương Dương ở ven sông Hồng.

⁴ Sông Lô: tức sông Hồng.

⁵ Phù Ninh: thuộc tỉnh Phú Thọ. Cánh quân giặc đến Phù Ninh hẳn là cánh quân rút chạy về Vân Nam.

⁶ Động Cự Đà: có lẽ thuộc xã Từ Đà, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Theo thần tích địa phương thì Hà Đặc là người xã Từ Đà.

⁷ Đại Mang Bộ: là tên bến trên sông Hồng, chưa rõ ở đâu.

⁸ Có tài liệu ghi là Toa Đô phóng ngựa rơi xuống nước chết (An Nam chí lược), lại có tài liệu ghi là Toa Đô chết ở sông Cầu (Nguyên sử)

Rồi cởi áo ngự, sai quân đem liệm chôn, nhưng ngầm sai lấy đầu Toa Đô đem tắm đầu để răn, vì cơ Toa Đô mượn đường vào cướp nước ta đã ba năm vậy¹.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Than ôi! Câu nói ấy của vua thực là câu nói của bậc đế vương ! Nói rõ đại nghĩa để người bề tôi muôn đời biết rằng trung với vua, chết vì phận sự là vinh, tuy chết mà bất hủ, mỗi quan hệ lớn lắm vậy. Huống chi lại cởi áo ngự, sai người liệm chôn nữa. Làm vậy có thể khích lệ sĩ khí để trừ giặc mạnh là phải lắm.

Tháng 6, ngày mồng 6, hai vua trở về kinh sư, Thượng tướng Quang Khải làm thơ rằng:

Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm hồ Hàm Tử quan.
Thái bình tu trí lược,
Vạn cổ thử giang san.
(Bến Chương Dương cướp giáo,
Cửa Hàm tử bắt thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước cũ muôn thu).

[59b] Ngày hôm ấy nước to.

Sai Trung phẩm phụng ngự Đặng Du Chi đưa bọn tể thần của Chiêm Thành là Bà Lậu, Kê Na Liên 30 người về nước, vì đi theo Toa Đô nên bị bắt.

Mùa thu, tháng 8, sai Tả bộc xạ Lưu Cương Giới tuyên phong công thần theo thứ bậc khác nhau và trị tội những kẻ hàng giặc.

Tháng 9, đổi niên hiệu là Trùng Hưng năm thứ 1. Đại xá

Bia chùa Bảo Thiên gãy làm đôi. Núi Cảo Sơn lở.

Ngày 12, gia tôn huy hiệu cho các tiên đế và tiên hậu

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu định hộ khẩu trong nước. Triều thần can là dân vừa lao khổ, định hộ khẩu thực không phải là việc cần kíp. Vua nói.

"Chỉ có thể định hộ khẩu vào lúc này, chẳng nên qua đó mà xem xét [tình trạng] hao hụt, điêu tàn của dân ta hay sao?". Quần thần đều khâm phục.

[51a] **Bính Tuất**, Trùng Hưng năm thứ 2 [1286], Nguyên Chí Nguyên năm thứ 23). Mùa xuân, tháng giêng, thả quân Nguyên về nước.

Tháng 2, sứ Nguyên là Hợp Tán Nhi Hải Nha² đến.

Tháng 3, vua Nguyên sắc phong cho Thượng thư tỉnh Áo Lỗ Xích³, Bình Chương sự Ô Mã Nhi, Đại tướng Trương Văn Hồ điều 50 vạn quân, hạ lệnh Hồ Quảng đóng 300 chiếc thuyền biển, hẹn tháng 8 hội cả ở Khâm Châu, Liêm Châu. Lại ra lệnh quân ba hành tỉnh Giang Chiết, Hồ Quảng, Giang Tây xâm lược phương Nam, mượn cơ đưa người đầu hàng là Trần Ích Tắc về nước lập làm An Nam Quốc Vương.

Mùa hạ, tháng 6, lệnh cho vương hầu, tôn thất mộ binh, thống lĩnh thuộc hạ của mình.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn:

"Thế giặc năm nay thế nào?".

Quốc Tuấn trả lời:

¹ Toa Đô xuất phát từ Quảng Châu để đánh Chiêm Thành từ năm 1282, đến khi đánh bại, bị chém đầu ở trận Tây Kết năm 1285, tức là đã 3 năm.

² Phiên âm từ tiếng Mông Cổ Kha-xa Kha-ya (Qasar - Qaya).

³ Tên Mông Cổ là A-gu-rúc-tri (Auruyci).

"Nước ta thái bình lâu ngày, dân không biết việc binh. Cho nên, năm trước quân Nguyên vào cướp, thì có kẻ đầu hàng chốn chạy. Nhờ uy tín của tổ tông và thần võ của bệ hạ, nên quét sạch được bụi Hồ. Nay nếu nó lại sang thì quân ta đã quen việc chiến trận, mà quân nó thì sợ phải đi xa. Và lại, chúng còn nơm nớp cái thất bại của Hảng, Quán¹ [51b] không còn chí chiến đấu. Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn".

Vua lệnh cho Hưng Đạo Vương đốc thúc vương hầu tôn thất điều động quân lính, chế tạo vũ khí, thuyền bè.

Mùa đông, tháng 10, kiểm duyệt, diễn tập quân lính điều động được.

Đình Củng Viên xin thôi quyền trông coi việc Nội mật viện. Vua y cho, ban [cho Viên] tước Nội minh tự.

Đình Hợi, Trùng Hưng năm thứ 3 [1287], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 24). Mùa xuân, tháng 2, Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu băng.

Tháng 2, cá nhà táng chết cạn ở sông Bạch Đằng, dài 2 trượng 6 thước, dày 6 thước.

Nhà Nguyên Phát Quân Mông Cổ, quân Hán Nam², 3 hành Tỉnh GiangHoài, Giang Tây, Hồ Quảng, lính Vân Nam, lính người Lê ở 4 châu ngoài biển³, chia đường vào cướp. Sai bọn vạn hộ Trương Văn Hổ đi đường biển, chở 70 vạn thạch lương⁴ theo sau. Lại đặt Chinh Giao Chỉ hành thương thư tỉnh [52a] do Bình chương sự Áo Lỗ Xích, các Tham tri chính sự Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thống lĩnh và chịu tiết chế của Trần Nam Vương.

Quan chấp chính xin bọn tráng đinh sung quân để tăng quân số lên nhiều. Trần Hưng Đạo nói: "Quân quý ở tinh nhuệ, không quý ở số đông. Dẫu đến 100 vạn quân mà như Bồ Kiên⁵ thì cũng làm gì được?".

Tháng 3, ân xá .

Mùa hạ, tháng 4, lấy Tá Thiên Đại Vương Đức Việp quyền tướng quốc sự.

Duyệt binh. Xử án. Định các danh sách.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, nhật thực.

Tháng 11, ngày 11, giờ Mùi, mặt trời rung thành 4 góc.

Ngày 14, Trịnh Xiển tâu rằng thái tử Nguyên A Thai⁶ xâm phạm ải Phú Lương.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương: "Giặc tới, liệu tình hình thế nào".

Vương trả lời: "Năm nay đánh giặc nhàn".

Ngày 24, lệnh cho cấm quân giữ ải Lãnh kinh⁷.

¹ Chỉ Lý Hảng và Lý Quán bị chết trong cuộc chiến tranh 1285.

² Quân Hán Nam: là quân người Hán ở nam Trung Quốc, trong khu vực đất nhà Nam Tống cũ, thư tịch Trung Quốc đời Nguyên thường gọi là quân tân phụ.

³ Tức bốn châu Nhai, Quỳnh, Đạm, Vạn trên đảo Hải Nam.

⁴ Thạch: là đơn vị đo lường thời xưa, mỗi thạch có 10 đấu.

⁵ Bồ Kiên: là vua tiền Tần (một nước do tộc Đê lập nên ở bắc Trung Quốc) đem 100 vạn quân đánh Đông Tấn (Hán tộc), bị các tướng Tấn như Tạ Thạch, Tạ Huyền đánh tan tác trong trận Phì Thủy nổi tiếng. Bồ Kiên sau trận này chỉ còn mười vạn tàn quân chạy trốn về Lạc Dương.

⁶ Theo Nguyên sử q.149, trong lần xâm lược này có một chư vương A Thai đi theo cánh quân Vân Nam do Ái Lỗ chỉ huy, có lẽ Toàn thư lầm ra là thái tử.

⁷ ải Lãnh Kinh: có lẽ vào khoảng Đáp Cầu, trên sông Cầu (Hà Bắc), cấm quân đóng ở đây để chặn đánh cánh quân Nguyên từ Vĩnh Bình, Chi Lăng đánh xuống.

Hưng Đức hầu Quán đem quân đón đánh, dùng tên tẩm thuốc độc bắn giặc chết và bị thương rất nhiều. Giặc lui về đóng ở ải Vũ Cao.

[52b] Ngày 28, Phán thủ thượng vị Nhân Đức hầu Toàn đem thủy quân đánh ở vụng Đa Mỗ¹ giặc chết đuối rất nhiều, ta bắt sống 40 tên và thu được thuyền ngựa, khí giới đem dâng.

Tháng 12, ngày 16, chiếu sai minh tự Nguyễn Thức đem quân Thánh dực dừng nghĩa đến chỗ Hưng Đạo Vương để giữ cửa Đại Than².

Ngày 26, [quân ta] gặp giặc, đánh bại chúng.

Ngày 30, thái tử Nguyên A Thai³ cùng Ô Mã Nhi hợp 30 vạn quân đánh vào Vạn Kiếp rồi thuận dòng xuôi về phía đông. Người các hương Ba Điểm, Bàn Hà đều đầu hàng chúng.

Khi ấy, thủy quân Nguyên đánh vào Vân Đồn, Hưng Đạo Vương giao hết công việc biên thủy cho Phó tướng Vân Đồn là Nhân Huệ Vương Khánh Dư. Khánh Dư đánh thất lợi⁴ thượng hoàng được tin, sai trung sứ xiềng Khánh Dư giải về kinh. Khánh Dư nói với trung sứ:

"Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khất hai, ba ngày, để [53a] mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn".

Trung sứ theo lời xin đó.

Khánh Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyền vận tải tất theo sau, nên thu thập tàn binh đợi chúng. Chẳng bao lâu thuyền vận tải quả nhiên đến, [Khánh Dư] đánh bại chúng, bắt được quân lương khí giới của giặc nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất nhiều. Lập tức sai chạy ngựa mang thư về báo. Thượng hoàng tha cho tội trước không hỏi đến và nói:

"Chỗ trông cậy của quân Nguyên là lương thảo khí giới, nay đã bị ta bắt được, sợ nó chưa biết, có thể còn hung hăng chăng?".

Bèn tha những tên bị bắt về doanh trại quân Nguyên để báo tin. Quân Nguyên quả nhiên rút lui. Cho nên, năm này, vết thương không thắm như năm trước, Khánh Dư có phần công lao trong đó.

Trước đây, Khánh Dư trấn giữ Vân Đồn, tục ở đó lấy buôn bán làm nghề nghiệp sinh nhai, ăn uống, may mặc đều dựa vào khách buôn phương Bắc, cho nên quần áo, đồ dùng theo tục người Bắc. Khánh Dư duyệt quân các trang, ra lệnh: "Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc [53b] Hồ, không thể đội nón của phương Bắc, sợ khi vội vàng khó lòng phân biệt, nên đội nón Ma Lô (Ma Lô là tên một hương ở Hồng Lộ, hương này khéo nghề đan cật tre làm nón, cho nên lấy tên hương làm tên nón), ai trái tất phải phạt".

Nhưng Khánh Dư đã sai người nhà mua nón Ma Lô từ trước, chở thuyền đến đậu trong cảng rồi. Lệnh vừa ra, sai người ngà 2m báo dân trong trang: "Hôm qua thấy trước vụng biển có thuyền chở nón Ma Lô đậu".

Do đấy, người trong trang nổi gót trrranh nhau mua nón, ban đầu muaa không tới 1 tiền, sau giá đắt, bán 1 chiếc nón giá 1 tấm vải. Số vải thu được tới hàng ngàn tấm. Thơ mừng của một người khách phương Bắc câu: "Vân Đồn kê khuyến diệc giai kinh" (Vân Đồn gà chó thày đều kinh) là nói thác sợ phục uy danh của Khánh Dư mà thực là châm biếm ngầm ông ta. Khánh Dư tính tham lam, thô bỉ, những nơi ông ta trấn nhậm, mọi người đều rất ghét. Nhân Tông chỉ tiếc ông có tài làm tướng, nên không nỡ bỏ mà thôi.

¹ Đây là trận chặn đánh cánh quân thủy do Ô Mã Nhi, Phần Tiếp chỉ huy ở vùng mũi Ngọc gần Móng Cái bây giờ.

² Đại Than: là tên xã, ở huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, gần chỗ sông Đuống chảy ra sông Lục Đầu. Cửa Đại Than tức là cửa sông Đuống.

³ Ở đây, Toàn thư đã chép nhầm Thoát Hoan thành A Thai. Khi Thoát Hoan tiến quân đến Vạn Kiếp, thì cánh quân phía tây của Trình Bạng Phi và cánh thủy quân của Ô Mã Nhi, Phần Tiếp cũng đến hội quân ở đây.

⁴ Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư chịu trách nhiệm giữ vùng bờ biển, không chặn nổi thủy quân giặc, để chúng qua được cửa An Bang tiến về Vạn Kiếp. Vân Đồn nay tức là Vân Hải, tỉnh Quảng Ninh.

[54a] **Mậu Tý**, [Trùng Hưng] năm thứ 4 [1288], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 25). Mùa xuân, tháng giêng, Ô Mã Nhi đánh vào phủ Long Hưng¹.

Ngày mồng 8, quan quân hội chiến ngoài biển Đại Bàng, bắt được 300 chiếc thuyền giặc, 10 thủ cấp giặc, quân Nguyên bị chết đuối rất nhiều².

Tháng 2, ngày 29, Ô Mã Nhi đánh vào trại Yên Hưng³.

Tháng 3, ngày mồng 8, quân Nguyên hội ở sông Bạch Đằng để đón thuyền lương của bọn Trương Văn Hổ nhưng không gặp. Hưng Đạo Vương đánh bại chúng.

Trước đó, Vương đã đóng cọc ở sông Bạch Đằng, phủ cỏ lên trên. Hôm ấy, nhân lúc nước triều lên, Vương cho quân khiêu chiến rồi giả cách thua chạy, bọn giặc đuổi theo, quân ta cố sức đánh lại. Nước triều xuống, thuyền giặc vướng cọc hết. Nguyễn Khoái chỉ huy quân Thánh dực dũng nghĩa đánh nhau với giặc, bắt sống Bình chương Áo Lỗ Xích⁴. Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn, quân Nguyên chết đuối nhiều không kể xiết, nước sông do vậy đỏ ngầu cả. Đến khi Văn Hổ tới quân mai phục hai bên bờ hăng hái xông ra đánh, [54b], lại đánh bại chúng. Nước triều rút nhanh, thuyền lương của Văn Hổ mắc trên cọc, nghiêng đắm gần hết. Quân Nguyên chết đuối rất nhiều. Bắt được 400 chiếc thuyền. Nội Minh tự Đỗ Hành bắt được Ô Mã Nhi và Tích Lê Cơ Ngọc⁵ dâng lên thượng hoàng⁶. Thượng hoàng sai dẫn lên thuyền ngự, cùng ngồi nói chuyện với chúng và uống rượu vui vẻ. Thoát Hoan và A Thai dẫn quân trốn về Tư Minh, thổ quan là Hoàng Nghệ bắt được đem dâng⁷.

Hai vua trở về phủ Long Hưng.

Ngày 17, đem các tướng giặc bị bắt là Tích Lê Cơ Ngọc, Nguyên soái Ô Mã Nhi, Tham chính Sầm Đoàn, Phàn Tiếp, Nguyên soái Điền, các Vạn hộ, Thiên hộ làm lễ dâng thặng trận ở Chiêu Lăng.

Trước đó quân Nguyên đã khai quật Chiêu Lăng muốn phá đi, nhưng không phạm được tới quan tài. Đến khi giặc thua, chân ngựa đá [ở lăng] đều bị lấm bùn. Đó là thần linh giúp ngầm vậy. Khi vua cử lễ bái yết, có làm thơ rằng:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện [55a] kim âu.
(Xã tắc hai phen bon ngựa đá,
Non sông ngàn thuở vững âu vàng⁸.)

Ngày 27, xa giá hai vua trở về kinh sư.

Mùa hạ, tháng 4, Thượng hoàng ngự ở hành lang Thị Vệ (vì cung điện bấy giờ đã bị giặc đốt hết), đại xá thiên hạ. Những nơi bị binh lửa, cướp phá thì miễn giảm theo mức độ khác nhau.

Vua dụ ty Hành khiển giao hảo với viện Hàn lâm.

¹ Phủ Long Hưng: là đất huyện Tiên Hưng cũ, nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, nơi có lăng mộ của họ Trần. Bọn Ô Mã Nhi đã khai quật lăng Trần Thái Tông để trả thù lần thất bại trước.

² Trận Đại Bàng là trận thủy chiến giữa thủy quân nhà Trần với bọn Ô Mã Nhi khi bọn này đi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ. Cửa Đại Bàng nay là cửa Văn Úc ở huyện Kiến An, Hải Phòng.

³ Trại Yên Hưng: ở vùng huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Sau khi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ không kết quả. Ô Mã Nhi trở về Vạn Kiếp. Trên đường về, hãn cho quân đi cướp phá một số nơi thuộc An Bang (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) như trại Yên Hưng.

⁴ Thực ra, Áo Lỗ Xích theo Thoát Hoan trốn thoát chứ không bị bắt.

⁵ Nhiều tài liệu khác đều ghi là Tích Lê Cơ, hay Tích Lê Cơ Đại Vương. Viên tướng Mông Cổ này tên là Tích Lê Cơ, còn Vương là tước hiệu. Chữ Ngọc? chép lầm từ chữ Vương?.

⁶ Đoạn này có nhiều sai lầm, đã chép lẫn lộn việc Ô Mã Nhi đi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ với trận phục kích đánh bọn Ô Mã Nhi khi chúng rút chạy về nước.

⁷ Thoát Hoan theo đường bộ chạy trốn, đã thoát được, chứ không bị bắt.

⁸ Âu vàng (kim âu): Là biểu tượng sự toàn vẹn và vững chắc của lãnh thổ một nước.

Lệ cũ, mỗi khi tuyên đọc lời vua, thì viện Hàn lâm lĩnh đưa bản thảo tờ chiếu cho Hành khiển để giảng tập trước. Đến khi tuyên đọc, thì giảng cả âm nghĩa cho dân thường dễ hiểu, vì chức Hành khiển để dùng hoạn quan thôi. Bấy giờ, Lê Tông Giáo làm tả phụ, vốn bất hòa với Hàn lâm phụng chỉ Đinh Cung Viên. Ngày tuyên đọc lời vua đã đến rồi mà Cung Viên vẫn cố ý không đưa bản thảo. Tông Giáo đòi nhiều lần vẫn không được.

Hôm ấy, xa giá sắp ra ngoài cung, Cung Viên mới đưa bản thảo. Tông Giáo tuyên đọc tờ chiếu đại xá, không hiểu âm nghĩa, phải im lặng. Vua [55b] gọi Cung Viên đứng đằng sau, nhắc bảo âm nghĩa. Tông Giáo rất thẹn. Tiếng nhắc của Cung Viên to dần, mà tiếng đọc của Tông Giáo lại nhỏ đi, trong triều chỉ còn nghe thấy tiếng của Cung Viên thôi. Vua về trong cung, gọi Tông Giáo dụ bảo:

"Cung Viên là sĩ nhân, người là trung quan¹ sao lại bất hòa đến thế? Người là lưu thủ Thiên Trường, dùng con rươi quả quýt đi lại, đưa tặng lẫn nhau thì có việc gì?"

Từ đó, Tông Giáo và Cung Viên giao hảo với nhau càng gần bó.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua bảo kẻ thần hạ tặng biếu giao hảo với nhau, thì chẳng phải là gây cái tệ tư giao giữa người làm tôi với nhau sao?

Xin thưa, giao hảo với tư giao, việc thì giống nhau, nhưng tình thì có khác. Đem tư tâm mà kết ngầm với nhau, đó là tư giao, như Kinh Xuân thu chê Thái Bá đến nước Lỗ là thế². Lấy tình nghĩa giao hoan với nhau thì không phải là tư giao, như thi nhân ngâm vịnh việc tặng dưa tặng mận³ cho nhau [56a] là vậy. Vua bảo bề tôi giao hảo với nhau là để cùng nhau làm tốt việc của nhà vua. Nhà Trần trung hậu như thế [qua việc này] có thể thấy được. Nhưng lấy hoạn quan không biết chữ làm Hành khiển thì cũng không phải.

Mù thu, tháng 9, phu nhân Hưng Đạo Vương Nguyên tử quốc mẫu Trần thị (tức công chúa Thiên Thành) mất.

Mùa đông, tháng 10, sai Đỗ Thiên Hư (Thiên Hư là em Khắc Chung) sang Nguyên. Đỗ Khắc Chung [trước đây] đi sứ sang Nguyên có công, đến nay, tiến cử em là Thiên Hư. Vua nghe theo.

Kỷ Sửu, Trùng Hưng năm thứ 5 [1289], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 26). Mùa xuân, tháng 2, sai Nội thư Hoàng Tá Thốn đưa bọn Ô Mã Nhi về nước, dùng kế của Hưng Đạo Vương, lấy người giỏi bơi lội, sung làm phu thuyền, ban đêm dúi thuyền cho đắm, bọn Ô Mã Nhi đều chết đuối cả.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Chữ tín là vật báu của nước, mà làm cho người khác phục mình sâu sắc thì đó là gốc của vương chính. [56b] Hưng Đạo Vương dùng bá thuật⁴, muốn được thành công trong một thời mà không biết làm như thế là đã thất tín với muôn đời. Đã nói là đưa về nước lại dùng mưu kế để giết đi, thì thực quý quyết quá lắm. Thái Tổ Cao Hoàng Đế nước Đại Việt ta⁵ đang khi dẹp loạn, định tha người Minh về nước. Bọn nguy quan có kẻ viện dẫn cho người Minh nghe câu chuyện dúi thuyền của Hưng Đạo Vương khi trước nhằm ngăn cản ý muốn về nước của họ. Nhưng lòng tín thực của Thái Tổ thấu đến cả muông thú, nên rốt cuộc người Minh tin theo không ngờ vực. Thế mới là làm cho người khác phục mình sâu sắc và là cội gốc của vương chính. Đâu có thể nói [chữ tín] chỉ là chuyện nhỏ nhặt.

Tháng 3, ngày mồng 1, nhật thực.

Mùa hạ, tháng 4, định công dẹp giặc Nguyên.

¹ Trung quan: tức là hoạn quan.

² Thái Bá làm khanh sĩ của nhà Chu, không có lệnh của vua nhà Chu, tự tiện sang nước Lỗ, như vậy là tư giao (Xem Tả truyện, Lỗ An Công năm thứ nhất).

³ Thi Kinh có bài Mọc qua, ngâm vịnh việc tặng dưa tặng mận cho nhau, ca ngợi quan hệ hữu hảo tốt đẹp.

⁴ Bá thuật: là những thủ đoạn xảo trá để đạt mục đích nhất thời, bất chấp nhân nghĩa. Đối lập với bá thuật là vương đạo, vương chính, nghĩa là đường lối chân chính, trọng nhân nghĩa, trọng tín lễ, làm cho người khác thực lòng tin phục.

⁵ Chỉ Lê Lợi: Trong khi vây đánh thành Đông Quan, Lê Lợi nhiều lần viết thư dụ hàng bọn Vương Thông, hứa sẽ cho chúng an toàn về nước. Có lần Vương Thông định nghe theo, nhưng bọn nguy quan Lương Nhữ Hốt dẫn việc Hưng Đạo Vương dúi thuyền giết tù binh, Vương Thông lại ngoan cố chống lại. Sau khi hai cánh viện binh thất bại, Vương Thông mới chịu đầu hàng.

Tiến phong Hưng Đạo Vương làm Đại Vương, Hưng Vũ Vương làm Khai Quốc công, Hưng Nhượng Vương làm Tiết độ sứ. Người nào có công lớn thì được ban quốc tính. Khắc Chung được dự trong số đó, lại được nhận chức Đại hành khiển. Đỗ Hành chỉ được phong [57a] Quan nội hầu, vì khi bắt được Ô Mã Nhi không dâng lên quan gia¹, lại dâng lên Thượng hoàng. Hưng Trí Vương không được thăng trật, vì đã có chiếu cho người Nguyên về nước, các tướng không được cản trở, mà lại còn đón đánh chúng. Cho Man trưởng Lạng Giang Lương Uất làm trại chủ Quy Hóa. Hà Tất Năng làm Quan phục hầu vì đã chỉ huy người Man đánh giặc.

Việc thưởng tước đã xong, vẫn còn có người chưa bằng lòng. Thượng hoàng dụ rằng:

"Nếu các khanh biết chắc là giặc Hồ không vào cướp nữa thì nói rõ cho trẫm biết, dù có thăng đến cực phẩm trẫm cũng không tiếc. Nếu không thế mà đã vội thưởng hậu, vạn nhất giặc Hồ trở lại, và các khanh lại lập công nữa thì trẫm lấy gì mà thưởng để khuyến khích thiên hạ".

Mọi người đều vui vẻ phục tùng.

Tháng 5, trị tội những kẻ đã hàng giặc. Chỉ quân lính và dân thường được miễn tội chết, nhưng bắt chớ gỗ đá, xây cung điện để chuộc tội, quan viên phạm tội [57b] [hàng giặc] thì tùy tội nặng nhẹ mà xét xử.

Lấy Phùng Sĩ Chu làm Hành hiển.

Sĩ Chu người [xã] Cổ Liễu, Trà Hương. Khi người Nguyên sang, vua sai Sĩ Chu bói. Sĩ Chu đoán rằng: "Thế nào cũng đại thắng".

Vua mừng bảo; "Nếu đúng như lời đoán, sẽ có trọng thưởng".

Giặc yên, vua nói: "Thiên tử không có nói đùa". Do đấy, có lệnh này. Sĩ Chu là người trung hiếu, có tài văn nghệ, làm quan đến Thiếu phó, hiệu là Tồn Trai tiên sinh.

Gia phong Nguyễn Khoái làm liệt hầu, ban cho một quận thang mộc, gọi là Khoái Lộ?, sau đổi thành Khoai Lộ? (nay là phủ Khoái Châu).

Định các công thần [đánh Nguyên] lần trước và lần sau. Người nào xông lên trước phá trận giặc, lập kỳ công thì chép vào tập Trung hưng thực lục lại sai vẽ hình.

Xử tội đồ quân dân hai hương Ba Điểm và Bàn Hà, làm thang mộc binh², không được làm quan, ban cho tế thần làm sai sử hoành³.

Trước kia, người Nguyên vào cướp, vương hầu, quan lại nhiều người đến doanh trại giặc xin hàng. Đến khi giặc thua [58a] bắt được cả một hòm biểu xin hàng. Thượng hoàng sai đốt hết đi để yên lòng những kẻ phản trắc. Chỉ có kẻ nào đầu hàng trước đây, thì dẫu bản thân ở triều đình giặc, cũng kết án vắng mặt, xử tội đi đày hoặc tử hình, tịch thu điền sản, sung công, tước bỏ quốc tính. Như Trần Kiện là con của Tĩnh Quốc thì đổi làm họ Mai. Người khác cứ theo lệ ấy mà đổi, như bọn Mai Lộng, Ích Tắc là chỗ tình thân cốt nhục, tuy trị tội cũng thế, nhưng không nỡ đổi họ xóa tên, chỉ gọi là A Trần, có ý chê hèn hèn nhát như đàn bà vậy. Vì thế, những ghi chép đương thời đều gọi là A Trần, Mai Kiện...

Có tên Đặng Long là cận thần của vua, rất giỏi văn học, tước đến hạ phẩm, đã được ghi chú để cất nhắc. Vua định cho làm Hàn lâm học sĩ, nhưng lâm học sĩ, nhưng Thượng hoàng ngăn lại. Hãn mang dạ bất bình, đến giờ cũng hàng giặc. Giặc thua, hãn bị bắt, đem chém để răn bảo kẻ khác.

Thượng hoàng ngự đến hành cung Thiên Trường, có làm bài thơ rằng:

Cảnh thanh u vật diệt thanh u,
Thập nhất [58b] tiên châu, thủ nhất châu.

¹ Thời Trần gọi vua là Quan gia.

² Thang mộc binh: Lính hầu trong các ấp thang mộc, tức đất phong của vương hầu.

³ Sai sử hoành: nô tỳ dùng để sai khiến.

Bách bộ sênh ca, cầm bách thiết,
 Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu
 Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
 Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.
 Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tính,
 Kim niên du thẳng tích niên du

(Cảnh thanh u, vật cũng thanh u,
 Mười một tiên châu, đây một châu.
 Trăm giọng chim ca, trăm bộ sáo
 Ngàn hàng cây quýt ngàn tên nô
 Trăng vô sự soi người vô sự,
 Nước về thu ngâm trời về thu.
 Bốn biển đã quang, trần đã lặng.
 Chuyển đi nay thẳng chuyển đi xưa).

Vì là xúc cảm về hai lần đánh giặc đã qua mà phát thành thơ vậy.

Hạn từ tháng 6 mùa hạ đến tháng 10 mùa đông.

Canh Dần, [Trùng Hưng] năm thứ 6 [1290], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 27). Mùa xuân, tháng 2, chọn quan văn chia đi cai trị các lộ.

Vua thân đi đánh Ai Lao. Triều thần can rằng: "Giặc Hồ vừa rút, vết thương chưa lành, đâu đã có thể dấy binh đao!".

Vua nói:

"Chỉ có thể lúc này ra quân thôi. Vì sau khi giặc rút, ba cõi tất cho là lính tráng, ngựa chiến của ta đã chết cả, thế không thể lên nổi, sẽ có sự khinh nhờn từ bên trong, cho nên phải cất quân lớn để thị uy".

Bầy tôi đều nói:

"Nhà vua há chẳng biết làm nhọc dân là việc đáng lo, nhưng còn có việc đáng lo lớn hơn [59a] thế nữa. Thánh nhân lo xa, bọn thần không thể nghĩ đến được".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bầy giờ, triều thần can việc thân chinh chưa phải là sai lắm, đến khi nghe lời Nhân Tông mà vội tán tụng là "thánh nhân lo xa" thì gần như là nịnh hót rồi.

Tháng 3, gia phong Tá Thiên Đại Vương Đức Việp làm Nhập nội Kiểm hiệu thái úy.

Mùa hạ, tháng 4, sông Tô Lịch chảy ngược (sông này hể có mưa to thì nước rút, tràn và chảy ngược).

Tháng 5, ngày 25, Thượng hoàng băng ở cung Nhân Thọ.

Lấy Hạ phẩm phụng ngự Phạm Ngũ Lão chỉ huy Hữu vệ Thánh dực quân.

Mùa thu, tháng 8, sai Ngô Đình Giới sang cáo phó với nước Nguyên.

Tháng 9, để tang Thánh Tông mới hơn 3 tháng, Ngự sử đại phu Đỗ Quốc Kế tâu rằng:

"Phàm để tang không nên [59b] làm thương tổn người sống. Nay thiên tử đều dùng kiệu khiêng, thế là người sống bị tổn thương, xin hãy cởi ngựa". Vua nghe theo, chỉ dùng yên trắng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Xem lời tâu của Quốc Kế, chẳng những học vấn nông cạn mà kiến thức cũng thấp hèn. Cởi ngựa không phải là điều nên làm trong tang chế mà cứ xin cởi ngựa; làm thương tổn người [sống] có người là hủy thân thể, diệt sinh mạng, mà lại bảo [đi kiệu] là thương tổn người [sống]! Học vấn của hắn như thế, kiến

thức của hãn như thế thì việc sửa lỗi, nắn lỗi sẽ ra sao? Nhân Tông đang có tang, không nhận ra điều sai trái đó mà lại lầm lẫn làm theo thì cũng không phải.

Đói to, 3 thăng gạo giá 1 quan tiền, dân nhiều người bán ruộng đất, và bán con trai con gái làm nô tỳ cho người, mỗi người giá 1 quan tiền.

Xuống chiếu phát thóc công chẩn cấp dân nghèo và **[60a]** miễn thuế nhân đinh.

Mùa đông, tháng 12, ngày 15, táng [Thượng hoàng] ở Dụ Lăng, miếu hiệu là Thánh Tông, truy tôn là Huyền Công Thịnh Đức Nhân Minh, Văn Vũ Tuyên Hiếu Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thánh Tông nổi nghiệp Thái Tông, giữa chừng gặp tai họa giặc vào cướp, đã ủy nhiệm tướng thần, cùng với Nhân Tông chung sức, cùng nhau vượt qua, khiến cho thiên hạ đã tan mà lại họp, xã tắc đã nguy mà lại yên, suốt đời Trần, không còn nạn xâm lược của giặc Hồ¹ nữa. Công lao ấy to lớn lắm.

Tân Mão, [Trùng Hưng] năm thứ 7 [1291], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 28). Năm này lại đói to, ngoài đường nhiều người chết đói.

Nhà Nguyên sai Lê bộ thượng thư Trương Lập Đạo sang dụ vua vào châu². Năm sau, (vua) sai Nguyễn Đại Pháp sang Nguyên từ chối, lấy cớ có tang.

[60b] Nhâm Thìn, [Trùng Hưng] năm thứ 8 [1292], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, nhật thực.

Lấy Phí Mạnh làm An phủ Diễn Châu, giữ chức chưa bao lâu, có tiếng đồn là tham ô, vua triệu về, đánh trượng, lại sai đi trấn trị. Sau được tiếng là công bằng thang liêm. Người Diễn Châu vì thế có câu rằng: "Diễn Châu an phủ thanh như thủy" (An Phủ Diễn Châu trong tựa nước).

Lấy Trần Thì Kiến làm An phủ lộ Yên Khang³, nhưng tên huyện đã bỏ và đất chia nhập vào huyện Tam Điệp và huyện Kim Sơn.

Trước đây, quân Nguyên vào cướp, vua sai Thì Kiến bói, được quẻ Dự biến sang quẻ Chấn, đoán là tốt. Mùa hạ năm sau, quân Nguyên đại bại, quả đúng như lời đoán. Mùa thu năm Trùng Hưng thứ 2, quân Nguyên lại vào cướp, vua lại sai bói, được quẻ Quan biến sang quẻ Hoán, [Kiến] đoán: "Hoán nghĩa là tan, là điềm giặc tan". Sau quân Nguyên đến sông Bạch Đằng, quả nhiên tan chạy. Vua khen tài của Kiến, cho nên có lệnh này.

Tháng 2, ngày mồng 3, lập Đông cung thái tử Thuyên làm Hoàng thái tử. Lấy con gái trưởng **[61a]** của Hưng Nhượng Vương Quốc Tăng làm phi cho thái tử.

Lấy Đinh Cung Viên làm Thái tử thiếu bảo, thăng tước Quan nội hầu.

Tháng 3, xuống chiếu rằng phạm văn tự bán đứt hoặc cầm đợ thì phải làm hai bản giống nhau, mỗi bên cầm một bản.

Xuống chiếu cho những mua dân lương thiện làm nô tỳ thì phải cho chuộc lại; ruộng đất, nhà cửa không theo luật này. Vì là nạn đói hai năm Canh Dần và Tân Mão, nhiều người chết, [nên có chiếu này].

Vua từng ngự chơi bên ngoài, giữa đường, hễ gặp gia đồng của vương hầu thì tất gọi chúng mà hỏi: "Chủ mày đâu?", rồi răn các vệ sĩ không được thét đuổi. Đến khi về cung, bảo tả hữu rằng:

"Ngày thường thì có thị vệ tả hữu, khi quốc gia lâm hoạn nạn thì chỉ có bọn chúng có mặt". Vì là vua cảm mến bọn chúng đi theo bảo vệ mình hồi phải chạy ra khỏi kinh thành mà nói thế.

¹ Giặc Hồ ở đây chỉ quân xâm lược Nguyên Mông.

² Theo An Nam chí lược, mãi đến ngày 18 tháng 3 năm Nhâm Thìn (1292), Trương Lập Đạo mới tới Khâu Ôn (Ôn Châu, Lạng Sơn).

³ Yên Khang: là huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Nguyễn Đại Phạp đến nước Nguyên, người Nguyên gọi là Lão lệnh công. Đại Phạp tới Ngọc Châu, vào yết kiến các quan bình chương ở hành tỉnh. Lúc ấy Chiêu Quốc Vương Ích Tắc cũng ngồi ở đó. Đại Phạp [61b] chỉ không chào một mình hẳn. Ích Tắc hỏi:

"Người không phải là tên biên chép ở nhà Chiêu Đạo Vương đó ư?" (Chiêu Đạo Vương trước tên là Quang Xưởng, là con thứ của Thái Tông, anh cùng mẹ của Ích Tắc). Đại Phạp trả lời"

"Việc đời đổi thay, Đại Phạp trước vốn là tên biên chép cho Chiêu Đạo Vương, nay là sứ giả, cũng như Bình chương xưa kia là con vua, nay lại là người đầu hàng giặc".

Ích Tắc có vẻ hổ thẹn. Từ đấy về sau, sứ ta đến, hẳn không còn ngồi ở tỉnh đường nữa.

Quý Ty, [Trùng Hưng] năm thứ 9 [1293], (từ tháng 3 trở đi là Anh Tông Hưng Long năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 30). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 9, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Thuyên. [Hoàng thái tử Thuyên] lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ 1, đại xá, tự xưng là Anh Hoàng, tôn Thượng hoàng làm Hiến Nghiêu Quang Thánh Thái Thượng Hoàng Đế, tôn Bảo Thánh hoàng hậu làm Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là Ứng Thiên Quảng Vận Nhân Minh Thánh Hiếu Hoàng Đế. Phong bà phi làm Văn Đức phu nhân, rồi lại phế đi, lấy em gái Văn Đức làm Thánh [62a] Tư phu nhân.

Mùa thu, tháng 9, ngày 13, Khâm từ bảo thánh hoàng thái hậu băng ở Lỗ Giang, phủ Long Hưng, tạm an táng ở cung Long Hưng.

Thái hậu nhu mì đức tốt, thông minh sáng suốt, nhân hậu với kẻ dưới.

Thượng hoàng có lần làm chuông hổ ở thềm Vọng Lô, sai quân sĩ đánh nhau với hổ, [thượng hoàng] ngự trên lầu để xem, thái hậu và phi tần đều theo hầu. Lầu thấp, song chuông hổ và thềm cũng thấp, hổ bỗng nhiên thoát khỏi chuông trèo lên lầu. Người trên lầu đều tan chạy cả. Chỉ có Thượng hoàng và Thái hậu cùng 4, 5 thị nữ còn ở đó. Thái hậu nghĩ không khỏi bị hại, mới lấy chiếc chiếu che cho Thượng hoàng và tự che mình. Hổ lên lầu gầm rống rồi nhảy xuống không vồ hại ai cả.

Lại một lần Thượng hoàng ngự điện Thiên An xem đấu voi ở Long Trì. Con voi bỗng nhiên xông thoát, xông tới, định lên điện, tả hữu đều sợ hãi tan chạy cả, chỉ có Thái hậu vẫn ở đó.

[62b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Hổ hay vồ, voi hay quật, há chẳng đáng khiếp sợ sao. Thế mà Thái hậu đương lúc chúng lồng lộn xông xáo, tâm thần không dao động, bình tĩnh đối phó vì bà suy nghĩ chín chắn, lý lẽ đã sáng tỏ vậy.

Kể người đàn bà đáng điệu mềm yếu mà có thể như thế, so với nàng Tiệp Dư ngày xưa đứng chắn gấu [cho vua]¹, có lẽ cũng không thẹn gì. Kẻ sĩ đại phu, há chẳng nghĩ làm thế nào đạt đến mức suy nghĩ chín chắn, lý lẽ sáng tỏ, để đối phó với mọi chuyển biến của sự cơ hay sao?

Có người nói Nhân Tông xem đánh hổ, đấu voi, nếu Thái hậu quả là nguời hiền, thì nên can ngăn đi, can mà [vua] không nghe, thì coi trâm hoa để tạ tội là phải². Nay lại đi theo để xem, đến lúc nguy cấp, thoát khỏi tai họa là may, sao lại được gọi là hiền?

Xin thưa: Đó là những lời trách quá đáng, không phải là lời bàn thường tình.

[63a] Chiêm Thành sang cống.

Sao Chối xuất hiện ở vùng sao Tử Vi, sát tới sao Đẩu, sao Khôi, tia sáng hơn 1 thước, đến trăm ngày mới tắt.

Nhà Nguyên sai Binh bộ thượng thư Lương Tăng dụ vua vào châu. Vua lấy có bệnh từ chối, sai Đào Tử Kỳ sang tặng phương vật. Nhà Nguyên giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng, lập An Nam hành tỉnh, lấy

¹ Phùng Tiệp Dư, là một cung nhân của Hán Nguyên Đế; đứng hầu Nguyên Đế xem chuông gấu, gấu bỗng xông thoát, định trèo lên điện, Tiệp Dư đứng chắn trước vua, ngăn không cho gấu đụng đến vua.

² Theo tích Khương Hậu, vợ Chu Tuyên Vương, Khương Hậu thấy vua hay dậy trưa, khuyên mãi không được, bèn coi bỏ trâm hoa mà tạ tội. Tuyên Vương từ đấy chăm chính sự, ra châu sớm, bãi châu muộn.

bọn Bình chương Lưu Nhị Bạt Đô¹ cầm quân đóng ở Tĩnh Giang², đợi lệnh tiến đánh. Tháng giêng năm sau, nguyên Thế Tổ băng. [Nguyên] Thành Tông³ lên ngôi, xuống chiếu bãi binh, thả Tử Kỳ về nước.

Phong em là Quốc Chấn làm Huệ Vũ Đại Vương.

¹ Tức Lưu Quốc Kiệt, Bạt Đô là phiên âm tiếng Mông Cổ (baatur), có nghĩa là "dũng sĩ". "người dũng cảm", là danh hiệu của Lưu Quốc Kiệt.

² Tĩnh Giang: tức là huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

³ Nguyên Thế Tổ Hốt Tắt Liệt chết ngày Quý Dậu, tháng giêng, năm Giáp Ngọ (18 tháng 2 năm 1294). Nguyên Thành Tông tức là Thiết Mộc Nhĩ (Tamura) lên ngôi, ra lệnh bãi binh đánh Đại Việt.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỳ Toàn Thư

Quyển VI

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Anh Tông Hoàng Đế

Tên là Thuyên, con trưởng Nhân Tông, mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, thọ 45 tuổi, băng ở cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường, táng ở Thái Lăng. Vua khéo biết kế thừa, cho nên thời cuộc đi tới thái bình, chính trị trở nên tốt đẹp, văn vật chế độ ngày càng thịnh vượng, cũng là bậc vua tốt của triều Trần. Song tụ họp nhà sư trên núi Yên Tử, làm nhọc sức dân dựng gác Ánh Vân, thì chẳng phải là tỳ vết nhỏ trong đức lớn đó sao?

Giáp Ngọ, Hưng Long năm thứ 2 [1294], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 31). Mùa xuân tháng 2, ngày mồng 7 ban bố các chữ quốc huy: chữ huy của vua là Thuyên, của Nhân Tông là Khâm, của Thánh Tông là Hoàng; của Thái Tông là Cảnh, của Thái Tổ là Thừa, của Nguyên Tổ là Lý; các chữ nội huy: Thánh Từ hoàng hậu là Phong, Thuận Từ hoàng hậu là Diệu, Hiến Từ hoàng hậu là Oanh, Nguyên Thánh hoàng hậu là [1b] Hâm.

Tháng 3, lấy Nhập nội phán thủ thượng vị Chiêu Hoài hầu Hiên làm Đô áp nha, coi giữ các sắc mục trong ngoài cung Thánh Từ, lấy con Văn Túc Vương¹ là Văn Bích làm Thượng vị Uy Túc hầu.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 3, Thượng tướng thái sư Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải mất, thọ 54 tuổi.

Quang Khải lúc mới sinh, phát chứng kinh suýt chết, Thái Tông lấy áo của Thượng hoàng và thanh gươm báu truyền quốc để bên cạnh rồi bảo ông: "Nếu sống lại, sẽ ban cho những thứ này".

Đến khi sống lại, Thái Tông nói:

"Gươm báu truyền quốc, không thể trao bừa, chỉ ban cho áo của Thượng hoàng thôi".

Quang Khải có học thức, hiểu tiếng nói của các phiên². Trước kia, Thánh Tông thân đi đánh giặc, Quang Khải theo hầu, ghé tế tướng bỏ không, vừa lúc có sứ phương Bắc đến. Thái Tông gọi Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn tới bảo:

"Thượng tướng đi theo hầu vắng, trăm định lấy khanh làm Tư đồ để tiếp sứ phương Bắc".

Quốc Tuấn trả lời:

"Việc tiếp [2a] sứ giả, thần không dám từ chối, còn như phong thần làm Tư đồ thì thần không dám vâng chiếu. Huống chi Quan gia đi đánh giặc xa, Quang Khải theo hầu mà bệ hạ lại tự ý phong chức, thì tình nghĩa trên dưới, e có chỗ chưa ổn, sẽ không làm vui lòng Quan gia và Quang Khải. Đợi khi xa giá trở về, sẽ xin vâng mệnh cũng chưa muộn".

¹ Văn Túc Vương: tên là Đạo Tái, con của Trần Quang Khải.

² Chỉ các dân tộc ít người sống trên lãnh thổ Đại Việt thời đó. Nhật Duật còn biết tiếng của nước xung quanh Đại Việt, như Hán, Chăm-pa.

Đến khi Thánh Tông trở về, việc ấy lại bỏ đấy, vì hai người vốn không ưa nhau.

Một hôm, Quốc Tuấn từ Vạn Kiếp tới, Quang Khải xuống thuyền chơi suốt ngày mới trở về. Lại Quang Khải vốn sợ tắm gội, Quốc Tuấn thì thích tắm thơm, từng đùa bảo Quang Khải:

"Mình mấy cáo bẩn, xin tắm giùm", rồi cởi áo Quang Khải ra, dùng nước thơm tắm cho ông và nói:

"Hôm nay được tắm cho Thượng tướng".

Quang Khải cũng nói: "Hôm nay được Quốc công tắm rửa cho".

Từ đó, tình nghĩa qua lại giữa hai người càng thêm mặn mà. Bản thân làm tướng văn, tướng võ, giúp rập nhà vua, hai ông đứng hàng đầu.

Quang Khải ham học hay thơ, có Lạc đạo **[2b]** tập lưu hành ở đời. Con ông là Văn Túc Vương Đạo Tái cũng nổi tiếng về văn học thời đó, được Thượng hoàng ưu ái hơn các em thúc bá khác.

Bấy giờ, Thượng hoàng đến Vũ Lâm¹ vào chơi hang đá, cửa núi đá hẹp, thượng hoàng ngự chiếc thuyền nhỏ, Tuyên Từ thái hậu ngồi đằng đuôi thuyền, gọi Văn Túc Vương lên mũi thuyền, chỉ để một người chèo thuyền thôi. Đến khi thượng hoàng xuất gia, sắp ra đi, mời Đạo Tái vào điện Dưỡng Đức cùng Thánh Tông cho ngồi ăn các món hải vị, làm thơ rằng:

Hồng thấp bác quy cước,
Hoàng hương chích mã an,
Sơn tăng trì tịnh giới,
Đồng tọa bất đồng xan.
(Quy cước² bóc đồ ướt,
Mã yên nướng vàng thơm,
Sơn tăng giữ trai giới,
Cùng ngồi chẳng cùng ăn).

Tin yêu, quý mến Đạo Tái đến như vậy, định dùng ông vào chức to, nhưng trời không cho sống lâu. Cháu [Quang Khải] là Uy Túc công Văn Bích làm Thái bảo thời Minh Tông, chắc là Chương Túc quốc thượng hầu Nguyên Đán là Từ đồ đời Nghệ Tông cũng có danh tiếng. Đức trạch [của Quang Khải] thực sâu dày, cùng hưởng phúc với nhà vua từ trước đến sau.

[3a] Tháng 8, Thượng hoàng đích thân đi đánh Ai Lao, bắt được người và súc vật nhiều không kể xiết. Trong chiến dịch này, Trung Thành Vương (không rõ tên) làm tiên phong, bị quân Ai Lao bao vây, Phạm Ngũ Lão dẫn quân ập tới, giải vây, rồi tung quân nghênh chiến, đánh bại quân Ai Lao. Ban kim phù cho Ngũ Lão.

Tháng 9, lấy ngày sinh làm tiết Sùng Thiên.

Thiếu bảo Đinh Cung Viên mất, vua tôn trọng không gọi tên ông.

Ất Mùi, [Hưng Long] năm thứ 3 [1295], (Nguyên Thành Tông Mộc Nhĩ Nguyên Trinh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1, sứ Nguyên Tiêu Thái Đăng sang.

Vua sai Nội viên ngoại lang Trần Khắc Dụng, Phạm Thảo cùng đi theo, nhận được bộ kinh Đại Tạng đem về để ở phủ Thiên Trường, in bản phó để lưu hành.

Mùa hạ, tháng 6, Thượng hoàng trở về kinh sư. Vì [trước] đã xuất gia ở hành cung Vũ Lâm rồi lại trở về.

Bấy giờ, Tuyên Từ thái hậu từ khi Khâm Từ băng, phải quản việc trong cung, tính người khó khăn nóng nảy, dạy bảo rất nghiêm, mà vua vâng theo rất kính cẩn. Thượng hoàng **[3b]** nói [với vua]:

¹ Tức là xã Vũ Lâm huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

² Quy cước, mã yên: là hai món ăn. Quy cước là món sò huyết, mã yên: chưa rõ món gì.

"Cha tự thẹn xưng là Hiếu Hoàng, nên dùng danh hiệu ấy để gọi Quan gia thì phải".

Ngày 13, người đàn bà ở phường Tây Nhai phía hữu kinh thành là Lê Thị Ta nghe tin chồng là Phạm Muừ đi sứ nước Nguyên ốm mất, thương nhớ không ăn 3 ngày rồi cũng mất. Việc ấy tâu lên, [vua] cho bạc lụa để viếng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Công chúa Thiều Dương nghe tin Thái Tông băng, kêu gào mãi rồi chết; Lê thị nghe tin chồng chết, không ăn mà chết; My Ê phu nhân tiết nghĩa không thờ hai chồng, nhảy xuống sông mà chết; vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị không phụ nghĩa chồng, cũng nhảy xuống sông chết theo chồng. Mấy người này đức hạnh thuần hiếu, trinh tiết, trên đời thực không có nhiều. Các vua đương thời nêu khen họ để khuyến khích đời sau thực là phải lắm! Nhưng Thiều Dương và Nguyễn thị chưa được nêu khen, cho nên bàn chung cả ở đây.

Truy tặng Đinh Cung Viên làm Thiếu phó.

Mùa thu, tháng 8, thi con trai các quan văn từ miền sam¹ trở xuống [4a] ở nha An Hoa, sung bổ làm thuộc viên nha ấy.

Bính Thân, [Hưng Long] năm thứ 4 [1269], (Nguyên Trinh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, Thượng phẩm Nguyễn Hưng đánh bạc, [vua sai] đánh chết.

Phan Phu Tiên nói: Luật pháp nhà Trần nghiêm cấm đánh bạc đến như vậy, thế mà đến đời Dụ Tông lại công nhiên làm bậy, gọi là những người giàu vào cung đánh bạc, rồi sau người trong nước bắt chước cái dở ấy, không thể ngăn cấm được nữa. Cuối cùng vì tệ đánh bạc mà rồi mất nước.

Nhân Huệ Vương Khánh Dư từ Bài Áng vào châu.

Người trong trấn kiện Khánh Dư tham lam thô bỉ. Hành khiển đem sự trạng tâu lên. Khánh Dư nhân đó tâu vua:

"Tướng là chim ưng, dân lính là vịt, dùng vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ?".

Vua không hài lòng, Khánh Dư bèn trở về. Khánh Dư vào châu không quá 4 ngày đã trở về, vì sợ ở lâu bị vua khiển trách.

Mùa thu, tháng 7, vua [4b] ngự đến Đông Bộ Đầu xem đua thuyền. Được mùa to.

Đinh Dậu, [Hưng Long] năm thứ 5 [1279], (Nguyên Đại Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, duyệt định dân binh các xã trong cả nước, bắt đời đời làm lính, không được làm quan theo quy chế cũ.

Đổi giáp thành hương.

Sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi đánh sách A Lộc. Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng đi đánh sách Sầm Tử.

Ai Lao xâm phạm sông Chàng Long. Phạm Ngũ Lão đánh bại chúng, lấy lại được đất cũ. Ban văn phù cho Phạm Ngũ Lão.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Trần Thì Kiến làm Kiểm pháp quan, nhậm chức Đại an phủ Kinh sư.

Thì Kiến tính người cương trực, trước kia làm môn khách của Hưng Đạo Vương, Vương tiến cử ông, được cất nhắc làm An phủ sứ Thiên Trường. Có người trong hương, nhân ngày giỗ đem biếu mâm cỗ, Thì Kiến hỏi vì có gì mà biếu. Người ấy trả lời là vì ở gần trụ sở [nên đem biếu] chứ không kêu xin gì. Mấy ngày sau, quả nhiên có việc kêu xin. Thì Kiến [5a] móc họng mửa ra. Đến đây lại được thăng làm Kiểm pháp quan. Mỗi khi có kiện tụng, thì dùng lý lẽ mà bắt bẻ, việc đến thì tìm phương pháp để ứng phó. Người đời đều cho là giỏi xét đoán kiện tụng (Thì Kiến người Cự Sa, huyện Đông Triều).

¹ Theo Cương mục thì miền sam là chức hiệu thư quyền miền, người đỗ thám hoa được bổ chức ấy. Sam là chức bạ thư mạo sam, người đỗ bảng nhãn được bổ chức ấy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thì Kiến hành động lạ lùng quá mức để uốn nắn cái tệ xin xỏ của người bấy giờ, cũng như Ân Anh tẩn tiện quá mức để uốn nắn cái thói xa xỉ tiếm lễ của Quan Trọng vậy.

Mùa đông, tháng 10, sai phủ tông chính khảo chính phủ hệ của họ nhà vua.

Mậu Tuất, [Hưng Long] năm thứ 6 [1298], (Nguyên Đại Đức năm thứ 2). Mùa xuân, ban hai chữ húy là Ngụy và Châu.

Mùa thu, tháng 8, cấm mọi người không được xưng là "thần" với các nhà đại thần tôn thất.

Thi đánh gậy.

Tháng 9, gió lớn mưa to.

Mùa đông, tháng 10, đánh Ai Lao. Tướng Nguyên đầu hàng là Trương Hiến chết tại trận, được tặng tước minh tự, cho thờ ở Thái Thường.

Lấy Phạm Ngũ Lão làm Hữu kim ngô vệ đại **[5b]** tướng quân. Đặt [các quân hiệu] Thượng đô¹, Thủy dạ xoa đô, Chân kinh đô, thích các chữ như "Chân kim"... lên trán.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương đông. Vua lánh không ở chính điện, giảm món ăn.

Lấy Ngự sử đại phu Trần Khắc Chung làm Đại an phủ Kinh sư.

Lấy Trần Thì Kiến làm Nhập nội hành khiển hữu gián nghị đại phu. Vua ban cho ông cái hốt có khắc bài minh ngự chế.

Thái sơn trình cao,
Tượng hốt trình liệt,
Linh trĩ² tiến giác,
Vi hốt nam chiết.
(Thái sơn rất cao,
Hốt ngà rất cứng,
Linh trĩ² dâng sừng,
Làm hốt khó gãy).

Kỷ Hợi, [Hưng Long] năm thứ 7 [1299], (Nguyên Đại Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 4, ngày 12, xuống chiếu cấm chữ húy của Khâm Minh Đại Vương và Thiện Đạo quốc mẫu (Khâm Minh tên húy là Liễu, Thiện Đạo tên húy là Nguyệt; Thiện Đạo là phu nhân của Liễu) khi làm văn không được dùng. Các chữ Ngụy, Thấp, Nam, Càn, Tô, Tuấn, Anh, Tảng khi làm văn phải viết bớt nét. Nhà Trần kiêng tên húy họ ngoại bắt đầu từ đây.

Lấy Phạm Ngũ Lão làm Thân vệ tướng quân kiêm quản quân Thiên thuộc phủ Long Hưng.

[6a] Tháng 5, lấy Đoàn Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán.

Bấy giờ Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường trở về kinh sư. Các quan trong triều không ai biết cả, vua thì uống rượu xương bồ say khướt. Thượng hoàng thông thả đi thăm khắp các cung điện, từ giờ Thìn đến giờ Tỵ. Cung nhân dâng bữa, Thượng hoàng ngoảnh nhìn không thấy vua, lấy làm lạ, hỏi là Quan gia ở đâu? Cung nhân vào trong nội đánh thức, nhưng ngài không tỉnh. Thượng hoàng giận lắm, lập tức trở về Thiên Trường, xuống chiếu cho các quan ngay ngày mai đều phải tới phủ Thiên Trường để điểm danh, ai trái lệnh sẽ bị xử tội.

Đến giờ Mùi vua mới tỉnh, cung nhân đem việc ấy tâu lên. Vua sợ quá, đi rảo ra khỏi cửa cung không thấy ai coi giữ; qua chùa Tư Phúc, thấy học sinh Đoàn Nhữ Hài ở cửa chùa. Vua hỏi: "Sao người

¹ Cương mục chép là Thượng chân đô.

² Theo truyền thuyết Trung Quốc, trĩ là loài thú không chân, có 1 sừng, hễ gặp người không chính trực thì húc nên dùng trĩ làm biểu tượng cho quan ngự sử giữ việc đàn hạch, hay gián quan giữ việc khuyên can vua.

lại ở đây?". Nhữ Hải vội vàng lạy rạp xuống đất tâu: "Thần vì mãi học, đi lỡ ra đây". Vua bèn dẫn Nhữ Hải vào buồng ngủ và bảo:

"Vừa rồi trẫm vì say rượu, có tội với Thượng hoàng, giờ trẫm định đến **[6b]** trước mặt ngài tạ tội, người hãy thảo cho trẫm bài biểu".

Nhữ Hải đứng trước mặt vua, soạn xong tờ biểu. Vua bèn lấy thuyền nhẹ đi ngay, cho Nhữ Hải theo mình.

Sáng sớm hôm sau, vua tới phủ Thiên Trường, dâng biểu tạ tội. Thượng hoàng thấy Nhữ Hải, liền hỏi là người nào. Nội nhân trả lời là người dâng biểu của Quan gia. Thượng hoàng không nói gì.

Buổi chiều, mưa gió ập đến. Nhữ Hải vẫn cứ quỳ không nhúc nhích. Thượng hoàng hỏi: "Người ở trong sân có còn đây không?". Nội nhân đáp rằng còn. Thượng hoàng bèn sai nhận biểu để xem, thấy lời lẽ khẩn thiết cho gọi vua vào bảo:

"Trẫm còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được. Trẫm đang sống mà người còn như thế, huống chi sau này?".

Vua rạp đầu tạ tội. Thượng hoàng hỏi: "Ai soạn biểu cho người".

Vua thưa: "Đó là thư sinh Đoàn Nhữ Hải".

(Sử cũ chép việc này vào năm Mùi đời Minh Tông nay xét nên để ở đây).

Thượng hoàng bèn gọi Nhữ Hải vào và bảo: "Bài biểu người soạn, rất hợp lòng trẫm".

Rồi xuống chiếu cho Quan **[7a]** gia lại vẫn làm vua; các quan về triều như cũ.

Vua từ Thiên Trường trở về [Kinh], phong Nhữ Hải làm Ngự sử trung tán. Bấy giờ có người ghen Nhữ Hải tuổi trẻ làm quan to, làm thơ chế giễu rằng:

Phong hiển luận đàm truyền cổ ngữ,
Khẩu tôn nhữ xú Đoàn trung tán.
(Ôn câu chữ cổ: Đài ngự sử,
Miệng sửa còn hôi: Trung tán Đoàn).

Nhữ Hải là cận thần của vua. Vua nói năng hành động gì đều được biết cả. Đến khi nhận chức này, xem thực lục của sử thần chép, có chỗ lầm lẫn, bèn sửa lại cho đúng, rồi đốt bỏ bản thảo cũ đi.

Vua bái yết sơn lăng.

Tháng 6, tế khắp các thần kỳ núi sông.

Mùa thu, tháng 7, xây am Ngự Dược trên núi Yên Tử.

Tháng 8, Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh.

Thượng hoàng có lần ngự cung Trùng Quang, vua đến chầu, quốc công Quốc Tuấn đi theo. Thượng hoàng nói:

"Nhà ta vốn là người hạ lưu (thủy tổ người Hiền Khánh), đời đời chuộng dững cảm, thường xăm hình rồng vào đùi. Nếp nhà theo nghề võ, nên **[7b]** xăm rồng vào đùi để tỏ là không quên gốc".

Bấy giờ thợ xăm đã đợi mệnh ở ngoài cửa cung. Vua rình lúc Thượng hoàng quay nhìn chỗ khác, về ngay cung Trùng Hoa. Một lúc lâu, Thượng hoàng hỏi Quan gia đâu rồi, các quan tả hữu thưa là đã về cung Trùng Hoa. Thượng hoàng bảo: "Quan gia đã trốn rồi chăng? thì xăm cho Huệ Vũ Quốc Chấn vậy".

Quốc phụ có xăm hình rồng ở đùi, mà về sau nối ngôi không xăm ở đùi nữa là bắt đầu từ Anh Tông.

Lại hỏi quốc sơ, quân sĩ đều xăm hình rồng ở bụng, ở lưng và hai bắp đùi, gọi là "thái long" (rồng hoa). Vì khách buôn người Tống thấy dân Việt ta xăm hình rồng, lỡ gặp gió bão thuyền đắm, thường luống không dám phạm tới, cho nên gọi là "thái long".

Vua thích vi hành, cứ đêm đến, lại lên kiệu, cùng với hơn chục thị vệ đi khắp trong kinh kỳ, gà gáy mới trở về cung. Có đêm, ra đến quân phường, bị bọn vô lại ném gạch **[8a]** trúng vào đầu vua. Người theo hầu hét lên: "Kiệu vua đây". Bọn chúng biết nhà vua, mới tan chạy cả. Một hôm, thượng hoàng thấy đầu vua có vết thương, vặn hỏi, vua cứ thực mà thưa. Thượng hoàng giận giữ hồi lâu.

In các sách Phật giáo pháp sư, Đạo trường tân văn và Công văn cách thức ban hành trong cả nước.

Tháng 9, xuống chiếu rằng từ năm Canh Dần (1290), Tân Mão (1291) đến nay, phạm bán ruộng đất và mua gia nhân làm nô thì cho được chuộc, nếu để quá năm nay thì không cho chuộc nữa.

Xuống chiếu cho sĩ nhân trong nước ôn luyện để đợi thi.

Lấy nội quan Trần Hùng Thao làm Tham tri chính sự, đồng tri Thánh Từ cung tả ty sự. Sau Hùng Thao can tội phê án tha người nên bãi chức.

Canh Tý, [Hưng Long] năm thứ 8 [1300], (Nguyên Đại Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 27, động đất 3 lần, suốt từ giờ thân đến giờ tý mới thôi.

Tháng 3 nhuận, Trần Quốc Khang chết.

Quốc Khang từng cai trị Diễn Châu, chọn **[8b]** con gái đẹp trong châu làm vợ lẽ nàng hầu, nên các con thứ như Huệ Nghĩa, Quốc Trinh đều do các bà Diễn Châu sinh ra. Về sau chức Tri châu Diễn Châu đều do con cháu Quốc Khang làm cả. Đến khi dòng giống thiếu người nối dõi, mới dùng người trong châu làm chức ấy.

Mùa hạ, tháng 4 (không chép ngày), mặt trời rung động.

Tháng 5, ngày 16, xuống chiếu rằng các quan văn võ trong triều ai mới có chữ phê mà không có ấn trướng hạ¹ thì phải giảm 1 tư, người có công đánh dẹp thì không phải giảm (đó là xét những thiếp ban cho trong thời gian mất ấn).

Người đàn bà lộ Hồng đẻ một con trai có hai đầu.

Tháng 6, ngày 24, sao sa.

Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng:

"Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào".

Vương trả lời:

"Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế "thanh dã"², đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoàn binh thì đánh úp phía sau. Đó là **[9a]** một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ³ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh⁴ là vì có thế.

Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản [binh] chế trường [trận] là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tấm ăn, không cầu thẳng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha

¹ Ấn trướng hạ: con dấu đóng trong khi hành quân, đánh dẹp.

² Thanh dã: làm vườn không nhà trống, khiến quân xâm lược tới không có một nguồn hậu cần tại chỗ nào.

³ Thành Bình Lỗ: chưa biết là ở đâu, nhưng có lẽ là nằm ở trong vùng hương Bình Lỗ hay quận Bình Lỗ đời Lê Đại Hành, tức khu vực nằm giữa sông Cầu và sông Cà Lồ, gần Phù Lỗ, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

⁴ Đèo Mai Lĩnh: tức đèo Đại Du, phía nam huyện Đại Dũ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

con thì mới dùng được. Và lại, khoan thử sức dân **[9b]** để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

Quốc Tuấn là con Yên Sinh Vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo: "[Người này] ngày sau có thể giúp nước cứu đời".

Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ. Yên Sinh Vương trước đây vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng¹, mang lòng hận hực, tìm khắp những người tài nghệ để dạy Quốc Tuấn. Lúc sắp mất, Yên Sinh cầm tay Quốc Tuấn giãi giảng rằng:

"Con không vì cha lấy được thiên hạ, thì cha chết dưới suối vàng cũng không nhắm mắt được?."

Quốc Tuấn ghi điều đó trong lòng, nhưng không cho là phải.

Đến khi vận nước lung lay, quyền quân quyền nước đều do ở mình, ông đem lời cha dặn nói với gia nô là Dã Tượng, Yết Kiêu. Hai người gia nô can ông:

"Làm kế ấy tuy được phú quý một thời nhưng để lại tiếng xấu ngàn năm. Nay Đại Vương há chẳng đủ phú và quý hay sao? Chúng tôi thề xin chết già làm gia nô, chứ không **[10a]** muốn làm quan mà không có trung hiếu, chỉ xin lấy người làm thịt dê là Duyệt làm thầy mà thôi²."

Quốc Tuấn cảm phục đến khóc, khen ngợi hai người.

Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương:

"Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?"

Hưng Vũ Vương trả lời:

"Dẫu khác họ cũng không nên, huống chi là cùng một họ!"

Quốc Tuấn ngẫm cho là phải.

Lại một hôm Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa:

"Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ"³.

Quốc Tuấn rút gươm kể tội:

"Tên loạn thần là từ đức con bất hiếu mà ra", định giết Quốc Tảng, Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương:

"Sau khi ta chết, đừng nấp quan tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng".

Mùa thu, tháng 8, ngày 20, Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn mất ở phủ đệ Vạn Kiếp, được tặng Thái sư **[10b]** thượng phụ thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương.

Thánh Tông có soạn bài văn bia ở sinh từ [của Quốc Tuấn], ví ông với Thượng phụ [ngày xưa]⁴. Lại vì ông có công lao lớn, gia phong là Thượng quốc công, cho phép ông được quyền phong tước cho người khác, từ mình tự trở xuống, chỉ có tước hầu thì phong tước rồi tâu sau. Nhưng Quốc Tuấn chưa bao giờ phong tước cho một người nào. Khi giặc Hồ vào cướp, Quốc Tuấn lệnh cho nhà giàu bỏ thóc ra cấp lương quân, mà cũng chỉ cho họ làm lang tướng giả chứ không cho họ tước lang thực, ông kính cẩn giữ tiết làm tôi như vậy đấy.

¹ Tức Trần Thái Tông.

² Sở Chiêu Vương chạy loạn ra nước ngoài, có người làm thịt dê tên là Duyệt đi theo. Sau Chiêu Vương trở về nước, ban thưởng cho Duyệt. Duyệt từ chối và nói: "Nhà vua mất nước, tôi không được giết dê, nay vua về nước, tôi lại được làm nghề giết dê, tước lộc thế là đủ còn thưởng gì nữa".

³ Cao Tổ nhà Hậu Tống tên là Lưu Dự vốn là người làm ruộng, sau nhân dịp loạn lạc, nổi lên giành được thiên hạ.

⁴ Thượng phụ: tức Lê Vọng, giúp Chu Vũ Vương giành được thiên hạ, Vũ Vương tôn làm thầy, gọi là Thượng phụ.

Quốc Tuấn lại từng soạn sách để khích lệ tướng sĩ dưới quyền, dẫn chuyện Kỳ Tín chết thay để cứu thoát Hán Cao¹, Do Vu giữ lưng chịu giáo để cứu Sở Tử² Thế là dạy đạo trung đó.

Khi sắp mất, ông dặn con rằng: Ta chết thì phải hỏa táng, lấy vật tròn đựng xương, bí mật chôn trong vườn An Lạc, rồi san đất và trồng cây như cũ, để người đời không biết chỗ nào, lại phải [làm sao cho] mau phục **[11a]**.

Quốc Tuấn giữ Lạng Giang, người Nguyên hai lần vào cướp, ông liên tiếp đánh bại chúng, sợ sau này có thể xảy ra tai họa đào mà chằng. Ông lo nghĩ tới việc sau khi mất lại như thế đấy.

Ông lại khéo tiến cử người tài giỏi cho đất nước, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trực vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy. Xem như khi Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng: "Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi". Quốc Tuấn trả lời: "[Bệ hạ] chém đầu tôi trước rồi hãy hàng". Vì thế, đời Trùng Hưng, lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên. Sau khi mất rồi, các châu huyện ở Lạng Giang hễ có tai nạn bệnh dịch, nhiều người cầu đảo ông. Đến nay, mỗi khi **[11b]** đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng lớn.

Quốc Tuấn từng soạn sách Binh gia diệu lý yếu lược để dạy các tỳ tướng, dụ họ rằng bài hịch như sau:

"Ta từng nghe, Kỳ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu giữ lưng chịu giáo che chở cho Chiêu vương; Dự Nhượng nuốt than báo thù cho chủ³; Thân Khoái chặt lấy tay cứu nạn cho nước⁴; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung⁵; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc⁶. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ thường tình thì cũng chết uống nơi xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, để cùng bất hủ với đất trời?.

Các người vốn nòi võ tướng không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy, nửa tin nửa ngờ **[12a]**. Thôi việc đời trước, hãy tạm không bàn. Nay ta lấy chuyện Tống, Thát⁷ mà nói: Vương Công Kiên là người thế nào; tỳ tướng của ông là Nguyễn Văn Lập (có thuyết cho là Sơn Lập) lại là người thế nào, mà lấy thành Điếu Ngự nhỏ như cái đầu chống lại quân Mông Kha đông hàng trăm vạn; khiến cho sinh linh bên Tống đến nay còn đội ơn sâu⁸. Cốt Đãi Ngột Lang⁹ là người thế nào, tỳ tướng của ông là Cản Ty

¹ Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ Vương bao vây, bề tôi là Kỳ Tín giả là Hán Cao Tổ ra hàng. Cao Tổ do đó trốn thoát, còn Kỳ Tín đã bị thiêu chết.

² Do Vu: là bề tôi của Sở Chiêu Vương thời Xuân Thu, Sở Chiêu Vương lúc lánh nạn bị kẻ cướp đâm. Do Vu đã giữ lưng ra chịu đâm để cứu Chiêu Vương Sở Tử tức Sở Chiêu Vương.

³ Dự Nhượng: là gia thần của Trí Bá nước Tấn thời Chiến Quốc. Trí Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dự Nhượng đã nuốt than cho khác giọng, giả làm hành khất, mưu giết Trưng Tử để báo thù cho chủ.

⁴ Thân Khoái: là viên quan giữ ao cá cho Tề Trang Công đời Xuân Thu. Khi Trang Công bị Thôi Trử giết, Thân Khoái cũng chết theo.

⁵ Kính Đức tức Uất Trì Cung là tướng của Đường Thái Tông (lúc ấy còn gọi là Đức xông lên chém tướng giặc, hộ vệ Thái Tông bị Vương Thế Sung vây đánh, Kính Đức xông lên chém tướng giặc, hộ vệ Thái Tông thoát khỏi vòng vây.

⁶ Nhan Cảo Khanh làm thái thú Thường Sơn, khi An Lộc Sơn nổi loạn đánh bị bắt, Cảo Khanh luôn miệng chửi An Lộc Sơn, bị Lộc Sơn cắt lưỡi.

⁷ Thát: tức Thát Đát, chỉ Mông Cổ.

⁸ Vương Công Kiên tức Vương Kiên, trị châu Hợp Châu (Tứ Xuyên) đã huy động nhân dân anh dũng chiến đấu ở núi Điếu Ngự, cầm cự với đạo quân Mông Cổ do vua Nguyên Mông Ke chỉ huy trong 4 tháng trời, cho đến khi Mông Ke ốm chết dưới thành Điếu Ngự, quân Mông Cổ phải rút.

⁹ Tức Uryangkhadaï (Uriyangqadai), tên tướng Mông Cổ đã đánh chiếm vùng Vân Nam và tiến quân vào nước ta năm 1258. Tên của Uryangkhadaï ở các thư tịch có nhiều phiên âm: Ngột Lương Hợp Đãi, Ngột Lương Hợp Thai, Ngột Lương Cáp Đãi, Ô Đặc Lý Cáp Đạt, Ô Lan Cáp Đạt...

Tu¹ lại là người thế nào, mà xông pha lam chướng trên đường muôn dặm, phá quân Nam Chiếu trong khoảng vài tuần, khiến cho quân trưởng người Thát đến nay vẫn còn lưu tiếng tốt².

Huống chi ta cùng các người, sinh ra phải thời rối ren, lớn lên gặp buổi khó nhọc, ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tắc lưỡi cú điều mà lảng nhục triều đình, ý cái thân dê chó mà bắt nạt tể phụ. Thác lênh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham khôn cùng **[12b]**, giả hiệu Vân Nam Vương³ mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào ném thịt cho hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau!

Ta từng tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, nước mắt đầm đìa, ruột đau như cắt, chỉ giận không được ăn thịt, nắm da, nuốt gan, uống máu quân thù, dẫu trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm.

Các người ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, người không có áo, ta cho áo mặc, kẻ không có ăn, ta cấp cơm ăn. Quan thấp thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc thì cùng nhau sống chết, khi ở nhà thì cùng nhau vui cười, nếu so với Công Kiên đãi kẻ tỳ tướng, Ngột Lang đãi người phụ tá, cũng chẳng kém gì.

[13a] Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường thết yến sứ ngụy mà không biết căm, hoặc lấy chọi gà làm vui, hoặc lấy đánh bạc làm thú, hoặc chăm chút vườn ruộng để nuôi gia đình, hoặc quyến luyến vợ con chỉ vì ích kỷ, hoặc lo làm giàu mà quên việc quân việc nước, hoặc ham săn bắn mà bỏ việc đánh việc phòng, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh, vườn ruộng giàu không thể chuộc được tấm thân ngàn vàng, vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc. Tiền của dẫu nhiều, khôn mua được đầu giặc; chó săn tuy khỏe, khôn đuổi được **[13b]** quân thù. Chén rượu ngon không đâu độc được quân thù, tiếng hát hay không chọc thủng được tai giặc. Lúc bấy giờ, chúa tôi nhà ta đều bị bắt, đau xót biết dường nào! Chẳng những thái ấp của ta bị tước, mà bổng lộc các người cũng về tay kẻ khác, chẳng những gia quyến ta bị đuổi, mà vợ con các người cũng bị người khác bắt đi, chẳng những xã tắc tổ tông của ta bị người khác bới đào, chẳng những thân ta kiếp này bị nhục, dẫu trăm đời sau, tiếng như khôn rửa, tên xấu mãi còn, mà đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tiếng là viên bại tướng. Lúc bấy giờ, dẫu các người có muốn thỏa lòng vui thú, phỏng có được không?

Nay ta bảo rõ các người: Nên nhớ chuyện "đặt mỗi lửa vào dưới đồng củi"⁴, làm nguy cơ, nên lấy điều "kiêng **[14a]** canh nóng mà thổi rau ngô"⁵ làm răn sợ. Hãy huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàn Mông⁶, nhà nhà đều là Hậu Nghệ, để có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt dưới cửa khuyết, phơi xác Vân Nam Vương ở Cảo Nhai⁷. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi lưu truyền, mà bổng lộc các người cũng đời đời được hưởng, chẳng những gia quyến của ta được yên ấm gối chăn, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão, chẳng những tông miếu của ta được muôn đời tế lễ, mà ông cha các người cũng được thờ cúng quanh năm, chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà các người trăm năm về sau tiếng thơm vẫn còn. Chẳng những danh hiệu ta lưu truyền

¹ Bản Hoàng Việt văn tuyển chép là Xích Tu Tư.

² Năm 1253, Hốt Tất Liệt và tướng Uryangkhadaï vượt sông Kim Sa đánh chiếm thủ đô nước Đại Lý. Chỉ trong vài tuần, nước Đại Lý bị chinh phục, vua Đại Lý là Đoàn Hưng bị bắt và đầu hàng. Nam Chiếu nói đến trong bài hịch là chỉ nước Đại Lý bấy giờ, ở vùng Vân Nam, Trung Quốc.

³ Vân Nam Vương: tên là Hốt Kha Xích (Hugodi), con trai của Hốt Tất Liệt. Cuối năm 1267, Hốt Tất Liệt phong Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương, đem quân đóng giữ đất nước Đại Lý cũ ở Vân Nam.

⁴ Câu trong sách Hán thư: "Ôm mỗi lửa đặt dưới đồng củi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên".

⁵ Câu từ Sở từ: "Kẻ sợ canh nóng thường thổi cả rau ngô".

⁶ Bàn Mông, Hậu Nghệ: là hai nhân vật bắn cung giỏi trong thần thoại Trung Quốc.

⁷ Vốn là nơi trú ngụ của các vua "man di" khi vào châu vua Hán ở Trường An. Ở đây chỉ nơi dành cho các sứ bộ nhà Nguyên lưu trú trong kinh thành bấy giờ.

mãi mãi, mà họ tên các người cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ, dẫu các người không muốn vui thú phòng có được không?.

Nay ta chọn binh pháp các nhà, soạn thành một quyển, gọi là **[14a]** Binh thư yếu lược. Các người nếu biết chuyên tập tập sách, theo lời ta dạy bảo, thì trọn đời là tôi chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo, thì trọn đời là cừ thù.

Vì sao vậy? Vì giặc Mông Thát là kẻ thù không đội trời chung, mà các người cứ điềm nhiên không nghĩ rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, thế là quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, gươm tay không mà chịu thua giặc, khiến cho sau khi dẹp giặc, muôn đời để nhơ, thì còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời che đất chở nữa? Cho nên, ta viết bài hịch này để các người biết rõ lòng ta!.

Quốc Tuấn lại sưu tập binh pháp các nhà, làm thành Bát quái cứu cung đồ, đặt tên là Vạn Kiếp tông bí truyền thư. Nhân Huệ Vương Khánh Dư viết bài tựa cho sách ấy như sau:

"Người giỏi cầm quân thì không cần bày trận, người giỏi bày trận thì không cần phải đánh, người giỏi đánh thì không thua, người khéo thua thì không chết.

Ngày xưa Cao Dao làm sĩ **[15a]** sư¹ mà không ai dám trái mệnh, đến Vũ Vương, Thành Vương nhà Chu làm tướng cho Văn Vương, Vũ Vương², ngầm lo sửa đức, để lật đổ nhà Thương mà dấy nên vương nghiệp, thế là người giỏi cầm quân thì không cần phải bày trận vậy. Vua Thuấn mùa mộc và mùa lông trĩ mà họ Hữu Miêu đến châu³, Tôn Vũ nước Ngô đem người đẹp trong cung thử tập trận mà phía tây phá nước Sở mạnh, phía bắc uy hiếp nước Tấn, nước Tân, nổi tiếng chư hầu⁴, thế là người khéo bày trận không cần phải đánh vậy. Đến Mã Ngập⁵ nước Tấn theo bát trận đồ, đánh vận động hàng ngàn dặm, phá được Thụ Cơ Năng để thu phục Lương Châu. Thế gọi là người đánh giỏi không bao giờ thua vậy.

Cho nên trận nghĩa là "trần", là bày ra, là khéo léo. Ngày xưa, Hoàng Đế lập phép tinh điền⁶ để đặt binh chế. Gia Cát⁷ xếp đá sông làm bát trận đồ, Vệ Công⁸ sửa lại làm thành Lục hoa trận. Hoàn Ôn⁹ lập ra Xà thế trận có vẽ các thế trận hay, trình bày thứ tự, rõ ràng, trở thành khuôn phép. Nhưng người đương thời ít ai hiểu được, thấy muôn đầu ngàn mối, cho là rối rắm, chưa từng biến đổi. **[15b]** Như Lý Thuyên¹⁰ có soạn những điều suy diễn của mình, những người đời sau cũng không hiểu ý nghĩa. Cho nên Quốc công ta mới hiệu đính, biên tập đồ pháp của các nhà, soạn thành một sách, tuy ghi cả những việc nhỏ nhặt, nhưng người dùng thì nên bỏ bớt chỗ rườm rà, tóm lược lấy chất thực.

[Sách] gồm đủ ngũ hành tương ứng¹¹, cứu cung suy nhau¹, phối hợp cương nhu, tuần hoàn chẵn lẻ. Không lẫn lộn âm với dương, thần với sát, phương với lợi, sao lành, hung thần, ác tướng, tam

¹ Theo truyền thuyết Trung Quốc, Cao Dao làm sĩ sư thời Ngu Thuấn. Sĩ sư là chức đứng đầu về việc hành ngục thời đó.

² Vũ Vương làm tướng cho Văn Vương, Thành Vương làm tướng cho Vũ Vương, đều là những người có công lớn khai sáng ra nhà Chu.

³ Theo truyền thuyết Trung Quốc, Hữu Miêu là một tộc ở phía Nam, nổi lên chống lại Thuấn, Thuấn dùng thủ đoạn võ về để thu phục.

⁴ Tôn Vũ là người nước Tề, làm tướng cho Ngô Vương Hạp Lư (đời Xuân Thu) lấy cung nhân của Hạp Lư, tập trận bày đánh trận, về sau giúp nước Ngô thu phục chư hầu, mở rộng đất đai.

⁵ Sách Tấn thư (q.27) chép là Mã Long.

⁶ Đây là truyền thuyết. Thực ra phép tinh điền có từ đời Chu.

⁷ Gia Cát Lượng: Tên tự là Khổng Minh, người đời Tam Quốc, giúp Lưu Bị dựng nên nước Thục, cùng hai nước Ngô và Ngụy tạo thành thế chân vạc.

⁸ Vệ Công: Tức Lý Tĩnh đời Đường Thái Tông, đã mô phỏng bát trận đồ của Gia Cát Lượng làm ra Lục hoa trận, trận lớn bọc trận nhỏ, gọi là Lý Vệ Công binh pháp.

⁹ Hoàn Ôn: Tên tự là Nguyên Tử, một danh tướng đời Tấn, làm đến chức Đại tư mã, đã đánh Ngụy, Tiền Tần... nổi tiếng thời đó.

¹⁰ Lý Thuyên: Người đời Đường, soạn sách Thái bạch âm kinh nói về mưu chước dùng binh.

¹¹ Ngũ hành: Là thủy, thổ, kim, mộc, hỏa. Ở đây là vận dụng thuyết ngũ hành tương ứng trong binh pháp.

cát, ngũ hung², đều rất rõ ràng, ngang với Tam Đại, trăm đánh trăm thắng. Cho nên, đương thời có thể phía bắc trấn ngự Hung Nô³, phía nam uy hiếp Lâm Ấp⁴". Rồi dùng sách này dạy bảo [con cháu] làm gia truyền, không tiết lộ ra ngoài. Lại có lời dặn rằng: "Sau này, con cháu và bồi thần của ta, ai học được bí thuật này phải sáng suốt mà thi hành, bày xếp [thế trận]; không được ngu dốt mà trao chữ truyền lời. Nếu không thế thì mình chịu tai ương mà vạ lây đến con cháu. Thế gọi là tiết lộ thiên cơ đó".

[16a] Ngày 21, hoàng tử Mạnh sinh.

Bấy giờ, các hoàng tử đều không nuôi được, đến khi Mạnh sinh, vua nhờ công chúa Thụy Bảo [tức là cô của Nhân Tông] nuôi hộ. Nhưng công chúa cho là bấy giờ bà đương có vận hạn, lại nhờ Nhật Duật nuôi. (Nhật Duật là anh công chúa Thụy Bảo). Nhật Duật coi là trách nhiệm của mình, chăm sóc, nuôi nấng, không khác gì con mình. Nhật Duật nghĩ rằng con trưởng của mình tên là Thánh An, con gái tên là Thánh Nô, mới đặt tên cho hoàng tử là Thánh Sinh, vì muốn [tên hoàng tử] cũng giống với tên con mình. Hoàng tử từ bé nhờ nuôi nấng, đến khi lên ngôi vua, công chăm nom của Nhật Duật rất nhiều.

Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu mũ áo mới của quan văn võ. Quan văn thì đội mũ chữ đình màu đen, tụng quan thì đội mũ toàn hoa màu xanh vẫn như quy chế cũ. Ống tay áo của các quan văn võ rộng 9 tấc đến 1 thước 2 tấc, không cho dùng từ 8 tấc trở xuống. Các quan văn võ không được mặc xiêm, tụng quan không được mặc thường (mũ toàn hoa xanh có hai vòng vàng đính vào hai bên).

[16b] Tân Sửu, [Hưng Long] năm thứ 9 [1301], (Nguyên Đại Đức năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng các quan văn võ đều đội mũ chữ đình, thêm miếng lụa bọc tóc màu tía xen màu biếc.

Gả công chúa Thiên Trân cho Uy Túc công Văn Bích⁵, phong Văn Bích làm Phò ký lang.

Lấy Trần Thì Kiến làm Tham tri chính sự. Trước đó, khi Thì Kiến làm gián nghị, can tội chứa giấu dân đinh bị bãi chức, vua nghĩ không phải là cố ý, nên có lệnh này.

Tháng 2, Chiêm Thành sang cống .

Tháng 3, Thượng hoàng vân du các nơi, sang Chiêm Thành.

Ai Lao sang cướp Đà Giang, sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, gặp quân giặc ở Mường Mai⁶, giao chiến, bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão làm Thân vệ đại tướng quân, ban cho quy phù.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán. Soát tù. Có mưa.

Phong con trưởng của Hưng Nhượng Đại Vương là Quang Triều làm Văn Huệ Vương.

Mùa đông, tháng 11, Thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về.

Trần Hùng Thao lại được làm Tham tri chính sự, rồi được cử làm Tả bộc xạ.

[17a] Đói to.

¹ Cửu cung: 9 cung. Khái niệm cửu cung ban đầu được đưa ra một cách mơ hồ trong Căn tạo độ của Kinh Dịch: "Thái Nhất lấy số của nó để đi qua cửu cung, 4 chính và 4 duy đều hợp thành 15". Trịnh Huyền chú thích là thần Thái Nhất (hay Thái Ất) ở cung giữa, lần lượt tuần hành 8 cung bất quái ở chung quanh. Cũng từ đó, người Hán lập thành cửu cung số, gồm 9 cung, tức 9 ô vuông trong một hình vuông, 3 ô hàng trên mang các số 4, 9, 2; 3 ô hàng giữa mang các số 3, 5, 7; 3 ô hàng dưới mang các số 8, 1, 6. Như vậy đó là một ma trận (ảo phương) mà tổng các cột ngang, dọc và chéo đều bằng 15. Người ta thần bí hoá cửu cung và về sau đến đời Tống, người ta lại coi cửu cung số là "Lạc thư".

² Cương nhu, chấn lè, âm dương, thần sát, phương hướng, tinh tú, hung thần, ác tướng, tam cát, ngũ hung... đều là các khái niệm được dùng trong việc lập trận đồ thời xưa.

³ Chỉ nước Nguyên.

⁴ Chỉ vương quốc Chiêm Thành (Chăm-pa).

⁵ Văn Bích: là con Đạo Tái, cháu Quang Khải.

⁶ Mường Mai: nay là đất huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Nhâm Dân, [Hưng Long] năm thứ 10 [1302], (Nguyên Đại Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, lấy thái úy Đức Việp làm thống chính thái sử; Huệ Võ Đại Vương Quốc Chấn làm Nhập nội bình chương; Chiêu Văn Vương Nhật Duật làm Thái úy quốc công.

Theo quy chế cũ: Tân vương¹ vào làm tế tướng thì gọi là Quốc công thượng hầu, nếu vào nội đình thì gia phong Quan nội hầu.

Có đũa nghịch thần tên là Biếm làm loạn. Sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, Biếm bị giết. Phong Phạm Ngũ Lão làm Điện súy, ban cho hổ phù.

Bấy giờ có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang ta, cho ở bến sông Yên Hoa². Phép phù thủy, đàn chay bắt đầu thịnh hành từ đó.

Quý Mão, [Hưng Long] năm thứ 1 [1303], (Nguyên Đại Đức năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 15, thượng hoàng ở phủ Thiên Trường [17b], mở hội Vô lượng pháp ở chùa Phổ Minh, bố thí vàng bạc tiền lụa để chẩn cấp dân nghèo trong nước và giảng kinh Giới thí.

Tháng 2, lấy Đô áp nha thượng vị Chiêu Hoài hầu Hiên làm Nhập nội phụ quốc thái bảo.

Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu mũ của vương hầu: người tóc dài đội mũ triều thiên, người tóc ngắn đội mũ bao.

Lấy Trần Khắc Chung làm Nhập nội đại hành khiển.

(Chức hành khiển mà có thêm 2 chữ "nhập nội" là theo triều Lý, chuyên dùng hoạn quan làm chức ấy. Thời Thánh Tông, thượng tướng Quang Khải khi mới được phong làm nhập nội thái úy, kiêm làm hành khiển còn có 2 chữ "nhập nội", liền tâu rằng: "Thần từ bên ngoài vào, cho nên thêm hai chữ "nhập nội", còn các hành khiển khác đều là hoạn quan, sao lại thêm chữ "nhập nội", xin bỏ chữ "nhập nội", Thánh Tông nghe theo. Từ đó, hàm hành khiển chỉ gọi là nội hành khiển. Đến đây, thượng hoàng mới lấy Khắc Chung làm hành khiển, lại thêm 2 chữ "nhập nội" như xưa và dùng cả sĩ phu làm hành khiển).

Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Tham tri chính sự.

Trước đây, vua sai Nhữ Hài đi sứ Chiêm Thành, Nhữ Hài xin yết kiến Thượng hoàng ở chùa Sùng Nghiêm núi Chí Linh, suốt ngày không được gặp. Một lát sau, pháp giá ra chơi, Nhữ Hài đến bái yết [18a]. Thượng hoàng nói chuyện với Nhữ Hài có đến một giờ. Khi trở về, Thượng hoàng bảo tả hữu:

"Nhữ Hài đúng là người giỏi, hẳn được Quan gia sai khiến là phải".

Trước đây, sứ nước ta tới Chiêm Thành, đều lạy chúa Chiêm trước, rồi sau mới mở chiếu thư. Đến khi Nhữ Hài tới, liền bưng ngay chiếu thư để lên trên án và nói với chúa Chiêm:

"Từ khi sứ thiên triều mang chiếu thư của thiên tử sang, xa cách ánh sáng lâu ngày, nay mở chiếu thư, thực như trông thấy mặt thiên tử, tôi phải lạy chiếu thư đã, rồi mới tuyên đọc sau". Rồi lập tức hướng vào tờ chiếu mà lạy. Lúc ấy, chúa Chiêm đứng bên cạnh, lạy thể không khỏi có chút chưa ổn, nhưng lấy cơ mà lạy chiếu thư thì về lý là thuận, mà sứ tiết cũng không phải khuất.

Hôm sau, Nhữ Hài treo bảng cấm buôn bán ở Tỳ Ni³ (bến cảng của Chiêm Thành, nơi tụ tập các thuyền buôn), tuyên đọc xong, treo bảng lên, lại gọi viên coi cảng đến bảo:

"Chỗ này người buôn bán tụ họp phức tạp, lại là bến tàu xung yếu, khó giữ gìn, [18b] sứ thần về rồi, cất ngay bảng đi, đừng để mất".

¹ Bản dịch cũ chữ là "Thân vương", có lẽ đúng hơn.

² Yên Hoa: nay là Yên Phụ ở Hà Nội. Thực ra không phải năm này (1302), đạo sĩ Hứa Tông Đạo mới đến Đại Việt. Theo bài minh trên chuông Thông Thánh Quán ở Bạch Hạc (Việt Trì), do chính Hứa Tông Đạo soạn năm Đại Khánh thứ 8 (1321), thì ông đã đến Đại Việt vào năm Bính Tý (1276). Ông là người hương Thái Bình, huyện Phúc Thanh, Phúc Châu, lộ Phúc Kiến.

³ Tỳ Ni còn gọi là Thi Li bBì Nại hay Thi Nại (Sri Vinaya), tức là cửa Quy Nhơn ngày nay.

Ý ông cho rằng Chiêm Thành tuy đã thần phục, nhưng thực ra chưa chịu nội phụ, bằg cấm rất cục cững bị bỏ đi, cho nên nói trước như vậy, không để tự họ làm như thế. Sau này, đi sứ Chiêm Thành, không lạ chúa Chiêm là bắt đầu từ Nhữ Hải. Khi về nước, vua rất khen ngợi ông và quyết ý dùng vào chức to, cho nên có lệnh này.

Giáp Thìn, [Hưng Long] năm thứ 12 [1304], (Nguyên Đại Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, người đàn bà là Lê thị, phường Các Đài, ở cầu bên hữu kinh thành đẻ con gái có hai đầu, bốn chân, bốn tay.

Tháng 2, lấy Bùi Mộc Đạc làm Chi hậu bạ thư chánh chương trông coi cung Thánh Từ.

Mộc Đạc tên tự là Minh Đạo (người Hoàng Giang), họ Phí, tên là Mộc Lạc, có tài năng. Thượng hoàng cho rằng họ Phí từ xưa không thấy có, mới đổi làm họ Bùi, cái tên Mộc Lạc là điếm chảng lảnh¹, mới đổi thành Mộc Đạc, sai theo hầu ngày đêm. Đến nay, trao cho chức ấy. Sau này, người [19a] họ Phí hâm mộ danh tiếng của Mộc Đạc, nhiều người đổi làm họ Bùi.

Tháng 3, thi kẻ sĩ trong nước. Ban cho trạng nguyên. Mạc Đĩnh Chi chức Thái học sinh hỏa dũng thủ, sung làm nội thư gia; bằg nhẫ Bùi Mộ chức chi hậu bạ thư mạo sam, sung làm nội lệnh thư gia; thám hoa lang Trương Phóng chức Hiệu thư quyền miện, sung làm nhị tư; Nguyễn Trung Ngạn đỗ hoàng giá; tất cả 44 người đỗ thái học sinh.

Dẫn 3 người đỗ đầu ra cửa Long Môn của Phụng Thành đi du ngoạn đường phố 3 ngày. Còn 330² người khác thì ở lại học tập.

Trung Ngạn mới 16 tuổi, đương thời gọi là thần đồng.

Về phép thi: Trước hết thi ám tả thiên Y quốc và truyện Mục Thiên tử³ để loại bớt. Thứ đến kinh nghi⁴, kinh nghĩa⁵, đề thơ (tức thể cổ thi ngũ ngôn trường thiên) hỏi về "vương độ khoan mẫnh"⁶, theo luật "tài nan xạ trí"⁷, về phú thì dùng thể 8 vần "để đức hiếu sinh, hiệp vụ dân tâm"⁸. Kỳ thứ ba thi chế, chiếu, biểu. Kỳ thứ tư thi đối sách.

(Đĩnh Chi người Chí Linh [19b], Mộ người Thanh Oai, Phóng người Thanh Hóa).

Sư Du Già nước Chiêm sang ta, chỉ ăn sữa bò.

Thi các thủ phân (thủ phân tức là quan lại nắm việc hình pháp) hỏi phép đối án.

Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu rằng các chữ huý về miếu hiệu, tên vua, thì viết bớt nét.

Tháng 8, cấm chữ huý miếu hiệu nhà Lý 8 chữ: Uẩn, Mã, Tôn, Đức, Hoán, Tộ, Cán, Sảm, viết bớt nét.

Tháng 9, xuống chiếu rằng, khi áp tay vào giấy tờ hình án hay văn tự thì dùng hai đốt của ngón tay vô danh⁹ bên trái.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu thi kẻ sĩ trong nước, hỏi về 7 khoa.

¹ Mộc Lạc: có nghĩa là "cây đỗ, cây rụng".

² Nguyên bản in là tam bách tam thiên, hẳn là chữ thiên? in nhầm từ chữ thập?. Các bản in đời Nguyễn đã chữa lại là tam bách tam thập.

³ Y thiên quốc, lấy ở Quốc ngữ, nội dung nói về đạo trị nước. Mục thiên tử truyện bộ tiểu thuyết cổ của Trung Quốc, do Quách Phác đời Tấn chú giải, chép truyện Mục Vương đời Chu. Bản nhằm chữ thiên tử thành thái tử.

⁴ Kinh nghi: những điều nghi vấn trong kinh điển nho gia.

⁵ Kinh nghĩa: bàn về nghĩa lý trong kinh điển nho gia.

⁶ Chế độ rộng, ngắt.

⁷ Tài khó bắn trí.

⁸ Đức độ để vương vốn ưa sự sống, phù hợp với lòng dân.

⁹ Cũng gọi là ngón đeo nhẫn, ngón áp út.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương nam.

Trần Hùng Thao xin từ chức Tả bộc xạ, y cho.

Lấy Đoàn Nhữ Hài tri Khu mật viện sự.

Vua đối với người tôn thất như Bảo Hưng (không rõ tên) thân yêu hết mực, nhưng không trao cho việc chính sự, vì không có tài. Còn như Nhữ Hài chỉ là một nho sinh thôi, nhưng vì có tài, nên không ngại trong việc ủy dụng nhanh vọt.

[20a] Xuống chiếu cho phủ Tông chính soạn ngọc phả của họ vua.

Ất Ty, [Hưng Long] năm thứ 13 [1305], (Nguyên Đại Đức năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, sách phong hoàng tử thứ tư là Mạnh làm Đông cung thái tử, (vua) làm bài Dược thạch châm¹ ban cho.

Tháng 2, Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ vật cầu hôn. Các quan trong triều đều cho là không nên, duy có Văn Túc Vương Đạo Tái chủ trương bàn việc đó, Trần Khắc Chung tán thành, việc bàn mới quyết.

Tháng 3, nước La Hôi² sai người dâng vải liễn la và các thứ khác.

Lấy Trần Thì Kiến làm Tả bộc xạ.

Bấy giờ có viên độc bạ là Trần Cự tính khoan hậu, cẩn thận, thật thà, giỏi nghề đánh cá, bắn nỏ và chơi cầu. Vua sai dạy thái tử các nghề ấy.

Cụ mỗi khi sắp đánh đàn, thì trước hết cắt đầu dây, buộc lại cho chặt dây rồi sau mới gảy. Có người hỏi **[20b]** có làm sao, Cụ trả lời: "Nếu khúc đàn chưa hết mà dây đứt thì làm thế nào?".

Cụ làm cầu thì cân nhắc các múi da, cho mười hai múi cân nhau, duy ba múi ở miệng cầu lỗ là chỗ bỏ cái bong lợn vào thì hơi mỏng và nhẹ, để cân với sức nặng ở đầu bong bóng, cho nên khi đá cầu, múi nào ở trên đến lúc rơi xuống đất lại nguyên như cũ, không bao giờ chuyển khác.

Người đời bắn nỏ, chân đứng cũng như bắn cung, tức là kiểu chữ "đình" không thành, chữ "bát" không ngay. Cụ thì đứng ngay ngắn mà bắn và bảo mọi người: "Phàm bắn cung thì tay trái gơ ra phía trước nắm lấy thân cung, tay phải kéo dây cung về phía sau, mình đã nghiêng thì chân cũng phải lệch, còn bắn nỏ thì đưa cân bằng ra phía trước, cho nên khi cầm nỏ mà bắn, thân mình ngay ngắn, thì có gì chân lại phải đứng lệch?".

Nhà ông ta ở và thuyền ông ta đi, đều có hai cửa đối nhau, xếp đặt, bày biện các thứ cũng cân đối và phải ngay ngắn, vì là bản **[21a]** tâm như vậy, cho nên biểu hiện ở mọi việc làm cũng như vậy.

Cụ người Cứu Liên, vốn có mối hận với Cứu Liên, thề rằng chân không giẫm lên đất ấy nữa. Sau này trở về Cứu Liên thì đi thuyền, đến khi lên bộ thì đi kiệu vào cửa, tới giường mới xuống kiệu, thức ngủ, ăn uống đều ở trên giường. Khi nào chơi xem vườn ao thì sai khiêng giường đến chỗ đó, hết hứng thì trở về, lại ngồi kiệu, lên thuyền... Cứ như thế cho đến hết đời, chưa hề giẫm một bước xuống đất [Cứu Liên]. Ông ta giữ lòng bền rắn một mực như vậy đó, đời xưa gọi thế là người gàn.

Bính Ngọ, [Hưng Long] năm thứ 14 [1306], (Nguyên Đại Đức năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Thống chính thái sư Tá Thiên Đại Vương Đức Việp mất (thọ 42 tuổi).

Mùa hạ, tháng 6, gả công chúa Huyền Trân cho chúa Chiêm Thành Chế Mân.

Trước đây, Thượng hoàng vân du sang Chiêm Thành, đã hứa gả rồi. Các văn sĩ trong triều ngoài nội **[21b]** nhiều người mượn chuyện vua Hán đem Chiêu Quân gả cho Hung Nô làm thơ, từ bằng quốc ngữ để châm biếm việc đó.

¹ Dược thạch châm: nghĩa là bài châm khuyên răn, có tác dụng như thuốc thang.

² La Hôi: có lẽ là nước La Hộc (Lava) ở Laphuri, Thái Lan.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngày xưa, Hán Cao hoàng vì nước Hung Nô nhiều lần làm khổ biên cương, mới lấy con gái nhà dân làm công chúa gả cho Thiên Vu ¹.

Kết hôn với người không cùng giống nòi, các tiên nho đã từng chê trách, song dụng ý là muốn binh yên, dân nghỉ, thì còn có thể nói được. Nguyên Đế thì vì Hồ Hàn ² sang châu, xin làm rể nhà Hán, nên lấy Vương Tường mà ban cho, cũng là có cố.

Nhân Tông đem con gái gả cho chúa Chiêm Thành là nghĩa làm sao? Nói rằng nhân khi đi chơi đã trót hứa gả, sợ thất tín thì sao không đổi lại lệnh đó có được không? Vua giữ ngôi trời mà Thượng hoàng đã xuất gia rồi, vua đổi lại lệnh đó thì có khó gì, mà lại đem gả cho người xa không phải giống nòi để thực hiện lời hứa trước, rồi sau lại dùng mưu gian trá cướp về, thế thì tín ở đâu?

[22a] Mùa thu, tháng 9, ngày 15, giờ Tuất, nguyệt thực.

Sai thiên chương học sĩ Nguyễn Sĩ Cổ giảng Ngũ Kinh. Sĩ Cổ thuộc dòng Đông Phương Sóc ³, giỏi khôi hài, hay làm thơ phú quốc ngữ. Nước ta làm nhiều thơ phú bằng quốc ngữ bắt đầu từ đó.

Hành khiển trí sĩ Nguyễn Kim Ngô về châu, tự xưng là Liễu Nhiễu. Kiên Ngô tính thẳng thắn, vua ưu đãi, quý trọng, không gọi tên để khuyến khích những người tuổi già vẫn giữ quyền vị.

Lấy Trần Hùng Thao làm Thiếu bảo.

Sai Hàn lâm học sĩ Lê Tông Nguyên, Trung thị đại phu Bùi Mộc Đạc sang Nguyên đáp lễ.

Đinh Mùi, [Hưng Long] năm thứ 15 [1307], (Nguyên Đại Đức năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, đổi hai châu Ô, lý thành châu Thuận và châu Hoá. Sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến vỗ yên dân hai châu đó.

Trước đây chúa Chiêm Thành Chế Mân đem đất hai châu đó làm lễ vật dẫn cưới, nhưng người các thôn La Thủy, Tác Hồng, Đà Bông không chịu theo. Vua **[22b]** sai Nhữ Hài đến tuyên dụ đức ý [của nhà vua] chọn người trong bọn họ trao cho quan tước, lại cấp ruộng đất, miễn tô thuế 3 năm để vỗ về.

Tháng 3, ngày 17, giờ Ty, mặt trời có hai quầng, như hình hai cầu vòng giao nhau.

Mùa hạ, tháng 5, chúa Chiêm Thành Chế Mân chết.

Mùa thu, tháng 9, nước to, vỡ đê Đam Đam.

Thế tử Chiêm Thành Chế Đa Đa sai sứ thần Bảo Lộc Kê sang dâng voi trắng.

Mùa đông, tháng 10, sai Nhập nội hành khiển thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung, An phủ Đặng Văn sang Chiêm Thành đón công chúa Huyền Trân và thế tử Đa Đa về.

Theo tục lệ Chiêm Thành, chúa chết thì bà hậu của chúa phải vào giàn thiêu để chết theo. Vua biết thế, sợ công chúa bị hại, sai bọn Khắc Chung, mượn cớ là sang viếng tang và nói với [người Chiêm]: "Nếu công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có người chủ trương, chi bằng ra bờ biển chiêu hồn ở ven trời, đón linh **[23a]** hồn cùng về, rồi sẽ vào giàn thiêu".

Người Chiêm nghe theo.

Khắc Chung dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về, rồi tư thông với công chúa, đi đường biển loanh quanh chậm chạp, lâu ngày mới về đến kinh đô.

Hưng Nhượng Đại Vương ghét lắm, mỗi khi thấy Khắc Chung thì mắng phủ đầu:

¹ Thiên Vu: tên gọi chúa Hung Nô.

² Hồ Hàn: tức Hồ Hàn Da, một thiên vu Hung Nô. Đời Hán Nguyên Đế, Hồ Hàn Da sang châu và xin làm rể nhà Hán, Nguyên Đế đem Vương Tường (tức Chiêu Quân) gả cho.

³ Đông Phương Sóc: tên tự là Mạn Thiển, người đời Hán, giỏi khôi hài, hoạt kê, từng làm Kim mã môn thị trung cho Hán Vũ Đế.

"Thằng này là điểm chẳng lành đối với nhà nước. Họ tên nó là Trần Khắc Chung¹ thì nhà Trần rồi mất về nó chẳng?". Khắc Chung thường sợ hãi né tránh.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thói gian tà của Trần Khắc Chung thực quá quắt lắm! Không những hãm giở trò chó lợn ở đây mà sau này còn vào hùa với Văn Hiến vu hãm quốc phụ thượng tế² vào tội phản nghịch, làm chết oan đến hơn trăm người. Thế mà hãn được trọn đời phú quý. Khổng tử nói: Kẻ gian tà được sống sót là may mà thoát tội chẳng?".

Song, sau khi hãn chết, gia nô của Thiệu Vũ [Vương]³ đào xác hãn lên mà vằm nhỏ ra thì lời thánh nhân càng đáng tin.

[23b] Đói.

Mậu Thân, [Hưng Long] năm thứ 16 [1308], (Nguyên Vũ Tông Hải Sơn, Chí Đại năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Trương Hán Siêu làm Hàn lâm học sĩ.

Mùa thu, tháng 11, ngày mồng 1, mặt trời có hai quầng.

Ngày mồng 3, Thượng hoàng băng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử.

Bấy giờ Thượng hoàng xuất gia, tu ở ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ⁴. Bà chị là Thiên Thụy ốm nặng, Thượng hoàng xuống núi, tới thăm và bảo:

"Nếu chị đã đến ngày đến giờ thì cứ đi, thấy âm phủ có hỏi thì trả lời rằng: Xin đợi một chút, em tôi là Trúc Lâm đại sĩ sẽ tới ngay".

Nói xong, Thượng hoàng trở về núi, dặn dò người hầu là Pháp Loa⁵ các việc về sau, rồi bồng nhiên ngồi mà hóa. Thiên **[24a]** Thụy cũng mất vào hôm đó.

Pháp Loa thiêu [xác Thượng hoàng] được hơn ba ngàn hạt xá lý⁶ mang về chùa Tư Phúc ở kinh sư. Vua có ý ngờ. Các quan nhiều người xin bắt tội Pháp Loa. Hoàng thái tử Mạnh mới 9 tuổi, đứng hầu bên cạnh, chợt thấy có mấy hạt xá lý ở trước ngự⁷, đưa ra cho mọi người xem, kiểm lại trong hộp, thì đã mất một số ít hạt. Vua xúc động đến phát khóc, trong lòng mới khỏi nghi ngờ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Tông trên thờ Từ Cung làm sáng đạo hiểu, dưới dùng người giỏi, lập nên võ công. Nếu không có tư chất nhân, minh, anh, võ, thì sao được như thế? Chỉ có một việc xuất gia là không hợp đạo trung dung, là cái lỗi của bậc hiền giả⁸.

Sứ Nguyên là Thượng thư An Lỗ Khôi⁹ sang báo tin Vũ Tông lên ngôi. Vua sai Mạc Đĩnh Chi sang Nguyên.

¹ "Trần Khắc Chung" theo tiếng Hán có nghĩa là nhà Trần sắp chấm dứt.

² Tức Huệ Vũ đại vương Trần Quốc Chấn.

³ Thiệu Vũ Vương là con của Quốc Chấn.

⁴ Thượng hoàng Nhân Tông là tổ thứ nhất của phái Thiên Trúc Lâm đời Trần.

⁵ Sư Pháp Loa trước là đệ tử của Trúc Lâm đại sĩ, sau trở thành vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm.

⁶ Xá lý: phiên âm tiếng Phạn sarira, nghĩa là thân thể, thuật ngữ Phật giáo, chỉ những phần còn lại sau khi thiêu xác, thường là những hạt nhỏ, được gọi là xá lý. Bản in khắc nhầm chữ Xá lý thành Xá sát.

⁷ Câu chuyện trên cũng được chép trong Nam ông mộng lục của Hồ Nguyên Trừng. Theo sách này (chuyện Tô linh định mệnh), xá lý bay vào ống tay áo hoàng tử Mạnh.

⁸ Nguyên văn: "Hiền giả quá chi dã". Theo chúng tôi, có lẽ Toàn thư đã khắc nhầm từ câu: "Hiền giả chi quá dã", nên dịch như trên.

⁹ Nguyên bản Toàn thư chép là An Lỗ Uy, nhầm chữ Khôi ra chữ Uy. Nguyên sử, Bản kỷ (Vũ Tông) chép rằng năm Chí Đại thứ 1 (1308), Lê bộ thượng thư A Lý sang nước ta. A Lý Khôi hay A Lạc Khôi là những tên phiên âm khác nhau của người Mông Cổ Alqui.

Đĩnh Chi người thấp bé, người Nguyên khinh ông. Một hôm viên tể tướng mời ông vào phủ cho [24b] cùng ngồi. Lúc ấy, đương hồi tháng 5, tháng 6. Trong phủ có bức trướng mỏng thêu hình con chim sẻ vàng đậu cành trúc. Đĩnh Chi vỗ ngực con chim sẻ thực, vội chạy đến bắt. Người Nguyên cười ồ, cho là người phương xa bị lậu. Đĩnh Chi kéo bức trướng xuống xé đi. Mọi người đều lấy làm lạ hỏi tại sao. Đĩnh Chi trả lời:

"Tôi nghe người xưa vẽ cành mai và chim sẻ, chứ chưa thấy vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Nay trong bức trướng của tể tướng lại thêu cành trúc với chim sẻ. Trúc là bậc quân tử, chim sẻ là kẻ tiểu nhân. Tể tướng thêu như vậy là để tiểu nhân trên quân tử, sợ rằng đạo của tiểu nhân sẽ mạnh, đạo của quân tử sẽ suy. Tôi vì thánh triều mà trừ giúp bọn tiểu nhân".

Mọi người đều phục tài của ông.

Đến khi vào châu, gặp lúc nước ngoài dâng quạt, vua Nguyên sai làm bài minh. Đĩnh Chi cầm bút viết xong ngay, lời bài minh như sau:

"Lưu kim thước thạch, thiên vị địa lô, nhĩ ư tư thì hề, Y Chu cự nho.

Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tái đồ, nhĩ ư tư thì hề, Di [25a] Tề ngã phu.

Y! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ, hữu như thị phủ".

(Chảy vàng tan đá, trời đất như lò, người bấy giờ là Y Chu¹ đại nho.

Gió bắc căm căm, mưa tuyết mịt mù, người bấy giờ là Di Tề² đối xo².

Ôi, được dùng thì làm, bỏ thì nằm co, chỉ ta cùng người là thế ru!).

Người Nguyên lại càng thán phục.

Kỷ Dậu, [Hưng Long] năm thứ 17 [1309], (Nguyên Chí Đại năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, đại xá.

Sách phong Đông cung thái tử Mạnh làm Hoàng thái tử. Truy tôn Khâm Từ Bảo Thánh thái hậu làm Thái hoàng thái hậu. Sách phong Thánh Bà phu nhân làm Thuận Thánh hoàng hậu.

Thứ phi của vua là Phạm thị, là con gái Phạm Ngũ Lão, không có con, xin xuất gia, vua cho.

Mùa đông, tháng 11, trị tội những kẻ đại nghịch là bọn tên Hân.

Tên Hân bị chém ở cầu Giang Khẩu³, tên Trù ở cửa thành chợ Dừa⁴, tên Tống ở cửa thành Tây Dương⁵, tên Dung ở cửa thành Vạn Xuân⁶. Tên Hân vì ngày trước có công lớn, được miễn tịch thu gia sản. Còn bọn tên Lệ 6 người bị đày ra châu Ác Thủy (Ác Thủy thuộc huyện Yên Bang⁷. Người bị đày ra đó, [25b] không một ai sống nổi). Tên Lệ là dòng cuối trong họ nhà vua, được miễn thích chữ vào mặt. Bọn tên Đào 4 người bị đày ra châu xa, tên Ma vì sai vợ là Thị Vĩnh ra thú trước, được tha tội. Theo lệ cũ, những kẻ có tội đều bị tước bỏ họ, chỉ gọi tên thôi. Tội đồ thì tuy còn để họ, nhưng cũng chỉ gọi tên không.

¹ Y: Y Doãn, công thần khai quốc của nhà Thương; Chu: là Chu công, công thần của nhà Chu.

² Di Tề: tức Bá Di, Thúc Tề hai bề tôi trung của nhà Thương, không chịu thần phục nhà Chu, bỏ lên núi Thú Dương ở ẩn, bị chết đói ở đó.

³ Cầu Giang Khẩu: cầu ở vùng của sông Tô Lịch, thuộc phường Giang Khẩu, tức vùng phố Hàng Buồm, Hà Nội ngày nay.

⁴ Cửa thành chợ Dừa: ở Ô Chợ Dừa, Hà Nội ngày nay.

⁵ Cửa thành Tây Dương: ở cửa Ô Cầu Giấy, Hà Nội ngày nay.

⁶ Cửa thành Vạn Xuân: ở phía ngoài phường Ông Mạc, tức Ô Đống Mác ở Hà Nội ngày nay.

⁷ Nguyên bản chép là huyện Yên Bang, nhưng thực ra Yên Bang là tên lộ thời Trần và tên đạo thời Lê, tức đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn có nói: "Yên Bang là nơi hiểm ác, gọi là viễn châu (châu xa), các triều đại đều đày người đến ở đó".

Phu nhân Uy Túc công¹ là công chúa Thiên Trân mất. Vua thương xót, đến đưa đám.

(Lê cũ: Những người lấy công chúa, nếu mất mất hay bỏ nhau, thì đều không được lấy vợ khác, nếu có lén lấy vợ khác, thì phải giấu giếm vụng trộm. Thiên Trân mất, Uy Túc lăn ra đất khóc lóc không đứng dậy được. Vua đến đưa đám, phải người đỡ hai bên mới ra tiếp được, ai cũng bảo là [Uy Túc] nhất định sẽ không lấy vợ khác nữa, thế mà Uy Túc sau lại lấy Huy Thánh. Văn Huệ công Quang Triều² lấy công chúa Thượng Trân. Công chúa mất, Minh Tông đến điếu tang, Văn Huệ ra đón tiếp tâu bày, như không có vẻ gì đau buồn, mọi người đều cho là (Văn Huệ) thế nào cũng lại lấy vợ khác. Nhưng sau Văn Huệ đi tu đến trọn đời).

Lấy Bùi Mộc Đạc làm Trung thư thị lang.

Canh Tuất, [Hưng Long] năm thứ 18 [1310], (Nguyên Chí Đại năm thứ 3). Mùa thu, tháng 9, ngày 16, rước linh cữu thượng hoàng [26a] về chôn ở lăng Quy Đức, phủ Long Hưng, xá lý thì cất ở bảo tháp am Ngọa Vân; miếu hiệu là Nhân Tông, tên Thụy là Pháp Thiên Sùng Đạo Ứng Thế Hóa Dân Long Từ Hiển Hiệu Thánh Văn Thần Võ Nguyên Minh Duệ Hiếu Hoàng Đế. Đem Khâm Từ Bảo Thánh thái hoàng thái hậu hợp táng ở đấy.

Trước đó, linh cữu Nhân Tông tạm quàn ở điện Diên Hiên. Khi sắp đưa rước, đã đến giờ rồi mà quan lại và dân chúng còn đứng chật cả cung điện. Tể tướng cầm roi xua đuổi mà vẫn không giãn ra được. Vua cho gọi Chi hậu thánh chưởng Trịnh Trọng Tử tới bảo:

"Linh cữu sắp đưa rồi mà dân chúng đầy nghẽn như vậy thì làm thế nào? Người hãy làm cho họ tránh ra".

Trọng Tử lập tức đến thềm Thiên Trì, gọi quân Hải khẩu và quân Hồ dục (quân do Trọng Tử trông coi) đến ngồi thành hàng trước thềm, sai hát mấy câu điệu Long Ngâm. Mọi người đều kinh ngạc, kéo nhau đến xem, cung điện mới giãn người, bèn rước [linh cữu thượng hoàng] về lăng Quy Đức.

Trọng Tử lo dọc đường thế nào cũng có chỗ cao thấp quanh co, nếu nghiêm túc im lặng, thì sợ có sự nghiêng lệch, nếu truyền gọi bảo ban thì lại e ồn ào, bèn đem những lời dặn về cách đi đứng dàn hàng, phổ vào khúc hát Long Ngâm, sai người hát lên để bảo nhau. Người thời ấy rất ca ngợi ông. Ý tứ khéo léo của ông đại loại như vậy. Vua gọi ông là con nhà trời, vì ông hiểu khắp mọi nghề, lớn nhỏ đều thạo, không việc gì là không biết [26b].

(Trọng Tử nhiều tài nghệ, như cưỡi ngựa lạ không cần người giỏi cưỡi ngựa chỉ bảo, chỉ nghĩ cách phòng giữ cho ngựa khỏi lồng chạy đá cắn thối, thế mà thuật cưỡi ngựa không có gì là không biết.

Học thuốc thì không cần hỏi thầy thuốc, cứ theo bài thuốc trong sách, xét chứng xem mạch rồi bốc thuốc, mà cũng không sai lầm. Lại dựng vị xuyên khung trong túi vải, cho gia đồng mang theo để lấy hơi người, không sinh mỗi mọt.

Học đánh cờ thì vẽ bàn cờ và quân cờ lên trần nhà, rồi ngồi nhìn và suy tính kỹ càng, người đương thời khen là giỏi cờ.

[Trọng Tử] thường mời đạo sĩ làm phép trấn yểm, đạo sĩ vào chỗ ngồi, nhưng mọi việc đều do Trọng Tử làm cả, mà đạo sĩ thì không phải nói một lời nào. Khi công chúa Thiên Trân mất, các vương hầu đều tới điếu viếng, thầy cúng làm phép "hú vía", nhưng thiếu người trả lời. Trọng Tử cố hỏi là người trả lời phải đứng ở chỗ nào, rồi đến ngay chỗ khuất người để trả lời, mọi người đều che miệng cười. Đại khái, tài khéo léo của ông đều như thế cả).

[27a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Triều đình cốt phải nghiêm. Rước đưa linh cữu thì cần gì phải đến tể tướng dẹp người, hữu ty dùng kế mới đi được? là bởi nhà trần khoan hậu thì có thừa mà nghiêm khắc thì không đủ vậy!.

¹ Uy Túc công: tức Trần Văn Bích, con Trần Đạo Tái, cháu Trần Quang Khải.

² Văn Huệ công: tức Trần Quang Triều, con Trần Quốc Tảng, cháu Trần Quốc Tuấn. Ở trên, đã chép.

Xá lý của Nhân Tông đưa cất vào bảo tháp, có sư Trí Thông phụng hầu. Trước đây, khi Nhân Tông xuất gia, sư chùa Siêu Loại là Trí Thông tự đốt cánh tay mình, từ bàn tay đến tận khuỷu tay, vẫn ung dung không biến sắc. Nhân Tông vào xem, Trí Thông đặt chỗ cho vua ngồi, lạy và nói: "Thần tăng đốt đèn đó! Đốt đèn xong, về viện ngũ kỹ, ngũ dật, chỗ bóng lửa phòng lên sẽ khỏi hết".

Đến đây, Nhân Tông băng, Trí Thông liền sai vào núi Yên Tử ở hầu bảo tháp chứa xá lý. Đến đời Minh Tông, ông tự thiêu mà chết.

Năm này nước to, đói.

[27b] Tân Hợi, [Hưng Long] năm thứ 19 [1311], (Nguyên Chí Đại năm thứ 4). Đặt đô Toàn kim cương, thích ba chữ ở trán, theo lệ Chân thượng đô, Quân Thiên thuộc có đô Phù đồ thượng và đô Phù đồ hạ.

Nhận con gái của nhà sư người Hồ là Du Chi Bà Lam vào cung.

Sư đã sang ta vào thời Nhân Tông, về người già nua, tự nói là 300 tuổi, có thể ngồi xếp bằng nổi trên mặt nước, lại có thể thu cả ngũ tạng lên ngực, làm cho trong bụng lép kẹp, chỉ còn da bụng và xương sống thôi. Sư chỉ ăn lưu hoàng, mật, rau dưa, ở mấy năm thì về nước, đến nay lại sang ta. Vua lấy con gái sư là Đa La Thanh vào cung. Nhà sư sau mất ở Kinh sư.

(Đời Minh Tông có sư người Hồ là Bồ Đề Thất Lý sang ta, cũng có thể giống nổi trên mặt nước, nhưng nằm ngửa mà nổi, không giống nhà sư Du Chi).

Mùa đông, tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, vì chúa nước ấy là Chế Chí? (có sách ghi là Phan trắc).

Nhâm Tý, [Hưng Long] năm thứ 20 [1312], (Nguyên Nhân Tông Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt Hoàng Khánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 17, mặt trời **[28a]** rung động.

Mùa hạ, tháng 5, dụ bắt được chúa Chiêm Thành Chế Chí đem về; phong em hần là Chế Đà A Bà Niêm làm Á hầu trấn giữ đất ấy.

Trước đó, Chế Chí sai người sang cống. Người ấy là trại chủ Câu Chiêm. Vua sai Đoàn Nhữ Hài bí mật ước hẹn với hần. Đến khi vua đích thân đi đánh, đến phủ Lâm Bình, chia quân làm ba đường: Huệ Vũ Vương Quốc Chấn theo đường núi, Nhân Huệ Vương Khánh Dư theo đường biển, vua tự dẫn sáu quân theo đường bộ; thủy bộ, cùng tiến. Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Thiên tử chiêu dụ sứ đi trước.

Vua đến Câu Chiêm dừng lại. Nhữ Hài sai người tới chỗ trại chủ, nói rõ ý yêu cầu quốc chủ ra hàng. Trại chủ báo cáo với Chế Chí. Chế Chí nghe theo, đem gia thuộc đi đường biển tới hàng. Nhân Huệ Vương đem quân đuổi theo. Nhữ Hài lập tức chạy thư tâu rằng:

"Khánh Dư định cướp công vua".

Vua giận lắm, sai bắt giám quân của Khánh Dư là Nguyễn Ngỗi đem chặt **[28b]** chân. Nhân Huệ sợ, đến ngự doanh tạ tội và nói rằng:

"Thần sợ nó đến giữa biển lại đổi bụng khác, nên mới chặn đặng sau thôi".

Vua nguôi giận, sai chia quân đi tuần các bộ lạc. Người Chiêm tự tập định đánh vào ngự doanh. Tiếng voi đã gần, quân sĩ có vẻ lo sợ. Được vài hôm, quân của Huệ Vũ Vương ự tìm đường mà tới, người Chiêm chạy tan. Trận này không mất một mũi tên mà Chiêm Thành bị dẹp, đó là công sức của Nhữ Hài.

Ngày vua đóng ở Câu Chiêm, Minh Hiến Vương Uất (con út của Thái Tông) ở trong doanh trại, bàn tán biện bác, mê hoặc lòng quaân. Vua giận, đuổi ra khỏi dinh, lệnh cho các quân không được thu nhận. Minh Hiến bèn cùng vài mươi gia đồng ngủ ở ngoài nội. Phạm Ngũ Lão nghe tin ấy vội mời vào trong quân và bảo mọi người:

"Thánh thượng vừa quả trách ân chúa và đuổi ra ngoài, lỡ ra bị giặc bắt được, thì chúng nói là bắt được hoàng tử, chứ biết đâu là bị vua **[29a]** quả trách! Ngũ Lão thà chịu tội trái lệnh, chứ không nỡ làm lợi cho giặc".

Vua nghe biết, cũng không quở trách ông, Minh Hiến với Ngũ Lão tình nghĩa thì rất thân nhưng lễ ý thì rất sơ sài. Minh Hiến đến nhà Ngũ Lão, thường cùng ngồi với nhau một chiếu, khi về [Ngũ Lão] lại đem biếu tặng vàng bạc, hễ [Minh Hiến] cần gì, cũng không có ý sèn tiếc. Cho nên Minh Hiến thích chơi với ông.

Vua có lần đã trách Ngũ Lão:

"Minh Hiến là hoàng tử, sao người lại khinh xuất thế!". Sau Minh Hiến lại đến nhà, Ngũ Lão vẫn cùng ngồi như xưa, chỉ nói: "Ân chúa nhớ đến nhà tôi nữa mà Thánh thượng quở trách tôi".

Nhưng Minh Hiến vẫn lui tới thường xuyên, mà Ngũ Lão cũng không đổi nết cũ. Ấy là vì một người thì cậy của mà giữ lễ tiết sơ sài, một người thì ham của mà quên mất cả phận trên dưới vậy.

Nhà Nguyên sai Lễ bộ thượng thư Nãi Mã Đài¹ sang báo việc Nhân Tông lên ngôi.

Xa giá trở về, dâng lễ thắng trận **[29b]** ở các lăng phủ Long Hưng.

Đến sông Thâm Thị², bỗng gặp mưa gió sấm chớp, ban ngày mà tối đen như đổ mực, trong khoảng gang tấc cũng không nhìn thấy nhau. Dây buộc thuyền đều bị đứt cả. Thuyền ngự chìm ở giữa dòng. Vua bám lấy mũi thuyền leo lên mũi, đưa chân cho các cung nữ, nữ quan bám lấy để cùng leo lên mũi. Các thuyền khác đều giạt sang bãi cát. Vua truyền chinh đồn lại nghi trượng để về kinh đô.

Tháng 6, vua từ Chiêm Thành về (đến kinh đô). Các quan bá yết đều mặc áo ngắn cả, vì đồ quân phục đều bị ướt hết.

Bấy giờ Hoàng thái tử giám quốc, Chiêu Văn Đại Vương Nhật Duật và Nghi Võ hầu Quốc Tú chỉ huy quân tả hữu Thánh dực ở lại giữ nước.

Vua có chiếu tuyên dụ rằng: "Công lao của các quan ở lại giữ nước và các tướng theo ta đi đánh trận là ngang nhau. Vì thái tử còn trẻ dại, nên việc ở lại giữ nước lúc này không giống với các lúc khác, còn các tướng đi theo thì cũng có công". [Nhưng rồi] cũng không tiến hành ban thưởng nữa.

Sai sứ sang Nguyên.

Phong Chế Chí làm Hiệu Trung Vương, **[30a]** lại đổi làm Hiệu Thuận Vương.

Tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế, tiên hậu và gia phong danh thần các xứ.

Lập đền thờ thần ở cửa biển Cần Hải³.

Trước đây, vua đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Cần Hải (trước là Càn, tránh tên húy đổi là Cần), đóng quân lại, đêm nằm mơ thấy một thần nữ khóc lóc nói với vua: "Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp phải sóng gió, trôi giạt đến đây. Thượng đế phong thiếp làm thần biển đã lâu. Nay bệ hạ mang quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công". Tỉnh dậy, vua cho gọi các bô lão tới hỏi sự thực, cho tế, rồi lên đường. Biển vì thế không nổi sóng. [Quân nhà vua] tiến thẳng đến thành Đồ Bàn⁴, bắt được [chúa Chiêm] đem về. Đến nay, sai hữu ty lập đền, bốn mùa cúng tế.

Truy tôn Chiêu Vương làm Nguyên Tổ Hoàng Đế, Cung Vương làm Ninh Tổ Hoàng Đế, Ý Vương làm Mục Tổ Hoàng Đế⁵.

[30b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vũ Vương nhà Chu lên ngôi, truy tôn hai tổ làm vương; Thái Tổ nhà Tống được nước, truy tôn bốn đời làm đế. Bởi vì tổ tông tích lũy

¹ Nãi Mã Đại: các bản Toàn thư khắc nhầm thành Nãi Mã Phàn, do chữ Đãi gần giống chữ Phàn. Nãi Mã Đãi là phiên âm tên Mông Cổ Naimatai (có nghĩa là "người của bộ lạc Naiman").

² Theo chú thích của CMCB9 thì ở huyện Thanh Trì, Hà Nội, có xã Thâm Thị. Sông Thâm Thị có lẽ là đoạn sông Hồng chày qua xã này.

³ Cửa biển Cần Hải: tức Cửa Cờn, nay thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

⁴ Đồ Bàn: là kinh đô của Chiêm Thành, nay thuộc tỉnh Bình Định.

⁵ Chiêu Vương tức là Trần Lý, Cung Vương là Trần Hấp, Ý Vương là Trần Kinh.

công đức, nhân nghĩa nên mới có được thiên hạ, thì việc truy tôn huy hiệu cho các miếu thờ là việc cần phải làm gấp. Nhà Trần có thiên hạ, đã lên ngôi đế mà tước vương truy phong cho ba đời đã là việc không thỏa lòng người, đến nay mới truy tôn đế hiệu thì lại có lỗi là để chậm chạp.

Quý Sửu, [Hưng Long] năm thứ 2 [1313], (Nguyên Hoàng Khánh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, [truy] tôn Ninh Tổ phu nhân làm Ninh Từ hoàng hậu, Mục Tổ phu nhân làm Mục Từ hoàng hậu.

Tháng 2, Hiệu Thuận Vương Chế Chí đến hành cung Gia Lâm, chết, đem hỏa táng.

Tháng 3, sao Chối mọc ở phương tây.

Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng mất.

Mùa hạ, tháng 6, ngày 20, sét đánh Tam ty viện, thủ phân Lương Lang chết. Truyền cho bản ty bỏ tiền ra làm chay lễ tạ.

Theo lệ¹ cũ, sét đánh cung điện, đường vũ, **[31a]** phải làm chay cầu phúc trừ tà thì hữu ty lo đồ bày biện, còn lễ vật cần ùng thì do kho công ban cấp. Các xứ khác thì do bản ty bỏ tiền làm chay lễ tạ.

Mùa đông, tháng 10, duyệt định Vũ quân, đổi quân Vũ tiếp thành quân Thiết ngạc, lấy Đại liêu ban Trần Thanh Ly làm Vũ vệ đại tướng quân thống lĩnh quân này.

Lấy An phủ sứ Đỗ Thiên Hư làm Kinh lược sư. Bấy giờ Chiêm Thành bị người Xiêm xâm lược, vua sai Thiên Hư đi kinh lược Nghệ An, Lâm Bình để sang cứu. Sau này mọi kế hoạch, lo liệu về biên giới phía tây, Minh Tông đều ủy cho Thiên Hư.

Tháng 12, Phụ quốc thái bảo Chiêu Hoài hầu Hiên mất.

Lấy Trần Khắc Chung làm Tả phụ, tước Quan Phục hầu.

Giáp Dần, [Hưng Long] năm thứ 22 [124], (từ tháng 3 trở đi là Đại Khánh năm thứ 1, Nguyên Diên Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, sắc cho Trung thư ban tên húy của bản triều, thêm các tên húy của Ninh Hoàng và của hai thái hậu Tuyên Từ, Bảo Từ².

[31b] Ngày 18, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Mạnh. [Thái tử] Mạnh lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Đại Khánh năm thứ 1. Đại xá. [Vua tự] xưng là Ninh Hoàng, tôn Thượng hoàng là Quang Nghiêu Duệ Vũ Thái Thượng Hoàng Đế; tôn Thuận Thánh hoàng hậu là Thuận Thánh Bảo Từ Thái Thượng hoàng hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là Thế Thiên Sùng Hóa Khâm Minh Duệ Hiếu Hoàng Đế.

Truy tặng Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng làm Thái úy.

Mùa đông, tháng 10, thi thái học sinh. Ban tước bạ thư lệnh, sai cục chính Nguyễn Bính giảng dạy để sau này bổ dụng.

Xuống chiếu cho tam phẩm phụng ngự lập Dung đô để chờ sung bổ.

Đặt đô Phù liễn làm Long vệ tướng. Chọn con trai cấm quân và những người đã thích chữ Kim cương trong quân Thiết ngạc để sung bổ vào.

Sau khi vua nhận nhường ngôi, sứ Nguyên sang, làm lễ đọc quốc thư xong, hôm sau ban yến. Vua mặc áo tràng vạt bằng là màu vàng, đội mũ có thao, sứ giả khen **[32a]** vua là "thanh thoát như thần tiên". Đến khi về nước, [sứ giả] thường nói đến vẻ người thanh tú của vua.

Sau này, sứ ta sang [Nguyên], có người hỏi rằng: "Tôi nghe nói thế tử về người thanh tú nhẹ nhõm như thần tiên có đúng không?".

Sứ ta trả lời: "Đúng như thế, song cũng là tiêu biểu cho phong thái cả nước".

¹ Nguyên văn là chữ "lễ", chúng tôi cho rằng Toàn thư in lầm.

² Tuyên Từ: là bà hậu của Nhân Tông, Bảo Từ: là mẹ đích của Minh Tông.

Sau Nguyễn Trung Ngạn và Phạm Mại sang Nguyên đáp lễ.

MINH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là **Mạnh**, con thứ tư của Anh Tông, mẹ đích là Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu Trần thị, con gái của Hưng Nhượng Đại Vương Quốc Tảng, mẹ sinh là Chiêu Hiến hoàng thái hậu Trần thị, con gái của Bảo Nghĩa Vương Bình Trọng. Ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 58 tuổi, băng ở cung Bảo Nguyên, táng ở Mục Lăng. Vua đem văn minh sửa sang đạo trị nước, làm rạng rỡ công nghiệp của người xưa, giữ lòng trung hậu, lo nghĩ sâu xa, trong yên ngoài phục, kỷ cương đủ bày. Tiếc rằng không nhận mưu gian của Khắc Chung, để đến nỗi Quốc Chấn phải chết, do là chỗ kém thông minh vậy.

Ất Mão, [Đại Khánh] năm thứ 2 [1315], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, đưa thuyền.

Tháng 5, [32b] xuống chiếu cấm cha con, vợ chồng và gia nô không được tố cáo lẫn nhau.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua vốn nhân hậu với họ hàng, nhất là đối với bậc bề trên mà hiển quý lại càng tôn kính. Kê thần hạ hễ ai cùng tên (với họ hàng nhà vua) đều phải đổi cả, như Độ đổi thành Sư Mạnh vì là cùng tên với thượng phụ¹, Tung đổi thành Thúc Cao vì là cùng tên với Hưng Ninh Vương² (con trưởng của An Ninh vương)³. Lại các tên của chú bác, cô cậu, khi nói đến vẫn kiêng cả. [Vua] có quyền sở nhỏ biên những chữ húy không được nói đến, trao cho các hoàng tử và cung phi. Chỉ vì ngài có tấm lòng ấy, nên đã có chính tích ấy.

Tháng 6, hạn hán.

Bấy giờ Trần Khắc Chung làm Hành khiển. Quan ngự sử dâng sớ nói:

"Chức vụ tể tướng, trước hết phải điều hoà âm dương. Nay Khắc Chung ở ngôi tể tướng, không biết phối hợp đất trời [33a] cho khí tiết điều hoà, để đến nỗi mưa nắng trái thời, thế là làm quan không được công trạng gì".

Khắc Chung nói:

"Tôi lạm giữ chức tể tướng, chỉ biết có sức làm những việc mà chức vụ phải làm, còn như hạn hán thì hỏi ở Long Vương. Khắc Chung đâu phải là Long Vương mà đổ tội được?".

Sau nước sông lên to, vua đích thân đi xem đắp đê. Quan ngự sử tâu:

"Bệ hạ nên chăm sửa đức chính, xem làm gì việc đắp đê nhỏ nhặt".

Khắc Chung nói:

"Khi dân bị nạn lụt, người làm vua phải cứu giúp tai họa khẩn cấp đó, sửa đức chính không gì lớn hơn việc đó, cần gì phải ngồi thình, tư lự rồi bảo là "sửa đức chính?".

Có người bàn rằng: "Khắc Chung đổ lỗi cho Long Vương, đòi quan chê [đắp đê] là việc nhỏ nhặt, [hai bên] đều sai cả".

Mùa thu, tháng 8, lấy ngày sinh làm tiết Ninh Thiên.

Tháng 9, có sâu ăn lúa.

Mùa đông, tháng 10, có sâu ăn lúa.

¹ Tức Trần Thủ Độ.

² Hưng Ninh Vương, tức Trần Tung, có tên hiệu Phật giáo là Tuệ Trung thượng sĩ.

³ Đúng ra là An Sinh Vương, tức Trần Liễu. Ở đây Toàn thư nhầm chữ Sinh thành chữ Ninh.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Á quan nội hầu.

[33b] Bính Thìn, [Đại Khánh] năm thứ 3 [1316], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, xét duyệt quan văn và¹ hộ khẩu có mức độ khác nhau.

Các quan xét duyệt cho rằng những tấm thiệp đóng ấn gỗ vào năm Nguyên Phong [1251 - 1258] là giả tạo. Thượng hoàng nghe tin ấy, bảo họ:

"Đó đúng là những tấm thiệp của nhà nước đấy". Nhân ôn chuyện xưa² mà dụ rằng:

"Những người ở trong triều mà không am hiểu điển cũ thì lỡ việc nhiều lắm".

Mùa đông, tháng 11, sai tế thần, tôn thất và các quan gặt ruộng tịch điền.

Sai Nhân Huệ Vương Khánh Dư đi Diễn Châu xét duyệt sổ lính, sổ dân, lấy Nội thư hỏa chánh chưởng phụng ngự Nguyễn Bính làm phó.

Xong việc về triều, Bính đem tiền bổng dâng nộp. Vua sai hữu ty nhận lấy. Có người hỏi: "Bính nộp tiền bổng mà bệ hạ nhận, thần chưa hiểu là cứ làm sao?".

Vua đáp: "Bính nộp tiền bổng là thành thực, nếu trẫm không nhận, thì hãm Bính vào tội dối trá, cho nên nhận lấy để tỏ rõ Bính không gian dối".

Bính là cận **[34a]** thần của Thượng hoàng, tính người trong sạch thẳng thắn, năm trước đứng đầu hành nhân sang sứ nước Nguyên, trở về không mua thứ gì, Thượng hoàng khen ngợi, đặc cách ban thưởng 2 tư. Theo lệ cũ, những người đi sứ Nguyên về, mỗi người được ban tước 2 tư, người đứng đầu hành nhân trở xuống, mỗi người 1 tư. Bính là người trong sạch thẳng thắn nên được 2 tư.

Lấy Trần Hùng Thao làm Thiếu phó.

Đinh Ty, [Đại Khánh] năm thứ 4 [1317], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, làm lễ thành hôn cho năm công chúa là Thiên Chân, Ý Trinh, Huy Chân, Huệ Chân, Thánh Chân.

Huy Chân lấy Uy Giản hầu (không rõ tên). Trước đây, mẹ thân sinh Huy Chân là Trần Thị Thái Bình làm cung tần của Thượng hoàng, tính tham lam, thường chiếm đoạt ruộng đất của dân. Có người kiện, vua không giao cho hữu ty, gọi Uy giản tới đưa đơn kiện cho xem và dụ rằng:

"Trẫm không giao cho quan lại xét, sợ làm nhục phi tần của tiên hoàng, người nên theo đơn mà trả [ruộng cho] dân".

Uy Giản lập tức **[34b]** vâng chiếu trả lại ruộng. Sau Thái Bình chết, Uy Giản đem tất cả ruộng [bà] chiếm đoạt khi trước trả lại cho chủ cũ. Vua vì thế khen ông.

Thượng hoàng ngự cung Trùng Quang. Hình bộ lang trung Phí Trực theo hầu. Chúc an phủ Thiên Trường khuyết, sai Trực kiểm làm.

Bấy giờ trộm cướp bắt đầu nổi lên, tên Văn Khánh là đầu sỏ bọn cướp. Có người khai là bắt được một tên cướp, giải lên nộp quan và bảo nó là Văn Khánh. Đến lúc tra hỏi, tên ấy nhận ngay, ai cũng cho là thực, duy có mỗi Trực vẫn ngờ. Án ấy để lâu không giải quyết. Thượng hoàng hỏi chuyện đó, Trực trả lời:

"Mạng người rất trọng, lòng tôi còn có chỗ ngờ, không dám liều lĩnh xử quyết".

Không bao lâu, Thượng hoàng hỏi lại, Trực trả lời như lần trước. Thượng hoàng giận bảo:

"Nó đã nhận như thế, còn ngờ gì nữa". Trực tâu:

"Nó không bị tra tấn khổ sở mà điềm nhiên thú nhận, thần trộm lấy làm ngờ".

¹ Dịch chữ "cập"? trong nguyên văn. Cương mục sửa lại là "cấp"? Bản dịch cũ: "... xét định lại quan văn, cấp cho hộ khẩu theo thứ bậc khác nhau".

² Năm Nguyên Phong thứ 7 (1257), trong lúc hành quân chống quân Mông Cổ, ấn vua bị mất, phải khắc ấn gỗ để dùng trong giấy tờ việc quân (xem Toàn thư, BK5, 23b).

Một tháng sau, Văn Khánh quả nhiên bị bắt. Thượng hoàng do đó khen Trực [35a] có tài.

Thượng hoàng có lần ban bữa ăn cho vua. Vua nhai rất kỹ, Thượng hoàng nói: "Đàn ông phải ăn như rồng nuốt, cọp cắn, cần gì phải nhai kỹ?". Khi ban bữa ăn cho vương hầu, thượng hoàng cũng dụ như thế.

Mậu Ngọ, [Đại Khánh] năm thứ 5 [1318], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, ngày 18, đem trưởng công chúa Thiên Chân gả cho Huệ Chính vương (không rõ tên). Phong Huệ làm Phò ký lang.

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, Tuyên Từ thái hậu băng.

Sai Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chấn đi đánh Chiêm Thành. Tộc tướng nhà Lý là Hiếu Túc hầu Lý Tất Kiến chết tại trận. Quân Thiên võ quân Phạm Ngũ Lão tung quân đánh phía sau giặc. Quân giặc thua chạy, bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão tước Quan nội hầu, ban cho phi ngư phủ và cho con ông làm quan.

Bấy giờ, Thượng hoàng có ý xuất gia, nên sai cung nhân ăn chay. Các cung nhân đều ngăn ngại, duy có nữ quan Nguyễn Thị Diên chặt ngón tay [35b] đem dâng. Thượng hoàng ngợi khen, ban cho 40 mẫu ruộng làm lương ăn tu hành ngày sau. Rồi Thị Diên quả nhiên đi tu cho đến lúc mất, Phật hiệu là Tịnh Quang ni.

Mùa đông, phụ táng Tuyên Từ thái hậu ở cạnh lăng Nhân Tông.

Trước đây, Nhân Tông từng dặn lại Anh Tông ngày sau phải đem di (tức là thái hậu) táng ở cạnh lăng và vẽ bản đồ chôn cất thành huyệt hình thước thợ trao lại. Đến đây, Thượng hoàng theo di mệnh, đào cạnh lăng để chôn. Đất lăng nhiều bùn lầy, tiếng đào đập vang động cả khu lăng. Thượng hoàng có vẻ lo. Trước đây, khi sắp chôn thái hậu [vào đây], các quan tâu rằng không nên làm kinh động lăng tẩm. Thượng hoàng nói:

"Tiên đế có lệnh, ta không dám trái. Nếu có tổn hại gì, ta sẽ chịu cả".

Sau khi chôn không được bao lâu, Thượng hoàng bị bệnh, đây năm thì băng.

Kỷ Mùi, [Đại Khánh] năm thứ 6 [1319], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 6). Mùa hạ, tháng 4, bến Đông Thiên Vương ở Đống Lâm lở 10 trượng.

[36a] Tháng 5, ngày 17, hoàng thái tử Vương sinh tên hiệu là Thiên Kiến.

Nước to.

Mùa đông, tháng 11, hoàng thái tử Nguyên Trác sinh.

Canh Thân, [Đại Khánh] năm thứ 7 [1320], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, ngày 16, thượng hoàng băng ở cung Trùng Quang phủ Thiên Trường, rước linh cữu vào cửa Tường Phủ, quàn tại cung Thánh Từ.

Thượng hoàng tính tình khiêm tốn hoà nhã, hoà mục với người trong họ, mọi việc của triều đình đều tự mình quyết đoán. Khi thư rối trong muôn việc bận, Thượng hoàng để tâm tới việc trước thuật. Nhưng viết được gì, vẽ được gì, ngài đều đốt cả. Tập thơ ngự chế tên là Thủy vân tùy bút, trước khi mất, cũng đốt đi.

Hồi còn trẻ, thích uống rượu, Nhân Tông răn bảo chuyện đó, từ đấy không bao giờ uống nữa. Ngài từng ban tước hơi nhiều cho các quan trong triều. Nhân Tông biết được, sai lấy sổ xem rồi ghi vào trong đó rằng:

"Sao lại có một nước bé bằng bàn tay mà phong quan tước nhiều như thế", từ đó lại càng [36b] thận trọng khi ban chức tước. Ngài không ngại sửa lỗi như vậy đó!

Quan nô là Hoàng Hộc và Thiên Kiện dùng mưu kế xảo trá, đánh lừa hình quan, người trong hương rất cuộc phải chịu tội vu cáo. Thượng hoàng biết chuyện, bảo hình quan rằng:

"Tên Hộc gian ngoan xảo quyết đến thế mà ngục quan không biết suy xét tình lý. Tình ngay lý gian thì không được lấy lý bỏ tình. Phải suy xét cả tình và lý, tình lý không xung đột thì mới là giỏi xử án. Nếu biết tình không gian, thì theo lý mà làm là phải, nếu tình quả là gian rồi, thì lại phải suy xét xem lý ngay hay cong, như vậy, điều gian dối sẽ tự khắc hiện ra, càng không nên tách rời tình lý làm hai mà xét".

Ngài sáng suốt, thận trọng về hình phạt lại như thế đấy.

Huy Tư được phong hoàng phi, thi theo hầu [thượng hoàng] chưa được ngồi kiệu. Bảo Từ lấy kiệu mình vẫn đi ban cho bà thì ngài trách rằng:

"Bảo Từ có thương yêu Huy Tư thì cho thứ khác là phải, chứ cái kiệu ngồi còn điển chế cũ, không thể [37a] cho được!".

Nguyễn Sĩ Cố, Chu Bộ là cận thần của thái tử. Đến khi thái tử lên ngôi. Cố và Bộ đều vì không có đức hạnh nên đều không được cất nhắc. Cố làm đến Thiên chương các học sĩ, chức này thực đặt làm vị, chứ không có quyền hành gì. Bộ thì chỉ coi mấy bộ cấm binh Khôi. Khi thượng hoàng thân đi đánh Chiêm Thành, Bộ chết trận, Cố thì chết trên đường đi. Hai người này phục vụ Thượng hoàng khó nhọc lâu ngày, nhưng vì tài không thể dùng được, nên đặc họ vào chức nhàn tản và đều cho bổng lộc tước trật ưu hậu cả mà không trao cho thực quyền.

Nguyễn Quốc Phụ làm Nội thư chánh chương, là cận thần của Nhân Tông. Khoảng năm Hưng Long [1293 - 1314] khuyết chức Hành khiển. [Có lần] Thượng hoàng châu Nhân Tông ở chùa Sùng Nghiêm, Nhân Tông bảo: "Quốc Phụ được đấy!" [Thượng hoàng thưa:

"Nếu lấy ngôi thứ mà bàn, thì [Quốc Phụ] được rồi, chỉ hiềm hấn nghiệm rượu thôi!".

Nhân Tông im lặng rồi không dùng. Quốc Phụ cuối cùng vẫn giữ chức cũ cho đến khi chết. Ngài thận trọng đối với những chức vị quan trọng lại như thế đấy.

Bấy giờ rước linh cữu [thượng hoàng] [37b] đưa về Thiên Trường. Thuyền của Bảo Từ thái hậu có 8 dây kéo, thuyền của Huy Tư hoàng phi có 2 dây kéo. Người coi cấm quan có ý nịnh vua, lấy dây buộc thêm vào thuyền của hoàng phi. Tướng quân Trần Hựu nói:

"Thuyền của thái hậu có 8 dây kéo là quy chế của nhà Trần để tỏ rõ danh phận trên dưới", lập tức rút gươm cắt dây bỏ bớt đi. Việc đến tai vua, vua khen ông trung thành. Hựu là viên quan cận thần của Thượng hoàng.

Mùa hạ, tháng 6, nước to.

Mùa thu, tháng 8, gió to.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu rằng những người tranh nhau ruộng đất, nếu khám xét thấy không phải của mình mà cố tranh bậy thì bị truy tố, tính giá tiền ruộng đất, bắt đền gấp đôi. Nếu làm văn khế giả, thì bị chặt một đốt ngón tay bên trái.

Tháng 11, Điện súy thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão mất tại phủ đệ vua ban ở vườn cau trong thành, thọ 66 tuổi. Vua nghỉ châu 5 ngày, đó là ân điển đặc biệt.

Ngũ Lão [người làng] Phù Ủng, [huyện] Đường Hào [châu] Thượng Hồng, lúc hơn hai mươi tuổi, [38a], Hưng Đạo Vương thấy và cho là có kỳ tài, đem con gái nuôi gả cho. [Ngũ Lão] nhân đó, làm gia thần cho vương, được vương dạy bảo thêm, tài nghệ tuyệt vời. Vương tiến cử ông.

Ngũ Lão xuất thân trong hàng quân ngũ, nhưng rất thích đọc sách, là người phóng khoáng, có chí lớn, thích ngâm thơ, tựa như không để ý đến việc võ bị. Nhưng quân ông chỉ huy, thực là đội quân phụ tử, hễ đánh là thắng. Ông có làm bài thơ:

Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hồ khí thôn ngư.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

(Vung giáo non sông trái mấy thu,
Ba quân tựa cạp nuốt trôi trâu.
Trai chưa trả nợ công danh được,
Còn thẹn khi nghe chuyện Vũ hầu)¹.

Ông huấn luyện quân đội rất có kỷ luật, đối đãi tướng hiệu tặc như người nhà, cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ, cho nên quân đi tới đâu, không ai dám chống; tất cả chiến lợi phẩm thu được đều sung vào kho quân, coi của cải như không, là bậc danh tướng của một thời vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tôi từng thấy các danh tướng nhà Trần như Hưng Đạo Vương thì học vấn **[38b]** tỏ ra ở bài hịch, Phạm điện sớ thì học vấn biểu hiện ở câu thơ, không chỉ có chuyện về nghề võ. Thế mà dùng binh tinh diệu, hễ đánh là thắng, đã tấn công là chiếm được, người xưa cũng không một ai vượt nổi các ông. Lê Phụ Trần thì dũng lược đứng đầu ba quân, một mình một ngựa xông pha trong lúc gian nguy, mà tài văn học của ông đủ để dạy bảo thái tử. Đủ biết, nhà Trần dùng người, vốn căn cứ vào tài năng của họ để trao trách nhiệm. Còn như quân Thiên thuộc (tức là quân Thiên vũ) mà cấm không được vào học. Giả sử có người văn võ toàn tài sinh ra ở trong đó, thì chẳng bị kìm hãm lắm sao!

Tháng 12, ngày 12, táng Thượng hoàng vào Thái lăng ở Yên Sinh (Thái Lăng ở núi Yên Sinh, hai lăng Mục Lăng và Phụ Lăng cũng ở đó), miếu hiệu là Anh Tông, thụy hiệu là Hiến Văn Duệ Vũ Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Gốc của thiên hạ là ở nước, gốc của nước là ở nhà, **[39a]** gốc của nhà là ở mình. Có dạy được người trong nước. Đời Đường Ngu thịnh trị chẳng qua cũng là như vậy. Kinh Thư ca ngợi Đế Nghiêu dẫn dắt muôn dân bỏ ác làm thiện, đi tới thịnh trị, thì hẳn là vì trước hết ông biết thân yêu họ hàng², cũng tức là đã thực hiện giáo hóa bắt đầu từ trong nhà vậy. Tôi đọc sử chép về Anh Tông, thấy không ngần ngại sửa bỏ lỗi lầm, kính cẩn thờ phụng cha mẹ, hòa mục với họ hàng, truy tôn tổ tiên làm đế làm hậu, chu đáo trong cúng tế, thận trọng trong tang lễ, đều là phải đạo; trong nhà đủ làm khuôn phép, người ngoài bắt chước theo. Cho nên trên thì Nhân Tông khen là hiếu, dưới thì Minh Tông tuân theo khuôn phép. Nước trở nên văn minh, dân tới chỗ giàu thịnh. Như thế chẳng phải là hiệu quả trị nước vốn ở gốc tu thân tề gia là gì? Dù lời khen trong Thi, Thư³ cũng không hơn thế.

Lại nói: Thiên tử mất 7 tháng thì chôn, nay để hơn 9 tháng mới chôn. Có lẽ thế là theo thuyết âm dương chăng⁴.

[39b] Trước đây, Anh Tông không khoẻ, vua ngày đêm ở luôn ngoài cửa phòng ngủ của Thượng hoàng, mỗi khi vào thăm thì cùng đi với Quốc Chấn. Vì Anh Tông tin cậy Quốc Chấn hơn cả, định đem vua gửi gắm Quốc Chấn, cho nên không cho vào thăm một mình, mà phải cùng đi với Quốc Chấn, cốt để cho tình nghĩa vua tôi được khăng khít và không còn nghi ngại gì nữa.

Bấy giờ, Bào Từ thái hậu cho gọi sư Phổ Huệ đến chùa Phổ Minh mở hội Quán đảnh⁵. Anh Tông bệnh vừa chuyển nặng. Phổ Huệ xin được gặp để trình bày việc sống chết. [Anh Tông] sai trả lời rằng:

¹ Vũ hầu: tức Gia Cát Lượng, tướng nước Thục thời Tam Quốc.

² Nguyên văn là "Cửu tộc" tức họ 9 đời gồm cao, tăng, tổ, khảo bản thân và con, cháu, chắt, chít, ở đây chỉ họ hàng nói chung.

³ Thư Kinh (Nghiêu điển) ca ngợi vua Nghiêu: "Làm sáng đức lớn để thân yêu hòa hợp được họ hàng, họ hàng hòa mục rồi, lại làm cho trăm họ tốt đẹp, trăm họ sáng tỏ rồi lại hòa hợp với muôn nước chư hầu. Dân chúng trong thiên hạ đều bỏ ác làm thiện, trở nên yên vui hưng thịnh".

⁴ Thuyết âm dương: ở đây là chỉ quan niệm của các nhà chiêm tinh thuật số cho rằng người chết phải chọn ngày, chọn giờ để chôn, nếu không được ngày giờ lành, sẽ có thể gây ra tai họa cho người sống.

⁵ Quán đảnh: (Abhiseka) là một nghi lễ Phật giáo, dùng nước hoặc sữa gội lên đỉnh đầu.

"Sư hãy đến đây, ta chết rồi, Quan gia có sai bảo gì, thì cứ việc làm. Còn như chuyện sau khi chết, thì sư cũng chưa chết, biết đâu mà trình bày việc chết với ta?".

Thái học sinh Đặng Tảo thường xuyên đứng hầu bên giường ngự để viết di chiếu. Anh Tông băng, vua đích thân khâm liệm. Chỉ có Quốc phụ cùng Tảo và gia nhi chủ nô là Lê Chung tham gia việc này. Đến khi rước linh cữu về sơn lăng, Tảo, Chung đều tới hầu [40a] lăng tẩm. Hàng năm, khi vua bái yết lăng, Tảo thường lánh đi chỗ khác, chỉ có ý nguyện ở lại phụng thờ lăng tẩm mà thôi, chứ không đòi xin gì khác.

Vua thương Tảo nghèo, ban cho 20 mẫu ruộng, sai Trần Thế Hưng mang giấy cho. Ruộng này khi trước đã ban cho thứ phi của vua là Thiên Xuân. Thiên Xuân cứ giữ giấy cũ mà cày cấy, thế mà Tảo vẫn không tranh chấp với bà. Thế Hưng biết chuyện, tâu thực với vua. Vua lập tức thu lại giấy của Thiên Xuân, đem ruộng trả cho Tảo, Tảo cũng chẳng lấy làm mừng.

Chung thì đời mồ mả tổ tiên, bán ruộng đất, nhà cửa, đem gia quyến vợ con đến Yên Sinh, chôn cất và làm nhà ở đấy. Cả hai người đều ở Yên Sinh cho đến khi mất. Sau này Nghệ Hoàng đến Yên Sinh, tưởng nhớ hai người bề tôi đó, liền sai Trần An trùng tu chùa cũ của Tảo và Chung, lại cấp ruộng để thờ cúng, ban tên chùa là chùa Trung Tiết.

Đổi đô Phù Liễn làm Khẩu mã quân.

Đói.

Lấy Bùi Mộc Đạc tri Thảm hình viện sự, kiêm [40b] Chuyển vận sứ lộ Hoàng Giang Hạ.

Tân Dậu, [Đại Khánh] năm thứ 8 [1321], (Nguyên Anh Tông Thạc Đức Bạt Lạt Chí Trị năm thứ 10). Mùa xuân, tôn Thuận Thánh Bảo Từ thái thượng hoàng hậu làm Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu, tôn mẹ thân sinh là Huy Tư hoàng phi làm Huy Tư hoàng thái phi (tức là Chiêu Từ hoàng thái hậu).

Tháng 2, gạo 1 thăng nhỏ trị giá 1 quan tiền.

Mùa hạ, lúa chiêm được mùa to.

Mùa đông, tháng 12, hoàng tử thứ ba là Phủ sinh.

Thi các tăng nhân, hỏi kinh Kim Cương.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Quan nội hầu.

Sai sứ sang Nguyên mừng Anh Tông lên ngôi.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Ngự sử đài thị ngự sử.

Nhâm Tuất, [Đại Khánh] năm thứ 9 [1322], (Nguyên Chí Trị năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Huệ Túc Đại Vương Niên làm Phó ký lang.

Tháng 3, sét đánh tháp Báo Thiên, sứt mất 2 tầng góc bên đông.

Mùa hạ, người Nguyên [41a] tranh chấp biên giới. Sai Hình bộ thượng thư, ty Hành khiển là Doãn Bang Hiến sang Nguyên tranh biện. Hiến mất trên đường đi, vua rất thương tiếc.

Quý Hợi, [Đại Khánh] năm thứ 10 [1323], (Nguyên Chí Trị năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 8, ngày 22, vua ngự đến nhà Thái học. Có tên Mặc trong quân Thiên thuộc ở Hoàng Giang đỗ khoa thi Thái học sinh, vua xuống chiếu bắt trở lại quân ngũ, làm quân lại quân Thiên đình, đến khi thi đánh gậy, [Mặc] lại đỗ cao.

Bấy giờ tuyển chọn các quân, lấy người béo trắng làm hạng trên, cho nên quân sĩ không xạm mình nữa là bắt đầu từ đây.

Xuống chiếu rằng khi tranh ruộng mà ruộng có lúa, thì hãy chia làm 2 phần, bồi thường cho người cày 1 phần, còn 1 phần lưu lại. Đó là theo lời tâu của Đại an phủ Kinh sư kiêm Kiểm pháp quan Nguyễn Dĩ. Dĩ nổi tiếng ngang với Thiên Hư. Khi Thiên Hư thôi chức Kinh lược sứ Nghệ An, Lâm Bình, vua sai Dĩ kế chức ấy. Người Chiêm [41b] cũng sợ phục.

Bấy giờ, quan trong triều như bọn Trần Thì Kiến, Đoàn Nhữ Hài, Đổ Thiên Hư, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Dũ, Phạm Mai, Phạm Ngộ, Nguyễn Trung Ngạn, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy (Duy người xã Cổ Định, huyện Nông Cống), Trương Hán Siêu, Lê Cư Nhân nối nhau vào triều, nhân tài rộ nở.

Anh em Ngộ, Mai vốn trước là họ Chúc, khi Nhân Tông xuất gia, làm nội học sinh theo hầu. Vua cho rằng họ Chúc không phải là họ lớn, mới đổi cho thành họ Phạm. Ngộ trước tên là Kiên, Mai trước tên là Cổ, đều theo học Nguyễn Sĩ Cổ. Kiên tránh tên của phán thủ Huệ Nghĩa đổi là Ngộ, Cổ tránh tên của thầy, đổi là Mai. Mai ở ngự sử đài¹, cương trực dám nói, có phong cách người bề tôi can ngăn ngày xưa". Sau vào chính phủ, không được mấy năm bị bãi chức.

Trung Ngạn tên cũ là Cốt. Khi Anh Tông ngự cung Trùng Quang, có ý muốn xuất gia, có làm bài thơ "Chiêu ẫn"² ban cho Trung Ngạn, Trung Ngạn từ chối không vâng mệnh.

Đĩnh Chi là người liêm khiết, **[42a]** sống rất đạm bạc. Vua rất hiểu ông, sai người ban đêm đem 10 quan tiền bỏ vào nhà ông. Hôm sau, Đĩnh Chi vào chầu, tâu vua hay chuyện đó. Vua bảo: "Không ai đến nhận, cho khanh lấy mà tiêu". Thời Hiến Tông, ông làm Nhập nội hành khiển Hữu ty lang trung rồi thăng Tả ty lang trung.

Mùa đông, tháng 11, đúc tiền kẽm.

Tháng 12, sách phong con gái trưởng của Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chấn là Huy Thánh công chúa làm Lê Thánh hoàng hậu (tức là Hiến Từ thái hậu).

Lấy Uy Giản hầu (không rõ tên) làm Tham thị triều chính trị quân quốc sự. Thân thuộc có kẻ chê chức ấy thấp. Uy Giản bảo chúng:

"Bọn bay ngu quá, phàm bề tôi được chúa thượng trông tới, đều do ở lòng thánh lựa chọn, chứ không phải là sức người làm nổi, sao lại được càn rỡ nghĩ xằng? Ta may được đội ơn yêu quý, thực đã quá lòng mong muốn rồi, bàn chi đến chức cao hay thấp".

Vua nghe biết, cho là những lời nói phải.

[42b], Giáp Tý, [Khai Thái] năm thứ 1 [1324], (Nguyên Thái Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Xét duyệt các sắc mục nội thị tạp lưu.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chấn làm Nhập nội quốc phụ thượng tể, Kiểm hiệu thái úy Nhật Duật làm Tá thánh thái sư; Uy Túc công Văn Bích làm Nhập nội phụ quốc thái bảo, Văn Huệ công Quang Triều làm Nhập nội hiệu tư đồ.

Vua Nguyên sai Mã Hợp Mưu³, Dương Tông Thụy sang báo tin lên ngôi⁴ và trao cho 1 quyển lịch.

Bọn Mưu đi ngựa đến tận đường ở cầu Tây Thấu Trì không xuống. Những người biết tiếng Hán, vâng lệnh tiếp chuyện, từ giờ Thìn đến giờ Ngọ, khí giận càng tăng.

Vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra đón. Trung Ngạn lấy lẽ bẻ lại, Hợp Mưu đuối lý, phải xuống ngựa bưng chiếu đi bộ. Vua rất hài lòng.

Rồi sau bàn việc trái ý vua, [Ngạn] bị giáng làm Thông phán châu Viêm Lãng, **[43a]** được tiếng là chính sự giỏi. Ít lâu sau, được thăng làm Thiêm tri Thánh Từ cung sự.

¹ Theo Nam ông mộng lục của Hồ Nguyên Trừng thì Phạm mai làm ngự sử trung thừa, bị cách chức trong vụ án Huệ Vũ Vương Quốc Chấn. Sau khi Quốc Chấn được minh oan, Mai được thăng làm tham tri chính sự.

² Chiêu ẫn: có nghĩa là mời bậc ẫn sĩ ra làm quan. Hoài Nam vương An đời Hán có thiên "Chiêu ẫn sĩ", Tống Văn Đề có xây Chiêu Ân quán cho Lôi Thứ Tông ở Chung Sơn.

³ Phiên âm tên Hồi giáo Mahmud.

⁴ Vua Nguyên lên ngôi nói ở đây là NguyênThái Định Đế.

Ban cho Trần Bang Cấn bức tranh và bài thơ. Bấy giờ, Bang Cấn làm Đại hành khiển thượng thư tả bộc xạ, là người tín thực giữ gìn, giản dị điềm tĩnh, không xa hoa. Vua ban cho bức tranh và bài thơ rằng:

Hình dung cốt cách nại đông hàn,
 Tướng mạo đình đình diệc khả khan.
 Phong lưu nhất đoạn hồn miêu tận,
 Tâm lý nan miêu cảnh cảnh đần.
 (Cốt cách dáng hình chịu rét đông,
 Hiên ngang tướng mạo thực nên trông.
 Phong lưu mọi vẻ đều nên cả,
 Vẽ sao canh cánh tấm lòng trung).
 Mùa đông, tháng 12, cấm tiền kẽm.

Năm này hạn hán, sâu bọ; trâu bò, gia súc chết nhiều.

Ất Sửu, [Khai Thái] năm thứ 2 [1325], (Nguyên Thái Định năm thứ 2). Mùa xuân, đặt ty Liêm phóng ở các lộ. Lấy Đặng Lộ làm Liêm phóng sứ hai lộ Đại Hoàng và An Tiêm.

Mùa thu, tháng 8, ban xuống các điều lệ mới quy định.

Theo quy chế cũ, Hành khiển ty ở cung Quan Triều và Thánh Từ, cùng Nội thư hỏa cục thì gọi chung là Nội mật viện. Đến nay, đổi Hành khiển ty thành Môn hạ sảnh, còn Nội thư hỏa cục vẫn là Nội mật [43b] viện.

Tư đồ Văn Huệ công Quang Triều mất (thọ 39 tuổi).

Bính Dần, [Khai Thái] năm thứ 3 [1326], (Nguyên Thái Định năm thứ 3). Từ tháng 2, mùa xuân, đến tháng 6 không mưa.

Tháng 3, Trung thư thị lang tri Thẩm hình viện sự Bùi Mộc Đặc mất.

Trước đây, khi Anh Tông sắp băng có bảo vua:

"Mộc Đặc trải thờ ba triều, là người cung kính, thận trọng, giữ gìn, học thức khả quan, nên đãi ngộ cho khéo, chớ để bị người ta ngăn trở".

Vua sai vẽ chân dung Mộc Đặc cất ở nhà sách, có ý định dùng vào chức to, nhưng chưa kịp thăng thì mất (thọ 62 tuổi).

Mùa thu, tháng 7, xét duyệt các quan văn võ.

Lấy Nội thư hỏa chánh chương phụng ngự Tạ Bất Căng làm Nhập nội hành khiển, hành Tả ty lang trung. Lấy Trần Khắc Chung làm thiếu bảo, hành Thánh Từ cung Tả ty sự, ban tên tự là Văn Tiết, hàm Đồng trung thư môn hạ bình chương sự.

Buổi quốc sơ, theo quy chế cũ của nhà Lý, hàm Hành khiển có thêm các chữ Trung thư môn hạ bình [44a] chương sự. Từ khi thượng tướng Quang Khải ở ngôi tể tướng, chê chức hành khiển và chức tể tướng ngang hàng nhau, mới tâu xin đổi thành Trung thư môn hạ công sự để cho có phân biệt.

Đến đây, vua cho Khắc Chung thăng chức Thiếu bảo, nhưng vẫn làm việc hành khiển; để ưu đãi, nên đặc cách thêm các chữ Trung thư môn hạ bình chương sự, là theo quy chế cũ.

Giáng Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Thanh Hóa.

Trung Ngạn có tính hay sơ xuất. Bấy giờ, Bảo Vũ Vương được ban tước Tào y thượng vị hầu¹, Trung Ngạn ghi sổ, lại xếp vào hàng Tử y². Vua thương ông có tài, vả lại cũng là do lầm lỡ, không bắt tội, nên đuổi ra làm quan bên ngoài. Trung Ngạn từng làm bài thơ tự phụ rằng:

Giới Hiên tiên sinh lang miếu khí,
 Diêu kinh dĩ hữu thốn ngư chí.
 Niên phương thập nhị thái học sinh,
 Tài đẳng thập lục sung đình thí.
 Nhị thập hựu tứ nhập gián quan,
 Nhị thập hựu lục Yên kinh sứ.
 (Giới Hiên tiên sinh tài lang miếu³,
 Có chí nuốt trâu từ niên thiếu.
 Tuổi mới mười hai thái học sinh,
 Vừa đến mười sáu dự thi đình.
 Hai mươi bốn tuổi làm quan gián,
 Hai mươi sáu tuổi sứ Yên Kinh)⁴.

Ông kiêu căng như vậy đấy. Về sau, hai lần sung chức **[44b]** Hựu sảnh⁵. Đến thời Dụ Tông, vào chính phủ, giữ trọn tiếng tốt, không phụ là bậc nho giả, thọ hơn 80 tuổi. Có Giới Hiên tập lưu hành ở đời.

Bấy giờ Trương Hán Siêu làm Hành khiển. Một hôm, Siêu nói trong triều rằng hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ. Vua lập tức sai điều tra. Hán Siêu nói kín với người khác:

"Tôi làm việc ở chính phủ, được chúa thượng tin dùng, cho nên mới nói thế, biết đâu lại có chuyện tra xét này!".

Vua nghe vậy nói: "Hành khiển là quan ở sảnh, Thẩm hình là quan ở viện, ta đều tín nhiệm cả. Sao lại làm ta tin quan sảnh mà ngờ quan viện?".

Đến khi tra hỏi, Hán Siêu đuối lý phải phạt 300 quan tiền.

Ít lâu sau, lấy Phạm Ngộ làm Tham tri chính sự đồng tri thượng thư Tả ty sự, chức ngang với Hán Siêu. Ngộ tuy học vấn không bằng Hán Siêu, nhưng làm quan thanh liêm cẩn thận, được tiếng khen ở thời đó.

Huệ Túc Vương đánh Chiêm Thành không thắng lợi **[45a]** trở về. Vua nói:

"Tiên đế tắm mưa gội gió mới bắt được chúa nước nó. Quốc phụ là một trọng thần, phụng mệnh đi đánh⁶, khiến chúa nước giặc là Chế Năng phải chạy sang nước khác (Chế Năng chạy sang Trảo Oa cầu cứu), lập tù trưởng A Nan làm Hiệu Thánh á vương. Nay Huệ Túc chỉ là một vương thôi, uy vọng không

¹ Tào y thượng vị hầu: tước vị hầu mặc áo đen.

² Tử y thượng vị hầu: tước thượng vị hầu mặc áo tím.

³ Lang miếu: là triều đình, câu thơ có ý "Tiên sinh Giới Hiên là nhân tài của triều đình".

⁴ Năm 26 tuổi, Nguyễn Trung Ngạn được lệnh đi sứ sang kinh đô nhà Nguyên, bấy giờ là Yên Kinh (nay là Bắc Kinh).

⁵ Hựu sảnh: tức là Nội mật viện.

⁶ Toàn thư chép năm Mậu Ngọ (1318). Sai Huệ Vũ Vương Quốc Chấn đi đánh Chiêm Thành (q.6, tờ 35a). Toàn thư cũng chép năm Giáp Tý (1424) lấy Huệ Vũ Vương Quốc Chấn làm Nhập nội quốc phụ thượng tể. Như vậy Quốc phụ ở đây là Quốc Chấn và lần đi đánh Chiêm Thành này xảy ra vào năm 1318.

thể sánh với Quốc phụ, thế mà ta cứ ở yên trong cung, trao cho chuyên việc đánh dẹp, muốn bắt sống chúa nó thì làm nổi chăng?".

Đinh Mão, [Khai Thái] năm thứ 4 [1327], (Nguyên Thái Định năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 5, sét đánh lừng lẫy. Quần thần bàn việc ấy. Xuống chiếu phạt bọn Thiệu bảo Trần Khắc Chung, Hành khiển Đoàn Nhữ Hài theo mức độ khác nhau.

Sau hôm sét đánh, các quan họp bàn ở Nội nhân văn cục. Các vương hầu cùng giải lao với Trần Khắc Chung và Đoàn Nhữ Hài. Khắc Chung nói chuyện có giọng hài hước. Nhữ Hài vội đứng dậy bỏ đi. Khắc Chung nói xong mọi người đều cười, [45b] bị quan Ngự sử hặc tội. Xuống chiếu phạt Khắc Chung và Nhữ Hài. Nhữ Hài cãi:

"Lúc cười đùa thì thần đã đi rồi".

Vua nói:

"Nhữ Hài nghe biết là đùa cợt, không ngăn, lại bỏ mà đi, thế là cố ý hãm mọi người vào tội lỗi mà tính kế tránh lỗi cho mình".

Rốt cuộc vẫn phạt Nhữ Hài.

Có viên quan tên là Hiệu Khả ca ngợi vua giỏi hơn Anh Tông. Vua biển sắc mặt, ngăn không cho nói và bảo:

"Ai mà khen người khác là giỏi hơn cha, thì người ấy hẳn là bất hiếu với cha mẹ, cho nên mới nói ra câu ấy".

Hiệu Khả không biết chiều cha mẹ, nên vua nói thế để răn đe y.

(Hiệu Khả là người trong lòng trí trá. Có lần, vua lấy ra hai chiếc hòm đựng áo mặc, sai Hiệu Khả xếp loại tốt xấu và bảo Khả: "Một cái do chính tay Thái thượng tự làm, một cái do nội nhân Lê Kế làm, cả hai đều tinh xảo cả, người chỉ xem cái nào khéo hơn".

Hiệu Khả xem đi xem lại hai ba lần rồi nói úp mở theo kiểu nước đôi: "Chúa thượng có cái khếp của chúa thượng, bề tôi cũng có cái khéo của bề tôi".

Vua cũng phải phì cười.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Câu nói ấy của vua, tuy là nhất thời nói ra với Hiệu Khả, [46a] nhưng tấm lòng trung hậu qua đó cũng đủ rõ.

Mậu Thìn, [Khai Thái] năm thứ 5 [1328], (Nguyên Trí Hoà năm thứ 1, từ tháng 9 trở đi là Văn Tông Đồ Thiếp Mục Nhĩ năm Đại Lịch thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, giết Quốc phụ thượng tế Quốc Chấn.

Bấy giờ, vua ở ngôi đã 15 năm, tuổi đã cao mà vẫn chưa lập thái tử. Cha hoàng hậu là Quốc Chấn giữ ý định đợi hoàng hậu có con rồi sẽ lập. Cương Đông Văn Hiến hầu (không rõ tên) là con (có sách chép là em) của Tá Thánh thái sư Nhật Duật, muốn đánh đổ hoàng hậu để lập hoàng tử Vượng, mới đem 100 lạng vàng đút lót cho gia thần của Quốc Chấn là Trần Phẫu, bảo nó vu cáo Quốc Chấn âm mưu phản loạn. Vua tin là thực, giam Quốc Chấn ở chùa Tư Phúc rồi đem việc ấy hỏi Thiệu bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung cùng cánh với Văn Hiến, lại cùng mẹ với Vượng, đều là người Giáp Sơn và đã từng làm thầy dạy Vượng, liền trả lời: "Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó". [46b] Vua mới cấm tuyệt không cho Quốc Chấn ăn uống, bắt phải tự tử. Hoàng hậu lấy áo tắm nước cho Quốc Chấn uống, uống xong thì chết. Bắt bớ đến hơn trăm người liên can. Mỗi khi xử án, bị can phần nhiều đều kêu oan.

Vài năm sau, gặp khi vợ cả vợ lẽ tên Phẫu ghen nhau, đem chuyện Văn Hiến đút vàng tâu lên vua. Phẫu bị hạ ngục. Ngục quan Lê Duy là người cương trực, xét xử ngay ngày hôm ấy. Tên Phẫu bị lăng trì, nhưng chưa kịp hành hình thì gia nô của Thiệu Võ (không rõ tên) là con của Quốc Chấn đã ăn sống hết cả thịt của nó. Văn Hiến được miễn tội chết, bị giáng làm dân thường, xóa tên trong sổ [hoàng tộc].

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngôi thái tử là gốc của nước, không thể không lập sớm. Phận chính đích không thể để chi thứ phạm bừa. Vua ở ngôi đã lâu, con thứ đã lớn rồi

mà con chính đích chưa sinh, thì làm thế nào? Tông quyền là phải. Đợi con đích là chấp chính¹, lập [47a] con thứ là tông quyền. Đến khi con đích sinh ra, lớn lên, thì gia phong cho con thứ tước vương, còn ngôi thái tử trả về con đích, ai bảo là chẳng nên?.

Có người hỏi rằng: "Lỡ có chuyện không lành, vua cha mất trước thì nguy lắm".

Xin thưa: Hãy chăm chú vào lời dạy thường ngày, nhận rõ lấy những lời trong di chiếu, chọn người bề tôi xã tắc, ủy cho việc gửi gắm con cô, thì không có lo gì. Huống chi Minh Tông chính mình ở vào cảnh ấy rồi, tất nhiên có thể xử trí được ổn thỏa. Quốc Chấn là người cố chấp không linh hoạt, để cho kẻ gian thần thừa dịp gieo vạ, đáng thương thay!

Kinh dịch có câu: "Xét xem có chỗ sáng tỏ thông suốt mà thi hành điển lễ". Quốc Chấn có lẽ chưa nghe bao giờ! Nhưng mỗi oan của ôn không thể không làm cho rõ.

Còn như Trần Khắc Chung cũng là nhân vật của một thời, vua trao cho hãn chức vị sư bảo², và đem việc nước hỏi hãn, đáng lẽ phải hết lòng trung khuyển can, để cho vua mình trở thành Nghiêu Thuấn mới phải. Thế mà lại vào hòa với kẻ [47b] quyền quý, làm hại người ngay thẳng, đi theo bọn gian tà, đẩy người lành tới nỗi oan khiên, hãm đức vua vào việc làm tội lỗi. Việc ấy mà nhẩn tâm làm được, thì còn việc gì mà không nhẩn tâm làm nữa? Sau lại xui vua cầu công đi đánh Chiêm Thành, thì cái thói nịnh hót lại lộ ra nữa. Cho nên, bậc làm vua khi dùng người hiền, phải xét kỹ họ, là bởi sợ rằng có đứa tiểu nhân như bọn Khắc Chung có thể lọt vào trong đó vậy.

Lập hoàng tử Vượng làm Đông cung thái tử; phong con thứ là Nguyên Trác làm Cung Tĩnh Đại Vương.

Kỷ Tỵ, [Khai Thái] năm thứ 6 [1329], (từ tháng 2 trở đi là Khai Hựu năm thứ 1, Nguyên Đại Lịch năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 7, sách phong Đông cung thái tử Vượng làm Hoàng thái tử.

Ngày 15, vua nhường ngôi, Vượng lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Khai Hựu năm thứ 1. Đại xá. (Vua tự) xưng là Triết Hoàng, Tôn Thượng hoàng là Chương Nghiêu Văn Triết Thái Thượng [48a] Hoàng Đế. Tôn Lệ Thánh hoàng hậu làm Hiến Từ thái thượng hoàng hậu (Hiển có sách chép là Huệ). Quần thần dâng tôn hiệu là Thế Nguyên Ngự Cực Duệ Thánh Chí Hiếu Hoàng Đế.

Rước thượng hoàng về ở hành cung Thiên Trường. Các hoàng tử châu hầu.

Thượng hoàng thường hay bàn đến các nhân vật của bản triều. Thái bảo Uy Túc Văn Bích nói:

"Xét bản nhân vật để dạy hoàng tử, chỉ nên nhắc tới người thiện, còn kẻ ác hãy bỏ chớ bàn đến, sợ các hoàng tử nghe được, có thể sẽ có người bắt chước".

Thượng hoàng nói:

"Thiện ác đều phải nêu để đối chiếu, không thể bỏ một bên nào. Nếu con ta quả là hiền, thì nghe điều thiện tất phải theo mà học tập, nghe điều ác tất phải ghét mà tránh xa; thiện, ác đều có thể làm gương được cả. Nếu (con ta) không hiền, thì đợi gì thấy kẻ ác rồi mới làm điều ác? Như Thái Khang³ thất đức, là bởi các vua trước chơi bời mà bắt chước hay sao? Tùy Dương Đế⁴ luôn mồm nói đến Nghiêu Thuấn, nhưng mọi việc làm của ông ta thì lại như Kiệt, Trụ, có phải là ông ta thấy điều thiện mà bắt chước hay sao".

¹ Kinh, quyền là hai khái niệm thường gặp trong kinh điển nho gia. Kinh là những nguyên tắc, nguyên là lý về đạo nghĩa, pháp chế không thể thay đổi được, bất di bất dịch, đòi hỏi mọi người phải luôn luôn tuân thủ (chấp kính). Quyền là quyền biến, là những biện pháp linh hoạt có lúc cần phải theo (tông quyền), để đạt được mục đích (đạo), dù những biện pháp ấy có thể trái với các nguyên lý, nguyên tắc kinh điển.

² Khắc Chung được phong Thiếu bảo năm Khai Thái thứ 3 (1326), lại là thầy dạy (sư) của hoàng tử (sau là thái tử) Vượng nên gọi là "sư bảo".

³ Theo truyền thuyết Trung Quốc: Thái Khang là vua nhà Hạ, con của Khải, chơi bời vô độ, sau bị chư hầu Hữu Cùng là Hậu Nghệ đuổi đi.

⁴ Tùy Dương Đế Dương Quảng là một tên vua vô đạo, giết cha là Văn Đế để cướp ngôi vua, cực kỳ xa hoa, tàn bạo, sau bị giết.

Uy Túc cúi đầu nhận là phải.

Lại một hôm, [thượng hoàng] mời Huệ Túc Vương vào tắm điện, bảo ông ngồi. Thượng hoàng đang ăn chay. Huệ Túc Vương vốn bài xích Phật Lão, nhân nói:

"Thần không biết ăn chay thì có ích lợi gì?".

Thượng hoàng đoán biết ý ông, liền dụ rằng:

"Ông cha ta ngày xưa thường ăn cơm chay, cho nên ta bắt chước đó thôi, còn ích lợi gì thì ta không biết".

Huệ Túc im lặng rồi lui ra.

Phong Tá thánh thái sư Nhật Duật làm Đại Vương.

Mùa đông, Thượng hoàng đi tuần thú đạo Đà Giang, đích thân đi đánh man Ngưu Hống, sai Thiêm tri Nguyễn Trung Ngạn đi theo để biên soạn thực lục.

Trước đó, thời Nhân Tông, Ngưu Hống cùng Đạo Mật vào châu, cho trở về. Đến nay, chúng làm phản, thả sức cướp bóc; đất cõi Đà Giang về tay chúng cả¹ lại mưu cướp nhà Hoài Trung. Thượng hoàng quyết định thân chinh. Trần Khắc Chung can rằng:

"Đà Giang vốn có tiếng là đất lam chướng, lại nhiều ghềnh thác chảy xiết, không [49a] lợi cho việc hành quân. Chiêm Thành không có lam chướng, khí độc, và lại để vương đời trước thân chinh, nhiều lần bắt được chúa nó. Chi bằng bỏ Ngưu Hống đấy mà đánh Chiêm Thành là hơn. Thượng hoàng nói:

"Trẫm là cha mẹ dân, nếu sinh dân mắc vào cảnh lâm than thì phải cứu gấp, chả lẽ đi so đo khó dễ lợi hại hay sao?". Khắc Chung lạy tạ tâu rằng:

"Lòng thánh che chở, nuôi dưỡng rộng khắp, không phải là điều mà trí ngu tối của thần có thể nghĩ tới được".

Trước đây, khi Thượng hoàng sắp đi đánh Ngưu Hống, người Chiêm Chiêu đế cửa khuyết dâng thư, đĩnh ninh rằng sẽ xin đem cả trại ra hàng, nên đã khắc phù² làm tin. Thượng hoàng đang muốn lên trên thành trại của họ, bắt chước chuyện vua Hán Vũ Đế lên đài của chúa Hung Nô ngày xưa. Đến khi thân chinh, sai Chiêm Nghĩa tiến sang để tiếp ứng quân nhà vua và dặn rằng:

"Trại Chiêm Chiêu đã ước hẹn xin hàng, phải đợi quân ta tới, không được hành động liều".

Thượng hoàng đến Mường Việt³, đóng quân lại, ban tên [cho đất ấy] là phủ Thái Bình; [ở đây] có suối Bác Tử, ban tên là suối Thanh Thủy [48b]. Chiêu Nghĩa hầu tới Chiêm Chiêu, muốn dâng công, tấn công trại, bị thua. Tuyên uy tướng quân Vũ Tư Hoảng liều sức chiến đấu, chết tại trận. Thượng hoàng nghe tin nói: "Đã lỡ rồi!".

Song chiến dịch này, Thượng hoàng đích thân chỉ huy, hiệu lệnh nghiêm minh, uy thanh vang dội, Ai Lao nghe tiếng chạy tan.

Khi về đến sông Bạch Hạc, giữa sông có đá ngầm dọc theo dòng chảy. Thuyền đi thường bị chạm phải hay mắc cạn. Nghe nói thần sông ấy là Phụ Vũ Đại Vương. Thượng hoàng khẩn thăm: "Nếu thuyền ngự đi được an toàn thì sẽ khen thưởng".

Sau này Hưng Hiếu Vương đi đánh man Đà Giang, đỗ thuyền trên sông Bạch Hạc, đêm thấy thần báo mộng rằng: "Năm trước vua có lệnh khen thưởng mà đến nay vẫn chưa thấy gì".

¹ Nguyên văn là "Bản giang chi địa...", chúng tôi cho rằng bản chữ "bản" vốn là chữ "Đà" Toàn thư chép lẫn.

² Phù là vật để làm tin, thường làm bằng tre, gỗ, đồng, ngọc có khắc chữ, chia làm hai, mỗi bên cầm một nửa, lúc cần chứng thực thì đem hai nửa ghép lại.

³ Mường Việt: nay là đất huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Hưng Hiếu Vương về tâu lại, Thượng hoàng bèn phong thêm cho hai chữ: Quý thần thiêng liêng, ứng nghiệm, quả không sai là ngoa vậy.

Lấy Vũ Nghiêu Tá làm Nhập nội hành khiển Môn hạ hữu ty lang trung.

Nghiêu Tá (người Hồng Châu) với em là Nông, **[50a]**, đều đỗ cùng một khoa hội Thượng hoàng còn ở ngôi vua. Anh em đều nổi tiếng văn học, Nghiêu Tá làm Hành khiển đồng tri Nội mật viện sự. Đến nay, trao cho chức này.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển VII

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Hiển Tông Hoàng Đế

Tên húy là Vương, con thứ của Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ tuyên thánh hoàng thái hậu, mẹ sinh là Minh Từ hoàng thái phi Lê thị. Ở ngôi 13 năm, thọ 23 tuổi, băng táng ở lăng Xương An. Vua tư trời tinh anh, sáng suốt, vận nước thái bình, nhưng hưởng thọ không dài, chưa thấy làm được gì, đáng tiếc thay!

Canh Ngọ, Khai Hựu năm thứ 2 [1330], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 5, lấy ngày sinh làm tiết Hội Thiên.

Mùa thu, tháng 7, Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu¹ băng tại am Mộc Cảo, Yên Sinh.

Thái hậu tính nhân từ. Các con của Anh Tông, dù là con vợ thứ sinh ra, bà đều yêu dấu, chăn nuôi như con mình.

Công chúa Huệ Chân được Anh Tông yêu quý, thái hậu cũng rất yêu nàng. Thiên Chân là con đẻ của [1b] Thái hậu, nhưng khi có ban thức gì, thì cho Huệ Chân trước, rồi sau mới đến Thiên Chân. Sau khi Anh Tông băng, Thái hậu càng chăm sóc Huệ Chân hơn trước.

Đến như đối xử với các cung tần ưu hậu, như nữ quan trong cung là Vương thị, mẹ đẻ của Huệ Chân, được yêu quý mà có thai, Thái hậu đã lấy song hương đường (phòng ngủ của thái hậu) cho làm nơi sinh đẻ. Vương thị sau khi đẻ xong thì mất. Cung nhân ngậm tâu với Thượng hoàng là Thái hậu giết Vương thị. Thượng hoàng vẫn biết Thái hậu là người nhân từ, liền nổi giận lấy roi đánh người cung nhân ấy. Thái hậu cũng chẳng để bụng chuyện đó.

Bảo Huệ quốc mẫu (tức là mẹ của Bảo Từ thái hậu) có lần xin cho Nguyên Huy (tức là con gái của Uy Huệ, cháu gái của Bảo Từ) vào làm cung phi. Thượng hoàng đem chuyện đó hỏi thái hậu. Thái hậu trả lời: " Không được, nếu Nguyên Huy được làm phi thì sẽ khiến Thực Tư phải xưng là nô chăng?".

Bà không đem ơn riêng mà cho bữa là như vậy đó. Người đương thời ca ngợi bà là bậc đứng đầu mẫu đức. Từ khi rước linh cữu Anh Tông về Yên Sinh, mọi điều khổ hạnh, bữa cháo, bữa chay, [2a] không việc gì bà không làm, nhưng bà không chịu thụ giới với nhà sư. Bà nói:

" Từ khi Tiên đế ra đi, ta không thể trông thấy mặt nhà sư, ngồi nói chuyện với nhà sư được, chỉ ăn chay, húp cháo khổ hạnh để báo đáp đức lớn như trời của tiên đế thôi, y bát² mà làm gì?".

Bà ở núi mười năm rồi mất.

Tá Thánh thái sư Chiêu Văn Đại Dương Nhật Duật mất (thọ 77 tuổi).

¹ Thuận Thánh Bảo Từ: là vợ của Anh Tông, mẹ đích của Minh Tông.

² Y bát: là áo cà sa và bát xin thức ăn, hai vật tượng trưng cho nhà sư. Ở đây không đi tu.

Nhật Duật thích chơi với người nước ngoài, thường cưỡi voi đến chơi thôn Bà Già (thôn này hồi Lý Thánh Tông đánh chiếm Chiêm Thành, bắt được người Chiêm cho ở đấy, lấy tiếng Chiêm đặt tên là Đa Gia Ly, sau gọi sai thành "Bà Già") có khi ba, bốn ngày mới về. Lại hay đến chơi chùa Tường Phù, nói chuyện với nhà sư người Tống, ở lại đến hôm sau mới về. Người nước ngoài đến kinh sư, thường kéo đến nhà ông. Nếu là khách Tống thì ông kéo ghế ngồi gần, chuyện trò suốt buổi, nếu là người Chiêm hay người các man khác, thì đều theo phong tục nước họ mà tiếp đãi.

Đời Nhân Tông, sứ nước Sách Mã Tích¹ sang cống, không tìm được người phiên dịch. Chỉ có [2b] Nhật Duật là dịch được. Có người hỏi vì sao ông biết tiếng nước họ, ông trả lời rằng:

"Thời Thái Tông, sứ nước ấy sang² nhân có giao du với họ nên hiểu được đôi chút tiếng nước họ".

Nhân Tông từng bảo:

"Chiêu Văn Vương³ có lẽ là kiếp sau của người phiên lạc, nên giỏi tiếng các nước đó".

Khi đã làm tể tướng, ông thường qua nhà Trần Đạo Chiêu là người Tống, ngồi bên nhau nói chuyện phiếm hàng giờ mà không mỏi. Anh Tông nghe biết chuyện bảo ông:

"Tổ phụ⁴ là tể tướng. Đạo Chiêu tuy là người Tống, nhưng đã có Hàn lâm phụng chỉ, há nên ngồi nói chuyện với hãn?".

Theo lệ cũ, sứ Nguyên sang, phải sai người biết tiếng để phiên dịch, tể tướng không được nói chuyện [trực tiếp] với họ, sợ lỡ có sai sót gì thì đổ lỗi cho người phiên dịch. Nhật Duật thì không thế, khi tiếp sứ Nguyên, ông thường nói chuyện thẳng với họ mà không mượn người phiên dịch. Đến khi sứ về nơi nghỉ thì dắt tay cùng vào, ngồi uống rượu vui vẻ như bạn văn quen biết. Sứ Nguyên hỏi ông:

"Ông là người Chân Định⁵ tới làm quan ở đây chớ gì?".

Nhật Duật ra sức bác lại, nhưng họ vẫn không tin [3a] vì hình dáng và tiếng nói của ông đều giống người Chân Định.

Anh Tông muốn tuyên Tôn Từ hoàng thái hậu làm Thái hoàng thái hậu, nhưng chưa biết gia tôn thế nào. Khâm Từ hoàng thái hậu đem việc ấy hỏi ông, ông trả lời là tôn làm thái hoàng thái hậu.

Anh Tông có hai chiếc mũ võ, là mũ đội khi duyệt và giảng võ mà chưa có tên gọi. Khi đi đánh Chiêm Thành, định đội đi, sai Nhật Duật đặt tên, Nhật Duật liền đặt tên một chiếc là Vũ Uy, một chiếc là Vũ Đức. Đến các tên "Toát Trai", "Tư thiện đường" của Đông cung (nhà học của hoàng thái tử gọi là Tư thiện đường, nhà học của Đông thái tử gọi là Toát trai) cũng đều là do ông đặt tên cả.

Những tiết tấu âm nhạc, khúc điệu múa hát cũng do Nhật Duật sáng tác.

Cuối niên hiệu Thiệu Bảo⁶, ông giữ trại Thu Vật ở Tuyên Quang. Giặc hồ vừa xâm phạm bờ cõi, Chiêu Quốc⁷ tâu với vua rằng:

¹ Sách Mã Tích: có lẽ là nước Tumasik, tên cổ của Singapur ngày nay. Thư tịch Trung Quốc có chỗ phiên âm là Đôn Mã Tích.

² Nguyên văn là "Bắc quốc sứ", bản dịch cũ dịch là "sứ Bắc quốc". Ta thường hiểu Bắc quốc là Trung Quốc. Nhưng ở đây đang nói về nước Sách Mã Tích, mấy chữ "Bắc quốc sứ" làm câu mất nghĩa. Chúng tôi cho rằng chữ Bắc? là nhầm từ chữ Thứ?. "Thứ quốc sứ" là "sứ nước ấy", câu trở nên rõ ràng. Ngôn ngữ Tumasik thuộc hệ Mã Lai - Đa Đảo. Trần Nhật Duật biết tiếng Chàm, cũng thuộc hệ này, nên có thể nhanh chóng học được tiếng Tumasik.

³ Trần Nhật Duật là con của Trần Thái Tông, em của Trần Thánh Tông, nên Nhân Tông gọi là "chú" (nguyên văn: "Chiêu Văn thúc").

⁴ Anh Tông gọi Nhật Duật bằng tổ phụ, tức là ông.

⁵ Nay là vùng đất huyện Chính Định, thuộc tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc).

⁶ Niên hiệu Thiệu Bảo đời Trần Nhân Tông kéo dài từ 1270 đến 1280. Từ tháng 10-1285, mới đổi sang niên hiệu Trùng Hưng. Việc Trần Nhật Duật chống quân Nguyên nói ở đây là xảy

⁷ Tức Chiêu Văn Vương Trần Ích Tắc.

"Chiêu Văn ở Tuyên Quang, chắc ở trên đó gọi giặc sang rồi!" (Nhật Duật thích chơi với người Tống nên Chiêu Quốc nói thế).

Khi Tuyên Quang thất thủ, Nhật Duật thuận dòng [3b] rút về xuôi, quân giặc theo hai bên bờ sông đuổi ông. Nhật Duật ngoảnh lại thấy giặc đi thông thả, bảo quân lính: "Truy kích thì phải nhanh, nay chúng lại đi thông thả, sợ có quân phía trước đón chặn".

Vội sai người dò xem, quả nhiên thấy giặc đã chặn ngang ở hạ lưu. Ông liền lên bộ chạy thoát.

Ông là người hòa nhã, độ lượng, mừng giận không lộ ra sắc mặt, trong nhà không bao giờ chứa roi vọt để đánh nô lệ. Nếu có đánh thì cũng kể tội lỗi sau rồi mới đánh.

Có lần ông sai gia đồng giữ thuyền, tên này bị gia đồng của Quốc phụ¹ đánh, có người đến mách. Nhật Duật hỏi: "Có chết không?". Người đó trả lời: "Chỉ bị thương thôi". Ông nói: "Không chết thì thôi, mách làm gì!".

Lại có người kiện gia tùy của ông với Quốc phụ. Quốc phụ sai gia đồng tới bắt. Người gia tùy chạy vào trong phủ, người gia phủ chạy đến nhà giữa, bắt trói âm ỹ. Phu nhân khóc lóc nói với ông :

"Ân chúa là tể tướng, Bình chương² cũng là tể tướng, vì ân [4a] chúa nhân từ, nhu nhược nên người ta mới coi khinh đến nước này".

Nhật Duật vẫn ung dung không nói, chậm rãi sai người bảo kẻ gia tùy rằng:

"Mày cứ ra đi, ở đâu cũng đều có phép nước".

Ông lại thiệp liệp sử sách, rất hâm mộ huyền giáo³, thông hiểu xung điển⁴, nổi tiếng đương thời là người uyên bác.

Hồi Thượng hoàng còn nhỏ, bị ốm, từng sai ông làm phù phép trấn áp cho yên. Ông mặc áo lông đội mũ, trông như đạo sĩ.

Vợ ông là Trinh Túc phu nhân từng có việc xin riêng với ông, ông gật đầu. Đến khi ra phủ, người thư ký đem việc ấy trình lên ông, ông lại không cho.

Ông là bậc thân vương tôn quý, làm quan trải bốn triều, ba lần coi giữ trấn lớn, trong nhà không ngày nào không mở cuộc hát xướng, làm trò, mà không ai cho là say đắm. So với Quách Tử Nghi⁵ tột cùng xa xỉ mà không ai chê, ông cũng gần được như thế.

Trinh Túc phu nhân là người Thanh Hóa, cho nên các nàng hầu vợ lẽ của Nhật Duật [4b] đều là người Thanh Hóa và các con ông cũng đều do các bà ở Thanh Hóa đẻ ra. Sau này, có bổ tri phủ Thanh Hóa, đều lấy con cháu Nhật Duật cho làm, cũng như Quốc Khang ở Châu Diển vậy.

Trần Khắc Chung chết, tặng chức Thiếu sư.

Khắc Chung là người cố làm ra vẻ khác đời để cầu tiếng khen, không chăm lo đến nghiệp nhà. Mỗi buổi sáng vào chầu thì tạm nghỉ ở cục Thượng Liễn cửa Vĩnh Xương, xem kỹ các bản tâu để chuẩn bị tâu bày. Khi tan chầu thì tới Đông cung (khi ấy Minh Tông đang còn ở Đông cung) dạy học, đều giả vờ, cố sức mà làm. Thường hay đánh bạc với học sĩ Nguyễn Sĩ Cố, có khi đến 2,3 ngày, đánh thâu đêm suốt sáng, ngồi ngay trên giường đánh bạc mà húp cháo, không nghỉ lấy một chút. Được thua chỉ một hai quan tiền mà dụng tâm khổ sở như vậy. Lại như gặp những ngày trẻ đầy năm, mừng nhà mới của bạn

¹ Chỉ Quốc phụ thượng tể Trần Quốc Chấn.

² Chỉ Quốc phụ thượng tể Trần Quốc Chấn.

³ Tức Đạo Giáo.

⁴ Xung: nghĩa là sâu, là hư không; xung điển: là chỉ chung các kinh điển của Đạo giáo.

⁵ Quách Tử Nghi: quan đời Đường (Trung Quốc) trải bốn triều huyện Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông. Sau khi dẹp loạn An, Sử, được Túc Tông phong là Phần Dương Vương, nên thường được gọi là Quách Phần Dương. Đời Đức Tông, làm Thái úy trung thư lệnh, nên cũng được gọi là Quách Lệnh Công.

bè, được mời là đến cả. Thậm chí nhà quan thầy thuốc có món ăn ngon cũng tới. Quân nhân biếu món ăn thì khen ngợi[5a] vợ họ. Một hôm, [Khắc Chung] bảo con là Công Xước: "Mày lấy con gái nhà ấy sao không bảo cho ta biết?"

Trước đây Khắc Chung lấy nàng Bảo Hoàn. Khoảng đời Trung Hưng, người Nguyên vào cướp, cha mẹ Bảo Hoàn hàng giặc, tài sản, ruộng đất đều bị tịch thu sung công. Đến khi vua lên ngôi, xuống chiếu cho trả lại, nhưng ông cũng không đem điền sản đó dùng vào việc thờ cúng. Ông ta xu thời giả tạo như thế đó. Chỉ có việc đi cầu hòa [với quân Nguyên] là khả quan thôi. Cho nên, người đời đều khen là giỏi.[Khi mất], đưa về chôn ở Giáp Sơn, bị gia nô của Thiệu Võ bằm nát xác ra.

Tân Mùi, [Khai Hựu] năm thứ 3[1331], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 2). Nhà Nguyên sai Lại bộ thượng thư Tản Chỉ Ngõa¹ sang báo việc Văn Tông lên ngôi.

Sai sứ sang Nguyên chúc mừng².

Thượng hoàng ngự cung Trùng Quang. Hoàng tử phủ đứng hầu. Gặp mưa gió to, [hoàng tử Phủ] ứng chế làm bài thơ có câu:

An đắc tráng sĩ lực cái thể,
Khả ngự đại ốc chi đời phong.
(Sao được tráng sĩ sức hơn đời,
Chống đỡ nhà to khi gió mạnh).

Thượng hoàng thưởng cho Phủ 10 lạng vàng (Phủ lúc ấy 11 tuổi).

[5b] Nhâm Thân, [Khai Hựu] năm thứ 4 [1332], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, ngày 15, phụ táng Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng thái hậu vào Thái Lăng.

Trước đó, Thượng hoàng sai các quan chọn ngày chôn cất. Có người bác đi rằng: "Chôn năm nay tất hại người tế chủ". Thượng hoàng sai hỏi người đó rằng: "Người biết là sang năm ta nhất định chết à?"

Người ấy trả lời là không biết. Thượng hoàng lại hỏi rằng:

"Nếu sang năm trở đi, ta chắc chắn không chết, thì hoãn việc chôn mả hậu cũng được; nếu sang năm ta chết, thì lo xong việc chôn cất mả hậu chẳng hơn là chết mà chưa lo được việc đó ư? Lễ cát lễ hung phải chọn ngày là vì coi trọng việc đó thôi, chứ đâu có phải câu nệ họa phúc như các nhà âm dương."

Rốt cuộc vẫn cử hành lễ tang.

Tháng 3, lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Nội mật viện phó sứ, giữ sổ sách ở nội sảnh cung Quan Triều.

Mùa thu, tháng 7 lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Tri thẩm hình viện sự, kiêm An phủ sứ Thanh Hóa. Trung Ngạn[6a] lập Bình doãn đường xét xử ngục tụng. Không ai bị xử oan hoặc xử quá đáng.

Quý Dậu, [Khai Hựu] năm thứ 5[1333], (Nguyên Thuận Đế Thỏa Hoan Thiếp Mục Nhi, Nguyên Thống năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đói to.

Giáp Tuất, [Khai Hựu] năm thứ 6[1334], (Nguyên Nguyên Thống năm thứ 2). Mùa xuân, đặt thêm chức tả hữu chính ngôn tham nghị ở Trung thư.

Thượng hoàng tuần thú đạo Nghệ An, thân đi đánh Ai Lao. Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Phát vận sứ Thanh Hóa, vận tải lương thực đi trước. Xa giá tới Châu Kiềm³.

¹ Nguyên sử, bản kỷ (Văn Tông) chép là tãn Lý Ngõa.

² CMCB9 dựa vào Nguyên sử chép tên người cầm đầu sứ bộ lần này là Đoàn Tử Trinh.

³ Châu Kiềm tức Mật châu, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (theo CMCB9).

Ai Lao nghe tin chạy trốn. Sai Trung Ngạn mài vách núi khắc chữ ghi công rồi về¹.

Ất Hợi, [Khai Hựu] năm thứ 7[1335], (Nguyên Chí nguyên năm thứ 1). Nhà nguyên sai lại bộ thượng thư là Thiết Trụ sang báo việc Thuận Đế lên ngôi.

Mùa thu, tháng 9, Thượng hoàng thân đi đánh Ai Lao bị thua. Đoàn Nhữ Hài bị chết đuối.

Trước đó, Thượng hoàng đã bàn việc đánh Ai Lao mà không đi được. Đến đây, lại bàn việc thân chinh, nhưng bị đau [6b] mắt. Có người xin hoãn việc xuất quân. Thượng hoàng nói :

"Năm ngoái định thân chinh rồi không được, năm nay lại vì đau mắt mà hoãn việc xuất quân, thiên hạ sẽ bảo ta là nhất, nếu giặc phương Bắc xâm lấn thì ta còn nhờ cậy vào đâu?".

Bèn quyết chí thân chinh, ít lâu sau mắt cũng khỏi. Đến Nghệ An, bệnh lại tái phát. Thượng hoàng ngồi thuyền cố gượng mà đi, khi lên bộ thì khỏi.

Bấy giờ Nhữ Hài chỉ huy quân thần Vũ và Thần Sách, kiêm chức kinh lược đại sứ Nghệ An, mà Ai Lao xâm lấn đất Nam Nhung² là thuộc ấp của Nghệ An, cho nên lấy Nhữ Hài làm đốc tướng, các quân đều chịu sự chỉ huy của ông.

Nhữ Hài chỉ đem quân thần Vũ và quân Nghệ An tiến đánh, đoán chừng Ai Lao giữ đất Nam Nhung, quân ít và thiếu, đánh nhất định thắng. Vả lại, trại nó sát ngay sông lớn Tiết La³, sau khi thắng trận bắt được tù binh theo dòng xuôi xuống, đi qua Chân Lạp và các nước phiên khác, đều có diều võ giương oai, nhân đó dụ bảo con em các nước ấy vào châu, y muốn lập [7a] kỳ công để lần lượt người cùng hàng.

Đến ngày giao chiến, mây mù che tối, giặc đã phục sẵn voi ngựa, hai mặt giáp công, quan quân thua to, sa xuống nước chết đuối đến quá nửa. Nhữ Hài cũng ở trong số người chết đuối đó.

Thượng hoàng được tin đó bảo rằng: "Nhữ Hài dùng mưu tất thắng thừa kế tất thắng, công đã gần thành, cuối cùng bị giặc như môi[mà chết]. Nhữ Hài không phải không biết tình thế của giặc, chỉ vì muốn làm to quá mới đến nỗi vậy. Thế mới biết sự mong muốn của con người không thể vượt quá giới hạn được".

Sử thần Ngô Sĩ liên nói : "Trận đánh Thành Bộc⁴. Tử Ngọc có mưu tất thắng mà rốt cuộc bị thua là vì bị Văn Công như môi. Trận đánh Nam Nhung, Nhữ Hài có mưu tất thắng rồi cũng bị thua là vì bị Ai Lao như môi. Hai viên tướng này đâu phải không có tài lược mà đến nỗi như thế. Chỉ vì kiêu căng nên chuốc lấy thất bại đó thôi.

Khổng Tử nói: "Gặp[7b] việc thì lo sợ, mưu giỏi thì thành công". Điều cốt yếu của việc chiến trận không gì lớn hơn thế. làm tướng mà kiêu ngạo, có thành công được bao giờ!

Khi Thượng hoàng thân chinh thì Đỗ Thiên Hư chỉ huy quân Khoái Hộ (tức là quân Thần Sách) đang bị ốm nặng. [Thượng hoàng] bảo ở lại Thiên Hư liền sai người nhà khiêng mình đến ngoài cửa Vĩnh An, cố xin theo xa giá và nói :

"Thần thà chết ngoài cửa quân dinh chứ không muốn chết trong giường đệm".

Thượng hoàng khen nghị chí khí của ông, cho đi theo, khi vào đất giặc thì chết. Thượng hoàng than thở thương tiếc sắc cho dùng nhạc Thái thường để cúng tế. Sau này Nguyễn Dĩ chết cũng như vậy.

¹ Bài văn khắc ở núi Thành Nam, thôn Trầm Hương, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Theo CMCB9, thì nét chữ to bằng bàn tay, tạc vào đá sâu đến hơn một tấc. Cương mục chép việc này vào năm Ất Hợi, Khai Hựu năm thứ 7 (1335).

² Nam Nhung: là tên ấp, ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

³ Cương mục chú sông Tiết La ở ấp Nam Nhung. Có lẽ sông Tiết La là một khúc của sông Lam ở gần vùng Cửa Rào.

⁴ Trận đánh Thành Bộc ở nước Vệ thời Xuân Thu xảy ra giữa nước Tấn và nước Sở. Quân Sở do Tử Ngọc chỉ huy vốn có ưu thế hơn quân Tấn. Tướng Tấn Loan Chi dùng mưu giả cách thua chạy, Tử Ngọc dẫn quân đuổi theo, bị quân Tấn hai bên đánh ập lại, quân Sở đại bại.

(Bấy giờ cúng tế thông thường mà dùng nhạc Thái thường thì chỉ có hành khiển mới được, chức thẩm hình chỉ được dùng trai nội tế. Thiên Hư được tế bằng Thái thường là ân sủng đặc biệt, không kém gì hành khiển).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kẻ tiểu nhân suy tính thấy lợi thì tiến, thấy hại thì [8a] lui, chỉ mong vừa lòng mình, có lợi cho mình. Cho nên có kẻ thấy việc ngại thì khó, có kẻ làm quan thì kiếm cố, hiếm được người sốt sắng với vua họ. Thiên Hư đang lúc ốm nặng, Minh Tông cho ở lại, như thói thường của người đời thì chẳng qua vâng lời là xong, lại cố xin đi theo, không muốn chết ở nơi giường đệm, thì suy nghĩ của ông chỉ sốt sắng với nhà vua thôi, há chẳng làm cho những kẻ ngại khó kiếm cố xấu hổ sao ?

Bấy giờ có thượng tướng Phạm Thương Cối tính người hòa nhã, chưa từng tranh cạnh với ai. Trần Ngô Lang thường hay khinh rẻ ông, nhưng ông cũng không động lòng. Đến việc đánh dẹp thì nhiều lần có công, cũng không cậy công mà lên mặt với người khác. Thượng hoàng có lần bảo :

"Cách sửa mình của Thương Cối cũng gần được như Quách Tử Nghi".

Mùa đông, tháng 12, động đất.

[8b] Bính Tý, [Khai Hựu] năm thứ 8[1336], (Nguyên Chí nguyên năm thứ 2). Thượng hoàng từ Ai Lao về đến kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, ngày 19, con của Thượng hoàng là Hạo sinh (tức là Dụ Tông).

Đinh Sửu, [Khai Hựu] năm thứ 9[1337], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 2, con của Thượng hoàng là Kính sinh (tức là Duệ Tông).

Ngày mồng 5, sét đánh đình Át Vân điện Thụy Chương.

Sao chổi mọc ở phương đông Bắc.

Xét duyệt các quan văn võ, vẫn đặt thuộc viên các sảnh, viện.

Mùa thu, tháng 7, lấy công chúa Hiến Trinh, con gái trưởng của Bình chương Huệ Túc vương làm Thần phi.

Tháng 9, xuống chiếu cho các quan trong ngoài triều khảo sát các thuộc viên do mình cai quản, người nào có tờ khai cam kết thì giữ lại, người nào ở nhà không làm việc thì đuổi về.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Nghệ An, kiêm Quốc sử viện giám tu quốc sử, hành Khoái Châu lộ tào vận sứ Trung Ngạn kiến nghị lập tào thương chứa thóc tô để chẩn cấp dân bị đói. Xuống chiếu cho các [9a] lộ bắt chức thể mà làm.

Sai Hưng Hiếu Vương dẹp người man Ngưu Hống. [Hưng Hiếu Vương] tiến quân vào trại Trịnh Kỳ, đánh tan quân man, chém tù trưởng của họ là Xa Phần.

Quân trở về, quân sĩ đều được ban thưởng. Hưng Hiếu Vương viện dẫn việc Nhân Huệ Vương đi dẹp ấp Nam Nhung khi trước, xin thưởng cả những người giữ thuyền. Thượng hoàng nói :

"Khánh Dư đi đánh Nam Nhung, từ Nghệ An đi bộ mấy ngày, đến sông Nam Nhung mới đục gỗ làm thuyền. Đó là giữ thuyền trong đất của giặc, chứ không phải là giữ thuyền ở Nghệ An. Người giữ thuyền lần này thì khác thể. Và lại, có thưởng tất phải có phạt, thưởng phạt thường phải có cả. Nếu người giữ thuyền muốn nhờ ở chiến thắng để lấy thưởng, giả sử người đi đánh bị chết thì người giữ thuyền cũng chịu chết chẳng?".

Hưng Hiếu trả lời : "Nếu không có người giữ thuyền, trong quân mà nghe tin giặc lấy mất thuyền thì quân sĩ liệu có giữ vững được không?". Thượng hoàng nói: "Nếu vậy thì trước hết phải thưởng cho những người trong triều mới phải, vì nếu Kinh sư không yên thì quân sĩ có thể đi đánh giặc được không?". Hưng Hiếu [9b] không trả lời được.

Trong chiến dịch này, gia đồng của Hưng Hiếu là Phạm Ngải có lập chiến công, Thượng hoàng nói: "Gia nô tuy có chút công lao nhưng không được dự vào quan tước triều đình".

Xuống chiếu cấp cho Ngải 5 phần suất ruộng. Lại có Bảo Vũ là người Thượng hoàng rất yêu mến, nhưng cũng không được đặt vào chức quan trọng vì không có tài, cũng như Anh Tông đối với Hưng Bảo¹ vậy.

Mậu Dần, [Khai Hựu] năm thứ 10 [1338], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4). Mùa thu, tháng 8, nước to.

Mùa đông, tháng 10, gió to, nhà cửa, cây cối bị đổ gãy nhiều.

Lấy Cung Tĩnh Vương Nguyên Trác làm tham dự triều chính, Cung Định Vương Phủ làm Phiêu kỵ thượng tướng quân, lĩnh trấn Tuyên Quang.

Kỷ Mão, [Khai Hựu] năm thứ 11[1339], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 5). Mùa xuân, đổi tên lịch Thụ thành lịch Hiệp kỷ.

Khi ấy, Hậu nghi lang thái sử cục lệnh là Đặng Lộ cho rằng lịch các đời trước đều gọi là lịch Thụ thì, xin đổi tên thành lịch Thụ thì, xin đổi thành lịch Hiệp [10a] kỷ. Vua y theo.

(Lộ là người huyện Sơn Minh)². Lộ từng làm linh lung nghi thảo nghiệm thiên tượng, không việc gì là không đúng.

Mùa thu, tháng 8, ngày 15, ban đêm, con của Thượng hoàng là Hạo đi thuyền chơi Hồ Tây bị chết đuối, vớt được ở lỗ cống đơm cá. Thượng hoàng sai thầy thuốc Trâu Canh cứu chữa. Canh nói: "Dùng kim châm sẽ sống lại, nhưng chỉ sợ sẽ bị liệt dương". Dùng kim châm thì quả như lời ông ta nói, từ đấy mọi người gọi Trâu Canh là thần y. Canh sau mãi được thăng lên Quan phục hầu Tuyên Huy viện đại sứ kiêm Thái y sử.

Lấy Trương Hán Siêu làm Môn tạ hữu ty lang trung.

Nhân Huệ Dương Khánh Dư chết.

Năm nay, sao Huỳnh Hoạch mọc vào giới phận sao Nam Đẩu ở đến hơn một tháng mới ra (chưa rõ tháng nào).

Tân Ty, [Khai Hựu] năm thứ 13[1341], (từ tháng 8 trở đi là Dụ Tông, Thiệu Phong năm thứ 1, Nguyên Chí Chính năm thứ 1). Mùa xuân, lấy nguyên Trung Ngạn làm Đại Doãn kinh sử.

Mùa hạ, tháng 6, ngày 11, vua băng ở chính tẩm, tạm quàn [10b] ở cung Kiến Xương, miếu hiệu là Hiến Tông.

Sử Thần Ngô Sĩ Liên nói: "Vua tuy có thiên tư tốt đẹp, nhưng vì tuổi trẻ nối ngôi, công việc trong nước đều do Thượng hoàng giữ cả, thì cũng như là người chưa nắm việc của đất nước, tức như câu "cha còn sống, con không được chuyên quyền"³ vậy, còn bàn vào đâu được nữa.

Mùa thu, tháng 8, ngày 21, Thượng hoàng đón hoàng tử Hạo lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiệu Phong năm thứ 1.

Đại xá.

[Vua] tự xưng là Dụ Hoàng. Các quan dâng tôn hiệu là Thống Thiên Thế Đạo Nhân Minh Quang Hiếu Hoàng Đế. Vua lúc ấy mới lên 6 tuổi. [Thượng hoàng] không lập con trưởng là Cung Túc Vương Dục, vì [Dục] là người nông cồng.

¹ Nên sửa là Bảo Hưng. Toàn thư, BK6 chép: Hưng Long năm thứ 12 (1304), tháng 12... Vua (Anh Tông) đối với người tôn thất như Bảo Hưng Vương (không rõ tên) rất là thân yêu mà không trao cho chính sự vì không có tài.

² Huyện Sơn Minh: nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

³ Lời chú trong thiên Học nhi, sách Luận ngữ.

Sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn làm biên soạn bộ Hoàng triều đại điển và khảo soạn bộ Hình thư để ban hành.

[11a] Dụ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Phụ:HÔN ĐỨC CÔNG DƯƠNG NHẬT LỄ, 1 năm)

Tên húy là Hạo, con thứ mười của Minh Tông, do Hiến Từ Hoàng hậu sinh ra. Ở ngôi 28 năm, thọ 34 tuổi, băng táng ở Phụ Lăng. Vua tính rất thông tuệ, học văn cao minh, chăm lo việc võ, sửa sang việc văn, các di thần đều phục. Đời Thiệu Phong, chính sự tốt đẹp; từ năm Đại Trị về sau, chơi bời quá độ, cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đó.

Nhâm Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 2[1342], (Nguyên Chí Chính năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, xét duyệt các quan văn võ và tạt lưu.

Mùa hạ, tháng 4, phong con gái của Thượng hoàng là Ngọc Tha (còn chép là Bạch Tha) làm Thiên Ninh công chúa, gả cho Chính Túc Vương Kham, (có sách chép là Hưng Túc).

Tháng 5, chúa Chiêm thành Chế A Nan chết. Con rể là Trà Hòa Bồ Đề tự lập làm vua, sai đến cửa khuyết báo tin buồn.

Mùa thu, tháng 7, tôn Hiến Từ hoàng hậu làm Hoàng Thái hậu.

Lấy Trương Hán Siêu làm [11b] tả ty lang trung kiêm Kinh lược sứ Lạng Giang; Nguyễn Trung Ngạn chọn đình tráng các lộ bổ sung các ngạch thiếu của cấm quân, định thành sổ sách. Khu mật viện quản lãnh cấm quân bắt đầu từ Trung Ngạn.

Thượng hoàng ngự đến Ngự sử đài. Giám sát ngự sử Doãn Định và Nguyễn Như Vi bị bãi chức.

Bấy giờ đã trùng tu xong Ngự sử đài. Sáng sớm, Thượng hoàng ngự tới, Ngự sử Trung tán là Lê Duy theo hầu Thượng hoàng trở về cung rồi, Doãn Định và Nguyễn Như Vi mới đến [Hai người] bèn làm sớ kháng nghị, nói là Thượng hoàng không được vào Ngự sử đài và hặc tội Lê Duy không biết can ngăn, lời lẽ rất gay gắt.

Thượng hoàng gọi đến dụ họ rằng: "Ngự sử đài cũng là một trong các cung điện, chưa từng có cung điện nào mà thiên tử không được vào. Và lại, trong Ngự sử đài xưa kia còn có chỗ để thiên tử giảng học. các bạ thư[12a] chi hậu dâng hầu bút nghiêng đều ở đó cả. Đó việc cũ thiên tử vào Ngự sử đài. Ngày xưa Đường Thái Tông còn xem Thực lục, hưởng chi là vào đài!".

Bọn Định còn cố cãi, mấy ngày vẫn không thôi. Vua dụ họ hai, ba lần cũng không được, bèn bị bãi chức cả.

Quý Mùi, [Thiệu Phong] năm thứ 3 [1343], (Nguyên Chí Chính năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng ngự đến phủ Thiên Trường.

Mùa hạ, tháng tư, ngày mồng một, nhật thực.

Tháng 5, tháng 6, hạn hán. Xuống chiếu ban giảm một nửa thuế nhân đinh năm này.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng một, Khâm từ hoàng Thái hậu băng.

Năm này mất mùa, đói kém, dân nhiều kẻ làm trộm cướp, nhất là gia nô các vương hầu.

Giáp Thân, [Thiệu Phong] năm thứ 4[1344], (Nguyên Chí Chính năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, người Trà Hương¹ là Ngô Bệ họp bọn ở núi Yên Phụ² làm giặc cướp.

Đổi Hành khiển ty ở cung Thánh Từ làm Thương thư sảnh, còn Hành khiển ty ở cung Quan Triều[12b] vẫn để là môn hạ sảnh như cũ.

Đặt đại sứ và phó sứ của viện Tuyên Huy.

Đổi kiểm pháp quan của viện Đăng Văn thành Đình úy, Tự khanh và Thiếu khanh.

Đặt đồn điền sứ và phó sứ ở ty Khuyến nông.

Lộ lớn thì đặt An phủ sứ và phó sứ, thuộc châu thì đặt Thông phán. Lại đặt chức Đề hình và chức Tào ty chuyển vận ở lộ nhỏ. Phủ Thiên Trường thì đặt là Thái phủ và Thiếu phủ.

Phục hồi quan tước cho Quốc phụ thượng tể Quốc chẩn.

Mùa thu, tháng 8, đặt 20 đô phong đoàn ở các lộ để đuổi bắt giặc cướp.

Ngày 15 an táng Hiến Tông vào An Lăng ở Kiến Xương³.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thiên tử mất 7 tháng thì chôn. Ngày xưa Chu Hoàn Vương mất đến 7 năm mới chôn là vì nhà Chu khi ấy có loạn Tử Nghi và Hắc Kiên⁴. Hiến Tông đến nay đã mất 4 năm rồi mới táng, vẫn chưa biết lý do vì sao. Có lẽ còn thượng hoàng nên phải theo lệnh chăng?. [13a] nhưng lúc ấy cũng không thấy ai đem lễ ra bần cãi cả.

Năm này mất mùa, đói kém, dân nhiều kẻ phải làm sư và làm nô cho các thế gia.

Ất Dậu, [Thiệu Phong] năm thứ 5[1345], (Nguyên Chí Chính năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, thi thái học sinh. Phép thi dùng ám tả, cổ văn, kinh nghĩa, thi phú.

Mùa hạ, tháng 4 và 5 hạn hán. Xuống chiếu soát tù, giảm tội bọn tội phạm.

Mùa thu, tháng 8, sứ Nguyên là Vương Sĩ Hành sang hỏi việc cột đồng. Sai Phạm Sư Mạnh đi biện bạch việc này.

(Xét năm này ở nước Nguyên giặc cướp nổi lên ở khắp nơi, hơn nữa, tháng 9 năm sau Sư Mạnh được lệnh thăng chức, đi về sao lại nhanh thế?. Việc này chưa chắc đã có, hãy tạm chép vào đây).

Mùa đông, tháng 11, lấy Trương Hán Siêu là Tả gián nghị đại phu.

Sai quân nhân đi bắt Ngô Bệ ở núi Yên Phụ. Quân của Bệ chạy trốn tan rã cả.

Bính Tuất, [Thiệu Phong] năm thứ 6 [1346], (Nguyên Chí Chính năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng một, nhật thực.

Sai Phạm Nguyên Hảng sang sứ [13b] Chiêm Thành, trách hỏi về việc thiếu lễ triều cống hàng năm.

Mùa hạ, tháng 5, Ai Lao vào cướp biên giới. Sai Bảo Uy Vương Hiến đánh tan bọn chúng. Bắt được rất nhiều người và súc vật. Mùa thu, tháng 9, lấy Phạm Sư Mạnh là Trưởng bạ kiêm Khu mật tham chính.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang cống, lễ vật rất đơn bạc.

¹ Trà Hương: là đất huyện Kim Thành trước đây, nay là một phần đất huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.

² Núi Yên Phụ: ở huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.

³ Nay là huyện Vũ Thư và huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

⁴ Đời Chu ở Trung Quốc, Chu Hoàn Vương Cơ Lâm chết, con là Trang Vương Cơ Đà lên ngôi, nhưng Chu Công Hắc Kiên âm mưu giết Trang Vương lập Tử Nghi (em Trang Vương), cung đình loạn to, xác Hoàn Vương để tới 7 năm mới chôn.

Đinh Hợi, [Thiệu Phong] năm thứ 7 [1347], (Nguyên Chí Chính năm thứ 7) .Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, nhật thực.

Mùa hạ, tháng 6 , Bảo Uy Vương Hiến có tội bị đui ra làm Phiêu kỵ tướng quân trấn Vọng Giang¹, rồi bị giết ở sông Vạn Nữ², lộ Trường Yên.

Buổi đầu dựng nước, thuyền buôn nước Tống sang dâng người nước Tiểu Nhân, thân dài 7 tấc, tiếng như ruồi nhặng, không thông ngôn ngữ, lại dâng một tấm vải hỏa hoãn³ giá mỗi thước 300 quan tiền, lưu truyền làm của quý. Sau đem may áo vua, cắt hơi ngắn, sai cất trong nội phủ. [14a] Bảo Uy tư thông với cung nhân lấy trộm áo ấy. Một hôm Bảo uy mặc áo ấy vào trong rồi vào chầu, tâu việc trước mặt Thượng hoàng, để lộ ống tay áo ra. Thượng hoàng trông thấy có ý ngờ, sai người kiểm xét lại, quả nhiên chiếc áo cất giữ đã mất. Người cung nhân sai người thị tỳ già đến nhà Bảo uy lấy áo đem về, rồi ngằm đem vào cung dâng trình. Thượng hoàng không nỡ giết, đui Bảo Uy ra làm quan ở trấn ngoài. Đến sông Vạn Nữ, sai vũ sĩ đi thuyền nhẹ đui giết, vút xác vào bãi cát rồi về, giáng làm Bảo Uy hầu.

Mùa thu, tháng 8, Đôn Từ hoàng thái hậu Lê thị băng.

Cung Mẫn Vương Nguyên Hú chết.

Mậu Tý, [Thiệu Phong] năm thứ 8[1348], Nguyên Chí Chính năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, lấy ngự tiền học sinh Đỗ Tử Bình làm thị giảng.

Mùa hạ, tháng 5, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, thuyền buôn nước Đồ Bồ⁴ đến hải trang Vân D(ôn ngằm mua ngọc trai. Người Vân Đồn [14b] nhiều kẻ mò trộm ngọc trai bán cho họ. Chuyện này bị phát giác, đều bị tội cả.

Phương Cốc Trân⁵ nước Nguyên dấy binh làm loạn.

Kỷ Sửu, [Thiệu Phong] năm thứ 9 [1349], (Nguyên Chí Chính năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, thuyền buôn phương Bắc sang cống bát Diêu Biễn.

(Cuối đời Tống, người Hàng Châu nung lò bát sập được, thấy con chim diêu bay qua trên lò bát, ỉa phân vào trong lò, hoá thành bát ngọc, nên đặt tên là Diêu Biễn⁶).

Mùa hạ, tháng 5, nước Đại Oa⁷ sang cống sản vật địa phương và chim vẹt đỏ biết nói.

Mùa đông, tháng 10, sách phong công chúa Ý Từ, con gái thứ tư của Bình chương Huệ Túc Vương làm Nghi Thánh hoàng hậu.

Tháng 11, ngày mồng một, nhật thực.

Đặt quan trấn, quan lộ và sát hải sứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình Hải để trấn giữ. Trước đây, thời nhà Lý, thuyền buôn tới thì vào từ các cửa biển Tha, Viên⁸ ở Châu Diển. Đến nay, đường biển đổi dời, cửa biển nông cạn, thuyền buôn phần nhiều tụ tập ở Vân Đồn, cho nên có [15a] lệnh này.

¹ Tức đất huyện Diển Châu, tỉnh Nghệ An ngày nay.

² Sông Vạn Nữ: hay sông Trinh Nữ ở địa giới huyện Yên Mô (CMCB9), nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

³ Thứ vải chịu lửa, có nhiều thuyết, nhưng có lẽ là giặc bằng lửa (hoãn cũng đọc là cán, có nghĩa là giặt).

⁴ Cũng đọc là Chà Bồ, có lẽ là phiên âm tên Java (In-đô-nê-xi-a).

⁵ Sử Trung Quốc chép là Phương Quốc Trân. Năm 1348, Phương Quốc Trân khởi nghĩa ở Chiết Đông, lấy Khánh Nguyên (Ninh Ba, Chiết Giang) làm căn cứ.

⁶ Thứ bát sứ tráng men, khi nung, lửa lò không đều, men biến đi mà thành sắc lạ.

⁷ Có lẽ cũng là Qua Oa, tức Java.

⁸ Bản dịch cũ chú rằng có lẽ là cửa Thơi và cửa Quên.

Canh Dần, [Thiệu Phong] năm thứ 10[1350], (Nguyên Chí Chính năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, có người Nguyên là Đinh Bằng Đức, nhân nước có loạn, đem cả nhà đi thuyền vượt biển chạy sang ta. Bằng Đức giỏi leo dây, làm trò ca múa. Người nước ta bắt chước làm trò múa leo dây. Trò leo dây bắt đầu có từ đó.

Cung Giản Vương Nguyên Thạch chết.

Từ Thọ Huy nước Nguyên dấy binh, tự xưng là Hoàng đế¹, nước [Nguyên] loạn to.

Tân Mão, [Thiệu Phong] năm thứ 11[1351], (Nguyên Chí Chính năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, người Thái Nguyên và Lạng Sơn tụ họp làm giặc cướp, đánh lẫn nhau. Đánh dẹp được bọn chúng.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Lấy Trương Hán Siêu làm Tham tri chính sự.

Người con gái ở Thiên Cương, Nghệ An biến thành con trai.

Trâu Canh có tội đáng chết, được tha.

Bấy giờ Trâu Canh thấy vua bị liệt dương, dâng phương thuốc nói rằng [15b] giết đứa bé con trai, lấy mật hòa với dương khởi thạch mà uống và thông dâm với chị hay em ruột của mình thì sẽ hiệu nghiệm. Vua làm theo, thông dâm với chị ruột là công chúa Thiên Ninh, quả nhiên công hiệu.

Canh từ đấy được yêu quý hơn, được ngày đêm luôn ở trong hậu cung hầu hạ thuốc thang. Canh liền thông dâm với cung nữ. Việc phát giác, Thượng hoàng định bắt Canh chết, nhưng vì có công chữa khỏi bệnh cho vua nên được tha.

(Canh là con Trâu Tôn người phương Bắc. Khoảng năm Thiệu Phong², người Nguyên vào cướp, tôn làm thầy thuốc đi theo quân Nguyên, đến khi quân Nguyên thua, thì bị bắt. Tôn ở nước ta, chữa thuốc cho các vương hầu thời đó, phần nhiều thấy công hiệu. Người trong nước nhiều lần cho Tôn ruộng, nô, thành ra giàu có. Canh nối nghiệp cha, trở thành danh y, nhưng không có hạnh kiểm nên đến nỗi thế. Đến sau lại được phục hồi chức vị. Dòng dõi của Canh đến triều nay còn có người là Trâu Bảo, được của do Trâu Canh cất giữ trở nên giàu có, nhưng cũng vì thế mà trở nên lụng bại).

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Nhập nội hành khiển, vẫn coi việc ở khu mật viện.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự điện Thiên An, duyệt cấm quân ở Long Trì, ban cho Nguyễn Trung Ngạn mặc chiến bào, đội mũ võ, đeo thẻ bài gỗ, nghiên vàng³ để duyệt cấm quân, định loại hơn kém.

[16a] Nhâm Thìn, [Thiệu Phong] năm thứ 12, [1352], (Nguyên Chí Chính năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 3, Chế Mỗ người Chiêm Thành chạy sang ta, dâng voi trắng, ngựa trắng, mỗi thứ một con, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các cống vật xin đánh Trà Hòa Bồ Để mà lập y làm vương quốc.

Trước đây, khi chúa Chiêm là Chế A Nan còn sống, con rể là Chế Mỗ làm bố điền (tức đại vương), con rể là Trà Hòa Bồ Để làm bố điền (tức tế tướng), nói câu gì bàn kế gì cũng được chúa Chiêm nghe theo, nhân thế hẳn lập bè đảng với Chế Mỗ. Chế Mỗ khi nào bị xử trách, Bồ Để thường cứu gỡ cho. Người trong nước do vậy mà có lòng khác, không chuyên tâm theo về Chế Mỗ nữa. Đến khi A Nan chết, Bồ Để liền đui Chế Mỗ mà tự lập làm vua. Thế mới biết kẻ làm tội mà lập bè đảng là có mưu đồ khác mà Chế Mỗ vẫn không biết là mình bị sa vào thuật của nó.

¹ Từ Thọ Huy nổi dậy ở vùng Hồ Bắc, xưng đế, quốc hiệu là Thiên Hoàn, đóng đô ở Nghi Thủy, sau dời đô về Hán Dương (tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc).

² Niên hiệu Thiệu Phong (1341-1358) không có quân Nguyên xâm lược. Cương mục chữa là Nguyên Phong (1251 -1258). Như vậy là muốn chỉ cuộc xâm lược của quân Mông Cổ vào năm 1258, không chắc là có thầy thuốc Trung Quốc đi theo quân Mông Cổ. Chúng tôi cho rằng nên chữa là là Thiệu Bảo (1279-1285). Trong niên hiệu này, có cuộc xâm lược lần thứ hai 1285. Lần này ta bầy được nhiều tù binh.

³ Thẻ bài gỗ có bốn cạnh như hình cái thước vuông và nghiên vàng đựng mực, là hai thứ đeo vào đai lưng để tiện ghi chép.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn tràn ngập, vỡ đê Bát Khối¹ lúa má chìm ngập. Khoái Châu², Hồng Châu³ và Thuận An⁴ hại nhất.

[16b] Quý Ty, [Thiệu Phong] năm thứ 13 [1353], (Nguyên Chí Chính năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho các vương hầu đóng thuyền chiến, chế tạo vũ khí, luyện tập binh sĩ.

Lấy cung Định Vương Phủ làm Hứa tướng quốc.

Mùa hạ, tháng 6, cử đại binh đi đánh Chiêm thành. Quân bộ đến Cổ Lũy⁵, quân thủy chờ lương gặp trở ngại lại quay về.

Trước kia Hưng Hiếu Vương coi Hóa Châu⁶, Chế Mỗ nói với Tước Tề (là gia nhi của Minh Tông đi lại với Chế Mỗ) rằng:

"Chuyện cổ của Chiêm Thành kể rằng ngày xưa có ông vua nuôi một con khỉ lớn, rất yêu quý nó, muốn cho nó biết nói. Ông ta tìm khắp trong nước, bảo người nào biết nuôi dạy được khỉ nói thì thưởng một lạng vàng. Có một người nói là sẽ dạy được. Vua mừng lắm, sai hẳn nuôi khỉ. Người ấy nói: "Hàng tháng dùng thuốc phí tổn đến trăm lạng vàng, sau ba năm mới có kết quả". Vua nghe theo. Ý hẳn nghĩ rằng quốc vương với mình cùng con khỉ, trong khoảng ba năm nhất định có một kẻ chết hẳn cứ lấy vàng của vua đã, mà chẳng cần phải có kết quả. Chế Mỗ theo về chúa thượng, nhưng thực là Hưng Hiếu chủ trương[17a] việc ấy. Trải bao năm tháng mà vẫn chưa nghe được ngày về nước. Sự thể của tôi cũng giống chuyện đó".

Triều đình nghe lời Chế Mỗ, cử binh đưa Chế Mỗ về nước, nhưng không thành công. Chế Mỗ ở lại nước ta, không bao lâu rồi chết.

Thăng Thái úy Nguyên Trác làm Tả tướng quốc.

Mùa thu, tháng 9, Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu, quan quân đánh đuổi chúng rất bất lợi. Vua gọi Trương Hán Siêu mưu tính việc đó. Hán Siêu trả lời: "Không nghe lời thần nên đến nỗi thế". Vua bèn sai Trương Hán Siêu đem các quân Thần sách đi trấn giữ Hóa Châu.

Giáp Ngọ, [Thiệu Phong] năm thứ 14 [1354], (Nguyên Chí Chính năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, quan trấn giữ biên giới phía bắc cho chạy trạm tâu việc Trần Hữu Lượng nước Nguyên dấy binh, sai sứ sang xin hòa thân (Hữu Lượng là con Trần Ích Tắc).

Tháng 3, ngày mồng một, nhật thực.

Bấy giờ đói kém, dân khổ vì giặc cướp. Có kẻ tự xưng là cháu ngoại của Hưng Đạo Đại Vương tên là Tề, tụ họp các gia nô bỏ trốn của các vương hầu làm giặc, cướp bóc các xứ Lạng Giang⁷, Nam Sách⁸.

[17b] Mùa thu, tháng 9, có nạn sâu lúa. Xuống chiếu giảm một nửa tô ruộng.

Mùa đông, tháng 11, có con hổ đen xuất hiện trong thành.

Tả tham tri chính sự Trương Hán Siêu trấn giữ Hóa Châu, biên thùy trở lại yên ổn. Ông xin trở về triều, vua y cho, nhưng về chưa tới kinh sư thì chết, được truy tặng Thái bảo.

¹ Bát Khối: tức Bát Tràng và Thổ Khối, tên hai xã của huyện Gia Lâm, Hà Nội.

² Khoái Châu: gồm đất các huyện Châu Giang (trừ đất Văn Giang cũ), Kim Thi và Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

³ Hồng Châu: gồm đất các huyện Mỹ Văn, Cẩm Bình, Ninh Thanh và Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

⁴ Thuận An: gồm đất huyện Thuận Thành và huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, huyện Văn Giang cũ của tỉnh Hải Hưng và huyện Gia Lâm, Hà Nội.

⁵ Cổ Lũy: là đất tỉnh Quảng Ngãi.

⁶ Hóa Châu: gồm đất các huyện Hương Điền, Hương Phú, Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên - Huế.

⁷ Lạng Giang: gồm đất các huyện Yên Dũng, Lục Ngạn, Yên Thế, tỉnh Bắc Giang và huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

⁸ Nam Sách: gồm đất các huyện Chí Linh, Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng và đất huyện Tiên Lãng, Hải phòng ngày nay.

Hán Siêu người Phúc Thành,[huyện] Yên Ninh¹, [phủ] Trường Yên, là người chính trực, bài xích dị đoan, có tài văn chương và chính sự. Nhà vua chỉ gọi ông là thầy chứ không gọi tên. Ông từng soạn bài văn bia chùa Khai Nghiêm ở Bắc Giang, nội dung tóm lược như sau:

"Chùa bỏ rồi lại dựng, đó chẳng phải là ý muốn của ta. Dựng bia rồi khắc chữ, ta biết nói chuyện gì. Ngày nay thánh triều muốn truyền bá phong hóa nhà vua, để chấn hưng phong tục đang bị suy đồi. Dị đoan đáng phải truất bỏ, thánh đạo nên được phục hưng. Làm đại sĩ phu, không phải đạo Nghiêu Thuấn thì không trình bày, không phải đạo Khổng Mạnh thì không trước thuật. Thế mà cứ bo bo lải nhải chuyện phạt, ta lừa dối ai đây?"

[18a] Ông nổi tiếng thời bấy giờ, nhưng Tông chính đại khanh Lê Cư Nhân từng coi ông là chân đá cầu nhà quê, vì người làng quê đá cầu phần nhiều không trúng, để ví với Trương Hán Siêu lo liệu công việc phần nhiều không thỏa đáng. Ông ta khinh bỉ người cùng hàng, không giao du với họ chỉ chơi thân với bọn họa quan Phạm Nghiêu Tư, gặp quan thầy thuốc thì thế nào cũng đùa bỡn nói cười, đều là những kẻ không đồng điệu với ông. Đến khi coi đất Lạng Giang thì gả con gái cho tù trưởng đất ấy là Nùng Ích Vãn, khi coi chùa Hùynh Lâm thì gả con gái cho tam bảo nô Nguyễn Chế, đều vì mộ sự giàu có của họ cả.

Lê Cư Nhân chết. Cư Nhân hỏi Minh Tông còn trị vì, làm quan nội mật kiêm việc khảm hình, tra xét án ngục ở nhà, bị trung úy Quách Hạo hặc lỗi. Minh Tông hỏi ông sao không tránh đi? Ông trả lời:

"Thần thà chịu phạt trách chứ không dám lừa dối, làm quan mà lừa dối thì làm sao suât lĩnh được liêu thuộc?"

Xem những lời ông ta chê người khác [18b] và những câu ông ta tự nhận lỗi, thì đủ biết ông là người như thế nào. Đến khi chết được truy tặng Nhập nội hành khiển hữu ty lang trung đồng tri tả ty sự.

Ất Mùi, [Thiệu Phong] năm thứ 15 [1355], (Nguyên Chí Chính năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, núi Thánh Chúa² ở Trà Hương lở.

Động đất.

Từ tháng 3 đến tháng 6, mùa hạ, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, mưa to, nước lớn.

Tháng 9, sát đánh cửa Triều Nguyên và hai cửa nách hai bên tả hữu.

Chu Đức Dự nước Nguyên xưng hoàng đế (tức Minh Thái Tổ) sau đổi tên thành Nguyên Chương.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm kinh lược sứ trấn Lạng Giang, Nhập nội đại hành khiển, thượng thư hữu bật, kiêm tri khu mật viện sự, thị kinh diên đại học sĩ, trụ quốc Khai Huyện bá.

Bà thứ phi của Anh Tông tên hiệu là Tĩnh Huệ, là con gái Điện súy Phạm Ngũ Lão, trước đã xuất gia. Sau khi Anh Tông băng, bà trở về quê hương. Một hôm lên chùa Bảo Sơn xã Phù Ủng, [19a] bà than rằng: "Chùa này do tiên quân³ ta dựng lên. Ta tuổi đã cao, làm nhà ở đây vừa có thể thờ vua lại vừa có thể cúng tổ tiên, trung hiếu vẹn cả đôi đường. Đó là sở nguyện của ta".

Thế rồi sửa lại chùa đó, lại làm điện ở phía bên đông chùa và làm nhà ở phía đằng sau để cúng lễ tổ tiên thần thánh. Khi làm xong, Thượng hoàng đến thăm, ban cho biển ngạch để biểu dương lòng hiếu kính của bà.

Bính Thân, [Thiệu Phong] năm thứ 16 [1356], (Nguyên Chí Chính năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 3, thiếu can chi ngày, hai mặt trời rập rờn nhau.

¹ Yên Ninh: là tên huyện thời Lê sơ, sau vì kiêng húy tên Trang Tông (1533-1548), đổi thành Yên Khang. Thời Nguyên là huyện Yên Khánh. Nay chia vào đất huyện Tam Điệp và huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

² Núi Thánh Chúa: ở Kinh Chủ, tỉnh Hải Dương.

³ Chỉ cha của bà là Phạm Ngũ Lão.

Hai vua đi tuần biên giới, đến Nghệ An.

Mùa hạ, tháng 5, xa giá trở về kinh sư.

Mùa thu, tháng 8, [Thượng hoàng] ngự đến đền thờ Quốc phụ thượng tể Huệ Vũ Đại Vương [Quốc Chấn], trên núi Kiệt Đặc¹. Khi trở về, trong thuyền ngự có con ông vàng đốt vàng má phía bên trái của Thượng hoàng, rồi Thượng hoàng bị bệnh. Vua sai người giữ thuyền ngự trông coi việc đánh quan tài.

Mùa đông, tháng 10, Hiến Từ thái hậu gặp ngày mẹ mất, may áo tang, Thượng hoàng nhân bảo thái hậu: "Ta sẽ [19b] không mặc áo tang này đâu". Vì khi ấy Chiêu Từ thái hậu hãy còn² cho nên Thượng hoàng mới nói thế.

Hiến Từ thái hậu lập đàn chay ở chùa Chiêu Khánh, phát tiền bố thí dân nghèo để cầu đảo cho Thượng hoàng.

Đinh Dậu, [Thiệu Phong] năm thứ 7 [1357], (Nguyên Chí Chính năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, ngày 19, Thượng hoàng băng ở cung Bảo Nguyên, miếu hiệu là Minh Tông, tên thụy là Chương Nghiêu Văn Triết Hoàng Đế.

Trước đây, Minh Tông nối ngôi đã lâu, rồi mẹ đích mới sinh con trai. Hôm người con ấy đầy tuổi thì Anh Tông đi tuần biên giới vắng, việc ở nhà do Minh Tông quyết định. Có người xi làm lễ theo tư cách tử tế. Các quan còn nghi ngại thì Minh Tông bảo họ:

"Còn ngại gì nữa. Trước đây vì con đích trưởng chưa sinh, nên ta tạm ở ngôi này. Nay đã sinh rồi thì đợi khi lớn lên, ta sẽ trả lại ngôi vua chứ có khó gì?".

Người đó trả lời:

"Việc này từ xưa hay sinh nguy biến, xin nghĩ kỹ lại". Minh Tông nói:

"Cứ thuận nghĩa mà làm, yên hay nguy đâu đáng lo?".

Cuối cùng [20a] làm lễ thao tư cách tử tế. Một năm sau thì người con đích tự ấy mất. Minh Tông rất thương xót.

Ngài thường dạy các hoàng tử rằng:

"Con nào mà dốc sức mưu tính sản nghiệp, keo sèn làm giàu thì không phải con ta. Nếu quả làm chuyện đó thì thà phân tán hết của cải cho người nghèo đi còn hơn. Vì như vậy, dầu không tránh khỏi túng thiếu, vẫn còn là hành vi của bậc quý nhân".

Khi se mình, triều đình muốn lập đàn chay cầu đảo, Minh Tông biết chuyện, gọi Hữu tướng quốc Phủ vào chỗ nằm để hỏi. Vua sợ, lập tức bảo phủ là Phạm Ứng Mộng xướng nghị xin lấy mình chết thay. Phủ đem câu ấy tâu lên. Minh Tông nói :

"Ứng Mộng tự nhận làm địa vị Chu Công thì cứ lấy thân mình mà chết thay cho cha hă, còn đàn chay thì không được làm!".

Bấy giờ Hiến Từ thái hậu phóng sinh các giống súc vật để cầu cho Minh Tông khỏe lại. Minh Tông bảo bà: "Thân ta không thể lấy con lợn, con dê mà đổi được".

Khi bệnh trầm trọng, cho gọi quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh, Vương Định, Phạm Thế Thường vào xem [20b] mạch. Canh nói: "Mạch phiền muộn". Minh Tông ứng khẩu một bài thơ nhỏ, đọc cho bọn Canh nghe:

Chuẩn mạch hựu luân phiền muộn đa,
Trâu công lương tể yếu điều hòa.

¹ Núi Kiệt Đặc: ở địa phận huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

² Chiêu Từ Thái Hậu: tức là Huy Từ hoàng thái phi, mẹ sinh của Minh Tông.

Nhược ngôn phiến muộn vô hưu yết,
 Chỉ khùng trùng phiêu phiến muộn gia.
 (Xem mạch chớ bàn nhiều muộn phiến,
 Ông Trâu thuốc tốt cắt cho yên.
 Nếu còn nói mãi phiến cùng muộn,
 Chỉ sợ càng tăng phiến muộn lên) .

Vì Trâu Canh ra vào cung cấm, hay dùng những câu kỳ lạ, những kể quỷ quyết để huyễn hoặc Dụ Hoàng. Minh Tông ghét hẳn, nên mượn bài thơ để châm biếm. Đến khi dâng thuốc lên thì ngài nói:

"Người ta ở đời, bao nhiêu khổ não. Ngày nay thoát được khổ não này, thì ngày khác lại phải chịu khổ não khác". Rồi không chịu uống thuốc.

Khi bệnh nguy kịch, sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem bản thảo tập thơ ngự chế đốt đi. Dân Vọng còn do dự, thì Minh Tông nói:

"Vật đáng tiếc còn không thể tiếc được, tiếc làm gì thứ ấy".

Các hoàng tử đứng hầu bên cạnh, ngài nhân thể nói với họ:

"Các con cứ xem việc làm của người xưa, việc nào hay thì theo, việc nào dở thì lánh, cần gì phải cha dạy?".

Ngài từng nói:

"Người làm vua dùng người, không phải là có tình riêng với người đó, mà chỉ nghĩ là người đó [21a] hiền thôi. bởi vì người đó theo tấm lòng của ta, giữ chức vụ cho ta, làm việc cho ta, chịu nhọc cho ta, cho nên ta coi là hiền mà dùng họ. Nếu ta quả là hiền, thì những người được ta dùng cũng hiền, như Nghiêu Thuấn đối với Tắc Khiết, Quỳ Long vậy. Nếu ta không hiền, thì những kẻ ta dùng cũng không hiền, như Kiệt, Trụ đối với Phi Liêm, Ác lai vậy. Đó chính là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, cùng loại thì hợp nhau. Kiệt, Trụ đâu phải có tình riêng gì với bầy tôi của hẳn?. Bảo hẳn là ngu tối thì được, chứ bảo hẳn là có tình riêng thì không phải".

Lại dặn Hiến Từ thái hậu:

"Sau khi ta mất, người ở lại cung Thánh Từ, đừng vào núi [đi tu]".

Sau khi Minh Tông băng, thái hậu theo lời dặn, không thụ giới nhà Phật.

Phan Thu Tiên nói: Minh Tông có bẩm tính nhân hậu, nổi nghiệp thái bình, phép cũ của tổ tông, không thay đổi gì cả. Bấy giờ có kẻ sĩ dâm số nói là trong dân gian có nhiều người du thủ du [21b] thực, đến già vẫn không có hộ tịch, thuế má không nộp, sai dịch không theo. Vua nói:

"Không như thế, thì sao thành đời thái bình? Người muốn ta trách phạt họ thì được việc gì không?".

Triều thần như bọn Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ. Vua nói:

"Nhà nước đã có phép tắc riêng, Nam, Bắc khác nhau, nếu nghe kể của bọn học trò mặt trắng tìm đường thoát thân thì sinh loạn ngay".

Điều đáng tiếc là nghe lời gian nịnh của Trần Khắc Chung mà giết Quốc phụ thượng tể, đó là điểm kém thông minh vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Cái đức của Minh Tông mà nên được, tuy là do thiên tư tốt đẹp, cũng còn do sức dạy bảo của vua cha. Khi vua ở Đông cung, đang tuổi ấu thơ, có lần nghịch làm chiếc giá đèn bằng tre, Anh Tông đòi xem, sợ không dám dâng. Hôm khác, vào hầu [22a] tắm điện Anh Tông đang rửa mặt, nhân hỏi đến trò nghịch cũ, Anh Tông giận lắm, cầm ngay cái chậu rửa mặt ném vua. Vua nấp vào cánh cửa tránh được, chậu rơi trúng cánh cửa vỡ tan. Được sự rằng dạy nghiêm ngặt như vậy, cho nên tài đức của vua do đấy mà nên và cả các con cũng đều có tài nghệ cả.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu chỉ cho các lộ ở Thanh Hóa và Nghệ An khơi các kênh ngòi cũ.

Phong anh là Thiên Trạch làm Cung Tín Vương.

Mùa thu, tháng 9, ngày mồng 8 tôn Hiến Từ thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, táng [Minh Tông] ở Mục Lăng¹, vì câu nệ ngày giờ nên để chậm.

Từ năm Ất Mùi [1355] đến năm nay [Đinh Dậu, 1357], trong 2 năm, một thăng gạo trị giá 1 tiền.

Mậu Tuất, [Đại Trị] năm thứ 1 [1358], (Nguyên Chí Chính năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu. Đại xá.

Truy [22b] tặng Quốc phụ thượng tể Quốc Chấn làm Đại Vương.

Từ tháng 3 đến tháng 7 mùa thu, hạn hán, sạ cấy lúa, cá chết nhiều.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu khuyến khích nhà giàu ở các lộ bỏ thóc ra chẩn cấp dân nghèo. Các quan ở địa phương tính xem số thóc bỏ ra là bao nhiêu trả lại bằng tiền.

Lấy Phạm Sư mạnh là Nhập nội hành khiển tri Khu mật viện sự.

Ngô Bệ lại đem quân tụ họp ở núi Yên Phụ, dựng cờ lớn ở trên núi, tiếm xưng vị hiệu, yết bảng nói cứu giúp dân nghèo. Từ Thiên Liêu² đến Chí Linh. Bệ chiếm giữ cả.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu cho An phủ sứ các lộ đem quân các đội phong đoàn đi bắt giặc cướp.

Kỷ Hợi, [Đại Trị], năm thứ 2 [1359], (Nguyên Chí Chính năm thứ 19). Mùa xuân tháng giêng, nhà Minh sai sứ sang thông hiếu.

Bấy giờ, vua Minh cầm cự với Trần Hữu Lượng chưa phân được thua. Vua sai Lê Kính Phu sang sứ phương Bắc để xem hư [22a] thực.

Mùa hạ, tháng 4, Chiêu Từ Hoàng thái phi mất, được truy tôn là Chiêu Từ hoàng thái hậu (mẹ của Minh Tông).

Mùa thu, tháng 7, lấy Đỗ Tử Bình làm [tri] Khu mật viện sự.

Từ ngày 27 tháng 8 đến ngày mồng 3 tháng 9, mưa to, nước lớn, trôi cả nhà cửa của dân, thóc lúa bị ngập.

Mùa đông, tháng 10, lấy Phạm Sư Mạnh làm Hành khiển tả ty lang trung, Lê Quát kiêm chức Hàn lâm viện phụng chỉ.

Canh Tý, [Đại Trị] năm thứ 3 [1360], (Nguyên Chí Chính năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 2, đúc tiền Đại trị thông bảo.

Thăng Huệ Túc công Đại Niên làm Bình chương chính sự, phục lại tước vương. Năm này [Đại Niên] mất (mới 55 tuổi).

Theo qui chế cũ, những người tước vương vào làm tể tướng đều gọi là "công", chỉ có thân vương thì được phong lại tước vương. Huệ Túc công, Uy Túc công trong đời Đại Khánh được phong tước vương, khi vào làm tể tướng đều gọi là "công" mà lại truy phục tước vương là không đúng [23b] lệ.

Tháng 3, Ngô Bệ bị giết.

Bấy giờ, quân của lộ bắt được Bệ ở Yên Phụ. Bệ chạy trốn, định về kinh sư thú tội. Các quan bản lộ bắt được Bệ cùng 30 tên bè đảng của hắn, đóng cũi giải về kinh, đều bị chém cả.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, nhật thực.

¹ Mục Lăng: ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

² Thiên Liêu: là tên xã.

Tháng 6, nước Nguyên loạn. Trần Hữu Lượng tiếm xưng đế, đặt quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu là Đại Nghĩa, đánh nhau với Minh Thái Tổ. Quan trấn thủ biên giới phía Bắc là Hoàng Thạc cho chạy trạm tâu rằng Minh và Hán đánh nhau ở Long Châu, Bằng Tường¹. Bọn Thạc nhân việc họ tranh nước với nhau thu được hơn 300 người.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, thuyền buôn của các nước Lộ Hạc², Trà Nha³, Xiêm La⁴ dẫn Vân Đồn buôn bán, dâng các vật lạ.

Tháng 12, xuống chiếu bắt gia nô của các vương hầu, công chúa đều phải thích chữ vào trán và phải gọi theo loại hàm. Kẻ nào không thích chữ, không khai sổ bị coi là [24a] giặc cướp, lớn thì trị tội, bé thì sung công.

Tân Sửu, [Đại Trị], năm thứ 4[1361], Nguyên Chí Chính năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở phương đông bắc. Vua tránh không ngự ở chính điện.

Tháng 2, Minh Thái Tổ đánh Giang Châu. Trần Hữu Lượng lưu giữ Vũ Xương, sai người sang tạ xin quân [cứu viện]. [Vua] không cho.

Tháng 3, giặc cỏ Chiêm Thành vượt biển đến cướp dân ở cửa biển Dĩ Lý⁵. Quân của phủ ấy đánh tan bọn chúng.

Mùa hạ, tháng 5, lấy Phạm A Song làm tri phủ phủ Lâm Bình (Tức là Dĩ Lý)⁶.

Mùa thu, tháng 7, Tạ Lai có tội bị giết.

Bấy giờ vua ngủ ngày ở Long Phương đường. Ngự thư hỏa Tạ Lai đứng hầu, chung quanh không có ai. Lai rút gươm ra xem. Vua thức dậy, sai đem chém.

Nhâm Dần, [Đại Trị], năm thứ 5 [1362]. (Nguyên Chí Chính năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, lệnh cho các nhà vương hầu, công chúa dâng [24b] các trò tạp hý vua xét duyệt trò nào hay thì thưởng cho.

Trước đây, khi đánh Toa Đô, bắt được người phường hát là Lý Phương Cát rất giỏi hát, những con ở trẻ của các nhà thế gia theo y tập hát điệu phường Bắc. Nguyên Cát sáng tác các vở tuồng truyện cổ, có các tích như Tây vương Mẫu hiển bàn đào. Trong tuồng cổ có các vai quan nhân, chu tử, đán nương, câu nô gồm 12 người, mặc áo gấm, áo thêu, đánh trống, thổi sáo, gảy đàn, vỗ tay, gõ ồn phím đàn (Chú : Chu Hậu chết, Hậu Chủ ghi vào mặt sau đàn tỳ bà: Hương trời còn đuôi phường, hơi ấm tỏa phím đàn), thay đổi nhau ra vào làm trò, khiến người xem xúc động, muốn cho buồn được buồn, muốn cho vui được vui. Nước ta có tuồng truyện bắt đầu từ đây.

Lại cho gọi các nhà giàu trong nước, như ở làng Đình Bảng ở huyện Bắc Giang, làng Nga Đình thuộc Quốc Oai vào cung đánh bạc làm vui. Có tiếng bạc đặt tới 300 quan tiền, ba tiếng thì đã gần ngàn quan rồi.

¹ Long Châu: tên châu đời Đường, đời Tống, Nguyên cùng gọi là Long Châu. Nay là đất huyện Long Châu, Trung Quốc. Bằng Tường: tên động đời Tống, Nguyên. Đời Minh đặt làm thổ châu. Nay là đất huyện Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

² Lộ Hạc chắc là nước lộ Hạc mà Toàn thư đã chép vào đời Lý (BK6, 6B). Dựa vào âm đọc, có thể cho rằng Lộ Hạc al2 nước La Hộc được nhắc đến trong thư tịch Trung Quốc đời Nguyên. La Hộc là quốc gia Lavo ở Lopburi, Thái Lan. Lộ Hạc có khả năng là nước Locac được nhắc đến trong du ký của Mác-cô Pô-lô (Marco Polo).

³ Trà Nha: nguyên bản chép là . Toàn thư chú rằng: đọc al2 (Nha), nhưng chữ này cũng có âm đọc là Oa. Trà Oa thì chắc chắn là chỉ đảo Ja-va (In-đô-nê-xi-a) mà ở những chỗ khác Toàn thư chép là Trà Oa, qua Oa hay Chà Bô.

⁴ Xiêm La: Ở đây chỉ vương quốc Sukhuthai hình thành vào thế kỷ XIII ở Thái Lan.

⁵ Cửa biển Dĩ Lý ở xã Lý Hoà, huyện Bồ Trạch, nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

⁶ Ở đây, Toàn thư chú thích phủ Lâm Bình là Dĩ Lý, nhưng chắc là nhầm. Phủ Lâm Bình nói ở đây hẳn gồm cả đất châu Lâm Bình đời Lý. Năm 1075, Lý Nhân Tông đã đổi châu Địa Lý thành châu Lâm Bình (Toàn thư BK3, 9a). Có lẽ chữ Dĩ Lý ở đây nhầm từ chữ Địa lý.

Lại sai tư nô cày 1 miếng đất ở bên bờ bắc sông Tô Lịch [25a] để trồng hành, tòi rau dưa đem bán, gọi tên phường ấy là Vườn Tỏi¹ (đến nay vẫn còn) và làm quạt đem bán cũng như thế.

Tháng 2, sao chổi thấy ở phương Bắc.

Tháng 3, Chiêm Thành cướp Hóa Châu.

Mùa hạ, tháng 4, sai Đỗ Tử Bình duyệt bổ quân ở Lâm Bình, Thuận Hóa và đắp thành Hóa Châu.

Tháng 5, sét đánh điện Thiên An.

Từ tháng 5 đến tháng 7 mùa thu, hạn hán. Soát tù. Mưa to. Xuống chiếu miễn cho cả nước một nửa tô thuế năm ấy.

Tháng 8, lấy Hành khiển Phạm Sư Mạnh làm tri Khu mật viện sự.

Đói to. Xuống chiếu cho các nhà giàu dâng thóc để phát chẩn cho dân nghèo, ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, vua ngự đến phủ Thiên Trường. Dân có ai ốm thì được ban thuốc uống công và tiền gạo, ít nhiều khác nhau. (Thuốc có tên là viên Hồng ngọc sương, trừ bách bệnh. Dân nghèo ai nghe tin đến được thì được ban 2 viên thuốc, 2 tiền và 2 thăng gạo).

Mùa đông tháng 10, núi Thiên Kiện² lở.

Tháng 12,[25b] lấy Đỗ Tử Bình làm Đồng môn tri hạ.

Quý Mão, [Đại Trị], năm thứ 6 [1363], (Nguyên Chí Chính năm thứ 23). Mùa xuân, tháng 2, xuống chiếu chọn dân đinh bổ sung quân các lộ.

Tháng 3, thi học trò, hỏi văn nghệ để lấy người bổ sung vào quán các. thi lại viên bằng viết chữ, lấy làm thuộc viên các sảnh, viện.

Truy tặng Thiệu bảo Trương Hán Siêu chức thái phó.

Mùa hạ, tháng 5, trả lại cho Trâu Canh chức tước cũ.

Tháng 6, tịch thu gia sản của Ngô Dẫn, trại chủ xã Đại Lai.

Trước đây, về đời Minh Tông, cha Dẫn bắt được viên ngọc rất rất đẹp, đem đến Vân Đồn, các thuyền buôn tranh nhau mua. Một người chủ thuyền muốn được vật lạ đó, dốc hết của cải để mua. Dẫn do vậy trở nên giàu có. Minh Tông đem công chúa Nguyệt Sơn gả cho Dẫn. Dẫn cậy giàu có thông dâm với người con gái khác, lại có những lời lăng nhục công chúa. Công chúa đem việc ấy tâu vua. Dẫn được tha tội chết, nhưng bị tịch thu gia sản.

Mùa đông, tháng 10, đào [26a] hồ ở vườn ngự trong hậu cung. Trong hồ xếp đá làm núi, bốn mạch đều khai ngòi cho chảy thông nhau. Trên bờ hồ trồng thông, tre và các thứ hoa thơm cỏ lạ. Lại nuôi chim quý, thú lạ trong đó. Phía tây hồ trồng hai cây quế, dựng điện Song Quế. Lại gọi tên điện là điện Lạc Thanh, tên hồ là hồ Lạc Thanh. lại đào một hồ nhỏ khác. Sai người hải Đông chở nước mặn chứa vào đó, đem các thứ hải vật như đồi mồi, cua, cá nuôi ở trong hồ. Lại sai người Hóa Châu chở cá sấu đến thả vào đó. Lại có hồ Thanh Ngự để thả cá thanh phụ [cá diếc]. Đặt chức khách đô để trông coi.

Giáp Thìn, [Đại Trị] năm thứ 7 [1364], (Nguyên Chí Chính năm thứ 24). Mùa xuân, tháng 2, xây dãy khách lang ở Tây điện, thẳng đến cửa Hoàng Phúc.

¹ Nguyên văn là Toán Viên. Đến đời Lê, ở Thăng Long vẫn còn phường Toán Viên. Hai bài thơ trong Lã Đường di tập của Thái Thuận nói về phường Toán Viên đều nhắc đến Cửa Bắc và Hồ Tây. Có lẽ phường này ở ven Hồ Tây, gần cửa Bắc, chứ không phải là ở Láng như nhiều người thường nghĩ.

² Núi Thiên Kiện: còn có tên là núi Địa Cận, ở xã Thiên Kiện, huyện thanh Liêm, tỉnh nam Hà.

Mùa hạ, tháng 4, gọi Cánh chường phụng cung Vĩnh An là Bùi Khoan cùng [26b] uống rượu. Khoan lập mẹo uống vờ hết 100 thăng rượu, được thưởng tước 2 tư.

Tháng 5, vua đi hóng gió chơi trăng. Vì uống rượu quá sai, lại lợi xuống sông tắm, nên bị ốm. Sai quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh thay nhau hầu thuốc thang.

Mùa thu, tháng 7, vua khỏi bệnh.

Tháng 8, chọn hoàng nam trong nước, định 3 bậc quân ngũ, sửa soạn thuyền chiến và vũ khí để phòng việc biên cương.

Mùa đông, tháng 10, Cung Túc Vương Nguyên Dục mất.

Ất Ty, [Đại Trị] năm thứ 8 [1365], Nguyên Chí Chính năm thứ 25). Mùa xuân, tháng giêng, người Chiêm Thành cướp dân đi chơi xuân của Hóa Châu.

Trước đây, theo tục Hóa Châu, tháng giêng hàng năm, trai gái họp nhau ở Bà Dương chơi trò đánh đu. Người Chiêm đã nấp sẵn ở đầu nguồn Hóa Châu từ tháng 12 năm trước, đến khi ấy ập tới cướp bắt đem về.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu cho các quân Sơn Lão¹ ở Lạng Giang trấn giữ [27a] biên phòng, vì đất Bắc có loạn, Minh, Hán tranh nhau², đóng binh ở Nam Ninh, Long Châu.

Bấy giờ có Thiều Thốn người Thanh Hóa, làm phòng ngự sứ Lạng Giang, thống lĩnh quân Lạng Giang, đóng ở sông Đông Bình, khéo võ về quân sĩ, trong quân ai cũng thích ông ta. Sau vì em trai kiêu ngạo làm bậy, ông bị tội lây, mất chức. Trong quân làm câu ca về ông: "Trời chẳng thấu oan, ông Thiều mất quan". Đến khi ông sửa soạn hành trang ra về, chúng lại làm câu ca: "Ông Thiều trở về, lòng ta tái tê". Triều đình nghe biết chuyện ấy, khôi phục quan chức cho ông, trong quân lại có câu ca: "Trời đã thấu oan, ông Thiều lại làm quan". Ít lâu sau, ông chết.

Minh Từ Hoàng Thái phi mất (phi là mẹ đẻ của Nghệ Tông).

Bính Ngọ, [Đại Trị] năm thứ 9 [1366], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 26). Mùa xuân, tháng giêng, sai Tả bộc xạ Tăng Khoan, Hữu bộc xạ Lê Quát xét duyệt sổ đinh Thanh Hóa. (Quát là người Thanh Hóa hồi trẻ ra chơi kinh sư, gặp khi bạn ông được cử đi sứ Kinh Yên, Quát tặng bạn bài thơ rằng :

Dịch lộ [27b] tam thiên quân cư an
Hải môn thập nhị ngã hoàn san
Trung triều sứ giả yên ba khách,
Quân đặc công danh, ngã đặc nhàn.
(Đường trạm ba ngàn, anh ruổi ngựa,
Mười hai cửa biển, tớ về ngàn.
Kẻ sang sứ Bắc, người mây nước,
Anh được công danh, tớ được nhàn.)

Người thức giả biết Quát sau này sẽ quý hiển. Quả nhiên, Quát thi đỗ, thăng chức nhanh chóng, vượt người bạn kia).

Tháng 3, người Chiêm cướp phủ Lâm Bình. Quan phủ Phạm A Song đánh bại chúng. Thăng A Song làm đại tri phủ Lâm Bình, Hành quân thủ ngự sứ.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho An phủ sứ các lộ đi bắt giặc cướp.

Tháng 6, vua ngự thuyền nhỏ đến chơi nhà Thiều úy Trần Ngô Lang ở hương Mễ Sở³, đến canh ba mới về. Khi tới sông Chử Gia¹ bị cướp mất ấn báu, gươm báu. vua tự biết mình không sống lâu, càng thả sức chơi bời.

¹ Sơn Lão quân: quân các dân tộc miền núi.

² Minh: tức Chu Nguyên Chương, Hán: tức Trần Hữu Lượng.

³ Hương Mễ Sở: nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

Năm ấy, Hán mất nước².

Đinh Mùi, [Đại Trị] năm thứ 10 [1367], (Nguyên Chí Chính năm thứ 27). Mùa đông, tháng 12, lấy Minh tự Trần Thế Hưng làm Thống quân hành khiển đồng tri thượng thư tả ty sự, Đỗ Tử Bình làm phó, đi đánh Chiêm Thành.

Phong Cung Định Vương phủ làm Tả tướng quốc, gia phong Đại Vương.

Năm này nhà Nguyên mất.

[28a] Mậu Thân, [Đại Trị] năm thứ 11 [1368], (Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương, Hồng Vũ năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi hiện ở khoảng sao Mão.

Tháng 2, Chiêm Thành sa Mục Bà Ma sang đòi lại đất biên giới Hóa Châu.

Tháng 3, làm hành lang dài suốt từ gác Nguyên Huyền đến tận cửa Đại triều phía Tây để tiện cho việc các quan vào chầu tránh nắng mưa.

Mùa hạ, tháng 4, Trần Thế Hưng đến Chiêm Động³. Người Chiêm phục quân đánh trộm, quân ta tan vỡ. Thế Hưng bị giặc bắt, Tử Bình đem quân trở về.

Minh Thái Tổ lên ngôi ở Kim Lăng, đặt niên hiệu là Hồng Vũ, sai Dịch Tế Dân sang thăm ta.

Mùa thu, tháng 8, sai Lễ bộ thị lang Đào Văn Đích sang Minh đáp lễ.

Mùa đông, tháng 10, cho mời đạo sĩ Huyền Vân ở núi Chí Linh đến kinh để hỏi về phép tu luyện. Ban cho động của đạo sĩ tên là "Huyền Thanh động".

[28b] Kỷ Dậu, [Đại Trị] năm thứ 12 [1369], (Từ tháng 6 trở đi là Dương Nhật Lễ, Đại Định năm thứ 1; Minh Hồng Vũ năm thứ 2). Mùa hạ, tháng năm, ngày mồng một, nhật thực.

Ngày 25, vua băng ở chính tẩm, miếu hiệu Dụ Tông.

Ngày vua sắp băng, vì không có con, xuống chiếu đón Nhật Lễ vào nối đại thống.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Dụ Tông bị ngã xuống nước mà bệnh⁴, chẳng lẽ lại không biết là mình không có con hay sao ? Nhật Lễ là đứa làm trò, chẳng lẽ lại không biết nó không phải là con của Dục hay sao? Huống chi các con của Minh Tông đều có tài nghệ cả, nếu nghĩ tới xã tắc làm trọng thì chọn người nào có tài đức lập làm thiên tử để làm yên lòng thiên hạ, như vậy gốc nước sẽ được vững bền. Đã không biết làm như thế, đến khi ốm nặng lại không bàn với thái hoàng tể kế vì xã tắc, lại xuống chiếu gọi Nhật Lễ vào nối đại thống để cho mình bị tuyệt tự, mà sau khi chết, còn vạ lây đến thái hoàng và thái tể⁵ [29a]. Nếu không có Nghệ Hoàng và các vị tông thất khác thì quốc gia đã không còn là của họ Trần nữa rồi. Vua biết tôn trọng thầy dạy, nhưng lại không bàn việc nước với thầy. Vì thế bậc hiền năng không nên để chỉ làm vì. Chu An đi rồi, không còn ai bảo ban vua đạo hay lẽ phải nữa. Đó thực là "không tin bậc nhân hiền thì nước trống rỗng như không có người" vậy.

Tháng 6, ngày 10, mưa to, gió lớn.

Ngày 15, Hiến Từ Hoàng thái hậu sai người đón con thứ của cố Cung Túc Đại Vương Dục là Nhật Lễ lên ngôi. Đổi niên hiệu là Đại Định năm thứ 1.

¹ Tức bãi Chử Gia, sau gọi là Chử Xa, huyện Văn Giang cũ, nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

² Hán: là quốc hiệu của Trần Hữu Lượng. Lượng đánh nhau với Chu Nguyên Chương ở hồ Phiên Dương, bị chết trận. Chu Nguyên Chương đến vây Vũ Xương, con của Lượng là Trần Lý đầu hàng.

³ Đất Chiêm Động của nước Chiêm Thành bấy giờ là đất các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Duy Xuyên, Quế Sơn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.

⁴ Dụ Tông chơi thuyền ở Hồ Tây, suýt chết đuối, được Trâu Canh chữa khỏi, nhưng bị chứng liệt dương (xem BK7, 10a).

⁵ Thái hoàng chỉ thái hậu Hiến Từ, thái tể chỉ Nguyên Trác, làm thái tể dưới triều Nhật Lễ.

Nhật Lễ là con người làm trò tên là Dương Khương. Mẹ Nhật Lễ khi đóng trò có tên hiệu là Vương Mẫu (Trò có tích "Vương Mẫu hiến bàn đào", Mẹ Nhật Lễ đóng vai Vương Mẫu, nên lấy tên làm hiệu), đương có thai, Dục thấy nàng xinh đẹp, nên lấy làm vợ. Đến khi đẻ, Dục nhận làm con mình. Lúc này thái hậu bảo các quan rằng :

"Dục là con đích trưởng mà không được ngôi vua, lại [29b] sớm lìa đời. Nhật Lễ chẳng phải là con của Dục ư?"

Rồi đón Nhật Lễ lập làm vua. Truy phong cho Dục là Hoàng thái bá.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 4, Nhật Lễ tôn Hiến Từ hoàng thái hậu làm Hiến Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu; Nghi Thánh hoàng hậu làm Huy Từ Tá Thánh hoàng thái hậu.

Lập con gái Cung Định Vương Phủ làm hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, táng [Dụ Tông] ở Phụ Lăng¹.

Nhà Minh sai Ngưu Lượng, Trương Dĩ Ninh sang tặng ấn vàng và sắc rồng, gặp lúc Dụ Tông từ trần, Lượng làm bài thơ viếng rằng :

Nam phục thương sinh điện chấn an,
Long Biên khai quốc chống chư man.
Bao mao sạ hỷ song vương cống ;
Giới lộ ninh kỳ biệt thứ quan,
Đan chiếu viễn ban kim ấn trọng ;
Hàng trường tân bí ngọc y hàn.
Thương tâm tối thị thiên triều sứ,
Dục kiến vô do lệ mẫn an.

(Dân cõi Nam xa được trị an,
Long Biên mở nước giữ trăm man.
Vừa mừng lễ vật sang dâng cống,
Đâu ngỡ bi ca bỏ các quan.
Chiếu đỏ xa ban kim ấn nặng,
Chén vàng mới đầy ngọc y hàn.
Sứ trời là kẻ đau lòng nhất,
Muốn gặp, còn đâu lệ ứa tràn).

Rồi Dĩ Ninh ốm chết, chỉ có Lượng trở về nước. Hữu tướng quốc Cung Định Vương Phủ làm [30a] bài thơ tiễn ông ta rằng :

An Nam tể tướng bất năng thi
Không bá trà âu tống khách quý,
Viên tản sơn thanh, Lô thủy bích,
Tùy phong trực nhập ngũ vân phi.
(An Nam tể tướng chẳng thơ hay,
Chỉ có bình trà tiễn khách đây.
Viên tản non xanh, Lô nước biếc,
Xin bau theo gió tới năm mây).

Lượng bảo Phủ ắt sẽ làm vua. Sau quả như lời ông ta nói.

Nhật Lễ phong Hữu tướng quốc Nguyên trắc làm Thượng tướng quốc thái tể.

Tháng 12, ngày 14, Nhật Lễ giết Hiến Từ Tuyên Thánh Thái hoàng thái hậu ở trong cung.

¹ Phụ lăng: ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Thái hậu vốn người nhân hậu, có nhiều công lao giúp rập [họ Trần]. Trước kia, khi Minh Tông còn ngự ở Bắc Cung, có tên gác cổng bắt được con cá bống trong giếng Nghiêm Quang, trong mồm có ngậm vật gì, moi ra thì thấy có chữ, đó là bùa yểm, có ghi các tên Dục Tông, Cung Túc, Thiên Ninh (đều là các con đẻ của Hiến Từ). Tên gác cổng cầm lá bùa tâu lên vua. Minh Tông sợ lắm, truyền bắt hết các cung nhân, bà mụ, thị tỳ trong cung để tra hỏi.

Thái hậu thưa: "Khoan đã, sợ trong đó có kẻ bị oan, thiếp xin tự mình bí mật xét hỏi đã".

[30b] [Minh Tông] nghe theo. Thái hậu sai người hỏi tên gác cổng rằng:

"Gần đây, phòng nào trong cung mua cá bống?". Tên gác cổng trả lời là thứ phi Triều Môn. Thái hậu nói cho Minh Tông biết. Minh Tông lập tức ra lệnh tra xét cho ra. Thái hậu tâu:

"Đây là việc trong cung, không nên để hở ra ngoài. Thứ phi Triều Môn là con gái của Cung Tĩnh Vương, nếu để hở ra thì Quan gia sẽ sinh hiềm khích với Thái úy. Thiếp xin im việc này đi không xét hỏi nữa!". Minh Tông khen bà là người hiền.

Đến khi Minh Tông băng, tướng quân Trần Tông Hoắc muốn tỏ ra trung thành với Dục Tông, thù dật việc đó ra, làm Thiếu úy suýt nữa bị hại, nhờ Thái hoàng cố sức cứu đỡ mới thoát. Người bấy giờ ca ngợi bà là đã trọn đạo làm mẹ, tuy là phận con đích, con thứ không giống nhau, mà lòng nhân từ thì đối với con nào cũng thế, làm cho ân nghĩa vua tôi, anh em, cha con không một chút thiếu sót, từ xưa đến nay chưa có ai được như vậy. Người xưa có nói "Nghieu Thuấn trong nữ giới"¹, Thái hậu được liệt vào hàng [31a] ấy. Bà từng hồi tiếc về việc lập Nhật Lễ. Nhật Lễ ngấm ngầm đánh thuốc độc giết bà.

NGHỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Phụ : HÔN ĐỨC CÔNG DƯƠNG NHẬT LỄ, 1 năm)

Tên húy là **Phù**, con thứ ba của Minh Tông. Mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu, mẹ đẻ là thứ phi họ Lê của Minh Tông, em gái cùng mẹ với Hiến Từ, do con gái của Nguyễn Thánh Huấn lấy một người họ Lê sinh ra. Ở ngôi năm, nhường ngôi 27 năm, thọ 74 tuổi. Vua đẹp yên được tai nạn bên trong, khôi phục được cơ đồ to lớn. Công nghiệp lớn lao, sáng lòa vũ trụ. Song cung kính kiệm ước thì có thừa mà cương nghị, quyết đoán lại không đủ, bên ngoài thì quân giặc xâm phạm kinh kỳ, bên trong thì gian thần ngấp nghé ngôi báu. Xã tắc suy mòn, rồi đến diệt vong.

Canh Tuất, [Thiệu Khánh] năm thứ 1 [1370], (từ tháng 10 trở về trước là Dương Nhật Lễ, Đại Định năm thứ 2, Minh Hồng Vũ năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, vua Minh tự làm bài chúc văn, sai Diêm Nguyên Phục, đạo sĩ cung Triều Thiên, đem lễ trâu và lợn, đèn tế thần núi Tản Viên và các thủy thần sông Lô.

Mùa hạ, tháng 4, Diêm Nguyên phục vào kinh đô nước ta, [31b] làm lễ tế xong, khắc bài văn vào đá ghi việc đó vào rồi từ biệt về nước.

Nhật Lễ tiếm vị, rượu chè dâm dật, hằng ngày chỉ rong chơi, thích các trò hát xướng, muốn đổi lại họ là Dương. Người tôn thất và các quan đều thất vọng.

Mùa thu, tháng 9, ngày 20, thái tử Nguyên Trác cùng con là Nguyên Tiết giết Nhật Lễ không được, bị giết.

¹ Lời Tống Anh Tông ca ngợi Cao hoàng hậu nhà Tống, Nguyên văn: "Nữ trung nghieu Thuấn".

Đêm hôm ấy, cha con Nguyên Trác và hai người con của công chúa Thiên Ninh¹ đem người tôn thất vào thành định giết Nhật Lễ. Nhật Lễ treo qua tường, nấp dưới cầu mới. Mọi người lòng không thấy, giải tán ra về. Khi trời sắp sáng, Nhật Lễ vào cung, chia người đi bắt 18 người chủ mưu. Bọn Nguyên Trác đều bị hại.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhật Lễ tiếm ngôi trời, là người tôn thất nhà Trần lẽ nào lại có thể điềm nhiên ngồi nhìn để cho xã tắc dời sang họ khác? Lúc [32a] Nhật Lễ đang có tội giết thái hậu, tiếc rằng các đại thần tôn thất không biết kể tội và giết đi, mà mưu chúc vụng về, lại bị nó giết hại. Đáng thương thay.

Mùa đông, tháng 10, vua vì có con gái làm hoàng hậu (của Nhật Lễ), sợ vạ lây đến mình, tránh ra trấn Đà Giang (tức Gia Hưng), ngầm hẹn với các em là Cung Tuyên Vương Kính, Chương Túc quốc thượng hầu Nguyên Đán, Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha hội ở sông Đại Lại², phủ Thanh Hóa để dấy quân. Khi ấy, Nhật Lễ chuyên dùng thiếu úy Trần Ngô Lang mà không biết Ngô Lang đồng mưu với vua. Mỗi khi sai quân tướng đi đánh bắt, (Ngô Lang) đều bí mật báo họ theo vua đứng về nữa. Rất nhiều lần sai các quân Nam, Bắc đi đánh, đều không một ai trở về, Ngô Lang cũng xin đi, Nhật Lễ không cho.

Trước đây, vua vốn không có ý định làm vua. Công chúa Thiên Ninh bảo :

"Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông mình, sao lại vứt bỏ nước cho kẻ khác? Anh phải đi đi, em sẽ đem bọn gia nô [32b] dẹp nó cho!". Lúc ra đi, vua làm bài thơ gởi cho em là Kính rằng:

Vị cực sàm thân tiện thứ quan,
 Trắc thân, độ lĩnh, nhập sơn man.
 Thất lắng hồi thủ thiên hàng lệ,
 Vạn lý môn tâm lưỡng mẫn ban,
 Khử Vũ đồ tôn Đường xã tắc,
 An Lưu phục để Hán y quan.
 Minh Tông sự nghiệm quân tu ký,
 Khôi phục thần kinh chỉ nhật hoàn.
 (Ngôi cả gièm nhiều mới bỏ quan,
 Né thân, vượt núi, tới sơn man,
 Bảy lắng³ ngoảnh lại châu tuôn chảy,
 Muôn dặm đau lòng, tóc bạc lan.
 Diệt Vũ (2), giữ gìn đường xã tắc,
 Phò Lưu(3) lại thấy hán y quan.
 Minh Tông sự Nghiệp em nên nhớ,
 Thu phục thần kinh sắp khai hoàn.)

Người bấy giờ cho bài thơ ấy là sấm.

Khi vua chưa ra đi, chi hậu nội nhân phó chương là Nguyễn Nhân khuyên ngài: "Người ta muốn hại ông, sao ông không xem thời cơ mà hành động trước?". Đến khi vua lên ngôi lấy Nhiên làm hành khiển, thăng làm tả tham ty chính sự. Nhiên chữ nghĩa ít, khai phê giấy tờ, vua thường bảo vẽ các nét chữ đưa cho Nguyễn Nhiên xem.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Báo cho vua tai nạn là ơn riêng, ban tước cho người tai nạn giữa triều là việc công. Vua nhớ ơn của Nguyễn Nhiên, đền đáp bằng vàng, lụa thì được, cho làm hành khiển [33a] là chức quan trọng thì không được. Chức hành khiển đời bấy giờ cũng như "lục khanh" đời Chu, là các quan chức điều hành chính sự của đất nước, mà lại để cho người không biết chữ làm, thì không phải là lựa chọn vì việc công vậy.

¹ Công chúa Thiên Ninh: là con gái Minh Tông do bà Hiến Từ sinh ra. Hai người con bà sử không nói rõ tên.

² Tức sông Lèn, một chi lưu của sông Mã, tỉnh Thanh Hóa.

³ Bảy lắng: Là Chiêu Lăng chôn Thái Tông, Dụ Lăng chôn Thánh Tông, Đức Lăng chôn Nhân Tông, Thái Lăng chôn Anh Tông, Mục Lăng chôn Minh Tông, An Lăng chôn Hiến Tông, Phụ Lăng chôn Dụ Tông.

Tháng 11, vua cùng Cung Tuyên (vương), Thiên Ninh (công chúa) đều dẫn quân về Kinh.

Ngày 13, [Vua] đến phủ Kiến Hưng¹ (tên cũ là Hiển Khánh, hạ Nhật Lễ làm Hôn Đức công).

Ngày 15, [vua] lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá. [Vua] tự xưng là Nghĩa hoàng. Mọi công việc đều theo lệ cũ đời Khai Thái². Vua từng nói:

"Triều trước dựng nước, có luật pháp, chế độ riêng, không theo qui chế của nhà Tống, là vì nam Bắc, nước nào làm chủ đó, không phải bắt chước nhau. Khoảng năm Đại Trị³, bọn học trò mặt trắng được dùng, không hiểu ý nghĩa sâu xa của việc lập pháp, đem phép cũ của tổ tông đổi theo tục phương Bắc cả, như về y phục, âm nhạc... thật không kể xiết".

Bởi thế, chính sự buổi đầu đều theo đúng lệ cũ đời Khai Thái.

[33b] Hôm ấy, chính phi của vua là Huệ Ý phu Nhân mất ở sông Hồ⁴ châu Trường Yên, phủ Kiến Hưng, được truy phong là Thực Đức hoàng hậu.

Các quan dâng tôn hiệu là Thế khiên kiến cực thuần hiếu hoàng đế.

Khi (quân vua) tiến đến bến Chử Gia, tôn thất và các quan đón mừng đều hô "muôn năm", nhân đó gọi Chử Gia là xã Sơn Hồ.

Ngày 21, xa giá tiến đến Đông Bộ Đầu, Ngô Lang xin Nhật Lễ mặc áo thường, nhường ngôi, xuống thuyền đón tiếp vua.

Vua bảo Nhật Lễ: "Không ngờ hôm nay sự thế đến nỗi này".

Sai giam Nhật Lễ ở phường Giang Khẩu⁵.

Nhật Lễ gọi Ngô Lang vào trong màn, nói dối rằng:

"Ta có lọ vàng chôn ở trong cung, người đi lấy về đây".

Ngô Lang quỳ xuống vâng lệnh. Nhật Lễ bóp cổ Ngô Lang đến chết. Cháu của Ngô Lang là Trần Thế Đổ đem việc ấy tâu vua. Vua sai đánh chết Nhật Lễ và con hắn là Liễu, đem chôn ở núi Đại Mông.

Truy tặng Ngô Lang làm nhập tư nội mã, ban tên thụy là Trung Mẫn á vương.

[34a] Ngày 26 trị Trần Nhật Hạch về tội lật đổ xã tắc, Nhật Hạch đồng mưu với Nhật Lễ, khuyên hắn giết hại người tôn thất, nên bị giết.

Quốc tử giám tư nghiệp Chu An mất, được truy tặng tước Văn Trinh công, ban cho tòng tự ở Văn Miếu.

An (người Thanh Đàm)⁶, tính cương nghị, thẳng thắn, sửa mình trong sạch, bền giữ tiết tháo, không cầu lợi lộc. Ông ở nhà đọc sách, học vấn tinh thông, nổi tiếng gần xa, học trò đầy cửa, thường có kẻ đồ đại khoa, vào chính phủ. Như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát đã làm hành khiển mà vẫn giữ lễ học trò, khi đến thăm thầy thì lạy hỏi ở dưới giường, được nói chuyện với thầy vài câu rồi đi xa thì lấy làm mừng lắm. Kẻ nào xấu thì ông nghiêm khắc trách mắng, thậm chí la hét không cho vào. Ông là người trong sạch, thẳng thắn, nghiêm nghị, lắm liệt đáng sợ đến như vậy đấy. Minh Tông mời ông là Quốc Tử giám tư nghiệp, dạy thái tử học. Dụ Tông ham chơi bởi lười chính sự, quyền [34b] thần nhiều kẻ làm trái phép nước, An khuyên can, [Dụ Tông] không nghe, bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, đều là

¹ Phủ Kiến Hưng: đời Trần, là phủ Nghĩa Hưng thời Lê, nay là đất các huyện Vụ Bản, Nghĩa Hưng và Ý Yên, tỉnh Nam Định.

² Khai Thái: (1342 - 1329) là niên hiệu của Trần Minh Tông.

³ Đại Trị: (1358 - 1369) là niên hiệu của Dụ Tông.

⁴ Sông Hồ: Con sông ở huyện Yên Mỹ, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

⁵ Túc phường Hà Khẩu sau này, ở vào khoảng phố Hàng Buồm, Hà Nội ngày nay.

⁶ Chu An hay Chu Văn An (1292 - 1370), quê ở thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Huyện Thanh Đàm đời Lê là huyện Thanh Trì ngày nay. Đời Lê trung hưng, vì kiêng húy Thế Tông là Đàm, mới đổi Thanh Đàm thành Thanh Trì.

những kẻ quyền thế được vua yêu. Người bấy giờ gọi là "Thất trăm số". Số dâng lên nhưng không được trả lời, ông liền treo mũ về quê. Ông thích núi Chí Linh, bèn đến ở đấy. Khi nào có triều hội lớn thì đến kinh sư. Dụ Tông đem chính sự trao cho ông, ông từ chối không nhận. Hiến Từ thái hoàng thái hậu bảo:

"Ông ta là người không thể nào bắt làm tôi được, ta sai bảo thế nào được ông ta?".

Vua sai nội thần đem quần áo ban cho ông. Ông lạy tạ xong, liền đem cho người khác hết. Thiên hạ đều cho là bậc cao thượng. Đến khi Dụ Tông băng, quốc thống suy tụt, nghe tin các quan đến lập vua, ông mừng lắm. Chống gậy đến xin báii yết, xong lại xin trở về quê, từ chối không nhận chức gì.

Vua sai quân đến tế, ban tặng tên thụy, ít lâu sau có lệnh cho tòng tự ở Văn miếu.

[35a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Người hiền được dùng ở đời, thường lo người làm vua không thi hành những điều sở học của mình. Người làm vua sử dụng người hiền thường lo người hiền không theo ý muốn của mình. Cho nên, vua [sáng] tôi [hiền] gặp nhau, từ xưa vẫn là rất khó.

Những nhà nho nước Việt ta được dùng ở đời không phải không nhiều, nhưng kẻ thì chỉ nghĩ đến công danh, kẻ thì chuyên lo về phú quý, kẻ lại a dua với đời¹, kẻ chỉ cốt ăn lộc giữ thân, chưa có ai chịu để tâm đến đạo đức, suy nghĩ tới việc giúp vua nên đức tốt, cho dân được nhờ ơn. Như Tô Hiến Thành đời Lý, Chu Văn Tring đời Trần, có lẽ gần được như thế. Nhưng Hiến Thành gặp được vua (sáng suốt) cho nên công danh, sự nghiệp được thấy ngay đương thời. Văn Tring không gặp vua (anh minh) nên chính học của ông, đời sau mới thấy được. Hãy lấy Văn Tring mà nói, thờ vua tất thẳng thắn can ngăn, xuất xử thì làm theo nghĩa lý, đào tạo [35b] nhân tài thì công khanh đều ở cửa ông mà ra, tiết tháo cao thượng thì thiên tử cũng không thể bắt làm tôi được. Huống chi tư thế đường hoàng mà đạo làm thầy được nghiêm, giọng nói lẫm liệt mà bọn nịnh hót phải sợ. Ngàn năm về sau, nghe phong độ của ông, há không làm chp kẻ điếu ngoa thành liêm chính, người yếu hèn biết tự lập được hay sao? Nếu không tìm hiểu nguyên cố, thì ai biết thụy hiệu của ông xứng đáng với con người của ông. Ông thực đáng được coi là ông tổ của các nhà nho nước Việt ta mà thờ vào Văn Miếu.

Những người khác như Trần Nguyên Đán là bậc hiền tài trong các khanh sĩ cùng họ nhà vua, tuy mang khí phách trung phẫn, nhưng bó tay bỏ mặc vận nước không biết làm sao, lánh quyền tướng quốc để mong bảo toàn gia thuộc sau khi nước đổ. Trương Hán Siêu là ông quan văn học, vượt hẳn mọi người, tuy cứng cỏi, chính trực nhưng lại chơi với kẻ không đáng chơi, gả con gái cho người không đáng gả. Họ so với Văn Tring, [36a] có gì đánh kể, huống hồ những kẻ còn kém hai ông này!

Bấy giờ nho thần Lê Quát cũng muốn làm sáng đạo thánh hiền, gạt bỏ dị đoan, nhưng rút cuộc vẫn không thực hiện được. Ông từng làm bài văn bia chùa Thiệu Phúc, thôn Bái ở Bắc Giang như sau:

"Thuyết họa phúc của nhà Phật tác động tới con người, sao mà được người ta tin theo sâu sắc và bền vững như thế? Trên từ vương công, dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật, thì dẫu đến hết tiền của cũng không sè tiếc. Nếu ngày nay gởi gắm vào tháp chùa thì mừng rỡ như năm được khoán ước để lấy quả báo ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho tới thôn cùng ngõ hẻm, không mệnh lệnh mà người ta vẫn theo, không thể thốt mà người ta vẫn tin. Chỗ nào có người ở, tất có chùa Phật, bỏ rồi lại xây, hỏng rồi lại sửa, chuông trống lâu dài chiếm đến nửa phần so với với dân cư, Đạo Phật hưng thịnh rất dễ mà được rất mực tôn sùng.

Ta thuở trẻ đọc sách, để tâm khảo xét [36b] xưa nay, cũng hiểu sơ sơ đạo của thánh nhân để giáo hóa dân chúng mà rốt cuộc vẫn chưa được một hương tin theo. Ta thường dạo xem sông núi, vết chân trên khắp nửa thiên hạ, đi tìm những "Học cung", "Văn miếu" mà chưa hề thấy một ngôi nào! Đó là điều khiến ta vô cùng hổ thẹn với bọn tín đồ nhà Phật. Bèn viết ra đây để tỏ lòng ta".

Tháng 12, lấy ngày sinh làm tiết Kiến Thiên.

¹ Dịch thoát ý từ câu "hòa quang đồng trần", nguyên là câu "hòa kỳ quang, đồng kỳ trần" (hòa chung ánh sáng, cùng chung bụi bặm) trong sách Đạo đức kinh của Lão Tử.

Tân Hợi, [Thiệu Khánh] năm thứ 2 [1371], (Minh Hồng Vũ năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, truy tôn mẹ sinh là nguyên phi Anh Tư làm Minh Từ hoàng thái phi.

Tháng 2 , đả yến các qusan ở điện Thiên An, ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Phong công chúa thiên Ninh là Lạng Quốc thái trưởng công chúa, đổi tên là Quốc Hình.

Phong người tôn thất là Sư Hiền làm Cung Chính vương, Nguyên Đán làm tư đồ, Nguyên Uyên làm phủ quân tướng quân.

Bỏ phép cắt chân bãi bồi. Xóa lệnh kiểm kê tài sản.

Trước đây, các nhà vương [37a] hầu, công chúa lập điền trang ở ven sông thì đất phù sa mới bồi đều thuộc về người chủ [điền trang]. Thái hậu Chiêu Từ [nhân đó] mới lập thành phép cắt chân bãi bồi (bngĩa là cắt lấy những đất mới bồi).

Những người quyền quý chết thì tài sản đều thuộc về con cháu họ. Dụ Tông mới có lệnh kiểm kê (nghĩa là những thứ gì quý báu phải đem nộp vào nhà nước), đều là do bọn bề tôi tham lam vợ vét xui vua làm chuyệן đó. Đến đây đều bãi bỏ cả.

Tháng 3 nhuận, Chiêm Thành vào cướp, từ cửa biển Đại An¹ tiến thẳng đến kinh sư. Du binh [của giặc] đến bến Thái Tổ (nay là Phục Cổ)². Vua đi thuyền sang Đông Ngàn lánh chúng.

Ngày 27, giặc ủa vào thành, đốt phá cung điện, cướp lấy con gái , ngọc lụa đem về.

Chiêm Thành sở dĩ sang cướp là vì mẹ Nhật Lễ chạy trốn sang nước ấy, xúi giục chúng vào cướp để báo thù cho Nhật Lễ. Bấy giờ thái bình đã lâu ngày, thành quách biên cương không có phòng bị, giặc đến không có quân nào ngăn được. Chúng đốt trụi cung điện, nhà cửa. Thư tịch, sổ sách do vậy sạch không. Nhà nước [37b] từ đó sinh ra nhiều chuyệן.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Không có nước địch làm mối lo bên ngoài thì nước hay bị mất, đó là điều răn từ xưa đến nay. Chiêm Thành với ta, đời đời là cừ thù, triều Trần chả lẽ lại không biết mà phòng bị trước hay sao? Chỉ vì lòng người sinh biếng trễ, phép nước bị buông lơى, đã qua nhiều năm tháng, việc phòng thủ biên cương bị triệt bỏ, nên đến nỗi ấy. Giặc vào bờ cõi mà biên thành thất thủ, giặc tới kinh đô mà cấm binh chống lại thì còn nước thế nào được! Dụ Tông vốn quen chơi bời, cố nhiên là chẳng đáng kể. Nghệ Tông thì bản thân đã trải nhiều biến cố mà không nghĩ tới việc đó, há chẳng phải là chỉ chăm lo văn nghệ mà không trông nom gì đến võ lược ư?.

Mùa hạ, tháng 4, lập em (vua) là Cung Tuyên đại vương Kính làm hoàng thái tử, soạn [38a] chương Hoảng huấn ban cho. Phong vợ cả hoàng thái tử là Lê thị làm hoàng thái tử phi.

Tháng 5, lấy người họ ngoại là Lê Quý Ly làm khu mật viện đại sứ.

Hai chị em bà cô của Quý Ly, Minh Tông đều lấy làm cung nhân. Một bà sinh ra vua, đó là bà Minh Từ. Một bà sinh ra Dụ Tông, đó là bà Đôn Từ. Cho nên vua khi mới lên ngôi rất tín nhiệm Quý Ly. Lại đem em gái mới góa chồng là công chúa Huy Ninh gả cho ông ta (Huy Ninh trước là vợ của tôn thất Nhân Vinh, Nhân Vinh bị Nhật Lễ giết hại).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nhân Vinh chết vì thù nước, Huy Ninh để tang chồng mới được 6 tháng mà vua đã đem gả cho Quý Ly. Thế là làm hồng nhân luân bắt đầu từ vua, mà kẻ làm chồng, người làm vợ cũng không có nhân tâm. Phá bỏ lẽ chồng vợ, đảo loạn đạo tam cương, thì làm sao mà chẳng sinh loạn?.

¹ Cửa Đại An: sau đổi là cửa Liêu, huyện Đại An, nay là huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Hà Nam Ninh.

² Phường Phục Cổ: Ở khoảng phố Nguyễn Du, Hà Nội hiện nay. Nếu đời Trần ở đó có bến thì chắc là có một nah1nh sông Hồng chảy qua đó, nối với hồ Thuyềן Quang.

[38b] Xuống chiếu rằng xây dựng cung thất cốt sao cho giản dị, mộc mạc, chỉ lấy các tàn quan tôn thất phục dịch, không phiền nhiễu đến dân.

Mùa thu, tháng 8, sai Lê Quý Ly đi Nghệ An để chiêu tập dân chúng, vỗ yên nơi biên giới.

Tháng 9, gia phong Lê Quý Ly làm Trung Tuyên quốc thượng hầu.

Mùa đông, tháng 10, lấy tu sử Phan Nghĩa làm Lễ bộ lang trung, soạn định Quốc triều thông chế và các lễ nghi.

Ra lệnh cho những người có chức tước phải khai báo để làm thành sổ sách. Nhưng dân gian giả dối quá lắm, lấy không làm có rất nhiều.

Tháng 12, truy phong mẹ sinh hoàng thái tử là Sung Viên¹ Lê thị làm Quang Hiến thần phi.

Nhâm Tý, [Thiệu Khánh] năm thứ 3 [1372], (Minh Hồng Vũ năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, xét công lao của các quan văn võ.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Đỗ Tử Bình làm hành khiển, tham mưu quân sự.

Tháng 5, lấy Nguyễn Nhiên kiêm [39a] chức tri Khu mật viện chánh chuởng; Hồ Tông Thốc làm Hàn lâm viện học sĩ, lấy người Hoá Châu là Hồ Long làm tri châu Hóa Châu.

Mùa thu, tháng 7, ban cho quan phủ Lâm Bình là Phạm A Song tước minh tự.

Tháng 8, xuống chiếu cho các lộ làm đơn sổ (là sổ hộ tịch).

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến phủ Thiên Trường, sửa lại miếu thờ ở các lăng.

Tháng 11, ngày mồng 9, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Kính. Kính lên ngôi hoàng đế. Đại xá. [Vua tự] xưng là Khâm hoàng. Các quan dâng tôn hiệu là Kế thiên ứng vận nhân minh khâm hoàng đế.

Truy tôn mẹ sinh là Quang Hiến thần phi làm Đôn Từ hoàng thái phi.

Phong bà phi họ Lê làm Hiến Trinh thần phi.

Lúc vua mới lên ngôi, thượng hoàng làm bài Đế Châm 150 chữ ban cho vua.

Ban tặng chi thiếu phó Trương Hán Siêu được tòng tự ở miếu Khổng Tử.

[39b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nghệ hoàng ban cho Hán Siêu được tòng tự ở Văn Miếu vì ông ta hay bài xích dị đoan chẳng? Hình như vậy. Nhưng xét ra ông ta là người cậy tài, kiêu ngạo. Thờ Minh Tông, Hán Siêu làm hành khiển, khinh bỉ người cùng hàng, đến nổi vu cho Phạm Ngộ, Lê Duy nhận hối lộ. Khi đuối lý bị phạt, còn nói với người khác: "Đã được chúa thượng tin dùng, đâu ngờ có chuyện xét hỏi lại", thì thực là bằng chứng của thói kiêu ngạo, keo bần đẫy. Khổng Tử nói: "Dầu tài giỏi đến như Chu Công mà kiêu ngạo và keo bần thì những gì còn lại cũng chẳng ra sao!". Tôi nghĩ Hán Siêu hiền tài nếu có thiêng, hẳn không dám dự thờ ở miếu Khổng Tử.

Duệ TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Kính, con thứ 11 của Minh Tông, em Nghệ Tông. Mẹ là Đôn Từ hoàng thái phi. Sinh năm Đinh Sửu, Khai Hựu năm thứ 9 (1337), tháng 6, ngày mồng 2. Khi Nghệ Tông lánh nạn, quân lính, khí giới đều là công sức của vua cả, vì thế (Nghệ Tông) đem nhường ngôi cho. Vua ở ngôi 4 năm, thọ 41 tuổi. [40a] Vua ương gàn cố chấp, không nghe lời can, khinh thường quân giặc, nên mang họa vào thân chứ không phải là do bất hạnh.

¹ Sung Viên: một bậc cung tần.

Quý Sửu, [Long Khánh] năm thứ 1 [1337], (Minh Hồng Vũ năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Tôn thượng hoàng làm Quang hoa anh triết thái thượng hoàng đế. Truy tôn Thục Từ hoàng hậu làm Thuận Từ hoàng thái hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bà hậu của Trần Thái Tổ¹ có tên hiệu là Thuận Từ. Những người bàn đặt tên thụy hồi đó không cho là sai chằng? Hay cho là thể đại đã lâu rồi mà cứ đặt như thế? [Nếu vậy thì] ý nghĩa tìm về nguồn cội sẽ ra làm sao? Tiên vương theo lòng người mà đặt lễ nghi. Bàn đặt tên thụy của thái hậu lại trùng với tên thụy của bà cụ tổ thì lòng người có yên được không? Trái lẽ quá lắm!.

[40b] Tháng 2, lập sổ danh sách các quan văn võ.

Sách phong nguyên phi Lê thị làm Gia Từ hoàng hậu.

Tháng 3, phong con trưởng là Vĩ làm Chương Vũ đại vương (14 tuổi), định lập làm hoàng thái tử, nhưng lên nhọt độc rồi chết.

Mùa hạ, tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Tề Thiên.

Mùa thu, tháng 8, định việc bổ sung quân ngũ, đóng sửa thuyền chiến để chuẩn bị đánh Chiêm Thành.

Ra lệnh cho quân và dân nộp thuế cho nhà nước, (người nộp được) ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Thi lại viên bổ làm nội lệnh sử duyệt lại.

Mùa đông, tháng 12, xuống chiếu nói việc vua thân đi đánh Chiêm Thành.

Năm ấy, giặc cướp đua nhau nổi dậy.

Giáp Dần, [Long Khánh] năm thứ 2 [1347], (Minh Hồng Vũ năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, thượng hoàng về ở cung Trùng Hoa, phủ Thiên Trường.

[Tổ chức] thi đình cho các tiến sĩ. Ban cho Đào Sư Tích đồ trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đồ bảng nhãn, Trần Đình Thám đồ thám hoa, bọn La Tu đồ hoàng giáp cập đệ và đồng cập đệ.

Tất cả đều được ban yến và áo xếp, cho quan chức theo thứ bậc [41a] khác nhau.

Dẫn ba vị đồ đầu đi chơi phố 3 ngày.

Theo lệ cũ: thái học sinh 7 năm thi 1 lần, chỉ lấy 30 người thôi. Thi trạng nguyên thì không có lệ định sẵn. Nhưng thuộc quan ở tam quán, thái học sinh, thị phần học sinh, tướng phủ học sinh và những người có tước phẩm đều được vào thi cả.

Tháng 3, xuống chiếu cho Thanh Hóa, Nghệ An đào kênh đến cửa biển Hà Hoa².

Mùa hạ, tháng 5, tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 8, chọn dân đình bổ sung quân ngũ. Hạng nhất sung vào Lan Đô rồi đến hạng nhì, hạng ba. Người thấp bé nhưng nhanh nhẹn, can đảm cũng được sung vào hạng trên.

Trước đây, quân túc vệ có các quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần, sau đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Ý Yên, Thiên Trường, Bắc Giang, Điện Hậu, Long Tiệp. Những quân này xâm ba chữ đen lên trán. Quân thị vệ thì xâm trắng. Các quân Hoa Ngạch, Tả Ban, Hữu Ban và quân Thanh Hóa, Nghệ An, Hóa Châu, Thuận Châu, Lâm Bình đều [41b] đặt quân hiệu, có đại đội trưởng, đại đội phó làm tướng hiệu.

¹ Tức Trần Thừa, cha của Trần Thái Tông (Trần Cảnh).

² Tức cửa Khẩu, ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Mùa đông, tháng 10, định ngạch tụng quan. Đặt 6 cục Cận thị chi hậu, lấy vương hầu và tôn thất làm chánh chưởng. 800 người làm thị vệ trong các chi hậu do phán thủ trông coi đều đội mũ bồn hoa.

Xuống chiếu cho quân và dân không được mặc áo, chài đầu theo người phương Bắc và bắt chức tiếng nói của các nước Chiêm, Lào.

Ất Mão, [Long Khánh] năm thứ 3 [1375], (Minh Hồng Vũ năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Khu mật viện đại sứ Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự.

Xuống chiếu chọn các quan viên biết luyện tập võ nghệ, thông hiểu thao lược, thì không cứ là người tôn thất, đều cho làm tướng coi quân.

Đổi châu Diển thành lộ Diển Châu, châu Hoan thành các lộ Nhật Nam, Nghệ An nam, bắc, trung. Đổi Lâm Bình thành phủ Tân Bình¹. Sai Đào Lực Đinh và Hà Tử Công đốc suất người Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình đắp sửa đường sá từ Cửu Chân² đến Hà Hoa³, [42a] 3 tháng thì xong.

Mùa hạ, tháng 6, sao Kim hiện ban ngày.

Mùa thu, tháng 8, làm sổ quân, thải bớt người già yếu, lấy người mạnh khoẻ bổ sung vào. Những người làm thuê của các hộ, xá⁴ Thanh Hóa, Nghệ An đều phải sung vào quân ngũ.

Xuống chiếu cho những người giàu ở các lộ đem dâng thóc. (Người dâng thóc) được ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, đem công chúa Trang Huy gả cho Nguyên Dận là con trai Cung Chính Vương.

Sách phong con gái của thái bảo Trần Liêu làm phi.

Mùa đông, tháng 10, lấy Thúc Ngạn, con trai của thượng hoàng làm tư đồ coi trấn Thái Nguyên; tư đồ Nguyên Đán coi việc quân trấn Quảng Oai.

Bính Thìn, [Long Khánh] năm thứ 4 [1376], (Minh Hồng Vũ năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, gả công chúa Tuyên Huy cho quan phục đại vương Húc (con của thượng hoàng). Thượng hoàng thân đi đón dâu.

(Xét: Quan phục không phải là tước hiệu được phong. Có lẽ khi ấy Húc được phong tước, được ban mũ áo đại vương (đại vương quan phục) như Cung Giản vương được truy tặng mũ áo đại vương.

[42b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua tôi, cha con, chồng vợ là ba giềng mối, đạo nhân luân không gì lớn hơn thế. Đã gọi là giềng mối thì sao được làm rối loạn? Lễ của tiên vương thường thận trọng cả đến việc nhỏ, huống chi lại là việc lớn.

Lễ rước dâu là nghi tiết lớn trong lễ cưới. Duệ Tông đem công chúa Tuyên Huy gả cho quan phục thì người đón dâu phải là người chồng. Nghệ Tông lại tự mình đi đón thay cho con thì đạo tam cương đã rối loạn rồi! Quan phục sau không được trọn vẹn⁵, điềm gở đã hiện ra ở đó rồi. Người làm vua, làm cha há chẳng nên thận trọng sao? Và lại lễ cốt để tránh hiểm nghi. Làm vua, làm cha mà đi đón vợ của con là mối hiểm nghi lớn lắm. Việc ấy mà không thận trọng thì các việc khác cũng có thể biết được.

¹ Phủ Tân Bình: thời Trần, mà trước đó gọi là phủ Lâm Bình, có lẽ tương đương với phủ Tân Bình thời Lê sau này (nghĩa là gồm cả đất hai châu Minh Linh và Bồ Chính thời Lý). Nếu đúng vậy, phủ Lâm Bình hay Tân Bình thời Trần bao gồm vùng đất các huyện Bồ Trạch, Quảng Trạch, Lệ Ninh, Tuyên Hóa, Bến Hải tỉnh Quảng Bình ngày nay, trong khi châu Lâm Bình thời Lý chỉ gồm đất huyện Lệ Ninh ngày nay.

² Cửu Chân: chỉ vùng Thanh Hóa.

³ Hà Hoa: đất các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

⁴ Hộ, xá: những người không có tên trong sổ hộ tịch, đi làm thuê lấy tiền công, họp thành các hộ, các xá.

⁵ Húc sau bị Phế đế giết vào năm Xương Phù thứ 5 (1381).

Mùa hạ, tháng 4, định lại quy chế về thuyền, xe, kiệu, lọng, nghi trượng quần áo, vì lễ sắp làm lễ hội thề.

Tháng 5, Chiêm Thành đến cướp Hóa Châu.

Tháng 6, xuống chiếu cho các quân sắm sửa [43a] khí giới, thuyền chiến để chuẩn bị việc thân chinh Chiêm Thành.

Mùa thu, tháng 7, ngự sử trung tán Lê Tích dâng sớ can rằng:

"Bình đao là đồ hung khí, không nên tự mình gây ra. Huống chi ngày nay vừa mới dẹp được giặc trong nước, thế như cái nhọt lâu năm chưa khỏi, chúa không nên vì mỗi tức giận riêng mà dấy quân, tướng không thể cầu công mà đánh liều. Dù Chiêm Thành không có lòng thần phục¹ cũng chỉ nên sai tướng đi đánh để chờ trời diệt chúng, còn xa giá thân chinh thì thần trộm nghĩ là không nên".

Vua không nghe.

Tháng 8, xuống chiếu cho quân dân Thanh Hóa, Nghệ An, Diễn Châu chở 5 vạn hộc lương tới Hóa Châu.

Mùa đông, tháng 10, đại duyệt quân thủy, bộ ở bãi cát sông Bạch Hạc. Hai vua đích thân làm tướng.

Tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, dẫn 12 vạn quân xuất phát từ kinh sư. Đến bến sông xã Bát², có người làng làm lễ đám ma, vua truyền phạt 30 quan [43b] tiền. Sai Lê Quý Ly đốc thúc Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa chở lương cấp cho quân.

Trước đây, chúa Chiêm Thành Chế Bồng Nga quấy rối biên giới, vua sai han^{2h} khiển Đỗ Tử Bình đem quân trấn giữ Hóa Châu. Bồng Nga đem 10 mâm vàng dâng lên [vua]. Tử Bình im đi, cướp làm của mình, nổi dối là Bồng Nga ngạo mạn vô lễ, nên đem quân đánh. Vua giận lắm, quyết ý thân chinh. Bấy giờ quan quân đến cửa biển Di Luân³, các quân vượt biển mà tiến. Vua cưỡi ngựa dẫn quân bộ, men theo bờ biển, đến cửa biển Nhật Lệ⁴ đóng quân lại, luyện tập trong một tháng. Người Tân Bình, Thuận Hóa bắt được người Chiêm trốn sang, đem đến dâng nộp.

Đinh Tỵ, [Long Khánh] năm thứ 5 [1377], (từ tháng 5 trở đi là Phế Đế năm Xương Phù thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 23, đại quân tiến đến cửa Thi Nại⁵ của Chiêm Thành, lên đến Thạch Kiều, đóng ở động _ Mang.

Bồng Nga dựng [44a] trại bên ngoài thành Đồ Bàn⁶, sai viên quan nhỏ là Mục Bà Ma đến trá hàng, nổi dối là Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ còn lại thành không, nên tiến quân gấp, dừng để lữ cơ hội.

Ngày 24, vua mặc áo đen, cưỡi ngựa nê thông⁷, sai Ngự Câu vương Húc mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng, kíp truyền lệnh tiến quân.

Đại tướng Đỗ Lễ can rằng:

"Nó đã chịu hàng, là muốn bảo toàn đất nước làm đầu. Quan quân vào sâu đánh phá thành giặc là việc bất đắc dĩ. Xin hãy sai một biện sĩ cầm mảnh thư đến hỏi tội, để xem tình hình hư thực của giặc, như kế sách của hàn Tín phá nước Yên ngày trước, không phải khó nhọc mà thành công. Cổ nhân có nói: "Lòng giặc khó lường". Thần xin bệ hạ hãy xét kỹ lại".

¹ Nguyên văn "vô thần thiếp chi tâm", chúng tôi cho là có lẽ bản khắc in đã lầm chữ "phục" thành chữ "thiếp".

² Có lẽ là xã Bát Tràng, thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay.

³ Di Luân: tức cửa Ròn, ở huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

⁴ Túc cửa sông Nhật Lệ ở Đồng Hới, thuộc tỉnh Quảng Bình.

⁵ Nguyên văn: "Thi Nại Hồn cảng khẩu", chữ "Hồn" có lẽ là thừa. Cửa Thi Nại nay là cảng Quy Nhơn, thuộc tỉnh Bình Định.

⁶ Đồ Bàn: hay Chà Bàn, là kinh đô của nước Chiêm Thành hồi đó. Dấu vết của thành ngày nay vẫn còn ở Bình Định.

⁷ Ngựa nê thông: ngựa lông sắc trắng, sắc đen chen nhau như màu bùn.

Vua nói:

"Ta mình mặc giáp cứng, tay mang gươm sắc, dãi gió dầm mưa, lội sông trèo núi, vào sâu trong đất giặc, không ai dám đương đầu với ta. Thế là cái cơ trời giúp cho ta đó. Huống chi nay chúa giặc nghe tin đã chạy trốn, không còn lòng dạ đánh nhau. Cổ nhân [44b] nói: "Dùng binh quý thần tốc". Nay nếu dùng lại không tiến, thì thực là trời cho mà không lấy, để nó lại cơ mưu khác thì hối sao kịp. Người chính là hạng đàn bà".

Rồi sai lấy áo đàn bà mặc cho Lê. Quân lính bèn nối gót nhau như xâu cá mà đi. Cánh quân đi trước và cánh quân ở sau hoàn toàn cách biệt. Giặc thừa thế xông ra đánh chặn.

Giờ Ty, quan quân tan vỡ. Vua bị hãm trong trận mà chết. Bọn đại tướng Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hòa, hành khiển Phạm Huyền Linh đều chết cả. Giặc bắt sống được Ngự Câu vương, đem con gái gả cho¹. Đỗ Tử Bình chỉ huy hậu quân, không đến cứu nên thoát chết. Lê Quý Ly đốc quân chở lương, nghe tin vua băng, bỏ trốn về nước.

Ngày hôm ấy ở kinh sư, ban ngày mà trời tối om, chợ búa phải đốt đuốc để mua bán. Xe cũi chở Tử Bình về qua Thiên Trường, người ta lấy gạch ngói ném vào thuyền mà chửi hấn². Quân trở về, trị tội Tử Bình, tha cho hấn tội chết, phạt tội đồ làm lính. Trước đây, ngự sử đại phu Trương Đỗ (có sách chép là Xả) can vua rằng:

"Chiêm Thành chống lệnh, [45a] tội cũng chưa đáng phải giết. Song nó ở tận cõi tây xa xôi, núi sông hiểm trở. Nay bệ hạ vừa mới lên ngôi, đức chính, giáo hóa chưa thấm nhuần được tới phương xa, nên sửa sang văn đức khiến nó tự đến thuận phục. Nếu nó không theo, sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn".

Đỗ ba lần dâng sớ can vua không được, bèn treo mũ mà bỏ đi.

Đỗ là người thanh liêm, thẳng thắn, không bè đảng, phóng khoáng, có chí lớn. Khi còn nhỏ, có lần ông đi chơi Hồ Tây xem tướng quân tập bắn, nói đùa rằng: "Nghề này thì có khó gì?". Tướng quân ngạc nhiên hỏi: "Mày có bắn trúng được không?". Ông trả lời: "Xin thử xem". Rồi ông bắn ba phát trúng cả ba. Tướng quân rất kinh ngạc, muốn nuôi làm con, nhưng Đỗ coi khinh không theo. Sau ông bỏ nhà đi du học, thi đỗ tiến sĩ, rất nổi danh. Ông làm quan trong sạch, nghèo túng, không gầy dựng điền sản, con cháu nối đời làm quan cũng có tiếng nghèo mà trong sạch.

Đỗ người Phù Đái, huyện Đồng Lại³, ngụ tại phường Nghi Tàm, Cơ Xá ở kinh thành, làm quan đến chức Ngự sử đài tư gián đình úy tự khanh trung đô phủ tổng quản rồi chết.

[45b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Trương Đỗ khi làm quan thì không giấu lời nói thẳng, thế là đã xứng đáng với chức vụ của mình, khi can thì nói tới ba lần, thế là đã dám chạm đến vua. Vậy mà ông không được vua nghe, thế là tâm trí nhà vua đã lẫn rồi! Người có trách nhiệm phải nói, không được nghe theo thì bỏ đi, thế là sự tiến lui của Đỗ đều đã hợp lẽ phải vậy. Tuy lời nói thẳng thường trái tai vua, nhưng lại hay lợi cho thân vua. Việc này có thể làm gương được.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 13, thượng hoàng vì thấy vua chết vì nạn nước, mới lập con trưởng của vua là Kiến Đức đại vương Hiện nối nghiệp lên ngôi hoàng đế. [Vua] tự xưng là Giản Hoàng, đổi niên hiệu là Xương Phù năm thứ 1. Đại xá. Các quan dâng tôn hiệu là Hiến thiên thể đạo khâm minh nhân hiếu hoàng đế.

Tháng 6, ngày 11, Chiêm Thành vào cướp.

¹ Theo CMCB 10, 41, thì Ngự Câu vương Húc đầu hàng giặc.

² Theo CMCB 10, 41, thượng hoàng sai đem xe tù đi bắt Tử Bình. Khi về qua phủ Thiên Trường, người ta tranh nhau chửi hấn, lấy gạch ngói ném vào xe hấn.

³ Huyện Đồng Lại: sau là huyện Vĩnh Lại, tức là đất huyện Ninh Giang cũ, nay thuộc huyện Ninh Giang tỉnh Hải Hưng và phần đất phía nam huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Đầu tiên thượng hoàng nghe tin giặc đến, sai trấn quốc tướng quân Cung Chính vương Sư Hiền giữ cửa biển Đại An. Giặc biết [ở đó] có phòng bị, mới từ cửa biển Thiên Phù¹ [46a] mà vào, rồi tiến thẳng đến kinh sư. Ngày 12, giặc lại dẫn quân về, ra cửa biển Đại An² bọ bão, chết đuối rất nhiều.

Mùa thu, tháng 9, sách phong con gái thượng hoàng là Thiên Huy công chúa Thục Mỹ làm hoàng hậu, hiệu là Quang Loan.

Chiêu hồn (của Duệ Tông) chôn ở Hy Lăng, miếu hiệu là Duệ Tông.

Sai Trần Đình Thám sang cáo phó với nước Minh, nói là Duệ Tông đi tuần biên giới bị chết đuối và báo tin lập vua nối ngôi. Người Minh từ chối, lấy cớ là có ba thứ chết không có lễ viếng là chết vì sợ, chết vì bị đè, chết đuối. Đình Thám cãi lại, cho là người Chiêm gây loạn quấy nhiễu biên cương, còn Duệ Tông có công chống nạn cứu dân sao lại không viếng. Bấy giờ vua Minh đang có âm mưu thôn tính nước ta, định lợi dụng sơ hở đó. Thái sư Lý Thiệt Trường can rằng:

"Em chết vì nạn nước mà anh lập con của em lên, xem việc người như vậy, thì có thể biết được mệnh trời". Việc ấy bèn bỏ đi.

Đình Thám từ tiến sĩ thám hoa lang, trải làm trung thư thị lang, kiêm [46b] tri thẩm hình viện sự. Họ Hồ cướp nước, ông giả điếc, bị trung thừa là Đồng Thức hặc, phải giáng làm đồng giám tu quốc sử bí thư giám.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kẻ sĩ lúc bé đi học, là muốn biết những điều mình sẽ làm, lớn lên đi làm, là làm những điều mình đã học. "Học ba trăm bài thơ trong Kinh Thi, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua³. Đình Thám được như vậy đó. Huống chi gặp thời buổi tiếm vị, cướp ngôi, lại biết tự giấu mình để tránh quyền vị, thì thực đáng gọi là kẻ sĩ, đáng coi là không phụ với học vấn của mình vậy!".

¹ CMCB 10 chép là cửa Trần Phù, tức cửa Thần Đầu trước kia.

² Nguyên văn: "... hoàn xuất Đại hải khẩu", thiếu chữ "An"

³ Lời của Khổng Tử trong "Luận ngữ".

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển VIII

[1a]

Kỷ Nhà Trần

Phế Đế

Tên húy là Hiện, con trưởng của Duệ Tông, mẹ là bà Gia Từ hoàng hậu Lê thị, sinh ngày mồng 6 tháng 3, năm Đại Trị thứ 4, Tân Sửu (1361), đến khi Duệ Tông đi đánh phương Nam rồi mất, được Nghệ Tông lập nên làm vua. Sau bị giáng làm Linh Đức Vương, rồi bị thắt cổ chết. Ở ngôi 12 năm, thọ 28 tuổi, chôn ở núi An Bài.

Vua u mê, nhu nhược, không làm nổi việc gì, uy quyền ngày càng về tay kẻ dưới¹, xã tắc lung lay, đến thân mình cũng không giữ được. Thương thay!

Mậu Ngọ, Xương Phù năm thứ 2 [1378], (Minh Hồng Vũ năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển chọn vệ sĩ. [Lấy] Trần Tông Ngoạn quản quân Thiên Đình; Trần Trung Hiếu coi quân Bảo Tiệp; Trần Thế Đăng coi quân Thần Dực; Bùi Bá Ngang coi quân Thần Sách; Bùi Hấp coi quân Thiên Uy; Hoàng Phụng Thế coi quân Thánh Dực; Lê Mật Ôn coi quân Hoa Ngạch; Đỗ Dã Ca coi quân Thị Vệ; Nguyễn Tiểu Luật [1b] coi quân Thiên Trường; Trần Na coi quân Long Tiệp; Nguyễn Kim Ngao coi quân Thần Vũ.

Tháng 3, lấy ngày sinh làm tiết Quang Thiên.

Xuống chiếu cho các quân chế tạo vũ khí và thuyền chiến.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 5, người Chiêm đưa Ngự Câu Vương Húc đã đầu hàng đến cướp phủ Nghệ An, tiếm xưng vị hiệu đề chiêu dụ dân chúng, nhiều người theo lệnh của bọn họ.

Tháng 6, giặc đánh vào sông Đại Hoàng² Vua sai Hành khiển Đỗ Tử Bình đi chống giữ. Quan quân tan vỡ. Giặc liền đánh vào kinh sư, bắt người cướp của rồi rút về. An phủ sứ Lê Giốc bị giặc bắt. Giặc buộc Giốc phải lạy, Giốc trả lời chúng:

"Ta là quan của nước lớn, sao phải lạy chúng mày!".

Giặc nổi giận, giết ông. Giốc luôn miệng chửi chúng. Việc này tâu lên, Giốc được truy phong là Mạ Tặc Trung Vũ hầu³, cho con ông là Nhuế làm Chánh chương bốn cục Cận thị chi hậu, Giốc là con của cố Nhập nội hành khiển thượng thư hữu bật Lê Quát.

[2a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bỏ sống để giữ nghĩa còn hơn là sống; cầu sống mà nhục, người quân tử không làm. Kinh Dịch nói: Người quân tử thà hy sinh tính mạng để thực hiện chí hướng của mình⁴. Giốc là người như vậy.

¹ Chỉ Hồ Quý Ly.

² Xem chú thích Tập I, BK1, 24b.

³ Nghĩa là "Trung Vũ Hầu chửi giặc".

⁴ Lời Tượng của quẻ Khôn trong Kinh Dịch. Nguyên văn "trí mệnh toại chí".

Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đỗ Tử Bình kiến nghị thu mỗi hộ đinh nam 3 quan tiền. Vua nghe theo. Bấy giờ đương có việc dùng binh mà kho tàng trống rỗng, nên Tử Bình có kiến nghị này.

Theo lệ cũ, các trấn hễ có việc binh thì lệnh cho mỗi huyện có bao nhiêu ruộng thì phải nộp bao nhiêu vàng, bạc, tiền, lụa, không tính thêm theo số nhân đinh¹ sinh ra, cũng không trừ bớt theo số người đã chết. Nếu phục dịch việc binh, thì đều thu bổ theo số ruộng cả. Các lộ có đơn binh², là phải phục dịch việc binh, [những người này] đời đời làm [2b] lính, không được ra làm quan. Người nào có ruộng, bãi dâu, đầm cá thì phải đóng thuế, không có thì thôi. Đến đây, Tử Bình bắt chước phép đánh thuế dung³ của nhà Đường, thuế má lại nặng thêm.

Mùa đông, tháng 10, lựa chọn những người khoẻ mạnh, dũng cảm, thông hiểu võ nghệ trong các vệ quân sung làm vệ sĩ.

Lấy Nguyễn Bát Sách, người cùng một vú nuôi với nhà vua quản lĩnh quân Thiểu Sang; Nguyễn Văn Nhi quản lĩnh quân Thiết Sang; Nguyễn Văn Nhi quản lĩnh quân Thiết Giáp; Nguyễn Hồ, Lê Lặc quản lĩnh quân Thiết Liêm; Nguyễn Thánh Du quản lĩnh quân Thiết Hồ; Trần Quốc Hưng quản lĩnh quân Ô Đờ.

Năm nay, con của Thượng hoàng là Ngung sinh (tức là Thuận Tông).

Kỷ Mùi, [Xương Phù] năm thứ 3 [1379], (Minh Hồng Vũ năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, Lê Quý Ly làm Tiểu tư không kiêm Hành khu mật đại sứ như cũ.

Quý Ly tiến cử Nguyễn Đa Phương làm tướng quân. Đa Phương là con của Sư Tề. Quý Ly hồi nhỏ theo học Sư Tề, Sư Tề dạy cho võ [3a] nghệ, nhân đó nhận Đa Phương làm em. Đa Phương từng bị Chiêm Thành bắt, sau đó trốn về. Đến đây, Quý Ly tiến cử ông ta. Lại có chủ thư thị ngự sử Phạm Cự Luận giỏi bày mưu tính kế, Quý Ly tiến cử làm quyền đô sự. Người bấy giờ bảo Quý Ly có "phương viên tá lự"⁴.

Mùa hạ, hạn hán, đói to.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Bồ, người lộ Bắc Giang tự xưng là Đường lang tử y, dùng pháp thuật, tiếm hiệu xưng vương làm loạn, bị giết.

Tháng 9, sai quân dân chở tiền đồng giấu vào núi Thiên Kiện⁵ (núi Thiên Kiện trước gọi là núi Địa Cạn, tục truyền có cây tùng cổ, rồng quấn ở trên, Trần Thái Tông dựng hành cung ở đó).

Mùa đông, tháng 10, giấu [tiền] ở khám⁶ Khả Lãng, Lạng Sơn, là vì sợ nạn người Chiêm đốt cung điện.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thiên tử có cả bốn biển, kho tàng phủ khổ đâu chẳng phải là [3b] của mình? Đương khi nước nhà nhàn hạ thì làm tỏ chính hình, sửa sang lễ nghĩa, ví như con chim đi lấy rẽ dâu ràng buộc cửa tổ⁷, thì ai làm nhục mình được? Thế mà sợ tai nạn Chiêm Thành đốt cướp, đem chở tiền của giấu tận hang cùng núi thẳm, làm kế tránh giặc, thực là như giặc đến, chuốc lấy tiếng chê cười của đời sau. Có thể coi là cả nước không còn người nữa vậy!

¹ Nguyên văn là "nhân binh", ngờ là khắc lầm.

² Binh lính ghi trong sổ binh.

³ Thuế dung: hay thuế đinh, tức là thuế thân. Hồi đầu đời Trần dẫu có thuế đinh nhưng chỉ người có ruộng mới phải đóng. Đến đây, không cứ có ruộng hay không, đều phải đóng cả, chỉ binh lính mới được miễn.

⁴ Giúp mưu kế cho được vuông tròn. "Phương" (chỉ Đa Phương) có nghĩa là "vuông", "viên" là "tròn" chỉ Cự Luận. Luận âm đọc gần với luân, có nghĩa là "tròn". "Phương viên tá lự" còn có nghĩa Đa Phương và Cự Luận bày giúp mưu kế.

⁵ Xem Trần Dụ Tông, Đại Trị năm thứ 5, BK7.

⁶ Khám: là tầng dưới của tháp chùa.

⁷ Nguyên văn: "Triệt bì tang đồ, trù mâu hộ dũ", là câu trong một bài thơ của Kinh Thi, ý nói phải đề phòng sự biến lúc chưa xảy ra.

Hữu tướng quốc Cung Tín Vương Thiên Trạch mất.

Canh Thân, [Xương Phù] năm thứ 4 [1380], (Minh Hồng Vũ năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, người Chiêm xúi giục người Tân Bình, Thuận Hóa ra cướp Nghệ An, Diễn Châu, cướp của bắt người.

Tháng 3, [Chiêm Thành lại] cướp các nơi ở Thanh Hóa. Thượng hoàng sai Lê Quý Ly chỉ huy quân thủy, Đỗ Tử Bình chỉ huy quân bộ đi chống giữ. Đến Ngu **[4a]** Giang¹, đóng cọc ở giữa sông cầm cự với người Chiêm.

Mùa hạ, tháng 5, Quý Ly dẫn viên tướng chỉ huy quân Thần Vũ và Nguyễn Kim Ngao và tướng chỉ huy quân Thị vệ là Đỗ Dã Kha ra đánh. Kim Ngao quay thuyền trở lại để tránh mũi nhọn của giặc. Quý Ly chém Ngao để rạo trong quân. Các quân nổi trống hò reo mà tiến. Chúa Chiêm Chế Bông Nga thua trận rút chạy Tử Bình từ đó cáo ốm, không giữ binh quyền nữa. Chỉ còn Quý Ly chuyên lãnh chức Nguyên nhung hành Hải Tây đô thống chế².

Mùa đông, tháng 11, lấy Đỗ Tử Bình làm Nhập nội hành khiển tả tham tri chính sự, lĩnh chức Kinh lược sứ Lạng Giang, được vài năm thì chết, được truy tặng Thiếu bảo, và được tòng tự ở Văn Miếu.

Phan Phu Tiên nói: Bậc danh nho các đời có bài trừ được dị đoan, truyền giữ được đạo thống thì mới được tòng tự ở Văn Miếu, thế là để tỏ rõ đạo học có ngọn nguồn. Nghệ Tông cho Chu An **[4b]**, Trương Hán Siêu, Đỗ Tử Bình được dự vào đó, thì Hán Siêu là người cứng cỏi, bài xích đạo Phật, An sửa mình trong sạch, bền giữ khí tiết, không cầu hiển đạt, thì cũng tạm được. Đến như Tử Bình là hạng học nhằm chiêu người, tham lam bòn vét, là kẻ gian thần hại nước, sao lại được len vào chỗ đó?

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Tử Bình lén đánh cắp vàng cống của Bông Nga, tâu bậy lừa vua, để đến nỗi Duệ Tông đi tuần phương nam không trở về nữa, nước nhà từ đó liên tiếp có tai họa Chiêm Thành vào cướp, tội ấy giết cũng chưa đáng, còn học nhằm chiêu người thì chê trách làm gì?

Tân Dậu, [Xương Phù] năm thứ 5 [1381], (Minh Hồng Vũ năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, thi thái học sinh.

Tháng 2, sai quốc sư Đại Than³ đốc suất tăng nhân trong nước và các tăng nhân không có độ điệp ở rừng núi, người nào khỏe mạnh thì tạm **[5a]** làm quân đi đánh Chiêm Thành.

Mùa hạ, tháng 4, chém Hồ Thuật người Diễn Châu, vì nhân giặc Chiêm Thành, Thuật rủ người đi cướp của.

Tháng 5, lấy Đào Sư Tích làm Nhập nội hành khiển hữu lý lang trung, Toàn Bản, cha Sư Tích, làm tri Thẩm hình viện sự.

Tháng 6, rước thần tượng các lã ở Quắc Hương⁴, Thái Đường⁵, Long Hưng, Kiến Xương đưa về lã lớn ở Yên Sinh để tránh [nạn] người Chiêm Thành vào cướp.

Mùa thu, tháng 9, lấy Nguyễn Nhiên làm Nhập nội hành khiển hữu ty. Nhiên người Tiên Du. Trong năm Thiên Khánh⁶ làm Chi hậu nội nhân, biết Nhật Lễ định giết hại họ Trần, mật báo cho Thượng hoàng. Đến đây, Thượng hoàng nhớ công ấy, nên trao cho ông chức đó.

¹ Sông Ngu: là một nhánh sông Mã, nay là sông Lạch Trường ở huyện Hoảng Hóa tỉnh Thanh Hóa.

² Hải Tây: là vùng đất suốt, từ Thanh Hóa trở vào đến Thuận Hóa. Đến đời Lê (1428) có đặt đạo Hải Tây (Hải Tây đạo).

³ Đại Than: là tên xã thuộc huyện Gia Bình cũ, nay thuộc huyện Gia Lương tỉnh Hà Bắc.

⁴ Quắc Hương: thuộc huyện Mỹ Lộc, Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

⁵ Nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

⁶ Nên sửa lại là Thiệu Khánh (1370-1372) Toàn thư: Tháng 10 (năm 1370), vua... tránh ra trấn Đà Giang... ; còn Thiên Khánh là niên hiệu của Trần Cảo 1426.

Mùa đông, tháng 10, hoàng hậu Gia Từ băng ở am Tây chùa Chiêu Khánh (nay là chùa Triệu Khánh) hương Long Đàm¹.

Vua dụ giết Quan phục hầu đại vương Húc.

[5b] Nhâm Tuất, [Xương Phù] năm thứ 6 [1382], (Minh Hồng Vũ năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành vào cướp Thanh Hóa. [Vua] sai Quý Ly đem quân đi chống giữ. [Quý Ly] đóng quân ở núi Long Đại². Cho tướng coi quân Thần Khôi là Nguyễn Đa Phương giữ hàng cọc đóng ở [cửa] biển Thần Đầu³.

Người Chiêm tiến đến bằng cả hai đường thủy bộ. [Quân giặc] ở trên núi lấy đá ném xuống, thuyền quân ta bị hỏng nhiều. Đa Phương không đợi lệnh của Quý Ly, tự ý cho mở hàng cọc xông ra đánh, một chốc thì thắng. Các quan thừa thắng tấn công. Chiêm Thành thua to, chạy tán loạn vào rừng núi. Quân ta vây núi ba ngày, giặc nhiều tên bị chết đói. Ta đốt hết thuyền bè của giặc, tàn quân giặc chạy trốn cả. Tháng 3, đuổi giặc đến thành Nghệ An rồi về.

Mùa hạ, tháng 4, tin thắng trận báo về, phong Nguyễn Đa Phương làm Kim ngô vệ đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu cho quân dân Nghệ An, Diễn Châu đào các kênh ở Hải Tây.

[6a] Quý Hợi, [Xương Phù] năm thứ 7 [1383], (Minh Hồng Vũ năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, sai Lê Quý Ly thống lĩnh thủy quân đi đánh Chiêm Thành.

Bấy giờ mới đóng xong các thuyền lớn có tên là Diễm Trì, Ngọc Đột, Nha Tiệp. Thuyền tới vùng biển Lại Bộ Nương⁴ và Ô Tôn⁵ bị sóng gió đánh hư hỏng. Dẫn quân về.

Mùa hạ, tháng 6, chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga cùng với thủ tướng La Ngai dẫn quân đi bộ theo chân núi, từ trấn Quảng Oai⁶ dò đưng đến đóng ở sách Khổng Mục. Kinh sư kinh động. Thượng hoàng sai tướng chỉ huy quân Hoa Ngạch là Lê Mật Ôn đem quân đi chống giữ.

Mật Ôn đến chân Tam Kỳ (nay là phủ Quảng Oai) định bày trận chống giữ. Nhưng giặc đã mai phục từ trước, quân voi đều xông ra, quan quân thua chạy, Mật Ôn bị giặc bắt sống.

Chiêm Thành từ đi Lê, Lý tới đây, quân lính hèn nhát, hễ quân ta đến là đem cả nhà chạy trốn hoặc họp nhau khóc lóc xin hàng. Đến Bồng Nga, La Ngai mới tập họp dân họ lại **[6b]**, bảo ban dạy dỗ, thay đổi dần dần thói cũ, trở nên can đảm, hăng hái, chịu được gian khổ, nên thường hay sang cướp, trở thành tai họa của nước ta.

Nguyễn Đa Phương đôn đốc quân lính dựng rào trại ở kinh thành, ngày đêm phòng giữ. Thượng hoàng ngự sang sông Đông Ngàn để lánh giặc. Khi ấy có người học trò là Nguyễn Mộng Hoa để cả áo mũ lội xuống nước kéo thuyền ngự lại, xin [thượng hoàng] ở lại đánh giặc, nhưng (thượng hoàng) không nghe.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nghệ Tông thiếu can đảm. Giặc chưa tới đã lánh trước, thì người trong nước như thế nào? Mộng Hoa là một người học trò, còn biết giữ Nghệ Tông lại, những kẻ ăn thịt thực đáng khinh thay!¹.

¹ Hương Long Đàm: nay là đất thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

² Túc núi Hàm Rồng ở Thanh Hóa.

³ Cửa biển cũ, sau đã bị lấp, ở huyện Yên Mô cũ, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

⁴ Sau là cửa biển Nương Loan ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

⁵ Sau là vùng biển Vĩnh Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

⁶ Trấn Quảng Oai: thời cuối Trần là phủ Quảng Oai; đời Lê, gồm đất huyện Lương Sơn, tỉnh Sơn Bình và huyện Tùng Thiện cũ, nay là một phần của huyện Ba Vì, Hà Nội.

Độc bạ Trần Công Niếu cưỡi ngựa tuần tra, giặc đuổi theo, đến địa hạt Cát Giang, bị ngăn cách con ngòi rộng đến một trượng. Ngựa nhảy qua ngòi thoát được, bèn đặt tên cho con ngựa là Tử Bất Tề.

[7a] Mùa đông, tháng 12, Chiêm Thành dẫn quân về. Thượng hoàng ở cung Bảo Hòa², sai Thiêm tri nội mật viện sự Nguyễn Mậu Tiên, Lễ bộ lang trung Phan Nghĩa và gia thần Vũ Hiếu hầu (không rõ tên) ở Tiên Du thay phiên nhau châu chực. [Thượng hoàng] ban cho ăn và hỏi các việc cũ, ghi chép từng ngày, biên soạn thành 8 quyển, đầu đề là Bảo Hòa dư bút³, sai Đào Sư Tích đề tựa ở đầu sách để dạy bảo Quan gia.

Giáp Tý, [Xương Phù] năm thứ 8 [1384], (Minh Hồng Vũ năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng cho thi thái học sinh ở chùa Vạn Phúc núi Tiên Du⁴, [lấy đỗ] bọn Đoàn Xuân Lô, Hoàng Hối Khanh... 30 người.

Mùa hạ, tháng 5, chọn số thái học sinh còn lại cho làm thư sử ở cung Bảo Hòa.

Mùa thu, tháng 9, nhà Minh bắt đầu đánh Vân Nam, sai bọn Dương Bàn, Hứa Nguyên mang tờ tư của bộ Hộ sang đòi lương để cấp cho **[7b]** binh lính đóng ở Lâm An⁵.

Mùa đông, tháng 11, sai Triều phụng đại phu Lê Á Phu, Thiếu trung đại phu Đỗ Tử Trưng trả lời rằng: Đã sai Hành khiển ty Trần Nghiêu Du đôn đốc Chuyển vận sứ ty các lộ vận chuyển lương thực tới địa đầu huyện Thủy Vĩ⁶ giao nộp rồi. Bấy giờ các quan sai đi, nhiều người nhiễm lam chướng mà chết.

Ất Sửu, [Xương Phù] năm thứ 9 [1358], (Minh Hồng Vũ năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, xét duyệt sổ sách quan văn võ.

Tháng 3, nhà Minh sai sứ sang đòi 20 tăng nhân.

Trước đây, nước ta đưa bọn nội nhân Nguyễn Tông Đạo, Nguyễn Toán đến Kim Lăng, vua Minh dùng làm cận thần, đãi ngộ rất hậu. Bọn Tông Đạo tâu: "Tăng nhân nước Nam biết dựng đạo tràng giỏi hơn tăng nhân phương Bắc". Đến đây [nhà Minh cho sứ] sang đòi.

Mùa thu, tháng 7, tư đồ Chương Túc Quốc thượng hầu Nguyễn Đán trí sĩ **[8a]** lui về Côn Sơn⁷, gửi cho các bạn làm quan bài thơ, có câu rằng:

Kim cổ hưng vong chân khả giám,
Chư công hà nhẫn gián thư hý?
(Còn mắt xưa nay gương đã rõ,
Các ông sao nữa vắng thư can?).

Thái Úy Trang Định Vương Ngạc có bài thơ tặng rằng:

Ngã thị đương niên khí vật,
Công phi đại hạ kỳ tài.
Hội thủ nhất ban lão bệnh,
Điền viên tảo biện quy lai.
(Ngày nay tôi là đồ bỏ,
Ông không tài lạ cứu đời.
Cùng một lớp già đau ốm,

¹ Kê ăn thịt: chỉ người làm quan.

² Cung Bảo Hòa: ở núi Lan Kha, tức núi Phật Tích ở xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

³ Thiên Nghệ văn chỉ trong Đại Việt Thông sử của Lê Quý Đôn ghi rằng Bảo Hòa điện dư bút có 8 quyển.

⁴ Chùa Vạn Phúc ở núi Tiên Du: tức chùa Phật Tích ở núi Phật Tích, thuộc xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

⁵ Lâm An: tên lộ đời Nguyên ở Vân Nam. Minh đổi thành phủ Lâm An, trị sở đóng tại huyện Kiến Thủy.

⁶ Huyện Thủy Vĩ: đời Trần tức châu Thủy Vĩ đời Lê, tương đương với toàn bộ tỉnh Lào Cai, tức gồm đất các huyện Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa, Bảo Thắng và thị xã Lào Cai.

⁷ Côn Sơn: thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

Ruộng vườn sớm liêu về thôi!).

Bởi vì khi ấy Quý Ly đang giữ quyền binh, các bậc hiền nhân quân tử buồn lo thời thế, không thể không biểu hiện ra câu thơ.

Ngạc lại làm bài thơ yết hậu bằng quốc ngữ để châm biếm Nguyên Đán. Nguyên Đán tính chuyện thông gia để mong tránh mối họa sau này, đem con là Mộng Dữ gả gấm Quý Ly, Quý Ly đem công chúa Hoàng Trung là con gái của cố tôn thất Nhân Vinh gả cho Dữ¹. Sau Quý Ly trị nước, lấy Mộng Dữ làm Đông cung phán thủ, em Mộng Dữ là Thúc Dao và Thúc Quỳnh làm tướng quân, con cháu Nguyên Đán đều tránh được nạn.

Nguyên Đán có hai người con gái, con trưởng tên là Thái **[8b]**, con thứ tên là Thai, sai nha sinh đem văn học dạy cho hai người.

Nguyễn Ứng Long dạy Thái, Nguyễn Hán Anh dạy Thai. Ứng Long nhân gần gũi là lợi, làm thơ ca quốc ngữ kêu gọi Thái, thông dâm với Thái, Hán Anh cũng làm thơ quốc ngữ bắt chước Ứng Long. Thái có thai, Ứng Long bỏ trốn.

Đến ngày Thái đẻ, Nguyên Đán hỏi Ứng Long ở đâu. Người nhà trả lời là Ứng Long sợ tội trốn đi rồi. Nguyên Đán nói:

"Vận nước sắp hết, biết đâu chẳng phải là trời xui nên thế, vị tất không phải là phúc".

Bèn cho gọi hai chàng về bảo rằng:

"Người xưa cũng đã có chuyện này. [Các người] không thấy chuyện Văn Quân với Tương Như hay sao². Nếu [các người] làm được như Tương Như, truyền lại danh tiếng cho đời sau thì đó là điều mong muốn của ta".

Hai chàng cảm ơn sâu nặng, chăm chỉ học hành. Đến khi thi, cả hai đều đỗ. Thượng hoàng nói:

"Bọn chúng có vợ giàu sang, như thế là kẻ dưới mà dám phạm thượng, bỏ không dùng".

Sau Hán Anh làm quan đến chức Chuyển vận. Ứng Long đến nhà Hồ được cất nhắc **[9a]** sử dụng, đổi tên là Phi Khanh (Phi Khanh sinh ra [Nguyễn] Trãi, cũng đỗ thái học sinh).

Nguyên Đán có tập thơ tên là Băng Hồ³, vài quyển, truyền ở đời. Bấy giờ Hàn lâm học sĩ Hồ Tông Thốc cũng có tập thơ Thảo nhàn hiệu tần thi tập đều là cảm thời thế mà làm cả.

Bính Dân, [Xương Phù] năm thứ 10 [1386], (Minh Hồng Vũ năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai Lâm Bốt sang đòi giống các loại cây cau, vải, mít, nhãn, vì nội nhân Nguyễn Tông Đạo nói hoa quả phương Nam có nhiều thứ ngon. Vua sai bọn Viên ngoại lang Phạm Đình đem sang, nhưng những cây ấy không chịu được rét, đi nửa đường đều chết khô cả.

Nhà Minh lại sai bọn Cẩm y vệ xá nhân Lý Anh sang mượn đường đánh Chiêm Thành, đòi 50 con voi, đặt các dịch trạm từ phủ Nghệ An cung cấp cỏ, thức ăn, đưa voi đến Vân Nam.

Lấy Hồ Tông Thốc làm Hàn **[9b]** lâm học sĩ phụng chỉ.

Tông Thốc (người Sĩ Thành⁴, Diển Châu) tuổi trẻ đỗ cao, rất có tài danh. Trước đó, Thốc chưa được nổi tiếng lắm, gặp tết Nguyên tiêu, có đạo nhân là Lê Pháp Quan treo đèn đặt tiệc, mời khách văn chương đến dự làm vui. Thốc nhận thiệp xin đề thơ, làm xong trăm bài thơ ngay trên bữa tiệc. Mọi người

¹ Nhân Vinh có vợ là công chúa Huy Ninh. Nhân Vinh chết, Nghệ Tông đem Huy Ninh gả cho Quý Ly, như vậy Hoàng Trung gọi Quý Ly là bố dượng.

² Tương Như: tức Tư Mã Tương Như, tên tự là Trường Khanh, người Thành Đô. Đòi Hán Cảnh Đế làm vũ kỹ, thường thị, dùng tiếng đàn kêu gọi người phụ nữ trẻ mới góa chồng là Trác Văn Quân, con gái yêu của Trác Vương Tôn, rồi hai người mới lấy nhau. Sau được bố vợ giúp đỡ, Tương Như trở nên giàu có, rồi làm quan, được phong tới chức Hiếu Văn viên lệnh, rất giỏi về từ chương.

³ Theo Nghệ văn chi của Lê Quý Đôn, Trần Nguyên Đán soạn Băng Hồ ngọc hác tập, 10 quyển. Cũng theo sách trên, Hồ Tông Thốc soạn Thảo nhàn hiệu tần thi tập).

⁴ Sĩ Thành: nên sửa là Thổ Thành, tên xã thuộc huyện Đông Thành, phủ Diển Châu, nay thuộc tỉnh Nghệ An.

xúm lại xem, rất thán phục. Từ đấy tiếng dậy kinh sư, vì giỏi văn học nên được người đương thời kính trọng, mà thơ rượu thì không ngày nào không có.

Trước kia Tông Thốc làm An phủ, có lấy của dân, việc bị phát giác, Nghệ Tông thấy làm lạ hỏi ông chuyện đó. Tông Thốc lạy tạ thưa rằng: "Một con chịu ơn vua, cả nhà ăn lộc trời"¹, vua tha tội cho. Sau ông được thăng nhiều lần, đến Hàn lâm học sĩ phụng chỉ kiêm Thẩm hình viện sứ, thọ hơn 80 tuổi, mất tại nhà.

Đinh Mão, [Xương Phù] năm thứ 11 [1387], (Minh Hồng Vũ năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng từ cung Bảo Hòa trở về kinh đô.

[10a] Tháng 3, Lấy Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự, ban cho một thanh gươm, một lá cờ đề 8 chữ "Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức"² Quý Ly làm bài thơ quốc ngữ tạ ơn .

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bọn loạn thần tặc tử mà thực hiện mưu kế của chúng, nguyên nhân không phải là một sớm một chiều. Việc đó có ngọn nguồn hình thành dần từ lâu rồi. Cho nên, thánh nhân phải nhận biết âm mưu đó từ sớm và thận trọng phòng giữ như giẫm lên sương.³ Họ Hồ cướp ngôi nhà Trần chẳng những vì Nghệ Hoàng không thận trọng trước âm mưu của nó, mà còn vì đã gây ra đầu mối nữa.

Mậu Thìn, [Xương Phù] năm thứ 12 [1388], (từ tháng 11 về sau là Thuận Tông Quang Thái năm thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 21). Mùa hạ, tháng 5, lấy Trần Đổ làm cung lệnh. Đổ là con Thượng vị hầu Tông, mẹ Đổ cải giá lấy Quý Ly, cho nên có lệnh này. Sau Đổ đổi làm họ Hồ.

Tháng 6, lấy Lê Quý Tỳ⁴ là [10b] phán thủ Tri tả hữu ban sự; nội nhân Nguyễn Vị làm Tri điện nội: Trần Ninh làm tri khu mật viện sự.

Nhập nội hành khiển tả ty Vương Nhữ Chu trí sĩ, lấy Lê Dĩ Nghị lên thay.

Mùa thu, tháng 8, sao Chổi hiện ở phương tây. Vua bàn mưu với Thái úy Ngạc rằng:

"Thượng hoàng tin yêu ngoại thích là Quý Ly, cho hẳn mặc sức làm gì thì làm, nếu không lo trước đi thì sau sẽ rất khó chế ngự".

Con Vương Nhữ Chu là hũ Mai hầu vua học, nhân tiết lộ mưu đó. Quý Ly biết được. Đa Phương khuyên Quý Ly lánh ra núi Đại Lại⁵ để đợi biến động. Phạm Cự Luận nói:

"Không được, một khi đã ra ngoài thì khó lo chuyện sống còn".

Quý Ly nói:

"Nếu không còn phương sách gì thì ta đành tự tử, không để tay kẻ khác giết mình".

Cự Luận nói:

"Thượng hoàng trong lòng vẫn căm vua về việc giết Quan Phục Đại Vương, vua rất không hài lòng. Nay quyền bính trong thiên hạ đều ở đại nhân cả [11a] mà vua lại mưu hại ngài thì Thượng hoàng lại càng ngờ lắm. Đại nhân hãy liêu vào lạy Thượng hoàng, bày tỏ lợi hại, thì nhất định Thượng hoàng sẽ nghe theo ngài, chuyển họa thành phúc, dễ như trở bàn tay. Thượng hoàng có nhiều con chính đích, ngài cứ tâu rằng thần nghe ngạn ngữ nói "Chưa có ai bán con để nuôi cháu, chỉ thấy bán cháu để nuôi

¹ Ý nói một người làm quan, cả họ được nhờ.

² Văn võ toàn tài, vua tôi một dạ.

³ Kinh dịch có câu: "Lý sương nhi kiên băng chí" (Giẫm lên sương thì biết sẽ có băng cứng), ý nói phải thận trọng để phòng sự biến xảy ra, khi mới thấy triệu chứng, như thấy có sương là biết sẽ có đóng băng.

⁴ Tỳ là em của Quý Ly.

⁵ Núi Đại Lại: Cũng gọi là núi Kim Âu. Thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

con¹ may ra thượng hoàng tình ngộ mà đổi lập Chiêu Định Vương² là Thuận Tông. Nếu thượng hoàng không nghe thì chết cũng chưa muộn".

Quý Ly nghe theo, bí mật tâu với Thượng hoàng như lời Cự Luận. Thượng hoàng cho là phải.

Mùa đông, tháng 10, ngày rằm, nguyệt thực toàn phần.

Tháng 12, ngày mồng 6, sáng sớm, Thượng hoàng vờ ngự về Yên Sinh, sai điện hậu hộ vệ, rồi sai chi hậu nội nhân gọi vua tới bàn việc nước. Vua chưa kịp ăn, vội đi ngay, chỉ có hai người theo hầu thôi. Đến nơi, Thượng hoàng bảo vua: "Đại Vương lại đây!"³, rồi lập tức sai người đem vua ra giam ở chùa Tư Phúc **[11b]** tuyên đọc nội chiếu rằng:

"Trước đây, Duệ Tông đi tuần phương Nam không trở về, lấy con đích để nối ngôi, đó là đạo từ xưa. Nhưng từ khi Quan gia lên ngôi đến nay, lòng dạ trẻ con, giữ đức không thường, gần gũi bọn tiểu nhân, nghe lời Lê Á Phu, Lê Dữ Nghị gièm pha vu hãm công thần, làm lung lay xã tắc, phải giáng làm Linh Đức Đại Vương. Song quốc gia không thể không có chủ, ngôi báu không thể bỏ trống lâu, nên hãy đón Chiêu Định vào nối đại thống. Bá cáo trong ngoài để mọi người đều biết".

Bèn giáng con của vua làm Thuận Đức Vương. Các tướng chỉ huy các phủ quân cũ như tướng chỉ huy quân Thiết Liêm là Nguyễn Khoái, Nguyễn Vân Nhi, tướng chỉ huy quân Thiết Giáp⁴ là Nguyễn Kha, Lê Lặc, tướng chỉ huy quân Thiết Sang là Nguyễn Bát Sách định đem quân vào cướp lấy vua đem ra. Vua viết hai chữ "Giải giáp"⁵ đưa cho các tướng và răn bảo họ không được trái ý vua cha, các tướng mới thôi. Lát sau, [thượng hoàng sai] diu vua xuống phủ Thái Dương thắt cổ cho chết.

Trước **[12a]** đó, theo lệ cũ của sảnh, đài, từ chức Đồng bình chương trở lên được ngồi ghế tựa sơn đen. Bấy giờ Trang Định Đại Vương Ngạc làm Thái úy, Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự. Tri thẩm hình viện Lê Á Phu đã bảo Ngạc bỏ ghế của Lê Quý Ly đi, không cho ngồi cùng, lại bí mật tâu vua giết Quý Ly. Mưu cơ tiết lộ, đến nỗi thất bại, bọn Á Phu, Khoái, Vân Nhi, Kha, Bát Sách, Lặc và người học sinh được tin yêu là Lưu Thường đều bị giết cả. Lưu Thường khi bị hành hình có làm thơ rằng:

Tàn niên tứ thập hựu dư tam,
 Trung ái phùng chu tử chính cam.
 Báo nghĩa sinh tiền ưng bất ngộ,
 Bộc thi nguyên thượng cách hà tầm.
 (Tuổi tàn bốn chục lại thừa ba,
 Bị giết vì trung, chết đáng mà!
 Khi sống không sai điều giữ nghĩa,
 Phơi thầy đồng nội thẹn gì ta).

Duy có Dữ Nghị là bị đày ra Trại Đầu, sau xét không có tội, lại được bổ làm Tuyên phủ sứ lộ Bắc Giang. Đến năm Kiến Tân thứ 2⁶, lại vì việc bè cánh bị giết. Dữ Nghị là anh họ của Á Phu. Bát Sách chạy trốn, sau bắt giam người mẹ, Sách mới chịu ra chết.

[12b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Khi ấy khí thế của họ Hồ đang mạnh, mọi người đều biết là nó sẽ cướp ngôi, Trang Định Vương Ngạc là Thái úy, lại là con của Nghệ hoàng, thấy xã tắc sắp nghiêng đổ, nếu biết hướng vua làm điều phải, gây niềm tin ở vua cha, hiệu lệnh nghiêm ngặt, để nhiều người theo về mình, khiến cho Nghệ Tông già

¹ Đế Hiện là con Duệ Tông, cháu Nghệ Tông. Ý nói nên phế bỏ Đế Hiện mà lập con mình.

² Tên húy là Ngung, con út Nghệ Tông, sau được lập làm vua.

³ Theo quy chế của nhà Trần, đáng lẽ Nghệ Tông phải gọi Đế Hiện là "quan gia". Ở đây gọi là "đại vương" là có ý gay gắt, không coi Hiện là "đế" nữa.

⁴ Nguyên văn thiếu hai chữ Thiết Giáp, chúng tôi theo các bản khác bổ sung vào.

⁵Giải tán quân lính.

⁶ Năm 1399, Kiến Tân là niên hiệu Trần Thiệu Đế.

lẫn phải tỉnh lại. Giản hoàng nhút nhát phải tự lập, quyền bính về tay hết, mệnh lệnh ban từ trên, thì lòng gian của họ Hồ cũng phải tự ngừng lại. Trang Định không mưu tính đến việc đó, Á Phu không lường được vu mình chẳng có tài cương đoán, lại khuyên vua giết Quý Ly, mà cơ mưu không cẩn mật, để cho nó biết trước. Trang Định lại không sớm quyết đoán, bỏ lỡ cơ hội, đến nỗi công việc thất bại, thân mình bị giết, lại giết lây cả đến những quân tướng tài giỏi, thực đáng than thở biết bao! Có người hỏi: Họ Hồ trên được vua tin, [13a] dưới nắm binh quyền, dẫu đến Nguyên Đán là người có kiến thức, lại lão luyện sự đời còn không làm gì được, huống chi là Trang Định! Xin thưa: Cứ xem nói trong lòng lo sợ mà định tự tử, thì việc chế ngự Quý Ly cũng dễ thôi! Trước hết hãy trừ bọn Đa Phương, Cự Luận để chặt vây cánh của nó đi, thì thế nó phải cô ngay.

Trước đây, bà Lê thị, hoàng hậu của Duệ Tông là mẹ Linh Đức Vương, em họ của Quý Ly, Duệ Tông đi đánh phương Nam không trở về, bà cắt tóc làm ni cô. Khi Duệ Tông lập Linh Đức lên ngôi, hậu từ chối không được, bèn khóc lóc nói với những người thân thích rằng:

"Con ta phúc bạc, khó lòng gánh vác nổi trách nhiệm lớn, nói phải tai họa vì việc đó thôi. Tiên hoàng xa lìa cõi thế, kẻ chưa chết này chỉ muốn chết theo, không muốn trông thấy việc đời nữa, huống chi lại phải nhìn thấy con mình sắp bị nguy hiểm nữa".

Bà mất được hai năm thì Linh Đức [13b] bị hại .

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Linh Đức được lập lên là do Nghệ Hoàng, bị phế bỏ cũng do Nghệ Hoàng. Trước không nghe lời bà hoàng hậu Lê thị là vì nghĩa, sau nghe lời gièm của Quý Ly là vì tư tình. Thế thì khi trước lập lên sao sáng suốt thế! Mà sau phế bỏ sao mà ngu tối thế! Lại còn thắt cổ chết Linh Đức thì thực quá lắm!

Phong Thái úy Ngạc làm Đại Vương.

Trước đó, Linh Đức bị giáng, Quý Ly nói phao là lập Ngạc lên nối ngôi. Đến khi xong công việc, Ngạc từ chối không nhận, Quý Ly nhân dịp ấy tâu rằng:

"Thái úy biết từ chối ngôi báu, đó là đức lớn".

Thượng hoàng cho lời ấy là phải nên có lệnh này.

Ngày 27, Thượng hoàng lập con út là Chiêm Định Vương Ngung làm Hoàng đế. Ngung lên ngôi, đổi niên hiệu là [14a] Quang Thái năm thứ 1, đại xá, tự xưng là Nguyên Hoàng.

Nhà Minh sai Đỗ Tử Hiền, Ô Lân¹, Hình Văn Bác² mang sắc rồng sang phong, nhưng Linh Đức đã bị hại rồi . Trước đây sứ phương Bắc tới thì dẫn qua cửa Tường Phù, chỉ có bọn Lân thì qua cửa Cảnh Dương.

THUẬN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Ngung, là con út của Nghệ Tông, ở ngôi hơn 9 năm xuất gia hơn 1 năm, bị Quý Ly giết, thọ 22 tuổi. Vua chỉ ngồi giữ ngôi không, việc nước trong tay quyền thần, tai họa đến thân mà không biết, thương thay!

Kỷ Ty, [Quang Thái] năm thứ 2 [1389], (Minh Hồng Vũ năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, lập Thánh Ngâu, con gái lớn của Quý Ly làm hoàng hậu, gọi chỗ ở là điện Hoàng Nguyên.

Tháng 2, chôn Linh Đức Đại Vương ở núi An Bài, sai Quý Tỳ trông coi việc ấy.

Tháng 3, lấy Đỗ Tử Trường làm Ngự sử đại phu.

¹ Lịch triều hiến chương loại chí ghi là Sư Lân.

² Có sách chép là Đặng Văn Bác (Lịch triều hiến chương loại chí) hay Du Văn Vĩ (Minh sử, 1.321).

Mùa hạ, tháng 4, lấy Phạm Cự Luận làm Thiêm thư Khu mật [14b] viện sự.

Quý Ly hỏi thuộc viên Khu mật viện người nào có thể dùng được, Cự Luận tiến cử người em là Phạm Phiếm cùng Vương Khả Tuân, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Nguyễn Thư, Nguyễn Cảnh Thân, đều có danh tiếng, đức vọng, có thể dùng được, duy Đỗ Tử Mẫn là hơn cả.

Tháng 5, lấy Vương Khả Tuân coi quân Thần Dực ở Ý Yên, Dương Chương coi quân Thần Dũng.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Thanh, người Thanh Hóa tự xưng là Linh Đức trốn tránh tai nạn. Dân chúng vùng sông Lương Giang¹ đều hưởng ứng.

Tháng 9, Nguyễn Kỳ, người Nông Cống, tụ họp bè lũ đi cướp bóc, tự xưng là Lỗ Vương Điền Kỳ².

Mùa đông, tháng 10, người Chiêm đến cướp Thanh Hóa, đánh vào Cổ Vô³, [thượng hoàng] sai Quý Ly đem quân đi chống giữ. Giặc đắp ngăn thượng lưu sông, quan quân đóng cọc dày đặc để chống cự.

Ngày 20, giặc phục sẵn quân và voi, rồi giả vờ bỏ doanh trại rút về. Quý Ly lựa lấy quân tinh nhuệ, dũng cảm, làm quân cảm tử, truy kích giặc. Thủy [15a] quân mở hàng cọc xông ra đánh. Giặc liền phá đập chặn nước, tung voi trận xông ra. Lúc ấy, quân tinh nhuệ dũng cảm đã đi xa rồi, quân thủy khó tiến ngược dòng, tiến lên rất khó khăn, vì thế bị thua. Tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực là Nguyễn Chí (có sách chép là Trần Đình Quý) bị giặc bắt sống, 70 tướng còn lại đều bị chết trận. Quý Ly để tỳ tướng Phạm Khả Vĩnh ở lại cầm cự với giặc, còn mình thì trốn về. Nguyễn Đa Phương tạm chỉ huy quân Thánh Dực. Đêm đó, Đa Phương bàn với Khả Vĩnh:

"Thế giặc như vậy, bọn ta cô quân, khó lòng cầm cự được lâu. Nếu rút quân về, giặc nhất định thừa cơ đuổi theo".

Bèn hạ lệnh các quân giăng nhiều cờ xí, buộc thuyền lớn vào cọc, sai người canh giữ, rồi lấy thuyền nhẹ đang đêm trốn chạy. Quý Ly về đến triều đình, xin phái thêm thuyền chiến Châu Kiêu nhưng Thượng hoàng không cho, Quý Ly do vậy xin thôi nắm quyền cầm quân, không đi đánh nữa.

[15b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Quý Ly thân làm đại tướng, có quan hệ tới mỗi an nguy của cả nước, thế mà để đến nỗi thất trận tan quân, tội ấy rất lớn. Đã không lo dốc sức trận sau để chuộc tội lần trước, lại bỏ quân chuẩn về trước để tránh mưu kế của giặc, rồi lại không tự trối mình chịu tội như người xưa vẫn làm. Cái lòng vô quân ấy lớn lắm. Cứ theo quân pháp thì hẳn đáng phải tội chết, như trận đánh Thành Bộc, Tử Ngọc để vỡ quân, bị vua Sở mỗi ngày một mệnh và uy lệnh được thi hành. Nghệ Hoàng không bắt tội Quý Ly, thế là chính hình đã lầm lỡ rồi. Còn như Đa Phương, Khả Vĩnh vì đem cô quân chống giặc mạnh mà phải ngầm rút chạy thì chưa hẳn phải trách cứ nặng nề. Là vì trong việc dùng binh, hể đánh lui được giặc là có công, đánh không lợi mà rút là không có tội. Dùng kế lừa giặc để lui quân là thuật của nhà binh, có hại gì đâu? Nghệ Tông không biết [16a] dùng Đa Phương đó thôi.

Tháng 11, Thượng hoàng sai Trần Khát Chân⁴ chỉ huy quân Long Tiệp ra quân đánh giặc.

Khát Chân vâng mệnh, khảng khái nhỏ nước mắt lạy tạ ra đi. Thượng hoàng cũng khóc, lấy mắt tiễn đưa. Quân xuất phát từ sông Lô⁵, đến Hoàng Giang đã gặp giặc rồi, Khát Chân quan sát chỗ ấy

¹ Lương Giang: tức sông Lương, hay sông Chu ở Thanh Hóa. Nhưng Lương Giang còn là tên một khu vực có sông Lương chảy qua. Theo An Nam chí lược của Lê Trác thì Lương Giang là một huyện Lương Giang. Đầu thời Lê cũng còn gọi là huyện Lương Giang, mãi đến đầu thế kỷ XVI mới đổi tên là huyện Thụy Nguyên. Về sau là đất huyện Thiệu Hóa, nay là một phần đất huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

² Điền Kỳ: nha tướng nước Tề đời Chiến Quốc. Điền Kỳ sau chiếm nước Tề.

³ Cổ Vô: CMCB 11 chú là tên hương.

⁴ Trần Khát Chân: là dòng dõi Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng.

⁵ Sông Lô thời trần tức sông Hồng.

không thể đánh được, mới lui giữ sông Hải Triều¹. Em trai Linh Đức là Nguyên Diệu muốn báo thù cho Linh Đức, đem quân đầu hàng giặc.

Lấy Nhân Tĩnh Vương Nguyên Đĩnh, con trai Thái tổ Nguyên Trác, làm Tư đồ; cựu Hàn lâm học sĩ Trần Tôn làm Thiếu bảo cùng gia thần là Nguyễn Khang làm phụ tá.

Nguyễn Đa Phương từ sông Ngu về, cho rằng mình có công cao, có ý lên mặt, thường hay chê Quý Ly là bất tài. Quý Ly liền gièm lại rằng vì nghe Đa Phương mà đến nỗi thất bại. Bèn thu lại số quân do Đa Phương chỉ huy, [16b] Đa Phương vẫn còn về kiêu. Thượng hoàng nói:

"Nên trị tội nhẹ để cảnh cáo hần".

Quý Ly tâu:

"Đa Phương rất gan góc, tráng kiện, thần sợ hần sẽ trốn sang nước Minh phương Bắc hay Chiêm Thành phương Nam, thả cộp để lại mỗi họ về sau, chi bằng giết đi là hơn".

Rồi bắt Đa Phương phải tự tử.

Đa Phương than rằng: "Ta vì có tài nên được giàu sang, cũng vì có tài mà đến nỗi chết, chỉ hận là không được chết ở chiến trận mà thôi".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đa Phương vào bè với họ Hồ, có lẽ trời mượn cơ đó để giết hần chăng? Khả Vĩnh sau vì họ Hồ mà giết Thuận Tông, rồi cũng vì việc bè đảng mà chết. Những kẻ a dua phụ họa với loạn thần hãy lấy đó làm gương!

Tháng 12, nhà sư Thiên Nhiên là Phạm Sư Ôn làm phản, hô hào dân chúng tụ họp ở lộ Quốc Oai Thượng, tiếm xưng hiệu lớn, lấy Nguyễn Tông Mại người Cổ Sở, Lư Mộ; Nguyễn Khả Hành người La Xã² [17a] làm hành khiển; chiêu tập những bọn không quê quán, lập các quân hiệu Thần Kỳ, Dũng Đấu, Vô Hại, đánh vào kinh sư.

Hai vua sang châu Bắc Giang. Sư Ôn ở kinh sư ba ngày rồi ra đóng quân ở Nộn Châu³. Thượng hoàng sai tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đi đánh, dẹp được.

Trước đó, Phụ Thế (người Hoảng Hóa) cùng thủ tướng Chiêm Thành La Ngai cầm cự nhau ở sông Hoàng Giang, đến đây được lệnh này. [Phụng Thế đưa quân] theo đường ra sông Miệt Giang⁴. Bấy giờ mùa đông, nước cạn, phải đào khơi dòng chảy cho thuyền chiến đi qua. Đánh một trận, bắt sống được Sư Ôn, Tông Mại, Khả Hành, đều đem giết cả. Còn những kẻ bị cưỡng bức đi theo thì không hỏi đến người nào.

Canh Ngọ, [Quang Thái] năm thứ 3 [1390], (Minh Hồng Vũ năm thứ 23). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 23, đô tướng Trần Khát Chân đại thắng quân Chiêm Thành ở Hải Triều, giết được chúa nó là Chế Bồng Nga. Khi ấy, Bồng Nga cùng với [17b] Nguyên Diệu dẫn hơn một trăm thuyền chiến đến quan sát tình thế của quan quân. Các thuyền giặc chưa tập họp lại, thì có tên tiểu thần của Bồng Nga là Ba Lậu Kê nhân bị Bồng Nga trách phạt, sợ bị giết, chạy sang doanh trại quân ta, trở vào chiến thuyền sơn xanh bảo rằng đó là thuyền của quốc vương hần. Khát Chân liền ra lệnh các cây súng⁵ nhất tề nổ đạn, bắn trúng thuyền Bồng Nga, xuyên suốt ván thuyền, Bồng Nga chết, người trong thuyền ồn ào kêu khóc. Nguyên Diệu cắt lấy đầu Bồng Nga chạy về với quan quân. Đại đội phó Thượng đô quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và đầu ngũ là Dương Ngang liền giết luôn Nguyên Diệu, lấy cả đầu Bồng Nga. Quân giặc tan vỡ.

¹ Sông Hải Triều: tức sông Luộc hiện nay, khúc sông chảy qua huyện Phù Tiên, Hải Hưng và huyện Hưng Hà, Thái Bình.

² La Xã: nay là Xuân La, huyện Từ Liêm, phía tây Hồ Tây.

³ Nộn Châu: thuộc lộ Quốc Oai.

⁴ Miệt Giang: tức sông Châu Cầu ngày nay, là phân lưu của sông Hát, nối với sông Hoàng Giang.

⁵ Nguyên văn: "hỏa súng", chỉ loại súng có nòng kim loại và có nhồi thuốc cháy.

Khát Chân sai quân giám Lê Khát Khiêm bỏ đầu giặc vào hòm, đi thuyền về báo tin thắng trận ở hành tại Bình Than. Bấy giờ đồng hồ đã điểm canh ba, Thượng hoàng đang ngủ say, giật mình tỉnh dậy, tưởng là giặc đánh vào ngự doanh. Đến khi nghe tin thắng trận, nói là đã lấy được đầu Bồng Nga thì mừng lắm, cho gọi các quan **[18b]** tới xem cho kỹ. Các quan mặc triều phục, hô "muôn năm". Thượng hoàng nói:

"Ta với Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu, ngày nay mới được gặp nhau, có khác gì Hán Cao Tổ thấy đầu Hạng Vũ, thiên hạ yên rồi!".

La Ngai dẫn số quân còn lại đến phía trên bờ sông Lô hỏa táng xác Bồng Nga rồi ngày đêm đi bộ men theo chân núi, gác đường san đạo¹, nấu cơm trên đó, rồi vừa đi vừa ăn, đem cả quân trở về. Gặp quan quân đuổi đánh thì dừng voi lại, tung tiền bạc của cải ra để quân ta ngừng lại.

Bấy giờ, người Nghệ An vốn ở hai lòng, còn Tân Bình, Thuận Hóa thì phần nhiều làm phản theo Chiêm Thành, cho nên người địa phương phân tán đánh lén khắp nơi, không ai ngăn được. Triều đình tuy đã lấy Lê Khả Chú làm An phủ sứ lộ hai lộ ấy, nhưng chỉ ở kinh sư mà trấn trị từ xa, chứ chưa bao giờ tới quận. Chỉ có thổ hào Phan Mã và Phạm Cặng đem dân chúng quy thuận. Mãnh là người can đảm mưu lược, dò biết được nhiều tình hình của giặc, lại có công đón **[18b]** đánh quân giặc bại trận chạy qua. Thượng hoàng thưởng cho rất hậu, cho làm tới Dực vệ quân, lại thăng làm Uy Minh tướng quân, chỉ huy quân Thánh Dực ở Tân Bình và Thuận Hóa, đeo vân phù vàng.

Tháng 2, vua ngự về Long Hưng, Kiến Xương, Yên Sinh, bái yết các lăng.

Xuống chiếu bắt bọn đảng giặc là Nguyên Đĩnh, Nguyễn Động, Nguyễn Doãn, Hoàng Khoa, Nguyễn Khang². Những người bị cưỡng bức theo chúng thì không bị tội, Nguyên Đĩnh và Trần Tôn nhay xuống sông tự tử, Khang thì chạy trốn sang nước Minh, nói dối là con cháu họ Trần, đổi tên là Thiêm Bình.

Lấy Trần Khát Chân làm Long Tiệp phụng thần nội vệ thượng tướng quân, phong tước Vũ Tiết Quan nội hầu. Phạm Khả Vĩnh (người Tây Châu)³ làm Xa kỵ vệ thượng tướng quân, phong tước Quan phục hầu. Phạm Cự Lặc, Dương Ngang được thưởng tước 5 tư, thăng Lặc làm Giám cấm vệ đô, ban cho Ngang 30 mẫu ruộng. Còn những người khác thì đều được thăng chức tước theo mức độ khác nhau.

Mùa hạ, tháng 4, tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế **[19a]**, tiên hậu và thụ hiệu cho thần kỳ các nơi.

Tháng 6, ngày 25, mưa bão lớn.

Lấy Chương Tĩnh vương Nguyên Hy, em trai Nguyên Diệu, làm Nhập nội kiểm hiệu tướng quốc bình chương sự. Bấy giờ Chương Tĩnh Vương Nguyên Hy trong lòng không yên⁴, cho nên có lệnh này.

La Ngai về đến Chiêm Thành, chiếm nước, tự lập làm vua. Con của Bồng Nga là Chế Ma Nô Đà Nan và em là Chế Sơn Nô sợ bị giết, liền chạy sang ta. Phong Ma Nô Đà Nan làm Hiệu chính hầu, Sơn Nô làm Á hầu.

Mùa đông, tháng 10, khơi sông Thiên Đức.

Sai thợ đá ở An Hoạch⁵ đào mở cửa hang núi Thiên Kiện và hang núi Khuẩn Mai để lấy tiền của chôn ở đó khi trước. Nhưng bấy giờ cả hai núi đều bị lở, cửa hang bị lấp kín, đào mãi không được, phải bỏ.

Tháng 11, ngày 14, Tư đồ Chương Túc Quốc thượng hầu **[19b]** Nguyên Đán mất.

¹ Đường men theo núi, phải lấy gỗ bắc sàn mà đi.

² CMCB 11 chép là Trần Khang.

³ Tây Châu: tên huyện đời Trần và đầu thời Lê. Đến thế kỷ XVII, đổi là Nam Chân. Nay là đất huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.

⁴ Nguyên Hy: có hai người anh là Linh Đức (Đế Hiện) và Nguyên Diệu đều bị giết, nên lo ngại không yên.

⁵ An Hoạch: Tức làng Nhồi, hay Nhuệ thôn, thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên Đán là người hiền từ, nho nhã, có phong cách của bậc quân tử thời xưa. Thượng hoàng thường ngự đến nhà riêng của ông để thăm bệnh và hỏi việc sau này. Nhưng Nguyên Đán đều không nói gì, chỉ thưa:

"Xin bệ hạ kính nước Minh như cha, yêu Chiêm Thành như con, thì nước nhà vô sự. Tôi đầu chết cũng được bất hủ".

Thượng hoàng có làm bài thơ đề trên mộ ông. Nguyên Đán từng làm bài thơ Thập cầm¹ có câu rằng:

Nhân ngôn ký tử dữ lão nha,
Bất thức lão nha liên ái phủ.
(Đem con mà gửi cho loài quạ,
Chẳng biết quạ già có xót thương?).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Làm rõ điều nghĩa mà không mưu lợi, làm sáng đạo lớn mà không kể công, đó là tấm lòng người quân tử. Nguyên Đán là bậc đại thần cùng họ với vua, biết họ Hồ sắp cướp ngôi, cơ nghiệp nhà trần sắp hết, thế mà không nghĩ đến việc vũng vàng vượt qua gian nan, cùng vui lo với nước, lại đem con mình gửi gắm cho họ Hồ để làm kế về sau². [20a] [Thế là] mưu lợi mà không nghĩ đến nghĩa, bỏ đạo mà chỉ tính đến công, sao gọi là người hiền được? Hơn nữa, lúc ấy tai họa người Chiêm là việc cần kíp, mà lại bảo yêu Chiêm Thành như con, thờ nước Minh như cha, thì chỉ là câu nói tầm thường chung chung về đạo thờ nước lớn, yêu nước nhỏ, có bổ ích gì cho việc nước lúc đó? Tiếc rằng học vấn kiến thức của ông biết trước được mọi điều mà lòng nhân thì không giữ được.

Tháng 12, lấy Phạm Thán làm Tri phủ Nghệ An.

Tân Mùi, [Quang Thái] năm thứ 4 [1391], (Minh Hồng Vũ năm thứ 24). Mùa xuân, tháng 2, Lê Quý Ly đem quân đi tuần châu Hóa, xét duyệt quân ngũ, xây sửa thành trì.

Tháng 3, Quý Ly sai viên tướng coi quân Tả Thánh Dực Hoàng Phụng Thế đem quân đi tuần đất Chiêm Thành. Người Chiêm Thành đặt mai phục. Quân Phụng Thế [20b] tan vỡ, [Phụng Thế] bị giặc bắt. Quý Ly sai chém 30 viên đại đội phó dưới quyền của Phụng Thế. Phụng Thế dùng mưu kế thoát về, được phục chức như cũ.

Mùa hạ, tháng 4, Quý Ly đem quân về.

Tháng 6, Thái úy Trang Định Vương Ngạc trốn ra trang Nam Định. Người trong trang lấy thuyền đưa Ngạc ra trại Vạn Ninh³. Người trại ấy là Dương Độ không nhận. Thượng hoàng sai viên tướng coi quân Ninh Vệ Nguyễn Nhân Liệt đuổi bắt về. Quý Ly ngầm sai Liệt giết đi. Nhân Liệt đánh chết Ngạc bị giáng làm Mẫn Vương. Sau Thượng hoàng tỉnh ngộ lại, hỏi người đuổi bắt Mẫn Vương là ai, Nhân Liệt sợ, thắt cổ tự tử.

Trước đó, Thượng hoàng đã phế Linh Đức, định lập Ngạc. Quý Ly dùng mưu đánh lừa, mới lập làm vua mà gia phong Ngạc làm đại vương, vẫn giữ chức phụ thần. Ngạc có hiềm khích với Quý Ly, nhiều lần bị Quý [21a]⁴ Ly gièm, thành ra sợ hãi nghi hoặc, nên đến nổi thế. Sau Quý Ly cướp nước, giáng Ngạc làm Liệt hiệu phán hầu.

Mùa thu, tháng 8, các tướng Hóa Châu bàn về thế lợi hại. Phan Mãnh nói:

"Trời không thể có hai mặt trời, dân không thể có hai vua!".

¹ Thập cầm: Có nghĩa là "mười loài chim", thơ vịnh.

² Bản Chính Hòa mất từ 20a và b. Chúng tôi dịch theo bản VHV 179/1-9 kho sách Hán Nôm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, BK8, 20a-b.

³ Nay là đất huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.

⁴ Từ BK8, 21a, dịch theo bản Chính Hòa.

Chu Bình Khuê nói: "Dương liễu nhiều lời, mọi người ngậm miệng" (chưa rõ câu này nói ý thế nào)¹.

Bấy giờ bọn Đặng Tất và Hoàng Hối Khanh ngầm gửi thư cho Quy Ly, Quý Ly cho là họ âm mưu làm loạn. Bình Khuê và Mãnh đều bị giết cả. Lấy Đặng Tất làm Hữu châu phán, Hoàng Hối Khanh làm Chính hình viện đại phu. Ngự sử đại phu Đỗ Tử Trường không nói gì đến việc ấy, Quý Ly làm thơ gửi cho Trường, có câu:

Tá vấn Tử Trường nọa trung úy,
Thư sinh hà nhĩn phụ bình sinh.
(Thử hỏi Tử Trường trung úy nhất,
Học hành sao nỡ phụ bình sinh?).

Mùa đông, tháng 12, lấy La Tu làm Tri phủ phủ Thanh Hóa.

Dựng điện Thụy Chương.

[21b] Nhâm Tuất, [Quang Thái] năm thứ 5 [1392], (Minh Hồng Vũ năm thứ 25). Mùa xuân, tháng 2, giết tôn thất Trần Nhật Chương. Nhật Chương mưu giết Quý Ly, Thượng hoàng cho là có lòng khác, giết đi.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán, xuống chiếu cầu lời nói thẳng.

Bùi Mộng Hoa dâng thư, đại ý nói: "Thần nghe trẻ con có câu hát rằng: "Thâm hiểm thay Thái sư họ Lê². Xem thế, Quý Ly nhất định có ý dòm ngó ngôi báu".

Thượng hoàng xem tờ tâu rồi đưa cho Quý Ly. Sau Quý Ly chuyên chính, Mộng Hoa ẩn lánh không ra nữa.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Kinh Dịch nói: Vua không kín thì mất bề tôi³. Sao cầu được lời nói thẳng rồi lại đưa cho kẻ bị lên án xem? Nghệ Hoàng đến đây đã già lẫn quá rồi. Mộng Hoa không gặp vua sáng là tự trời, mà cũng là điều bất hạnh cho nhà Trần đó.

Tháng 6, lấy Phạm Cự Luận tri Khu mật viện sự.

Mùa thu, tháng 7, đổi tên cho Lê Nhân **[22a]** Thống thành [Lê] Cảnh Kỳ, lấy vào chính phủ làm Hành khiển.

Tháng 9, lấy Hà Đức Lân làm Hành khiển tả ty.

Mùa đông, tháng 10, đặt các quan cửa sông và tuần thú ở các xứ để xét bắt trộm cướp, mỗi xứ tùy vị trí xung yếu có thể đặt 3, 4 hay 5 đô⁴.

Phan Phu Tiên nói: Nhà Trần từ sau khi Dụ Tông hoang dâm phóng túng, lại thêm Chiêm Thành xâm lược, quấy rối, thì giặc cướp rất nhiều. Chúng cướp của bắt người giữa ban ngày, pháp luật không thể ngăn cấm được. Quý Ly nắm quyền cai trị, tìm cách lũng bắt, mới hạn chế được một phần nào!

Tháng 12, xuống chiếu rằng quân lính và dân thường hễ ai trốn việc lao dịch [cho nhà nướ] thì phải phạt 4 quan tiền, thích vào gáy 4 chữ, kẻ đầu mục thì xử tội chém, ruộng đất sung công.

Quý Ly soạn sách Minh đạo gồm 14 thiên dâng lên.

Đại lược cho Chu công¹ là tiên thánh, Khổng Tử² là tiên sư. Văn Miếu đặt tượng Chu Công **[22b]** ở chính giữa, nhìn về phương nam³, Khổng Tử ở phía bên, nhìn về phương tây. Cho sách Luận ngữ⁴ có

¹ CMCB 11 chú rằng Quý Ly nói nhiều để khóa miệng mọi người.

² Nguyên văn: "Thâm tai! Lê sư", có nhiều cách hiểu. Ở đây dịch theo các hiểu của Bùi Mộng Hoa.

³ Nguyên văn: "Quân bắt mật tặc thất thần", lời của Hệ tử trong Kinh Dịch, giải nghĩa hào "sơ cửu" quẻ Tiết.

⁴ CMCB tr.10 chú rằng: Mỗi đô là 30 người.

bốn chỗ đáng ngờ, như Khổng Tử ra mắt nàng Nam Tử⁵, Khổng Tử bị hết lương ở nước Trần⁶, Công Sơn, Phật Hất⁷ cho gọi, mà Khổng Tử đều muốn tới giúp... cho Hàn Dũ là "đạo nho"⁸; cho bọn Chu Mậu Thúc⁹, Trình Di¹⁰, Dương Thi¹¹, La Trọng Tố¹², Lý Diên Bình¹³, Chu Tử¹⁴, tuy học rộng nhưng ít tài, không sát với sự việc, chỉ thạo cốp nhặt [văn chương người xưa]. Thượng hoàng ban chiếu dụ khen.

Quốc tử trợ giáo Đoàn Xuân Lôî dâng thư nói bàn thể là không phải, bị đày đi châu gần.

(Xuân Lôî người xã Ba Lỗ, huyện Tân Phúc¹⁵ là người thông minh, nhanh trí, hiểu biết, có kinh nghiệm, sau làm quan đến Trung thư hoàng môn thị lang kiêm tri Á Châu thông phán, chết tại chức). [Xuân Lôî] khai là Đào Sư Tích có xem thư ấy, nên Sư Tích bị giáng làm Trung thị lang đồng tri thẩm hình viện sự.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo của tiên thánh nếu không có Khổng Tử thì không ai phát huy được; hậu [23a] thánh sinh ra, nếu không có Khổng Tử thì không còn ai làm khuôn phép nữa. Từ khi có sinh dân đến nay, chưa có ai nổi tiếng hơn Khổng Tử, thế mà Quý Ly lại dám khinh suất bàn về ngài thì thực là không biết lượng sức mình.

Quý Dật, [Quang Thái] năm thứ 6 [1693], (Minh Hồng Vũ năm thứ 26). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Hồ Cương coi quân Tả Thánh Dực (Cương người Diển Châu). Quý Ly ngầm tìm được dòng dõi họ Hồ, muốn đổi theo họ cũ, đưa Cương ra làm người tâm phúc.

Tháng 2, thi thái học sinh, cho đỗ 30 người, là bọn Hoàng Quán Chi, Lê Vị Tẩu, Mai Tú Phu, Đồng Thức...

Mùa hạ, tháng 4, thi lại viên.

Tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, gió dữ, mưa lớn.

¹ Chu Công: tức Chu Công Đán, con Văn Vương, người định ra quan chế, lễ nhạc. Đời sau nói đến lễ, nhạc, phần nhiều nhắc đến Chu Công.

² Khổng Tử: tên là Khâu, tên tự là Trọng Ni, người nước Lỗ thời Xuân Thu, đã san định Lục kinh, là sách kinh điển của Nho giáo, trở thành ông tổ của nho gia.

³ Tượng trưng cho ngôi vị của thiên tử.

⁴ Luận ngữ: là sách ghi những lời của Khổng Tử, do học trò của ông biên tập, được coi là sách kinh điển của nho gia.

⁵ Xem Luận ngữ thiên Ung dã, Nam Tử là vợ Vệ Linh Công, đẹp nhưng rất dâm dật.

⁶ Xem Luận ngữ thiên Vệ Linh Công, Khổng Tử từ nước Vệ sang nước Trần, dọc đường bị hết lương ăn, người đi theo đói đến nỗi không đứng dậy được.

⁷ Xem Luận ngữ thiên Dương hoá, Công Sơn tức Công Sơn Phất Nhiễm, làm quan tể của họ Quý, giữ ấp Phi làm phản. Phật Hất là quan tể ấp Trung Mâu, gia thần của quan đại phu Triệu Giản Tử nước Tần.

⁸ Hàn Dũ: tên tự là Thoái Chi, cũng gọi là Hàn Xương Lê, người Nam Dương, là một danh nho đời Đường.

⁹ Chu Mậu Thúc là tên tự của Chu Đôn Di đời Tống, hiệu là Liêm Khê tiên sinh, soạn Thái cực đồ và sách Thông thư, là ông tổ của phái Lý học.

¹⁰ Trình Hiệu, Trình Di: là hai anh em, học trò Chu Đôn Di. Trình Hiệu, hiệu là Minh Đạo tiên sinh, có san định lại sách Tính lý và thuyết Thái cực đồ. Trình Di, hiệu là Chính Thúc, hiệu là y Xuyên tiên sinh, là em Trình Hiệu, có làm truyện cho kinh Dịch và kinh Xuân thu.

¹¹ Dương Thi: tên tự là Trung Lập, hiệu là Quy Sơn tiên sinh, học trò của Trình Di.

¹² Trọng Tố: là tên của La Tùng Ngạn, hiệu là Dự Chương tiên sinh, học trò Dương Thi. Ông ở ẩn, đọc sách, không ra làm quan.

¹³ Lý Diên Bình: tức Lý Đồng, tên hiệu là Diên Bình tiên sinh, là học trò La Tùng Ngạn và là thầy học Chu Hy, nổi tiếng về lý học.

¹⁴ Chu Tử: tức Chu Hy, tên tự là Nguyên Hối (sau đổi là Trọng Hối), khi mất được tòng tự ở Văn Miếu nên gọi là Chu Tử, là người tập đại thành của phái Lý học đời Tống.

¹⁵ Huyện Tân Phúc: sau là huyện Đa Phúc, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Tháng 8, động đất, nước to.

Tháng 9, có sâu lúa.

Mùa đông, tháng 10, đem công chúa Thái Dương¹ gả cho Thái bảo Hăng. Thái Dương là hoàng hậu của Linh Đức. Từ khi Linh Đức bị hại, Thượng hoàng định chọn người chồng hiền gả cho. Thái Dương nhân đi chơi [23b] Hồ Tây, thông dâm với Phủ quân ty là Nguyên Uyên (con của Cung Tín Vương Thiên Trạch). Thượng hoàng giận, đem gả cho Hăng là em Nguyên Uyên để làm nhục.

Giáp Tuất, [Quang Thái] năm thứ 7 [1394], (Minh Hồng Vũ năm thứ 27). Mùa xuân, tháng giêng, thuyền buôn nước Chà Bà² tới dâng ngựa lạ.

Tháng 2, Thượng hoàng sai thợ vẽ tranh Chu Công giúp Thành Vương³, Hoắc Quang giúp Chiêu Đế⁴, Gia Cát giúp Thục Hậu chúa⁵, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông⁶, gọi là tranh "Tứ phụ"⁷, ban cho Quý Ly, để giúp quan gia⁸ cũng nên như thế.

Tháng 3, Thượng hoàng chiêm bao thấy Duệ Tông đem quân đến và đọc bài thơ như sau:

Trung gian duy hữu xích chủy hầu,
 Ân cần tiếm thượng bạch kê lâu.
 Khẩu vương dĩ định hưng vong sự,
 Bất tại tiền đầu tại hậu đầu.
 (Ở giữa chỉ có loài mỏ đỏ,
 Lăm le lẫn lộn lâu gà trắng.
 Khẩu vương đã định việc hưng vong,
 Không ở trước mà ở về sau).

Thượng hoàng tự mình chiết tự đoán là: "xích chủy"⁹ là Quý Ly "bạch kê" là Thượng [24a] hoàng, vì thượng hoàng tuổi tân dậu¹⁰; "khẩu vương" là chữ "quốc"¹¹; việc nước còn hay mất sau sẽ thấy. Thượng hoàng suy nghĩ về giấc chiêm bao này lung lăm, nhưng thế không thể làm gì được nữa.

Mùa hạ, tháng 4, sau hội thề¹², thượng hoàng gọi Quý Ly vào cung, ung dung bảo rằng:

"Bình chương¹³ là họ thân thích nhà vua, mọi việc nước nhà đều trao cho khanh cả. Nay thế nước suy yếu, trăm thì già nua. Sau khi trăm chết, quan gia nếu giúp được thì giúp, nếu hèn kém ngu muội thì khanh cứ tự nhận lấy ngôi vua".

¹ CMCM 11 chép là Thiên Huy công chúa, con gái thượng hoàng.

² Túc Ja-va (In-đô-nê-xi-a).

³ Chu Công Đán là quan chùng tể của nhà Chu. Chu Vũ Vương Phát chết, con là Thành Vương Tung lên ngôi lúc 13 tuổi. Chu Công phải trông coi mọi việc, giúp Thành Vương đến lúc trưởng thành.

⁴ Hoắc Quang giữ chức Đại tư mã tướng quân, phò Hán Chiêu Đế lúc lên ngôi mới 9 tuổi.

⁵ Gia Cát Lượng tức Khổng Minh, là thừa tướng của Chiêu Đế Lưu Bị nước Thục đời Tam Quốc. Lưu Bị chết, con là Lưu Thiện nối ngôi, tức Thục Hậu chúa, mọi việc nước, việc quân đều phải trông cậy vào Gia Cát Lượng.

⁶ Tô Hiến Thành là Thái úy triều Lý Cao Tông, nhận di mệnh Cao Tông phò vua nhỏ là Long Cán lên nối ngôi mới 3 tuổi.

⁷ Tứ phụ: nghĩa là bốn viên đại thần giúp vua khi mới lên ngôi.

⁸ Chỉ Thuận Tông.

⁹ Xích chủy: nghĩa là mỏ đỏ, miệng đỏ, hay đỏ mỏ. Xích chủy hầu là loài mỏ đỏ ám chỉ Lê Quý Ly.

¹⁰ Bạch kê: nghĩa là gà trắng. Nghệ Tông sinh năm Tân Dậu, tức năm gà. Tân thuộc hành kim, loài kim sắc trắng. Vì thế "bạch kê" ám chỉ Nghệ Tông.

¹¹ Chữ vương? ở trong lòng chữ khẩu? là chữ "quốc"?

¹² Theo tục nhà Trần, hằng năm vào ngày mồng 4 tháng 4, vua hội họp bề tôi làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng Cổ. (Xem bản kỷ, quyển 5, Kiến Trung năm thứ 3, 1277).

¹³ Chỉ Quý Ly.

Quý Ly bỏ mũ, rạp đầu khóc lóc từ tạ, chỉ trời vạch đất thề rằng:

"Nếu thần không biết dốc lòng trung, hết sức giúp Quan gia để truyền đến con cháu về sau thì trời sẽ ghét bỏ thần".

Quý Ly lại nói: "Lúc Linh Đức Vương làm điều thất đức, nếu không nhờ oai linh bệ hạ thì thần đã ngậm cười dưới đất rồi, còn đâu được tới ngày nay! Thần dù nát thịt tan xương cũng chưa hề báo đáp lấy một trong muôn phần ơn đức đó, dám đâu lại có lòng khác!".

Mùa thu, tháng 7, lấy Phùng [24b] Cự làm Kinh sư doãn, đổi thành Trung đô doãn.

Tháng 8, lấy Hoàng Hối Khanh làm An phủ sứ lộ Tam Đái.

Mùa đông, tháng 11, bãi bỏ Đăng văn kiểm pháp viện, đặt Thượng lâm tự. Lấy Lê Nguyên Trừng con cả của Lê Quý Ly làm Phán tư sự. Tháng 12, ngày 15, Thượng hoàng băng, táng vào Nguyên Lăng ở Yên Sinh, miếu hiệu là Nghệ Tông, tên thụy là Quang Nhiên Anh Triết Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Nghệ Tông tính trời hòa nhã, giữ lòng kính cẩn, lo sợ. Nhưng uy vũ không đủ để đánh lui giặc ngoài¹, sáng suốt không đủ để phân biệt lời gièm, có một Nguyên Đán mà không biết dùng, lại giao việc nước cho người họ ngoại², khiến xã tắc nhà Trần đi đến sụp đổ, thực là "đăng trước có kẻ siểm nịnh mà không thấy, đằng sau có giặc cướp mà không [25a] hay"³.

Ất Hợi, [Quang Thái] năm thứ 8 [1395], (Minh Hồng Vũ năm thứ 28). Mùa xuân, tháng 2, ngày 20, bỏ húy chữ "nguyệt" và chữ "nam" cho dùng chữ cũ.

Quý Ly giết người tôn thất là Phủ quân ty Nguyên Uyên và con thứ của Cung Chính Vương Sư Hiền là Nguyên Dận, vì hai người này trong khi để tang Nghệ Tông hay nói đến chuyện Nhật Chương⁴. Lại giết cả sĩ nhân Nguyễn Phù. Sư Hiền giả điếc thoát chết. Tước bỏ họ Trần của Nguyên Uyên, đổi thành họ Mai. Theo lệ cũ: người tôn thất có tội nặng phải tước bỏ họ cũ, đổi gọi là họ Mai.

Lấy Quý Ly làm Nhập nội phụ chính thái sư bình chương quân quốc trọng sự, Tuyên Trung vệ quốc đại vương, đeo lân phù vàng.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho Quý Ly được ở nhà bên hữu sảnh, đài gọi là "Hoa lư"⁵. Quý Ly nhân biên chép thiên Vô dật⁶, dịch [25b] ra quốc ngữ để dạy Quan gia, mệnh lệnh ban ra thì xưng là Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế⁷.

Tháng 6, cấm các quan không được dùng áo thụng tay, chỉ cho phép dùng áo hẹp tay. Dân gian chỉ được dùng trong dịp ngày chay, ngày giỗ. Đồ dùng không được mạ vàng, sơn son.

Nhà Minh sai bọn Nhâm Hanh Thái sang đòi 5 vạn quân, 50 cỗ voi, 50 vạn thạch lương đưa đến biên giới để dùng vào việc quân .

Khi ấy, người Minh đánh các man làm phản ở Long Châu và châu Phụng Nghĩa⁸, ngầm bày kế ấy, hòng lấy cơ số lương thực nộp không đủ, để bắt người nước ta. Hanh Thái mật báo cho ta biết. Ta thác

¹ Chỉ Chiêm Thành.

² Chỉ Lê Quý Ly.

³ Lời Đồng Trọng Thư trong sách Hán thư. Nguyên văn: "Tiền hữu sàm nhi bất kiến, hậu hữu tặc nhi bất tri".

⁴ Nhật Chương mưu giết Quý Ly, bị Nghệ Tông giết (việc chép vào năm Quang Thái thứ 5, 1392).

⁵ Sảnh, đài: là Trung thư sảnh và Ngự sử đài. Hoa lư: là nhà ở của đại thần thân cận vua.

⁶ Một thiên trong sách Thượng thư được coi do Chu Công Đán soạn ra để răn dạy Thành Vương nhà Chu. "Vô dật" có nghĩa là chỗ có lưới biếng, an nhàn. Nội dung của thiên này là làm vua nên chăm lo chính sự, hiểu nỗi khó nhọc của dân, không nên đánh thuế nặng...

⁷ Nghĩa là giúp vua trị nước kiêm việc dạy bảo vua.

⁸ Long Châu và Phụng Nghĩa: đều thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

cớ không cung cấp quân lính và voi chiến, chỉ cấp một ít lương thực sai quan đưa đến Đồng Đăng rồi trở về.

Nhà Minh lại sai sứ sang đòi nhà sư, phụ nữ xoa bóp, người bị thiếu, ta đưa sang mỗi loại một ít.

Mùa đông, tháng 12, lấy Lương Nguyên Bưu làm Hành khiển tri **[26a]** Đại tông chính; Hà Đức Lân làm nhập nội hành khiển môn hạ tả ty; Hoàng Hối Khanh làm Phát vận ty; Phạm Cự Luận làm Tham mưu quân sự kiêm Khu mật viện sự.

Bính Tý, [Quang Thái] năm thứ 9 [1396], (Minh Hồng Vũ năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu sa thải các tăng đạo chưa đến 50 tuổi trở xuống, bắt phải hoàn tục. Lại thi những người thông hiểu kinh giáo, ai đỗ thì cho làm Đường đầu thủ¹, tri cung, tri quán, tri tự, còn thì cho làm kẻ hầu của người tu hành.

Tháng 3, xét duyệt quân ngũ.

Mùa hạ, tháng 4, bắt đầu phát [tiền giấy]. Thông bảo hội sao. In xong, ra lệnh cho người đến đổi, cứ 1 quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy.

Thể thức [tiền giấy]: tờ 10 đồng vẽ rồng, tờ 30 đồng vẽ sóng, tờ 1 tiền vẽ mây, tờ 2 tiền vẽ rùa, tờ 3 tiền vẽ lân, tờ 5 tiền vẽ phượng, tờ 1 quan vẽ rồng. Kẻ làm tiền giả bị tội chết, ruộng đất, tài sản tịch thu.

Cấm **[26b]** tuyệt tiền đồng, không được chứa lén, tiêu vụng, tất cả thu hết về kho Ngao Trì ở kinh thành và trị sở các xứ. Kẻ nào vi phạm cũng bị trị tội như làm tiền giả.

Xuống chiếu qui định cách thức thi chọn nhân tài, dùng thể văn bốn kỳ, bãi bỏ phép viết ám tả cổ văn.

Kỳ thứ nhất thi một bài kinh nghĩa có các phần phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, kết luận, từ 500 chữ trở lên. Kỳ thứ hai thi một bài thơ Đường luật, một bài thơ phú cổ thể, hay thể Ly tao, thể Văn tuyển, cũng từ 500 chữ trở lên. Kỳ thứ ba thi một bài chiếu theo thể Hán, một bài chế, một bài biểu theo thể tứ lục đời Đường. Kỳ thứ tư một bài văn sách, ra đề thì theo kinh, sử hay thời sự, mỗi bài phải 1000 chữ trở lên. Cứ năm trước thi hương thì năm sau thi hội, người đỗ thì vua thi 1 bài văn sách để xếp bậc.

Tháng 6, quy định **[26a]** kiểu mũ áo các quan văn võ: Quan nhất phẩm (áo) màu tía; nhị phẩm màu đỏ thẫm; tam phẩm màu hồng nhạt; tứ phẩm màu xanh lục; ngũ phẩm, lục phẩm, thất phẩm màu xanh biếc; bát phẩm, cửu phẩm màu xanh. Duy nội thị thì dùng quần hai ống, không dùng xiêm. Người không có phần hàm và hạng hoàng nô thì dùng màu trắng. Các tưng quan chức tước từ lục phẩm trở lên dùng mũ cao sơn², chánh lục phẩm được thắt đai, đi hia. Về sắc mũ, chánh thì sắc đen, tòng thì sắc xanh. Người tôn thất thì đội mũ phương thẳng màu đen. Võ quan tước lục phẩm đội mũ chiết xung, tước cao mà không có chức thì thắt đai, đội mũ giác đỉnh, tứ thất phẩm trở xuống đội mũ thái cổ³; tòng thất phẩm đội mũ toàn hoa. Vương hầu đội mũ viễn du⁴; ngự sử đài đội mũ khước phi⁵. Những quy chế về tiền giấy, về mũ áo trên đây đều làm theo lời của thiếu bảo Vương Nhữ Chu cả.

Mùa thu, tháng 8, sai tướng chỉ huy quân Long Tiệp là Trần Tùng đi đánh Chiêm Thành, bắt được tướng nước ấy là Bồ Đông đem về, ban cho họ tên là Kim **[27b]** Trung Liệt, chỉ huy quân Hồ Bôn.

¹ CMCB 11 chép là Tăng đường đầu mục, có lẽ là một chức đứng đầu một bộ phận nhà sư.

² Mũ cao sơn: cũng chế như kiểu mũ viễn du, nhưng không lõm xuống, đứng thẳng, không có ống suốt tháo ra lắp vào.

³ Mũ thái cổ: theo Lễ ký, là mũ của người mới gia quan, mũ vải thàm.

⁴ Mũ viễn du: theo Dư phục chí trong Hậu Hán thư thì kiểu mũ này cũng như mũ thông thiên, cao 9 tấc, thân mũ thẳng, đỉnh mũ hơi lõm, thẳng chỗ lõm xuống ấy làm một vòng sắt (cầu mũ), nằm ngang trước vòng sắt có cái ống suốt ngang để tháo hoặc lắp vòng sắt ấy.

⁵ Mũ khước phi: chế như kiểu mũ trường quan, cao 7 tấc, rộng 5 tấc, làm bằng cật tre, nhưng bên dưới co lại.

Sau này, vào năm Bính Tuất, khi phòng ngự thành Đa Bang, [Trung Liệt] dâng kế sách đưa quân lên biên giới đón đánh, không cho quân giặc tiến vào đất ta, không để chúng ý vào trường binh và thông được đường tiến quân. Nhưng các tướng không theo kế ấy. Bồ Đông bị bệnh rồi chết.

Mùa đông, tháng 10, lấy Hồ Cương làm Đại trị châu lộ Diễn Châu, Đặng Tư Thành làm Phán châu sự.

Tháng 11, Quý Ly làm sách Quốc ngữ Thi nghĩa¹ và bài tựa, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập. Bài tựa phần nhiều theo ý mình, không theo tập truyện của Chu Tử.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ sau khi Mạnh Tử mất, người làm thầy đều chỉ chuyên dạy môn của mình, người đi học cũng chỉ học riêng theo một học thuyết. Nguồn chia, dòng tách, sai một ly đi một dặm! Có khi thì chảy tách thành một dòng khác, có khi lại quay giáo mà đánh lẫn nhau, không sao quay về một mối được! Những học giả đáng [28a] ca ngợi, tuy gọi bậc đại nho cũng không tránh khỏi còn có vết tỳ vết nhỏ, chưa có ai là được hoàn hảo cả.

Chu Tử sinh vào cuối đời Tống, kế tiếp công việc chú giải lục kinh² của các nhà nho Hán, Đường, ngược dòng tìm nguồn, hiểu được ý của thánh nhân ở các bộ kinh để lại, rõ được đạo thánh nhân ở những lời huấn giải, vắt óc nghiên ngẫm, lý và tâm dung hợp. Ông giải thích thì tường tận, chỉ dẫn thì xa rộng, thực là tập đại thành của các tiên nho và cũng là khuôn mẫu cho những kẻ hậu học. Huống chi lại có Trình Tử xướng ở trước, và Chu Tử bổ sung chỗ chưa hoàn hảo ở sau, thì nghĩa đã tinh lắm rồi. Người sau mà có trước tác, thì cũng chỉ là mở mang cho rộng thêm, tô chuốt cho bóng thêm, có thể mà thôi, sao lại được chê bai bàn cãi?

[28b] Đinh Sửu, [Quang Thái] năm thứ 10 [1397], (Minh Hồng Vũ năm thứ 30). Mùa xuân, tháng giêng, sai Lại bộ thượng thư kiêm Thái sử lệnh Đỗ Tĩnh (có sách chép là Mẫn) đi xem đất và đo đạc động An Tôn phủ Thanh Hóa, đắp thành đào hào, lập nhà tông miếu, dựng đàn xã tắc, mở đường phố, có ý muốn dời kinh đô đến đó, tháng 3 thì công việc hoàn tất.

Trước đó, triều đình bàn bạc chưa xong, hành khiển Phạm Cự Luận khuyên nên thôi.

Quý Ly nói: "Ý ta đã định từ trước rồi, người còn nói gì nữa!".

Đến đây thì thực hiện.

Lúc ấy, Khu mật chủ sự Nguyễn Nhữ Thuyết dâng thư can, đại ý nói: "Ngày xưa, nhà Chu, nhà Ngụy dời kinh đô đều gặp điều chẳng lành. Nay đất Long Đỗ³ có núi Tản Viên, có sông Lô nhĩ⁴, núi cao sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa, các bậc đế vương mở nền dựng nước, không đời nào không lấy đất làm nơi sâu gốc bền rễ. Hãy nên noi theo việc trước: khi ấy quân Nguyên bị giết, giặc Chiêm phải nộp đầu... Xin nghĩ lại điều đó, để làm thế vững vàng cho nước nhà. An **[29a]** Tôn đất đai chật hẹp, hẻo lánh, ở nơi đầu non cuối nước, hợp với loạn mà không hợp với trị. Cho dù dựa vào thế hiểm trở thì đời xưa đã có câu: "Cốt ở đức chứ không cốt ở hiểm"⁵.

Quý Ly không nghe. Sau đến kỳ xét công Quý Ly thấy có tên Nhữ Thuyết liền nói:

"Người ngày từng nói cốt ở đức không cốt ở hiểm".

Rồi phẩy bỏ không dùng.

¹ Quốc ngữ Thi nghĩa: giải thích Kinh Thi bằng quốc ngữ hay dịch Kinh Thi ra quốc ngữ (chữ Nôm).

² Chỉ 5 bộ sách kinh điển của nhà Nho là Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lê, Kinh Xuân thu và Kinh Nhạc.

³ Long Đỗ: chỉ Thăng Long. Truyền thuyết kể rằng lúc Cao Biền nhà Đường mới đắp thành Đại La, thấy thần nhân hiện lên xưng là thần Long Đỗ. Đại La từ đời Lý đổi là Thăng Long. Do đó người ta thường gọi là Thăng Long (Hà Nội ngày nay) là đất Long Đỗ.

⁴ Sông Lô: hay sông Nhị, là sông Hồng ngày nay.

⁵ Nguyên văn "Tại đức bất tại hiểm" là câu của Ngô Khởi, một danh tướng đời Chiến Quốc nói với Ngụy Vũ hầu.

Phan Phu Tiên nói: Tào Tháo dời kinh đô đến đất Hứa, năm lấy thiên tử để sai khiến chư hầu, cơ nghiệp, nhà Hán chìm đắm thực là bắt đầu từ đó. Quý Ly dời kinh đô đến An Tôn, giết vua và diệt họ vua, cơ nghiệp nhà Trần bị sụp đổ, chả lẽ không phải bởi đó hay sao? Tuy nhiên, bọn loạn thần tặc tử đời nào mà chẳng có chúng? Cốt ở người làm vua phải cương quyết mà xử đoán, sáng suốt mà tra xét để không có mối lo về sau thôi.

Mùa hạ, tháng 4, đổi trấn Thanh Hóa thành trấn Thanh Đô; trấn Quốc Oai thành trấn Quảng Oai; trấn [29b] Đà Giang thành trấn Thiên Hưng; trấn Nghệ An thành trấn Lâm An; trấn Trường Yên thành trấn Thiên Quan; trấn Lạng Giang thành trấn Lạng Sơn; trấn Diễn Châu thành trấn Vọng Giang; trấn Tân Bình thành trấn Tây Bình. Bãi các chức đại, tiểu tư xã, đại toát, còn chức quản giáp vẫn theo quy chế cũ.

Định quy chế quan lại trấn nhậm bên ngoài.

Lộ đặt chức An phủ sứ và An phủ phó sứ. Phủ đặt chức Trấn phủ sứ và Trấn phủ phó sứ. Châu đặt chức Thông phán và Thiêm phán. Huyện đặt chức Lệnh úy và Chủ bạ để cai trị. Lộ thống nhiếp phủ, phủ thống nhiếp châu, châu thống nhiếp huyện. Các việc hộ tịch, tiền thóc, ngục tụng đều làm chung thành sổ sách của một lộ, đến cuối năm báo lên sảnh để làm bằng cứ mà khảo xét. Lại đặt các phủ đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản và ty thái thú để trông coi.

Lấy Phó tướng Lê Hán Thương coi phủ đô hộ lộ Đông Đô; Thái bảo Trần Hàng coi phủ đô thống lộ Bắc Giang; Trần Nguyên Trữ¹ [30a] coi phủ đô thống lộ Tam Giang; thiếu bảo Vương Nhữ Chu làm tri Thiên Trường phủ lộ quân dân sự; Hành khiển Hà Đức Lân làm hành Tân Yên phủ lộ thái thú. Lại đặt chức giáo thụ và giám thư khố ở các châu trấn.

Tháng 5, xuống chiếu rằng:

"Đời xưa, nước có nhà học, đảng có nhà tư, toại có nhà tường² là để tỏ rõ giáo hóa, giữ gìn phong tục, ý trẫm rất chuộng như vậy. Nay quy chế ở kinh đô đã đủ, mà ở châu, huyện thì có thiếu, làm thế nào rộng đường giáo hóa cho dân? Nên lệnh cho các phủ lộ Sơn Nam, Kinh Bắc³, Hải Đông, đều đặt một học quan, ban cho quan điền⁴ theo thứ bậc khác nhau: phủ châu lớn thì 15 mẫu, phủ châu vừa thì 12 mẫu⁵, phủ châu nhỏ 10 mẫu để chi dùng cho việc học trong phủ châu mình (một phần để cúng ngày mồng một, một phần cho nhà học, một phần cho đèn sách). Lộ quan và quan đốc học hãy dạy bảo học trò cho thành tài nghệ, cứ đến cuối năm thì chọn [30b] người ưu tú tiến cử lên triều đình, trẫm sẽ thân hành thi chọn và cất nhắc".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Bấy giờ có chiếu lệnh này, còn gì tốt đẹp bằng thế nữa? Nhưng lệnh này không thấy thi hành, vì không phải là bản ý của vua, mà vì Quý Ly muốn làm việc cướp ngôi, mượn việc ấy để thu phục lòng người mà thôi.

Tháng 6, xuống chiếu hạn chế danh điền⁶.

Đại vương và trưởng công chúa thì số ruộng không hạn chế; đến thứ dân thì số ruộng là 10 mẫu. Người nào có nhiều nếu có tội, thì cho tùy ý được lấy ruộng để chuộc tội, bị biếm chức hay mất chức cũng được làm như vậy. Số ruộng thừa phải hiến cho nhà nước.

¹ Bản dịch cũ (t.II, tr.201) chép là Trần Nguyên Hãn và chú là CMCB 11 chép là Trần Nguyên Hãn. Nhưng thực ra Cương mục ở chỗ này vẫn ghi là Trần Nguyên Trữ coi phủ đô thống Tam Giang.

² Đảng: là một đơn vị hành chính đời xưa gồm 50 nhà: toại tương tự như làng, xã; tư và tường đều là tên trường học.

³ Đây là tên đất thời Lê chứ không phải tên đất đời Trần. Có thể lời chiếu được chép lại không đúng nguyên văn.

⁴ Quan điền: tức ruộng công.

⁵ Bản dịch cũ chép là 11 mẫu và chú là CMCB 11 ghi 12 mẫu.

⁶ Danh điền: là ruộng có người đứng tên, tức ruộng tư.

Trước kia, các nhà tôn thất thường sai nô tỳ của mình đắp đê bồi ở bờ biển để ngăn nước mặn, sau hai ba năm, khai khẩn thành ruộng, cho họ lấy lẫn nhau và ở ngay đấy, lập ra nhiều ruộng đất tư trang, cho nên có lệnh này.

Hữu thiêm tri chính sự **[31a]** hành Khu mật viện sự Phạm Cự Luận chỉ huy quân Thần Sách đánh bọn giặc cỏ áo đỏ ở trấn Tuyên Quang, thua trận bị chết, được tặng Tả bộc xạ (Cự Luận người huyện Đường An¹. Lấy Hành khiển Đỗ Thế Mẫn thay làm Kinh lược sứ Tuyên Quang.

Mùa đông, tháng 11, Quý Ly bức vua dời kinh đô đến phủ Thanh Hóa .

Vua đi Yên Sinh bái yết các lăng trước, rồi tới hành tại ở hương Đại Lại gọi là cung Bảo Thanh. Cung nhân Trần Ngọc Cơ và Trần Ngọc Kiểm nói mật với vua là dời kinh đô thế nào cũng có việc cướp ngôi. Quý Ly nghe được, cho rằng viên miếu lệnh Lê Hợp, viên phụ đạo Hữu Lũng² là Lương Ông cũng đồng mưu, đem giết cả.

Hành khiển đồng tri Đại tông chính tự Lương Nguyên Bưu đỡ gạch ngói, gỗ lớn ở các cung điện Thụy Chương, Đại An, giao hết cho các châu Từ Liêm và Nam Sách chở tới kinh đô mới, gập bảo chìm **[31b]** đắm mất quá nửa .

Nhà Minh sai đưa hai người tộc họ nhà Nguyên là Đại Hồ và Tiểu Hồ sang an trí ở nước ta. Cho Đại Hồ tên là Địa Phục Cơ, Tiểu Hồ tên là Địa Bảo Lang.

Tướng Chiêm Thành là Chế Đa Biệt cùng với em là Mộ Hoa Từ Ca Diệp đem cả nhà sang hàng. Ban tên cho Đa Biệt là Đại Trung, phong là Kim Ngô vệ tướng quân, Ca Diệp làm Cấm vệ đô, đều ban họ Đinh, lại cho trấn thủ Hóa Châu để chống giữ Chiêm Thành.

Mậu Dần, [Quang Thái] năm thứ 11 [1398], (từ tháng 3 trở đi là Thiếu Đế Kiến Tân năm thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 31). Mùa xuân, tháng 3, ngày 15, Lê Quý Ly bức vua phải nhường ngôi cho hoàng tử An³.

Quý Ly có ý cướp ngôi, nhưng đã trót thề với Nghệ Hoàng rồi, sợ trái lời thề, bèn ngầm sai đạo sĩ Nguyễn Khánh ra vào trong cung, thuyết phục vua rằng:

"Cõi tiên thanh nhã thơm tho, khác hẳn phàm trần, **[32a]** Liệt thánh triều ta chỉ thờ đạo Phật, chưa có ai đi theo chân tiên. Bệ hạ được tôn ở ngôi cửu ngũ⁴, nhưng muôn việc khó nhọc, chi bằng truyền ngôi cho Đông cung⁵ để giữ khí hư hòa".

Vua nghe lời, rồi Khánh làm lễ tâu ghi vào sổ phụng đạo vào cõi tiên. Quý Ly làm cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại, mời vua tới ở đó. Vua bèn nhường ngôi cho hoàng thái tử. Tờ chiếu nhường ngôi đại lược nói:

"Trẫm sớm mộ huyền phong⁶, không có bụng muốn ngự xe hoàng ốc⁷. Đức kém lạm giữ ngôi cao, thực khó lòng kham nổi. Huống chi tâm bệnh thường hay phát ra, việc tông miếu và chính sự do đấy đều bị trở ngại. Lời thề nguyện trước, trời đất quỷ thần đều đã nghe. Nay phải nhường ngôi để giữ mãi cơ đồ to lớn, Hoàng thái tử An hãy lên nối ngôi Hoàng đế. Phụ chính thái sư Lê Quý Ly lấy danh

¹ Đường An: tức huyện Bình Giang về sau, nay là một phần đất huyện Cẩm Bình, Hải Hưng.

² Nguyên văn là chữ "hữu", nhưng chắc là chữ "cổ", Cương Mục cũng chép là Cổ Lũng. Cổ Lũng là tên đời Trần, đến đời Lê mới đổi là Hữu Lũng, nay là huyện Hữu Lũng, thuộc tỉnh Lạng Sơn.

³ Nguyên văn là chữ? không có loại từ nào có chữ này. Tên vua nhà Trần thường có bộ nhật, hoặc hỏa. Ở đây, tên vua là An và thêm bộ hỏa .

⁴ Hào Cửu ngũ của quẻ Kiên trong Kinh Dịch nói: "Long phi tại thiên, lợi kiến đại nhân" được coi là điềm xuất hiện vua giỏi, nên "ngôi cửu ngũ" là chỉ ngôi vua.

⁵ Tức thái tử.

⁶ Huyền phong: là phong cách thanh tao, ở đây chỉ đạo giáo.

⁷ Hoàng ốc: loại xe vua ngự, ngoài bọc lụa sắc vàng. Nên hoàng ốc cũng dùng để chỉ ngôi vua.

nghĩa Quốc tổ¹ giữ quyền nhiếp chính. Trẫm tự làm Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế, tu dưỡng ở cung Bảo Thanh để thỏa ý nguyện từ trước".

[32b] Hoàng thái tử An lên ngôi ở cung Bảo Thanh, đổi niên hiệu là Kiến Tân năm thứ 1. Đại xá. Tôn Khâm Thánh hoàng hậu là Hoàng thái hậu.

Khi ấy thái tử mới lên 3 tuổi, nhận truyền ngôi không biết lay. Quý Ly sai thái hậu lay trước cho thái tử lay theo.

Quý Ly tự xưng là Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương. Bản văn thì đề là Trung thư thượng thư sảnh phụng nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chỉ v.v ..

Ngày hôm ấy, lên ngự điện ở kinh đô mới. Lễ mừng xong, ban yến cho các quan từ ngũ phẩm trở lên, cho phép con trai, con gái dạo xem ở cửa nam thành cả ngày lẫn đêm.

Ra lệnh cho những người có ruộng phải khai báo số mẫu ruộng.

Hành khiển Hà Đức Lân nói kín với người nhà rằng: "Đặt ra phép này chỉ để cướp ruộng của dân thôi". Quý Ly nghe được, giáng Lân làm Hộ bộ thượng thư.

Lại ra lệnh cho dân phải nêu rõ họ tên cắm ở trên ruộng. Quan lộ, phủ châu, huyện **[33a]** cùng khám xét, đo đạc, lập thành sổ sách, 5 năm mới xong. Ruộng nào không có giấy khai sinh báo hay cam kết thì lấy làm quan điền².

THIẾU ĐẾ

Tên là An, là con trưởng của Thuận Tông, ở ngôi 2 năm, Quý Ly cướp ngôi, phế làm Bảo Ninh Đại Vương.

Phụ: HỒ QUÝ LY và HÁN THƯƠNG

Quý Ly tên tự là Lý Nguyên, tự suy tổ tiên là Hồ Hưng Dật vốn người Chiết Giang, đời Hậu Hán thời Ngũ Đại³ sang làm Thái thú Diễn Châu. Sau đó, làm nhà ở hương Bào Đột châu này, rồi là trại chủ. Đến đời Lý, [có người] lấy công chúa Nguyệt Địch, sinh ra công chúa Nguyệt Đoan, đến đời cháu thứ 12 là Hồ Liêm dời đến ở hương Đại Lại, Thanh Hóa, làm con nuôi tuyên úy Lê Huấn, từ đây lấy Lê làm họ mình. Quý Ly là cháu bốn đời của Huấn. Đời Trần Nghệ Tông, từ chức Chi hậu tứ cục chánh chương thăng lên Khu mật đại sứ, lên Tiểu tư không, tiến phong Đông bình chương sự, liên tiếp gia phong tới Phụ chính thái sư nhiếp chính, Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương, Quốc Tổ Chương Hoàng, rồi thay ngôi nhà Trần, đặt quốc hiệu là Đại Ngu, trở lại họ Hồ, chưa đầy một năm thì truyền ngôi cho con là Hán Thương. Hán Thương tên cũ là Hòa, tiếm ngôi được hơn 6 năm. Sau hai cha con đều bị người Minh bắt. Sử sử đem hai người họ Hồ⁴ chép từng năm thành kỷ⁵, nay truat bỏ và sửa cho đúng.

¹ Quốc tổ: tức là tổ phụ (ông) của vua. Vợ Thuận Tông là con gái trưởng Quý Ly. Quý Ly là ông ngoại của Thiếu đế An.

² Quan điền: ruộng công.

³ Ngũ Đại: còn gọi là Ngũ Đại, giai đoạn lịch sử Trung Quốc gồm 5 triều đại: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu, Hậu Hán (947 - 950) là tên một triều đại do Lưu Tri Viễn lập ra kế tiếp triều đại Hậu Tấn, đặt quốc hiệu là Hán, nên đời sau gọi là Hậu Hán.

⁴ Tức Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương.

⁵ Theo phép chép sử truyền thống của sử gia phong kiến, chỉ những triều đại chính thống mới được chép riêng thành kỷ, như kỷ nhà Lý, kỷ nhà Trần, kỷ nhà Lê... những triều đại không chính thống (gọi là nhuận triều) thì không được chép thành kỷ.

[33b] Kỷ Mão, [Kiến Tân] năm thứ 2 [1399], (Minh Thái Tổ Kiến Văn năm thứ 1¹). Mùa hạ, tháng 4, Quý Ly cưỡng bức vua phải xuất gia thờ Đạo giáo, ra ở quán Ngọc Thanh thôn Đạm Thủy², mật sai nội tẩm học sinh Nguyễn Cẩn đi theo để trông coi. Vua hỏi rằng:

"Người theo hầu ta muốn làm gì chẳng?".

Cẩn không nỡ trả lời. Quý Ly làm bài thơ bảo Cẩn rằng:

"Nguyên Quân³ không chết, thì người phải chết!".

Lại làm bài thơ đưa cho Nguyên Quân rằng:

Tiền hữu dung ám quân,
Hôn Đức cập Linh Đức.
Hà bất tảo an bài,
Đồ sử lao nhân lực.
(Trước đó vua hèn ngu,
Hôn Đức và Linh Đức.
Sao không sớm liệu đi,
Để cho người nhọc sức?).

Cắm bèn dâng thuốc độc. Vua không chết, lại dâng nước dứa và không cho ăn mà vẫn không chết. Đến đây, sai Xa kỵ vệ thượng tướng quân Phạm Khả Vĩnh thắt cổ chết. Chôn ở lăng Yên Sinh, miếu hiệu là Thuận Tông.

Bọn Thái bảo Trần Hăng, Thượng tướng quân Trần Khát Chân mưu giết Quý Ly không thành, bị giết.

Hôm ấy, Quý Ly họp thề ở Đốn Sơn⁴. Bọn Khát Chân đã có ý giết Quý Ly. Quý Ly ngồi trên lầu nhà Khát Chân **[34a]** để xem, y như lệ thiên tử ngự đến miếu đến chùa⁵. Cháu Khả Vĩnh là Phạm Tố Thu và thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm gươm định lên, Khát Chân trừng mắt ngăn lại, nên việc không xong.

Quý Ly chợt dạ đứng dậy, vệ sĩ hộ vệ xuống lầu.

Ngưu Tất rút gươm xuống đất nói: "Chết uống cả lũ thôi".

Sự việc bị phát giác, bọn tôn thất Hăng, Trụ quốc Nhật Đôn, tướng quân Trần Khát Chân, Phạm Khả Vĩnh, hành khiển Hà Đức Lân, Lương Nguyên Bửu, Phạm Ông Thiện, Phạm Ngưu Tất và các liêu thuộc, thân thích gồm hơn 370 người đều bị giết cả, tịch thu gia sản, con gái bắt làm nô tỳ, con trai từ 1 tuổi trở lên bị chôn sống, hoặc bị chìm nước. Lũng bắt dư đảng liền mấy năm không ngớt. Người quen biết nhau chỉ đưa mắt ra hiệu, không dám nói chuyện với nhau. Nhà dân không được chứa người đi đường ngủ trọ, hễ có người **[34b]** ngủ trọ, thì phải báo nhà láng giềng, cùng nhau xét hỏi giấy tờ, hành lý, lý do đi qua để làm chứng cứ bảo lãnh. Các xã đều đặt điểm tuần, ngày đêm tuần tra canh giữ. Lễ minh thệ từ đó không cử hành nữa.

Khát Chân người Hà Lăng, huyện Vĩnh Linh⁶, ba đời làm thượng tướng quân. Người đời truyền Khát Chân khi sắp bị hành hình, lên núi Đốn Sơn gào thét 3 tiếng, chết qua 3 ngày sắc mặt vẫn như khi sống, ruồi nhặng không dám bâu. Sau có hạn hán, cầu mưa thì ứng nghiệm ngay.

¹ Kiến Văn: là niên hiệu của Minh Huệ Đế, không phải là của Minh Thái Tổ, Toàn thư in lầm.

² Thôn Đạm Thủy: thuộc huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

³ Túc Thuận Tông. Sau khi truyền ngôi cho con, Thuận Tông tự xưng là Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế.

⁴ Đốn Sơn: là ngọn núi ở xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Chữ "lệ"? ở nguyên bản là chữ "trắc"? sửa lại là "lệ", chúng tôi cho là hợp lý.

⁶ Vĩnh Linh: tên huyện đời Trần, đời Lê đổi là Vĩnh Phúc. Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên Bưu người Tuyên Quang, tiên tổ là Thế Sung làm Toát Thông Vương kiêm phụ đạo ở triều Lý. Các con là Văn, Hiến, Quế đều được phong hầu. Con của Quế là Hiếu Bảo vì có công đánh Toa Đô được phong Quan phục hầu; Hiếu Bảo sinh ra Thế Tắc được phong Lạc Thuận hầu; Thế Tắc sinh ra Cúc Tôn làm Quan sát sứ; Cúc Tôn sinh ra Nguyên Bưu.

[35a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Quý Ly đến đây tội ác đã chất đầy rồi. Trần Hăng đã đi lại, hẹn ước với các tướng văn tướng võ từ trước, nếu biết thừa cơ quyết đoán, vạch tội giết vua của Quý Ly, hiệp sức với Khả Vĩnh mà giết nó đi, thì danh chính ngôn thuận, mà việc cũng xong rồi. Đánh tiếc lại do dự, sợ sệt, đến nỗi chuốc lấy bại vong.

Tháng 6, Quý Ly tự xưng là Quốc Tổ Chương Hoàng, mặc áo màu bồ hoàng¹, ở cung Nhân Thọ, ra vào theo lệ thái tử², dùng 12 chiếc lọng vàng. Con là Hán Thương xưng là Nhiếp thái phó, ở bên hữu điện Hoàng Nguyên. Nguyên Trừng làm tư đồ. Bảng văn thì đề là Phụng Nhiếp Chính Quốc Tổ Chương Hoàng, chỉ xưng là "du" mà chưa dám xưng "trẫm"³.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Công tử Ngữ nước Sở trước khi cướp ngôi, đặt phục chế, bày [35b] quân hầu, kết cỏ bồ như cung vua, ngang nhiên ngạo mạn, lộ vẻ hung hăng để làm nhụt chí mọi người. Thấy không ai dám chống lại, bấy giờ mới không còn kiêng sợ gì nữa mà trở hết ngón ác⁴. Việc làm của họ Hồ cũng cùng một duộc!

Mùa thu, tháng 7, Nguyễn Dụng Phủ, người Cổ Đăng⁵ phủ Thanh Hóa dâng thư đại ý nói rằng: Chương Hoàng là hiệu gì? Bồ hoàng là sắc gì? Đối với việc phò thác của tiên đế thì thế nào? Quý Ly bắt giam mấy ngày rồi tha.

Tháng 8, tên cướp Nguyễn Nhữ Cái trốn vào núi Thiết Sơn làm giả tiền giấy tiêu dùng. Gặp lúc Thuận Tông bị giết, Khát Chân bị chém, mới chiêu dụ dân lành được hơn vạn người, hoạt động ở các xứ Lập Thạch, sông Đáy, Lịch Sơn⁶, sông Đà, Tản Viên, cướp bóc bữa bãi, các châu huyện không sao chống được.

Tháng 9, dời các tội nhân giam ở Cảo Điền vào xã Tương Một, Thanh Hóa.

[36a] Sai Trần Ninh đốc suất người phủ Thanh Hóa trồng tre gai ở phía tây thành, phía nam từ Đồn Sơn, phía bắc từ An Tôn đến tận cửa Bào Đàm, phía tây từ chợ Khả Lãng ở Vực Sơn đến sông Lỗi Giang, vây quanh làm toà thành lớn bọc phía ngoài. Dân chúng ai lấy trộm măng thì bị xử tử.

Đọc rừng rậm và đồng hoang dựng các quán xá, từ cầu Đại Tân đến bến Đàm Xá để tiện cho quân dân qua lại nghỉ ngơi.

Đặt sở tuần kiểm ở sông Đại Lại. Sai chăng dây chảo to ở giữa sông phàm các thuyền trên sông phải kéo dây theo thứ tự mà đi, không được tranh nhau đi trước.

Mùa đông, tháng 10, đổi người có tội đi đày làm lính khơi mương, sai đi khơi các con kênh Vi, kênh Trầm, kênh Hào, đến tận cửa biển Hà Hoa để tiện thuyền bè qua lại.

Tháng 12, sai Nguyễn Bằng Cử, An phủ sứ Đông Lộ⁷ đi đánh Nguyễn Nhữ Cái, dẹp yên được.

¹ Màu bồ hoàng: màu vàng như nhị hoa xương bồ.

² CMCB 11 chép là "thiên tử", có lẽ hợp lý hơn.

³ "Du" là đại từ ngôi thứ nhất, nghĩa là "ta", dùng cho mọi người, còn "trẫm" là tiếng tự xưng, chỉ riêng vua được dùng.

⁴ Công tử Ngữ nước Sở khi hội thề với các nước ở đất Quắc, mặc áo đẹp như áo vua, có quân hầu cầm giáo mác hộ vệ, kết cỏ bồ làm chỗ ở tại nơi thề như cung vua. Sau này, giết Giáp Ngao, là vua Sở, lên làm vua tức Sở Linh Vương (xem Tả truyện, Lỗ Chiêu Công năm thứ 1).

⁵ Cổ Đăng: là tên giáp, thuộc huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

⁶ Lịch Sơn: thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang ngày nay.

⁷ Ở đây Toàn thư chép là Đông Lộ, nhưng ở đoạn sau (từ 40b), chép rõ ràng Bằng Cử là An phủ sứ lộ Đông Đô.

(Bảng Cử người huyện Đông Ngàn, Bắc Giang).

[36b] Canh Thìn, [Kiến Tân] năm thứ 3 [1400], (Năm này nhà Trần mất, từ tháng 3 trở đi, Quý Ly cướp ngôi, xưng là Thánh Nguyên năm thứ 1; Minh Kiến Văn năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, Lê Quý Ly lập con là Hán Thương làm thái tử.

Trước đây, Quý Ly định lập Hán Thương nhưng chưa quyết, mới mượn cái nghiên đá mà nói rằng:

"Thử nhất quyền kỳ thạch, hữu thì vi vân vũ dĩ nhuận sinh dân" (Hòn đá lạ bằng nắm tay này, có lúc làm mây làm mưa để nhuận thấm sinh dân), bảo con trưởng là Trùng đối lại để xem chí hướng ra sao.

Trùng đối lại rằng: "Giá tam thốn tiểu tùng, tha nhật tác đồng tác lương dĩ phù xã tắc" (Cây thông nhỏ mới ba tấc kia, ngày sau làm rường cột để chống nâng xã tắc). Bấy giờ ý mới quyết định.

Tháng 2, ngày 28, Quý Ly bức vua nhường ngôi và buộc người tôn thất và các quan ba lần dâng biểu khuyên lên ngôi. Quý Ly giả vờ cố tình từ chối nói: "Ta sắp xuống lỗ đến nơi rồi, còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới đất nữa?".

Rồi tự lập làm vua, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, quốc hiệu là Đại Ngu¹, đổi thành họ Hồ.

[37a] Phan Phu Tiên nói: Khổng Tử nói: "Không phải ma nhà mình mà cúng là siểm nịnh". Vì thế Địch Thanh từ chối không nhận là dòng dõi Lương Huệ Công²; Lưu Việp tạ từ không nhận là họ hàng Lưu thái hậu. Nhà Đường tể Để Nghiêu làm tiên tổ mà tiên nho chê cười: Chiêu Liệt là con cháu Trung Sơn Tĩnh Vương mà Ôn Công không thừa nhận³. Đâu phải có riêng tư gì trong việc khen chê!

Là vì họ hàng xa xôi, các đời biến đổi, khó mà tin chắc được. Quý Ly lại nhận là dòng dõi xa của Hồ Công Mãn, tể Ngu Thuấn làm thủy tổ, thì cái tội dối đời để tiếm ngôi thực không gì to bằng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Phu Tiên theo thuyết của Ôn Công cho rằng nếu Chiêu Liệt là dòng dõi của Trung Sơn Tĩnh Vương thì họ hàng xa xôi cũng khó mà tin được. Như vậy là không tin lời của Gia Cát Vũ **[37b]** hầu⁴. Nhưng Gia Cát là bậc hiền tài, hơn nữa thế đại cũng chưa xa lắm, bảo Chiêu Liệt là dòng dõi nhà vua chả lẽ lại không có căn cứ mà nói bịa đặt hay sao? Chu Tử⁵ đã theo thuyết ấy thì còn nghi ngờ gì nữa.

Hồ Quý Ly phế vua làm Bảo Ninh Đại Vương, vì vua là cháu ngoại nên không giết.

Lộ Tam Giang dâng con chim đen đỏ mỏ, tên là chim yểng, có thể nói được tiếng người. (Người đàn bà hương ấy một hôm bắt được cái trứng chim, để lẫn vào trứng gà cho ấp, khi lớn lên, chim vẫn theo người đàn bà ấy đi cho lợn ăn, bắt chước tiếng gọi lợn, dần dần nói được tiếng người).

Người trong thành dâng chim trắng.

¹ Theo truyền thuyết, họ Hồ là con cháu Ngu Thuấn; con Ngu Yên là Vĩ Mãn được Chu Vũ Vương phong co ở đất Trần gọi là Hồ Công, sau dùng chữ Hồ làm tên họ. Quý Ly nhận mình là dòng dõi họ Hồ, con cháu Ngu Thuấn, nên đặt quốc hiệu là Đại Ngu.

² Địch Thanh khi làm tể tướng nhà Tống, có người con cháu xa của Địch Nhân Kiệt tức Địch Lương Công (được phong là Lương Huệ Công) đem bức chân dung và bằng sắc của Lương Công đến dâng và bảo ông là con cháu xa của Lương Công. Ông từ chối nói: May gặp được phú quý nhất thời, đâu dám nhận là con cháu Lương Công.

³ Chiêu Liệt là Lưu Bị, Trung Sơn Tĩnh Vương là con Hán Cảnh Đế, Ôn Công tức Tư Mã Quang, sử gia đời Tống, tác giả bộ sử Tư trị thông giám. Tư Mã Quang không thừa nhận Lưu Bị là dòng dõi vua Hán.

⁴ Tức Khổng Minh Gia Cát Lượng, bề tôi của Lưu Bị.

⁵ Chỉ Chu Hy.

Quý Ly sai thuộc quan ở tam quán, chi hậu nội nhân, nội tẩm học sinh chia nhau đi các lộ, bí mật dò hỏi kẻ hay người dở trong quan lại, việc lợi việc hại ở dân gian để tiến hành việc giáng truất hay thăng bổ, quy định thành thể thức lâu dài. Từ đó, các chức thú lệnh¹ mới thay đổi luôn.

Mùa thu, tháng 8, Quý Ly mở khoa thi **[38a]** thái học sinh. Lấy đỗ bọn Lưu Thúc Kiệm 20 người. Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành đều đỗ kỳ này.

(Tử Tấn, Mộng Nguyên và Thành đều làm quan ở triều nay² đến chức Quốc tử giám tế tửu, Hiến làm đến Quốc tử giám giáo thụ).

Đầu đề bài phú là "Linh kim tàng"³. Các học trò xin giảng nghĩa đề thi. Quan trường hỏi: "Có lẽ cũ như vậy không?" Duy có Bùi Ứng Đầu trả lời rằng triều Tống có Tôn Hà Khoa đã hỏi nghĩa đề thi "Chi ngôn nhật xuất"⁴. Cho nên quan trường đã giảng nghĩa đề này.

(Ứng Đầu người Sơn Vi⁵, làm giám thư khổ đời Trần, đến đây bị giải chức, vào thi đã 50 tuổi, được bổ chức giám quan. Sau nói việc trái ý, bị giáng làm thái tử thuyết thư, không bao lâu bị giáng làm thái tử tân khách).

Mùa đông, tháng 12, Quý Ly tìm phá hệ họ nội, họ ngoại, bà là họ Chu, mẹ là họ Phạm, gọi là họ Hoạ thị.

Quý Ly lấy Hành khiển Đỗ Mân làm Thủy quân đô tướng; tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Trần Văn (được ban họ Hồ) làm Đồng đô tướng; tướng chỉ huy quân Long Tiếp Trần Tùng (được ban họ Hồ) làm Bộ quân đô tướng; tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Đỗ Nguyên Thác làm Đồng đô tướng; **[38b]** đem 15 vạn quân đi đánh Chiêm Thành.

Quý Ly nhường ngôi cho con là Hán Thương, tự xưng là thượng hoàng, cùng coi chính sự.

Hán Thương phong bà phi của mình là Trần Thị làm Hiến Gia hoàng hậu, ở cung Phù Tang. Vì chữ "tang" (cây dâu) đồng âm với chữ "tang" (việc tang) nên đổi là cung Phù Cực.

Quý Ly sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, mẹ Hán Thương là Huy Ninh công chúa (truy tôn là Thái tử hoàng hậu), con gái của Trần Minh Tông, trước đã lấy Phò ký lang Trần Nhân Vinh, Nghệ Tông không cho giữ tiết [để tang chồng], đem gả cho Quý Ly, sinh ra Khâm Thánh hoàng hậu và Hán Thương.

Đến đây, sai sứ sang báo nhà Minh, nói rằng họ Trần đã tuyệt tự, Hán Thương là cháu ngoại Minh Tông, tạm trông coi việc nước.

Hán Thương đánh thuế các thuyền buôn, định 3 mức thượng, trung, hạ. Mức thượng đánh thuế mỗi thuyền 5 quan, mức trung 4 quan, mức hạ 3 quan.

Năm ấy, chúa Chiêm Thành [39a] La Ngai chết, con là Ba Đích Lại lên ngôi.

Tân Ty, [1410], (Hồ Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 1, Minh Kiến Văn năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sét đánh điểm canh trên thành.

Hán Thương đổi lịch Hiệp kỷ của nhà Trần, dùng lịch Thuận Thiên.

Tháng 3, sét đánh vào Đông cung, chết mất 3 người.

¹ Thú: thái thú, lệnh: lệnh doãn. Thú lệnh là tên gọi chung những chức quan đứng đầu ở phủ, châu hoặc ở huyện.

² Chỉ triều Lê.

³ Linh kim tàng: kho chứa gương thiêng, lấy điển Lưu Bang dùng gương chém rắn khi mới nổi lên chống nhà Trần.

⁴ Chi ngôn nhật xuất (Chén rượu như câu nói mỗi lúc một khác) là câu trong sách Trang Tử. Chi là chén ở trong mà biến đổi tư thế, cũng ví như lời nói tùy theo sự vật mà đổi thay.

⁵ Sơn Vi: tên huyện, nay là huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Bùi Ứng Đầu, người xã Xuân Dũng (làng Dóng). (BT).

Mùa hạ, tháng 4, Hán Thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước, *****Hán Thương đổi lịch Hiệp kỷ của nhà Trần, dùng lịch Thuận Thiên.

Tháng 3, sét đánh vào Đông cung, chết mất 3 người.

Mùa hạ, tháng 4, Hán Thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước, cho ghi họ Hồ có hai phái ở Diễn Châu và Thanh Hóa. Biên hết vào sổ những nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên và lấy sổ hiện tại làm thực sổ, không cho phép người lưu vong mà vẫn biên tên trong sổ. Yết thị cho các phiên trấn hể có người kinh nào trú ngụ thì đuổi về nguyên quán. Trước đây Quý Ly có lần nói với các quan: "Làm thế nào có được 100 vạn quân để chống giặc Bắc?". Đồng tri khu mật sứ Hoàng Hối Khanh dâng kế sách này.

Đến đây, sổ làm xong, tính số người từ 15 tuổi trở lên, 60 tuổi [39b] trở xuống được gấp bội so với trước. Cho nên năm Thiệu Thành thứ 2 [1402] điểm binh càng nhiều.

Hán Thương lập phép hạn chế gia nô, chiếu theo phẩm cấp được có số lượng khác nhau, còn thừa phải dâng lên, mỗi tên được trả 5 quan tiền. Người nào đáng được có gia nô phải xuất trình chúc thư 3 đời. Nô người nước ngoài thì không theo lệ này.

Các nô đều thích vào trán để đánh dấu: Quan nô thì thích hình viên ngọc hỏa châu, có khi lấy bồ sung vào quân điện tiền; của công chúa thì thích hình cây dương, cây đường; của đại vương thì thích 2 khuyên đỏ, của quan nhất phẩm thì thích 1 khuyên đen; của quan nhị phẩm trở xuống thích 2 khuyên đen.

Bấy giờ bọn sĩ đại phu tham phú quý, mong được lòng của họ Hồ, dâng thư khuyên giết hại con cháu nhà Trần, giảm bớt số ruộng và nô để nén bớt thế lực của họ, như bọn Hoàng Hối Khanh, Nguyễn Hy Chu, Đồng Thức, còn lại thì nhiều vô kể.

Hồ Tùng đi đánh Chiêm Thành, nghe lời Đình Đại Trung, cho quân bộ đi đường núi, [40a] tách xa hẳn quân thủy, gặp khi nước lũ, tướng sĩ ở giữa đường hết lương đến 3 ngày, phải nướng cả áo giáp bằng da để ăn. Quân trở về, Tùng do đi đường hiểm, lỡ mất quân cơ, đáng phải xử chém. Nhưng vì có công lao hồi còn tiềm ẩn¹ được tha tội chết, để làm xã binh.

Hán Thương đặt kho thường bình², phát tiền giấy cho các lộ, theo giá cả mua thóc chứa vào kho. Bấy giờ số quan lại ở các lộ, phủ, châu, huyện có thay đổi, nên không làm được.

Hán Thương đặt hương đình quan, có chánh, có phó, sau chỉ dùng một viên.

Hán Thương hạ lệnh cho các lộ nung gạch để dùng vào việc xây thành. Trước đây xây thành Tây Đô, tài nhiều đá tới xây, ít lâu sau lại bị sụp đổ, đến đây mới xây trên bằng gạch, dưới bằng đá.

Hán Thương định quan chế và hình luật nước Đại Ngu.

Mùa đông, tháng 12, Hán Thương lấy Nguyễn Phi Khanh làm Hàn lâm học sĩ.

[40b] Nhâm Ngọ, [1402], (Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 2, Minh Kiến Văn năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương xét duyệt quân ngũ.

Tháng 3, Hán Thương đắp sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hóa Châu. Dọc đường đặt phố xá và trạm truyền thư, gọi là đường thiên lý.

Mùa hạ, tháng 6, Hán Thương lấy Đồng Thức làm Trung tán, ban cho họ Ngụy (ví với Ngụy Trưng³ nhà Đường).

¹ Tức là khi Hán Thương ở ngôi thái tử.

² Thường bình: nghĩa là "luôn luôn cân bằng". Khi thóc hơn thì đong vào, khi thóc kém thì bán ra theo giá rẻ để giá thóc ổn định

³ Ngụy Trưng: là tể tướng của nhà Đường, nổi tiếng thẳng thắn can ngăn vua, dâng hơn hai trăm tờ biểu số can ngăn Đường Thái Tông, Thái Tông cũng phải kính nể.

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương đem đại quân đi đánh Chiêm Thành. Lấy Đỗ Mẫn làm Đô tướng; Điện nội phán thủ Nguyễn Vị làm Chiêu dụ sứ; An phủ sứ lộ Đông Đô Nguyễn Bằng Cử làm Đồng chiêu dụ sứ.

Đại quân sắp tới đất Chiêm, Đinh Đại Trung cưỡi ngựa đi trước các quân, gặp tướng giặc Chế Tra Nan, hai bên giao chiến, đều bị chết.

Chúa Chiêm Ba Đích Lại sợ, sai cậu là Bồ Điền dâng một voi trắng, một voi đen và các sản vật địa phương, lại dâng đất Chiêm Động¹ để xin rút quân.

Bồ Điền tới, Quý Ly bắt ép **[41a]** phải sửa tờ biểu là dâng nộp cả động Cổ Lũy². Rồi chia đây ấy thành bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa. Đặt An phủ sứ và An phủ phó sứ lộ Thăng Hoa để cai trị; miền đầu nguồn đất ấy thì đặt trấn Tân Ninh³. Chiêm Thành thu lấy những dân phụ cận đưa về nước. Người ở lại thì bỏ làm quân.

Hán Thương điều An phủ sứ lộ Thuận Hóa Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa. Cảnh Chân dâng thư nói xin theo việc cũ của nhà Hán, nhà Đường, mộ người nộp thóc để việc phòng bị biên cương được đầy đủ, những người nộp thóc thì hoặc ban tước cho, hoặc được miễn tội tùy theo mức độ.

Quý Ly phê: "Biết được mấy chữ mà dám nói việc Hán Đường, thực là thẳng ngọng hay nói, chỉ chuốc lấy tiếng cười thôi!".

Hán Thương lấy Hiệu Chính hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Cổ Lũy huyện thượng hầu, trấn giữ châu Tư, Nghĩa, chiêu dụ, vỗ về dân chúng người Chiêm để mưu tiến đánh.

Đặt nhã nhạc, lấy con các quan văn **[40b]** làm kinh vĩ lang, con các quan võ làm chinh đồn lang, tậpvúa các điệu võ, văn, võ.

Tháng 8, Hán Thương đắp đàn Giao ở Đốn Sơn để làm lễ tế Giao⁴. Đại xá.

Hôm tế, Hán Thương ngồi kiệu Vân Long, từ cửa Nam đi ra, các cung tần, mệnh phụ⁵, quan văn, quan võ trong triều theo thứ tự đi sau. Mũ áo của đàn bà kém chông một bậc, nếu bản thân là tôn quý thì không phải kém.

Lễ cũ của đời trước có nghi lễ bái yết hai bậc, quan lại và người theo hầu rất đông. Cứ 3 năm cử hành đại lễ một lần, thiên tử ngồi xe Thái Bình⁶, khắc gỗ làm 40 hình người tiên, mặc áo vóc, cầm cờ đi trước, nếu đi thuyền nhỏ ở hồ Chu Tước thì dùng dây thừng gấm để kéo thuyền; 2 năm cử hành trung lễ một lần, thiên tử ngồi ngai chạm bách cầm; 1 năm cử hành tiểu lễ một lần, thiên tử ngồi ngai nhỏ. Chưa từng làm lễ tế Giao. Nay Hán Thương mới bắt đầu làm lễ này. Nhưng vì khi dâng chén rượu, [Hán Thương] run tay, rượu bị đổ **[42a]** xuống đất, nên phải ngừng lại.

Hán Thương định lại các lệ thuế và tô ruộng.

Triều trước, mỗi mẫu thu 3 thăng thóc, nay thu 5 thăng. Bãi dây, triều trước thu mỗi mẫu 9 quan hoặc 7 quan tiền, nay thu hạng thượng đẳng mỗi mẫu 5 quan tiền giấy, hạng trung đẳng mỗi mẫu 4 quan tiền giấy, hạng hạ đẳng 3 quan tiền giấy. Tiền nộp hằng năm của đình nam trước thu 3 quan, nay chiếu theo số ruộng, người nào chỉ có 5 sào ruộng thì thu 5 tiền giấy; từ 6 sào đến 1 mẫu thì thu 1 quan;

¹ Chiêm Động: được chia làm hai châu Thăng và Hoa, là đất các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Quế Sơn, Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.

² Cổ Lũy: được chia thành hai châu Tư và Nghĩa, là đất các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi ngày nay.

³ Tân Ninh: là vùng các con sông Thu Bồn, Vu Da ở miền tây tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng ngày nay.

⁴ Tế Giao: là tế trời vào tiết Đông chí và tế đất vào tiết Hạ chí.

⁵ Mệnh phụ: các bà được vua phong hiệu cho.

⁶ Xe Thái Bình: được chế tạo từ đời Lý.

1 mẫu 1 sào đến 2 mẫu thu 2 quan; từ 2 mẫu 1 sào đến 2 mẫu 5 sào thu 2 quan 6 tiền; từ 2 mẫu 6 sào trở lên thu 3 quan. Đình nam không có ruộng và trẻ mồ côi, đàn bà góa, thì dẫu có ruộng cũng thôi không thu.

Sĩ nhân Nguyễn Bẩm dâng thư cho rằng Tiền Hồ¹ nên nhường ngôi, lui về ở Kim Âu², Hậu Hồ³, thì nên tôn là thượng hoàng **[42b]**, thái tử Nhuế lên ngôi Quan gia⁴. Quý Ly giận lắm, cho là Bẩm chỉ trích nhà vua, sự tình nghiêm trọng, sai đem chém.

Quý Mùi, [1403], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 1, Minh Thái Tông Vĩnh Lạc năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương đem những người không có ruộng mà có của dời đến Thăng Hoa⁵, biên chế thành quân ngũ. Quan lại ở các lộ, phủ, châu, huyện chia đất cho họ ở. Người ở châu nào thì thích hai chữ tên châu ấy vào hai cánh tay để làm dấu hiệu. Đến năm sau đưa vợ con đi theo, giữa đường, bị bão chết đuối, dân phần nhiều ta oán.

Hán Thương mộ dân nộp trâu để cấp cho dân mới dời đến ở Thăng Hoa, người nộp được ban tước.

Hán Thương lấy phủ lộ Thanh Hóa làm đất Tam phụ⁶ của kinh kỳ; đổi phủ Thanh Hóa thành phủ Thiên Xương, gồm với Cửu Chân và Ái Châu gọi là Tam phụ. Lại đổi Diên Châu thành phủ Linh Nguyên, cộng là Tứ **[43a]** phủ. Đổi phủ Kiến Xương thành phủ Kiến Ninh, đổi núi Đại Lại thành núi Kim Âu. Đặt chức thị giám⁷; ban hành cân, thước, thương, đấu, định giá tiền giấy, cho mua bán với nhau. Bấy giờ, người buôn bán phần nhiều chê tiền giấy. Lại lập điều luật để xử tội không tiêu tiền giấy, bán giá cao, đóng cửa hàng, bao che giúp nhau.

Hán Thương cấm người tôn thất và cung nhân không được xưng quý hiệu, người vi phạm bị trị tội.

Hán Thương sai giết người phương thuật là Trần Đức Huy.

Đức Huy hồi trẻ mồm rộng dứt vừa nắm tay, tay dài quá gối, có người bảo rằng ngày sau tất quý hiển. Đến khi lớn lên, học nghề phương thuật, thường ban đêm đánh mõ làm phép kỳ binh, như có nghìn muôn người reo hò đánh nhau; lại đi khắp các xã, lấy trộm tên những người đi tuần biên vào sổ quân. Việc bị phát giác, thu được một quyển sách phương thuật, một con dấu nguy, một thanh gươm nhỏ, một chiếc mõ đồng. Xử tội lăng trì, **[43b]** sổ quân thì ném xuống nước hoặc đốt đi không hỏi đến.

Hán Thương dựng miếu ở các làng tắm tại Thiên Xương, để thờ cúng tổ khảo, sớm chiều cúng tế. Lại dựng miếu ở các làng tắm Bào Đột, Linh Nguyên để thờ cúng tiên tổ. Ở kinh thành thì dựng Đông thái miếu để thờ cúng tông phái họ mình, Tây thái miếu để thờ họ ngoại là Trần Minh Tông và Trần Nghệ Tông.

Nhà Minh sai Ô Tu⁸ sang báo việc Thái Tông lên ngôi và đổi niên hiệu.

Bấy giờ vua Minh đóng đô ở Kim Lăng, Yên Vương Lệ làm phản, giết các quan Tam ty, đem quân tiến đánh kinh sư, đi đến đâu thẳng được đấy, vào trong thành chém giết bừa bãi. Kiến Văn⁹ tự thiêu mà chết. Lệ tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Vĩnh Lạc. Bấy giờ có bài thơ rằng:

¹ Chi Hồ Quý Ly.

² Tức núi Đại Lại, thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

³ Chi Hồ Hán Thương.

⁴ Tức ngôi vua. Đời Trần, Hồ, vua gọi là quan gia.

⁵ Tên lộ, gồm 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa.

⁶ Đời xưa, đất gần kinh kỳ gọi là "phụ". "Tam phụ" là ba vùng đất gần kinh kỳ.

⁷ Thị giám: người coi chợ.

⁸ Minh sử, An Nam truyện chép năm này nhà Minh sai hành nhân là Dương Bột sang ta. CMCB 12 cũng chép theo như vậy.

⁹ Kiến Văn: là niên hiệu của vua Huệ Đế nhà Minh.

Giang thượng hoàng kỳ động,
 Thiên biên tử chiếu hồi.
 Kiến Văn niên dĩ một,
 Hồng Vũ vận trùng khai.
 Triều sĩ tao hình lục,
 Cung nga đồ kiếp khô.
 Thù tri thiên tải hậu,
 Thanh sử hữu **[44a]** dư ai.
 (Trên bến cờ vàng động,
 Chân trời chiếu tia về¹.
 Năm Kiến Văn đã mất,
 Vận Hồng Vũ lại ra.
 Triều quan bị chém giết,
 Cung nga thấy bụi tro.
 Ai hay ngàn năm nữa,
 Sử sách có thương ru!).

Có người bảo là Giải Tẩn làm bài thơ đó cho nên bị tại họa².

Hán Thương đóng thuyền đình nhỏ để đánh Chiêm Thành, dự định phân chia các đất Bản Đạt lang, Hắc Bạch và Sa Li Nha³ từ Tư Nghĩa trở về nam đến biên giới Xiêm La làm châu huyện.

Gia phong Phạm Nguyên Khôi làm đại tướng quân hai vệ Thiên Ngưu và Phụng Thần, chỉ huy quân Long Tiệp, hành thủy quân đô tướng; Hồ Vấn làm phó. Đỗ Mã chỉ huy các quân Thiên Cương; Đỗ Nguyên Thác làm phó. Quân thủy bộ cộng 20 vạn người đều theo tiết chế của Nguyên Khôi. Ai ra trận àm sợ giặc thì bị chém, vợ con, điền sản bị tịch thu sung công. Các quân vào đất Chiêm, làm nhiều chiến cụ; vây thành Chà Bản sắp lấy được, nhưng vì quân đi đã 9 tháng, hết lương ăn, không thẳng phải rút về. Đỗ Nguyên Thác vì trái lệnh của đô tướng, tha tội chết, bị đờ làm binh.

Chiêm Thành cầu cứu **[44b]** nhà Minh. Người Minh đi 9 chiếc thuyền vượt biển sang cứu. Các quân ta trở về gặp quân Minh ở ngoài biển. Người Minh bảo Nguyên Khôi rằng phải mau rút quân về, không được ở lại lâu. Nguyên Khôi từ Chiêm Thành trở về bị Quý Ly quả trách vì không giết hết được quân Minh.

Phan Phu Tiên nói: Nguyên Khôi vốn không có tài làm tướng, chỉ giỏi về những việc khéo léo, vì có ơn riêng là họ ngoại, được đặc cách gia phong tước hầu, thế mà trận này thành công được, so với việc Hán Vũ Đế sai nhị sư Lý Quảng đi đánh Đại Uyển thì có khác gì.

Phương sĩ Nguyễn Đại Năng người Giáp Sơn dùng lửa cứu, kim châm để chữa bệnh cho người, Hán Thương bổ làm chức Quảng tế tự thừa. Đặt quan thuộc Quảng tế⁴ bắt đầu từ đó.

Đại Năng xảo trá, có sức khoẻ, có thể bắn được nỏ cứng. Sau làm Quảng tế lệnh kiêm chỉ huy dinh Bình qua, rồi được điều đi chỉ huy quân Sùng Uy.

[45a] Bấy giờ sứ nhà Minh qua lại nước ta liên tiếp như mắc cửi, kẻ thì yêu sách, người thì sách hỏi, Hán Thương sai người tùy phương cứu gỡ, vất vả về việc ứng tiếp.

Mùa đông, tháng 10, Hán Thương giết thân thuộc của bọn Nguyễn Toán làm nội quan ở Bắc.

¹ Khi Yên Vương Lệ mang quân đi đánh về kinh đô, Kiến Văn sai đem chiếu thư xá tội cho Lệ, bảo rút quân trở về phiên trấn. Lệ không nhận tờ chiếu.

² Giải Tẩn bị nhà Minh bắt giam rồi giết chết. Việc này chép vào năm Trùng Quang Đế thứ 3 (1441) (Xem BK 9).

³ Bản Đại lang: là đất Panduranga của Cham-pa, nay là vùng Phan Rang ở Thuận Hải. Hắc Bạch và Sa Li Nha, chưa rõ chỉ vùng nào.

⁴ Quảng tế: cơ quan coi việc y tế bấy giờ.

Trước đây Minh Thái Tổ từng đòi người bị thiên, tăng nhân, đàn bà xoa bóp, ta đều chiều ý đưa cho. Được vài năm, tha các tăng nhân và tú nữ về nước, chỉ giữ bọn bị thiên sung làm nội quan. Đến khi Thái Tông lên ngôi, có ý muốn xâm lược phương Nam, sai bọn Nguyễn Toán, Từ Cá, Nguyễn Tông Đạo, Ngô Tín sang sứ và thăm hỏi thân thuộc, dặn mật rằng, nếu có quân phương Bắc sang thì dựng cờ vàng, ghi là thân thuộc của viên nội quan họ tên là mỗ, tất sẽ không bị giết hại. Việc ấy bị phát giác, bắt hết thân thuộc của những tên ấy đem giết đi.

[45b] Giáp Thân, [1404], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 2, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương cho rằng An phủ sứ phủ lộ Tân Hưng kiêm Đông Đô phán là Trần Quốc Kiệt biết đắp đê ngăn nước mặn, tiện việc cày cấy của dân, thường tước 1 tư.

Hán Thương sai Phan Hòa Phủ đem biểu nhà Minh hai con voi đen và trắng và dâng đất để xin hoãn quân, rồi lại nói dối với nhà Minh là họ Hồ lấn đất và bắt cống voi. Đến đây, nhà Minh sai sứ sang trách hỏi, nên đưa biểu voi.

Hán Thương định thể thức thi chọn nhân tài: Cứ tháng 8 năm nay thi hương, ai đỗ thì được miễn tuyển bổ¹; lại tháng 8 năm sau thi hội, ai đỗ thì thi bổ thái học sinh. Rồi năm sau nữa thi lại bắt đầu thi hương như năm trước. Bấy giờ học trò chuyên nghiệp học hành, mong được bổ dụng, nhưng mới được thi ở bộ Lễ rồi gặp loạn phải thôi. Phép thi phỏng theo lối văn tự ba trường của nhà Nguyên² **[46a]** nhưng chia làm 4 kỳ, lại có kỳ thi viết chữ và thi toán, thành ra 5 kỳ. Quan nhân, người làm trò, kẻ phạm tội đều không được dự bổ.

Trước đây, năm Nhâm Ngọ [1402], chọn tráng đinh, người nghèo sung làm quân trợ dịch, sau lại đổi thành quân bồi vệ, chia làm hàng tả, hàng hữu, dùng tên cầm thú để đặt quân hiệu (như kiểu phương hoàng, kỳ lân...), lấy quan văn, võ người tôn thất cai quản.

Hán Thương khai Liên Cảng³ từ Tân Bình đến địa giới Thuận Hóa, vì bùn cát đùn lên, không khai được.

Cửa Eo⁴ ở Hóa Châu bị vỡ. Hán Thương sai lấy quân lính ở kinh thành đi đắp lại.

Hán Thương đóng thuyền đinh sắt để phòng giặc phương Bắc, có hiệu là "Trung tàu tải lương", "Cổ lâu thuyền tải lương", chỉ mượn tiếng là chở lương thôi, nhưng bên trên có đường sào đi lại để tiện việc chiến đấu, bên dưới thì hai người chèo một mái chèo.

Quý Ly giết viên tướng quân cũ Hồ Tùng.

Trước đó, Tùng đã bị giải chức, xin bán **[46b]** các đồ khí giới của nhà mình, [Quý Ly] không cho, có ý muốn dùng lại. Sau Tùng lại lén thông dâm với vợ của cố hành khiển Lương Nguyên Bưu là con gái của Trần Quý. Quý Ly tức giận nói:

"Bọn tài giỏi đều từ cửa nhà Tùng mà ra!".

Tùng cùng với người Chiêm đầu hàng là Chế Sơn Nô âm mưu làm phản, ngầm liên kết với người Chiêm Thành để trao đổi tin tức cho nhau. Việc bị tiết lộ, Tùng và con gái Quý đều bị xử tử.

Nhà Minh sai hành nhân Lý Kỳ⁵ sang.

Kỳ tự quyền làm oai làm phúc, đánh đập các quan bạn tống và đốc biện, bắt phải đi nhanh, không kể độ đường. Trước đây sứ giả từ Đông Đô đến Tây Kinh phải 12 ngày, Kỳ chỉ đi có 8 ngày, đến nhà công quán thì quan sát khắp mọi hình thể. Khi Kỳ trở về, Quý Ly sợ tiết lộ sự tình, sai Phạm Lục Tài

¹ CMCB 12 chữa là "sung tuyển bổ", nghĩa là "được lựa chọn bổ dụng".

² Theo Thông giám tập lãm thì năm Hoàng Khánh thứ 3 (1314) mới định phép thi 3 kỳ là: kỳ thứ nhất thi hai bài minh kinh và kinh nghi; kỳ thứ hai thi các bài phú, chế, cáo, chương, biểu theo cố thể; kỳ thứ ba thi 1 bài văn sách, hỏi về kinh sử và thời sự.

³ Liên Cảng: sau thuộc xã Thủy Liên, huyện Lệ Thủy, nay thuộc Quảng Bình.

⁴ Cửa Eo: tức cửa Thuận An ở tỉnh Thừa Thiên - Huế.

⁵ Toàn thư chép là ?, Minh sử (An Nam truyện) chép là?, vậy phải đọc là Kỳ.

đuổi giết đi. Nhưng đến Lạng Sơn, thì đã ra khỏi cửa ải rồi. Kỳ hặc tâu [với vua Minh] là họ Hồ xưng đế và làm thơ có những lời lăng mạ.

Hán Thương ra lệnh cho các quan viên không được [47a] đi hia, chỉ cho đi giày tơ gai sống. Lê cũ đời trước: quan tử lục phẩm trở lên mới được đi hia.

Hán Thương lệnh cho các lộ đồ gạo chín cấp cho các châu ở Thăng Hoa theo lời của Hoàng Hối Khanh.

Hán Thương lệnh cho các biên chế những người không có ruộng làm đội cùng nhân¹.

Hán Thương cấm mọi người trong nước không được dùng lụa phiêu kỹ may áo, chỉ cho nện qua thoi.

Ất Dậu, [1405], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 3, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2 Quý Ly giết kẻ sĩ là Nguyễn Oâng Kiều và Lê Địch.

Trước kia Quý Ly có làm bài thơ răn dạy Hán Thương và Nguyên Trừng đại khái nói:

Thiên dã phú, địa dã tái.
Huynh đệ nhị nhân, nhự hà bất tương ái?
Ô hô ai tai hề ca khảng khái!
(Trời thì che, đất thì chở,
Anh em hai người, sao nỡ chẳng thương nhau?
Hỡi ôi Tiếng ca khảng khái làm sao).

Vợ Ông Kiều thường ra vào trong cung, đem thơ ấy nói với Oâng Kiều. Oâng Kiều [47b] đem thơ ấy truyền tụng ở cầu Hoa Cái. Học sinh trong phủ của Trừng là Nguyễn Cẩm và Nguyễn Nhữ Minh đem chuyện ấy báo hết với Trừng. Trừng tâu với Quý Ly, Quý Ly mật sai Trung đô doãn là Đỗ Tử Triệt bắt Kiều. Tử Triệt làm cỗ mời, dụ Oâng Kiều bắt đem bỏ ngục. Oâng Kiều thất thế cung xưng lây cả đến bọn Lê Địch, Đỗ Loát. Loát trốn thoát được. Oâng Kiều và Lê Địch đều bị giết, còn bọn Hà Nhật Tuyên bị đày ra châu xa. Bọn Nguyễn Nhữ Minh có tội nghe đọc bài thơ ấy, phải đồ ra châu Cửu Chân. Vài tháng sau, Tử Triệt bỗng mắc bạo bệnh, đòi lấy bút viết rằng: "Ta kiện nhau với mày", lát sau chết. Sau Nhật Tuyên cũng bị chết vì tội bè đảng.

Nhà Minh sai sứ sang đòi cắt đất Lộc Châu ở Lạng Sơn.

(Bấy giờ thổ quan phủ Tư Minh, Quảng Tây là Hoàng Quảng Thành báo lên rằng Lộc Châu là đất cũ của phủ ấy).

Quý Ly sai hành khiển Hoàng Hối Khanh làm cát địa sứ. Hối Khanh đem các thôn như Cổ Lôu, gồm cả thảy 59 thôn trả cho nhà Minh. [48a] Quý Ly trách mắng, lăng nhục Hối Khanh vì trả lại đất nhiều quá. Những thổ quan do bên kia đặt, [Quý Ly] đều bí mật sai thổ nhân ở đó đánh thuốc độc giết đi.

Hán Thương lệnh cho những nơi đầu nguồn ở các trấn nộp gỗ làm cọc. Châu Vũ Ninh thì cho phép lấy gỗ ô mễ ở lũng Cổ Pháp đưa đến cho các quân đóng cọc ở các cửa biển và những nơi xung yếu trên sông Cái để phòng giặc phương Bắc.

Năm ấy đói.

Hán Thương lệnh cho các quan phủ, lộ, châu, huyện kiểm tra xem các nhà giàu có bao nhiêu thóc, bảo họ bán cho dân, số lượng nhiều ít khác nhau.

Mùa hạ, tháng 6, sét đánh và Đông cung (tên nô cùng vú nuôi của Đông cung bị chết). Hán Thương có lệnh cầu lời nói thẳng.

Đại xá.

¹ Nghĩa là đội những người cùng khổ.

Hán Thương nghị bàn việc dời các cung điện ở Đông Đô tới làm ở động Cổ Liệt¹.

Bấy giờ giặc phương Bắc sắp sang mà dân thì đã lâu ngại đi phục dịch nơi xa, cho nên đặt ra kế ấy để thu phục lòng người. Nhưng rốt cuộc không làm được.

Hán Thương đặt 4 kho quân khí. Không kể là quân hay dân, hễ ai khéo nghề **[48b]** đều sung vào làm việc.

Mùa thu, tháng 7, Quý Ly và Hán Thương đi tuần tra xem xét núi sông và các cửa biển, ở kinh lộ, vì muốn biết thế hiểm hay dễ của các nơi. Tháng 8 thì trở về.

Hán Thương sai bộ Lễ thi chọn nhân tài, đỗ được 170 người. Lấy Hồ Ngạn, Lê Cung Thần sung làm thái học sinh lý hành²; bọn Cù Xương Triều 6 người sung làm Tư Thiện đường học sinh. (Tư Thiện đường vốn là tên nhà học của thái tử triều Trần).

Nhà Minh sai bọn nội quan Nguyễn Tông Đạo sang.

Tháng 9, Hán Thương sai thi lại viên.

Hán Thương định quân Nam ban và Bắc ban chia thành 12 vệ; quân Điện hậu đông và tây chia thành 8 vệ; mỗi vệ 18 đội, mỗi đội 18 người; đại quân thì 30 đội, trung quân thì 20 đội, mỗi doanh là 15 đội, mỗi đoàn là 10 đội; cấm vệ đô thì 5 đội. Đại tướng quân thống lĩnh cả.

Hán Thương sai tả Hình bộ lang trung **[49a]** Phạm Canh sang nhà Minh xin giảng hòa, Thông phán là Lưu Quang Đình làm phó sứ. Nhà Minh chỉ giữ một mình Canh ở lại mà cho Quang Đình trở về.

Quý Ly biếm Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa; lấy Phong quốc giám quản cán Nguyễn Ngạn Quang làm Tuyên phủ sứ kiểm chức chế trí sứ trấn Tân Ninh. Quý Ly làm thơ ban cho Quang rằng:

Biên quận thừa tuyên tư tráng chí,
Hùng phiên tiết chế hữu huy du.
Thanh tòng bảo nhĩ tuế hàn tiết,
Bạch phát khoan dư tây cố ưu.
Huấn sức binh nông giai tự tự,
Giản đình trấn thú thị hà thu.
Cần lao vật vị vô tri giả,
Tứ mục nguyên phi tế miện lưu.
(Trấn trị biên cương nuôi chí mạnh,
Hùng phiên tiết chế sẵn mưu hay.
Thông xanh người hãy bền tiết lạnh,
Tóc bạc ta nguôi lo phía tây.
Rèn luyện binh nông đều giữ nghiệp,
Triệt hồi trấn thú hỏi bao ngày?
Cần lao chớ bảo không người biết,
Tua mũ đầu cho nổi mắt này).

Quý Ly thấy mình tuổi đã 70, ban cho phụ lão các lộ từ 70 tuổi trở lên mỗi người hưởng tước 1 tư, đàn bà thì ban tiền. Ở kinh thành thì ban tước và ban tiệc rượu.

Hán Thương sai Thái thú Đông lộ Hoàng Hối Khanh đốc suất dân phu **[49b]** đắp thành Đa Bang³ để chống giặc.

Khi ấy có ngôi đền bị dân phu phá hủy, Hối Khanh ban đêm chiêm bao thấy thần nhân đến báo, cho làm lại đền đó.

¹ Động Cổ Liệt: theo chú thích của bản dịch cũ thì Cổ Liệt có thể là Kê Sét, tức xã Thịnh Liệt sau này, ở gần Hoàng Mai, Hà Nội.

² thái học sinh lý hành: thái học sinh chưa chính thức.

³ Theo CMCB 12 thì thành Đa Bang ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong tỉnh Sơn Tây. Nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây.

(Hối Khanh làm thơ có câu rằng:

Mao thiềm mệnh dã cung tiêu thoán,
Lão mộc thì hồ ách phủ cân.
(Mái tranh đành phận nơi đun nấu,
Cây cối thường khi chịu búa rìu).

Người thức giả biết là sau ông sẽ không được trọn vẹn.

Hán Thương sai quân vệ Đông Đô đóng cọc chặn cửa sông Bạch Hạc để chống giặc từ Tuyên Quang đến.

Hán Thương chiếu truyền An phủ sứ lộ về triều, cùng với các quan ở kinh hạp bàn nên đánh hay nên hòa.

Có người khuyên nên đánh, chớ để làm mối lo ngày sau. Trấn thủ Bắc Giang Nguyễn Quân cho là nên tạm hòa, chiều theo những điều chúng muốn để hoãn binh thì hơn.

Tả tướng quốc Trùng nói:

"Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo thôi!".

Quy Ly ban cho cái hộp trầu bằng vàng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Mệnh trời là ở lòng dân. Câu nói của Trùng hiểu được [50a] điều cốt yếu đó. Không thể vì cố là họ Hồ mà bỏ câu nói của Trùng.

Hán Thương cấm nấu rượu, vì lãng phí thóc gạo.

Hán Thương bãi bỏ quan hương đình.

Bính Tuất, [1406], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 4, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, nhà Minh sai Chinh Nam tướng quân Hữu quân đô đốc đồng tri là Hàn Quan và Tham tướng đô đốc đồng tri là Hàn Quan và Tham tướng đô đốc đồng tri là Hoàng Trung đem 10 vạn quân ở Quảng Tây sang xâm lược, mượn cố đưa tên Trần Vương ngự là Thiêm Bình về nước. Quân dừng lại ở địa đầu biên giới không đi.

Ngày mồng, Hoàng Trung đánh vào cửa ải Lãnh Kinh¹. Quân họ Hồ thất bại.

Sáng hôm đó, các quân thủy bộ giao chiến, nhị vệ đại tướng Phạm Nguyên Khôi, tướng chỉ huy quân Chấn Cương là Chu Bình Trung, tướng chỉ huy quân Tam Phụ là Trần Huyền Huyền, Tả Thần Dực quân Trần Thái Bộc đều thua chết. Tả tướng quốc Trùng bỏ thuyền lên bờ, suýt bị vây, có người vội dìu xuống thuyền thoát được. Đó là vì thấy bên kia quân [50b] ít, coi thường chúng. Duy có Tả Thánh Dực quân Hồ Vấn từ Vũ Cao dẫn quân tới đánh úp, giặc bị thua.

Trung liệu thế không địch nổi, đến trống canh hai nửa đêm trốn về. Tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực Hồ Xạ, tướng chỉ huy quân Thánh Dực Bắc Giang Trần Đĩnh đã được lệnh chặn đánh ở cửa ải Chi Lăng từ trước. Quân Minh bèn đưa giải Thiêm Bình cho ta và sai quân y Cao Cảnh Chiếu gửi thư hàng nói rằng:

"Quan tổng binh Hoàng sai tiểu nhân tới đây trình bày ngài biết việc này: Trước vì Thiêm Bình chạy sang triều đình tâu rằng hãn chính là con của quốc vương An Nam, vì thế mới sai đại binh sang chiêu dụ. Không ngờ trăm họ xứ này đều không phục, rõ ràng là hãn nói bậy. Nay lui quan quân về tâu với triều đình thì bị quan ải dọc đường ngăn giữ, nghẽn lối Không qua được. Nay đem Thiêm Bình tới nộp, xin thả cho đi thì may lắm".

Hồ Xạ cho phép. Vì thế, tuy bắt bắt được nhiều tù binh mà [51a] người Minh vẫn có kẻ trốn được.

¹ Ở khoảng Đáp Cầu, tỉnh Hà Bắc.

Lễ dâng thặng trận xong, tra hỏi Thiêm Bình là tông phái nào, Thiêm Bình không chịu nói. Lệnh người nào nhận biết được Thiêm Bình thì thưởng tước 1 tư, nhưng không ai dám nhận. Xử tội lăng trì.

Thiêm Bình là gia nô của Trần Nguyên Huy, tức là Nguyễn Khang. Các tù binh bắt được đưa đi Nghệ An để làm ruộng, bọn quan lại thì giữ ở kinh giao cho các nhà quyền quý nhận nuôi.

Nội cấm y vệ nhà Minh Phạm Chất nói với Hán Thương rằng Lưu Quang Đĩnh vâng mệnh đi sứ đến Bắc Kinh có lậ Thiêm Bình. Ngay hôm ấy bắt Quang Đĩnh đem chém.

Hán Thương thưởng chiến công, mỗi người tước 3 tư. Hồ Xạ vì nghe kể người Minh bắt giải Thiêm Bình để đến nỗi bọn Hoàng Trung chạy thoát, không được vạ toàn, nên Xạ và những thuộc hạ của ông chỉ được thưởng 2 tư. Các quan văn võ trong ngoài dâng biểu mừng, [Hán Thương] từ chối không nhận.

Khi quân Minh mới vào [51b] cõi, ra lệnh cho nhân dân đều phá bỏ hết lúa má; các xứ Lạng Châu, Vũ Ninh, Bắc Giang, Gia Lâm, Tam Đái, đều nghiêm chỉnh làm vườn không nhà trống. Quân Minh rút đi, nhân dân lại phục nghiệp như cũ.

Hán Thương sai An phủ sứ Tam Giang là Trần Cung Túc sang nhà Minh cầu hòa và giải thích sự việc Thiêm Bình, Thông phán Ái Châu là Mai Tú Phu làm phó sứ, Thiêm phán Tường Tư làm tòng sự. Nhà Minh giữ họ lại, sau bắt được hai [cha con] họ Hồ mới thả về.

Hán Thương gọi Tuyên phủ sứ Thăng Hoa Nguyễn Ngạn Quang về làm Đại lý chính; lấy Trấn phủ sứ Nghĩa Châu là Lê Quang Tổ làm Tuyên phủ sứ Thăng Hoa. Hồi Khanh giữ chức Hành khiển tả ty thị lang kiêm lĩnh thái thú Thăng Hoa, tiết chế Tân Ninh, chuyên quyền cai trị một phương. Đỗ Mẫn thôi chức Thượng thư lệnh hữu tham tri chính sự, lấy Hành khiển Binh bộ thượng thư kiêm Thiên Ngưu vệ đại tướng quân Đỗ Nhân Giám thay. **[52a]** Nội nhân coi quân Thiên Chương là Ngô Miễn làm Hành khiển thượng thư lệnh hữu tham tri chính sự kiêm coi các lăng phủ Thiên Xương.

Tháng 6, đỉnh tháp Báo Thiên đổ, An phủ sứ Đông Đô Lê Khải không báo tin, bị biếm 1 tư.

Hành khiển môn hạ hữu ty lang trung Trần Ngạn Chiêu bị bãi làm Hộ bộ thượng thư, lấy Thiêm tri nội mật kiêm tri Thẩm hình viện sự Nguyễn Cẩn làm Hành khiển môn hạ hữu ty lang trung.

Hán Thương bổ thêm hương quân, lấy người có phẩm tước tạm trông coi. Chiêu mộ những người vong mệnh làm quân dũng hãn, đặt các chức thiên hộ, bách hộ để cai quản.

Quý Ly chiêm bao thấy thần nhân ngâm bài thơ rằng:

Nhị nguyệt tại gia,
Tứ nguyệt loạn hoa,
Ngũ nguyệt phong ba,
Bát nguyệt sơn hà,
Thập nguyệt long xa.
(Tháng hai ở nhà,
Tháng tư loạn hoa,
Tháng năm sóng gió,
Tháng tám núi sông,
Tháng mười xe rồng).

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương ra lệnh cho các lộ đóng cọc gỗ ở bờ phía nam sông Cái, từ thành Đa Bang đến Lỗ **[52b]** Giang và từ Lạng Châu đến Trú Giang Giang¹ để làm kế phòng thủ.

Hán Thương hạ lệnh cho dân Tam Đái và Bắc Giang tích trữ lương thực, vượt sông sang làm nhà cửa ở chỗ đất hoang, chuẩn bị di cư đến đó.

Hán Thương gọi các quan cũ chờ lệnh bổ dụng.

¹ Có lẽ là khoảng hạ lưu sông Thương.

Tháng 9, nhà Minh sai Chinh Di hữu phó tướng quân đeo ấn Chinh di phó tướng quân Tân Thành hầu Trương Phụ, Tham tướng Huỳnh Dương Bá¹ Trần Húc, đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Pha Lũy² cứ một toán mai phục, một toán hành quân, thay nhau phiên nhau cứu ứng lẫn nhau.

Chinh Di tả phó tướng quân Tây Bình hầu Mộc Thạnh, Tham tướng hữu quân đô đốc đồng tri Phong Thành hầu Lý Bân cũng đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Phú Lệnh³, xẻ núi, chặt cây, mở đường tiến quân. Hai đạo quân tổng cộng là 80 vạn.

Tháng 11 [quân Minh] hội ở sông Bạch Hạc, bày doanh trại bờ bắc sông Cái, đến tận Trú Giang.

Hán **[53a]** Thương hạ lệnh cho quân ở sông Cái theo sự tiết chế của Tả tướng quốc Trùng, quân ở Trú Giang theo sự tiết chế của Thiêm văn triều chính Hồ Đổ. Phía ngoài liên kết chiến hạm của thủy quân, trên bờ thì binh tướng của ta đóng đối diện với doanh trại giặc, nhưng chưa từng giao chiến trận nào.

Trước đó, nhà Minh sai Thái tử thái phó Thành quốc công Chu Năng làm tổng binh đeo ấn Chinh Di tướng quân đem quân xâm lược phương Nam. Năng đến phủ Thái Bình ở Quảng Tây thì chết. Trước đó Năng đã làm bằng văn kể tội họ Hồ, rêu rao là tìm người họ Trần cho khôi phục lại vương tước. Đến đây, bọn Phụ, Thạnh viết lời bằng văn ấy vào nhiều mảnh gỗ thả theo dòng. Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng như lời trong bằng, hơn nữa lại chán ghét chính sự hà khắc của họ Hồ, không còn bụng dạ chiến đấu nữa.

Bọn Mạc Dịch, Mạc Thúy, Mạc Viễn và Nguyễn Huân mạo nhận là họ Mạc đều là những kẻ bất đắc chí, đón hàng quân Minh, người Minh đều trao cho quan chức. Sau Thúy làm đến tham chính; Dịch làm đến chỉ huy **[53b]** sứ; Viễn làm đến diêm vận sứ; Huân làm đến bố chính; (Thúy, Dịch, Viễn là cháu Mạc Đĩnh Chi).

Mùa đông, tháng 10, người Minh lại đến. Từ sông Lô trở lên bắc lại thực hiện đồng không nhà trống như lần trước.

Tháng 12, ngày mồng 2, người Minh chiếm được Việt Trì, bờ sông Mộc Hoan và chỗ đóng cọc ở sông Bạch Hạc. Tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực Hồ Xạ không giữ nổi, phải dời hàng trận sang phía nam sông Cái.

Đêm mồng 7, người Minh cho khiêng thuyền ra bờ phía bắc bãi sông Thiên Mạc. Tướng quân Trần Đĩnh đánh bại quân Minh. Tướng Minh đem những tên thoát lui thi hành quân lệnh, binh lính chúng liều chết cố đánh, tự nguyện lập công.

Đêm ngày mồng 9, quân Minh đánh úp quân họ Hồ ở bãi Mộc Hoàn. Tướng chỉ huy quân Tả Thần Dực Nguyễn Công Khôi đang vui chơi nữ sắc, không phòng bị, thuyền bị cháy gần hết, toàn quân bị tiêu diệt, lặng im không có tiếng động của chiến trận. Thủy quân ở phía trên và phía dưới không ai đến cứu, chỉ từ xa xin tả tướng quốc Trùng xem ai **[54a]** có thể thay giữ chỗ đó. Quân Minh liền vượt sông làm cầu phao để sang.

Sáng ngày 12, người Minh là Trương Phụ dẫn đô đốc Hoàng Trung, đô chỉ huy Thái Phúc tiến công phía tây bắc thành Đa Bang. Mộc Thạnh dẫn bọn đề đốc Trần Tuấn, tiến công phí đông nam thành. Xác chết chất cao ngang với thành mà giặc vẫn tiến đánh, không tên nào dám dừng lại. Bọn Nguyễn Tông Đổ, tướng chỉ huy quân Thiên Trường đào thành cho voi ra. Người Minh dùng hỏa tiễn bắn voi. Voi lui lại, người Minh theo voi đánh vào. Thành liền bị hạ. Các quân ở dọc sông đều tan vỡ, lui giữ Hoàng Giang. Người Minh vào Đông Đô bắt cướp con gái, ngọc lụa, thống kê lương chứa, chia quan làm việc, chiêu tập dân xiêu tán, làm kế ở lâu dài. Chúng thiến hoạn nhiều con trai nhỏ tuổi và thu lấy tiền đồng ở các xứ, cho chạy trạm đưa về Kim Lăng.

¹ CMCB 12 chép là Vân Dương Bá.

² Tức cửa ải Nam Quan ngày nay.

³ Một cửa ải gần thị xã Hà Giang ngày nay.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển IX

[1a]

Kỷ Hộ Trần

Giản Định Đế

Tên húy là **Ngỗ**, con thứ của **Nghệ Tông**, tên hiệu cũ là **Giản Định**, họ **Hồ** đổi phong là **Nhật Nam Quận Vương**. Cuối đời **Hồ**, khởi binh khôi phục nhà **Trần**. Ở ngôi hơn 2 năm. Vua không có tài dẹp loạn, lại giết bỏ người giúp mình, tự chuốc lấy diệt vong, chẳng phải vì không may.

Đinh Hợi, Hưng Khánh năm thứ 1 [1407], (từ tháng 10 trở về trước là Hán Thương Khai Đại năm thứ 5, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, ngày 20, Tả tướng quốc **Hồ Trùng** tiến quân đến sông **Lô**, quân **Minh** giữ hai bên bờ sông đánh kẹp lại, quân **Trùng** thất bại, lui giữ cửa **Muộn**¹. Quý Ly và Hán Thương đều trở về **Thanh Hóa**. Kinh lộ phần nhiều theo giặc làm phản. **Hồ Đổ**, **Hồ Xạ** bỏ **Bình Than** qua **Thái Bình**, **Đại Toàn** đến cửa **muộn**², hợp sức đắp lũy, đúc hỏa khí, đóng thuyền chiến để chống giặc. Quyên mộ tiền của, ai đóng góp thì được lấy con gái tôn thất và được cấp 10 mẫu ruộng.

Thị trung của họ **Hồ** là **Trần Nguyên Chỉ** cùng công chúa **Thiên Huy** dẫn nhân dân tránh loạn ra **Đồ Sơn**, trung thư lệnh **Trần Sư Hiền** cùng công chúa **Thiên Gia** ngược dòng sông **Cái** đều đầu hàng quân **Minh**.

Tướng chỉ huy quân **Thần Đinh** của họ **Hồ** là **Ngô Thành nhân** gió theo nước triều lên tiến đánh, đột kích đến **Giao Thủy**. Phụ, **Thạnh** chia quân ra hai bên bờ sông chặn đánh. Thành thế cô bị hãm trận chết, được truy tặng **Kiều** vệ tướng quân.

Người **Kiến Hưng** là **Nguyễn Nhật Kiên** tụ tập bạn bè đảng giết viên **Trấn phủ** sứ **Phan Hòa Phủ** rồi đầu hàng **Trương Phụ** (sau **Nhật Kiên** kiêu căng không giữ phép, bị **Phụ** giết).

Quân **Minh** đối lũy với quân **Hồ**, ngày đêm đánh nhau, vì nắng mưa, dịch bệnh, lại bùn lầy ẩm ướt khó ở, chúng bèn dời đến đóng ở **Hàm Tử**, lập doanh trại phòng bị nghiêm ngặt. Tả tướng quốc **Trùng** và **Hồ Đổ** cũng dời quân đến **Hoàng Giang**, lại đón **Quý Ly**, **Hán Thương** từ [2a] **Thanh Hóa** tới. Bấy giờ người ở **Kinh lộ** bị quân **Minh** sai khiến và mất cả gia thuộc, mang lòng oán hận, các quân nhân và tráng đinh đều đến cửa quân tự nguyện gắng sức lập công.

Tháng 3, ngày 13, Tả tướng quốc **Hồ Trùng** cùng **Hồ Đổ**, **Đổ Mẫn** tiến quân đến cửa **Hàm Tử**.

Hồ Xạ và **Trần Đĩnh** chỉ huy quân bộ ở bờ nam; **Đổ Nhân Giám**, **Trần Khắc Trang** chỉ huy quân bộ ở bờ bắc; **Nguyễn Công Chứng** chỉ huy 100 chiến thuyền làm tiên phong. **Trùng** và **Đổ** ở trong doanh bọn **Đổ Mẫn**, **Hồ Vấn** chỉ huy quân thủy. Quân thủy, quân bộ tổng cộng 7 vạn người, nói phao là 21 vạn, đều tiến đánh. Người **Minh** chia hai mặt thủy bộ xông ra. Quân hai bên bờ sông của họ **Hồ** quay ngược

¹ Cửa **Muộn**: (nguyên văn là **Muộn Khẩu**) là cửa sông **Hồng** ở huyện **Xuân Thủy**, tỉnh **Nam Hà**, thuộc đất **Giao Thủy** cũ, nhưng nay đã bị lấp.

² **Thái Bình**, **Đại Toàn**: là hai cửa sông. **thái Bình** là cửa sông **Thái Bình** ở huyện **Vinh Bảo**, **Hải Phòng**. **Đại Toàn** có lẽ là cửa sông **Diêm Hộ** tỉnh **Thái Bình**.

giáo nhày xuống chết, chỉ có thủy quân thoát được. Nhưng các thuyền chiến và thuyền chở lương đều bị chìm, không một người nào sống sót về được.

Khi ấy Hồ Xạ biết người Minh có mai phục, không chịu tiến quân. Hồ Đổ [2b] sai người đến trách rằng: "Tướng quân sao không đánh giặc?". Xạ bèn tiến đánh, bị thua. An phủ sứ Bắc Giang Nguyễn Hy Chu bị Trương Phụ bắt sống, Hy Chu chửi Phụ là giặc tàn bạo, bị Phụ giết.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, nhà Minh xuống chiếu cho tìm khắp nơi con cháu họ Trần lập làm quốc vương. Bọn quan lại và bô lão nhiều lần nói là đã bị họ Lê giết hết cả, không còn ai có thể nối dõi nhà Trần được nữa. Nước An Nam vốn là đất Giao Châu, xin được trở lại làm quận huyện như xưa để cùng các nha môn về, sở, phủ, châu, huyện. Lấy Đô chỉ huy Lữ Nghi giữ đô ty. Bắc Kinh hành bộ Thượng thư Hoàng Phúc giữ hai ty Bồi chính và Án sát. Lại cấm sai phái và ngừng thu các loại thuế 3 năm.

Quý Ly và Hán Thương dẫn các tướng và quan lại [3a] vượt biển trở về Thanh Hóa.

Ngày 23, quân Minh đánh vào Lỗi Giang¹, quân Hồ không đánh mà tan.

Ngày 29, quân Minh đánh vào cửa biển Diển Canh², quân Hồ bỏ thuyền tự tan vỡ. Hai [cha con] họ Hồ định lánh đến Thâm Giang³ nhưng không thành. Ngụy Thúc xin hai cha con họ Hồ tự thiêu. Ông nói:

"Nước đã sắp mất, bậc vương giả không chết bởi tay kẻ khác".

Quý Ly giận, chém chết.

Tháng 5, ngày mồng 5, quân Minh đánh vào cửa biển Kỳ La⁴, châu Nhật Nam. Nguyễn Đại (Nguyễn Đại trước thờ họ Hồ, sau phản lại họ Hồ, đầu hàng quân Minh, đến đây dẫn người Minh sang xâm lược) bắt được Hữu tướng quốc Quý Tỳ và con ông là Phán trung đô Nguyễn Cửu⁵.

Ngày 11, quân Minh đánh vào Vĩnh Ninh⁶. Bọn vệ quân Vương Sài Hồ 7 người bắt được Quý Ly ở bãi Chỉ Chỉ; Giao Châu hữu vệ quân là bọn Quý Bảo 10 người bắt được Tả tướng quốc Trùng ở cửa biển Kỳ La.

Ngày 12, đầu mục bộ hạ của Mạc Thúy [3b] là bọn Nguyễn Như Khanh bắt được Hán Thương và thái tử Nhuế ở núi Cao Vọng⁷.

Bọn Hồ Đổ, Phạm Lục Tài, Nguyễn Ngạn Quang, Đoàn Bông đều bị bắt. Còn bọn Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cẩn, Đỗ Mẫn đều đã đầu hàng từ trước.

Duy có Hành khiển tham tri chính sự Ngô Miễn, trực trưởng Kiều Biểu nhày xuống nước chết. Khi Miễn chết, vợ là Nguyễn thị ngửa mặt lên trời than rằng:

"Chồng ta thờ chúa, một đời ăn lộc, ngày nay giữ tiết nghĩa mà chết, thế là chết xứng đáng, còn oán hận gì nữa? Nếu thiếp muốn sống cho qua ngày, chẳng lẽ lại không còn chỗ đến nữa hay sao? Nhưng đạo chồng, ơn vua, một chốc mà phụ bạc thì thiếp không nỡ nào! Chi bằng, xin theo nhau!".

Nói xong, cũng nhày xuống nước chết.

¹ Lỗi Giang: một nhánh của sông Mã ở huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, hạ lưu thông với sông Đại Lại.

² Diển Canh: sau là cửa Ghép hay cửa Mom thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

³ Tức cửa sông Ngàn Sâu ở tỉnh Hà Tĩnh.

⁴ Cửa Kỳ La: ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

⁵ MCB 11 chép là Vô Cửu.

⁶ Núi Cao Vọng: ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

⁷ Núi Cao Vọng: ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Nói Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vợ Ngô Miễn là Nguyễn thị, không những chỉ chết vì ngghĩa mà [4a] thôi, câu nói cũng đủ làm lời khuyên cho đời, nên chép ra đây để nêu gương.

Trước hai [cha con] họ Hồ đến Kỳ La là định chạy vào Tân Bình. Dân ở đó, có một phụ lão ra bái yết thưa rằng:

"Xứ này tên là Kỳ Lê¹, trên có núi Thiên Cầm là điều không lành. Xin chớ lưu lại".

[Quý Ly] liền chém người ấy. Đến đây, quả nhiên bị bắt trói ở chỗ ấy.

Người Minh thống kê những thứ đã thu được: 48 phủ, châu, 168 huyện, 3.129.500 hộ, 112 con voi, 420 con ngựa, 35.750 con trâu bò, 8.865 chiếc thuyền.

Trước đây, Hoàng Hối Khanh nhân lệnh cai trị Thăng Hoa. Khi đến quận, dùng thổ quan là Đặng Tất và Phạm Thế Cầm làm tâm phúc. Tất cả cùng Tả châu phán Nguyễn Rỗ vốn ghen ghét nhau vì công trạng. Gặp khi hai họ Hồ chạy về phía tây, [4b] bị quân Minh đánh gấp, viết thư báo Hối Khanh lấy một phần ba số dân di cư khi trước, gộp với quân lính địa phương giao cho Rỗ chỉ huy để làm quân cần vương, lại sắc phong cho Cổ Lũy huyện thượng hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Thăng Hoa quận vương để vỗ yên dân Chiêm Thành. Hối Khanh đều giấu đi không cho mọi người biết.

Đến khi Chiêm Thành cất quân định thu lại đất cũ, dân di cư sợ chạy tan cả, bọn Hối Khanh trở về Hóa Châu, chỉ một mình Ma Nô Đà Nan chống nhau với Chiêm Thành, thế cô sức núng, bị người Chiêm giết chết. Hối Khanh trước đã thề bồi với dân Nghĩa Châu. Rỗ biết Tất và Hối Khanh có ý đồ khác nên không đi dự thề. Hối Khanh trở về Hóa Châu, thì Rỗ đưa dân di cư đi đường bộ đến chậm, Tất đi đường thủy đến trước, Trấn phủ sứ lộ Thuận Hóa là Nguyễn Phong ngăn không cho vào. Tất cố sức đánh, giết Phong, vào được thành, lại đánh nhau với Rỗ [5a] hơn một tháng. Rỗ không có viện binh, liền đem gia quyến sang Chiêm Thành. Hối Khanh đem giết mẹ và gia thuộc của Rỗ. Chiêm Thành cho Rỗ làm quan to. Sau nhà Minh đòi Rỗ đến Kim Lăng, giả cách cho làm Hồ Quảng chỉ huy sứ, rồi giết đi.

Hai cha con họ Hồ đã thất bại, Thế Cầm trở về Tân Bình, đón hàng người Minh ở Nghệ An nhận chức Tri phủ của Trương Phụ, cướp bóc của dân rồi trở về. Chiêm Thành lại chiếm cứ Thăng Hoa, rồi sang cướp Hóa Châu. Tất xin với Phụ cho làm quan để cai quản Hóa Châu, Chiêm Thành dẫn quân rút về. Đến đây, Tất sai người đưa Hối Khanh về, đến cửa biển Đan Thai² thì Hối Khanh tự vẫn. Phụ đem phụ cấp của Khanh ra bêu ở chợ Đông Đô.

Trương Phụ, Mộc Thạnh sai Đô đốc thêm sự Liễu Thăng; Hoàn hải tướng quân Lỗ Lân; Thần cơ tướng quân Trương Thăng, Đô chỉ huy sứ Du Nhuận; Chỉ huy đồng tri Lương Định; Chỉ huy thêm sự Thân [5b] Chỉ bắt giải Quý Ly và các con là Hán Thương, Trừng, Triết, Uông, các cháu là Nhuế, Lô, Phạm, cháu nhỏ là Ngũ Lang, em là Quý Tỳ, cháu gọi bằng bác là Nguyên Cửu, Tử Tuynh, Thúc Hoa, Bá Tuấn, Đình Việp, Đình Hoàng; các tướng thần là Đông Sơn hương hầu Hồ Đổ, Hành khiển Nguyễn Ngạn Quang, Lê Cảnh Kỳ; các tướng quân là huyện bá Đoàn Bồng, đình bá Trần Thang Mông, trung lang tướng Phạm Lục Tài cùng các ấn tín đến Kim Lăng để dâng.

Vua Minh hỏi rằng: "Trung Quốc như vậy, sao không sợ phục mà dám láo xược chống cự?".

Đều trả lời là không biết.

Vua Minh nói: "Từng sai sứ giả sang bảo, không phải là không biết".

Nhà Minh vờ cho Vương Nhữ Tương, Đồng Ngạn Hú, Nguyễn Quân, Lê Sứ Khải làm Kinh Bắc³ thị lang và tham chính ở Sơn Tây, Thiểm Tây, Sơn Đông, sai người đưa đi, đến nửa đường thì giết.

¹ Kỳ Lê ? là do chữ Kỳ La đọc chệch ra, có nghĩa là "trời họ Lê", Thiên Cầm? có nghĩa là "trời bắt". Thực ra nơi ấy tên là "Thiên Cầm" nghĩa là "đàn trời". Người phụ lão không muốn họ Hồ lưu lại, nên nhân thanh gần nhau mà nói chệch đi đánh lừa.

² Cửa biển Đan Thai: tức Cửa Hội (cửa sông Lam) ở tỉnh Nghệ An.

³ Có lẽ là Bắc Kinh bị chép nhầm ra Kinh Bắc.

Mùa thu, tháng 7, gió lớn [6a] nước to.

Người Minh lùng tìm những người ẩn dật ở rừng núi, người có tài có đức, thông minh chính trực, giỏi giang xuất chúng, thông kinh giỏi văn, học rộng có tài, quen thuộc việc quan, chữ đẹp tính giỏi, nói năng hoạt bát, hiểu để lực điền, tướng mạo khôi ngô, khỏe mạnh dũng cảm, quen nghề đi biển, khéo các nghề nung gạch, làm hương... lục tục đưa dân bản thân họ về Kim Lăng, trao cho quan chức, rồi cho về nước làm quan phủ, châu, huyện. Những người có tiếng tăm một chút đều hưởng ứng.

Duy có Bùi Ứng Đầu từ chối, lấy cớ đau mắt, bọn hạ trai học sinh Lý Tử Cấu mấy người lui ẩn không chịu ra mà thôi. Bấy giờ có câu ngạn ngữ: "Muốn sống vào ẩn núi rừng, muốn chết làm quan triều Ngô¹. Đến khi Thái Cao Tổ Hoàng đế² ta diệt trừ bọn hung tàn, bọn nguy quan, đưa nào có tiếng xấu đều bị giết hết, quả đúng như [6b] lời ấy.

Trương Phụ cho là Nguyễn Đại có công trong việc bắt hai cha con họ Hồ, trao cho chức Giao Chỉ đô chỉ huy sứ. Đại kiêu căng ra mặt, lại ngậm có chí làm phản. Phụ bèn giết đi.

Tháng 8, Trương Phụ và Mộc Thạnh đem quân về, lưu lại đô ty Lữ Nghi, thượng thư Hoàng Phúc để trấn giữ. (Phúc người Xương Ấp, tỉnh Sơn Đông). Trước đây, Hoàng Phúc đốc suất thổ binh tỉnh Quảng Tây điều vận lương thực, theo quân tiến đánh. Đến đây, được giữ lại. Phúc là người thông minh, giỏi ứng biến, có tài trị dân, người ta phục là giỏi.

Phan Phu Tiên nói: Họ Hồ mất nước, Nguyễn Hy Chu chủ giặc, Hồ Xạ, Đỗ Nhân Giám (Nhân Giám là con Đỗ Mãn) chết trận, Lê Cảnh Kỳ đến Kim Lăng không chịu ăn. Loại người như vậy, tựa hồ có thể khen là chết vì tiết nghĩa được. Nhưng Hy Chu từng xui họ Hồ giết họ Trần; [7a] cha con Nhân Giám là bề tôi cũ của nhà Trần, thế là phường ác giúp nhau. Anh ruột của Xạ là Ông Thiện can tội đảng [mưu giết Quý Ly] bị chết, Xạ không chút đoái hoài, lại hăng hái đánh giặc cho Quý Ly. Thế là chỉ biết ăn lộc của ai chế vì người ấy là nghĩa mà không biết người ấy là kẻ bất nghĩa. Cảnh Kỳ là người chỉ lo thỏa mãn thân mình, kiểm chác lộc vị, không chết khi Quý Ly cướp ngôi mà chết lúc hấn bị bại vong thì không đáng khen. Còn như Ngô Miễn, Nguyễn Lệnh, Kiều Biểu vốn là kẻ hoạn nạn, cái chết của bọn họ là điều nên lảm. Than ôi! Dương Hùng nhảy từ trên gác xuống³ không phải là người trung nghĩa, nhưng khó tránh khỏi cái tội làm tôi cho Vương Mãng. Thiệu Hốt chết theo⁴ không thể coi là phải đạo, thế nhưng những kẻ phản trắc há chẳng thấy thế mà phấp phỏng chột dạ hay sao?.

[7b] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ngày xưa, Hạ Trưng Thư giết Trần Linh Công, người trong nước không đánh giết được. Sở Tử vào nước Trần, giết Trưng Thư rồi dùng xe xé xác ở cử thành, kinh Xuân thu ca ngợi việc đánh giết đó.

Họ Hồ giết Trần Thuận Tông mà cướp lấy nước, những người như Trần Hăng, Trần Khát Chân mưu giết mà không được. Sau khi họ chết, trong khoảng 7, 8 năm, không còn ai có thể làm được việc ấy nữa. [Họ Hồ] tự cho là người trong nước không còn ai dám làm gì nữa. Nhưng bọn loạn thần tặc tử thì ai ai cũng có thể giết chết chúng được và trời cũng không một ngày nào tha trừng phạt chúng dưới gầm trời này! Người trong nước giết chúng không được thì người nước láng giềng có thể giết, người nước láng giềng giết không được thì người Di người Địch có thể giết. Vì thế người Minh mới có thể giết được chúng. Còn như [người Minh] giả nhân giả nghĩa, sát hại sinh linh thì chính là một bọn giặc tàn bạo. [8a] Cho nên Thái Cao Tổ Hoàng Đế ta lại có thể tiêu diệt được bọn chúng.

¹ Nguyên văn: "Dục hoạt nhập ẩn sơn lâm, dục tử Ngô triều tổ quan".

² Tức Lê Lợi.

³ Dương Hùng: làm đại phu nhà Hán, Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Hùng theo Mãng. Sau vì liên quan đến việc Lưu Phần, sứ giả đến bắt, Dương Hùng nhảy từ gác Thiên Lộc xuống đất gần chết, được Mãng tha tội.

⁴ Thiệu Hốt: là bề tôi của công tử Tử Củ nước Tề, định đưa Tử Củ từ nước Lỗ về tranh ngôi với anh là Tiểu Bạch (Tề Hoàn Công). Sau Tử Củ bị giết, Thiệu Hốt chết theo.

Than ôi, bọn phạm tội đại ác làm sao trốn được sự trừng phạt của trời? Đạo trời rõ ràng như vậy, đáng sợ thay!

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 2, Gản Định Đế lên ngôi ở Mô Độ¹, châu Trường Yên, dựng niên hiệu là Hưng Khánh. Trước đó, Trương Phụ yết bảng bắt các tôn thất họ Trần và đầu mục quan lại cũ để đưa về. Vua trốn chạy đến Mô Độ. Người Thiên Trường là Trần Triệu Cơ đem quân đến lập lên ngôi, xưng theo tên hiệu cũ².

Tháng 4, quân Minh đánh vào hành dinh, vì quân mới chiêu tập, không đánh mà tan vỡ. Vua liền đi về phía tây, đến Nghệ An tạm đóng tại đó. Đại trị châu Hóa Châu là Đặng Tất nghe tin, giết viên quan nhà Minh, đem quân tới hội, tiến con gái mình sung vào hậu cung. Vua phong Tất [8b] làm Quốc công, cùng mưu việc khôi phục.

Người Minh ngờ viên thổ quan là Hữu tham nghị Bùi Bá Kỳ có bụng khác, bắt đưa về Kim Lăng.

Bá Kỳ (người Phù Nội, Hạ Hồng) vốn là phe Trần Khát Chân, tự xưng là bề tôi trung nghĩa của Nam triều, trốn sang nước Minh, vừa gặp tên Trần vương nguy là Thiêm Bình đến trước, người Minh hỏi có biết không, Bá Kỳ trả lời là không biết.

Đến khi nhà Minh đưa Thiêm Bình về nước, hỏi Thiêm Bình cần bao nhiêu quân, Thiêm Bình nói: "Chẳng qua vài nghìn thôi, đến đó người ta tự nguyện hàng phục". Bá Kỳ nói rằng không thể được. Vua Minh giận, phế bỏ Bá Kỳ, đem an trí tại Thiêm Tây, Cam Túc. Đến khi Thiêm Bình thất bại, vua Minh gọi Bá Kỳ về ban sắc cho, ân cần hứa hẹn lập con cháu nhà Trần và để Bá Kỳ làm phụ thần, rồi sai Kỳ đi theo quân, nên trao cho chức ấy. Bá Kỳ không dự với đồng liêu ở nhà môn, chỉ ở nhà riêng thu nạp các viên quan cũ bị sa cơ lỡ bước. Bấy giờ [9a] viên thổ hào ở Đông Triều là Phạm Chấn lập Trần Nguyệt Hồ làm vua ở Bình Than, đề cử chiêu an gọi là Trung nghĩa quân, cho nên người Minh ngờ Bá Kỳ. Sau Trần Nguyệt Hồ bị người Minh bắt, Phạm Chấn bỏ trốn.

Tháng 12, vua sai Trần Nguyên Tôn, Trần Dương Đình, cự hành Trần Ngạn Chiêu lại cùng Phạm Chấn thu quân về Bình Than. Không bao lâu bị tan vỡ, chạy về hành tại Nghệ An.

Giết bọn nguy quan Trần Thúc Giao, Trần Nhật Chiêu và thuộc hạ hơn 500 người.

Trước đây, người Minh lấy tôn thất họ Trần là Trần Thúc Giao (là con Trần Nguyên Đán) giữ đất Diễn Châu, cự tướng quân Trần Nhật Chiêu giữ đất Nghệ An. Đến đây, vua lên ngôi, vì họ không đón rước trước nên bị giết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Thiên hạ đại loạn, nhân dân Nghệ An, Diễn Châu biết [9b] ai là chân chúa. Thúc Dao là con người tôn thất, Nhật Chiêu là tướng quân cũ, nhận quan tước của nhà Minh, giữ đất, trị dân, dân không theo có được không? Giết Thúc Dao và Nhật Chiêu là phải, còn bọn thuộc hạ nên vỗ về mà dùng, thì chúng không cảm kích ơn đức đó hay sao? Thế là lại giết nhiều như vậy, sao gọi là quan nhân nghĩa được? Xem như Lê Tiệt và Lê Nguyên Đình nhằm họp quân ở Hát Giang, mưu đánh úp Trùng Quang Đế, mà Trùng Quang Đế chỉ có Tiệt Đế và Nguyễn Đình thôi, còn đều tha cả, so với Giản Định Đế thì đẳng nào hơn?

Năm ấy đói và dịch bệnh, nhân dân không cày cấy được, người chết gối lên nhau.

Mậu Tý, [Hưng Khánh] năm thứ 2 [1408], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 30, tướng nhà Minh là Trương Phụ cùng bọn thổ quan Mạc Thúy đánh vào Diễn Châu. Vua và Đặng Tất vì quân ít không địch nổi, rút về nam đến Hoá [10a] Châu, Quân Minh đuổi theo, đánh vào cửa biển

¹ Mô Độ: bến Yên Mô, ở xã Yên Mô, huyện Yên Mô, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

²Giản Định Đế tên húy Ngỗi, trước được phong là Giản Định Vương, nhà Hồ đổi phong là Nhật Nam Quận Vương. Đến đây xưng theo tên hiệu cũ là Giản Định.

Bố Chính¹, Phạm Thế Căng đón hàng, Phụ trao cho chức tri phủ Tân Bình, rồi đặt lưu quan để cai trị. Phụ trở về Đông Đô.

Mùa hạ, tháng 4, Đặng Tất rước vua trở về Nghệ An.

Nhà Minh xuống chiếu, đại lược nói:

"Còn nghĩ bọn dư chúng² vốn là ngu muội, hoặc vì đói nghèo bức bách, hoặc bị kẻ mạnh bắt ép, hặc bị bọn gian dụ dỗ, việc không thể dừng, tình cũng đáng thương, nếu nhất loạt bắt tội cả, trăm thực không nở. Khi chiếu thư này tới, đều tha cho cả. Quan lại ở các nha môn, quân dân thuộc đất Giao Chỉ hãy thể lòng chí nhân của trăm phải khoan hồng thương xót, chớ làm ráo riết, chớ vợ vét của dân, hết thảy những việc không cần kíp phải ngừng bỏ cả".

Tháng 6, ngày 16, Đặng Tất cả phá tên bạn thân Phạm Thế Căng ở cửa biển Nhật Lệ, bắt được Thế Căng và cháu nó là Phạm Đống Cao giải về hành tại giết [10b] đi.

Trước đó, Thế Căng nhận quan chức của nhà Minh, làm oai làm phúc tiếm xưng là Duệ Vũ Đại Vương. Đến đây, họp quân chiếm cứ núi An Đại³. Tất đánh dẹp được.

Tháng 9, động đất, nhà cửa, cây cối như nghiêng đổ cả.

Mùa đông, tháng 10, quốc công Đặng Tất điều quân các lộ Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hóa tiến đánh Đông Đô. Khi quân đi qua các xứ Trường Yên, Phúc Thành⁴, các quan thuộc cũ và các hào kiệt không ai không hưởng ứng đi theo. Tất chọn những người có tài đều trao cho quan chức.

Tháng 12, ngày 14, quốc công Đặng Tất cả phá quân Minh ở Bô Cô hãn⁵.

Bấy giờ nhà Minh sai tổng binh Mộc Thanh mang tước Kiềm quốc công, đeo ấn Chinh di tướng quân, đem 5 vạn quân từ Vân Nam đến Bô Cô, vừa khi vua cũng từ Nghệ An tới, quân dung nghiêm chỉnh, gặp lúc nước triều lên gấp, gió thổi mạnh, sai các quân đóng cọc giữ, [11a] và lên hai bên bờ đắp lũy. Thạnh cũng chia quân thủy, quân bộ cùng cầm cự. Vua cầm dùi đánh trống, hạ lệnh, các quân thừa cơ xông ra đánh, từ giờ Tỵ đến giờ Thân⁶, quân Minh thua chạy, chém được Bình bộ thượng thư Lưu Tuấn, Đô ty Lữ Nghị, cùng quân mới, quân cũ đến hơn 10 vạn tên. Chỉ một mình Mộc Thạnh chạy thoát trốn về thành Cổ Lộng⁷.

Vua bảo các quân:

"Hãy thừa thế chẻ tre, đánh cuốn chiếu thẳng một mạch, như sét đánh không kịp bịt tai, tiến đánh thành Đông Quan⁸ thì chắc chắn phá được chúng".

Tất tâu: "Hãy bắt hết bọn giặc còn sống sót, không nên để mối lo về sau".

Do dự mãi không quyết định được. Quân giữ thành Đông Quan đến cứu viện, đón Mộc Thạnh về. Tất chia quân vây các thành, gửi hịch cho các lộ hành quân đánh giặc.

Phan Phu Tiên nói: Đặng Tất chỉ biết hành quân là gấp mà không biết cứu [11b] Đông Đô còn gấp hơn. Đông Đô có tầm hình thế của cả nước. Chiếm được Đông Đô thì

¹ Tức là cửa sông Giang ở huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

² Dư chúng: chỉ những người không chịu phục tùng nhà Minh.

³ An Đại: một ngọn núi ở huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình.

⁴ Trường Yên: là đất Ninh Bình; Phúc Thành: sau là xã Phúc An, huyện Yên Khánh, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

⁵ Bô Cô là tên một bến đò ở xã Bô Cô, sau đổi là xã Hiếu Cổ, huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc đất huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

⁶ Khoảng từ 11 giờ đến 16 giờ.

⁷ Thành do người Minh đắp, thuộc xã Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, tục gọi là thành Cách.

⁸ Thành Đông Quan: tức là thành Đông Đô là kinh đô Thăng Long cũ nay là Thủ đô Hà Nội.

các lộ không đâu không hưởng ứng, hơn nữa hào kiệt trung châu đều ở cả đó. Bỏ nơi ấy mà không lo đánh chiếm, lại chia quân phân tán đi các xứ, vì thế hiệu lệnh không thống nhất, rốt cuộc đi đến sụp đổ là đáng lắm!

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đường Thái Tông dùng binh, phần nhiều nhân thể chẻ tre mà giành thắng lợi, là vì có tư thế anh hùng mà tướng và quân vốn đã rèn sẵn. Vua tính kế quyết thắng nhưng Tất không theo, cố nhiên là đáng tiếc. Song có lẽ Tất liệu vua mình không phải là bậc anh hùng như [Đường] Thái Tông, mà quân thì từ xa đến, lương thực có thể không tiếp tế được, còn quân ở kinh lộ thì chưa tập hợp được, chẳng thà theo phép hơn địch gấp 10 lần thì bao vây, hơn địch gấp 5 lần thì đánh¹ là hơn. Nếu không thế thì thành Cổ Lộng chỉ cách Bồ Cô không quá nửa ngày đường sao vẫn không thể thừa thế chẻ tre mà đánh. [12a] hưởng chi thành Đông Quan. Kêu ấy cũng chưa lấy gì làm hỏng lắm, chỉ vì vua tin lời gièm mà vội giết Tất thôi. Than ôi, Đặng Tất sau khi phá được giặc mạnh, trở tài mới trong khoảng một tuần một tháng, công việc chưa làm được một nửa mà bị chết oan, đó là cái họa sụp đổ [của nhà Trần], chứ đâu phải là tội của Tất.

Quan quân đến phủ Kiến Xương, viên thổ quan đồng tri Trần Quốc Kiệt trốn vào rừng bị chết đói. Trần Phúc² nghe tin cho lập đền thờ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Quốc Kiệt chết đói, không phải là giữ tiết nghĩa với nhà Minh, mà là xấu hổ vì nhận quan chức của nhà Minh đó! Thế mới biết lòng hổ thẹn là đầu mối của điều nghĩa. Tiếc thay Quốc Kiệt không biết xấu hổ ngay từ đầu.

Kỷ Sửu, [Hưng Khánh] năm thứ 3 [1409], (từ tháng 3 trở đi là Trùng Quang đến năm thứ 1, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, giết quốc công Đặng Tất [12b] và Đồng tri khu mật viện sự tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân.

Khi ấy vua đóng ở Hoàng Giang, nội nhân là Nguyễn Quỹ (có sách viết là?) học sinh Nguyễn Mộng Trang mật tâu rằng Nguyễn Cảnh Chân và Đặng Tất chuyên quyền bỏ quan và cách chức, nếu không tính sớm đi, sau này khó lòng kiềm chế. Vua cho gọi hai người đến, bóp cổ giết Tất, Chân chạy lên bờ, lực sĩ đuổi theo chém chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua may thoát khỏi vòng vây hãm nguy hiểm, cầu người cứu giúp nạn nước, được cha con Đặng Tất có tài làm tướng, cha con Cảnh Chân giỏi tài mưu lược, đủ để lập được công khôi phục, dựng được nghiệp trung hưng. Với trận thắng Bồ Cô, thế nước lại nổi. Thế mà nghe lời gièm pha ly gián của bọn hoạn quan, một lúc giết hại hai người bề tôi phò tá mình, thì làm sao nên việc được!

Cho nên đức của người làm vua quý ở chỗ cương quyết, sáng suốt. Cương quyết thì có thể [13a] xử đoán được, sáng suốt thì có thể xét rõ được. Ôi, nếu lúc đó vua gọi hai đại thần đến, dẫn hai đứa ấy kể rõ tội gièm pha vu hãm hại đại thần rồi chém ngay chúng đi thì uy lệnh được thi hành và bọn Tất dừng cảm càng tăng, cảm kích càng sâu, giả sử có manh tâm chuyên quyền chả lẽ không sợ uy mà phải tự bỏ, sợ gì khó kiềm chế nữa. Đã không làm được như thế thì chỉ có long đong rồi đến chết chìm mà thôi!

Con Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị, con Đặng Tất là Dung đều căm giận vì cha bị chết oan, mới đem quân Thuận Hóa về Thanh Hóa, đón rước Nhập nội thị trung Trần Quý Khoáng đến Nghệ An lên làm vua.

Tháng 3, ngày 17, vua lên ngôi ở Chi La¹, đoin niên hiệu là Trùng Quang, lấy Nguyễn Súly là Thái phó, Nguyễn Cảnh Dị làm Thái bảo, Đặng Dung làm đồng bình chương [13b] sự, Nguyễn Chương

¹ Nguyên văn "Thập vị ngũ công" là cách nói tắt của câu: "Thập tắc vị chi, ngũ tắc công chi" trong binh pháp cổ Trung Quốc ("Thaông điển" và "Tôn Tử thập gia chú") nghĩa là: Hơn địch 10 lần thì bao vây, hơn địch 5 lần thì đánh. Ý nói là cách đánh cẩn thận chắc chắn.

² Nên sửa là Hoàng Phúc.

làm Tư mã. Giản Định Đế giữ thành Ngự Thiên² chống nhau với quân Minh. Bọn Sứ hội đánh úp bắt được.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, Hưng Khánh thái hậu³ cùng với hành khiển là Lê Tiết, Lê Nguyên Đĩnh ngầm khởi binh ở Hát Giang mưu đánh úp Trùng Quang Đế. Người Nghệ An là Nguyễn Trạo tiết lộ việc ấy. Trùng Quang Đế giết bọn Tiết và Nguyên Đĩnh, còn những người khác đều tha cả.

Ngày 20, bọn Nguyễn Sứ dẫn Hưng Khánh Đế đến sông Tam Chế⁴ ở Nghệ An, trùng Quang đổi mặc áo thường xuống thuyền đón rước. Khi ấy trời đất đương tối sầm bỗng nhiên mây vàng rực rỡ hiện ra, mọi người đều kinh ngạc. Bèn tôn Hưng Khánh Đế làm Thượng hoàng, cùng chung sức đánh giặc.

Tháng 5, bà phi của Trùng Quang Đế mất.

Tháng 6, Hưng Khánh thái hậu mất.

Tháng 7, mưa dầm suốt mấy tuần không tạnh.

Tổng binh nhà Minh là Mộc Thạnh sai Hoàng La tới. Vua sai [14a] người tiếp hãn ở Nỗ Giang⁵, Thanh Hóa.

Hai vua ra quân đánh giặc. Thượng hoàng tiến quân tới Hạ Hồng, vua đem quân đến Bình Than, đóng dinh ở đấy. Quân Minh đóng ở cửa thành cố thủ. Vua hạ lệnh cứ 4, 5 ngày một lần đi tuần tra. Hào kiệt các lộ đều hưởng ứng, chỉ có tri phủ Tam Giang⁶ là Đỗ Duy Trung (Duy Trung là thổ hào ở Thao Giang) bảo dưỡng quan lại nhà Minh nên không chịu theo thôi.

Vừa khi tổng binh Trương Phụ, với tước Anh quốc công đeo ấn Chinh Di tướng quân sang cứu viện, thế quân Minh lại lên. Thượng hoàng liền bỏ thuyền lên bờ, đến trấn Thiên Quan⁷. Vua ngờ Thượng hoàng có ý khác, sai Nguyễn Sứ đuổi theo nhưng không kịp. Trương Phụ chia quân đuổi theo, bắt được Thượng hoàng và Thái bảo Trần Hy Cát cùng ấn báu, giải về Kim Lăng, rồi bị hại.

Tháng 8, Trùng Quang Đế cầm cự nhau với Trương Phụ ở Bình Than.

Vua lệnh cho Bình chương Đặng Dung giữ cửa Hàm Tử. Bấy giờ [14b] lương thực rất thiếu thốn, Dung chia quân đi gặt lúa sớm để cấp cho quân. Quân Minh dò biết, dùng thủy quân đánh cửa Hàm Tử, quân của Dung tan vỡ. Vua nghe tin thất thủ, tự lượng không chống nổi, mới dẫn quân về Nghệ An mưu việc tiến thủ.

Phụ đi đến đâu, giết chóc rất nhiều, có nơi chặt thành núi, có chỗ moi ruột quấn vào cây, hoặc rán thịt lấy mỡ, hoặc nướng đốt làm trò, thậm chí có đũa mỡ bụng lấy thai, cắt lấy hai cái tai để nộp theo lệnh. Kinh lộ các nơi lần lượt đầu hàng. Những dân còn sót lại bắt hết làm nô tỳ và bị đem bán, tan tác khắp bốn phương cả.

Thượng thư Hoàng Phúc lại đặt quan chức, chia ra trị các phủ, huyện từ Thanh Hóa trở ra Bắc. Người địa phương có ai chiêu an được, hay có công cướp giết, Trương Phụ đều trao cho quan chức. Hoàng Phúc xin nâng hai châu Thái Nguyên và Tuyên Quang lên thành phủ.

¹ Chi La: Tên huyện La Sơn, nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

² Ngự Thiên: tên huyện, trước là hương Đa Cương, có mộ tổ nhà Trần ở đấy nên gọi là Ngự Thiên, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

³ Mẹ của Đế Ngỗi.

⁴ Khúc sông Lam ở gần chân núi Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

⁵ Nỗ Giang: khúc sông Mã chảy qua làng Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, còn gọi là sông Nguyệt Thường.

⁶ Phủ Tam Giang: là đất tỉnh Phú Thọ ngày nay.

⁷ Trấn Thiên Quan: là vùng đất gồm huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình và huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày nay.

Năm này đói và dịch bệnh nặng hơn [15a] năm trước.

TRÙNG QUANG ĐẾ

Tên húy là Quý Khoáng, con thứ của Mẫn Vương Ngạc, cháu nội Nghệ Tông, cháu gọi Giản Định Đế bằng chú, ở ngôi 5 năm. Vua gặp thời loạn lạc, gắng chí mưu việc khôi phục, nhưng vì trời không giúp nhà Trần nữa, nuốt hận mà chết, thương thay!

Canh Dần, [Trùng Quang] năm thứ 2 [1410], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ sai người Minh mở thêm đồn điền ở nơi gần thành và thu thóc lúa ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Tam Giang để dự trữ lương quân.

Mùa hạ, tháng 5, vua đem bọn Nguyễn Cảnh Dị tiến quân đến bến La, Hạ Hồng, đánh phá quân của đô đốc Giang Hạo, thừa thắng đuổi theo, tiến quân đến Bình Than, đốt phá gần hết thuyền trại của quân Minh.

Bấy giờ, các hào kiệt nghe tin đều hưởng ứng. Người Thanh Hóa là Đồng Mặc, tên hiệu là Lỗ Lược tướng quân, đánh giết bọn giặc nhiều không kể xiết. Chỉ huy của quân Minh là Tả [15b] Địch bị bắt, Vương Tuyên (có sách ghi là Vương Đản) thế cùng phải tự vẫn. Hưng Khánh Đế cho Mặc làm Phủ quản quận Thanh Hóa.

Lại có người Nguyễn Ngân Hà tuy không bằng Mặc, nhưng cũng là người trộ trong đám hào kiệt. Lê Nhị ở Thanh Oai giết cha con tên đô ty Lữ Vương ở cầu Ngọc Tản, lại chiếm giữ huyện Từ Liêm, quân Minh rất sợ hãi. Lê Khang ở Thanh Đàm¹, Đỗ Cối, Nguyễn Hiệu ở Trường Yên cũng họp quân chống giặc. Nhưng vì hiệu lệnh không thống nhất, quân đội không có chỉ huy chung, nên sau đều tan vỡ cả. Gặp khi Trương Phụ đến Diễn Châu, vua lại đem quân về Nghệ An.

Hoàng Phúc xin cấp ruộng cho các thổ quan, tùy theo phẩm trật, để họ cho người cày cấy thu tô thay cho bổng lộc, còn các lưu quan thì cấp lính để cấy ruộng thu thóc, chi cấp lương ăn.

Tân Mão, [Trùng Quang] năm thứ 3 [1411], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ cấp bổng cho thổ quan các phủ vì có công [16a] đánh dẹp, gồm cả những thổ quan ở phủ, châu cai quản quân lính, những người thuộc thiên trưởng, bách trưởng lấy làm chỉ huy thiên bộ.

Tháng 2, nhà Minh xuống chiếu ân xá, đại lược nói: "Giao Chỉ đã thuộc về Chức phương² mà liên mấy năm chưa được yên nghỉ. Nghĩ thương dân ấy sau cơn khốn khổ, đặc cách ban ân khoan thứ, xót thương, ngõ hầu khiến cho triệu dân đều được thấm nhuần đức trạch".

Lại dụ bọn quan lại, quân dân rằng: "Người Giao Chỉ đều là dân của trời, đã vớ về chúng, thì chúng đều là con đỏ của trẫm. Chúng nhất thời đi theo bọn giặc, nghe nói bị giết, trẫm thực thương xót trong lòng, sao lại nỡ để chúng như vậy? Và lại, bọn gây tội ác chỉ có mấy đứa thô, còn trăm họ nơi bãi biển, hang núi, bị chúng cưỡng bức, uy hiếp, hoặc giúp chúng lương thực, hoặc bị chúng đem theo làm giặc ở các nơi, đều là bắt đắc dĩ, bị chúng làm cho lầm lỡ chứ không phải là do bản tâm. Nếu biết [16b] hối hận sửa bỏ lỗi lầm, đều cho được đổi mới. Làm ác chỉ có mấy đứa, trăm họ không có tội gì. Trong đó, người nào hiên ngang dũng cảm, có kiến thức, có thể bắt được mấy đứa kia đem dâng thì nhất định sẽ ban cho quan to, tước cao. Còn bọn làm ác, nếu biết tẩy rửa tâm trí, đổi lỗi sửa mình, thì chẳng những được khoan tha tội lỗi, lại còn chắc chắn được làm quan vinh hiển nữa".

Tháng 3, nhà Minh sai quan mang sắc chỉ cho các thổ quan như sau: "Các người tài năng khôi kiệt, tư chất đôn hậu, sáng suốt nhìn xa, trước đã thành tâm gắng sức, tận trung với triều đình, nghĩ tới công lao của các người, đặc ân thăng cho chức vụ vinh hiển. Nay nghe các người biết làm tròn nghĩa vụ,

¹ Huyện Thanh Đàm: là huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

² Chức phương: chức quan nắm giữ bản đồ của thiên hạ, trông coi việc tiến cống của bốn phương. Ở đây ý nói Giao Chỉ đã nằm trong bản đồ của nhà Minh.

dốc sức lập công, bắt giết bọn phản nghịch, giữ vững đất đai, nghĩ đến lòng trung thành ấy, xiết nỗi vui mừng khen ngợi. hiện nay, bọn giặc còn sót chưa dẹp yên hết, các người hãy lập thêm nhiều công, ra sức quét sạch bọn chúng để tiếp nối công tích trước đây. Ta đặc cách sai người [17a] sang úy lạo ban thưởng. Các người hãy kính cẩn phục tùng mệnh lệnh ân sủng này".

Mùa thu, tháng 7, sông Đáy nước lên to, vỡ đê quai, trôi cả nhà cửa của dân.

Tháng 9, vua và bọn Nguyễn Súy chia đường tiến đến cửa biển, bắt được tên chỉ huy Nguyễn Chính người địa phương ở Bài Lâm, chém bêu đầu rồi về.

Sai Hành khiển Hồ Ngạn Thần làm sứ giả cầu phong, Thẩm hình là Bùi Nột Ngôn làm phó, mang biểu văn, phương vật và hai tượng người bằng vàng và bằng bạc thay thân mình.

Trước đó, vua đã sai hành khiển Nguyễn Nhật Tư và thẩm hình Lê Ngân sang cầu phong. Vua Minh nổi giận, bắt giam rồi giết cả. Đến đây lại sai bọn Ngạn Thần đi.

Đến Yên Kinh, vua Minh sai Hồ Trừng giả vờ lấy ân tình cũ hỏi thăm quốc chủ khoẻ hay yếu, tình hình trong nước thế nào, Ngạn Thần nói hết cả với Trừng. Nột Ngôn thì không chịu khuất phục. Nhà Minh giả cách cho vua làm Giao Chỉ Bồ chính sứ, Ngạn Thần làm Tri phủ Nghệ An.

Sứ về nước, Nột Ngôn tâu hết [17b] việc Ngạn Thần tiết lộ việc nước và nhận lệnh của giặc. [Vua sai] bắt Ngạn Thần giam ngục rồi giết.

Gả Quốc tử trưởng công chúa¹ cho Hồ Bồi người Hóa Châu, phong Bồi làm Tư đồ rồi sai ra Thanh Hóa chống giặc.

Nhà Minh bắt giam viên Tham nghị Giải Tấn rồi giết đi (Tấn là người Cát An, tỉnh Giang Tây). Tấn đỗ tiến sĩ cập đệ, bổ Hàn lâm học sĩ, vì nói việc trái ý vua, bị đui ra làm Tham nghị ở Giao Chỉ. Khi đến ty, lại nói rằng:

"Giao Chỉ chia đặt quân huyện không bằng để nguyên như cũ, phong tước chia đất cho các thổ hào để họ cai quản lẫn nhau. [Chia đặt quận huyện] đâu có cái được cũng không bù được những cái mất, cái lợi không chữa được cái hại".

Vua Minh xem tờ tâu nổi giận, cho là Giải Tấn có ý tư vị họ Trần, bắt lợi cho nước, xuống chiếu bắt giam ở Cẩm y vệ, rồi ốm chết. Đến năm Minh Nhân Tông lên ngôi, mới được đưa về chôn, gia thuộc mới được về quê hương.

[18a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Lời nói của bề tôi ngay thẳng không phải lợi cho mình mà lợi cho nước. Nhưng các vua chúa tầm thường thì không hay coi đó là lợi mà cứ muốn hại người ta. Đó là do họ bị che lấp nặng rồi. Minh Thái Tông một khi đã mạnh tâm hiếu đại hỷ công, tham cướp được nước ta, Giải Tấn há lại không biết nói thể là chạm tới cơn giận giữ hay sao? Đó chính là vì nước không nghĩ đến mình. Thái Tông không nghe, cùng binh độc vũ, cho rằng ắt chiếm được. Lời của Giải Tấn lúc ấy hình như chưa ứng nghiệm.

Đến khi Thái Tổ ta² dẹp loạn trừ bạo, bắt được phong thư bọc sấp của Vương Thông nói rằng: "Quân để dùng phải được như số quân đi đánh lúc đầu, và phải được 6, 7 viên đại tướng như Trương Phụ mới có thể đánh được, mà đầu có lấy được cũng không thể giữ được", thì bấy giờ lời Giải Tấn mới ứng nghiệm. Lời nói của bề tôi ngay thẳng chả lẽ không [18b] lợi cho nước hay sao? Cốt ở người làm vua biết soi xét mới được.

Người Minh bắt giải giáo thụ Lê Cảnh Tuân về Kinh Lăng.

¹ Tức trưởng công chúa chị gái vua.

² Chỉ Lê Lợi.

Trước đây, Cảnh Tuân là hạ trai học sinh¹ của họ Hồ. Năm Hưng Khánh thứ 1, viết bức thư một vạn chữ² dâng cho Tham Nghị Bùi Bá Kỳ, nêu ba phương sách thượng, trung, hạ, đại lược nói rằng:

"Nhà Minh đã có sắc ban cho ngài theo quân tiến đánh, đợi khi bắt được họ Hồ thì chọn con cháu họ Trần lập làm vua, gia tước cho ngài để ở nước làm phụ tá. Nay thấy thiết lập ty bố chính, phong tước cao cho ngài, mà chỉ cấp người quét dọn đền miếu nhà Trần. Nếu ngài có thể tâu lại, phân tích những lời khai của các quan lại, kỳ lão, nói rõ con cháu họ Trần, đó là thượng sách. Nếu không được như thế, thì xin thôi chức vị hiện nay, nguyên làm [19a] quan coi nhà thờ họ Trần, đó là trung sách. Nếu ngài còn tiếc quan tước to, tham bổng lộc nhiều, thì đó là hạ sách.

Nếu ngài làm theo thượng sách thì tôi là nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì bổ sung vào ô thuốc của ngài, tùy ngài sử dụng. Nếu ngài làm theo trung sách, thì tôi xin bưng khay chén hầu hạ ở đó, cũng xin tùy ngài sai khiến. Nếu ngài làm theo hạ sách thì tôi sẽ là kẻ câu văng cày nhàn³ cho hết tuổi thừa mà thôi".

Đến khi tịch biên nhà Bá Kỳ, bắt được bức thư ấy, tâu lên, sai bắt Cảnh Tuân để xét hỏi, thì gần đây vì loạn lạc, không biết đi đâu.

Đến đây, đặt học hiệu ở Giao Châu, bắt được Cảnh Tuân đưa về Kim Lăng giam xuống ngục của y vệ Cẩm. Cảnh Tuân ở trong ngục 5 năm, cùng con là Thái Điền đều ốm chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Ba phương sách của Cảnh Tuân có khí thái của bậc trượng phu. Ông nhận [19b] chức giáo thụ của nhà Minh phải chăng là vì muốn ẩn dật mà không được?

Nhâm Thìn, [Trùng Quang] năm thứ 4 [1412], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, viên phụ đạo ở Đại Từ, Thái Nguyên là Nguyễn Nhuế khởi binh, hoai động ở vùng núi tam Đảo, bị Trương Phụ nhà Minh bắt.

Bấy giờ kinh lộ đều phụ thuộc vào nhà Minh, trăm họ phải làm sai dịch và nộp lương theo sự sai bắt của bọn quan thú nhiệm. Thổ quan thì đóng thuyền và lập đồn điền để giúp việc cho tổng binh. Từ Ciễn Châu trở vào nam, không được cày cấy.

Mùa hạ, tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh đem quân đánh vào hành tại ở Nghệ An, gặp bọn Nguyễn Súly, Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung ở Mô Độ. Dung, Phụ đều liều chết đánh nhau chưa phân thắng bại, thì Súly và Cảnh Dị vượt biển chạy, Hồ Bối bỏ thuyền lên bờ. Dung thế cô, không có cứu viện, bèn đi thuyền nhẹ vượt biển trốn đi.

[20a] Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Đạo cầm quân chế thắng cốt ở đồng tâm hiệp lực. Giả sử bọn Súly và Dị một lòng quyết đánh thì Dung và Phụ cũng chưa biết ai được ai thua. Đó là vì trời không giúp họ Trần vậy!

Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai Tổng binh Hàn Quan với chức Hữu quân đô đốc đồng trị, đeo ấn Chinh Nam tướng quân sang trấn giữ.

trương Phụ nhà Minh lệnh cho Tam Giang và Tuyên Hóa đóng thuyền để cấp cho quân.

Bọn Trương Phụ nhà Minh lại vào cướp hành tại ở Nghệ An; Thanh Hóa, Diễn Châu đều bị hãm.

Mùa đông, tháng 12, nhà Minh mang sắc dụ các quan lại, kỳ lão các châu, phủ, huyện thuộc Bồ chính ty rằng:

"Trẫm vâng mệnh trời, thống trị thiên hạ, chỉ mong cho dân thiên hạ được yên ổn, Giao Chỉ ở xa tận ven biển, xưa là đất của Trung Quốc, nay [20b] đã lại như cũ, binh lính và dân chúng theo về giáo hóa đến nay đã mấy năm rồi, đã đặt mục, bá, thú, lệnh và quân, vệ, ty, chọn dùng những người

¹ Đời Trần học sinh chia làm ba bậc là thượng trai, trung trai và hạ trai.

² Nguyên văn: "Vạn ngôn thư".

³ Chỉ người đi ở ẩn.

trung lương, hiền năng để vỗ trị. Trẫm sớm khuya nghĩ đến, còn lo rằng đất xa dân đông, giáo hóa có chỗ không thấu tới, không được thấm ơn trạch yêu thương, nuôi nấng của nhà nước.

Nay bọn các người đều là bề tôi trung lương, phải thể lòng kính trời thương dân của trẫm, hưng lợi trừ hại cho dân, thuận theo lòng yêu ghét của dân mà trừ bỏ mỗi gian tệ cho dân. Dạy dân cày ruộng, trồng dâu, khiến cho không trái thời vụ thì áo mặc, cơm ăn có chỗ trông cậy; dạy dân bằng hiếu, để, trung, tín; khuyên dân điều lễ nghĩa, liêm sĩ, thì phong tục sẽ tốt lành. Khi tang ma, hoạn nạn thì thương xót giúp đỡ lẫn nhau; lúc khốn cùng long đong thì chu cấp phù trì cho nhau. Người già phải dạy con trẻ, kẻ dưới phải kính bề trên,, ai nấy phải thuận theo bản tính, không được làm trái với lễ. [21a] Chớ có làm trộm cướp, chớ có đi lừa dối, chớ múa may văn chương mà đùa với luật pháp, chớ theo ý riêng ,mà bỏ lễ công, muốn cho dân chúng an cư lạc nghiệp, mãi mãi là dân trời vô sự, để cùng vui thời thịnh trị thái bình, thì bọn các người phải thận trọng với chức vị của mình, làm tròn công việc của mình, theo được đức y thay trời nuôi dân của trẫm, để có thể sánh vai với những bậc tuần lương đời xưa, tên tuổi chiếu sáng sử xanh, thể chẳng tốt đẹp lắm sao!".

Nông Văn Lịch ở Lạng Sơn tụ tập quân lính chiếm giữ đất ấy, chẹn lấp đường đi lại của người Minh, giết bắt vô số. Tham chính Mạc Thúy từng đem quân tiến sâu vào đất ấy, bị trúng tên thuốc độc mà chết. Sau vì Văn Lịch thông dâm với vợ của cấp dưới, binh sĩ tức giận giết chết.

Nguyễn Liễu ở Lý Nhân¹ chiêu tập người các huyện Lục Na², Vũ Lễ đánh cướp người Minh trong mấy năm. Vua ở Nghệ An, đường bị ngăn trở không thông, quân của Liễu bị tan vỡ dần, Tham nghị Nguyễn huân vờ kết thông [21b] gia rồi dụ [Liễu] đến giết chết.

Quý Ty, [Trùng Quang] năm thứ 5 [1413], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, vua dẫn bọn Nguyễn Súly, Nguyễn cảnh Dị lại đem quân vượt biển đến Vân Đồn, Hải Đông và các bãi biển để thăm dò và lấy lương thực, đánh quân Minh đóng giữ ở những nơi ấy.

Hoàng Phúc nhà Minh chọn lựa thợ giỏi và vợ con họ đưa về Yên Kinh để đóng thuyền.

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh lệnh cho quân nhà Minh đem đổi lấy thóc lúa ở Tam Giang, Tuyên Hóa, Quy Hóa để trữ lương quân, lại mộ khách buôn nộp thóc, chở thuyền đem về các xứ Quảng Đông, Phúc Kiến, Chiết Giang, Tứ Xuyên, Vân Nam để bán.

Tháng 3, ngày mồng 4, vua lại trở về Nghệ An, quân lính mười phần chỉ còn 3, 4 phần.

Tổng binh Hàn Quan ốm chết ở thành Đông Quan.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Trương Phụ nhà Minh vào cướp Nghệ [22a] An.

Vua ngự đến Hóa Châu, sai đại quan Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong, mang phương vật tới Nghệ An. Trương Phụ giữ Biểu lại, Biểu tức giận mắng Biểu rằng:

"Bên trong thì mưu kế đánh chiếm, bên ngoài thì rêu rao là quân nhân nghĩa. Đã hứa lập con cháu họ Trần, lại đặt thành quận huyện, không chỉ cướp bóc của cải châu báu, lại còn tàn hại sinh dân, thực là loài giặc dữ".

Phụ nổi giận giết chết.

Tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh họp các tướng bàn kế đánh chiếm. Thạnh nói:

"Hóa Châu núi cao biển rộng, chưa dễ lấy được". Phụ nói:

"Tôi sống được cũng là vì Hóa Châu, có làm ma cũng là vì Hóa Châu. Hóa Châu mà chưa dẹp được, tôi còn mặt mũi nào trông thấy chúa thượng nữa!".

Bèn đem quân thủy đi, mất 21 ngày, đánh vào thành châu Thuận Hóa.

¹ Lý Nhân: là tên huyện thời thuộc Minh, nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà.

² Lục Na: là tên huyện thời thuộc Minh, nay là huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc.

Mùa thu, tháng 9, bọn Trương Phụ nhà Minh đánh nhau với Nguyễn Sứ ở kênh Sái Giã¹. Quân Nam quân Bắc [22b] đương cầm cự nhau, Đặng Dung mai phục binh tượng, nửa đêm đánh úp doanh trại Phụ. Dung nhảy lên thuyền của Phụ, định bắt sống Phụ nhưng không nhận ra hẳn. Phụ vội đi thuyền nhỏ trốn chạy. Quân Minh tan vỡ đến một nửa, thuyền bè, khí giới bị đốt phá gần hết. Bọn Sứ không chịu hợp sức đánh. Phụ thấy quân của Dung ít, quay lại đánh. Quân của Dung tan chạy, từ đấy chỉ ẩn nấp trong núi hang.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Trận đánh ở Sái Giã, Đặng Dung, Nguyễn Sứ, đem tàn quân trở trời chống lại bọn giặc mạnh, quân tướng đều tinh nhuệ. Dung nửa đêm đánh úp doanh trại giặc làm cho tướng giặc sợ hãi chạy trốn, đốt hết thuyền bè, khí giới của chúng, không phải người thực sự có tài làm tướng, thì có làm được như thế hay không?. Thế nhưng cuối cùng vẫn bại vong, đó là do trời. Tuy thất bại, cũng vẫn vinh quang, vì sao vậy?.

Bọn Dung vì nghĩa không thể cùng sống với giặc, phải tiêu diệt bọn chúng mới nghe, cho nên mới hết lòng, hết sức giúp đỡ [23a] Trùng Quang để mưu khôi phục. Trong khoảng 5 năm, kiên trì chiến đấu với giặc, dẫu có bất lợi, nhưng ý chí không núng, khí thế càng hăng, đến kiệt sức mới chịu thôi. Lòng trung vì nước của người bề tôi, dẫu trăm đời sau vẫn còn tưởng thấy được!

Ngày xưa nước Lỗ đánh nhau với nước Tề ở đất Can Thì bị thất bại, thánh nhân không vì thua mà kiêng né, lại chép rõ để nêu niềm vinh quang chiến đấu với kẻ thù, chứ không bàn đến việc thành bại. Thế thì trận đánh ở Sái Giã, quân Minh bị tan vỡ một nửa, quân ta đến khi sức kiệt mới chịu thua cũng vinh quang lắm thay!

Mùa đông, tháng 10, Trương Phụ nhà Minh lấy Đô đốc Hoàng Trung đi dò trước, chặn ở thượng lưu. Nguyễn Sứ sai ba thích khách, đội cỏ xuôi dòng đến thuyền của Phụ. Một người trèo lên mũi thuyền, hai người trèo lên đuôi thuyền. Phụ biết, bắt được hai người, giết một người, thả một người, lại còn [23b] cho tiền bạc. Hôm sau Phụ hội họp các tướng nghị bàn, Hoàng Trung nói không hợp ý Phụ, Phụ nổi giận kể tội Trung phòng giữ không nghiêm, để đến nỗi có chuyện khích thích, rồi chém Trung. Các tướng đều tái mặt đi.

Tháng 11, bọn Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Dung bị Trương Phụ nhà Minh bắt sống. Cảnh Dị mang ngay vào mặt Phụ:

"Tao định giết mày, lại bị mày bắt", chửi Phụ luôn miệng. Phụ giận lắm, giết Dị rồi lấy gan ăn.

Vua chạy sang Lão Qua. Phụ sai người lùng bắt được, đưa đến cửa quân. Người Thuận Hóa đều hàng. Thế là nhà Trần mất.

Trước đây, nhà Hậu Trần dấy binh mưu việc hưng phục, viên Trấn phủ cũ Phan Quý Hựu có công bày mưu giúp việc, được thăng dần đến Thiếu bảo. Đến khi Trương Phụ vào cướp Nghệ An, vua ngự tới Hóa Châu, Quý Hựu hàng giặc. Phụ mừng lắm. Được mười hôm thì Quý Hựu ốm chết. Phụ cho con là Liêu làm Tri châu Nghệ An và hậu thưởng gia thuộc Quý Hựu. [24a] Liêu đem tình hình tướng văn tướng võ giỏi kém thế nào, số quân có được bao nhiêu, núi sông hiểm đì ra sao kể rõ cho Phụ biết. Bấy giờ Phụ mới quyết chí đánh Hóa Châu.

Trở lên là đời vua nhà Trần, bắt đầu từ năm Bính Tuất (1226) chấm dứt ở năm Kỷ Mão (1399), tổng cộng 174 năm và 2 đời vua nhà Hậu Trần 7 năm.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Trùng Quang Đế lấy quân một lữ để mưu khôi phục đất nước trong lúc loạn lạc lưu ly, ví như dùng một cây gỗ để chống giữ ngôi nhà lớn đã đổ, chả lẽ không biết rằng thế không thể cứu vãn được nữa hay sao? Nhưng hãy làm hết bổn phận nên làm, ngõ hầu có thể vẫn hồi được thiên mệnh!.

¹ Sái Giã: theo Minh sử và Minh sử ký sự của Cốc Ứng Thái chép về việc này, đều nói đánh ở sông Ái Tử, thì có lẽ Sái Giã tức là chỗ này (lời chữa của CMCB 12).

Còn như khi bị giặc bắt đem về, giữ nghĩa không chịu nhục, cam lòng nhảy xuống biển mà chết, để cùng mất với nước, thực đúng là "quốc quân chết vì xã tắc", mà các [24b] bề tôi của ngài như Cảnh Dị chửi giặc mong cho chúng giết ngay mình, Nguyễn Biểu kể tội ác của giặc rồi chết, đều là những người đáng ca ngợi cả. Chỉ có Hồ Ngạn Thần đi sứ làm nhục mệnh vua, đã bị giết rồi, Phan Liêu đem tình hình mạnh yếu trong nước đi báo cho giặc, tuy được thoát chết trong một thời, nhưng sau lại bị Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta giết chết. Than ôi, người làm tôi trung với nước tuy chết vì nghĩa không có tội gì, mà để lại tiếng thơm mãi mãi, còn bọn bất trung phản quốc, không khỏi tránh khỏi chết, lại còn để tiếng xấu ngàn năm, thực đúng như thế.

K_ THUỘC MINH

Giáp Ngọ, [1414], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh chiêu dụ, vồ về Tân Bình, Thuận Hóa, chia đặt quan cai trị để cùng làm việc với thổ quan, khám xét nhân khẩu, gộp làm sổ hộ.

[25a] Phủ Thăng Hoa tuy có đặt quan, nhưng Chiêm Thành vẫn có trưởng lộ chiếm giữ cai trị, nên nhà Minh chỉ ghi tên không mà thôi.

Quan lại ở kinh lộ, những ai lánh giặc đi theo Trùng Quang Đế đến Hóa Châu, đến đây người thì mang cả nhà chạy sang nước Lão Qua, người thì chạy sang Chiêm Thành, còn người trong nước từ đây đều làm thần thiếp cho người Minh cả.

Mùa hạ, tháng 4, tổng binh Trương Phụ, Mộc Thạnh, Binh bộ thị lang Trần Hiệp của nhà Minh đem trùng Quang Đế, Nguyễn Sứ và Đặng Dung về Đông Quan. Quan lại các phủ, châu, huyện sắm lễ vật cùng trưởng về cờ thêu đến mừng. Sai người giải về Yên Kinh.

Trùng Quang Đế đi đến nửa đường nhảy xuống nước chết. Sứ thấy Trùng Quang Đế đã nhảy xuống nước chết, ngày ngày chơi cờ với viên chỉ huy coi giữ mình, thành quen, mới lấy bàn cờ đánh hẳn ngã xuống nước chết, Sứ cũng nhảy xuống nước chết. Quốc thống từ đây thuộc về nhà Minh.

Mùa thu, tháng 7, [25b] Trương Phụ nhà Minh ra lệnh cho các phủ, châu, huyện, phân quân nhân bắt được tội tở, cùng đàn bà con gái trốn đi xứ khác thì giải về cửa quân. Bọn quan lại chịu ý cấp trên bắt nhiều dân nghèo xiêu tán giải nộp.

Tháng 8, Trương Phụ, Mộc Thạnh và Trần Hiệp trở về bắc, chia quân trấn giữ.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh truyền bảng cho các phủ, châu, huyện dựng Văn Miếu và các đàn thờ thần xã tắc, thần gió, thần mây, thần núi, thần sông và những thần không ai thờ cúng để tế lễ thường xuyên.

Nhà Minh cấm con trai, con gái không được cắt tóc; phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài, đồng hóa theo phong tục phương bắc.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh mở học hiệu và sức tìm tòi những người nho học, thầy thuốc, thầy tướng số, nhà sư, đạo sĩ, hạ lệnh cho các phủ, châu, huyện lấy lễ mà thành tân thịnh mời. Đó là làm theo lời của Hữu tham tri Bành Đạo Trường.

Nhà Minh bắt khai sớ ruộng và đất trồng dâu, trưng thu lương thực, tơ tằm. Mỗi hộ 1 mẫu thì bắt khai thành 3 mẫu. [26] Đến sau xét hộ khẩu tăng hàng năm, định số ruộng mỗi hộ là 10 mẫu (nghĩa là mỗi mẫu chỉ có 3 sào, 10 mẫu thực ra chỉ có 3 mẫu). Mỗi mẫu thu 5 thăng thóc, đất bãi mỗi hộ một mẫu thu 1 lượng tơ, mỗi cân tơ dệt được 1 tấm lụa.

Ất Mùi, [1415], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 13). Mùa thu, tháng 8, nhà Minh khám thu các mỏ vàng, bạc, mộ phụ đãi nhật vàng bạc và bắt voi trắng, mò trâu châu. Thuế khóa nặng, vợ vét nhiều, dân chúng điêu đứng. Bãi muối ven biển cấm dân mua bán riêng, sai nội quan coi giữ cả. Lại đặt chức cục sứ và phó của từng bãi muối để chia nhau trông coi. Các phủ, châu, huyện đều đặt phó sứ ty Thuế khóa và sở Hà bạc.

Phép lấy muối của nhà Minh: Trước hết sai viên cục sứ và viên phó đốc thúc dân nấu muối, mỗi tháng được bao nhiêu đưa tới ty Đề cử thu giữ. Các viên nội quan mộ người buôn bỏ tiền ra lĩnh giấy khám hợp¹ của ty Bố chính. Giấy khám hợp lớn [26b] thì lấy 10 cân muối, giấy khám hợp nhỏ thì lấy 1 cân rồi mới được đem bán. Nếu không có giấy [giấy khám hợp] thì [xử tội] như luật nấu lậu. Lạ cấm người đi đường, lệ chỉ được đem 3 bát muối và 1 lọ nước mắm thôi.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh sai quan áp giải đích thân những bọn nho học, thầy thuốc, thầy tướng số, nhà sư, đạo sĩ đưa về Yên Kinh trao cho quan chức rồi đưa về các nha môn làm việc. Lại ra lệnh cho các quan ty sở tại cấp cho tiền đi đường và người bạn tống, nếu không sẽ bị trừng trị; dọc đường phải cấp cơm ăn và tiền đi đường.

Mùa đông, tháng 10, Tổng binh nhà Minh là Trương Phụ giữ chức Chinh lỗ phó tướng quân, lại sang trấn thủ.

Nhà Minh mở đường thủy Vĩnh An, Vạn Ninh, đặt trạm đón chuyển đường thủy đến thẳng Khâm Châu. Lại đặt trạm chạy ngựa đến thẳng Hoàn Châu².

Bính Thân, [1416], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh bắt đầu đưa những thượng quan văn võ và kỳ lão sang Yên [27a] Kinh, đổi trát văn của Tổng binh mà dùng giấy vàng của bộ để thực thụ quan chức. Thăng Tham nhậm Nguyễn Huân làm Tả bố chính sứ; Tri phủ Lương Nhĩ Hốt, Đỗ Duy Trung làm Tham chính. Còn lại thì thăng chức Tri phủ, Đồng tri phủ, Tri châu, Đồng tri châu, Tri huyện. Nhân đó, ban sắc rằng:

"Trước kia bình định Giao Chỉ, các người đã tỏ lòng thành, làm việc nghĩa, lòng hướng về triều đình, trăm khen ngợi lòng thành của các người mà trao cho quan chức. Từ khi nhận mệnh đến nay, đã biết tận tâm hết sức, hăng hái trung thành, quét diệt phản nghịch, vỗ yên bờ cõi, cố gắng làm tròn chức phận, đã nhiều lần thăng thưởng để biểu dương công trạng của các người. Nay các người đến cửa khuyết triều cống, trăm xét lòng thành, đánh nên khuyến khích. Nay đặc ân thăng cho các người làm chức nhỏ... Các người hãy cố gắng trung thành, cần mẫn hơn nữa, kính cẩn giữ khí tiết của người bề tôi, úy lạo, vỗ về, khiến cho dân chúng đều được yên nghiệp sinh sống, cùng hưởng phúc thái bình [27b] thì sẽ được trời che chở, các người sẽ được phúc lộc dồi dào nối đến đời con đời cháu, mà tiếng tốt của các người sẽ lưu truyền trong sử sách, mãi mãi không cùng".

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh ra lệnh xét duyệt danh số thổ quân, lấy một phần ba số hộ khẩu chia về c1c vệ, sở. Mỗi hộ định mức là 3 đinh. Từ Thanh Hóa trở vào Nam, nhân đinh thừa thớt, định mức là 2 đinh. Chỗ nào không phải là vệ, sở mà là nơi quan yếu, cũng lập đồn lũy, lấy dân binh canh giữ.

Mùa thu, tháng 9, quân lính huyện Tân An nổi lên, Trương Phụ dẹp được.

Nhà Minh chiêu dụ các quan cũ của triều trước, giả cách bỏ đi các nha môn quân, dân làm việc rồi chuyển đưa về Yên Kinh giữ lại. Bọn người bon chen, vốn không phải là quan lại cũ, chưa được thực thụ quan chức, cũng hăng hái ra nhận, trong nước vì thế trở nên trống rỗng. Ở được vài năm, thấy vất vả khổ sở, thỉnh thoảng họ lại trốn về.

Nhà Minh bắt đầu đưa các thổ lại đi, [28a] người nào đủ 9 năm thì giữ lại nha môn ở Kinh để làm việc, người nào chưa đủ năm thì cho về.

Đinh Dậu, [1417], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 15). Nội quan nhà Minh là Mã Kỳ tâu rằng Tổng binh Trương Phụ ở Giao Chỉ chọn lấy những thổ nhân mạnh khỏe can đảm làm vi tử thủ³, vua Minh nghi

¹ Giấy khám hợp: giấy chính nhận có đóng dấu, được cắt làm hai nửa, người được phép cầm một nửa, quan nhà giữ một nửa, để khi khám xét, có thể ráp lại xem đúng con dấu hay không.

² Hoàn Châu: thuộc phủ Nam Ninh, sau là Hoàn Huyện, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

³ Vi tử thủ: là những người sung vào làm công việc ở nơi quan phủ. Ở đây, có lẽ Phụ chọn những người khỏe mạnh, can đảm đem vào dinh thự của mình để sai khiến và đề phòng bất trắc.

ngờ, gọi Phụ về, sai Phong Thành hầu Lý Bân với chức Tổng binh Chinh Di tướng quân sang thay Phụ trấn giữ.

Nhà Minh sai Giám sát ngự sử chia giữ việc tuần xét bắt đầu từ đây.

Binh bộ thượng thư nhà Minh là Trần Hiệp, lại giúp việc quân chính cho Tổng binh.

Nhà Minh định lệ mỗi năm cống các nho học, sinh viên saung vào Quốc tử giám; Nhà phủ học mỗi năm 2 tên, nhà châu học 2 năm 5 tên, nhà huyện học mỗi năm 1 tên. Sau lại quy định nhà phủ học mỗi năm 1 tên, nhà châu học 3 năm 2 tên, nhà huyện học 2 năm 1 tên.

Bộ Lại khám hợp, lệnh cho 2 ty Bồi chính và Án sát cùng [28b] các quan phủ, châu, huyện, ở Giao Chỉ, hẹn đến ngày mồng 1 tháng giêng sang năm đến kinh triều cận, không kể là chức chánh hay chức tá, chỉ cần người giữ chức lâu năm, cho dẫn đầu, đưa các quan lại cùng đi. Lại khám các hạng mục hộ khẩu, ruộng đất lương thực trong 3 năm, từ tháng 7 năm Giáp Ngọ, đến cuối tháng 6 năm này, làm thành sổ "tu tri"¹ dâng lên để kê xét.

Hoàng Phúc sức cho các hào phú, thổ quan là bọn Nguyễn Huân, Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung, Đỗ Hy Vọng, Lương Sĩ Vĩnh, Dương Cự Giác đều phải đem người nhà sang Yên Kinh phục dịch, xây dựng cung điện. Vua Minh nói là làm khó nhọc người phương xa, ban cho ưu hậu rồi cho về.

¹ Tu tri: có nghĩa "cần biết". Sổ "tu tri" có nghĩa là sổ ghi số hộ khẩu, ruộng đất, lương thực cần phải biết để nắm tình hình.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Toàn Thư

Quyển X

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Thái Tổ Cao Hoàng Đế

Vua họ Lê, tên húy là Lợi, người hương Lam Sơn, huyện Lương Giang, trấn Thanh Hóa¹. Ở ngôi 6 năm, thọ 51 tuổi², táng ở Vĩnh Lăng.

Vua hăng hái dấy nghĩa binh đánh dẹp giặc Minh. Sau 10 năm thì thiên hạ đại định. Đến khi lên ngôi, đã ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập phủ huyện, thu nhập sách vở, mở mang trường học, có thể gọi là có mưu kế xa rộng mở mang cơ nghiệp. Song đa nghi, hiếu sát, đó là chỗ kém.

Trước kia, tổ ba đời của vua tên húy là Hối, một hôm, đi chơi Lam Sơn, thấy đàn chim bay lượn quanh chân núi, như hình ảnh nhiều người tụ họp, bèn nói: "Đây chắc hẳn là chỗ đất tốt", rồi dời nhà đến ở đấy. Sau 3 năm thì thành sản nghiệp. Từ đó, đời đời làm quân trưởng một phương. Hối sinh ra Đinh, nổi được nghiệp nhà, có tới hơn 1 nghìn tô tở, lấy vợ là Nguyễn Thị [1b] (tên húy là Quách), sinh được hai người con trai, con cả là Tông, con thứ là Khoáng. Khoáng lấy vợ người Chủ Sơn (Chủ Sơn nay là Thủy Chú)³ là Trịnh Thị (tên húy là Thương), đến năm Ất Sửu, tháng 8, ngày mồng 6⁴ sinh ra vua tại hương Chủ Sơn, huyện Lôi Dương⁵. Vua sinh ra, thiên tư tuần tú khác thường, thần sắc tinh anh kỳ vĩ, mắt sáng, miệng rộng, mũi cao, trên vai có một nốt ruồi, tiếng nói như chuông, dáng đi tựa rồng, nhịp bước như hồ, kẻ thức giả đều biết vua là bậc phi thường.

Bấy giờ, họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, rồi quân Minh xâm lược nước Nam, chia cắt nước ta thành quận huyện, bắt nhân dân ta làm tô tở, luật pháp phiền hà khắc nghiệt, thuế má lao dịch nặng nề. Đối với những người hào kiệt trong nước, chúng phần nhiều vờ trao cho quan tước rồi đem về an trí ở phương Bắc. Vua hiểu biết hơn hẳn mọi người, sáng suốt và cương quyết, không bị quan tước dụ dỗ, không bị uy thế khuất phục. Người Minh đã dùng trăm phương ngàn kế xảo trá, vẫn không dụ được vua.

Trước đó, bọn Đặng Tất, Nguyễn Súy ở Châu Hóa [2a] cùng lập con cháu nhà Trần là Trần Ngỗi, Trần Khoáng làm vua. Nhưng vua thấy họ yếu hèn, lại say đắm tửu sắc, biết là chẳng làm nên chuyện, mới ẩn nấu chốn núi rừng, dụng tâm nghiên ngắm thao lược, tìm mời những người mưu trí, chiêu tập dân chúng lưu ly, hăng hái dấy nghĩa binh, mong trừ loạn lớn.

Vua từng bảo mọi người:

¹ Lam Sơn nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

² Theo Đại Việt Thông Sử của Lê Quý Đôn thì Lê Lợi thọ 49 tuổi. Lê Lợi sinh năm Ất Sửu (1385), mất năm Quý Sửu (1483) thì thọ 49 tuổi, như Đại Việt Thông Sử ghi là đúng.

³ Chủ Sơn: tên hương, sau đổi là thôn Thủy Chú, huyện Lôi Dương, nay thuộc xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.

⁴ Tức là ngày 19 tháng 9 năm 1385.

⁵ Xem chú thích 3.

"Ta cất quân đánh giặc, không phải là có lòng ham muốn phú quý, mà chính vì muốn để ngàn năm về sau, người đời biết ta không chịu làm tội cho bọn giặc tàn ngược".

Phép dùng binh của vua là biết lấy mềm đánh cứng, lấy yếu thắng mạnh, cho nên phần nhiều đều dẫn tới thắng lợi. Các thành Nghệ An, Thuận Hóa, Tây Đô, Đông Đô đều sai văn thần Nguyễn Trãi viết thư, dụ bảo bọn giặc điều hòa phúc, nên không cần đánh mà chúng phải đầu hàng, chưa từng giết lạt một người nào. Bắt được hơn 10 vạn viện binh của quân Minh, cũng đều tha cả. Vua kinh dinh thiên [2b] hạ tranh khoảnh 10 năm, dẹp yên loạn lớn và dựng nên nghiệp đế.

Mậu Tuất, [1418], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Thân, vua khởi binh ở Lam Sơn.

Trước đó, người Minh đã có lần trao quan chức để dụ dỗ, nhưng vua không chịu khuất phục, kháng khái, có chí lớn dẹp loạn. Vua từng nói:

"Bậc trượng phu sinh ở đời phải cứu nạn lớn, lập công to, lưu lại tiếng thơm ngàn năm sau, sao lại chịu hèn nhát để cho người sai khiến?".

Thế rồi, dẫn đầu hào kiệt, dựng cờ nghĩa, thề diệt giặc Minh.

Ngày mùng 9 tháng ấy, bọn nội quan nhà Minh là Mã Kỳ đem đại binh tới uy hiếp vua ở Lam Sơn. Vua bèn lui quân đến đóng ở Lạc Thủy¹, đặt quân mai phục để chờ giặc.

Ngày 13, bọn Kỳ quả nhiên đến. Vua tung hết quân mai phục xông ra đánh giặc. Cháu vua (có sách chép là con vua, Minh sử chép là em vua) là Lê Thạch cùng các tướng Đinh Bồ, Lê Ngân, Lê Lý... dẫn đầu xông vào trận giặc, chém được hơn [3a] 3.000 thủ cấp, thu được hàng ngàn quân tư, khí giới, rồi dời quân đến núi Chí Linh².

Ngày 16, tên phản bội Ái (không rõ họ) dẫn đường cho giặc đi lối tắt, đánh úp đằng sau vua, bắt mất gia thuộc của vua và rất nhiều vợ con của quân dân. Quân sĩ dần dần chán nản bỏ đi. Vua cùng bọn Lê Lễ, Lê Náo, Lê Bí, Lê Xí, Lê Đạp bí mật nương nấu ở trên núi³.

Tháng 2, vua hết lương, không còn gì nổi lửa. Gặp khi giặc lui quân, bèn về đắp thành đất ở Lam Sơn.

Tháng 3, đánh ra Mường Yên⁴, thu được hơn trăm người.

Mùa hạ, tháng 4, trước nhà Minh ra lệnh cho các phủ, huyện, châu nước ta trồng hồ tiêu, nay đã lên tốt, sai nội quan Lý Lượng sang thu về dùng. Từ đây, quan lại đốc thúc bắt trồng, mỗi cây giống giá tới 5 quan tiền. Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai hành nhân Hạ Thanh, tiến sĩ Hạ [3b] thì sang thu lấy lại các loại sách ghi chép về sự tích xưa nay của nước ta.

Nhà Minh mở công trường mò ngọc trai, kiếm hương liệu, săn bắt chồn trắng, hươu trắng, voi trắng, tìm lùng rùa chín đuôi, chim đậu ngược, vợ bạc má, rắn... để dâng nộp.

Tháng 9, viên Tổng binh nhà Minh là Lý Bân đem quân tới sùng lục. Và đặt quân mai phục ở Mường Một⁵, dùng tên thuốc độc bắn giặc chết và bị thương quá nửa. Bân thua rút quân về.

¹ Lạc Thủy: theo CMCB 13 thì Lạc Thủy thuộc huyện Cẩm Thủy sau này. Huyện Cẩm Thủy bây giờ là huyện Lỗi Giang, ở phía hữu ngạn sông Mã, thuộc lưu vực sông Âm của huyện Lang Chánh ngày nay. Nhưng căn cứ vào địa bàn hoạt động của nghĩa quân năm này (1418), thì có lẽ Lạc Thủy ở đây là một địa điểm vùng thượng lưu sông Chu, phía trên Lam Sơn.

² Núi Chí Linh: tức là núi Pù Rinh, thuộc xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

³ Tức núi Chí Linh.

⁴ Mường Yên: tức là xã Yên Nhân, phía tây núi Pù Rinh (Chí Linh).

⁵ Mường Một: hay Mường Mọt, sau là xã Bất Một, thuộc huyện Thường Xuân ngày nay.

Nội quan nhà Minh là Thái giám Sơn Thọ đốc suất quân dân, vây núi Tam Trí, châu Tĩnh Yên¹, săn được một con voi trắng, trên lưng có văn đốm, dùng yên bạc thặng lên rồi sai Đô đốc Giang Hạo đưa về Yên Kinh, cho là điềm lành. Các ty trong ngoài dâng biểu chúc mừng.

Kỷ Hợi, [1419], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai giám sinh Đường Nghĩa sang ban các sách Ngũ kinh, Tứ thư, Tính lý đại toàn, Vi thiên âm chất, Hiếu thuận sự thực, cho [4a] nho học các phủ, châu, huyện. Sai tăng học truyền giảng kinh Phật tại Tăng đạo ty.

Lý Bân nhà Minh tâu xin Hộ bộ ban cấp hộ thiếp² cho Giao Chỉ, bắt châu huyện làm sổ thuế khóa phu dịch³ và lên danh sách lý trưởng và giáp thủ⁴ từng năm⁵. Đại để, cứ 110 hộ là một lý, mỗi năm cử 1 lý trưởng, 10 giáp thủ, để nhận các việc lao dịch, hết lượt lại cử từ đầu. Người làm lý trưởng, giáp thủ bị roi vọt đánh đập khổ sở khôn xiết.

Mùa hạ, tháng 4, vua đánh đồn Nga Lạc⁶, bắt được viên thổ quan chỉ huy Nguyễn Sao, chém được 300 thủ cấp.

Tháng 5, vua đóng ở sách Đà Sơn⁷, quân Minh tiến đánh. Vua phục kích ở Mường Chánh⁸, cả phá quân giặc, rồi dời đến đóng quân ở sách Lư Sơn⁹, ít lâu sau, dời sang Mường Thôi¹⁰, rồi lại về đóng bản doanh ở Vu Sơn¹¹.

Mùa thu, tháng 7, viên thổ quan Tri phủ Nghệ An là Phan Liêu vì bị bọn nội quan nhà Minh [4b] bức bách lấy vàng bạc, bèn dẫn quân bắt giết các quan do nhà Minh phái đến, rồi đem quân vây thành Nghệ An, sắp hạ được thành thì Lý Bân chợt đem quân đến. Liêu trốn sang Ai Lao. Bân đuổi tới châu Ngọc Ma¹² không kịp, lại quay về Nghệ An¹³, sửa sang thành trì, vỗ yên dân chúng.

Khi Bân đi đánh Liêu, có sai viên chỉ huy Lộ Văn Luật làm tiên phong¹⁴. Văn Luật đã đi, lại bị giữ lại bàn tính mưu kế, trong lòng hoài nghi, lo sợ, nên bỏ trốn đi. Bân bắt mẹ già, gia thuộc và anh em của Luật như Đồng tri châu châu Tam Đái là Văn Phi. Đồng tri châu phủ Trấn Man Phan Kiệt là anh họ của Liêu, nghe tin Liêu trốn đi, cũng đem cả nhà đi theo, nhưng chưa ra khỏi cõi đã bị thắt cổ chết cùng với vợ.

¹ Châu Tĩnh Yên: thời thuộc Minh là đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Núi Tam Trí: tức núi Ba Chẽ.

² Hộ thiếp: như sổ hộ tịch, mỗi trăm hộ thiếp có ghi rõ họ tên, quê quán và số đinh trong mỗi hộ, có đánh số chữ ký hiệu và đóng một nửa phần dấu kiểm để phòng khi khám nghiệm. Sổ hộ khẩu thì để ở Hộ bộ, còn hộ thiếp thì phát cho các hộ (theo Đại Minh hội điển).

³ Nguyên văn: Phú dịch hoành sách, tức là quyển sách bìa vàng kê khai thuế khóa phu dịch. Theo Thông giám tập lãm, thì năm Hồng Vũ thứ 14 (1381) nhà Minh hạ chiếu bắt cả nước làm sổ "hoàng sách".

⁴ Giáp thủ: là người đứng đầu một giáp (gồm 10 hộ), lý trưởng: người đứng đầu 1 lý (gồm 110 hộ).

⁵ Nguyên văn: Lý trưởng, giáp thủ chu niên đồ dạng.

⁶ Đồn Nga Lạc: ở gần Lam Sơn, thuộc vùng Bái Thượng ngày nay.

⁷ Đà Sơn: tên sách, có lẽ cũng gần Lam Sơn.

⁸ Mường Chánh (nguyên văn không có chữ "Mường"): huyện Lang Chánh sau này.

⁹ Lư Sơn hay Lô Sơn: theo Thanh Hóa tỉnh chí thì Lư Sơn ở vùng giáp giới hai xã Trịnh Điện và Hựu Thủy thuộc châu Quan Hóa. Theo Đồng Khánh dư địa chí thì hai xã Trịnh Điện và Hựu Thủy thuộc tổng Hựu Thủy và động Lư Sơn là một danh thắng của châu Quan Hóa.

¹⁰ Mường Thôi (nguyên văn không có chữ "Mường"): có lẽ là Man Xôi, ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa, giáp Lào.

¹¹ Vu Sơn: có lẽ là Lư Sơn.

¹² Châu Ngọc Ma: thời thuộc Minh là phủ Ngọc Ma, thời Lê thuộc Nghệ An, thời Nguyễn đổi làm phủ Trấn Định, gồm các huyện Cam Môn, Cam Cát, Cam Linh.

¹³ Thành Nghệ An: tại núi Thành, xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An ngày nay.

¹⁴ Lộ văn Luật: người huyện Thạch Thất, Hà Tây. Luật đầu hàng giặc, được giặc cho làm chỉ huy quân ở Nghệ An.

Mùa đông, tháng 11, Trịnh Công Chứng và Lê Hanh ở Hạ Hồng¹ Phạm Thiện ở Tân Minh², Nguyễn Đắc ở Khoái Châu, Nguyễn Đa Cầu và Trần Nhuế ở Hoàng Giang thấy thành Đông Quan chỉ còn những quân lính ốm yếu, liền dấy [5a] quân tiến đánh. Quân đến Lô Giang, đánh phá được cầu phao, nhưng ít lâu sau, bị Lý Bân đánh bại, tan tác chạy dài.

Bấy giờ, chỗ nào cũng rối loạn, chỉ còn các xứ Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa là yên tĩnh như cũ³.

Canh Tý, [1420], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 18). Mùa xuân, tháng 2, Lý Bân từ Nghệ An trở về Đông Quan.

Mùa hạ, tháng 4, Lộ Văn Luật dấy binh ở Thạch Thất, Lý Bân đánh phá được.

Lộ Văn Luật chạy sang Ai Lao, dân chúng thì trốn vào hang núi Phật Tích và An Sầm⁴. Quân Minh dỡ nhà hun động, người trong động bị khói lửa hun đều chết, người nào ra hàng cũng bị giết cả, vợ con bị bắt làm nô tỳ.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Minh sai Vinh Xương bá Trần Trí sang trấn giữ phủ Phụng Hóa.

Trần Thái Xung ở Đạo Hồi, Phạm Ngọc ở Đồ Sơn đều tụ quân nổi dậy, Bân đánh bại cả.

Nhà Minh lấy Hùng Tông Lỗ làm Giao Chỉ hữu tham nghị.

Tông Lỗ (người Tứ Xuyên) [5b] trước làm Tri phủ Tam Giang, bị Hoàng Phúc nhận xét là: "Hỏi đến vốn học thì chẳng biết gì, xét đến việc làm thì không có gì đáng kể, cả phủ chỉ một mình là nhất, nhưng suốt ba năm công việc chỉ nhờ người", sai đưa về Yên Kinh. Lại bộ dẫn lời nhận xét ấy, tâu xin giáng làm thương quan⁵. Vua Minh hỏi lý do, Lại bộ trả lời là trước đã từng Giang Tây tham nghị, Vua Minh nói: "Trường quan khó làm thì hãy cho trở về chức phó nghị". Vì thế mới đổi làm tham nghị. Khi tới nơi nhận chức, Tông Lỗ nói: "Trước đây đạ nhân xét tôi vào bậc dưới, nay tôi cũng được cùng ngồi một công đường với ngài". Đến năm Ất Tỵ, đời Hồng Hy (niên hiệu của Minh Nhân Tông), Tông Lỗ lại bị xét là hèn kém, mất chức, làm dân.

Người làng Tràng Kênh, huyện Thủy Đường⁶ là Lê Ngã đổi họ tên thành Dương Cung, tự xưng là Thiên Thượng Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên.

Ngã vốn là gia nô của Trần Thiên Lại, tướng mạo rất đẹp, đã từng đi khắp bốn phương, đến đâu cũng được mọi người cung dưỡng. Ngã lại trá [6a] xưng là lính hầu của Mã Kỳ, đi dọa nạt các châu huyện làm kẻ nuôi thân. Thấy Công Chứng, Phạm Ngọc, Phạm Thiện đua nhau nổi dậy, Ngã bảo những người quan biết:

"Các anh có muốn giàu sang không? Ai muốn thì hãy theo ta!".

Đến huyện Đan Ba⁷, Lạng Sơn, Ngã trá xưng là cháu bốn đời của Trần Duệ Tông, từ nước Lão Qua trở về. Phụ đạo Đan Bá là Bế Thuấn đem con gái gả cho và lập làm vua. Trong khoảng mấy tuần một tháng, đã có vài vạn quân, hấn ra An Bang⁸ chiếm trại Hồng Doanh. Sau khi Công Chứng, Phạm Ngọc bị thất bại, thì dư đảng của họ theo về với Ngã, số quân được đến mấy vạn người. Ngã tiếm xưng

¹ Vùng phía nam tỉnh Hải Hưng ngày nay.

² Huyện Tân Minh sau đổi là Tiên Minh, nay là huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

³ Thực ra các xứ đó vẫn còn những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ, đặc biệt cuộc đấu tranh của "

⁴ Phật Tích và An Sầm: là hai hang núi thuộc huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Núi Phật Tích: còn gọi là núi Sài Sơn hay núi Thầy.

⁵ Thương quan: là chức quan trông coi kho tàng.

⁶ Huyện Thủy Đường: nay là huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

⁷ Huyện Đan Ba: nay là huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

⁸ An Bang: là đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

tôn hiệu, dựng niên hiệu, đặt quan chức, đúc tiền, đốt thành Xương Giang¹, cướp trại Bình Than. Có người biết hẳn là Ngã cũng không dám nói. Thiên Lại đi gặp hẳn, trở ra nói rằng:

"Nó là gia nô của ta, việc gì phải lạy nó".

Rồi dời thuyền trốn đi. Ngã đuổi theo nhưng không kịp. Thiên Lại gởi hịch cho các huyện gần đó, tự xưng là Hưng Vận quốc [6b] thưởng hậu, đem quân đánh nhau với Ngã, bị Ngã giết chết, Lý Bân đem đại quân thủy bộ đến đánh. Ngã và Thuấn đang đêm bỏ trốn cả, không biết là đi đâu.

Tả tham chính Hầu Bảo giữ đồn Hoàng Giang², bị Nguyễn Thuật, người Kiến Xương³ đánh giết.

Mùa đông, tháng 10, vua nghe tin quân Minh sắp đến, đặt mai phục ở bến Bồng⁴ chờ giặc, chém giết quân giặc nhiều vô kể, bắt được hơn trăm con ngựa. Vua cho nghỉ quân ở Mường Nanh⁵, rồi lại dời đến đóng quân ở Mường Thôi.

Tên Đồng tri châu Quỳnh Châu là Cầm Lạn dẫn bọn Lý Bân, Phương Chính đem hơn 10 vạn quân, theo đường Quỳnh Châu đến thẳng Mường Thôi. Vua phục kích chúng ở Thi Lang⁶. Bân và Chính chỉ chạy thoát được thân mình.

Tháng 12, vua tiến quân đóng ở sách Ba Lãm⁷ thuộc huyện Lỗi Giang, khiêu khích cho giặc ra đánh. Tướng giặc là bọn Đô ty Tạ Phương, Hoàn Thành bỏ đồn Nga Lạc, về giữ trại Quan Du⁸ để phòng [7a] bị cho thành Tây Đô, cố giữ không ra đánh. Vua ngày đêm dùng nhiều cách tiến công uy hiếp để giặc mỏi mệt, rối loạn. Lại sai Lê Sát, Lê Hào chia nhau tiến đánh, cả phá bọn giặc, chém được hơn nghìn thủ cấp, thu được rất nhiều chiến cụ, từ đó thế giặc ngày một suy. Vua bèn chiêu tập nhân dân các xứ. Các huyện bên cạnh đều sôi nổi hưởng ứng, cùng nhau tiến đánh và uy hiếp các đồn giặc.

Tam ty nhà Minh khiến nghị rằng: Bọn quan lại, quân dân Giao Chỉ mắc tội từ tử hình trở xuống, xin đều cho chúng nộp thóc tùy theo mức độ để chuộc tội, lấy số thóc đó làm lương thực dự trữ nơi biên giới. Vua Minh nghe theo.

Năm ấy, Hoàng Phúc xin miễn việc bắt quan lại về châu hầu, vì địa phương này chưa yên.

Tân Sửu, [1421], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh xây dựng xong điện Phụng Thiên ở Yên Kinh. Vua Minh ngự chính điện để các quan vào châu, xuống chiếu cho các quan phủ, huyện, châu vào mừng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, [7b] điện bị cháy, mới thôi.

Bắt đầu lấy những người thiến hoạn sung vào nội phủ.

Tháng 6, lộ Tam Giang lụt to. Có người bảo là (thủy thần) lấy gỗ chò đề dùng nên có tai họa đó.

Mùa thu, tháng 9, nước sông Đáy⁹, dâng tràn.

¹ Thành Xương Giang: ở đất xã Thọ Vương, nay thuộc thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc.

² Đồn này ở ngã ba Tuần Vương tỉnh Nam Hà ngày nay.

³ Kiến Xương: là vùng đất các huyện Vũ Thư, Kiến Xương tỉnh Thái Bình ngày nay.

⁴ Bến Bồng: có lẽ nằm trên thượng lưu sông Chu.

⁵ Mường Nanh: nay còn địa danh Mường Nang, tức là xã Thịnh Nang, huyện Lang Chánh. Mường Nanh có lẽ là đất ấy.

⁶ Thi Lang: hay Bồ Thi Lang, là một địa điểm gần căn cứ của nghĩa quân lúc ấy.

⁷ Ba Lãm: tên sách, có lẽ là vùng Chiềng Lãm ở xã Diên Lự, thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

⁸ Quan Du: sau đổi là châu Quan Hóa, nay là huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

⁹ Sông Đáy: tức sông Tiểu Đáy ở tỉnh Tuyên Quang, nay thuộc tỉnh Hà Tuyên.

Tổng binh Lý Bân và nội quan Lý Lượng của nhà Minh bắt Phạm Luận là sinh viên huyện Giáp Sơn, buộc Luận mạo nhận là Dương Cung để cho qua chiếu lệnh lùng bắt¹, bắt đến cả gia thuộc Luận là bọn Phạm Xã giải về Yên Kinh.

Tri huyện Đặc Khiêm nhận thực không phải là tên Cung. Bân không nghe. Khiêm lấy bao vàng dâng đại cáo, tâu thẳng về Yên Kinh. Bân sai người chặn đường bắt về. Hoàng Phúc khuyên Khiêm rằng:

"Mọi người đều cho là đúng, chỉ riêng người bảo không phải là làm sao?". Khiêm nói:

"Ai ra ngoài mà chẳng phải ra cửa ngõ?"².

Bân cho giải cả Khiêm và Luận về Yên Kinh, giao xuống cho pháp ty xét hỏi. Khiêm suýt nữa bị tội, vì có người anh đánh trống đặng văn³ khiếu oan nên được miễn tội. Sau thẳng dần đến chức Hữu bố chính sứ nước ta. Gia thuộc của Luận cuối cùng bị chết [8a] trong ngục.

Mùa đông, tháng 11, ngày 20, tham tướng nhà Minh là Trần Trí đem quân các vệ Giao Châu cùng ngự binh, gồm hơn 10 vạn tên đánh sát đến ải Kính (có sách chép là Kinh) Lộng⁴, sách Ba Lãm. Vua họp các tướng bàn rằng:

"Quân giặc nhiều, quân ta ít, nhưng quân giặc mệt, quân ta nhàn. Binh pháp có nói được hay thua là ở tướng chứ không phải ở quân nhiều hay ít, nay quân giặc tuy nhiều, nhưng ta đem quân nhàn đợi đánh quân mệt mỏi, chắc chắn sẽ đánh bại chúng".

Đến đêm, vua chia quân đánh úp doanh trại giặc. Quân ta đánh trống reo hò xông tới, phá được bốn doanh trại giặc, chém được hơn ngàn thủ cấp. Sau Trí khinh vua ít quân, lại phá núi mở đường để tiến đánh. Vua ngầm phục kích ở đèo Ống⁵ để đợi giặc. Đến trưa, Trí quả nhiên đem quân đi theo đường núi đến. Quân phục hai bên xông ra, đánh bại giặc. Quân Trí phải rút.

Nhưng đúng lúc ấy. Ai Lao đem 3 vạn quân và 100 thớt voi⁶ thành lĩnh tới doanh trại của vua phao tin là cùng hợp sức với vua để đánh [8b] giặc. Vua tin lời họ, không phòng bị. Đến nửa đêm, bị họ đánh úp. Vua phải đích thân đốc chiến, suốt từ giờ Tý đến giờ Mão, đánh tan bọn Ai Lao, chém hơn 1 vạn thủ cấp, bắt được 14 con voi, thử thẳng truy kích liền 4 ngày đêm, đuổi đến tận sào huyệt của bọn chúng rồi về.

Tháng 12, vua tiến ra đóng quân ở Sách Thủy⁷.

Tù trưởng Ai Lao Là Mãn Sát đã cùng quần, muốn vua hoãn đánh để đợi viện binh, mới giả vờ xin hòa. Vua biết đó là mưu kế xảo quyệt, không cho. Các tướng cố xin cho hòa, nói là quân lính khó nhọc đã lâu, nên cho nghỉ ngơi một chút. Chỉ có Bình chương Lê Thạch cho là không thể cho giặc giải hòa, liền tự cho mình hăng hái xông lên trước, chẳng may trúng phải chông ngầm mà chết.

Thạch là con người anh của vua. Vua thuở ấu thơ, được vua nuôi nấng nên ngài yêu Thạch hơn cả con mình. Thạch tính người nhân ái, ham đọc sách, khoẻ mạnh, dũng cảm, yêu mến quân sĩ, vua từng sai chỉ huy quân tiên phong, đánh đâu thắng đấy. Đáng tiếc Thạch dũng cảm nhưng kém [9a] mưu. Đến đây chết, vua rất thương xót.

¹ Dương Cung: tức là Lê Ngã, Lê Ngã nổi lên đánh phá giặc Minh, tin truyền về triều đình nhà Minh, vua Minh ra lệnh lùng bắt rất nghiêm ngặt, bọn Lý Bân phải bày ra mưu này cho qua chuyện.

² Ý nói mọi người đều cùng một duộc với Hoàng Phúc.

³ Trống đặng văn: trống để ở điện đình, ai có việc oan khuất thì đánh lên, trình bày nỗi oan để được xét lại.

⁴ ải Kinh Lộng: tức là ải Cổ Lũng sau này, thuộc huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa.

⁵ Nguyên là núi Ứng ải, tức đèo Ống ở xã Thiết Ống, trên tả ngạn sông Mã.

⁶ Đại Việt thông sử chép là 5 vạn quân và 100 thớt voi.

⁷ Sách Thủy: bản dịch cũ cho là đất Hữu Thủy ở gần Lư Sơn.

Trước đây, vua vốn hòa hiếu với Ai Lao, chưa từng có hấn khích gì. Khi vua cầm cự với giặc tại sách Lư Sơn, Ai Lao từng cho quân sang cứu viện. Đến khi tên nguy quan Lộ Văn Luật trốn giặc sang Ai Lao, sợ uy danh vua, thêu dệt gây nên hiềm khích, nên mới đến nổi thế.

Phương Chính và Hoàng Phúc nhà Minh cùng với bọn Tổng binh, Tam ty và Trấn thủ Trần Hiệp bàn định rằng: những viên văn võ thổ quan nào có kêu xin việc gì thì mượn cớ đã đủ hạn khảo khóa, sai về Yên Kinh làm việc công để an trí tại đó.

Nhâm Dân, [1422], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 20). Mùa xuân, ngày mồng 1, nhật thực.

Tháng 2, viên Tổng binh nhà Minh là Phong Thành hầu Lý Bân bị bệnh nhọt chết.

Mùa đông, tháng 12, vua tiến quân đóng ở Quan Da. Ai Lao lại với quân Minh đánh vào trước mặt và sau lưng quân ta, nhiều người chết và bị thương. Vua bèn bí mật lui về [9b] sách Khôi¹. Mới được 7 ngày, giặc Minh lại đem đại binh đến vây. Vua bảo các tướng sĩ:

"Giặc vây ta bốn mặt, có muốn chạy cũng không có lối nào. Đây chính là "tử địa"² mà binh pháp đã nói, đánh nhanh thì sống, không đánh nhanh thì chết".

Vua nói xong chảy nước mắt. Các tướng sĩ đều xúc động, tranh nhau liều chết quyết chiến.

Bọn Lê Lĩnh, Lê Vãn, Lê Hào, Lê Triện xông lên trước phá trận, chém được tham tướng Minh là Phùng Quý và hơn nghìn thủ cấp giặc, bắt được trăm con ngựa. Mã Kỳ và Trần Trí chỉ thoát được thân mình chạy về Đông Quan, quân Ai Lao cũng bỏ trốn.

Vua đem quân về đóng ở núi Chi Linh. Quân lính hết lương, hơn hai tháng, chỉ ăn rau củ và măng tre mà thôi. Vua giết 4 con voi và cả ngựa của mình cưỡi để nuôi quân sĩ. Song thỉnh thoảng vẫn có kẻ bỏ trốn. Vua bèn cấm giữ nghiêm ngặt, bắt được kẻ nào bỏ trốn thì chém, để rao cho mọi người biết. Quân lính lại nghiêm [10a] túc như trước.

Bấy giờ, do trải nhiều phen hoạn nạn, quân lính đã mỏi mệt, muốn được nghỉ ngơi, đều khuyên vua giảng hòa với giặc. Vua bắt đặc dĩ phải vờ hòa hiếu với bọn tướng giặc Sơn Thọ, Mã Kỳ, Trần Trí, để yên lòng quân. Sai bề tôi thân thích là bọn Lê Vận, Lê Trần đi giảng hòa.

Nhà Minh sai nội quan cùng Hộ bộ chủ sự Mã Minh kiểm kê tiền bạc và lương thực chứa trong kho các phủ, châu, huyện. Đồng thời, sai An Bình bá Lý An và Trần Trí, đều giữ chức tham quan để trấn trị đất này.

Quý Mão, [1423], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 21). Mùa hạ, tháng 4, ngày 14, vua lại đem quân về Lam Sơn.

Bọn tham tướng Trần Trí, nội quan Sơn Thọ nhà Minh đưa biểu vua nhiều trâu ngựa, cá muối cùng thóc giống và nông cụ để dụ dỗ. Vua cũng sai bọn Trần đưa tặng vàng bạc để đáp lễ, nhưng vẫn bí mật [10b] phòng bị. Bọn Trí biết ý định của vua bề ngoài giả cách thân thiện, nhưng bên trong thì ngầm mưu đánh úp, liền bắt giữ bọn Trần không cho về. Vua nổi giận, cắt đứt giảng hòa. Các tướng sĩ cũng sôi sục căm thù, đều tề xin liều chết quyết chiến.

Bọn quan lại ở nước ta lại phải [sang Yên Kinh] làm lễ châu hầu và dâng sổ tu tri³. Nơi nào chỉ có một viên lưu quan⁴ và có thổ quan thì sai viên lưu quan đi, lấy viên quan khác đến thay. Những viên lưu quan đều bị xét hỏi, xong việc thì được trở về chức cũ, chỉ có bọn thổ quan, thổ lại thì thả về ngay.

Mùa đông, tháng 11, ngày 21, hoàng tử Nguyên Long sinh.

¹ Sách Khôi: tức là Khôi huyện, thuộc trấn Thiên Quan, ở giữa hai huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình và huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

² "Tử Địa": tức là "đất chết", chỉ hoàn cảnh hiểm nghèo.

³ Sổ tu tri: tức là sổ hộ tịch, ruộng đất, lương bổng của các nơi ở Giao Chỉ.

⁴ Lưu quan: chỉ quan lại Trung Quốc do nhà Minh cử sang.

Giáp Thìn, [1424], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh ra lệnh khai thác mỏ bạc. Trước đó, chỉ khai thác mỏ vàng. Đến đây, ra lệnh khai thác mỏ bạc, nhưng chưa làm lại thôi.

Mùa thu, tháng 7, vua Minh thân hành đi đánh giặc Hồ¹, đem quân về đến sông Du Mộc² thì ốm nặng, để di mệnh truyền ngôi cho hoàng thái tử. Ngày Tân Mão 18, vua Minh băng, nhưng giữ kín, đưa về đến Yên Kinh mới phát tang, thọ 65 tuổi, táng ở Trường Lăng, miếu hiệu [11a] Thành Tổ, tên thụy là Văn Hoàng Đế.

Mùa thu, tháng 8, ngày 15, thái tử nhà Minh Cao Xí lên ngôi, đổi niên hiệu là Hồng Hy, đại xá. Tờ chiếu viết:

"Trẫm nghĩ, trời sinh ra dân, liền lập ra vua chúa để yêu nuôi muôn triệu người cho đến cõi thái hòa, để thống trị Hoa Di, để cùng đạt tới phần vinh thịnh vượng. Tiên hoàng ta vâng mệnh trời vỗ yên đất nước, trị hóa cao hơn cả trăm vua, văn đức vũ công, thanh giáo ban ra khắp bốn biển. Mới đây, vì biên cương báo động, cần phải xa giá thân chinh; đến khi quân về, đồng đầu Đĩnh Hồ³ xa khuất.

Ngài để lại di mệnh đem ngôi báu trao cho kẻ ít đức này. Đương lúc đau thương khôn xiết, đâu dám vội người mà tuân theo lệnh. Nhưng các tôn thân, công hầu bá, phò mã, các quan văn võ, nhân dân, kỳ lão và các sứ thần triều cống của tứ di⁴ đều cúi đầu dưới cửa khuyết, dâng biểu khuyên lên ngôi, cho là ngôi trời không thể bỏ trống lâu ngày, sinh dân không thể [11b] không có người đứng chủ, mà con trưởng đích nối giữ đại thống là đạo vĩnh hằng của nhà nước. Lời tâu bày đến hai ba lần, lòng thành khẩn xiết bao giải tỏa.

Cho nên, ta trên tuân lệnh theo di mệnh, dưới thể lòng mọi người, ngày 15 tháng 8 đã kính cáo trời đất, tông miếu, xã tắc, lên ngôi hoàng đế, để đón phúc lớn của tông miếu, để nhờ mưu xa của thánh thần. Nay nhân buổi mới lên ngôi, ban mệnh đổi mới, lấy sang năm làm năm Hồng Hy thứ nhất, còn các việc nên làm, nêu rõ như sau:

"Những việc như lấy vàng bạc, tìm hương liệu ở Giao Chỉ đều đình chỉ hết. Các quan viên trong ngoài sai đi trông coi, hạn trong 10 ngày phải lên đường về kinh, không được kiểm cố ở chậm lại mà ngược hại nhân dân. Ôi! vua tôi cùng một dạ, thương dân cốt ở khoan hồng, thưởng phạt có phép thường, trị nước trước phải minh tín. Những mong các hiền tài [12a] giúp việc văn võ, các quan chức giỏi giang trong ngoài hết lòng trung trinh, giúp chỗ thiếu sót để nối nghiệp lớn. Cho nên quốc gia hưng thịnh mãi mãi, để ban ân huệ tới khắp dân đen, để mở rộng phúc trị bình cho mọi nơi trong cõi".

Các nha môn lớn nhỏ ở nước ta sai quan đem lễ vật sang tế lễ vá chúc mừng.

Mùa thu, tháng 9, ngày 20, vua chỉ huy quân và voi đánh úp đồn Đa Căng⁵, phá được đồn này. Tham chính nhà Minh là Lương Nhữ Hốt chỉ chạy thoát được thân mình, ta thu hết khí giới, đốt phá đồn giặc.

Đô chỉ huy sứ nhà Minh Nguyễn Suất Anh⁶ đem quân đến cứu viện, nhưng đồn đã mất. Anh chường hững, không chỗ bấu víu, vua lại đánh bại chúng. Anh chạy vào thành Tây Đô. Vợ con của Anh bị ta bắt được, vua đều tha cho về cả.

¹ Giặc Hồ: chỉ người Thát Đát A Lỗ Thái.

² Sông Du Mộc: ở huyện Đa Luận, tỉnh Sát Cáp Nhĩ.

³ Đĩnh Hồ: theo truyền thuyết Trung Quốc: Hoàng đế đúc vạc ở chân núi Kinh Sơn, vạc đúc xong, liền cưỡi rồng bay đi. Chỗ ấy gọi là Đĩnh Hồ. Sau dùng chữ Đĩnh Hồ để chỉ vua chết.

⁴ Tứ di: chỉ các nước xung quanh Trung Quốc hồi ấy.

⁵ Đồn Đa Căng: có lẽ là Bất Căng, thuộc xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Đồn này nằm trên hữu ngạn sông Chu.

⁶ Lam Sơn thực lục và Đại Việt thông sử chép là Nguyễn Hoa Anh.

Nhà Minh cho gọi Công bộ thượng thư nắm việc hai ty Bồi chính và Án sát ở Giao Chỉ là Hoàng Phúc về nước. Tờ sắc viết:

"Khanh là bậc lão thành của nước, khó nhọc lâu ở ngoài, trẫm mong nhớ khôn khuây, muốn được trông thấy [12b] mặt ngay. Thấy sắc tới thì khanh đi trạm mau về kinh để thỏa lòng trẫm mong đợi. Còn vợ con thì sai phu trạm đưa về sau".

Nhà Minh lấy Binh bộ thượng thư Trần Hiệp sang trấn giữ, kiêm coi việc hai ty Bồi chính, Án sát và giúp đỡ việc quân chính cho tổng nhung.

Hiệp người phủ Thường Châu, tỉnh Trực Lệ, trước kia làm Đại lý thiếu khanh. Năm Bính Tuất, Khai Đại năm thứ 4 đời Hồ (1406), vận chuyển lương thực đi theo quân Minh, đến năm Kỷ Sửu, Hưng Khánh năm thứ 3 (1409), Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn bại trận bị chết ở bến Bồ Cô, điều Hiệp làm Thị lang quản sự, khi bình được châu Hóa, được thăng làm Binh bộ thượng thư.

Hoàng Phúc được gọi về, có tâu xin bảo cử các thổ hào làm quan như phụ đạo Bình Nguyên là Hoàng Ngân Phong, con Tri phủ Đỗ Hy Vọng là Đỗ Cử, con Diêm vận đồng tri Thân Bí Quyết là Bá Tuân. Lại tâu rằng:

"Các thổ lại vẫn quyến luyến quê hương, nếu khoan dung cho chúng thì trái với [13a] phép tắc đã quy định, nếu gò bó chúng thì phần nhiều đều bỏ trốn, đến khi lòng bắt thì chúng quay lại giúp đỡ giặc cướp. Xin xuống chiếu cho Văn Nam để những tên suốt đời làm lại thì chuyển cho làm việc ở các nha môn".

Vua Minh nghe theo.

Vua chọn đình tráng, sửa khí giới, rèn bộ ngũ, chứa sẵn lương khô, tiến thẳng vào Nghệ An.

Khi qua núi Bồ Lạp (có sách chép là xứ Bồ Cự) thuộc châu Quy¹, thì gặp tên Chỉ huy đồng tri nhà Minh là Sư Hựu cùng viên thổ quan là Tri phủ châu Trà Lĩnh Cầm Bành đem 5.000 quân đón ở phía trước, lại có các tướng Minh Trần Trí, Lý An, Phương Chính, Thái Phúc đem quân tiếp đến uy hiếp mặt sau.

Trời sắp tối, vua bèn phục sẵn binh tướng trong rừng. Bọn Phương Chính đến, vua tung quân ra đánh. Quân Minh tan vỡ lớn. Ta chém được Đô ty Trần Trung và hơn hai nghìn thủ cấp quân giặc, bắt được hơn một trăm cỗ ngựa. Quân Minh tháo chạy.

Hôm sau, quân ta tiến đến trang Trịnh Sơn², châu Trà Lĩnh³, [13b] gặp Sư Hựu ở đó, lại cả phá chúng, chém được thiên hộ Trương Bản và hơn nghìn quân giặc. Hựu chỉ chạy thoát thân mình. Vua dẫn quân đến sách Mộc. Bọn Trần Trí đuổi theo đến núi Trạm Hoàng, nhưng vì đã nhiều phen bị thua đau, không dám tiến sâu, lui về giữ thành Nghệ An.

Mùa đông, tháng 11, vua sai người chiêu dụ Cầm Bành. Bành cự tuyệt không theo, mình hẳn cùng với hơn ngàn quân lên dựng rào lũy trên đỉnh núi để đón quân cứu viện. Vua đem quân tới bao vây.

Tháng 12, Sơn Thọ nhà Minh sai Nguyễn Sĩ đưa trả Lê Trần để cầu hòa.

Bọn Phương Chính, Sơn Thọ đến Nghệ An, muốn cứu Cầm Bành nhưng không dám tiến quân, bèn sai người đem thư xin vua giải vây cho Bành.

Bấy giờ, Cầm Bành cố thủ, vây đã hơn một tháng chưa lấy được, lại nghe tin quân cứu viện tới. Vua gọi các tướng lên bảo rằng:

¹ Bồ Lạp: là tên núi, cũng gọi là Bồ Cự, Bồ Đăng, là một ngọn núi ở xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Nhân dân địa phương thường gọi là Bù Đờn và phía đông bắc có một bản nhỏ gọi là Bản Liệp. Vùng này nay thuộc xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

² Trang Trịnh Sơn: là Kê Trịnh, nay thuộc xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, cách thành Trà Lĩnh (hay Trà Long) hơn 10 km.

³ Châu Trà Lĩnh: hay Trà Long, là đất huyện Con Cuông, Tương Dương, tỉnh Nghệ An ngày nay, đời Trần là đất Mật Châu, đời Nguyễn gọi là phủ Tương Dương.

"Cầm Bành đang nguy khốn, bọn Chính đáng lẽ phải cấp tốc cứu viện, nay lại dùng dằng, hẳn là có ý lo sợ. Chi bằng ta [14a] giả cách cho hòa để xem tình thế ra sao, tin đi tin lại mất hàng tuần hàng tháng, thì Cầm Bành lúc ấy chắc đã bị bắt rồi".

Vua bèn viết thư để trên bè cho thuận dòng trôi xuống. Trong thư vua nói thác là vẫn muốn theo lời thỉnh cầu của họ, trở về Thanh Hóa. Nhưng lại bị Cầm Bành chặn đường, nếu có lòng thương thì xin cho một người tạm đến hòa giải để thông đường về.

Bọn Chính nhận được thư, sai Trần Đức Nhị chạy đến bảo Cầm Bành hòa giải, Cầm Bành biết là viện binh không đến, mở cửa thành ra hàng, Châu Trà Lân đã dẹp yên. Vua ra lệnh cho quân rằng:

"Cầm Bành đã đầu hàng, chớ có mảy may xâm phạm, tha tội cho tất cả, không được giết một người nào". (Sau Cầm Bành mưu phản, vua giết chết).

Vua vội về an ủi các bộ lạc, khao thưởng các tù trưởng. Tuyển chọn đinh tráng bổ sung quân ngũ được 5 nghìn người, thế quân càng mạnh. Quân tin nghe tin Cầm Bành đã hàng, liền quay lại đánh trại Trà Lân. Vua lại đánh phá được.

Vua muốn đánh thành Nghệ An, [14b] nhưng chưa biết tình thế ra sao. Gặp khi vua Minh mới lên ngôi, sai nội quan Sơn Thọ dùng lời lẽ quý quyết để dụ dỗ vua. Vua biết dụng ý của chúng liền nói:

"Giặc sai người đến lừa ta, ta nhân chỗ sơ hở của chúng mà lừa lại, chính là dịp này đây".

Rồi lại trao đổi đi lại với giặc, trinh sát tình hình của chúng để mưu đánh úp thành Nghệ An. Bọn Thọ biết là mưu kế của chúng không đánh lừa nổi, mới lại đoạn tuyệt không cho sứ đi lại nữa.

Bấy giờ vua chấn chỉnh binh tượng, tiến quân bao vây thành Nghệ An. Quân sắp đi, vừa lúc có tin báo quân Minh đã sắp đặt voi ngựa, thuyền bè, tiến quân cả hai đường thủy và bộ, định ngày mai sẽ tới. Vua chia hơn 1.000 quân, cho bọn Lê Liệt đi đường tắt đóng giữ huyện Đỗ Gia¹. Vua đích thân chỉ huy đại quân giữ chỗ hiểm yếu để chúng.

Được ba bốn hôm, quân Minh quả nhiên đến quán Lậu và cửa Khả Lưu², bày doanh trại ở hạ lưu. Vua ở thượng lưu, ban ngày dựng cờ đánh trống, ban đêm thì đốt lửa sáng trưng. Nhưng ngầm sai binh tượng [15a] vượt sông, phục sẵn ở chỗ hiểm yếu. Trời gần sáng, giặc liền đem quân đến đánh dinh vua. Vua giả vờ rút lui, dẫn giặc tới chỗ có quân mai phục. Giặc không để ý, đem quân tiến vào sâu, quân mai phục bốn mặt nổi dậy, xông ra đánh phá. Quân giặc bị chém đầu và chết đuối tới hàng vạn tên.

Hôm sau, giặc liền dựa vào thế núi, đắp hào lũy để ở, không ra đánh nữa.

Bấy giờ lương thực của giặc có rất nhiều mà quân của vua thì không đủ lương ăn cho 10 ngày. Vua nói với tướng sĩ:

"Giặc cậy có nhiều lương, cố thủ để làm kế lâu dài, ta lương ít không thể cầm cự dài ngày với giặc".

Rồi đốt cháy doanh trại, ngược dòng sông giả cách trốn đi, nhưng lại ngầm đi đường tắt trở về, đợi giặc đến thì đánh. Quân Minh cho là vua đã chạy, mừng lắm, bèn tiến quân vào đóng ở doanh trại cũ của vua, lên núi đắp lũy.

Ngày hôm sau, vua cho quân tinh nhuệ ra khiêu chiến. Giặc đem quân ra ngoài lũy để đánh. Vua phục sẵn ở Bồ Ai³, giữa nơi hiểm yếu. Giặc lại không ngờ tới, đem hết [15b] quân ra đánh. Vua bèn tung phục binh xông vào trận giặc. Bọn Lê Sát, Lê Lễ, Lê Vấn, Lê Nhân Chú, Lê Ngân, Lê Chiến, Lê Tông

¹ Đỗ Gia: nay là đất huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Gần xã Linh Cảm của huyện này có làng Đỗ Xá, có lẽ là nơi đóng quân của Lê Liệt.

² Khả Lưu: là tên một cửa ải xưa, ở phía bắc sông Lam, thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

³ Bồ Ai: Là một địa điểm ở về phía trên ải Khả Lưu, cách Khả Lưu không xa. Hiện nay, ở xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An có khe Ai đổ ra sông Lam và ngọn núi thấp ở đây cũng có người gọi là Bồ Ai...Có lẽ đó là Bồ Ai xưa kia.

Kiều, Lê Khôi, Lê Bôi, Lê Văn An tranh nhau nên trước phá quân giặc, chém đầu giặc không sao kể xiết. Thuyền giặc trôi ngổn ngang, xác chết đuối nghẹn tắc khúc sông, khí giới vớt đầy cả rừng núi. Ta bắt sống Đô ty Chu Kiệt, chém tướng tiền phong là Đô ty Hoàn Thành, bắt sống hàng nghìn tên giặc. Trần Trí, Sơn Thọ thu nhặt tàn quân chạy về thành Nghệ An. Vua thừa thắng đuổi dài suốt 3 ngày, đến tận dưới chân thành. Bọn Trí vào thành cố thủ.

Nhà Minh sai Cấm y vệ xá nhân sang bắt bọn Phương Chính và Sư Hựu về kinh, vì bị thua trận ở châu Trà Lân. Hựu đi đến giữa đường uống thuốc độc chết, Phương Chính vẫn được làm Đô đốc đồng tri, gia chức tham tướng.

Nhà Minh ra lệnh cho bọn Mã Kỳ lại [16a] sang lấy vàng bạc, châu báu và hương liệu.

Ất Ty, [1425], (Minh Nhân Tông Cao Xí Hồng Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, vua đem quân đến hương Đa Lô¹, huyện Thổ Du, trấn Nghệ An. Già trẻ tranh nhau đem trâu rượu đến đón và khao quân. Mọi người đều nói: "Không ngờ ngày nay lại được trông thấy uy nghi của nước cũ".

Tri phủ châu Ngọc Ma là Cấm Quý đem hơn 8.000 quân và hơn 10 con voi đến theo giúp. Vua ra lệnh cho các tướng rằng:

"Dân chúng khổ về chính sách bạo ngược của giặc đã lâu rồi. Những châu huyện nào chúng ta đi tới, không được mây may xâm phạm của dân. Nếu không phải là trâu bò, thóc lúa của bọn nguy quan, thì dầu đói khát khổ đến đâu cũng không được lấy bậy".

Mọi người đều tuân lệnh.

Bấy giờ, quân lính đã ba ngày chưa được ăn mà vẫn không có ai vi phạm lệnh đó. Dân thấy pháp lệnh đã được ban ra và thi hành nghiêm ngặt như vậy, liền đem hết trâu bò, thóc lúa của giặc Minh cấp cho quân lính. Bấy giờ, vua chia quân đi lấy lại đất đai các nơi. Đến châu huyện nào, người ta đều nghe tiếng mà quy phục, cùng [16b] nhau hợp sức vây đánh thành Nghệ An. Giặc cố thủ không dám ra nữa. Thế là đất Nghệ An đều về ta cả.

Vua huấn luyện tướng sĩ, sửa chữa vũ khí, chưa đầy 10 ngày, chiến cụ đã đầy đủ cả. Bèn duyệt võ nghệ, dạy cho binh sĩ phép ngồi, đứng, đánh, đâm, chỉ bảo các thế kỳ, chính, phân, hợp, cho họ biết hiệu chiêng, hiệu trống, hiệu cờ. Kỷ luật quân đội đã nghiêm chỉnh, tinh thần binh sĩ càng tăng thêm. Thường phạt thi hành, nên quân lính gan dạ quyết chiến. Nhân dân trong vùng đều dắt díu nhau tới, đông vui như đi chợ. Vua vỗ về phủ dụ, mọi người đều hân hoan vui vẻ.

Mùa hạ, tháng 4, Tham tướng nhà Minh là An Bình bá Lý An đem thủy quân từ thành Đông Quan đến cứu. Vua đoán là Trần Trí bị cùng quẫn lâu ngày, thấy quân cứu viện đến, tất mở cửa thành ra đánh, bèn dời quân tới đóng ở huyện Đỗ Gia, đào cửa sông, phục quân trên bờ sông đợi quân giặc đến [17a] để đánh.

Ngày 17, bọn Trí đem hết quân ra đánh trại Lê Thiết. Đợi quân của Trí sang một nửa, quân mai phục liền nổi dậy đánh tan, chém hơn ngàn thủ cấp giặc, bọn chết đuối cũng rất nhiều. Từ đó, giặc càng sợ hãi, đắp thân hào lũy gắng sức cố thủ.

Tháng 5, vua sai Tư không Lê Lễ (Lễ là cháu gọi vua bằng cậu, vốn họ Đinh, được ban họ Lê) đi tuần ở Diễn Châu². Lễ đặt phục binh trước. Quân Minh không biết. Gặp khi Đô ty Trương Hùng của nhà Minh đem hơn 300 chiếc thuyền chở lương từ Đông Quan đến. Trong thành mừng lắm, tranh nhau mở cửa thành ra đón. Quân phục binh nổi dậy, chém viên Thiên hộ họ Tường và hơn 300 quân giặc. Hùng tháo chạy, Lễ cướp lấy thuyền lương rồi đuổi theo, vừa đi vừa đánh, đến tận thành Tây Đô.

Bấy giờ, giặc đều đến cứu thành Nghệ An, vua đoán là các thành Tây Đô đều đã suy yếu, liền chọn 200 quân tinh nhuệ, [17b] 2 thớt voi, sai bọn Lê Lễ, Lê Sát, Lê Nhân Chú và Lê Triện, Lê Bị đi gặp

¹ Hương Đa Lô: nay là Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

² Thành Diễn Châu: còn có tên là thành Trại, nay còn dấu vết ở xã Diễn Hồng, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, cách quốc lộ số 1 gần 400 mét về phía đông và cách Cửa Vạn 2 km.

theo đường đất đánh úp thành Tây Đô¹, chém được hơn 500 thủ cấp giặc, bắt sống được rất nhiều. Quân Minh đóng cửa thành cố thủ. Dân cư ngoài thành, bọn Lê Triện đều phủ dụ được cả. Bấy giờ người Thanh Hóa tranh nhau đến cửa quân xin liều chết đánh giặc. Bèn bao vây thành đó.

Vua Minh băng, thọ 48 tuổi, miếu hiệu là Nhân Tông. Thái tử Minh là Chiêm Cơ lên ngôi, đổi niên hiệu là Tuyên Đức, tức là Tuyên Tông. Các quan phương diện và phủ, huyện, châu về châu mừng.

Mùa thu, tháng 7, vua dự đoán thành giặc ở các xứ Thuận Hóa, Tân Bình đã từ lâu không thông tin tức với Nghệ An và Đông Đô, bảo các tướng:

"Người làm tướng giỏi ngày xưa bỏ chỗ rắn đánh chỗ mềm, tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, như thế chỉ dùng một nửa sức mà nên công gấp đôi".

Bèn sai Tư đồ Trần Hãn và Thượng tướng Lê Nỗ [18a] báo cho bọn Lê Đa Bồ đem hơn 1000 quân và 1 thối voi ra đánh các thành Tân Bình, Thuận Hoá và chiêu dụ nhân dân.

Đến sông Bồ Chính² thì gặp giặc Minh, bọn Hãn đưa quân vào chỗ hiểm yếu, bí mật mai phục ở Hà Khương để nhử giặc. Tướng Minh là Nhậm Năng đem hết quân tiến vào. Bọn Hãn hợp binh tượng còn lại để đánh rồi giả cách thua chạy. Năng đuổi theo, quân mai phục đánh kẹp hai bên, giặc Minh tan vỡ, bị chém đầu và chết đuối rất nhiều.

Bấy giờ, quân của Hãn và Nỗ có ít mà quân giặc còn rất đông, đã sai người báo gấp và xin thêm quân từ trước. Vua sai tiếp bọn Lê Ngân, Lê Bôi, Lê Văn An đem 70 chiếc thuyền chiến vượt biển đến thẳng chỗ đó. Đến khi được tin thắng trận của Nỗ, liền thừa thắng đánh vào các xứ ở Tân Bình³, Thuận Hóa⁴. Quân và dân các nơi bị giặc chiếm đều quy thuận. Quân Minh vào thành cố thủ. Thế là Thuận Hóa, Tân Bình đều thuộc về ta cả. Các tướng say tôn [18b] vua là "Đại thiên hành hóa"⁵. Từ đó, các mệnh lệnh, dụ văn, phần nhiều lấy bốn chữ ấy để xưng.

Bính Ngọ, [1426], (Minh Tuyên Tông Chiêm Cơ, Tuyên Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Lễ bộ nhà Minh hạ lệnh mở khoa thi hương để chọn học trò. Tổng binh và hai ty Bồ chính và Án sát xin tạm ngừng. Lại xin miễn lễ châu hầu sang năm vì địa phương chưa yên.

Mùa hạ, tháng 5, vua Minh xuống chiếu rằng:

"Đạo lý thống trị cốt ở yên dân, lòng nhân xót thương, cũng nên tha tội. Giao Chỉ từ khi sáp nhập vào bản đồ đến nay đã hai mươi năm, nhiều lần gây chuyện phản nghịch, phải huy động tới quân của nhà vua. Nhưng ghét chết, thích sống, lòng người không ai khác ai, lợi nước vào lửa, bản tâm có ai muốn thế. Xét kỹ duyên do, đều bởi người có chức trách đã không biết cách vỗ về, lại còn cướp bóc không hề biết chán. Tình cảnh kẻ dưới không thấu lên trên, ơn trạch người trên không thấm xuống dưới. Đến nỗi dân chúng khổ nỗi, nầy lòng nghi ngờ, trốn vào núi rừng, họp nhau làm loạn. Xét thực tình đều là do bất đắc [19a] dĩ, nên xử tội cũng đáng được xót thương. Vậy ban ơn mưa móc, cho đều được thấm nhuần. Những quan lại và quân dân Giao Chỉ mắc tội phản nghịch và các tội khác, đã bị phát giác hay chưa bị phát giác, đã được xét xử hay chưa được xét xử, kể từ ngày chiếu thư này ban ra, không kể là tội lớn hay tội nhỏ, đều tha cho cả. Quân và dân đất Giao Chỉ, ngoài việc nộp tiền thuế và lương thực ra, các khoản trưng thu khác, cùng những việc đổi lấy vàng bạc, tiền đồng, muối, sắt, hương liệu, thuế cá... đều lập tức đình chỉ cả, cho phép được trao đổi ở trong hạt với nhau, quan phủ không được cấm, làm như vậy để tỏ lòng thương dân của trẫm".

¹ Thành Tây Đô: nay ở vào khoảng giữa hai xã Vĩnh Tiến và Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

² Sông Bồ Chánh: tức là sông Gianh, tỉnh Quảng Bình.

³ Tân Bình: tên phủ thời thuộc Minh, gồm đất các huyện Quỳnh Trạch, Bồ Trạch, Lê Ninh, Tuyên Hóa, Bến Hải, tỉnh Quảng Bình ngày nay.

⁴ Thuận Hóa: tên phủ thời thuộc Minh gồm đất các huyện Triệu Hải, Hương Điền, Hương Phú, Hương Hóa, Phú Lộc, tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên-Huế ngày nay.

⁵ Đại thiên hành hóa: nghĩa là thay trời tiến hành việc giao hóa.

Mùa hạ, tháng 6, có người đàn bà nghèo hèn ở trang Phao, huyện Đáy Giang mắc bệnh hủi, bị chông ruộng bỏ. Bỗng một hôm mù gặp một cụ già trên đường trao cho một hòn đá nhỏ như quả trứng gà, bảo mài nước bôi vào chỗ loét thì khỏi ngay. Mù làm theo như vậy, quả nhiên khỏi bệnh. Xa gần nghe tin, nhiều người đem tiền lụa đến xin chữa cho [19b]. Mù ứng tiếp không xuể, chỉ lấy hòn đá mài nước mà cho, gọi là nước bồ tát. Người ta nổi nhau trên đường, hỏi xin đã xin được nước đó chưa. Việc bị phát giác, cả người và đá đều bị bắt đưa về giữ lại ở Tam ty. Không bao lâu, quan quân tới, người đàn bà ấy mới được đưa về. Kẻ thức giả cho rằng đó là điềm Lê Thái Tổ lấy được nước.

Mùa thu, tháng 8, vua cho là quân tinh nhuệ của giặc đều ở Nghệ An cả, các xứ Đông Đô của chúng nhất định suy yếu, bèn tăng thêm binh tượng, sai bọn Khu mật đại sứ Phạm Văn Xảo, Thái úy Lê Triện, Thái giám Lê Khả, Á hầu Lê Như Huân, Lê Bí đem hơn 3.000 quân 1 thớt voi đi tuần các xứ Thiên Quan¹, Quảng Oai, Quốc Oai, Gia Hưng², Quy Hóa³, Đà Giang, Tam Đới⁴, Tuyên Quang để cắt đứt đường viện binh của giặc từ Vân Nam sang; bọn thái úy Lê Bị, Thái giám Lê Khuyển [20a] đem 2.000 quân và 1 thớt voi đánh ra các xứ Khoái Châu⁵, Bắc Giang, Lạng Giang để chặn viện binh từ Lưỡng Quảng tới; bọn Tư không Lê Lễ và Lê Xí thì đem tinh binh tiến sau để phô trương thanh thế. Quân ta đi đến đâu, không mấy may xâm phạm của dân, chợ búa không thay đổi hàng quán. Vì thế, các lộ ở Đông Đô và các xứ phiên trấn, chỗ nào cũng vui mừng, tranh nhau mang trâu dê cơm rượu đến khao quân lính và đều hưởng ứng vây đánh các thành giặc. Quân Minh chỉ còn ngồi giữ để đợi viện binh mà thôi.

Ngày 12, bọn Triện đem 3.000 quân tiến sát đến thành Đông Quan.

Quân Minh thấy Triện mang quân trợ trợ từ xa tới, dốc hết quân ra đánh. Đến các xứ Ninh Kiều⁶ thuộc Ứng Thiên (nay là Chương Đức) thì bọn Lê Triện, Lê Khả, Lê Bí dốc sức quyết chiến, phá tan quân giặc, chém được hơn 2.000 thủ cấp, rồi tiến quân đóng ở phía tây sông Ninh Giang⁷.

Tham tướng nhà Minh là Trần Trí cho là thành Đông Quan trợ trợ nguy hiểm [20b] mới đắp thêm lũy, đào thêm hào, làm kế cố thủ, lại gởi thư cho bọn Lý An, Phương Chính bảo bỏ thành Nghệ An về cứu đất căn bản⁸.

Tháng 9, ngày 17, bọn Lý An, Phương Chính bỏ thành Nghệ An, vượt biển chạy về Đông Quan, chỉ để Thái Phúc ở lại giữ thành Nghệ An. Vua tiến đánh phía ngoài thành, phá được.

Vua liệu tính thế giặc ngày một suy, quân ta ngày một mạnh, thời cơ đã đến mà không hành động ngay sợ lỡ mất cơ hội, liền để bọn Lê Ngân, Lê Văn An, Lê Bôi, Lê Điền, Lê Lĩnh, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng ở lại đóng dinh vây thành Nghệ An. Vua đích thân chỉ huy đại quân, ngày đêm đi theo đường thủy, đường bộ tiến gấp đuổi theo bọn An, Chính.

Khi đến thành Tây Đô, vua đóng dinh ở Lỗ Giang, úy lạo tướng sĩ, ban thưởng bô lão trong làng và họ hàng cùng những người quen biết cũ theo thứ bậc khác nhau. Bấy giờ nhân dân các huyện nghe tin vua [21a] đến Thanh Hóa, đều hăng hái đến trước cửa quân, tình nguyện rong ruổi theo hầu để lập chút công lao.

¹ Thiên Quan: vùng đất huyện Nho Quan cũ, nay thuộc huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.

² Gia Hưng: gồm các huyện Thuận Châu, Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Phù Yên tỉnh Sơn La, các huyện Thanh Sơn, Tam Thanh tỉnh Phú Thọ và huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình ngày nay.

³ Quy Hóa: thuộc Yên Bái, Lào Cai ngày nay.

⁴ Tam Đới: thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

⁵ Nguyên văn là Khoái Giang, sửa lại theo Đại Việt thông sử và Cương mục.

⁶ Ninh Kiều: là vùng Ninh Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay. Đây là một vị trí trọng yếu và hiểm trở nằm trên đường thượng đạo từ Đông Quan vào Thiên Quan và Thanh Hóa.

⁷ Ninh Giang: là đoạn sông Đáy chảy qua vùng Hà Tây, Nam Hà rồi theo sông Mỹ Đô chảy vào sông Hồng (đoạn Hoàng Giang).

⁸ Chỉ Đông Đô.

Ngày 20, viên Đô ty Vương An Lão ở Vân Nam của nhà Minh đem hơn 1 vạn viện binh đến cầu Xa Lộc¹, lộ Tam Giang. Bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả đón đánh phá tan giặc, chém hơn 1.000 thủ cấp, giặc chết đuối rất nhiều. Quân giặc còn sót lại chạy vào thành Tam Giang.

Hôm ấy, Lê Triện đánh nhau với quân Minh ở cầu Nhân Mục², chém hơn một nghìn thủ cấp giặc, bắt được tên Đô ty nhà Minh là Vi Lượng³.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai bọn Tổng binh Thành Sơn hầu Vương Thông và Tham tướng Mã Anh đem 5 vạn quân, 5 nghìn ngựa chia đường sang cứu viện các thành Đồng Đô. Một vạn quân Vân Nam tiến trước, thẳng đến Tam Giang⁴, thuận dòng mà xuống. Bọn Lê Khả nghe tin giặc [21b] đến, từ Ninh Kiều hành quân cấp tốc, gặp giặc ở cầu Xa Lộc, đón đánh bại quân giặc.

Ngày mùng 6, bọn Vương Thông nhà Minh đem các quân mới cũ gồm hơn 10 vạn tên, chia làm ba đường đánh vào quân ta.

Vương Thông từ Khâu Ôn tới, qua cầu Tây Dương⁵, đóng quân ở bến Cổ Sở⁶, làm cầu phao cho quân qua sông. Phương Chính tiến từ cầu Yên Quyết⁷, đóng quân ở cầu Sa Đồi⁸. Sơn Thọ và Mã Kỳ tiến từ cầu Nhân Mục, đóng quân ở cầu Thanh Oai⁹. Quân giặc dàn doanh trại liên nhau đến vài mươi dặm, cờ xí rợp đồng, giáo mác rục trời, tự cho là đánh một trận là bắt hết được quân ta.

Bọn Lê Triện, Lê Bí mai phục binh tượng ở đồng Cổ Lãm¹⁰, cho du binh nhử đánh vào doanh quân Thọ, Kỳ rồi giả vờ thua chạy. Quân Minh đuổi theo, khi qua bờ cầu Tam La¹¹, chỗ ấy ruộng nước, bùn lầy, quân mai phục của ta nổi dậy đánh tạt ngang vào bọn giặc. Quân giặc bị sa lầy. Ta chém hơn một nghìn thủ cấp, đuổi tận đến cầu Nhân Mục. Xác giặc phơi ngổn ngang đến vài [22a] mươi dặm, ta bắt sống hơn 500 tên. Bọn Triện định đánh chặn hậu doanh của Phương Chính, nhưng Chính đã rút đi rồi. Trời tối, bèn thu quân về.

Ngày mùng 7, bọn Lê Triện đánh Vương Thông ở các trại ngoài Cổ Sở.

Bấy giờ, giặc đã phục binh sẵn, đan tra làm lá chắn, bên trong gài chông sắt, giả cách rút lá chắn bỏ chạy. Voi của ta giẫm lên, trúng phải chông sắt, quân ta thất lợi, phải tạm lui. Bọn Triện tự liệu không thể chặn được mới phá hủy doanh trại cũ, thu quân giữ nơi hiểm yếu, cáo cấp trước với bọn Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Xí.

Lúc ấy, bọn Lê Lễ đã bí mật mai phục tinh binh ở Thanh Đàm¹² để đợi giặc, được tin báo của Triện, bèn đang đêm đem hơn 3 nghìn quân tinh nhuệ và 2 thớt voi đến dứ, hội quân ở Cao Bộ¹³, chia quân phục sẵn ở các chỗ hiểm yếu. Nhân bắt được gián điệp của giặc, tra hỏi biết được giặc định đặt súng phía sau quân ta.

¹ Cầu Xa Lộc: tục gọi là cầu Ròng Rọc ở gần làng Tứ Xã, huyện Lâm Thao, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

² Cầu Nhân Mục: tức là Cổng Mọc ở xã Nhân Chính, huyện Từ Liêm Hà Nội, cầu bắc qua sông Tô Lịch, trên đường từ Đông Quan đến Ninh Kiều.

³ Minh sử chép là Viên Lượng.

⁴ Thành Tam Giang: là trị sở của phủ Tam Giang, nằm ở phía bắc ngã ba Hạc, có thể là thành cổ Dục Mỹ, ở gần cầu Xa Lộc.

⁵ Cầu Tây Dương: tức cầu Giấy, bắc qua sông Tô Lịch, huyện Từ Liêm, Hà Nội ngày nay.

⁶ Bến Cổ Sở: tức bến Giá ở xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Tây ngày nay.

⁷ Cầu Yên Quyết: tức là cổng Cót ở Hạ Yên Quyết, gần Láng, Hà Nội ngày nay.

⁸ Cầu Sa Đồi: cầu bắc ngang sông Nhuệ còn gọi là cầu Đồi ở phía tây xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

⁹ Cầu Thanh Oai: bắc qua sông Đổ Động ở xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.

¹⁰ Cổ Lãm: tức tổng Thăng Lãm, tên nôm là Sớm, nay gồm các xã Phú Lãm, Phú Cường, Văn Khê, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

¹¹ Cầu Tam La: tức Ba La, còn gọi là Ba La Bông Đỏ, sát thị xã Hà Đông, trên đường đi Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

¹² Thanh Đàm: tức là Thanh Trì, trị sở huyện này xưa ở phía đông nam Văn Điển, Hà Nội ngày nay.

¹³ Cao Bộ: tên nôm là làng Bụa, thuộc xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.

[22bb] Lễ và triệu dùng luôn kế của giặc để đánh giặc, hạ lệnh cho các quân nghe tiếng súng nổ vẫn nằm im không được nhúc nhích. Giặc cho là không có quân, đi theo đường tắt tới, nổ súng rồi đem toàn bộ quân tiến sâu vào.

Đến cách sông Yên Duyệt¹ vài dặm thì phụng binh ta ba mặt đều xông lên, hăng hái đánh vào các xứ Tốt Động², Chúc Động³, phá tan quân giặc⁴, chém được thượng thư Trần Hiệp, Nội quan Lý Lượng và 5 vạn quân giặc. Giặc chết đuối rất nhiều, nước sông ở Ninh Kiều do vậy mà tắc nghẽn. Bắt sống hơn 1 vạn tên giặc, thu được ngựa, quân tư, khí giới, xe cộ nhiều không kể xiết. Phương Chính theo đường bến Cổ Sở trốn về. Bọn Vương Thông, Mã Kỳ chỉ thoát được thân, chạy về thành Đông Quan.

Tin thắng trận báo về hành dinh ở Lỗ Giang. Bấy giờ, vua đương đóng quân ở Thanh Hóa, hội các quân ở Hải Tây, nhận được thư báo thắng trận của bọn Lê Lễ, bèn đích thân dẫn đại quan [23a] và 20 thớt voi chia hai đường thủy, lục ngày đêm đi gấp.

Ngày 11, tới sông Lũng Giang⁵ đóng dinh, các tướng tới đón mừng.

Tri châu phủ Chính Bình là Hà Trung bị vua bắt, giết chết.

Bọn Vương Thông nhà Minh vì bị thua ở Tốt Động, quân khí cơ hồ mất sạch, bèn phá chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh⁶ để làm súng đạn, hỏa khí. Sau khi Trần Hiệp chết, Hữu bố chính sứ Đặc Khiêm giữ ấn của Bố chính ty, án sát sứ Dương Thì Tập giữ ấn của Án sát ty, Đô đốc thiêm sự Trần Duệ giữ ấn của Đô ty. Từ đó, lịch chính sóc⁷ của nhà Minh không được thi hành ở các quận huyện nước ta nữa.

Ngày 22, vua tiền quân đến Tây Phù Liệt⁸.

Ngày 23, vua sai bọn Trần Hãn, Lê Bị đem hơn trăm chiếc thuyền thủy quân, ngược dòng sông Đại Lũng ra cửa sông Hát, rồi thuận [23b] dòng xuôi đến bến Đông Bộ Đầu sông Lô⁹, bọn Lê Lễ đem hơn 1 vạn quân bộ bí mật tiến đến cầu Tây Dương. Vua đích thân dẫn binh tượng đến cửa Nam ngoài thành Đại La để đánh thành Đông Quan.

Đến đêm, hồi canh ba, quân bốn mặt đánh ập vào, phóng lửa đốt các nhà ở ngoài thành, khói lửa mù mịt đầy trời. Các doanh quân đóng ngoài thành của Phương Chính tranh nhau chạy vào cửa thành xác chết gối lên nhau. Ta bắt hết những người trong nước buộc phải theo giặc và hơn trăm chiến thuyền cùng rất nhiều khí giới, nghi trượng. Giặc biết là quân dân các vùng gần đó đều theo về ta cả, thế là mỗi ngày một cùng quẫn, lại đắp thêm tường lũy, liều chết cố thủ, để đợi viện binh.

¹ Sông Yên Duyệt: ở làng Yên Duyệt, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.

² Tốt Động: tên nôm gọi là làng Rét. Đây là vùng đất thấp, lầy lội. Cánh đồng Tốt Động là đồng chiêm trũng, rất lầy lội.

³ Chúc Động: cách Tốt Động 6km về phía đông bắc và ở ngay phía tây Ninh Kiều. Cả hai con đường từ Ninh Kiều đến Cao Bộ đều phải đi qua vùng Cúc Động. Chúc Động nay là Chúc Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

⁴ Đoạn này Toàn thư viết rất khó hiểu. Xin ghi lại đoạn nói về trận đánh này của Cương mục để tiện tham khảo: "Bắt được gián điệp của địch, ta biết Thông đã tiến đóng ở Ninh Kiều, ngầm cho kỳ binh tiên nhanh đến phía sau quân Triệu, còn chính binh của Thông sẽ vượt sông tiến lên phía trước. Chúng hẹn nhau hãy nghe tiếng súng pháo nổ, thì các mũi quân địch cùng lúc đánh khép lại. Hồi canh năm đêm ấy, bọn Lễ sai quân bắn súng pháo ở nơi yếu hại để đánh lừa giặc. Giặc nghe súng nổ, đều đổ xô đi chiếm lấy chỗ thuận lợi. Chúng lừa quân đi tắt vào. Bấy giờ trời mưa, đường lầy lội, chúng kéo đến Tốt Động, bị phục binh ta bốn bề nổi dậy. Quân ta hợp sức lại, hăng hái chiến đấu, cả phá được quân giặc". (CMCB 13, 28-29).

⁵ Lũng Giang: tức là sông Đáy, còn gọi là sông Đại Lũng.

⁶ Chuông Quy Điền: tương truyền được đúc từ đời nhà Lý, chuông để ở chùa Một Cột. Vạc Phổ Minh: là chiếc vạc lớn ở chùa Phổ Minh gần thành phố Nam Định, tỉnh Nam Hà. Chùa này làm vào năm Thiệu Long năm thứ 5 (1262).

⁷ Lịch chính sóc: chính sóc là ngày mồng một tháng giêng Âm lịch. Ở đây chỉ lịch tính theo tuần trăng của nhà Minh.

⁸ Tây Phù Liệt: thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

⁹ Sông Lô: bây giờ là sông Hồng. Đông Bộ Đầu: nay ở khoảng dốc Hàng Than, phía trên cầu Long Biên, Hà Nội.

Vua dời ra đóng dinh ở Đông Phù Liệt¹.

Khi vua mới tới thành Đông Đô, những hào kiệt ở kinh lộ và nhân dân các phủ huyện cùng các tù trưởng ở biên trấn đều tập nập kéo đến cửa quân, xin hết sức liều chết đánh thành giặc ở các xứ. Vua biểu dương [24a] lòng thành của họ, phủ dụ, úy lạo, báo cho họ biết lẽ bỏ nghịch theo thuận. Từ kẻ sĩ tới dân chúng, hễ ai đến quân doanh, vua đều dùng lời lẽ khiêm tốn, dùng nghi lễ trang trọng để tiếp đãi, rồi tùy theo tài năng hơn hay kém của từng người để bố trí các chức vụ khác nhau. Lấy ban thưởng để khích lệ khiến người người đều hăng hái, dùng hình phạt mà răn đe, nên ai ai cũng giữ gìn. Vì vậy, mọi người đều cảm kích mong được dốc trọn sức mình, quân đi đến đâu là thành công đến đấy.

Vua chia các lộ trấn ở Đông Đô thành bốn đạo². Đặt quan lại văn võ trong ngoài và tuần kiểm ở các cửa biển để khám xét những người qua lại và bắt bọn nguy quan, bọn phản bội, bọn ngang ngạch không chịu cải hóa, bọn ăn ở hai lòng, bọn mang thư chạy về phương Bắc.

Lại dụ những người có tài văn chương mà chưa được nhận chức, nếu ai viết thư dụ được người thành Đông Quan, khiến họ mở cửa thành ra hàng và giảng hòa về nước, [24b] thì sẽ được thăng chức vượt cấp.

Lại ra lệnh tịch thu vợ con, nô tỳ sản nghiệp của bọn nguy quan nộp lên, còn thóc lúa của chúng thì vẫn để ở bản xứ để đợi cung cấp cho quân đội.

Mùa đông, tháng 11, vua tìm được Trần Cảo lập làm vua.

Trước đó, có người tên là Hồ Ông, là con một người ăn xin, trốn theo Cầm Quý, giả xưng con cháu họ Trần.

Bấy giờ người trong nước khổ về chính lệnh hà khắc của giặc, mong có người làm chủ, mà vua thì gặp việc diệt giặc cứu dân, nên sai người đón lập Cảo cho xong việc việc quyền nghi nhất thời, mà cũng muốn mượn cơ để trả lời nhà Minh để họ tin.

Đặt niên hiệu là Thiên Khánh, sai Tả bộc xạ Lê Quốc Hưng dạy cho, nhưng thực ra là để coi giữ. Cảo trước đóng dinh ở núi Không Lộ³, sau dời về Vũ Ninh⁴.

Tháng 12, cấm chặt phá hoa quả, cây cối và cướp bóc của dân.

[25a] Vua thân đốc suất tướng sĩ ngày đêm đánh Đông Đô.

Bọn Vương Thông, Sơn Thọ nhà Minh hể đánh là thua, chán nản lo sợ, mưu kế đã cùng, viện binh không có, tình thế ngày một khốn quẫn, bèn sai người đưa thư xin hòa, mong được toàn quân trở về nước. Vua nói:

"Câu đó đúng hợp ý ta. Và lại, binh pháp không đánh mà khuất phục được quân của người là kế hay hơn cả."

Bèn bằng lòng cho giảng hòa, hẹn ngày kíp gọi quân sĩ ở các thành cùng một lúc về tập hợp ở thành Đông Quan để cho về nước cả. Sai cận thần trao đổi với quân Minh, cho phép họ được đi lại, mua bán không khác gì dân thường.

Bấy giờ, bọn nguy Đô ty Trần Phong⁵, Tham chính Lương Nhữ Hốt¹ Đô chỉ huy Trần An Vinh, đã bán nước làm quan to cho giặc, sợ sau khi giặc rút về, chúng sẽ hết đường sống sót, bèn ngấm ngầm làm kế phản gián, bảo [người Minh] rằng:

¹ Đông Phù Liệt: tên xã, cũng thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

² Bốn đạo: 1-Tây Đạo gồm các trấn Tam Giang, Hưng Hóa, Tuyên Quang và Gia Hưng; 2-Đông Đạo gồm các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam Sách Hạ và trấn An Bang; 3-Bắc Đạo gồm các lộ trấn Bắc Giang, Thái Nguyên; 4-Nam Đạo gồm các lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường.

³ Núi Không Lộ: ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Trên núi có chùa Lạc Lâm, xưa là nơi hóa thân của nhà sư Không Lộ.

⁴ Vũ Ninh: sau là huyện Võ Giàng, nay thuộc đất Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

⁵ Trần Phong: người huyện Chí Linh, nay thuộc tỉnh Hải Hưng, theo giặc Minh làm đến Đô ty.

"Trước kia Ô Mã Nhi bị thua ở sông Bạch Đằng, đem quân về hàng. Hưng Đạo [25b] Đại Vương cho hàng, nhưng dùng mưu lấy thuyền lớn cho đưa họ về nước, rồi cho người giỏi bơi lặn sung làm phu thuyền. Ra đến ngoài biển, lữa lúc ban đêm mọi người ngủ say, bọn phu thuyền lặn xuống nước, dùi đũa đáy thuyền, những người đầu hàng đều bị chết đuối hết, không một ai sống sót trở về được".

Bọn Thông tin lời, đem lòng ngờ vực, lại nảy ý khác, đắp thêm tầng lũy kép hào, thả công để làm kế tạm bợ, ngoài mặt nói hoà hiếu, nhưng ngầm ngầm bày mưu tính kế. Chúng bí mật sai mấy chục bọn mang thư bọc sáp đi lối tắt về xin viện binh. Vua bắt được người mang thư, ghét bọn chúng tráo trở, bèn bí mật phục quân ở bốn phía quanh thành Đông Quan, đón giặc ra vào, bắt được hơn 3 nghìn tên dò thám, hơn 5 trăm con ngựa. Từ đấy, quân Minh đóng chặt cửa thành không ra, sứ qua lại cũng dứt.

Vua sai các tướng chia quân đi đánh các thành: Quốc Hưng đánh hai thành Điều Diêu², và Thị Cầu³; [26a] Lê Khả và Lê Khuyển đánh thành Tam Giang⁴; Lê Sát, Lê Thụ, Lê Lý, Lê Lãnh và Lê Triện đánh thành Xương Giang⁵; Lê Lựu và Lê Bôi đánh thành Khâu Ôn⁶.

Ngày 20, đặt chức an phủ sứ các lộ. Lấy bọn Đào Công Soạn, Nguyễn Dực 24 người làm chức đó. Đặt chức viên ngoại lang của Lục bộ, lấy bọn Nguyễn Công Vĩ 6 người làm chức ấy.

Đinh Mùi, [1247], (Minh Tuyên Đức năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, vua tiến quân sang bờ bắc sông Lô, đối lũy với thành Đông Quan. Bọn Thiệu úy Lê Khả giữ cửa Đông, Tư đồ Lê Lễ giữ cửa Nam, Thái giám Lê Chứng đem hai vệ Thiết đột là bọn Nghi Phúc giữ cửa Tây, Thiệu úy Lê Triện đem quân hai vệ giữ cửa Bắc, vây đánh thành Đông Quan.

Sơn Thọ nhà Minh sai bọn thông sự Nguyễn Nhậm gồm 3 người sang thông tin tức.

Ban chức hoà thủ⁷ cho quân các lộ theo thứ bậc khác nhau.

[26b] SAI Dương Thái Nhất sửa lại đền thờ Hưng Đạo Đại Vương, cấm không được chặt cây cối ở các đền miếu.

Hạ lệnh cho lộ An Bang nộp gỗ cộc và tên tre.

Bổ thuộc lại Hàn lâm viện và bốn đạo gồm 515 người.

Hạ lệnh cho các lộ, trấn chứa lương ở các thành Xương Giang và Tam Giang để cấp cho quân.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu, các quan lộ tìm hỏi những người có tài lược, trí dũng, làm nổi các chức quan trọng như Tư mã, Thượng tướng, mỗi viên tiến cử lấy một người.

Hạ lệnh cho nhân dân dâng thóc cung cấp cho quân sĩ. Ai tiến thóc được thưởng tước tùy theo mức độ khác nhau.

Quân Minh ở Nghệ An và Diễn Châu⁸ ra hàng.

Vũ Cự Luyện người huyện Đường An và Đoàn Lộ người huyện Cổ Phí dâng kế sách đánh thành và các kiểu chiến bằng, xe phần ôn, xe phi mã¹. Sai các tướng theo các kiểu ấy mà làm.

¹ Lương Nhữ Hốt: theo giặc Minh làm đến Tham chính. Bọn Trần Phong, Nhữ Hốt sau được Lê Lợi tha chết, nhưng rồi lại mưu phản, cuối cùng đều bị giết.

² Thành Điều Diêu: ở huyện Gia Lâm, Hà Nội.

³ Thành Thị Cầu: nay thuộc thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc.

⁴ Thành Tam Giang: ở huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

⁵ Thành Xương Giang: nay là thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

⁶ Thành Khâu Ôn: là tỉnh lỵ Lạng Sơn ngày nay.

⁷ Hoà thủ: như chức đội trưởng sau này.

⁸ Tướng Minh giữ thành Nghệ An là Thái Phúc, giữ thành Diễn Châu là Tiết Tự.

Hạ lệnh cho các xứ thờ cúng đền miếu các công thần.

Sai viên bách bộ nhà Minh là Hà Vương đem thư vào thành Đông Quan.

Sai bọn Tuyên Quang Tư mã Lương Thế Vĩnh và [27a] Đề đốc phụ đạo Ma Tông Kế đóng thuyền chiến.

Hạ lệnh cho viên Tổng tri coi việc quân dân Lạng Sơn và An Bang là Nhập nội thiếu bảo Lê Lựu đem quân đi đánh giặc, cho quyền tiền trạm hậu tấu.

Lấy Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ Nguyễn Trãi làm Triều liệt đại phu, Nhập nội hành khiển, Lại bộ thượng thư kiêm hành Khu mật viện sự.

Bấy giờ, vua dựng lầu nhiều tầng ở dinh Bồ Đề trên bờ sông Lô². (Khi ấy, có hai cây bồ đề ở trong dinh, nên gọi là dinh Bồ Đề), cao bằng tháp Báo Thiên, hằng ngày vua ngự trên lầu nhìn vào thành để quan sát mọi hành vi của giặc, cho Trãi ngồi hầu ở tầng hai, nhận lệnh soạn thảo thư từ qua lại.

Ngày 13, bọn Lê Lựu, Lê Bôi ngày đêm đánh gấp thành Khâu Ôn. Quân Minh tự lượng chống đỡ không nổi, đang đêm bỏ thành chạy trốn.

Giết Tư mã [27b] Lê Lai, tịch thu gia sản, vì Lai cậy có chiến công, nói năng khinh mạn.

Chém Thiên hộ Lý Vân và tòng nhân Bùi Vĩnh vì chở trộm mắm muối vào thành Chí Linh³.

Hạ lệnh kiểm kê quân khí, người nào để thiếu thì xử tội theo quân pháp.

Hạ lệnh cho Thái Nguyên và Lạng Sơn nộp vỏ gai.

Hạ lệnh cho Tư mã Cao Ngự tổng chỉ huy trấn Thiên Quan vây thành Cổ Lộng. Cho phép xử tội phải tâu trước rồi sau mới được trị tội.

Hạ lệnh cho huyện tân Phúc mở lò rèn đồ sắt.

Hạ lệnh cho thiếu úy Lê Vân đóng ở cửa Đông thành Đông Quan; Tư không Lê Lễ, Thiếu úy Lê Sát, Lê Lý, Lê Lỗi, Lê Chích đóng ở cửa Nam; Thiếu úy Lê Bị, Thái giám Lê Nguyễn, Chấp lệnh Lê Chứng đem ba vệ Thiết đột đóng ở cửa Tây; thiếu úy Lê Triện, Lê Văn An đem 14 vệ quân đóng ở cửa Bắc. Hạ lệnh cho các lộ Tam Giang, Tam Đái, Tuyên Quyên, Quy Hóa [28a] nộp luồng vầu làm thành dưới nước, dựa vào bờ bắc sông Nhị, cao ngang với thành Đông Quan.

Bọn Chỉ huy Trương Lân và Tri phủ Trần Vân ở thành Điêu Diêu ra hàng.

Chế súng Cỗn dương, ra lệnh cho các tướng theo kiểu đó mà làm.

Hạ lệnh cho người trong nước, ai có cha mẹ, vợ con, anh em, nô tì, thân thích theo giặc ở trong thành cho tự nguyện lên thành⁴, khi phá được thành sẽ cho nhận đem về. Nếu không tự nguyện lên thành mà tranh nhau nhận về đoàn tụ thì phải xử theo quân luật.

Ra lệnh cho phụ đạo các xứ nhận các chức Thủ ngự, Đoàn luyện, tước trung phẩm.

Tháng 2, ngày mồng 7, Phương Chính ngầm đem quân đánh úp Cảo Động⁵, huyện Từ Liêm, Triện có sức đánh lại, bị tử trận, Bí bị giặc bắt sống. (Sau giặc về nước, lấy lễ trả Bí về).

¹ Chiến bằng: là đài cao bằng gỗ dùng để đánh thành. Xe phần ôn: là loại xe để đánh thành, có 4 bánh, căng dây làm khung, che bằng da trâu, dưới có thể nấp được mười người, sắt, lửa, gỗ, đá không thể phá được. Xe phi mã: cũng là loại xe để đánh thành.

² Theo Bắc Ninh tỉnh chí, thì dinh Bồ Đề ở thôn Phú Hựu, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc ninh, nay thuộc xã Phú Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

³ Thành Chí Linh: lúc ấy quân Minh còn đóng giữ.

⁴ Nguyên văn là "tự nguyện dâng thành" (tự nguyện lên thành), chúng tôi ngờ có lầm lẫn từ chữ "dâng tãi" (khai báo) ra chữ "dâng thành" (lên thành).

⁵ Cảo Động: tên xã, tức là Nhật Tảo, hay Xuân Bảo ở phía tây Hồ Tây, Hà Nội.

Ngày 19, quân Minh đánh vào Bài Sa Đô, huyện Từ Liêm. Quân ta cố thủ quyết chiến, binh khí hết sạch, dùng mảnh nồi [28b] chõ, chum vại ném vào giặc. Giặc không tiến vào được, liền phá nhà cửa của dân để đánh hỏa công. Hôm ấy, gió rét lửa nóng, quân ta tránh lửa vượt sang sông, có nhiều người bị chết đuối. Chỉ có những quân lính ở Thiên Quan không biết bơi, ở lại tử chiến với giặc, giặc lại thua chạy.

Người Minh giữ thành Thị Cầu là Đường Bảo Trinh ra hàng.

Sai viên chỉ huy họ Tăng đã đầu hàng, theo Nguyễn Trãi đi chiêu dụ thành Tam Giang.

Sứ Chiêm Thành sang cống. Ban yến, cho ngựa và lụa bảo về. Sai Thiêm tri khu mật Hà Luật cùng đi với họ.

Hạ lệnh thưởng công cho các tướng hiệu bắt đầu từ việc lập công mới: đại thần đến thiếu úy có công lao lớn, được thưởng phù vàng thì được ăn lộc một quận; chức chấp lệnh mà có công thì được ăn lộc một cấp; các đốc tướng, quân nhân có công cũng được ăn lộc một quân hay một ấp theo thứ bậc khác nhau. Người nào không có công, không được thưởng gì đều phải giáng làm dân thường.

Xuống chiếu rằng: [29a] Các lăng miếu của triều trước, nơi nào bị giặc phá hoại thì làm lại, cấp cho số người giữ việc thờ cúng theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 3, vua duyệt binh ở Vĩnh Động¹. Chánh đốc Nguyễn Liên để hàng ngũ trống thiếu, vũ khí không đủ, bị chém để rao trong quân.

Lấy Bùi Ư Đài là Lễ bộ thượng thư kiêm tri Đông đạo quân dân tịch hạ.

Hạ lệnh cho ba quân, người nào có thể liều mình vì nước, tinh thông võ nghệ, khỏe mạnh dũng cảm, không kể sống chết, đều được cấp văn bằng và tuyển vào làm thị vệ ở nội phủ.

Tháng 6, bọn Chỉ huy sứ Lưu Thanh ở thành Tam Giang ra hàng.

Trước đây, quân lính ở thanh Tam Giang theo sự điều động của quan Tổng binh nhà Minh đi đánh vua ở Thanh Hóa, bị thua trở về, có tên ngụy binh buông lời khinh mạn vua. Thanh mắng nó: "Thằng man vô lễ, ông ấy² sẽ là [29b] hoàng đế của chúng mày đấy!. Đến đây thì ra hàng.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói: Vua nổi dậy, nghĩa binh đi đến đâu, quân Minh đều thua chạy, coa phải vì ta nhiều địch ít, ta mạnh địch yếu mà chúng không chống nổi đâu? Là vì đức của vua là hợp với lễ trời, nên trời giúp cho, làm đẹp lòng người nên người theo về, không những là người nước ta vui vẻ thuận phục, mà cả đến bọn phản nghịch cũng tôn kính như vậy, nên chúng không còn chí chiến đấu và đều ra hàng là phải lắm! Thế thì việc dấy quân nhân nghĩa của vua có những chỗ rỡ rỡ hơn so với Thang Vũ, mà qua việc này lại càng nổi bậc. Còn như cái điềm được nước³ thì đâu có thể dùng thuyết sấm vĩ mà xét được?.

Hơn 1 vạn quân Minh đầu hàng trong các thành âm mưu làm phản bị giết. Thành Tam Giang không nằm trong số đó.

Trước đó, [30a] ngày mồng 9, Tư không Lê Lễ, thượng tướng quân Lê Xí đánh nhau với quân Minh ở My Động (nay là Hoàng Mai)⁴. Lễ tử trận.

Hôm ấy, Vương Thông đem quân tinh nhuệ trong thành ra đánh Thái giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Nguyễn giữ vững thành lũy chống lại. Vua vội sai Lê Lễ, Lê Xí đem hơn 500 quân Thiết đột đến đánh, đuổi giặc tới My Động. Vương Thông thấy Lễ ít quân, mới đánh kẹp vào. Lễ và Xí cưỡi voi cố sức đánh, voi sa lầy, bị quân Minh bắt sống đem vào thành Đông Quan. Lễ không chịu khuất phục, bị giết

¹ Sau là huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cũ nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hưng Yên.

² Chỉ Lê Lợi.

³ Xem việc tháng 6, năm Bính Ngọ BK 10, 19b.

⁴ Hoàng Mai: nay thuộc Hà Nội.

chết. Xí về sau nhân đêm mưa gió, dùng mẹo đánh lừa tên canh giữ, chạy thoát về, ra mắt vua ở dinh Bồ Đề. Vua kêu lên: "Sống lại":

Trước kia, mỗi lần Lê ra trận, vua thường răn chớ nên khinh địch. Đến khi thắng trận ở Tốt Động, mọi người đều khen Lê là giỏi. Vua nói: " Trăm trận đánh được cả trăm không phải là điều hay cả đâu. Hẳn cậy quân tinh [30b] quen mũi được luân, thất bại có thể đứng mà chờ đó!".

Đến đây quả nhiên như vậy:

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: Khuất Hà quen mũi thắng trận ở Bồ Tao đến nỗi bị bại vong¹, đó là quân tàn bạo, bị cô lập, đi xâm chiếm nước nhỏ. Lê Lỗ quen thói đánh được ở Tốt Động, cũng vì thế mà bại vong, nhưng là quân kháng kkhái phục thù. Tuy hai người đều thất bại như nhau, nhưng ý nghĩ lại rất khác. Cho nên tướng giỏi thời ấy, thì Lê và Triệu xứng đáng đứng đầu.

Lấy thông hầu Lê Nhân Chú làm Hành quân đốc quản nhập nội đại tư mã, lĩnh Tiên, Hậu, Tả, Hữu tứ vệ, kiêm tri Tân vệ quân sự.

Hạ lệnh cho tướng hiệu và quân nhân các lộ Quốc Oai và Tam Đái rằng:

Kẻ nào thấy thư của giặc dụ dỗ, phỉnh phờ, đe dọa mà lén trình riêng với tướng của mình thì bị chém, các viên đốc tướng không biết giám sát cũng xử tội như vậy. Kẻ nào lừa gạt, mê hoặc các châu huyện thì bắt giải tới quan [31a] môn để chém.

Chia bọn quan lại nhà Minh đã đầu hàng cho ở các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Lam Ấp², Tân Bình.

Hạ lệnh cho các lộ tiến cử những người hiền tài, chính trực, trí dũng anh kiệt, cho gọi tới trả lời các câu hỏi, rồi cất nhắc sử dụng. Ai che dấu thì bị xử tội truất giáng.

Hạ lệnh cho bọn Thiệu úy, Chấp lệnh, TỔNG giám rằng:

Ngày thường quân nhân phạm pháp thì không được tự ý giết chết. Khi ra trận mà kẻ nào trái lệnh thì cho phép chém trước đầu sau.

Ngày 19, thành Thị Cầu ra hàng.

Vua hạ lệnh rằng: Người nào có vợ con, anh em trước bị giặc ở các thành cướp bắt làm thê thiếp hoặc nô tỳ cho chúng, nay ta đã chiêu hàng, các người hãy kéo nhau đến thành Đông Quan. Nếu chém được thủ cấp giặc, thì ta trả lại vợ con anh em cho, lại còn thưởng tước, thăng cấp theo thứ bậc khác nhau.

Cấm những kẻ xưng là đồng cốt, tà đạo, mượn tiếng ma quỷ, thần thánh, gieo rắc hoang mang, bịa đặt mê hoặc lòng người.

Hạ lệnh [31b] cho dân phiêu bạt trở về quê quán cày cấy. Người nào không có điền sản thì cho phép buôn bán. Kẻ nào bỏ nghề nghiệp thì bị xử tội nặng.

Sai Chu Sài là người Minh đầu hàng đem 340 con ngựa đến châu Hóa để chăn nuôi.

Diễn tập thủy trận.

Sai các viên Thiệu úy tuyển chọn con em những nhà giàu có trong dân, vóc người cường tráng to lớn, võ nghệ tinh thông, khỏe mạnh dũng cảm, mỗi viên chọn lấy 200 người, bổ làm quân thị vệ, kẻ nào hèn nhát thì không lấy.

Cấm chớ mắ, muối qua cửa ải Bạch Lâm, vì tên Đào Quý Khách thông đồng với giặc.

¹ Thao Tả truyện, Lỗ Hoàn Công năm thứ 11 và 13, Khuất Hà đánh được quân nước Vân ở Bồ Tao, cho mình là giỏi. Sau đánh nước La, khinh nước La nhỏ bé, không phòng bị, bị nước La đánh cho thua, phải tự tử.

² Lam Ấp: theo cương mục là Lam Sơn (CMCB12, 6b).

Tháng ấy, nhà Minh sai An Viễn hầu Liễu Thăng đem quân sang xâm lược, lấy Binh bộ thượng thư Lý Khánh làm Tham tán quân vụ.

Bấy giờ Trần Hiệp đã bị thua chết, Thành Sơn hầu Vương Thông tâu xin thêm quân. Nhà Minh sai bọn Thăng đem 7 vạn quân sang và ra lệnh cho Khánh cử các thuộc viên có tài lược của lục khanh [32a] cho đi theo để giúp mình, Khánh tâu cả bọn Trần Dung trở xuống, gồm hơn 10 người cùng đi.

Mùa hạ, tháng 4, sai phòng ngự sứ Trần Ban đôn đốc tu sửa ải Lê Hoa¹.

Vua nói: "Ta không có tài dũng, trí tuệ, một mình gánh vác công việc nặng nề, sợ không làm nổi, cho nên phải nhún mình cầu hiền, dốc lòng trọng sĩ, cùng mưu việc lớn, để cứu vớt sinh dân. Ai tiến cử được người mưu trí dũng lược hơn người, hoặc người nào tự tiến cử mình thì đều làm quan cao, tước trọng".

Phong Đình Liệt là em Lê Lễ làm Nhập nội thiếu úy Á hầu. Các vợ lẽ của Lễ là bọn Hà Ngọc Dung 5 người đều phong làm Tông cơ, để đền công Lễ chết vì nước.

Cho Lê Ba Lao làm Quan sát sứ, tước Thượng phẩm, cấp cho 100 mẫu ruộng vì con là Triện nhiều lần đánh bại giặc mạnh, lập chiến công lớn, chết vì việc nước. Cho con Triện là Lăng làm Phòng ngự sứ, tước Thượng trí tự [32b]. Trước Phục hầu và cho 2 con ngựa.

Hạ lệnh rằng người nào bắt được bọn to lớn khỏe mạnh mà chưa vào sổ quân dân, bọn du thủ thực, không chịu sai dịch, đưa đến cửa quân, thì được thưởng trước 1 tư.

Hạ lệnh dụ bảo các tướng hiệu và quân nhân thuộc 14 vệ Thiết đột rằng: "Có thể đồng lòng liều chết đánh tan quân giặc là sức của các người, còn xếp đặt lo toan, áo cơm khen thưởng là do ở ta. Bọn các người chớ ngại khó nhọc, chớ lo nghèo túng. Bao giờ thấy vợ con ta nghèo túng thì vợ con các người mới nghèo túng. Mong các người một lòng đánh giặc, chớ này lo phiến".

Hạ lệnh cho các tướng hiệu và quân nhân các xứ Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa rằng:

"Ta khởi binh ở đất các người, đã gần thành công. Mong các người trước sau một lòng, vàng đá một tiết, để trọn nghĩa vua tôi, cha con. Ta biết các người đều là hiền sĩ của đất nước [33a]. Trước kia, Hưng Khánh, Trùng Quang² chỉ có tiếng hảo, không nên công gì là bởi chính lệnh không thống nhất, đại thần không được biết gì. Bọn các người chỉ uống phí sức lực cho họ thôi. Nay thiên hạ về một mối, ta cùng các người như nghĩa cha con, mong các người dốc lòng khôi phục lãnh thổ nước nhà. Từ xưa các tướng văn tướng võ được phong hầu cũng chỉ như các người thôi, có khác gì đâu. Các người hãy chỉnh đốn đội ngũ của mình, luyện tập quân sĩ của mình, sau khi dẹp yên bọn giặc tàn bạo, sẽ chia một nửa số người về làm ruộng. Nay trời mượn tay ta diệt giặc, việc không dừng được. Kẻ nào theo lệnh ta thì phá được giặc, vẫn sống mà lại có công, kẻ nào không theo lệnh ta thì chết mà chẳng được việc gì! Mỗi đội đều phải chép lại một bản lệnh này, mỗi ngày đọc đi đọc lại nhiều lần cho quân lính được biết".

Hạ lệnh cho các tướng và quân nhân rằng:

Giặc Minh tàn hại dân ta đã hơn hai chục năm. Buổi đầu số quân của ta có mấy trăm³ người. Hiện nay có [33b] 35 vạn. Đợi khi phá được thành Đông Quan, sẽ cho 25 vạn người về nhà làm ruộng, chỉ để lại 10 vạn làm quân để phòng việc nước. Một nhà 3 người thì 1 người làm quân, mọi loại phú dịch đều tha cho 3 năm. Lại nêu 10 điều quân luật cho các tướng hiệu và quân nhân:

1-Làm huyền não trong quân.

2-Gây kinh động hảo, bịa điều họa phúc làm dao động lòng quân.

3-Khi ra trận, nghe tiếng trống, thấy cờ hiệu mà giả cách không nghe, không thấy, dùng dằng không tiến.

¹ ải Lê Hoa: là một địa điểm ở ven sông Lô chảy qua vùng biên giới tỉnh Hà Tuyên và tỉnh Vân Nam Trung Quốc bây giờ.

² Tên hiệu của Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.

³ Nguyên văn: "số bách vạn" chỗ này hẳn có nhầm lẫn. Có lẽ là "mấy trăm người".

- 4-Khi ra trận, trông thấy cờ dừng quân, nghe thanh la dừng quân mà không đứng lại.
 - 5-Nghe tiếng chiêng lui quân mà cưỡng lại không lui.
 - 6-Canh phòng túc trực không siêng, hoặc ngủ say bỏ canh, bỏ hàng ngũ ngầm trốn về.
 - 7-Đảm đuổi nữ sắc, lén lút thả riêng cho người họ nhà vợ không làm quân dịch.
 - 8-Thả quân lính để lấy tiền và che dấu không biên vào sổ quân.
 - 9-Theo thói ưa ghét của riêng mình [34a] mà đảo lộn công tội của người.
 - 10-Bất hoà với mọi người, gian ác, trộm cắp.
- Mười điều trên đây, kẻ nào phạm phải đều bị chém.

Lấy Thiệu bảo Lê Văn An làm Tổng tri, coi các việc quân của Quốc Oai Thượng, Quốc Oai Trung, Tam Đái, Quảng Oai, và lệnh cho rằng: Nếu có viên chấp lệnh hay giám quan nào không theo quyền tiết chế của người thì chém trước đầu sau.

Lấy 3 điều răn bảo các quan văn võ:

- 1- Chớ thờ ơ.
- 2- Chớ lừa dối.
- 3-Chớ tham lam.

Dụ các hào kiệt trong nước rằng:

"Các thành đã phá được rồi, chỉ còn thành Đông Quan chưa hạ được. Ta vì thế mà năm không yên chiếu, ăn không ngon miệng, sớm khuya suy nghĩ, khô héo ruột gan. Thế mà bên cạnh ta, vẫn chưa có được người giúp đỡ. Ta tuy là chủ tướng, nhưng xét lại bản thân mình một là già ốm, [34b] bất tài, hai là học thức nông cạn, ba là trách nhiệm nặng nề khó bề kham nổi, mà các đại thần như tả, hữu tướng quốc, thái phó, thái bảo vẫn chưa đặt, thái úy, đô nguyên soái vẫn còn khuyết, hành khiển và các quan, mười phần mới được một, hai phần. Cho nên, ta nhún mình thành thực khuyên bảo các hào kiệt cùng nhau dốc sức, cứu giúp muôn dân, chớ có mai danh ẩn tích, để thiên hạ phải lầm than mãi mãi. Nếu có ai khí tiết thanh cao như Tứ Hạo¹, lánh đời ẩn tích như Tử Phòng² cũng hãy ra cứu nạn cho dân đã, đợi khi thành công, muốn thoả chí xưa thì lại trở về rừng núi, không hề cấm giữ".

Hạ lệnh rằng: Khi sai phái thuộc hạ dưới quyền, đều phải cấp giấy tờ có đóng dấu phải ký họ tên quan phụ trách và ghi rõ số người đi là bao nhiêu, đến chỗ nào, làm việc gì, hạn định ngày nào phải về dinh, không được đi lại tự do. Quan phụ trách và người dưới quyền nếu không tuân lệnh này [35a] thì tùy tội nặng nhẹ, mà xử giáng cấp, phạt trưng, chặt chân, hay chém đầu. Nếu xét được tình trạng bọn giặc móc nối với nhau thì có trọng thưởng.

Cấm không được trao đổi mắm muối với Chăm Lạn.

Hạ lệnh cho những nơi trọng yếu phải canh giữ cho nghiêm, xét hỏi kỹ những người lạ mặt và thư từ về việc quân qua biên giới xem có thực hay là giả.

Tháng 5, hạ lệnh cho các tướng hiệu lớn nhỏ phải làm tờ khai, cam kết không gian tham nhận của đút lót, không lấy vợ người bản lộ, không chiếm giữ người họ hàng của quân lính để sai khiến riêng.

Hạ lệnh tiếp tục nộp những văn bằng, giấy khám hợp và ấn tín đã nhận trong thời giặc Ngô.

Nguyễn Tử Hoan ở huyện Bồ Chính dâng kế sách hợp ý vua, được trao chức Quân sư.

¹ Tứ Hạo: bốn ông già ở ẩn trên núi Thượng Sơn đầu đời Hán là Đồng Viên công, Ý Quý Ly, Hạ Hoàng công và Dụng Lý tiên sinh.

² Tử Phòng: tức là Trương Lương, vốn là thần tử của nước Hàn, để trả thù cho vua Hàn bị Hạng Vũ giết, đã theo giúp Lưu Bang. Khi Lưu Bang đã thống nhất được Trung Quốc, Trương Lương bỏ đi ở ẩn.

Hạ lệnh rằng, các tăng đạo phụ lão người nào đón tiếp quan quân nhiều lần thì quan ở lộ điều tra xem, nếu quả có đức hạnh, tuổi già thì cấp cho quan tước.

Hạ lệnh cho các thiếu úy, chấp lệnh, lộ quan bắt ngay những quân dân, vợ con, [35b] nô tỳ, tài vật, trâu bò của các thổ quan ngụ ở trong thành đem giải nộp cho hết, điều tra những kẻ có lòng khác, thu nhập văn bằng ẩn tin của ngục quan, theo đúng hạn nộp lên.

Tuyển chọn đình tráng tiếp tục bổ sung quân ngũ, không được thay đổi người khác.

Bọn Vi Báo 12 người ở các châu Lăng, Thông thuộc phủ Tư Minh của nhà Minh sang đầu hàng.

Thường công đánh trận ở Cơ Xá huyện Từ Liêm.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu rằng:

Khi nào nghe thấy 1 tiếng súng lớn mà không có chiêng thì các tướng phải đến ngay để nghe lệnh. Nếu thấy 2 hoặc 3 phát súng lớn và 2 hoặc hoặc 3 tiếng chiêng, như vậy là có báo động khẩn cấp, các chấp lệnh và đốc tướng phải chỉnh đốn ngay đội ngũ, còn thiếu úy thì tới ngay quân doanh nghe lệnh.

Hạ lệnh cho các xứ Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân, Tân Hưng nhận nuôi hơn 6 nghìn đàn ông, đàn bà ở các thành giặc đã đầu hàng, không để họ đói rét lang thang.

Bọn phụ đạo Mường Mộc¹, trấn Gia Hưng là Xa Khả Tham quy [36a] thuận.

Trao cho Khả Tham chức Nhập nô tư không đồng bình chương sự tri Đà Giang trấn thượng ban; ban cho túi kim ngư², tước Trụ quốc Quan Phục hầu.

Cho Xa Lộc làm Kim ngô vệ thượng tướng quân, tước Đại Trí tự; Xa Khát, Xa Bàn, Xa Điểm³ đều được làm Ngọc kiểm vệ đại tướng quân, tước Ninh tự, đều được ban quốc tinh⁴.

Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, trấn thủ Quảng Tây Chinh man tướng quân Trấn Viễn hầu Cố Hưng Tổ của Nhà Minh đem 5 vạn quân, 5 nghìn cỗ ngựa, từ Quảng Tây sang cứu viện các thành. Để cửa ải Pha Lũy⁵ bị tướng giữ ải Lê Lựu, Lê Bôi đón đánh ngay tại cửa ải, phá tan quân giặc, chém hơn 3.000 thủ cấp, bắt được 500 ngựa. Hưng Tổ thua to chạy về.

Phụ đạo Quỳnh Châu Cẩm Lạn quy thuận.

Gia phong thị trung Tư Tê làm Tư đồ; Đại tư mã Lê Nhân Chú làm Tư không; Thiếu úy Lê [36b] Vãn, Lê Sát làm Tư mã; Thượng tướng Lê Bôi làm Thiếu úy và răn họ rằng:

"Chức tước đã cao, sớm khuya chớ có lơ là, không được thỏa mãn mà xao nhãng lập công".

Ban cho mỗi người một chiếc lọng.

Định lệ tiền chuộc các vợ cả, vợ lẽ và nô tỳ của ngục quan. Vợ BỐ chính ty thì 70 quan, dưới đến các hạng sinh viên, thổ quan, thừa sai, bạn đương, thì vợ là 10 quan, con trai, con gái và nô tỳ từ 10 tuổi trở xuống thì 5 quan.

Hạ lệnh cho các lộ tích trữ thóc công, không được khinh suất phát ra.

Đắp thành nhỏ ở bãi Cơ Xá, quân Minh đến đánh phá, vua ra lệnh không cho cứu, để giặc tưởng là quân ta nhất.

¹ Nay là Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

² Túi kim ngư: túi cờ hình con cá bằng vàng.

³ Xa Lộc, Xa Khát, Xa Bàn và Xa Điểm; đều là con Xa Tham (Theo CMCB 14, 15b).

⁴ Quốc tinh: là họ vua, ở đây là họ Lê.

⁵ ải Pha Lũy: tức là cửa Nam Quan sau này, ngày nay là Hữu Nghị Quan.

Mùa thu, tháng 7, hạ lệnh cho các lộ cùng quan văn các hỏa và tướng hiệu các quân làm sổ hộ tịch.

(Bấy giờ vẫn theo danh hiệu cũ của nhà Trần gọi Hành khiển của Thượng thư sảnh và Môn hạ sảnh là Tả hữu hòa).

Người Chiêm Thành dâng lễ vật địa phương.

Hạ lệnh cho các vệ thủy quân, mỗi chiếc thuyền chiến dùng 50 người, giữa [37a] trại 5 người, vận lương 5 người, sai phái 5 người.

Hạ lệnh cho ba lộ Bắc Giang, mỗi lộ chuyển 3.000 gánh lương chúa tại thành Xương Giang.

Hạ lệnh rằng hễ thấy người áo đỏ Mường Mộc chở mắm muối về thì không được ngăn cấm.

Hạ lệnh rằng: các quân khi ra trận, nếu 50 người hoặc 100 người kéo nhau rút chạy mà bỏ lại 1, 2 người không cứu thì bị chém cả toán. Nếu không may có người chết tại trận mà cùng nhau góp sức khiêng xác ra ngoài thì được tha tội.

Ra lệnh cho các tướng rằng:

"Người cầm quân phải chăm đánh dẹp, người coi chuyên chở phải chăm tải lương. Vào núi xẻ ván, nấu cát làm muối, ngăn giữ trên bộ, dưới sông, chặn bắt những kẻ gian phi, ai nấy đều phải quên mình hết sức, cùng nhau lo việc diệt giặc. Ta là cha mẹ dân, có đâu lại không nghĩ tới nỗi gian lao mà dám gây ra việc đau khổ? Đó chỉ là do bắc đẩu [37b] dĩ mà thôi".

Xét thưởng chiến công trong trận Thổ Khối¹ thành Đông Quan. Ban thưởng ngân bài và tiền bạc, tơ lụa.

Tư không Lê Khả Tham dâng 3 con voi, cùng vòng vàng, vòng bạc chiêng đồng.

Ai Lao dâng sản vật địa phương.

Tháng 8, ban dụ cho cả nước rằng:

"Giặc còn ở trong nước ta, dân chúng vẫn chưa được yên, liệu các người có yên được không? Trước kia, họ Hồ vô đạo, giặc thừa dịp ấy mà cướp nước ta. Tội ác tàn bạo của chúng, các người cũng đã thấy cả rồi. Và lại, ra sức khó nhọc trong một năm mà có cơ nghiệp thái bình muôn thuở, các người hãy nghĩ cho kỹ điều đó, chớ để phải hối hận về sau".

Hạ lệnh cho các lộ rằng:

Hễ thấy dân quân chở lương đi bán thì cấp giấy và chỉ bảo cho nơi đến bán, không được đi lung tung.

Lấy Viên ngoại lang Lê Khắc Hải và Bùi Tất Ứng làm chánh, phó sứ mang ngựa và [38a] đồ uống rượu bằng pha lê màu xanh trắng ban cho chúa Chiêm Thành.

Ra lệnh chế tạo xe đánh thành và tu sửa chiến khí.

Thưởng cho Lê Khả Tham 20 tấm lụa, 10 con ngựa.

Hạ lệnh cho nhân dân các lộ tới dinh Bồ Đề tuyển chọn người khỏe mạnh bổ sung quân ngũ.

Ban dụ cho các tướng hiệu và quân nhân ở Tân Bình, Thuận Hóa rằng:

"Trước kia, nước Chiêm Thành trái mệnh, xâm lấn bờ cõi của ta, cha ông các người đã dốc chí trung thành lo báo đền nhà nước, đánh giết bọn giặc lấy lại cõi bờ, tiếng thơm, công lớn còn sáng ngời trong sử sách. Ngày nay, giặc Minh vô đạo, trái mệnh trời, hung hăng hiếu chiến², hòng mở rộng mãi đất đai, khiến cho sinh dân lầm than đã hơn hai chục năm rồi. Ngày ở kinh lộ của ta cũng chưa thấy có ai

¹ Thổ Khối: tên xã, ở tả ngạn sông Hồng, gần xã Bát Tràng, nay thuộc huyện Gia Lâm Hà Nội.

² Nguyên văn: "Cùng binh độc vũ".

dốc lòng hết sức, lập công nêu danh mà bọn các người là bề tôi ở chốn phen dậu biên cương lại biết nghĩ tới công sức của ông cha ngày trước, hết lòng với vua mà đánh giặc, lập công trước. [38b] Lòng trung thành đó, thực đáng ngợi khen. Vậy đặc biệt thăng cho các người tước Á đại liêu ban, các người hãy cố gắng".

Tháng 9, ngày mồng 8, bọn Thái úy Trần Hãn, Tư mã Lê Sát, thiếu úy Lê Triện¹, Lê Lý đánh lấy được thành Xương Giang.

Khi ấy, viên chỉ huy nhà Minh là Kim Dân cho là thành này nằm ngay trên đường về của quân Minh, nên cùng với tên quan mới bổ đến là Lý Nhậm liêu chết cố thủ. Trải qua hơn 6 tháng trời cầm cự với các quân Khoái Châu, Lạng Giang, chúng vừa đánh vừa giữ, khiến quan quân không thể lên được thành. Vua sai bọn Hãn đắp đất, mở đường đánh nhau với giặc, dùng câu liêm, giáo dài, nỏ cứng, tên lửa, súng lửa, bốn mặt đánh vào, thành cuối cùng bị hạ. Bọn Dân, Nhậm đều tự sát. Đem ngọc lụa và con gái bắt được của giặc ban hết cho quân sĩ. Tổng binh Vương Thông được tin, làm hai bài văn tế. Được hơn 10 ngày thì viện binh giặc tới nơi, nhưng thành đã bị hạ.

Vua sai các tướng đắp đê Vạn Xuân² để làm [39a] chiến lũy. Trước đây, quân Minh đào mương nhỏ cạnh sông Cái³ ngoài thành để chứa thuyền chiến và khí giới, lại đắp thêm thành phụ để cố thủ, mà đê Vạn Xuân là lối đi lại cho quân do thám và người chẵn ngựa, cắt cỏ của giặc, ở trên đê cao này mà nhòm xuống thì rất tiện. Giặc cho thế là đất sách. Khi quan quân tiến đánh, quân Minh thường đặt mai phục để tranh hơn. Vua hạ lệnh cho các tướng vượt sông, lừa lúc giặc không ngờ, cướp lấy đê đắp thành chiến lũy, chỉ một đêm là xong, toàn bộ quăng đê về ta. Đến khi nghe viện binh của giặc tới, các tướng sĩ nhiều người dâng thư khuyên vua đánh các thành ở Đông Đô để cắt đứt nội ứng của giặc. Vua nói:

"Đánh thành là hạ sách. Ta đánh thành bền vững hàng năm hàng tháng không hạ được, khi ấy quân ta sức mỏi chí nhụt, nếu viện binh của giặc lại đến thì trước mặt, sau lưng đều bị tấn công, đó là con đường nguy hiểm. Chi bằng nuôi sức quân, mài giữa tinh thần sắc bén, để đợi viện binh của giặc. Viện binh giặc bị phá thì thành giặc nhất định phải hàng. Như thế là nhất cử lưỡng tiện, là mưu chước vẹn toàn".

Bèn hạ lệnh [39b] canh giữ nghiêm ngặt, ngày đêm tuần tra khám xét.

Hạ lệnh cho các xứ Lạng Giang - Bắc Giang - Tam Đái, Tuyên Quang, Quy Hóa dời vợ con của quân dân đi xa để tránh viện binh của giặc tới.

Ngày 18, nhà Minh sai Tổng binh Chinh lỗ tướng quân Thái tử thái phó An Viễn hầu Liễu Thăng, Tham tướng Bảo Định bá Lương Minh, Đô đốc Thôi Tự, Binh bộ thượng thư Lý Khánh, Công bộ thượng thư Hoàng Phúc, thổ quan Hữu bố chính sứ Nguyễn Đức Huân đem hơn 10 vạn quân và 2 vạn ngựa đánh vào cửa Pha Lũy.

Chinh Nam tướng quân thái phó Kiềm quốc công Mộc Thạnh, Tham tướng Hưng An bá Từ Hanh, Tân Ninh bá Đàm Trung đem 5 vạn quân và 1 vạn ngựa đánh vào cửa Lê Hoa. Cả hai đều đã tới đầu địa giới nước ta.

Vua họp các tướng bàn rằng:

"Giặc vốn khinh ta, cho là người nước ta nhút nhát, sợ oai giặc đã lâu, nay nghe tin đại quân sang, hẳn là ta rất hoảng [40a] sợ. Huống chi lấy mạnh nạt yếu, lấy nhiều lần ít đó là lẽ thường. Giặc không thể tính được hình thế được thua của người của mình, không thể hiểu được cơ vi qua lại của thời của vận. Và lại, quân đi cứu nguy cấp phải lấy mau chóng làm quý, giặc nhất định phải hành quân gấp vội. Binh pháp có nói: Hành quân 500 dặm mà chỉ vội hám lợi thì sẽ què thượng tướng. Nay Liễu Thăng đến, đường sá xa xôi, quân lính tất mỏi mệt. Ta đem quân nhàn khỏe, đợi đánh quân mỏi mệt, nhất định sẽ thắng".

¹ Lê Triện đã hy sinh trong trận Cào Động, huyện Từ Liêm, ngày 7 tháng 2 năm ấy, ở đây hẳn có sự lầm lẫn.

² Đê Vạn Xuân: tức đê Thanh Trì ngày nay.

³ Nguyên văn: "Đại giang", tức sông Nhị.

Bèn sai bọn Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Lãn, Lê Liệt, Lê Thụ đem 1 vạn quân tinh nhuệ, 5 thớt voi, bí mật mai phục trước ở ải Chi Lăng¹ để đợi giặc.

Trước đó, Lê Lưu giữ cửa Pha Lũy, thấy giặc đến, lui giữ cửa ải [Lưu]². Giặc tiến đánh, Lưu lại bỏ cửa [Ái] Lưu lui về đóng ở Chi Lăng. Giặc lại tiến quân đánh phá uy hiếp Chi Lăng. Bọn Sát và Nhân Chú mật sai Lưu ra [40b] đánh rồi giả cách thua chạy. Giặc quả nhiên rất mừng.

Ngày 20, Liễu Thăng đốc suất đại quân đuổi theo. Đến chỗ có mai phục, bọn Sát và Nhân Chú tung hết quân mai phục, bốn mặt đều nổi dậy xung vào đánh giặc. Quân giặc thua to. Chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên³ và hơn 1 vạn thủ cấp quân giặc.

Ngày 25, vua lại sai Lê Lý và Lê Văn An đem 3 vạn quân tiếp đến ải núi Mã Yên. Bọn Sát và Nhân Chú chỉ huy các quân tung hết binh sĩ ra đánh giặc, chém Bảo Định bá Lương Minh tại trận⁴.

Ngày 28, Lý Khánh cũng chết. Thôi Tụ và Hoàng Phúc dẫn quân miễn cưỡng tiến lên. Nhân Chú lại đánh bại bọn chúng, chém được hơn 2 vạn thủ cấp, bắt được lừa ngựa, trâu bò, quân tư khí giới nhiều không kể xiết⁵.

Mùa đông, tháng 10, vua sai Lê Lý và Lê Văn An đem 3 vạn quân bao vây bốn mặt, lại dựng rào lũy ở [41a] tả ngạn sông Xương Giang⁶ để ngăn chặn. Bọn Tụ không còn mưu kế gì khác, đành phải đắp lũy giữa cánh đồng để tự vệ⁷.

Tụ ngỡ là thành Xương Giang chưa bị phá, dẫn quân định đến đó. Khi tới nơi thì thành Xương Giang đã bị mất, chúng hết cả hy vọng, lại càng kinh hoàng sợ hãi. Gặp lúc trời báo tai biến, mưa to gió lớn, núi rừng gầm thét, người ngựa nhìn nhau không nhích lên được bước nào. Giặc chỉ còn cách đợi đến đêm vắng, bắn súng làm tín hiệu báo cho hai thành Đông Quan và Chí Linh để họ nghe thấy tiếng súng thì ra cứu viện. Nhưng Đông Quan và các thành khác tự cứu còn chưa xong, biết đâu đến chỗ khác!

Vua bèn sai các quân thủy, bộ cùng tiến quân bao vây chúng. Lại chia quân chặn hết các ải Mã Yên, Chi Lăng, Pha Lũy, Bàn Quan⁸. Thôi Tụ và Hoàng Phúc muốn tiến cũng không được, muốn lui cũng không xong, bèn giả hòa, nhưng âm mưu định chạy vào thành Chí Linh. Vua biết được quỷ kế của chúng, kiên quyết khước từ không cho hòa. Kể đó, Trần Hãn chặn đứng [41b] đường vận chuyển lương thực của giặc, sai bọn Lê Văn, Lê Khôi, đem 3 nghìn quân Thiết đột, 4 thớt voi, cùng với bọn Sát, Lý, Nhân Chú, Văn An tấn công bọn giặc.

Ngày 15, quân Minh đại bại, ta chém hơn 5 vạn thủ cấp giặc, bắt sống bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc và hơn 3 vạn tên, thu được vũ khí, ngựa chiến, vàng bạc, vải lụa nhiều không kể xiết⁹. Còn những kẻ chạy trốn thì trong khoảng không đến 5 ngày đều bị bọn chặn trâu kiếm củi bắt gấn hết, không sót tên nào.

¹ Chi Lăng: là ải hiểm trở nhất trên con đường từ Pha Lũy đến Đông Quan, cách Pha Lũy khoảng 60 km, thuộc xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

² ải Lưu: (nguyên văn thiếu chữ Lưu) cũng là cửa ải trên đường từ Khâu Ôn đến Chi Lăng, nằm ở khoảng Lạng Nặc, hoặc trên đó không xa lắm, vùng giáp giới hai xã Nhân Lý và Sao Mai, huyện Chi Lăng ngày nay.

³ Mã Yên: tên nôm là núi Yên ngựa, một hòn núi đá cao khoảng 40m so với mặt đất, chu vi 300m, nằm ở phía nam cánh đồng lầy lội, muốn qua phải bắc cầu mới đi được.

⁴ Đây là trận phục kích lớn xảy ra ở Cồn Trạm, nay là vùng Kép và một số xóm phía tây nam xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

⁵ Trận ngày 28 tháng 9 (tức ngày 18 tháng 10) xảy ra ở Phố cát là vùng đôi đất giữa Cồn Trạm và Xương Giang, khoảng xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, Hà Bắc ngày nay. Trận này, Lý Khánh phải thắt cổ tự tử.

⁶ Đoạn sông Thương chảy qua vùng Xương Giang. Khi ấy, quân thủy bộ ta lợi dụng đoạn sông Thương này để bố trí bao vây địch ở mặt tây.

⁷ Khu vực đóng quân của địch ở phía bắc thành Xương Giang, đó là một vùng đồng ruộng và xóm làng rộng lớn gồm xã Tân Đình (thuộc huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc ngày nay) và xung quanh, cách Xương Giang 3 km.

⁸ ải Bàn Quan: hay Nội Bàn, ở vùng Chũ, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

⁹ Trận này chỉ có một tên chủ sự Phan Hậu trốn thoát về nước (Theo Hoàng Minh thực lục).